

SỐ 1720

# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

(NÓI VỀ NGHĨA SÂU KÍN CỦA KINH)

Cát Tạng đời Hồ soạn

## QUYỂN 1

Huyền nghĩa nghĩa sâu kín có sáu lớp:

- 1) Phương pháp mở rộng ý kinh.
- 2) Đại ý.
- 3) Giải thích danh từ.
- 4) Lập tông.
- 5) Giải thích nghi ngờ.
- 6) Giải thích nghĩa theo văn.

### I. Nói về phương pháp mở rộng ý kinh: có bảy ý

Đầu tiên giải thích nghĩa Pháp sư: Luận chép: phẩm Pháp sư nói sau khi ta diệt độ người muốn nói kinh này phải an trụ ba việc: là vào nhà Như lai, mặc y Như lai, ngồi tòa Như lai. Nhà Như Lai là tâm từ bi, y Như lai là tâm nhu hoà nhẫn nhục, tòa Như lai là các pháp Không. Từ bi là nhà Như lai dụ cho công năng che chở, nhu hòa là y Như lai dụ cho công dụng ngăn che dụ, lý Không có thể dùng an tâm gọi là tòa, nhưng ba môn này là theo thứ lớp, đại bi là nhỏ gốc khổ, đại từ là ban vui. Bởi vì bản ý là mở rộng đạo giác ngộ, muốn nói pháp mầu nhiệm thì trước phải kiến lập tâm mình, vì vậy cho nên thứ nhất là nói vào nhà Như lai. Đã đối với đời ác muốn mở rộng đạo tốt đẹp thì phải chịu đựng nhiều trở ngại, cho nên thứ hai là nói mặc y Như lai. Tuy bên ngoài có từ bi che chở bên trong nhu hoà nhẫn nhục an mà nếu không có quán Không rỗng không, nói hai hạnh không thành, do đâu mà chúng sinh ngộ được,

vì vậy cho nên thứ ba là nói ngồi tòa Như lai. Trong đủ hạnh này ngoài siêng năng nói pháp thì đạo pháp hưng thịnh, lợi ích cho mọi người, cho nên khiến an trụ vào ba việc để mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là tóm lược ba môn này thành hai nghĩa: Từ nhĩn là phước đức, quán Không là trí tuệ, phước tuệ bao gồm tu tập, mở rộng được đạo lớn gọi là Phước tuệ Pháp sư. Do đó kinh dạy đủ hai thứ trang nghiêm có khả năng hỏi đáp. Nói Pháp sư đầy đủ hỏi đáp là người mở rộng đạo thì phải giảng kinh nói luận, trong kinh luận có hỏi đáp, khéo trình bày việc khó làm của Bồ-tát là năng hỏi đáp, khéo nói lên sự thông suốt về Như lai là năng đáp, khéo trình bày sự vận hỏi của người ngoài là năng hỏi, khéo nói lên sự thông suốt về luận chủ là năng đáp, phú đẹp chín mười sáu thứ ngoại đạo là năng hỏi, khéo nói lên chánh pháp của Chư Phật Như lai là năng đáp. Lại phá bỏ Ba thừa dị chấp của Ba thừa là năng hỏi, khéo nói lên pháp Nhất thừa đồng qui là năng đáp. Năng hỏi, năng đáp Phật giáo được truyền bá gọi là Đại Pháp sư. Lại Từ nhĩn là hạnh, trí tuệ Không là giải, đầy đủ giải hạnh nói pháp lợi người gọi là Giải hạnh Pháp sư. Tự có hạnh mà không có giải, có giải mà không có hạnh, không giải không hạnh, có giải có hạnh, ba câu là đệ tử một câu sau mới là Pháp sư. Lại kinh cho là Bồ-tát, dứt cả già bệnh chết, như thắng được kẻ thù mới có thể gọi là dũng, đầy đủ Từ nhĩn mới có thể lợi tha, tâm tu quán Không gọi là tự hành, đều dụng đức cứu giúp gọi là hùng dũng Pháp sư. Lại do Từ nhĩn nên không chấp Niết-bàn, do quán Không nên không đắm sinh tử, do không bị ô nhiễm nên gọi là vô trước Pháp sư. Lại do Từ nhĩn nên siêu vượt địa vị Nhị thừa, nhờ quán Không nên siêu vượt cảnh phàm phu, chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh Hiền Thánh gọi là Đạo hạnh Pháp sư.

Lại kinh dạy: Bồ-tát trụ trong hai đế vì chúng sinh nên nói pháp, vì người chấp có nên nói không, vì người chấp không nên nói có, do từ bi nên an trụ trong thế đế, đầy đủ quán Không nên an trụ trong bậc nhất nghĩa đế, nương hai đế nói pháp nên nói bất hư nghĩa là Thành đế Pháp sư. Lại như luận chép: Hiểu rõ bốn Tất-đàn, khéo biết ý Phật, không trái với mười hai bộ kinh, tán muôn pháp tạng, do từ nhĩn nên nương ba Tất-đàn, đầy đủ quán Không nên biết bậc nhất nghĩa, nhập vào Phật pháp, không chấp trước không trái nhau gọi là Vô tránh Pháp sư. Lại tức văn kinh này lại thấy Phật tử định tuệ đầy đủ, dùng vô lượng dụ giảng pháp cho đại chúng nghe, do từ nhĩn nên gọi là Thiên định, đầy đủ quán Không nên gọi là Trí tuệ. Định tuệ tròn đầy gọi là Cụ túc Pháp sư. Lại như kinh nói an trụ hai pháp thì ma không thể phá hoại, biết các pháp

không cho đến không bỏ chúng sinh gọi là Nan hoại Pháp sư. Lại như luận chép: do quán Không nên gọi là Bồ-tát, đủ đại bi nên gọi là Đại, nghĩa là Đại Pháp Bồ-tát sư. Do có các lợi ích như thế nên an trụ trong ba hạnh mà mở rộng ý kinh Pháp Hoa.

Kế là hai môn này viên thành một ý chỉ, tuy thực hành Từ nhẫn mà thường rất ráo Không, tuy rất ráo Không mà thường thực hành Từ nhẫn, Từ nhẫn chẳng chướng ngại tốt ráo Không, rất ráo Không chẳng chướng ngại Từ nhẫn. Từ nhẫn chính là rất ráo không, rất ráo không chính là từ nhẫn Cho nên, Địa kinh chép: Tu hành cả Bi và Tuệ chính là việc đó, quán này thành tựu, không và hữu vô ngại, Không và hữu vô ngại, gọi là vô ngại quán. Đắc vô ngại quán có vô ngại thông và vô ngại biện, do quán vô ngại nên tâm vô ngại, đắc vô ngại thông nên thân vô ngại, đắc vô ngại biện nên khẩu vô ngại. Do ba nghiệp vô ngại nên được sáu căn thanh tịnh, đầy đủ sáu ngàn công đức, gọi là Căn tịnh Pháp sư. Nếu chỉ tu mười điều thiện thì làm sao có dụng này cho được, cho nên dùng ba việc tu tâm, sáu căn vô ngại.

Kế đến diệt một câu để trở về vô câu, Từ nhẫn là không hữu, quán Không là hữu không, không hữu cho nên bất hữu, hữu không cho nên bất không, chẳng không chẳng có gọi là Trung đạo, do đó luận nói xa lìa hai bên gọi là Trung đạo là Trung đạo Pháp sư. Lại trước nói hai câu là hai đế quán, sau nói vô câu gọi là Trung đạo quán. Tuy hai đế mà thường Trung đạo, tuy Trung đạo mà thường hai đế. hai đế chẳng ngại Trung đạo, Trung đạo chẳng ngại hai đế, vì vậy cho nên luận chép pháp do nhân duyên sinh ta nói là Không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là Trung đạo, chính là việc ấy. Ba quán này gọi là chư Tam-muội vương, bên trong đủ ba quán, bên ngoài nói pháp gọi là nói pháp trung vương, nghĩa là Chư vương Pháp sư. Lại hai đế là nhị, Trung đạo là không hai. Kinh nói không chấp pháp không hai vì không có nhất nhị: Gom lại như vậy thì không giữ lại mảy may, giã ra thì đầy khắp pháp giới, tuy bung ra mà chẳng có, tuy gom lại mà chẳng không, trông lên ở trước thì quên ở sau, ngưỡng vọng càng cao buộc càng thêm chặt, hoặc huyền hoặc hóa như hốt như hoảng, muốn thấy ý này thì nên tìm trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm chép: Vô lượng kiếp là một niệm, một niệm là vô lượng kiếp, không đến không chứa nhóm mà hiện sự việc trong các kiếp, tất cả lập bày đều là loại này: gọi là Vô ngại Pháp sư.

Hỏi: vì sao chỉ nêu ba ví dụ để khuyên mở rộng ý kinh?

Đáp: Người nói pháp phải có ba việc:

1. Vào giảng đường.

2. Mặc pháp phục.

3. Lên tòa cao.

Ngoại hình đã vậy nội tâm cũng vậy. Nếu không có từ bi thì không vào giảng đường, không tu nhu hoà nhẫn nhục, thì không mặc pháp phục, tâm nếu chấp có thì không lên tòa cao, nếu thiếu ba đức này thì làm sao mở rộng ý kinh được.

Hỏi: Vì sao ba việc này đều gọi là Như lai?

Đáp: vì vào nhà chỉ có che chở được mình, còn nhà Phật thì muốn che chở khắp người khác, thế nên từ bi gọi là nhà Như lai. Đã muốn hóa độ khắp chúng sinh thì phải chịu đựng tất cả sự ô nhục, dùng đây trang nghiêm mình thì không có điều xấu nào không được che lấp, vì vậy hoà nhẫn gọi là y Như lai. Lý Không thông suốt thì dẫn dắt các cõi, ngồi đây mà mở rộng thì chẳng duyên nào không trùm khắp, cho nên dùng giải Không này làm tòa Như lai.

Kế là y cứ phẩm An lạc hạnh nói về phương pháp mở rộng ý kinh. Kinh dạy: Đại Bồ-tát an trụ bốn pháp, thì có khả năng nói kinh Pháp Hoa cho người đời sau nghe, bốn hạnh khác nhau sau sẽ nói rộng:

1. Hành trí tuệ.
2. Hạnh ly kiêu mạn.
3. Hạnh vô ganh ghét.
4. Hạnh từ bi.

An trụ bốn hạnh này thì thân tâm vui sướng nên gọi là hạnh an vui. Hạnh trí tuệ: là đầy đủ hai tuệ, quán tất cả pháp không như thật tướng, cũng không hành, không phân biệt gọi là tuệ thật. Mà biết các pháp từ nhân duyên sinh gọi là Phương Tiện tuệ. Hai Tuệ này là sự diệu ngộ của Bồ-tát là phương pháp rõ ràng làm lợi ích cho trời, người. Muốn tự thực hành, hóa tha thì phải chánh giải cho nên trước nói hai tuệ, tuy có trí tuệ sợ ỷ lại vào kiến giải, lẩn hiếp chúng sinh, khen mình chê người nên phải xa lìa. Vì vậy, thứ hai là nói hành không kiêu mạn. Tuy không đề cao mình lẩn hiếp người mà còn sợ ganh ghét người hơn mình đó chính là họa lớn của sự mở rộng ý kinh làm tổn thương bản hoài của Đại sĩ, vì vậy nên thứ ba là nói về hạnh lìa ganh ghét. Ban đầu có đủ hai tuệ là nói về giải, kế là không có hai lỗi là hạnh đề cao, hạnh giải trong thành tựu nên từ bi gia bị bên ngoài. Vì vậy thứ tư là nói về hạnh từ bi. Đủ bốn hạnh này thì đức đều lập vững, sự hóa độ đều hưng thịnh, muốn mở mang đại đạo thì phải tu tập đầy đủ.

Hỏi: Trước nói ba đức sau nói bốn hạnh, đời mạt pháp chúng sinh độn căn làm sao có thể tu tập?

Đáp: Từ lúc mới phát tâm thì phải học dần dần, nếu trái hạnh này thì chẳng phải Pháp sư.

Kế là nói nghĩa lỗi lầm: Hỏi: nói pháp có sở đắc thì có lỗi gì?

Đáp: Kinh này nói pháp ấy không thể chỉ bày tướng ngôn từ vắng lặng, nếu có pháp để nói thì chính là nói phi pháp chẳng phải nói pháp, cũng là pháp không thể nghe, nếu có điều được nghe chính là nghe phi pháp chẳng phải nghe pháp.

Hỏi: Pháp không thể nói vì sao khuyên nói pháp Pháp Hoa?

Đáp: Pháp không thể nói mà nói đối với pháp không thể nói chính là vì không có danh tướng, trong đó mượn danh tướng mà nói, muốn nhân mượn nói để ngộ pháp không thể nói ! Cho nên kinh Tịnh danh nói: “Người nói pháp kia không nói, không chỉ bày, người nghe pháp kia không nghe, không đắc, phải kiến lập tâm này trước rồi sau mới nói pháp.”

Luận Chánh Quán nói: “Lìa Không muốn hỏi, thì hỏi không thành hỏi, lìa Không muốn đáp, thì đáp không thành đáp, có điều gì hỏi đáp thì phải nương Không, hướng chỉ cầu lìa tướng khổ vắng lặng: Luận nói nương Không tức là kinh này, là Pháp không thể chỉ bày, đây là kinh luận nói về phép tắc có thể nương. Lại trong kinh Phật tạng nói rộng về lỗi kia, nay lược nêu một văn dùng làm gương soi. Kia nói: Nếu dùng đao luân hại chúng sinh cõi Diêm phù đề lỗi ấy còn nhỏ, nếu tự cho mình có sở đắc nói kinh Đại thừa thì tội ấy rất lớn.

Hỏi: Người có sở đắc nói pháp gì mà có tội này?

Đáp: giết người ở cõi Diêm-phù-đề có hai nghĩa: là chỉ giết nhục thân. Và sự hại còn ít. Nếu có sở đắc mà nói pháp: Thì hại pháp thân Chư Phật. Và hủy khắp chánh giáo. Vì vậy mà nhục thân sinh tử dùng ái trước làm gốc. Pháp thân Chư Phật từ vô trụ mà sinh nên sát sinh tội nhẹ, tự cho mình có sở đắc là tội nặng.

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói là lời một phương diện đâu được dùng khắp?

Đáp: Chẳng phải ý một kinh mà các giáo đều như vậy. Như kinh Niết-bàn nói: người có sở đắc là quyến thuộc của ma.

Nói về ma: Muốn diệt Phật pháp, có sở đắc nói Phật pháp nên gọi là ma. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: “Sau khi ta diệt độ các Tỳ-kheo tội ác v.v... nghĩa như văn nói quyết định chấp phá diệt pháp của ta người ấy gọi là kẻ thù của Chư Phật ba đời.” Lại luận Niết-bàn Biện Tránh chép: Nếu người trong tâm sinh nghi còn phá hoại được vô lượng phiền não, nếu quyết định hiểu gọi là chấp trước. Vì chấp trước

như vậy nên cắt đứt gốc lành, người mở rộng Phật pháp nên dùng tâm rộng rang kia, để soi chiếu chân thật.

Nói về nghĩa mở rộng ý kinh khó: Hỏi: Hiện thấy người thọ trì, đọc tụng, giảng nói viết chép đầy khắp thế gian là sao? Phẩm Hiện Tháp báu nói: Nếu có người tay cầm hư không mà dạo chơi khắp nơi cũng không đáng gọi là khó,” chỉ tạm thời đọc kinh này mới gọi là khó phải không?

Đáp: Kinh này là đầu tiên bỏ ba, lúc mới về một, người nước ngoài phần nhiều tu học theo Tiểu thừa chấp Tiểu thừa đã thành, khó có thể thay đổi cho nên người có thể tin rất khó.

Hỏi: Vì sao biết người nước ngoài phần nhiều tu học Tiểu thừa?

Đáp: Luận giải thích rằng: “Sau khi Phật diệt độ có năm trăm bộ (phái) nghe nói pháp Đại thừa rất ráo Không như dao đâm vào tim.” Cho nên, biết rằng họ đều tu học theo Tiểu thừa. Lại truyện ngài Long Thọ nói: “Đọc Tiểu thừa rồi, khắp tìm Đại thừa, không được gặp Samôn, dưới sườn núi mới được nghe.” Lại Luận chủ trách rằng: các đệ tử của Ca-chiên-diên không học tụng kinh Đại thừa nghe pháp Đại thừa tâm không tin nhận, lại như Đam-vô-sấm ba lần đến nước ngoài tìm kinh Niết-bàn còn không được đầy đủ, lại Chu Sĩ Hành muốn đem Đại Phẩm đến đất Hán, những người tu học Tiểu thừa đều không bằng lòng nghe theo, tuy nhiên về sau xin đốt kinh lập thế mới được đến. Lại như Dự nghi luận Duệ Pháp sư nói: của ba mươi sáu nước ở Thiên-trục đều học Tiểu thừa không tin Phương Đăng, cho nên biết phần nhiều học Tiểu thừa, ít người tin Đại thừa.

Hỏi: người Thiên-trục phần nhiều tu học theo Tiểu thừa còn người nước Trung quốc đều tin Phương Đăng (Đại thừa), vì sao có lời hỏi ấy! Đáp:

Đại Phẩm nói Bát-nhã này từ phương Nam chuyển đến phương

Bắc, trong đó bốn chúng đang thực hành. Ngài Tăng Triệu nói đó là vận số của phương Bắc; Chấn Đán (Trung quốc) tức ở phía Bắc Thiên trục. Chỉ là thế giới xa rộng một phương chưa có lòng tin gọi là nhiều. Lại suy nghĩ cho cùng mà nói: suốt ngày giảng nói trọn ngày chẳng tin, làm sao biết! Linh phần từ đất vọt hiện, phân thân đầy khắp, chia làm hai thân, mà người giảng chỉ nói người chứng Pháp Hoa, không biết

khai tích hiển bản, làm sao tin được? Lại phân thân rõ ràng kia không thật, tuổi thọ nhất định chẳng thể tính số, A-dật-đa không thấy lúc mới của kia, Bồ xứ chẳng phải gần kế cuối cùng kia mà còn cho rằng vô thường, liền đồng hàng tro tận. Đáng gọi là cùng tử trở lại chạy vào nhà. Một mình già yếu nhắm mắt đối với đạo tối thượng thì ai chịu tin ư!

Lại phẩm Pháp sư chép: Khiến lên ghé vắng lặng nói giáo vô ngôn, tuy là phá ba tâm không nhiễm một, mà ngăn lời uống phí, theo danh mà có tướng, tuy xả ba tâm mà lại dính mắc một làm sao tin được?

Hỏi: Tâm vô sở đắc chính là nghĩa thiên không, kinh Đại thừa quở trách rằng các thầy chớ cho rằng Như lai chỉ tu bản tánh vắng lặng của các pháp. Cho nên, biết không ấy là không. Bởi người Nhị thừa thấy. Lại Đại Phẩm, Tam luận có thể nói về không, Pháp Hoa bỏ quyền bày thật Niết-bàn nói Phật tánh thường trụ làm sao hiểu được không, e rằng nông dân dùng sữa chữa ngộ!

Đáp: Pháp Hoa đủ bỏ ba khuôn phép lấy Không làm tòa cao, nói rộng bốn phép tắc lấy Không làm an vui, con không tin ngay nơi sự mà kiểm nghiệm. Lại Đại kinh nói Phật tánh là không bậc nhất nghĩa, Phật tánh là căn bản của Chư Phật ba đời, lại nói thành Ca-tỳ-la Không, Đại bát Niết-bàn không, đại Niết-bàn là cực quả của Chư Phật.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Như lai hiểu rõ các pháp như huyền, như hư không, Bồ-tát như vắng trắng mát mẻ đạo chơi nơi rốt ráo Không, đây là nói sở ngộ của Phật, Bồ-tát đều không. Lại nói tâm đạo khắp pháp giới như hư không, người ấy biết chỗ thực Hành của Phật, đây là nói do liễu không nên nhập cảnh giới Phật, đây là nói theo nghĩa so sánh của Phương Đẳng đạt đến sự giác ngộ mâu nhiệm của con người.

Con không thọ, cho nên biết người tin sâu rất ít, nay người nói không mà chẳng thấy không, và bất không, năm câu như vậy đều vô sở đắc không biết gọi như thế nào, nên gượng gọi là không? Đại kinh quở trách là quở trách Nhị thừa đoạn kiến. Thích luận bác bỏ ngoại đạo tà không, có thể nói màu của sữa tuy đồng nhưng ngon hay độc có khác, con chưa phân biệt, không nên lẫn lộn nhau. Lại ở đây nói về nghĩa vô sở đắc: Nếu có cái không để được thì ấy là có sở đắc, vì sao gọi là vô đắc cho đến có vô đắc để đắc vẫn là hữu đắc, sao gọi vô đắc? Lại ở đây cho rằng vô sở đắc cho nên không chỗ nào là không đắc. Bất động đẳng giác kiến lập các pháp, nói đây là không. Nếu dùng sự giải thích không của phạm phu cùng với có, cũng có cũng không, phi có phi không đều là lý luận, không nên dùng đây; để giảng kinh nghĩa Nhất thừa của Phật sau sẽ nói rộng. Lại Đức Phật nói giáo khiến tâm đồng giáo không khiến giáo đồng tâm, tâm dùng có tướng làm căn, giáo dùng vô đắc làm chủ. Nếu tâm đồng giáo giáo đã vô đắc tức tâm vô sở đắc mới gọi là nói giáo. Nếu giáo đồng tâm, tâm đã có tướng tức là giáo thành trụ trước, chỉ là mê tâm điên đảo, không thể mở rộng giáo pháp. Cho nên, Đức Phật trách Ca-chiên-diên rằng không dùng tâm hành sinh diệt nói pháp



thật tướng. Nếu dùng tâm sinh diệt nói pháp thật tướng thì thật tướng thành sinh diệt, nếu tâm thật tướng nói sinh diệt thì sinh diệt thành thật tướng. Cho nên, nghe nói sinh diệt đều nhập môn thật tướng, chỉ vì người mở rộng ý kinh thường dùng giáo đồng tâm không thể khiến tâm đồng giáo nên người tin theo rất khó, đây đâu phải luống dối ư!

Lại người mở rộng ý kinh thường gặp nạn, vui sinh thoái tâm cho nên người tin khó đắc.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Đã mở mang chánh đạo thì tổn hoại phi đạo cho nên nguyên tắc của phi đạo như uống thuốc hay thì động các bệnh cho nên bệnh đến phải tu sửa thân sau đó mới được mau lành, vì thường như vậy.

Hỏi: Do năng lực nào mà khiến các nạn đẩy lùi?

Đáp: Đại Phẩm nói do thần lực của Chư Phật nay nói lý mà nói lại là năng lực của kinh, do năng lực mở rộng đạo có khả năng trừ phi đạo nên gọi là năng lực kinh.

Hỏi: con tuy dẫn rộng các kinh thành thật như đã nói, nhưng Pháp Hoa chính là nói gom ba về một hiển thật bỏ quyền, vì sao lại nói về nghĩa không?

Đáp: luận Thập Nhị Môn chép: Ma-ha-diễn (Đại thừa) là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, vì người có công đức lớn lợi căn mà nói Ma-ha-diễn gọi là Đại thừa.

Đại thừa gồm có sáu nghĩa:

1. Vượt hơn Nhị thừa nên gọi là Đại thừa.
2. Đó là thừa vững chắc của Chư Phật đại nhân nên gọi là Đại.
3. Nói nương tựa của Các đại sĩ như Quán Thế Âm, Di-lặc, v.v... nên gọi là Đại.
4. Là chỗ nương của Chư Phật lớn nhất năng đến gọi là Đại.
5. Có khả năng dứt khổ lớn cho chúng sinh đem lại lợi ích lớn nên gọi là Đại.

6. Năng thông suốt nguồn gốc các pháp nên gọi là Đại. Đại phần nghĩa sâu xa cái gọi là Không, nếu thông đạt không này thì thông đạt Đại thừa, đầy đủ sáu Ba-la-mật không bị chướng ngại. Luận nói Đại thừa là pháp tạng sâu xa của Chư Phật mười phương ba đời, Không còn là sự sâu xa mẫu nhiệm trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là sâu xa tốt cùng trong pháp tạng, cho nên biết không ấy là tốt cùng sâu xa trong sự sâu xa, cực đại trong đại, đó là chia Pháp Hoa thành ba nguyên tắc lấy Không làm tòa cao, nói rộng bổn hạnh lấy không làm an vui, đâu chẳng phải rõ ràng Bồ-đề-tát-đỏa dạy khuôn pháp mẫu nhiệm cho đạo



tràng ư!

Hỏi vặn rằng: gom ba về một chính là hội các hành trong hữu để qui nhất Phật thừa, vì sao nói không ư! Lẽ nào chẳng phải chỉ Nam làm Bắc để hiểu học trò mê, luận tuy có nói thành thật còn chưa xét kỹ ý, thỉnh làm hội nhập thông khiến không chút đăm chấp ư!

Đáp: Nếu lãnh hội Huyền văn của ngài Long Thọ, đã hiểu ý chỉ mẫu nhiệm của gom ba, con chưa ngộ nay sẽ lập lại rõ ràng. Xét về gom, ba về một vốn khiến cho Nhị thừa hưởng về Phật đạo, quyết do xét rõ mà gọi là thật tướng vốn đối với ngôn từ dứt bỏ tư lự, không biết vì sao gượng gọi là không! Do chấp không tướng nên tâm không chỗ nương, tâm không chỗ nương nên năng động năng xuất đó gọi là Thừa. Nếu chẳng thấy tướng không thì tình có, tình có chỗ nương, chỗ nương thì gọi là có sở đắc, nếu có sở đắc bất động bất xuất, tuy là suốt đời giơ tay, trải qua nhiều kiếp cúi đầu cũng không đắc nghĩa Phật. Vì vậy nên qui nhất phải ngộ Không, đâu thể không cố gắng ư!

## II. Kế là nói về duyên khởi phiên dịch:

Kinh này gồm có hai bản:

1. Kinh Chánh Pháp Hoa do ngài Trúc-đàm-ma-la-sát đời Tấn dịch ở Trường An. Hán dịch là Trúc pháp Hộ.

2. Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, đời Tấn ngài Cưu-ma-la-thập, Hán dịch là Đồng thọ, vào ngày 23 tháng 4 năm niên hiệu Mở rộng Thi thứ năm đời Ngụy Tấn, dịch ra Đại Phẩm tại ở Trường An vườn Tiên Diêu, về sau ở chùa Thảo Đường dịch kinh này ra hai mươi bảy phẩm. Hai bản kinh này có xưa nay thể chất rộng lược khác nhau mà đại ý thì đồng. Lại có kinh Đại bi hoa sen nói rộng về đức từ bi khác với hai kinh trên do ngài Đàm-vô-sấm dịch, trong đó lại có các kinh như Hoa Thủ, Hoa Nghiêm, v.v... chẳng phải một. Nhưng đời Tấn có trước sau ở Giang hữu gọi là Tây Tấn được năm mươi hai năm, kinh này còn ở nước ngoài, Từ khi Nguyên Vương qua Giang Tả gọi là Đông Tấn, đến đời Tấn An Đế Nghĩa Hy trong kinh này mới bắt đầu độ, nhưng đời Tống được sáu mươi năm, đời Tề được hai mươi ba năm, đời Lương được bốn mươi bốn năm, cộng chung hai trăm hai mươi chín năm. Từ đời Lương đến nay năm mươi năm, gần ba trăm năm.

Kế là nói duyên khởi giảng kinh: kinh Pháp Hoa có hai bản tân cựu người giảng cũng có hai vị. Danh Tăng truyện chép: Ban đầu giảng kinh là ngài Trúc Pháp Hộ, Trúc-pháp-hộ đã đích thân dịch kinh này, về lý phải giảng rộng, sau ngài Trúc-pháp-hộ giải thích dòng An Trúc-thái v.v... chỉ giảng bản cũ mà thôi, và ngài La-thập đến Trường An dịch

kinh Pháp Hoa bản tân dịch xong có ngài Đạo Dung giảng chia làm chín triệt, người thời ấy gọi là Cửu Triệt Pháp sư, văn Cửu Triệt nay chưa thấy, giảng Tân Pháp Hoa đầu tiên là ngài Đạo Dung. Từ ngài Đạo Dung về sau có Đàm Ảnh, Đạo Sinh lưu truyền trước thuật chẳng phải một. Kế là đời Tề có thanh tín Ưu-bà-tắc tên Lưu Cầu cùng mười vị danh tăng nương dựa như An, Lâm, Nhất, Viễn, La-thập Tăng Triệt, v. v... các sư lưu truyền biên soạn gọi là chú Pháp Hoa, cho đến đời Lương bắt đầu ba đại Pháp sư thạc học nổi tiếng đương thời, thường luận Đại Tập và giải thích các kinh, nhưng khai thiện thì dùng Niết-bàn khen ngợi, Trang Nghiêm dùng Thập địa, Thắng-man để nêu danh. Quang Trạch với Pháp Hoa lúc ấy một mình truyền bá, nhưng Quang Trạch thọ kinh với ngài Ấn Pháp sư ở chùa Trung Hưng. Ấn Pháp sư vốn là người Thọ Xuân họ Chu, thuở nhỏ dạo chơi ở Bành Thành mà được thọ luận với ngài Đàm Ảnh, kế là theo ngài Khuông Sơn Tuệ Long thọ học Pháp Hoa mà ấn giảng kinh này từ trẻ đến già được tất cả hai 50 biển, xuân qua thu lại tới sáu mươi sáu năm đến niên hiệu Vĩnh Minh thì mất. Quang Trạch Văn Pháp sư theo Ấn Pháp sư ở chùa Định Lâm hạ núi Chung Sơn nghe kinh Pháp Hoa giảng xong ở sau chùa sắp đá làm thính chúng và tòa thuyết giảng, do tự lên tòa đá giảng cho đá nghe. Ấn Pháp sư chưa biết, bí mật nghe Ngài nói một lời chẳng sót. Đến năm ba mươi tuổi đến chùa Diệu Âm khai đề kinh hai kinh Pháp Hoa và Tịnh Danh phù hợp căn cơ, chúng sinh đạo tục khắp nơi đều tán phục, từ đó về sau Pháp Hoa được hưng hiển. Tôi lưu hành đến Vũ Xuyên sơ ký thất lạc, nhân lúc nghe giảng ấy lược soạn đề mục làm bình giải, dấm bình, truyền dạy. Bởi đó là cách bổ khuyết đầy đủ cho thiếu sót và lỗi lầm chính tự bỏ đi.

Tựa kia lời bình có năm ý: Ý theo luận Đại thừa để thông Phương Đẳng, bởi giải thích rộng về kinh phép tắc bản tông Thông giáo. Luận Đại thừa gồm có hai thứ:

1. Giải thích chung Đại thừa nghĩa là: Trung luận, Bách luận, môn luận Mười hai, luận Địa trì, luận Nhiếp Đại thừa, v.v...
2. Giải thích riêng một bộ là luận Đại Trí Độ, Địa Luận, luận Kim cương Bát-nhã, luận Pháp Hoa, v.v.... giải đủ hai luận chung riêng là bắt đầu xem xét kỹ ý chỉ của Đại thừa có thể giảng kinh Đại thừa.

Luận Tiểu thừa cũng có hai:

1. Giải thích chung Ba tạng, là Bát-kiến-độ, luận Bà-sa, Thành luận v.v...
2. Giải thích riêng một giáo Như Hiếp Tỳ-kheo soạn luận Tứ A-

Hàm để giải thích riêng giáo pháp bốn bộ A-hàm. Thập bát bộ Bà-sa giải thích mười tám bộ luật như Thiện kiến v.v... Xá-lợi-phất tỳ-đàm giải thích riêng Phật cửu phần Tỳ-đàm tạng; giải đủ chung riêng hai luận có thể giảng kinh Tiểu thừa. Cho nên, ngài Mã Minh Long Thọ soạn luận Đại thừa để giải thích Đại thừa. Pháp thắng Ha-lê soạn luận Tiểu thừa để giải thích ba tạng, đây là đồ tía khác nhau thông suốt phân biệt rõ ràng, mà huân tập chung theo số luận để giải thích Phương Đăng, tiến lên thì không có công mở rộng ý kinh, lui sụt thì có lỗi lầm tổn thương luận.

Hỏi: Số luận là mở rộng ý kinh từ lâu đâu có lỗi lầm sai trái làm tổn hại ư!

Đáp: Từ lâu giải thích ba tạng như bài tựa của Bạt-ma làm ngăn chướng Phương Đăng hiện văn Pháp Hoa, cho nên nói an trụ bốn hành giảng nói kinh này không được gần gũi học ba tạng Tiểu thừa, kinh có dạy bảo, có thể không cần thận được ư!

Hỏi: Sao biết Thành luận chỉ giải thích Tiểu thừa?

Đáp: Ha-lê tự xưng là chánh luận Ba tạng, làm sao chẳng phải Tiểu thừa! Ất hẳn nói đây thật cũng giải thích Phương Đăng lỗi ở môn nhân chẳng phải lỗi của Bạt-ma. Lại, ngài La-thập dịch Thành luận rồi, sai Tăng Duệ giảng, Tăng Duệ giảng bài tựa rằng: Đất nước gió lửa là giả, sắc hương vị xúc là thật, mà tinh xảo có thừa rõ ràng thật không đủ, đây là thật trong ba tạng, chẳng phải Phương Đăng nói. Cuối lời tựa lại trình bày ngài La-thập nói, người đời Tần cho rằng luận Thành Nói thật diệt đế và Phương Đăng đều nhất trí. Ngài La-thập than rằng: người đời Tần không hiểu sâu làm sao đạt đến chỗ này ư! Tôi thường nghi kia, đều tin Đại thừa, phải biết tỏ ngộ, không do trong mê mà có thể biết. Thành luận nói diệt đế so với Phương Đăng, kia cũng như đèn rỗng và ánh sáng đom đóm, bóng đèn đêm và mắt cá chưa đủ để dụ cho sự ngu ngốc kia.

Hỏi: Nói về Thông giáo lỗi rõ ràng ở trước, dùng số mở rộng ý kinh thì có lỗi gì?

Đáp: Thích luận giải nghĩa bốn duyên, có người hỏi muốn học bốn duyên thì phải học Tỳ-đàm, vì sao lại học Bát-nhã! Ngài Long Thọ đáp rằng: Tỳ-đàm đối với người Sơ học dường như có thể hiểu, tìm cầu càng lâu thì thành tà kiến, do đây rõ ràng lỗi lớn hơn trước, ở đây phê bình được mất thứ nhất!

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa chính chỗ là bí áo của Phương Đăng, căn bản của các bậc Thánh, lỗi văn sắc xảo, nghĩa lý sâu xa. Khảo xét

kinh, suy tìm luận có thể gọi là giáo lý viên mãn, thuyết rốt ráo vô dư, từ xưa đến nay người thọ trì đọc tụng thì rất vắng lặng bên trong, tốt đẹp bày ra bên ngoài thì không thể nói hết. Nhưng người giữ gìn phép tắc qui củ năm thời so sánh lượng Thánh hóa không có phương hưởng, vọng cho rằng kinh này còn là bán tự, nói nhân chưa viên, quả chưa mãn, năm thời đã vậy, bốn tông cũng vậy. Phế bỏ sự vọng bàn năm bốn nói rõ ý chỉ tròn đầy rốt ráo, tiến lên thì có phước xứng tán, lui sụt thì không có tội hủy báng, đây là lời bình được mất thứ hai.

Bên ngoài nói tự thấy, không nói tự mạnh không ai hơn, trong phần nói giữ lâu một kiến chấp, không thể nào xóa bỏ, chỉ dùng một văn mất viên chỉ kia, cho nên nhóm họp rộng các luận khác, nhặt chọn nơi các sư khéo lựa chọn mà theo thì có thể biên chép, còn ngài Tuệ Cơ lấy không làm thừa, vốn hợp với kinh Vô lượng nghĩa, ngài Đạo Sinh giải thích tuổi thọ rõ ràng thường phù hợp với luận Pháp Hoa, như ví dụ này đều có thể dùng. Như nói: xưa có người thực hành cả sáu độ, nay giáo nói nói về bốn xe. Lại nói chưa thoát khỏi hai thứ sinh tử đã vượt qua năm trăm do-tuần, đây đều là kinh luận không văn, tức sự trái nhau đều bỏ, đây là lời bình được mất thứ ba. Luận Đại Trí độ giải thích phẩm Vô tác cho rằng khéo nói Bát-nhã phạm có mười môn, sau rốt gọi là phân biệt sâu cạn khó dễ. Sâu cạn khó dễ: Như nước sâu khó qua, nếu khéo phân tán thì sâu thành cạn mà qua càng dễ, nhưng việc tốt quân tử từ rộng sinh vi tế, chương lược nêu đại ý, thì làm mê loạn sự trong sáng thành thật kia, che mất ý chỉ mở rộng truyền, hoặc đến trước mà tiến, tụng sau đến sau mà lui sụt tụng trước, tiến lên không có ích lợi đối với văn lý, lui sụt thì có lao nhọc đối với nói nghe, nay lược bỏ sự phiền phức trong phần chính, đối với các sai trái, thiếu sót khiến cho gương tối sáng khác nhau, mong được có công đức hơn phân nữa. Đây là lời bình được mất thứ tư. Thư nói: Lời đẹp dễ không đáng tin, lời đáng tin không đẹp dễ. Kinh dạy: người ngộ sâu ưa nghĩa, người hiểu cạn ưa văn hay, như thấy chương sau nên rõ quả cho rằng đoạn đầu nói nhân, muốn cho nhân quả đối nhau. Lại văn nói lúc mới hiện có sáu điểm lành ở cõi này cũng hiện sáu điểm lành ở cõi khác muốn dùng văn hai lần sáu thành cặp đôi, đây là khéo nói chỗ khác mà thể của nghĩa không đủ văn nêu đầy đủ rõ ràng. Nay thấy ngài Long Thọ giải thích Đại Phẩm, Thiên Thân giải thích Hoa Nghiêm, chỉ khiến văn nói lên, lý rõ ràng, rốt cuộc không có ý này, cho nên phép tắc của bậc Thánh phải y theo, phép tắc của Phàm phải bỏ, đây là lời bình được mất thứ năm.

Kế là nói kinh nào được mở rộng ý chỉ: Kinh này có mười thứ bất

khả tư nghì:

1) Hóa chủ bất khả tư nghì. Các kinh điển khác không có, như phẩm Hiện Tháp báu nói Chư Phật khắp mười phương đều nhóm họp, mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha hằng hà sa Chư Phật đầy khắp, trong đó, lại từ trong tháp Đa Bảo vọt hiện lên gọi là Phật quá khứ nhóm họp, phân thân Phật nhóm họp, nghĩa là hiện tại Phật nhóm họp, Bồ-tát khắp mười phương đến nhóm, nghĩa là Phật vị lai nhóm họp. Tóm lại Chư Phật mười phương ba đời đều hội đủ trên núi Linh Thứu, ngoài đây ra, chưa hề có sự nhóm họp đông nhiều như thế.

2) Đồ chúng bất khả tư nghì: Trong các thế giới ở mười phương mỗi phương có bốn trăm muôn ức na-do-tha Chư Phật thị giả đầy khắp trong đó. Lại ở phương dưới có ngàn thế giới số Bồ-tát nhiều như cát bụi từ đất vọt lên đầy khắp mười phương hư không, các chúng như vậy không thể kể hết. Tuy bắt đầu từ Liên Hoa Tạng cuối cùng đến sông Bạt đề cũng chưa có số đông như vậy, nên gọi là đồ chúng bất khả tư nghì.

3) Giáo môn bất khả tư nghì: các kinh điển khác không có, Như Hoa Nghiêm Đại Bát-nhã đều có mười muôn bài kệ còn đã là nhiều, Thích luận nói kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt của nước biển lớn, lại Đức Phật Đại thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa có Hằng hà sa bài kệ, Đức Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa này có hai mươi ngàn muôn ức na-do-tha kệ, đây là giáo môn bất khả tư nghì.

4) Thời tiết bất khả tư nghì: Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa này trong sáu mươi tiểu kiếp, Bồ-tát Diệu Quang nói kinh Pháp Hoa trong tám mươi tiểu kiếp, Đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa trong tám ngàn kiếp, mười sáu vị Sa-di nói kinh Pháp Hoa trong tám muôn ngàn kiếp, Đức Phật Thích-ca khi nói kinh này Bồ-tát Dũng xuất hỏi thăm Chư Phật. Thời gian trải qua năm mươi tiểu kiếp nói kinh Pháp Hoa như vậy, thời tiết đâu thể tính kể cho nên gọi là thời tiết bất khả tư nghì.

5) Lợi ích bất khả tư nghì: Như phẩm Phân biệt công đức, lúc mới có mười hai thứ lợi ích, bắt đầu từ vô lượng hằng hà sa Bồ-tát ngộ Vô sinh nhẫn, cuối cùng đến chúng sinh nhiều như cát bụi của tám thế giới Chư Phật phát tâm Bồ-đề, các kinh khác dạy người ngộ đạo cũng chưa có trường hợp nào như thế, cho nên lợi ích bất khả tư nghì.

6) Cõi nước bất khả tư nghì: Như đức Thích-ca Mâu-ni muốn chứa nhận phân thân Chư Phật đều biến tám phương sáu muôn ức na-do-tha cõi nước đều thành cõi tịnh. Lại phẩm Thần Lực nói: Lúc ấy mười

phương thế giới thông làm một cõi nước Phật, khi nói các kinh hoặc có biến cõi hoặc không biến cõi hoặc biến một cõi hoặc biến một hội chưa hề có việc trang nghiêm như thế, cho nên là cõi nước bất khả tư nghì.

7) Thần lực bất khả tư nghì: như đức Thích-ca và mười phương Phật đồng thời hiện bảy thứ thần lực đủ trăm ngàn năm, các kinh điển khác tuy hiện thần lực chỉ một Đức Phật hoặc chỉ một thời gian cũng chưa hề có việc như thế, cho nên thần lực bất khả tư nghì.

8) Công đức bất khả tư nghì: như theo thứ lớp năm mươi người xoay vần nghe kinh mà một niệm tùy hỷ, hơn cả bố thí bốn trăm muôn ức a-tăng-kỳ thế giới, tất cả chúng sinh trong sáu đường đều được an vui đầy đủ khiến được đắc quả A-la-hán, hưởng chi là người thọ trì đọc tụng, phước giải thoát không lường được, cho nên là công đức bất khả tư nghì.

9) Kết thúc đầu cuối dung hội quyên thật: một khi hóa giáo môn rõ ràng có thể hiểu thông, các kinh điển khác nói thẳng mà thôi, gọi là giáo môn bất khả tư nghì.

10) Khai gần hiện xa dung hội chân ứng, vô phương đại dụng lợi ích chúng sinh ba đời, các giáo khác không nói chỉ có kinh này có gọi là thân bất tư nghì.

Do có mười thứ khó nghĩ bàn như thế người trì nói vắng lặng bên trong, bên ngoài hiện tướng tốt đẹp Tăng phụ giúp biên chép rộng đâu có luống uổng ư!

Bài tựa thứ hai nói về kinh:

Hỏi: Sao Đức Phật vì nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này: Chư Phật không vì vô sự hay nhân duyên nhỏ mà phát ngôn, thí như núi chúa Tu-di chẳng có lý do hay nhân duyên nhỏ mà rung chuyển, nay có nhân duyên gì lớn mà nói kinh này ư!

Đáp: Chư Phật trụ trong ba việc thị hiện nói mười hai bộ kinh, ba việc thị hiện tức là ba luân:

- 1) Tha tâm luân.
- 2) Thần thông luân.
- 3) Nói pháp luân.

Đã trụ trong ba việc nói mười hai bộ kinh, phải biết cũng trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao mà trụ ba việc nói kinh Pháp Hoa này ư!

Đáp: ba việc thị hiện tức là Như lai ba nghiệp lợi ích chúng sinh. Tha tâm thông là ý nghiệp lợi chúng sinh, thần thông luân là thân nghiệp lợi ích chúng sinh, nói pháp luân là khẩu nghiệp lợi ích chúng sinh.

Hỏi: Kinh này chỗ nào nói về ba luân ư!

Đáp: Như nhập Tam-muội vô lượng nghĩa xứ nghĩa là tha tâm luân, phát ra ánh sáng, rung chuyển mặt đất, mưa hoa hiện cõi nước là thần thông luân, xuất Tam-muội nói rộng kinh Pháp Hoa, rớt ráo một kinh gọi là nói pháp luân.

Lại nói chung giáo môn gồm có hai thứ:

- 1) Chánh quả: là thân Như lai.
- 2) Y quả tức cõi nước.

Nếu hiện hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là thần thông luân, nếu nói hai quả y báo chánh báo của Chư Phật gọi là Thuyết pháp luân, ứng cơ mà thị hiện hai quả này là tha tâm luân. Cho nên Phẩm Thọ Lượng nói: Hoặc nói thân mình, hoặc nói thân người, gọi là thuyết pháp luân; hoặc chỉ việc mình hoặc chỉ việc người là thần thông luân; trong Phẩm Tựa nói nhiều về nghĩa này. Lại tha tâm thông là biết bệnh, biết thuốc, hiện thần nói chung pháp là đúng bệnh cho thuốc. Lại ứng sinh phước đức là hiện thần thông, ứng sinh trí tuệ là nói pháp. Lại hiện thần thông thì phát khởi tín tâm nói pháp thì sinh trưởng trí tuệ cho muôn vật, Phật pháp như biển lớn, Tín thì có khả năng vào, Trí thì có khả năng vượt qua, tức Phật pháp đầy đủ. Lại thần thông luân bí mật lợi ích chúng sinh, nói pháp luân hiển hiện duyên lợi ích, Thánh hóa tuy nhiều không lìa hiển mật. Lại thần thông luân Phương Tiện phát khởi, nói pháp luân khai tông, truyền pháp. Lại thần thông luân cứu khổ ban vui nói pháp luân dứt hoặc sinh giải. Lại thần thông luân nói lên nghiệp công đức của Phật, nói pháp luân nói lên nghiệp trí tuệ của Phật. Lại thần thông luân cứu giúp ba đường ác khiến chúng sinh lìa khổ, nói pháp luân khuyên siêng tu ba đường lành khiến cho chúng sinh tiến hành. Lại nói pháp luân nói lên đức Bát-nhã, thần thông luân nói lên đức Pháp thân, như phẩm Tứ Tướng trong Đại kinh nói. Do có câu nghĩa như vậy nên trụ trong ba việc.

Hỏi: Xưa dùng ba luân và nay dùng có gì khác?

Đáp: Phẩm Thí dụ nói: lúc bấy giờ Trưởng giả nghĩ rằng phải dùng vạt áo hoặc dùng chiếc ghế từ trong nhà mà leo ra ngoài, nghĩ như vậy gọi là tha tâm luân, nên dùng vạt áo gọi là thần thông luân, hoặc dùng chiếc ghế là nói pháp luân. Trong phần hợp nói: Như lai lại nghĩ rằng nếu chỉ dùng thần thông lực và trí tuệ lực tức là việc ấy. Chỉ vì lúc mới thành đạo liền muốn dùng ba luân giáo hóa muôn vật khiến cho nhập vào Nhất thừa, mà căn duyên chưa kham nổi, nay mới đặc dụng, cho nên khác với xưa.



Hỏi: Ba luân có thứ lớp gì?

Đáp: Trong ba luân, tha tâm thông là gốc, nghĩa là biết bệnh biết thuốc rồi sau mới hiện thần thông, nói pháp luân ứng theo bệnh mà cho thuốc. Vì lấy tha tâm làm gốc, nên Như lai trước nhập Tam-muội kế hiện thần thông rồi sau mới xuất định nói pháp.

Hỏi: Trong phẩm đầu có bao nhiêu luân?

Đáp: Nói theo Phật thì phẩm đầu nhập định, hiện tướng lành chỉ có hai luân mà Di-lặc hỏi, Văn-thù đáp cũng là nói pháp luân. Từ phẩm Phương Tiện xuất định nói pháp xong ở một kinh gọi là nói pháp luân, trong đó có hiện các việc như thần thông, v.v.... thuộc về thần thông luân.

Hỏi: Trong ba luân trong sáu thông về thuộc thông nào?

Đáp: Theo nghĩa sáu thông thì ba thông là thị hiện, ba thông không phải thị hiện, tha tâm thông tức tha tâm luân, như ý thông là thần thông luân, lậu tận thông là nói pháp luân.

Hỏi: Ba thông còn lại vì sao không gọi là thị hiện?

Đáp: ba thứ như tha tâm, v.v... năng khiến cho chúng sinh tức sự tín nghiệm nên gọi là thị hiện. Ba thứ như thiên nhãn, v.v... không thể như vậy, nên không gọi là thị hiện, thông đây giải thích một kinh mà chánh so sánh ở phẩm đầu.

Lại nữa muốn nói ba thứ tịnh nghĩa của Chư Phật cho nên nói kinh này:

- 1) Năm giới, mười điều thiện để thanh tịnh ba đường.
- 2) Nói bốn đế, mười hai nhân duyên để thanh tịnh ba cõi.
- 3) Nói Phương Đẳng, Nhất thừa để thanh tịnh Nhị thừa.

Đầy đủ ba tịnh này khiến cho chúng sinh được ra khỏi ba cõi, trong ngoài nhà lửa cho nên nói kinh này. Lại muốn nói pháp môn ba dẫn cho nên nói kinh này:

1) Từ bắt đầu Như lai xuất thế đến trước khi xong Pháp Hoa, là dẫn dắt chín mươi sáu thứ ngoại đạo tà kiến và chúng sinh tại gia qui về năm thừa chánh pháp.

2) Dẫn năm thừa khác nhau đồng trở về Nhất thừa tức ý đoạn đầu trong Pháp Hoa.

3) Dẫn nhân Nhất thừa trở về quả pháp thân tức ý đoạn sau của kinh này.

Ba dẫn này chẳng giáo nào không thấu, không lý nào không nhiếp. Nay nói pháp ba dẫn rất ráo cho nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói quyền thật hai trí giúp nhau thành tựu nên nói kinh này. Sở dĩ như vậy

là bởi chẳng phải quyền không lấy gì nói thật, chẳng phải thật không lấy gì nói quyền, do thật hiển quyền, do quyền hiển thật. Do quyền hiển thật cho nên quyền nương vào thật, do thật khởi quyền cho nên thật nương vào quyền, Chư Phật ba đời trí dụng tuy nhiều nhưng không ra ngoài hai thứ này. Chỉ do họ mê tông hoặc chấp quyền mà bỏ mất thật, hoặc chấp thật mà quên quyền. Nay muốn khai hiển hai trí quyền thật nương nhau thành tựu nên nói kinh này. Lại nữa muốn nói pháp luân căn bản nên nói kinh này. Căn bản pháp luân: nghĩa là Chư Phật ba đời xuất thế vì một đại sự nhân duyên mà nói đạo Nhất thừa, chỉ vì căn duyên chưa kham nổi, cho nên đối một nói ba tức dùng Nhất thừa làm gốc, Ba thừa giáo làm ngọn, chỉ có người đại duyên đã thuần thực mới có khả năng thọ lãnh Nhất thừa. Nay muốn trở lại nói pháp luân căn bản cho nên nói kinh này.

Hỏi: Khi Đức Phật mới thành đạo muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh mà không được. Hoa Nghiêm giáo nói khi mới thành đạo vì hàng Bồ-tát cũng nói Nhất thừa, hai kinh đâu có khác?

Đáp: Giáo giải thích khác khác nhau, hoặc như phương Nam nói năm thời, phương Bắc luận bốn tông, đều nói Hoa Nghiêm là giáo pháp viên mãn, Pháp Hoa là nói chưa liễu nghĩa. Nay vấn nạn chung, nói lúc mới thành đạo dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, nay nói pháp hoa tức là Nhất thừa giáo hóa chúng sinh được. Nếu nói nay nói pháp hoa nghĩa vẫn chưa liễu thì Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng Nhất thừa giáo hóa chúng sinh không được, tức đây nên phát bất đầu liền dùng bất liễu nghĩa hóa vật. Nếu Đức Phật khi mới thành đạo liền muốn dùng bất liễu nghĩa hóa vật, thì đây trái với ân tình của cha con, tổn thương bản ý Chư Phật. Nếu nói khi mới thành đạo là liễu nghĩa hóa vật, nay nói pháp hoa cũng là bất liễu nghĩa, thì lúc mới thành đạo có thể là Nhất thừa hóa vật không được, nay nói pháp Hoa lẽ ra chẳng phải Nhất thừa hóa vật được.

Lại hỏi do nghĩa gì mà kinh Pháp Hoa chưa liễu nghĩa ư! Bào chữa rằng: nói viên mãn giáo nghĩa là nhân viên quả cực, kinh này chưa nói thường trụ nên quả chưa mãn, mãn tự đầy đủ là nói duyên nhân chánh nhân, kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật, chưa nói chánh nhân cho nên nhân chưa mãn. Đáp: Kinh này nói chúng sinh có Phật tánh tức là chánh nhân, nương muôn hạnh làm Nhất thừa tức là duyên nhân nên nghĩa nhân đầy đủ, khai gần tích là vô thường, hiển diệu bản là thường trụ, nên nghĩa quả rất ráo, nghĩa này sau sẽ nói, vì thế không nên nói kinh này vẫn chưa liễu nghĩa.

Lại Đức Phật dùng các thứ nhân duyên khen ngợi kinh Pháp Hoa khiến người tin nhận. Nếu nói giáo tương đương bán tự, lý vẫn chưa viên thì khiến cho số đông người nghe kinh không sinh tôn kính, đối với Pháp Hoa liền khởi tâm khinh thường, trên mất phước mở mang, dưới chiêu cảm tội lầm vật. Phẩm Thí dụ chưa ký thác tâm, nay giải thích Hoa Nghiêm và Pháp Hoa đồng nói về một nhân một quả, giáo mãn lý viên vô dư rất ráo, chỉ khéo léo Phương Tiện khởi duyên khác nhau, lãnh giải đại yếu kia gồm có mười bốn thứ:

1) Hoa Nghiêm lúc mới nói Nhất thừa, Pháp Hoa cuối cùng nói Nhất thừa, từ đầu đến cuối là khác Nhất thừa không khác.

2) Hoa Nghiêm nói thẳng Nhất thừa, lúc mới không có chỗ hội, cuối cùng không có chỗ khai, Pháp Hoa đối ba nói một, ban đầu nói khai một làm ba, cuối cùng nói gom ba về một:

3) Hoa Nghiêm vì phát khởi lúc mới học đại duyên nói, Pháp Hoa vì hai thứ duyên mà nói:

a) Vì trước tiểu sau đại duyên mà nói.

b) Vì phát khởi người mới học đại duyên nói.

4) Hoa Nghiêm vì người phước đức đại, căn cơ lợi nói, Pháp Hoa vì người phước mỏng căn độn mà nói. Như lúc mới vốn học đại giữa đường bỏ đại còn tiểu, sau lại bỏ tiểu theo đại nên gọi là căn độn.

5) Hoa Nghiêm cho rằng đạo giáo bình đẳng, Pháp Hoa lúc mới bác bỏ đoạt mê chấp rồi sau mới bình đẳng nói đạo.

Hỏi: Vì sao bác bỏ đoạt mê chấp sau đó mới nói đạo bình đẳng?

Đáp: Ban đầu bác bỏ ba bệnh vì nói Nhất thừa, nếu ba bệnh tiêu thì Nhất thừa cũng phế bỏ, song sau mới biết đạo vắng lặng ba một hai thường thích hợp duyên khác nhau đại tiểu song dụng.

6) Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa tuệ thật, Pháp Hoa đủ cả ba, một quyền thật hai tuệ, cho nên khai môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật.

Hỏi: Nếu vậy Hoa Nghiêm lẽ ra không có hai tuệ sao?

Đáp: Chiếu Nhất thừa làm Thật tuệ soi Ba thừa làm quyền, giáo môn Hoa Nghiêm chỉ nói Nhất thừa nên chỉ có Tuệ. Y theo Nhất thừa tự khai hai tuệ hoặc y cứ động tĩnh song dụng, hoặc y cứ hai hạnh không, hữu cũng được đầy đủ hai tuệ.

7) Hoa Nghiêm là Xá-na tích bản thân nói, Pháp Hoa là Thích ca bản, tích thân nói.

8) Hoa Nghiêm thêm các Bồ-tát nói, Pháp Hoa Như lai tự nói.

9) Hoa Nghiêm chỉ đối Bồ-tát nói? Pháp Hoa lẫn lộn đối Nhị thừa,

Bồ-tát mà nói.

10) Hoa Nghiêm nói theo chiều dọc Nhất thừa khai năm mươi hai vị, Pháp Hoa nói theo chiều ngang Nhất thừa không khai cấp bậc.

Hỏi: Vì sao như vậy ư!

Đáp: Thích hợp giáo hóa khác nhau chẳng phải một loại. Chỉ là Hoa Nghiêm duyên bản tin Nhất thừa nên ở trong Nhất thừa trải qua các vị tăng tiến, cho nên hỏi giai cấp khác nhau, Pháp Hoa duyên bản mặt tin nhân thừa phá ba bệnh kia, mới được tin Nhất thừa nên chưa đắc thứ lớp trải qua các vị tiến lên. Lại tin Nhất thừa được phát tâm Bồ-đề tu hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát, nhập pháp môn Hoa Nghiêm, Pháp Hoa không cần hỏi giai vị.

11) Nêu Hoa Nghiêm nói rộng một nhân một quả, Pháp Hoa thì nói lược rõ một nhân một quả.

12) Hoa Nghiêm nói trong cõi tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế, trong hiện tháp báu tuy là biến cõi nước thành thanh tịnh mà Hoa Nghiêm vốn là cõi tịnh chẳng phải biến mới thành tịnh, Pháp Hoa nói trong cõi uế.

13) Hoa Nghiêm nói ở bảy chỗ tám hội, Pháp Hoa nói ở một chỗ một hội.

14) Hoa Nghiêm một Đức Phật nói, Pháp Hoa thì mười phương Phật phân thân, v.v... Chư Phật ba đời như Đa bảo, v.v... cùng nói. Đây nêu bảy quyển đối với năm hòm kia để nói về việc này, chẳng phải căn cứ Pháp Hoa, đại bản luận. Thích luận nói: Pháp Hoa như nước trong biển lớn làm sao mà không rõ ràng được ư!

Hỏi: Vì sao nói Pháp Hoa đối Hoa Nghiêm ư?

Đáp: Kinh này trong phần lãnh giải nói rộng Trưởng giả là người tôn quý giàu sang, bảy báu đầy đủ, quyến thuộc vây quanh mọi người hầu hạ, đây đều chỉ Hoa Nghiêm khi mới thành đạo vì các Bồ-tát nói đại pháp sự vì vậy cho nên dẫn Hoa Nghiêm so sánh với Pháp Hoa. Nghĩa này hiện ở phẩm Tín Giải, sau thấy luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thọ Lượng đầy đủ ba thân:

1) Pháp thân.

2) Báo thân.

3) Hóa thân có đầy đủ ý Hoa Nghiêm, vì các kinh đều nói báo thân tức là Xá-na. Nghĩa tuổi thọ sẽ nói rộng.

Lại nữa muốn chỉ bày Trung đạo lìa tướng hai bên cho nên nói kinh này. Nói hai bên: là y cứ năm thừa trước có hai thứ bên:

1) Thừa trời người là bên thế gian.

2) Ba thừa còn lại là bên xuất thế gian là những người lãnh thọ giáo. Nói thế gian thừa khác với xuất thế thừa, xuất thế thừa khác với thế gian thừa nên gọi là hai bên, đến giáo Pháp Hoa thì nói mảy may điều thiện đều nhập vào Nhất thừa, không còn thế gian thừa, xuất thế gian thừa khác nhau, nên gọi là Trung đạo. Lại trước nói có Tiểu khác đại, đại khác tiểu, lại gọi là hai bên, giáo Pháp Hoa khởi hội chung đại tiểu đây, đồng nhập Nhất thừa không còn đại, tiểu khác thừa, nên gọi Trung đạo. Lại nữa muốn dứt nghi của Nhị thừa và Bồ-tát nên nói kinh này, như nói Bồ-tát nghe pháp này thì lưới nghi đều đã trừ, một ngàn hai trăm vị La-hán đều sẽ thành Phật.

Hỏi: Bồ-tát Nhị thừa có những nghi ngờ gì?

Đáp: người Nhị thừa có hai thứ nghi:

1) Xưa nghi: như Thân tử nói Ba thừa đồng nhập pháp tánh, vì sao thấy các Bồ-tát được thọ ký thành Phật, Nhị thừa không thành Phật muốn thừa hỏi điều ấy với Đức Thế tôn là trước hay không phải trước khi chưa nói pháp Hoa mà có nghi này.

2) Lại nói lúc mới nghe Phật nói trong tâm sợ hãi nghi ngờ đây là nay nghi.

Hàng Bồ-tát cũng có hai điều nghi:

1) Ngày xưa, người mới tu hành tuy nghe tu hạnh Bồ-tát được thành Phật đạo những chưa biết là chắc chắn được thành Phật nay lui sụt làm Nhị thừa đây là nghi cũ (xưa).

2) Nay nghe Pháp Hoa nói không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa tâm lại sinh nghi, nếu không có Ba thừa thì Đức Phật trước vì sao nói có ba ư! Nay muốn dứt hai thứ nghi cho hàng Thanh văn, Bồ-tát nên nói kinh này. Sau, thấy luận giải thích văn ba phen thỉnh nói Thanh văn Bồ-tát đều có nghi cũ, hiện tìm chương nghĩa nói phù hợp với văn nay. Lại nữa muốn nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao, nay nói Nhất thừa chính là nói Phật tánh ư?

Đáp: Thừa nếu có ba thì có thể có ba tánh, đã chỉ có Nhất thừa thì chỉ có một tánh. Như luận Tỳ-bà-sa chép: “Tất cả chúng sinh có tánh Ba thừa, hễ thành tự bất cứ một thừa nào thì hai thừa còn lại chẳng phải sắc duyên diệt”. Pháp Hoa nói nghĩa Nhất thừa thì không đúng cho nên chỉ có Nhất thừa, chỉ có một tánh.

Hỏi: Kinh này chỉ nói Nhất thừa vì sao lại nói Phật tánh?

Đáp: Trung luận nói rằng: “Tuy còn siêng năng tu hành đạo Bồ-tát nếu trước chẳng có Phật tánh thì làm sao được thành Phật! Văn xuôi giải thích rằng: “Như sắt không có tánh vàng dù có nung luyện cũng

không bao giờ thành vàng được.” Nếu Pháp Hoa chưa nói Phật tánh chỉ dùng nghĩa thành Phật, đã không có Phật tánh thì không có lý thành Phật. Cũng như phẩm Sư Tử Hống hỏi rộng về nghĩa vô tánh thành Phật, dùng lý suy tìm sẽ rõ nghĩa Phật tánh.

Hỏi: Lý suy tìm vậy có văn nào chứng minh?

Đáp: Kinh này phần đầu chưa có nhiều văn nói về Phật tánh, phẩm Phương Tiện nói khai tri kiến Phật đã được thanh tịnh tức là một văn. tri kiến Phật là tên khác của Phật tánh, chúng sinh vốn có tri kiến nhưng bị phiền não che lấp cho nên không được thanh tịnh, Pháp Hoa dạy khởi phát, khai mở cho chúng sinh có tri kiến Phật, đây là nghĩa Phật tánh, nếu không có Phật tánh thì dạy khai chỗ nào ư!

Hỏi: Nếu kinh này đã nói Phật tánh, Niết-bàn sao cần phải nói?

Đáp: Nếu người đã liễu ngộ thì không cần Niết-bàn.

Hỏi: Làm sao biết đến Pháp Hoa liền liễu ngộ, không cần Niết-bàn ư?

Đáp: Phẩm Bồ-tát trong Đại kinh chép: “Như trong kinh Pháp Hoa tám ngàn vị Thanh văn được thọ ký thành báu đại quả, như mùa thu thì gặt hái, mùa đông thì cất chứa, không còn làm gì nữa, cho nên biết đến thời Pháp Hoa thì biết Phật tánh đã được liễu ngộ.

Lại quá khứ hai muôn Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói kinh Pháp Hoa xong liền nhập Niết-bàn, cho nên biết nghe kinh Pháp Hoa xong liền rốt ráo ngộ, không cần nói Niết-bàn. Lại vào thời Đức Phật Ca-diếp tuy có Niết-bàn mà không nói, nên biết Pháp Hoa là giáo liễu nghĩa. Lại Phẩm Thọ Lượng nói các con có hai:

1) Tâm không biết trước.

2) Tâm biết trước.

Tâm không biết trước là thời Pháp Hoa kia đều đắc đạo, còn tâm biết trước là đợi sau khi xướng diệt mới được lãnh giải. Sau thấy luận Pháp Hoa nói nghĩa Phật tánh có bảy văn, nay lược dẫn hai: Văn đầu giải thích phẩm Phương Tiện chỉ Phật với Phật mới rốt ráo thật tướng các pháp, thật tướng các pháp là thể bất biến của Pháp thân, Như lai tạng, Phật tánh cũng gọi là Như lai tạng. Cho nên nói ẩn danh Như lai tạng, hiển danh là Pháp thân. Đại kinh nói ngã tức là nghĩa Như lai tạng. Kế văn thứ hai giải thích phẩm Pháp sư, cho rằng nếu biết nước Phật tánh không trái thì được thành Tam Bồ-đề, ý của Phẩm Phương Tiện đã xong.

Lại nữa muốn kết thúc dung hợp đức Thích ca một đời giáo hóa từ đầu đến cuối gồm có bảy môn, nay người Ba thừa chưa được ngộ đều

được lãnh giải cho nên nói kinh này.

1) Môn Tựa Tán Trung đạo pháp thân; nghĩa là Pháp thân Như lai không có tất cả hệ lụy, đủ tất cả công đức, không có tất cả các hệ lụy không thể gọi là có, đủ các đức chẳng thể là không, chẳng có chẳng không tức là pháp thân Trung đạo. Cho nên, kinh chép: “Như lai đối với các sự sợ hãi lo buồn, v.v... vô minh che lấp, v.v... dứt hẳn không còn sót, đây gọi là không có tất cả hệ lụy mà đều thành tựu vô lượng tri kiến lực vô sở úy, v.v... đây là đầy đủ các công đức. Sở dĩ nói hai thứ ấy là vì không có hoạn nạn cho nên có thể cứu hoạn nạn cho chúng sinh, có tất cả đức cho nên giúp chúng sinh không có đức, do đó nêu mới khởi sự giáo hóa nên trước khen ngợi hóa bản.

2) Môn đại bi; nghĩa là Như lai tại Pháp thân địa thấy hai thứ chúng sinh khởi tâm đại bi:

a) Xưa từng được Phật hóa độ mà trước quán chiêu cảm khổ.

b) Chưa trải qua đạo đức cao trọng nên chịu sự thiêu đốt trong ba cõi. Hai hạng chúng sinh này có đủ tất cả hoạn nạn không có tất cả đức cho nên có Phật thì sở đắc không, không có Phật thì sở đắc hữu, vì chúng sinh này khởi tâm đại bi.

3) Môn Thù ỷ ứng: đã khởi tâm đại bi cho nên ứng nhập sinh tử, vì độ chúng sinh nên khởi tám tướng thành đạo. Cho nên, kinh nói mà sinh vào nhà lửa ba cõi cũ mục này tức là việc kia.

4) Môn thật hóa bất đắc: đã khởi tâm tại bi vì chúng sinh mà thành đạo, lúc mới thành đạo liền muốn dùng tâm đại bi chỗ gốc hệ lụy cho chúng sinh dùng đại từ cứu chúng sinh không có đức. Chỉ vì bậc Thánh tuy có khả năng trao truyền mà phạm phu thì không thể nhận lãnh cho nên tạm ngưng thật hóa.

5) Môn Quyền hóa đắc: tuy không theo Nhất thừa hóa mà đại bi không bỏ, muốn dần dần dẫn dắt các con cho nên đối một nói ba gọi là môn quyền dụ.

6) môn Thật hóa đắc: tiểu chấp sắp nghiêng đổ, đại cơ sắp chuyển động, cho nên gom ba về một gọi là môn thật hóa đắc.

7) môn Bất hư: hứa ba cho một dường như trái ngược, do thông hiểu sâu căn cơ chúng sinh cho nên không phải dối gạt, gọi là môn bất hư.

Tóm lại bảy nghĩa này có thể chia làm sáu cặp:

1) Môn đầu là tự môn, sáu môn sau là môn hóa tha, tự tha là một cặp.

2) Hai môn trước là pháp thân, năm môn sau là ứng tích, bản tích



là một cặp. Lại trong năm môn sau, một môn đầu chẳng những đức Thích ca nêu đủ bảy việc này mà cũng là đức Xá-na hóa, tức Thích ca hóa; hai Đức Phật là một cặp.

4) Lại trong bốn môn sau, một môn đầu đốn hóa không được ba môn sau dần hóa được con, nghĩa là đốn tiệm là một cặp.

5) Trong ba môn sau, một môn đầu nói ba, hai môn sau nói một; ba và một là một cặp.

6) Trong hai môn sau, môn đầu là nói một, kế là dung hội, tất cả lời dạy của Chư Phật đều đồng như vậy, ba và một bất hư, nghĩa là giáo và hợp giáo một cặp. Đây giải thích ý thí dụ quả cuối phẩm Phương Tiện.

Lại nữa muốn nói mười thứ đại ân của Như lai nay người đã ngộ tâm được vững chắc nên nói người chưa hiểu nhân đó sửa đổi chấp cho nên nói kinh này:

1) Quá khứ đức Thích-ca khi mới phát tâm kết bốn hồng thệ nguyện muốn cứu độ khắp chúng sinh trong sáu đường, duyên Pháp Hoa đã nhập vào nguyện này, đó gọi là ân thông hồng thệ thứ nhất.

2) Thời quá khứ đã từng vì duyên này nói pháp Đại thừa mà chúng sinh này đã từng được giáo hóa Đại thừa, đó gọi là ân biệt kết duyên thứ hai.

3) Vô lượng chúng sinh này tội nặng độn căn không vâng theo sự giáo hóa, khởi hoặc nghiệp bị trôi lăn trong sáu đường, Bồ-tát tùy vào sinh tử dùng Phương Tiện dẫn dắt hóa độ, cho đến nay gieo giống năm thừa, tự trái với lời giáo hóa, về sau cho đến khi thành đạo, trải qua vô số kiếp tùy theo mà giáo hóa, đó gọi là ân tùy trực hóa thứ ba.

4) Đức Thích ca tuy từ lâu đã thành Phật vì chúng sinh này đại căn cơ sắp thuận thực sinh khởi nên lại thị hiện thành đạo. Cho nên, kinh chép: trong đó dừng ở một ngôi thành cho đến cởi bỏ áo châu báu, mặc áo thô xấu, đó là ân ẩn bản bày tích thứ tư.

5) Khi mới thành Phật tư duy đủ các Phương Tiện để cứu giúp chúng sinh, hoặc muốn hiện thân thông hoặc muốn nói pháp hoặc khuyến khích răn dạy đồng nhập Nhất thừa, nhưng vì trí tuệ Chư Phật rất sâu mà chúng sinh thì độn căn, tuy có công muốn giáo hóa mà không thể theo lý để cứu giúp đó gọi là ân suy nghĩ cứu giúp thứ năm.

6) Con tuy bỏ cha mà cha không bỏ con, nên Phật ẩn giấu chí đạo tuệ Phật rất sâu xa cùng tột mà mở ra sự an vui trời người rất cạn, đó là ân ẩn lý sâu nói giáo cạn thứ sáu. Cho nên, văn nói rửa mặt nước lạnh khiến được tỉnh ngộ, nghĩa là sau khi thành đạo rồi trước đến vườn Nai

nói giáo cho hàng trời, người.

7) Năm giới, mười điều tạm dứt ba đường: Kế là hư chỉ Nhị thừa khiến ra khỏi năm đường, đó là ân quyền dụ thứ bảy.

8) Tuy dùng Tiểu thừa nhiếp hóa mà bí mật muốn dùng Đại thừa giáo hóa cho nên nói giáo Bát-nhã trao cho tài sản, nhưng vì chúng ấy độn căn chưa thể hiểu ngộ được, đó gọi là ân mật hóa thứ tám.

9) Từ Bát-nhã về sau, Pháp Hoa về trước, trung gian nói Phương Đẳng, hiện Bồ-tát thân biến, hoặc nói pháp môn Đại sĩ, dùng các Phương Tiện cổ động chúng tình khiến cho họ bỏ căn thân hèn kém mà ưa mến đại đạo, đó gọi là ân rèn luyện căn thân thứ chín. Cho nên văn nói trải qua thời gian ngắn tức là việc đó.

10) Tiểu chí liền đời bỏ, đại căn cơ sắp động, vì họ nói kinh Pháp Hoa hội nhập thiên tánh cha con, nay người Nhị thừa khiến nhập nhất đạo, hiện tại thọ ký vị lai thành Phật, đó là ân hoàn tất rốt ráo thứ mười.

Hỏi: Vì sao biết đủ mười ân?

Đáp: Phẩm Tín Giải nói đại ân của Thế tôn vô lượng ức kiếp làm sao có thể báo đáp được, là cố giới thiệu chung đức Thích ca từ lúc lúc mới phát tâm đến trong hội này, từ đầu đến cuối trải qua nhiều kiếp gặp gềnh quanh co có mười thứ ân này. Đây trình bày ý trong phẩm Tín Giải bao gồm văn nói Thân tử y, v.v... lãnh giải.

Về sau thấy luận nói: “Muốn nói lên Phật thừa và Nhị thừa khác nhau nên nói thí dụ Cùng tử. Phật thừa như Trưởng giả tôn quý Nhị thừa như Cùng tử hèn kém đây là muốn cho người đã hiểu Đại, Tiểu thừa vững chắc, nói người chưa ngộ phải đổi ba tin lấy một giải thích phù hợp với nay. Lại nữa muốn nói công đức sở hóa và công đức của người năng hóa cho nên nói kinh này. Công đức sở hóa: như mây che phủ khắp đây, mưa xuống thấm nhuần khắp nơi, ba cỏ hai cây tùy phần được thấm nhuần, tuy tùy phần được thấm nhuần mà không hay biết, người có thể hiểu biết thì rất ít có. Đức Như lai từ bi, thân hiện khắp pháp giới thấm nhuần chúng sinh năm thừa tùy phần thọ lợi ích mà không hay biết, nếu có thể hay biết cũng là ít có.

Hỏi: Vì sao không hay biết?

Đáp: Có hai thứ không biết:

- 1) Không biết đồng.
- 2) Không biết khác.

Không biết đồng là không biết Như lai hoặc hình tướng hoặc giáo hóa vì khai Nhất đạo. Không biết khác: là không biết chúng sinh năm

thừa tùy căn có mà thành khác; như cây cỏ không biết một đám mây, một trận mưa nghĩa là không biết đồng. Nay Ca-diếp có thể biết đồng khác, không tự biết thượng trung hạ khác nhau, nghĩa là không biết khác. Nay muốn dẫn khen ngợi người trung căn thuật thành sự lãnh giải của họ cho nên nói kinh này.

Khen ngợi công đức người năng hóa: Nay vì người chưa giải mà khai ngộ, người đã hiểu thì tiến đức cho nên nói kinh này, vì thế kinh chép: “Như lai lại có vô lượng công đức, các thầy dù cho vô lượng ức kiếp nói cũng không hết.

Hỏi: Như lai lại có những công đức gì mà nói không cùng tận?

Đáp: Trong phẩm Tín Giải nói: “Quá khứ kết duyên, ngày nay tương hội”. Vì giáo hóa một phương chưa cùng tận nên dấu tích vô phương. Dấu tích vô phương là pháp thân từ bi, mưa pháp thấm nhuần lợi ích khắp mười phương ba đời đâu chỉ người ba căn trong hội này!

Lại ở trên nói hai châu và hai phen lãnh giải đều nói xưa nêu ba không nói một, nay nói một không nói ba dường như tư riêng, vậy nên nay nói Như lai thường v.v... hiện thân thường, v.v... nói pháp giống như mây mưa, chỉ vì ba duyên tự nghe ba, một duyên tự nghe một! Cho nên Đại kinh chép: “Thường hành Nhất thừa chúng sinh thấy ba”, để giải thích thành ý giáo của hai châu trên nên nói phẩm này. Lại phẩm Tín Giải ở trên nói xưa mới kết duyên, sau cùng là nay hội nhập. Đuổi theo căn tình gặp ghềnh quanh co nếu có tâm ngại khó thì đâu thể lợi ích chúng sinh, cho nên nay nói Như lai hoặc hình hoặc giáo cũng như mây mưa, thuận theo vật gặp ghềnh mà không có tâm quanh co khúc khuỷu. Lại có người nghi nếu đại từ bình đẳng vì sao chúng sinh có người được nghe pháp có người không nghe pháp, như dùng lực uy đức khiến cho chúng năm ngàn vị từ chỗ ngồi đứng dậy bỏ đi! Cho nên, giải thích rằng trời thấm nhuần không riêng tư, không ở tại không có căn cơ, chẳng phải lòng từ của Phật không bình đẳng. Đây là giải thích Phẩm Dược Thảo Dự, về sau thấy luận phá người Đại thừa, tự cho rằng nói không có Thanh văn rõ ràng mưa pháp thấm nhuần, tùy căn đặc quả chẳng nên nói không, đây là chứng minh công đức năng hóa trên.

Thứ hai là chỉ bày nghĩa hạt giống vô thượng; hạt giống vô thượng: như nói việc các thầy làm là đạo Bồ-tát, nói Ca-diếp v.v... từng phát tâm Bồ-đề giữa chừng quên mất ý này, nay lại phát tâm hành đạo Bồ-đề chắc chắn sẽ thành Phật nên gọi là hạt giống vô thượng. Đây là chứng minh nghĩa công đức sở hóa thứ nhất ở trên. Lại nữa Phật pháp có hai thứ: pháp hiển thị và pháp bí mật. Pháp hiển thị là Ba thừa giáo nói ba

thứ nhân đắc ba thứ quả cho nên gọi là hiển thị; pháp bí mật là người Ba thừa đều được thành Phật. Như Thích luận quyển một trăm chép: Pháp Hoa nói A-la-hán được thọ ký thành Phật cho nên gọi là Pháp bí mật. Trước đã nói pháp hiển thị rồi, nay sẽ nói pháp bí mật nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao người Ba thừa hành nhân đắc quả, gọi là hiển thị, Ba thừa đồng thành Phật gọi là bí mật?

Đáp: Pháp hiển thị là giáo Phương Tiện. Rõ ràng người Ba thừa đều tự hành nhân, đều đắc thành quả, việc này dễ hiểu, như ngoài ba hạt giống đều sinh ba mầm, tướng kia dễ rõ nên gọi là hiển thị. Pháp bí mật là pháp sâu xa, rõ ràng không có Ba thừa chỉ có Nhất thừa nên nói bí mật.

Hỏi: nếu vậy thì ba nhân ba quả đây là bí mật, vì sao thật không có Ba thừa xét lại tướng nói năng có ba thứ thừa lẽ ra là bí mật, mà đạo lý chỉ có Nhất thừa không có Ba thừa lẽ ra là hiển thị, do chẳng phải xét lại tướng nói năng hay sao?

Đáp: Nếu liễu nghĩa là hiển thị, không liễu nghĩa là bí mật như ở sau có giải thích, nay dùng cạn gần làm hiển thị, sâu xa làm bí mật như trước đã nói, nghĩa này sau sẽ nói rộng.

Hỏi: Vì sao trao cho Nhị thừa nói thành Phật ư!

Đáp: chỉ có Nhất thừa không có thừa khác, chỉ có một Phật tánh không có tánh khác, do đều có Phật tánh cho nên đều sẽ thành Phật. Sau dùng luận giải thích văn thọ ký.

Hỏi: Hàng Thanh văn vì thật thành Phật nên được thọ ký hay không thật thành Phật nên được thọ ký? Nếu thật thành Phật thì vì sao Bồ-tát lại phải trải qua nhiều kiếp tu hành, nếu không thật thành Phật lẽ nào chẳng phải Như lai luống dối thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký cho hàng Thanh văn được tâm quyết định, chẳng phải thành tựu pháp, Như lai y pháp bình đẳng nói Nhất thừa.

Pháp bình đẳng là pháp thân Như lai không khác với pháp thân Thanh văn nên được thọ ký cho, chẳng phải đầy đủ công đức mới được thọ ký, Bồ-tát đầy đủ công đức cho nên được thọ ký. Y theo đây nói Phật tánh gọi là pháp thân, cho nên biết Nhị thừa có Phật tánh nên được thọ ký.

Hỏi: Nếu vậy thì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh đều được thọ ký thành Phật ư!

Đáp: Không đúng, Phật tánh có hai thứ: chánh nhân và duyên nhân.

1) Tất cả chúng sinh tuy có chánh nhân mà không có điều thiện như hạnh giải v.v... nên không có duyên nhân, không có duyên nhân nên không được thành Phật. Nay người Nhị thừa trong có chánh nhân, ngoài nghe kinh Pháp Hoa sinh các thiện như Tín Giải v.v... tức duyên nhân; duyên chánh đầy đủ nên được thọ ký.

2) Thọ ký cho Nhị thừa tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói một nhân một quả, nay nói người Nhị thừa đã bỏ hai chấp, phát tâm Bồ-đề, nay được thọ ký khiến cho người Nhị thừa hiện tại hành nhân, đời sau thành Phật. Do phát tâm hành, hành tức là một nhân, vị lai thành Phật tức là một quả. Lại người kia tức là Bồ-tát, lại là người một, nói một giáo này gọi là Giáo nhất, cho nên thọ ký cho người Nhị thừa, nói đủ bốn nhất tức là nói kinh Pháp Hoa.

3) Vui sướng trong bản tâm Phật nên thọ ký cho Nhị thừa, vì sao nói Đức Như lai khi mới thành Phật liền muốn khai thị ngộ nhập tri kiến Chư Phật? Chỉ vì lúc Phật mới thành đạo căn tánh chúng sinh chưa kham nổi, nay được thọ ký thì vui sướng bản tâm Phật, đồng nghĩa tâm hỷ của Đại kinh.

4) Thọ ký cho Nhị thừa khiến cho các Bồ-tát không còn thoái chuyển, vì sao? Vì có đạo Nhị thừa có thể có lui sụt, không bao giờ có lý này, vì sao lại thoái ư! Lại người Nhị thừa là người không thành Phật nay sẽ thành Phật, Bồ-tát vốn là người thành Phật vì sao muốn thoái ư!

5) Thọ ký Nhị thừa, tất cả những người chưa phát tâm Nhị thừa khiến cho họ không phát, vì sao! Vì chúng Nhị thừa còn tự xả bỏ, chúng ta chưa đắc làm sao muốn cầu. Vì lợi ích này cho nên thọ ký cho Thanh văn.

6) Thọ ký cho Nhị thừa cho nên tất cả chưa bỏ chấp Nhị thừa, do đây mà đổi thành La-hán, đã được thọ ký ta cũng vô học sao không thành Phật! Liền đổi cẩn thận ưa cầu đại đạo cho nên phẩm Tín Giải nhân Thân Tử được thọ ký tự trình bày những lãnh giải khác tức là việc ấy.

7) Thọ ký Nhị thừa muốn chứng minh ý chỉ Nhất thừa không luống dối, nói không có Ba thừa là thật, vì như vậy, nên ở trên tuy nói Ba quyền một thật mà hoặc người Nhị thừa không được thọ ký, thì lời nói này luống lập. Nay người Nhị thừa được thọ ký thành Phật cho nên biết “Nhất thừa là thật, ba là quyền” chẳng luống dối.

8) Thọ ký Nhị thừa tức nói pháp môn cõi tịnh nghĩa là hóa chủ tịnh, cõi nước tịnh, giáo môn tịnh, đồ chúng tịnh, do đó đầy đủ bốn tịnh

để ngộ Nhất thừa. Sửa đổi ba chấp kia cho nên tâm kia tịnh, tâm tịnh nên cõi nước tịnh, do tịnh này ngộ mà ngộ tất cả chúng sinh tức là giáo môn tịnh và đồ chúng tịnh. Do tâm Thân tử tịnh cho nên Phật nói giáo bốn tịnh.

9) Lúc ấy chúng nghe Nhị thừa được thọ ký ở cõi tịnh thành Phật cho nên hóa vãng sinh, vì có lợi ích này nên thọ ký Nhị thừa.

10) Muốn chứng Nhị thừa lãnh giải là thật cho nên thọ ký cho họ. Xét rằng người được thọ ký là do thật giải.

Do có mười nghĩa như đây cho nên thọ ký Nhị thừa, giải thích chung phẩm Thọ ký rồi. Lại nữa, muốn nói hai thứ pháp của Chư Phật cho nên thọ ký kinh này:

1) Nói pháp hiện tại.

2) Nói pháp quá khứ. Từ trên hai châu đã nói đức Thích-ca một thời kỳ xuất thế từ đầu đến cuối, Phương Tiện làm lợi ích chúng sinh rồi, nay nói đức Thích-ca quá khứ đã dùng pháp môn làm lợi ích chúng sinh cho nên nói kinh này.

Hỏi: Vì sao có hai thuyết?

Đáp:

1) Chúng sinh có ba thứ: a) Thượng căn. b) Trung căn. c) Hạ căn. Hai căn thượng, trung trực kế hiện tại nghe pháp mà được liễu ngộ, nay vì muốn chúng sinh hạ căn được thọ đạo cho nên nói pháp môn quá khứ thì mật.

2) Vì giải thích nghi cho nên có, có người nói nê tu học theo Nhị thừa, vì sao? Vì lúc mới hành Bồ-tát tuy nghe kinh này mà không được Phật thọ ký, người Nhị thừa nghe kinh này liền được thọ ký quyết định, nếu vậy thì chỉ tu học theo Thanh văn không cần thực hành đạo Bồ-tát, vì vậy nên giải thích rằng: Các Thanh văn này trong vô lượng kiếp lâu xa đã thực hành đại hạnh, chỉ vì giữa chừng quên mất ý này cho nên làm người Nhị thừa, chứ chẳng phải làm Nhị thừa thì liền được thọ ký. Tức là giải thích chung nhân duyên ba căn được ngộ Nhất thừa. Luận Pháp Hoa nói: Quyết định Thanh văn không được thọ ký, thoái tâm Bồ-đề Thanh văn mới được thọ ký tương ứng với nghĩa này.

3) Thanh văn chỉ có hai hạng: a) Vốn học Tiểu thừa. b) Thối Đại theo Tiểu, phẩm Thí dụ là vì người vốn học Tiểu thừa, nay vì người muốn thoái lạc Đại thừa nên nói kinh này.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp phẩm Thí Dụ nói trong nhà lửa vốn có ba mươi người con, tức căn tánh Ba thừa muốn cầu ra khỏi nhà lửa mà nói Ba thừa cho nên biết

vì người vốn đã có thừa. Hóa thành nói vốn muốn cầu thành Phật, giữa đường biếng nhác lui sụt nên vì họ nói Tiểu thừa, cho nên biết hai ví dụ vì hai người. Đây căn cứ văn đã xong, mà nghĩa thật thông suốt.

4) Muốn rộng khen ngợi trí tuệ Như lai sáng suốt chiếu soi sâu xa. Nay người Nhị thừa tâm sinh vui mừng kính mến, bỏ mê, ngộ nhập cho nên nói kinh này. Do đó Phú-lâu-na nói: Lại nghe sức thần thông của Như lai, tức là việc ấy.

5) Muốn nói lên Pháp Hoa là pháp của Phật xưa, Chư Phật ba đời đều nói, cho nên nói pháp Thế tôn đã từ lâu, sau phải nói chân thật.

Hỏi: Vì sao tất cả Chư Phật đều nói kinh Niết-bàn ư?

Đáp: Nhất thừa là nhân duyên Phật, không có Chư Phật thì không nói Phật thừa. Chỉ nói Nhất thừa tự có hai thứ: a) Nói thẳng Nhất thừa, gọi là một nhân một quả, như loại Hoa Nghiêm. b) Trước nói Ba thừa, sau nói Nhất thừa, tức là Pháp Hoa. Hai thứ này tuy khác nhưng Nhất thừa không khác, vì vậy cho nên tất cả Chư Phật đều nói kinh Pháp Hoa. Niết-bàn giáo khởi chỉ vì bác bỏ bệnh vô thường nên thường lạc, nếu chúng sinh không bị bệnh vô thường thì không cần nói về thường lạc, vì vậy cho nên Đức Phật hoặc nói Niết-bàn, có khi không nói.

Hỏi: Vì sao văn kinh Pháp Hoa chưa nói nhân Phật tánh, quả pháp thân, vì sao không cần Niết-bàn ư?

Đáp không cần nói. Vì sao? Vì xưa có năm thừa cho nên có ngũ tánh, nay chỉ có nhất Phật thừa tức chỉ có nhất Phật tánh, cho nên người lợi căn liền biết có Phật tánh. Xưa có năm thừa tức quả năm thừa là vô thường, nay chỉ một Phật tức quả Phật là thường, cho nên cũng không cần nói riêng pháp thân là thường. Chỉ vì Đức Phật Thích ca xuất hiện ở đời vẫn đục, Nhất thừa nhân quả chưa ngộ cho nên lại nói nói rộng Niết-bàn.

6) Nói việc quá khứ, chỉ bày việc sinh tử lâu dài. Nay người Nhị thừa khởi tâm nhàm chán sâu xa, ông ở đời quá khứ vốn cầu Phật đạo trải qua nhiều kiếp thoái trụ Tiểu thừa, thật đáng thương xót! Ta đã thành Phật lẽ ra ông nên vui mừng kính mến, người Nhị thừa nghe liền phát tâm cầu Phật.

7) Nói việc đời trước, người hạ căn nhân nghe được lãnh giải, nói thí dụ buộc hạt ngọc trong ché áo cho những người chưa ngộ hiểu.

8) Ba phen nói đã đầy đủ, rộng phát tích quyền hành chính là khiến cho những người tu hành Tiểu thừa biết Bồ-tát khó thể nghĩ bàn, đổi sang chí cầu thành Phật. Vì có tám nghĩa như thế cho nên nói phẩm Hóa Thành. Lại nữa muốn nói công đức trí tuệ như thật cho nên nói



kinh này.

Hỏi: Vì sao gọi là trí tuệ phước đức như thật ư?

Đáp:

1) Phước tuệ như thật là từ thật lý sinh ra, vì Nhất thừa là thật cho nên năng sinh tuệ như thật. Thật tuệ: trên ba chu nói pháp sinh Ba thừa tin hiểu thọ ký thành Phật, nay sẽ nói công đức như thật. Công đức như thật nghĩa là thọ trì, đọc tụng, viết chép, giải thích. Như nói tu hành sinh phước như thật khó có thể sánh lường, tin pháp như thật thì được phước không lỗi, chê bai pháp như thật thì mắc tội rất lớn. Nay muốn chỉ bày tội phước như thật cho chúng sinh nên nói kinh này.

2) Chư Phật nói pháp có hai môn: a) môn Trực thuyết. b) môn Xưng tán. Ở trên ba chu nói pháp gọi là môn trực thuyết, nay khen ngợi kinh lược, kinh dụng gọi là môn xưng tán.

3) Lại có hai môn: a) môn Nhất thừa thể. b) môn Nhất thừa công dụng. Môn Thừa thể: trên đã nói rồi, nay muốn nói môn thừa công dụng nên nói kinh này. môn Thừa dụng: là năng sinh phước tuệ.

4) Lại có hai môn: a) môn Sanh tuệ. b) môn Sanh tín. Trên ba chu nói đã sinh tuệ môn, còn lại những người chưa tin nay dự nghe công đức kinh khiến sinh tín tâm gọi là môn sinh tín.

5) Lại có hai môn: a) môn Tự hành. b) môn Hóa tha. Trên ba chu nói pháp khiến Ba căn ngộ giải nên gọi là môn tự hành, nay truyền hóa cho người chưa nghe gọi là môn hóa tha.

6) Lại có hai môn: a) môn Thọ ân. b) môn Báo ân. Trên ngộ giải là môn thọ ân, nay người được ngộ truyền dạy cho người chưa ngộ, giúp Phật mở mở mang giáo hóa gọi là môn báo ân.

7) Lại có hai môn: a) môn Chánh thuyết. b) môn Lưu thông. Trên là môn chánh thuyết nay chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh gọi là môn lưu thông, giải thích phẩm Pháp sư này bao gồm giải thích các phẩm, nói về việc công đức môn lưu thông.

Lại nữa, muốn nói lên thân Như lai thân Phương Tiện, là chân thật cho nên nói kinh này.

Hỏi: Thế nào là thân Phương Tiện, là chân thật ư?

Đáp:

1) Dùng pháp thân làm chân thật, tích thân làm Phương Tiện, chỉ vì hai thân bản tích gồm có bốn thứ: a) Sanh diệt làm tích thân, b) vô sinh diệt làm bản thân như Phật Đa Bảo tuy diệt mà bất diệt. c) nói lên Đức Thích-ca tuy san mà bất sinh, bất sinh bất diệt gọi là bản thân. d) Bất sinh thị hiện sinh, bất diệt thị hiện diệt gọi là tích thân.

2) Nói lên bản một mà tích nhiều. Như nhóm họp phân thân Chư Phật mười phương, muốn nói đức Thích ca làm bản Chư Phật làm tích, vì sao? Vì Chư Phật bình đẳng chỉ là tích, đều dùng thân mình làm bản. Phải biết đức Thích ca và Chư Phật đều là tích, chẳng phải đức Thích-ca, chẳng phải Chư Phật mà chính là một bản thống nhất, cho nên nói bản một mà tích nhiều

3) Nêu Đức Thích-ca và phân thân: đây y cứ một Đức Phật nói về nghĩa bản tích, như một pháp thân Phật làm bản mà hiện bày tất cả tích.

4) Vì Đức Đa Bảo và Thích-ca ngồi tòa là muốn tiêu biểu Chư Phật mười phương đồng một pháp thân, vì đồng một pháp thân cho nên hiện bày tất cả tích.

Luận Nhiếp Đại thừa nói hai thứ bình đẳng:

1) Bình đẳng chung: như một pháp thân Phật làm bản, bày tất cả tích.

2) Bình đẳng chung: nghĩa là Chư Phật mười phương đồng một pháp thân từ đó mà ra. Hoặc chỉ chấp riêng trước chung, hoặc chỉ chấp chung trước riêng, đều chẳng phải ý luận. Sau thấy luận Pháp Hoa nói thị hiện là nói lên sự bình đẳng, cho nên Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, đây là nói lên tự thân, tha thân, pháp thân, Phật tánh bình đẳng, chứng minh nghĩa thứ tư và nghĩa thứ nhất trong bốn nghĩa.

Hỏi: Nếu phẩm này nói đủ nghĩa bốn loại bản tích, phẩm Thọ Lượng làm sao nói được ư!

Đáp: Phật bỏ bản tích gồm có hai môn:

- 1) Thần thông luân môn.
- 2) Nói pháp luân môn.

Thần thông luân bỏ bản tích: Từ phẩm Hiện tháp báu đến phẩm Tùng địa dũng xuất, hiện có mười một thứ thần thông để bỏ bản tích:

- 1) Từ trong tháp vọt ra là tiêu biểu nghĩa Phật còn.
- 2) Trú hư không là tiêu biểu ẩn hiển không ngăn ngại.
- 3) Phát ra âm thanh, hoặc cho rằng ở trong tháp ấy mà thôi chưa đủ để tiêu biểu nghĩa vẫn còn cho nên phải phát ra âm thanh.
- 4) Tuy là có âm thanh kín đáo vô hình sợ chẳng phải âm thanh của Phật, cho nên mở Pháp cho thấy thân trong đó.

5) Chia tòa cùng ngồi: là muốn bình đẳng, nghĩa sinh diệt bình đẳng, đến bình đẳng. Nay nói diệt ở Song Thọ là tích chẳng phải chân, nay bình đẳng đến, là nói sinh trong cung vua quyền mà chẳng thật.

6) Nhóm họp Phật là nói bản một mà tích nhiều.

7) Biến cõi: tích thân đã chẳng phải thật thân, cõi tích cũng chẳng phải cõi thật. Đức Thích ca và hóa Phật là tích thân, biệt có chung bản một, hai cõi tịnh uế đều là cõi tích chẳng phải chỗ pháp thân nghỉ ngơi, chỗ riêng của pháp thân là cõi bậc nhất nghĩa Trung đạo.

8) Kế là chúng lên giữa hư không là tiêu biểu hư tâm trống rỗng bèn thấy pháp thân.

9) Phát tích Điều-đạt, để tiêu biểu thân một tượng sáu là quyền, Điều-đạt chẳng ác thị hiện ác, giống như Thích-ca bất sinh mà hiện sinh.

10) Nói lên Long nữ thành Phật, xưa thân nữ không thể hiện thân thành Phật, nay có thể thành Phật tức là xưa nói thân Như lai chẳng thường trụ nay mới nói thân Phật là thường.

11) Nói địa Bồ-tát ở phương dưới che phủ không hiện ra, phân chia mới nói lên, giáo xưa che phủ nên chưa nói lên pháp thân, nay giáo mới khai cho nên được rõ ràng. Mười một thứ này đều là môn thần thông để khai mở bản tích.

Từ Đức Di-lặc hỏi đức Thích-ca đáp là căn cứ nói pháp luân để bỏ bản tích.

Hỏi: Đoạn đầu bỏ ba bày một, nói giáo quyền thật, vì sao chỉ căn cứ nói pháp luân, nay căn cứ thần thông luân?

Đáp: Giáo quyền thật chỉ là nói pháp luân, bản tích của thân thuộc thần thông luân, nên môn sau căn cứ thần thông luân. Cho nên, đoạn văn dưới nói: “nay Ông lắng nghe! Như lai dùng sức thần thông bí mật. Lại nói: sức thần thông như vậy là do trải qua a-tăng-kỳ kiếp tu hành mà có được. Lại như Đại kinh khai pháp thân bí mật nêu rộng thần thông, bỏ bát-nhã thậm nói thuyết pháp, nay cũng như vậy. Lại trước hiện thần thông tức là mật bỏ bản tích, sau nói pháp thân tức là hiển bỏ bản tích. Phải trước mật khai sau mới được hiển khai. Lại, mật bỏ bản tích sinh lòng tin cho chúng sinh, hiển bỏ bản tích sinh sự hiểu biết cho chúng sinh.

Hỏi: Nói về bản tích thân vì sao căn cứ đủ hai luân và hiển mật ư?

Đáp: do quả đức sâu xa dứt bật nhân vị cảnh giới nên căn cứ hai nghĩa.

Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có hiển mật, nói rộng là hiển, nói lược là mật. Lại trước hiện tháp tuy biểu thị pháp thân là thường mà chưa nói là mới chứng pháp thân hay chứng từ lâu. Cho nên,

phẩm Thọ Lượng nói rộng nghĩa gần xa, Nói từ vô lượng lâu xa đã chứng pháp thân. Lại trước bỏ ba bày một trong đó cũng có chung riêng. Ban đầu nói chung hai trí của Chư Phật, kế nói riêng hai trí, nay bỏ gần, bày xa cũng đủ hai nghĩa chung riêng. Phẩm Hiện Thập bát nói chung bản tích Chư Phật, Phẩm Thọ Lượng nói riêng hai thân của đức Thích-ca. Lại ở trước nói thẳng pháp thân, phẩm sau giải thích rộng các nghi ngờ. Lại trước chỉ nói pháp thân chưa nói về dụng lợi ích chúng sinh ba đời, phẩm sau nói rộng nghĩa lợi ích chúng sinh. Lại Chư Phật tùy theo thể tục gồm có hai thứ. 1) Thân. 2) Mạng. Trước nêu pháp thân thường trụ, sau nêu tuổi thọ đồng thái hư. Lại trước nói vô sinh diệt, sau nói vô tử chung. Vô thủy chung: A-dật-đa không thấy tử kia, bậc Bồ xứ đầu lượng được chung kia. Đây là trình bày chung phẩm Thập bát và phẩm Thọ Lượng xong.

Về sau thấy luận nói ba thân đầy đủ, lẽ nào chẳng phải là nói căn cứ rõ ràng của thường ư! Lại nữa muốn nói công hạnh quan trọng của Bồ-tát nên nói kinh này.

Hỏi: vì sao nói hạnh Bồ-tát, hạnh Bồ-tát có bao nhiêu thứ?

Đáp: Bồ-tát có bốn hạnh quan trọng như trước đã nói.

Hỏi: Vì sao nói Hạnh Bồ-tát?

Đáp:

1) Ở trên dùng ba châu bỏ quyền bày thật, phá chấp Ba thừa tức là phát tâm Bồ-đề, phát tâm Bồ-đề rồi nên tu Hạnh Bồ-tát. Như đồng tử Thiện tài trong Hoa Nghiêm, ở mỗi chỗ tri thức đều nói: Tôi trước đã phát tâm Bồ-đề mà chưa biết làm sao tu Hạnh Bồ-tát, học đạo Bồ-tát. Cho nên kế phát tâm tức là nói về tu hành.

2) Nói Hạnh Bồ-tát tức là nói kinh Pháp Hoa, kinh Pháp Hoa nói về Nhất thừa, Nhất thừa tức Hạnh Bồ-tát nên căn cứ Hạnh Bồ-tát để nói về Nhất thừa. Cho nên, Kinh này nói: “là pháp giáo hóa Bồ-tát được Phật che chở.”

3) Trên đây tự nói và chứng nói đã xong, muốn chỉ bày phương pháp mở rộng ý kinh, phương pháp tức là bốn hạnh, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Vì ngăn dứt mọi người nghe trên bỏ quyền bày thật, nêu một rõ ba, liền nói có ba, một có khai có hợp. Cho nên, nay nói Hạnh Bồ-tát thật tướng các pháp, không có thượng, trung, hạ, chẳng phải một chẳng phải ba, chẳng khai chẳng hợp, ba một khai, hợp đều là Phương Tiện hóa vật, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Có người muốn cầu Phật đạo, lo sợ sinh tử, gặp nhiều hoạn nạn,

thoái tâm Bồ-đề, ngưng các hành dứt, nay vì người này nên nói Bồ-tát có bốn hạnh khiến thân tâm an vui, người kia nghe rồi vững tâm không lui sụt cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

6) Muốn phát khởi quả Như lai thọ mạng cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Phẩm dưới nói Như lai có quả bất khả tư nghì, như gọi là sinh diệt tự tại vô ngại. Như quả mâu nhiệm này là do nhân mâu nhiệm, vậy nên nay nói Hạnh Bồ-tát tức là nhân mâu nhiệm. Phẩm An Lạc Hạnh đã xong.

Lại nữa muốn nói rộng trí tuệ công đức của các Bồ-tát, thuyết giảng thông suốt pháp này ủng hộ chúng sinh nên nói kinh này. Như nói công đức trí tuệ của các vị như Dược Vương, Diệu Âm, Quán Âm cho đến Phổ Hiền.

Hỏi: Vì sao nói công đức trí tuệ của các Bồ-tát ư?

Đáp:

1) Nhất thừa có hai thứ: a) Sở thừa của Chư Phật đại nhân cho nên gọi là Đại thừa. b) Là chỗ nương vững chắc của các Đại Bồ-tát cho nên gọi Đại thừa. Như luận Thập Nhị Môn chép: ở trên nói tuổi thọ của Như lai và tri kiến Phật v.v... là năng thừa sở thừa của Chư Phật đại nhân, nay muốn nói sở thừa vững chắc của các đại Bồ-tát cho nên gọi là Đại thừa.

2) Nói công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn của các Bồ-tát khiến cho người Nhị thừa sinh tâm rất hổ thẹn bỏ tông kia, thì khiến cho người chưa phát tâm Nhị thừa không còn phát tâm, cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

3) Phạm phu Nhị thừa đã phát tâm Bồ-đề tu Hạnh Bồ-tát, đã tu Hạnh Bồ-tát nên giải hạnh tăng tiến cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

4) Kinh Tịnh Danh nói: hoặc dùng Chư Phật mà hóa Phật sự hoặc dùng Bồ-tát làm Phật sự, Phật sự, khác nhau được ngộ nhiều cách. Trên đây là nói Đức Phật thành Phật sự đã rồi, nay muốn nói Bồ-tát thành Phật sự cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

5) Muốn khen ngợi công lực kinh này cho nên nói Hạnh Bồ-tát, còn đại Bồ-tát có công đức trí tuệ không thể nghĩ bàn đều do Pháp Hoa thành tựu, nếu muốn được công đức như thế thì phải tu hành kinh Pháp Hoa.

6) Muốn mở kho bí mật cho nên nói kinh này, trong pháp Thanh văn nói các Bồ-tát cho đến Nhất sinh Bồ xứ, Bồ-tát còn là phạm phu chưa dứt phiền não, nay nói trong pháp Đại thừa các Bồ-tát đặc vô sinh nhĩ, phiền não thanh tịnh có sáu thân thông, vượt lên tất cả Thanh văn Bích-chi-phật, khiến cho các Phương Tiện phân thân trong sáu đường,

---

lợi ích chúng sinh cho nên nói Hạnh Bồ-tát.

7) Muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh đời vị lai khiến được thọ trì kinh Pháp Hoa khiến không gặp nạn. Phật tuy cách thế gian nhưng các vị Bồ-tát thường ở thế gian làm lợi ích cho tất cả, muốn cầu thỉnh ủng hộ không nguyện nào không theo, cho nên nói Hạnh Bồ-tát. Đây là giải thích chung các phẩm Dược Vương v.v...

Về sau thấy luận chép: Muốn nói năng lực ủng hộ các nạn cho chúng sinh nên nói các phẩm Quán Âm, Đà-la-ni, v.v... Vì thị hiện công đức lực cho nên nói phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương. Nương công đức quá khứ, đồng tử kia có sức lực như vậy cho nên hộ pháp thân, cho nên nói phẩm Phổ Hiền Bồ-tát. Ở đây giải thích hơi giống với nay. Như vậy, xét ý trong các phẩm nên nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Thích luận quyển một trăm chép: “Kinh Pháp Hoa vô lượng vô biên như số giọt nước trong biển lớn, do văn vô lượng nên nghĩa cũng vô lượng,” Cho nên, nói kinh Pháp Hoa, nhân kinh cũng lại vô lượng, nay chỉ nói lược.

Hỏi: vì sao không thứ lớp nói hai mươi tám phẩm ư?

Đáp giải thích văn kinh, lưu nói chung theo thứ lớp, nay chỉ trình bày tông chỉ quan trọng.

Hỏi: Y theo luận nào mà nói như thế?

Đáp: Y theo luận Đại Trí độ mà nói, xét ý trong các phẩm cho nên nói nhân duyên Bát-nhã, nay lại nương, ý luận cho nên giải thích như thế. Thích luận là phép tắc giải thích kinh, muốn giải thích kinh Đại thừa thì phải hiểu rõ.



# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 2

### I. Giải thích tên gọi:

Gọi đủ tiếng Phạn lẽ ra gọi “là Tát-đạt-ma Phân-đà-lợi Tu-đa-la”. Ngài Trúc Pháp Hộ dịch là “Chánh Pháp Liên Hoa”, ngài La-thập đổi chữ Chánh thành chữ Diệu, ngoài ra y theo kinh cũ. Ngài Tuệ Viễn dùng cả hai thuyết, lại dùng nhiều tên gọi khác như Chân pháp, Hảo pháp v.v... Lời bình rằng ngài La-thập đổi chữ Chánh thành chữ Diệu phải có ý sâu nay thử luận bàn, chánh là đối với Tà, được gọi là diệu do hình thô nên được tên, cho chín mười sáu thuật là tà, pháp năm thừa là chánh, đây thì chánh mà nghĩa kém. Năm thừa tuy chánh nhưng vẫn chưa phải diệu cực, chỉ có Nhất thừa rất đối vô thượng thọ tên Diệu là hơn; cho nên bỏ dịch trước, dùng dịch sau. Tụng rằng: Thừa ấy mâu nhiệm thanh tịnh, bậc nhất thắng nhị thừa, đối các thế gian không có trên, ngoài thừa trời người, cho nên đối với thừa thô kia lấy Phật thừa làm Diệu.

Hỏi: Diệu có bao nhiêu thứ?

Đáp: nói lược có hai nghĩa:

1) Diệu tương đãi.

2) Diệu tuyệt đãi.

Diệu tương đãi: là đối với thô nói Diệu. Diệu tuyệt đãi: là chẳng thô chẳng diệu không biết dùng chữ nào nên gượng gọi là Diệu.

Hỏi: Vì sao lập hai diệu này?

Đáp: đến như người khéo léo một phen đối với thô nói Diệu, đối với chấp danh gọi là Đạo thì chẳng phải lý thô lẽ ra là diệu; cho nên kể nói đối với thô nói Diệu chưa phải là hảo diệu. Vì sao? Tuy là tuyệt thô mà vẫn chưa diệu, nếu chẳng thô, chẳng diệu, thô diệu đều bật dứt mới gọi là diệu, nói tuyệt đãi khởi từ đây.

Trong lời tựa kinh, Ngài Quán Công nói: “Nhờ hoa tuyên nghĩa vi tế, mà biểu trưng sự nhiệm mầu của Đạo, gọi là Diệu mà thể dứt sự tinh, thô”. Tụng rằng: “Pháp ấy không thể chỉ bày, ngôn từ tướng vắng



lặng, người Nhị thừa do đó dứt lo nghĩ, Bồ xứ do đó dứt mong cầu chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu đạt cùng tận. Lời bình rằng: “Quán công ngụ ý giống như nghĩa bài Tụng. Nạn hỏi: Giải thích rõ điều này chỉ nói quả diệu, thừa có cả nhân quả không nên chấp thiên lệch chăng? Đáp: Dùng lý nói chỉ có quả diệu. Nhân thừa chưa cùng tốt thì chẳng diệu, chỉ vì nhân học quả hành cho nên tùy phần nói Diệu. Có người chỉ dùng nhân thừa làm diệu thì chưa rõ ráo nguồn gốc của Diệu.

Kế là nói về hai diệu:

1) Bồ ba bày một để Nói Diệu.

2) Bồ gần bày xa: để nói về Diệu, đây là tông lãnh của một kinh. Cho nên, căn cứ đây để nói về diệu tức là giải thích Pháp thứ hai. Căn cứ vào hai diệu, đầu tiên là nói chung về mười cặp, kế là nói riêng nhân quả, nghĩa này nếu thành thì gọi là Diệu, nếu kia không thành thì chẳng phải Diệu.

**Thứ nhất: Nói chung về mười cặp là:**

Hỏi: Ở đây nói Diệu: quả Phật là thường cho nên nói Diệu hay chưa phải thường cho nên nói Diệu?

Đáp: Quang Trạch Vân công nói: Vẫn là vô thường, vì sao? Vì giáo có năm thời chỉ có thời Niết-bàn thứ năm là giáo thường trụ, bốn thời còn lại đều là vô thường, Pháp Hoa là thời giáo thứ tư cho nên thân Phật cũng là vô thường. Lại kinh này tự nói vô thường như văn dưới nói: lại gấp bội số trên. Tuy là nói lâu dài mà cuối cùng tự có hạn, cho nên biết vô thường. Lại Phẩm Dược Thảo nói: “Cuối cùng trở về Không”, nói cùng trở về không: đã là vô thường thì cuối cùng nhập vô dư.

Hỏi: Đã nói vô thường thì là liễu nghĩa hay không liễu nghĩa?

Đáp: Kinh này nói về Nhất thừa liễu nghĩa, để phân biệt với vô thường không liễu nghĩa, cho nên vừa liễu vừa không liễu.

**Lời bình rằng:** Kinh này mở môn Phương Tiện chỉ bày tướng chân thật, mở hai thứ Phương Tiện chỉ bày hai thứ chân thật, hai Phương Tiện là thừa Phương Tiện và thân Phương Tiện; hai thứ chân thật: là thừa chân thật và thân chân thật. Nếu vậy trước mở ra Ba thừa là Phương Tiện thì Nhất thừa là chân thật, đã là nói thật thì gọi là liễu nghĩa, sau khai thân Phương Tiện, thân chân thật, vì sao chưa phải nói thật là không liễu nghĩa! Nếu đồng là Phương Tiện, chân thật lấy sau làm bất liễu nghĩa, trước lẽ ra cũng như vậy. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu, lấy sau làm bất liễu, cũng nên lấy sau làm liễu, lấy trước làm bất liễu. Lại đồng là Phương Tiện chân thật, lấy trước làm liễu lấy sau làm bất liễu thì trước chia làm mãn giáo sau chia làm bán

giáo, trước chia làm sâu xa sau chia làm nông cạn, vì có lỗi điên đảo. Nay đã nói nương kim khẩu Phật dạy, đoạn đầu nói về quyền thật thừa, đoạn sau nói quyền thật thân. Quyền thật thừa gọi là thừa rốt ráo, quyền thật thân gọi là thân rốt ráo. Nếu nói thừa quyền thật là rốt ráo, thân quyền thật không rốt ráo thì người ấy chỉ tin phần kinh đầu, không tin phần kinh sau, cho nên tin không đầy đủ. Đại kinh chép: Trong mười hai bộ chỉ tin sáu bộ không tin sáu bộ. Lời nói này nghiệm biết.

**Thứ hai nói về nghĩa nhân quả:** Xưa nói lúc mới bỏ ba bày một để nói về nhân, kể là bỏ gần, bày xa để nói về quả; dựa theo xưa phán xét thì nhân vừa mãn vừa bán, quả thì chỉ có bán không có mãn, rõ ràng gom ba về một cho nên Nhất thừa rốt ráo là nhân mãn. Chỉ vì nói duyên nhân chưa nói về chánh nhân cho nên nhân không mãn, rõ ràng quả tuy có gần xa khác nhau nhưng đều là vô thường cho nên chỉ nói có bán mà không có mãn. Lời bình giải thích này có hai lỗi:

1) Đoạn đầu nói về nhân, chương sau nói về quả, nghĩa ấy không đúng. Trước nói số nhân ba quả ba, nay nói nhân một quả một, đầu được bỏ ba bày một chỉ nói về nhân ư! Nếu nay nói một chỉ là nhân thì xưa nói Ba thừa việc ấy cũng như vậy. Lại nay nói một quả Phật thừa rốt ráo nói ba nhân ba quả trước đều không rốt ráo, chính là dẫn vật quả nhất, vì sao mới nói về nhân ư! Nghĩa này trong văn đã nói.

2) Nếu nói đoạn đầu nêu nhân liễu, chương sau nói quả chưa liễu tức nhân hơn mà quả kém. Nhân sâu mà quả cạn nghĩa ấy không đúng. Lại nhân khác Thanh văn, quả đồng A-la-hán, vì sao? Vì gom ba về một cho nên nhân khác Thanh văn, vẫn là vô thường nên quả đồng La-hán. Lại do một nhân này cảm quả vô thường, cũng nên dùng hai nhân trước chiêu cảm báo thường trụ, không thể dùng nhân Ba thừa đắc quả thường trụ cũng không thể dùng nhân Nhất thừa đắc quả vô thường. Lại nhân mãn quả bán thì nhân chẳng phải quả, nhân quả chẳng phải nhân quả, cho nên là nghĩa phi nhân quả. Nay đã nói là đối phá hai lỗi để nói hai được. Đoạn đầu bỏ ba bày một:

1) Có cả nhân lẫn quả cho nên trước thì có nhân ba, quả ba, nay thì có nhân một, quả một.

2) Kinh này nói về nhân rốt ráo, quả tròn đầy, nhân là gom ba về một, nhân là nhân mãn, quả bỏ gần bày xa, quả gọi là quả viên, cho nên nhân gọi là quả, nhân quả gọi là nhân quả.

Lại nhân đầy đủ hai nhân cho nên nhân mãn:

1) Chánh nhân gọi là Phật tánh.

2) Duyên nhân tức là muôn thiện như trước đã nói.

Quả đủ hai quả:

1) Quả Tích thân.

2) Quả Pháp thân.

**Thứ ba nói về ba đức:** đoạn kinh đầu nói hai trí quyền thật tức là Bát-nhã, đoạn sau nói bản tích gọi là pháp thân, hai trí này không có hệ lụy nên gọi là giải thoát, vì vậy nên kinh này nói ba đức đầy đủ nên gọi là thường.

Hỏi: Đại kinh có thể ba đức, kinh này vì sao cũng nói ba đức ư?

Đáp: Kinh này nói nhân nhất Phật thừa, quả nhất Phật thừa; nhân nhất Phật thừa là nhân đủ muôn hạnh, quả nhất Phật thừa là quả đủ ba đức nhân Nhị thừa, là nhân không đủ muôn hạnh, quả Nhị thừa là quả không đủ ba đức. Nếu quả không đủ ba đức thì quả chẳng khác Nhị thừa, nhân không đủ muôn hạnh thì nhân chẳng khác Nhị thừa! Đâu thể như vậy ư!

Hỏi: Làm sao biết đoạn đầu nói Bát-nhã, đoạn sau nói Pháp thân?

Đáp: Bát-nhã là khẩu mật, Pháp thân là thân mật, như phẩm Tứ Tướng nói. Trước nói trí quyền thật nên gọi là Bát-nhã, sau nói thân bản tích nên phải nói về Pháp thân. Giải thoát: hai thứ này không bị lệ lụy thì gọi là giải thoát.

**Thứ tư là đối trị hai duyên:** Ban đầu là nói trí quyền thật đối Thanh văn nói, nay nói thân bản tích đối Bồ-tát mà nói. Đối Thanh văn nói: Thân tử là tội cùng trong Tiểu, Đại Tiểu giao kế cho nên bỏ Tiểu về Đại. Đối Bồ-tát mà nói: Di-lặc là tội cùng của nhân hạnh, gần với Pháp thân, cho nên trái với nhân vô thường khiến chứng đắc quả thường. Nếu Pháp thân cũng vô thường thì nhân quả đồng địa vị, nhân ở người lại đâu có gì học ư! Lại nhân cũng vô thường, quả cũng vô thường thì nhân ở vị người có thể sánh lường quả đức, ngài Từ Thị Di-lặc đâu có gì nghi ư! Nay đã nói trước đối với người Tiểu thừa mà nói Đại thừa khiến bỏ Tiểu về Đại, nay đối với người chấp vô thường nói thường, khiến người chấp vô thường chứng thường. Lại Tiểu thừa yếu, Đại thừa mạnh, cho nên nói Đại, dùng dẫn Tiểu khiến Tiểu mến Đại; vô thường kém mà thường hơn, cho nên nói thường để dẫn vô thường. Khiến người chấp vô thường hâm mộ thường, cho nên có hai giáo, hai duyên, hai đoạn khác nhau. Nếu pháp thân vô thường thì giáo không có khả năng dẫn duyên, duyên không có lý hân hoan đối với giáo.

**Thứ năm là nói về song trị (trị cả hai):** Đoạn đầu nói Nhất thừa khác với Ba thừa trước, cho rằng ba là bệnh, một là thuốc, dùng một bác

bỏ ba. Chương sau nói nay thường, khác xưa vô thường, thường là thuốc, vô thường là bệnh, dùng thường bác bỏ vô thường, cho nên có xưa nay thuốc bệnh trị nhau. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có trị trước không trị sau, thì bệnh trước được lành, bệnh sau không dứt.

Hỏi: Quả cũng khác xưa, xưa trải qua tám mươi hoặc bảy trăm tăng kỳ, nay nói lại gấp bội số trên đâu chẳng phải khác ư!

Đáp: Tuy nói là gấp bội mà cuối cùng là vô thường chỉ ngắn dài là khác ư! Nếu cuối cùng là vô thường thì không hề trị sau, nếu nói xưa là ngắn vô thường nay là dài vô thường cuối cùng là vô thường thì lẽ ra cũng ngày xưa thô ba ngày, nay diệu ba cuối cùng có ba. Nếu ba, một đối nhau, xưa ba hợp với không ba, lẽ ra cũng là thường, vô thường đối nhau, xưa vô thường nay không vô thường.

**Thứ sáu là nói hai địa:** Đối hai thứ sinh tử, trước gom ba về một thì thoát khỏi hai địa, thừa trời người nhập Nhất thừa cho nên lia địa phạm phu, Thanh văn, Duyên giác nhập Nhất thừa cho nên lia địa Nhị thừa; lia hai địa Phạm Thánh cho nên phát tâm Bồ-đề, dần dần tu hành nhập Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa cho đến Đẳng giác, ở đây nghĩa nhân tròn đầy. Nếu quả cũng là vô thường thì chưa tránh khỏi hai thứ tử, nếu chưa thoát hai thứ tử thì chưa vượt qua năm trăm do-tuần. Nếu đã vượt qua năm trăm do-tuần tức là đã thoát khỏi vô thường. Lại nếu quả chưa thoát khỏi hai thứ tử thì quả chưa viên, nếu quả chưa viên thì nhân Thập địa cũng không mãn; nói về nghĩa nhân cũng không thành. Nay nói đoạn đầu khiến cho tất cả chúng sinh lia địa vì Phạm phu Nhị thừa phát tâm Bồ-đề cho đến tu hành Hạnh Bồ-tát đến Đẳng giác. Chương sau nói quả dứt hẳn năm trụ phiền não, đủ làm nghiêng đổ hai thứ tử cho nên nghĩa quả viên. Do nhân mãn quả viên nên kinh này rất ráo.

**Thứ bảy là nói hai thứ diệu:** Đoạn đầu nói Nhất diệu, đoạn sau nói thường diệu. Đoạn đầu nêu 1 diệu: Vì Đạo không hai nên gọi là một Như Hoa Nghiêm nói: “Tất cả người vô úy, một đạo thoát sinh tử”. Nhưng nhất đạo có hai thứ:

1) Có chín mươi sáu thứ khác nhau nên gọi là nhất.

2) không có năm thừa khác nhau nên nói nhất, không có hai thứ này cho nên nói nhất đạo.

Do không có nhất đạo cho nên trái với đạo gọi là thô, đạo không hai cho nên gọi là diệu, nên đoạn đầu chánh là nói tất cả chúng sinh nhất đạo thanh tịnh. Đoạn hai nói nhất đạo là thường. Tuy biết nhất đạo thanh tịnh chỉ vì chưa biết nhất đạo là thường hay vô thường, nên kể là

nói nhất đạo là thường; do đạo là thường nên là diệu. Đức Như lai là người đã chứng Nhất đạo là vì đạo thường nên Chư Phật cũng thường, do đạo diệu cho nên người thấu đạt thì đạo cũng diệu, do đạo nhất nên người thông đạt đạo cũng nhất, cho nên Chư Phật mười phương đồng một pháp thân.

Vì sao? Vì phi đạo đã là vô thường, đạo cũng vô thường, đạo và phi đạo rất cuộc có gì khác nhau ư! Nếu như do trước nói chỉ có một diệu không có thường diệu, thì vì diệu không đủ nên không thể gọi là Diệu Pháp Hoa. Lại nhất đạo là thường cho nên một có thể gọi là diệu, do trước nói một cũng là vô thường cho nên một cũng chẳng phải diệu. Nếu vậy chẳng những vô thường diệu, cũng không có một diệu, đã không có hai diệu chỉ có hai thô. Nay nói chỉ một chánh đạo tùy nghĩa mà nói, cho đến cùng cực không hai nên gọi là một, thể chẳng sinh diệt do đó gọi là thường.

**Thứ tám là nói ba sự dẫn dắt.** Đức Thích-ca một phen hóa độ gồm có ba dẫn:

1) Trước Pháp Hoa gọi là dẫn tà trở về chánh, khi Phật chưa xuất thế có hai thứ tà pháp: a) chín mươi sáu thuật của ngoại đạo xuất gia. b) Hết thấy chúng sinh tại gia thế tục. Hai hạng này tuy khác nhau nhưng đều không phải pháp Phật nên gọi là tà. Đức Như lai xuất thế dẫn dắt hai hạng người này trở về chánh pháp năm thừa. Trong hai hạng người này có người không nghe phi pháp do căn lành trời người mà thành thực, người có căn tánh Ba thừa thì dùng pháp Ba thừa mà hóa độ cho họ, cho nên dẫn dắt hai hạng tà này qui về chánh đạo năm thừa

2) Dẫn khác trở về đồng: trước Pháp Hoa tuy tránh khỏi hai thứ tà nhưng lại chấp năm thừa khác nhau vì vậy cho nên dẫn năm thừa này qui về Nhất thừa tức ý đoạn đầu

3) Dẫn nhân trở về quả: Năm thừa tuy nhập Nhất thừa còn là nhân vị cho nên dẫn nhân trở về quả khiến chứng pháp thân, như hàng Thanh văn lãnh giải rõ ràng bắt đầu vị Thập tín, Di-lặc dứt nghi nói rõ cuối cùng của Thập địa, dẫn hai nhân đầu cuối này trở về quả rốt ráo pháp thân của Như lai. Ba dẫn này chẳng giáo nào không thấu, nhiếp, chẳng nghĩa nào không cùng tận, chẳng phải chỉ hạn cuộc đức Thích-ca mà chính thông suốt Chư Phật. Đã dùng ba dẫn rốt ráo cho nên gọi là kinh tròn đầy tức là liễu nghĩa thường trụ. Lại ba dẫn rốt ráo nên phẩm dưới nói nhiều người đắc đạo. Từ trước Pháp Hoa chỉ có dẫn đầu chứ chưa có hai dẫn cho nên người đắc đạo còn ít. Nếu đoạn sau còn nói vô thường thì chỉ có hai dẫn chứ không có ba dẫn. Lại chỉ có dẫn Thanh văn chứ

không có dẫn Bồ-tát, do Thanh văn không tin một nay khiến nhập một cho nên dẫn Thanh văn. Bồ-tát và Phật đồng là vô thường làm sao dẫn Bồ-tát ư! Lại cũng không được dẫn Thanh văn. Vì sao? Vì Chư Phật và chúng đệ tử Thanh văn, Duyên giác đều là thân vô thường làm sao dẫn được. Lại nếu Phật vô thường khiến cho người Nhị thừa thoái tâm không còn cầu thành Phật. Lại người Ba thừa cũng là vô thường gọi là bán tự. Đại kinh chép: “Vì Thanh văn nói bán tự”. Kinh này chính là dạy Bồ-tát vì sao nói bán tự!

Hỏi: Ba dẫn rất ráo vì sao lại nói Niết-bàn?

Đáp: Các con có hai thứ:

- 1) Không thất tâm.
- 2) Thất tâm.

Con không thất tâm khi nghe ba dẫn rất ráo đều được lãnh ngộ, còn người thất tâm khi nghe ba dẫn thì không ngộ được cho nên Phương Tiện xướng diệt vì nói Niết-bàn mới được thọ đạo; như vậy Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói.

Hỏi: Niết-bàn vì hàng độn căn mà nói nên cạn cợt ư!

Đáp: Giáo chẳng phải nông cạn, chỉ vì duyên ngộ nên chuyển thế mà nói, Như cũng là một loại thuốc, người không thất tâm uống trước, người thất tâm uống sau, cũng là một chánh đạo người lợi căn thì ngộ trước kẻ độn căn ngộ sau ! Niết-bàn Pháp Hoa lại càng không khác.

Hỏi: Niết-bàn là vì hàng độn căn mà nói, vì sao kinh nói vì Ca-diếp là hàng tợng loài vương trong người mà nói ư?

Đáp: Cần phải hiểu hai duyên:

- 1) Trải qua giáo không ngộ duyên, đây là hàng rất độn căn đến Niết-bàn mới ngộ.
- 2) Trước đã đắc ngộ nay đến Niết-bàn càng lại tiến ngộ, như hàng đại lợi căn, Ca-diếp, v.v... vì hạng này nên nói Niết-bàn. Lại có căn duyên không nghe giáo trước, nghe thẳng Niết-bàn liền biết đủ Như lai rất ráo nhân quả gọi là người đại lợi căn.

Hỏi: Đã nghe giáo trước được ngộ vì sao gọi là độn? Trục kế nghe Niết-bàn lãnh giải vì sao gọi là lợi ư!

Đáp: Nghe qua các giáo từ Tiểu đến Đại từ cạn nhập vào sâu, nên gọi là độn, trục kế nghe rất ráo mà ngộ gọi là độn căn.

**Thứ chín là nói về nghĩa ba luân:** Đoạn đầu bỏ ba bày một, nghĩa là giáo quyền thật gọi là nói pháp luân, chương kế nói về bỏ gần bày xa gọi là thân thông luân, nói pháp luân nghĩa là tất cả giáo từ đầu đến cuối, tất cả giáo tuy nhiều mà không ngoài quyền thật; năm thừa tức

quyền giáo, Nhất thừa tức thật giáo. Trước thì chia một thành năm nay thì thu năm trở về một. Thần thông luân nghĩa là tất cả thân từ đầu đến cuối, tất cả thân tuy nhiều nhưng không ngoài thân bản tích. Đầu sinh cuối diệt trước phạm sau Thánh gọi là tích thân, không đầu không cuối không sinh không diệt, xưa thì dùng bản thù tích nên ẩn bản vì hiển tích nay thì dùng tích hiển bản, phết tích mà nói về bản. Tha tâm luân: thông quán suốt hai giáo hai thân.

Hỏi: Trước Pháp Hoa có nghĩa ba luân hay không?

Đáp: Cũng có ba luân, nhưng nói pháp luân chưa khai giáo quyền thật, thần thông luân chưa khai thân bản tích, nay bắt đầu khai cho nên khác xưa.

**Thứ mười là nói hai thuyết:** 1) Trực nói. 2) Giải thích nghi thành nói trước. Trực nói: Đoạn đầu nói không có chín mười sáu thứ tà dị cũng không có năm thừa chánh khác Chư Phật ba đời chỉ có nhất đạo. Đoạn hai thành nói trước, đạo tuy không hai nhưng vẫn là vô thường, lại đồng với chín mười sáu thứ đạo, cũng lại đồng đạo năm thừa không gọi là một đạo. Nay nói chín mười sáu đạo tự là đạo vô thường, nay nói một đạo là đạo thường, đạo năm thừa gọi là đạo vô thường, đạo Nhất thừa mới gọi là đạo thường cho nên nêu đạo thường thành nhất đạo ở trước. Kế là nói riêng nghĩa nhân diệu: Các vị xưa nói kinh này chỉ nói duyên nhân thành Phật chưa nói chánh nhân Phật tánh cho nên nhân cũng chưa diệu. Lời luận rằng: Trước đã nói lược, việc này không nên coi thường, nay sẽ nói rộng: Kinh này đối thô nói Diệu hình thức ba mà nói một, trước có Ba thừa thì có ba tánh nay chỉ Nhất thừa thì chỉ nhất tánh vì thường là như vậy, hoặc thừa một mà tánh ba vì thường không như vậy. Nay xin hỏi: Nếu thừa một mà tánh ba thì tánh đã có ba, tức chúng sinh có người thành Phật, có người không thành Phật, vì sao? Vì có nơi ba tánh mà không có nơi một tánh nên hoặc có người thành Phật có người không thành Phật. Nếu vậy vì sao kinh nói làm chút ít điều thiện đều thành Phật ư! Lại nếu nay không có tánh Nhất thừa mà thành Phật thì trước lẽ ra không có tánh Ba thừa mà thành Ba thừa. Lại trước có ba tánh mà thành lý ba, nay không có nhất tánh thì không thành lý nhất. Lại không có tánh Nhất thừa mà thành nhất, đồng với không có ba tánh sao không thành ba!

Lại đến Pháp Hoa tuy nói Nhất thừa còn có ba tánh Nhị thừa một mà tánh ba, nếu thừa một mà tánh ba thì xưa thừa ba mà tánh một; không thể thừa ba tánh một, đâu được thừa một mà tánh ba! Lại thừa một tánh ba tức sự trái nhau, người trí không tin. Ví như chỉ thành một



vì lại nói sữa có năm tánh, sữa có năm tánh đâu chỉ thành một vì, nếu thành một vị sao lại nói tánh năm! có chút hiểu biết chua mặn khác với cây đá, không nói lời này, có nói cũng không thành nghĩa làm sao lập. Nếu nói nay giáo không có tánh Ba thừa khác trước có ba tánh, lẽ ra nay giáo cũng có nhất tánh khác trước không có nhất tánh, bởi cũng là số như vậy.

Nếu nói nay nói không có ba tánh lại nói không có một tánh thì đã không có ba tánh không thành Ba thừa, nếu không có một tánh làm sao còn thành Nhất thừa! Nếu nói Phật không nói có tánh Nhất thừa lại không nói vô tánh, chỉ vì che tướng nói Nhất thừa thành Phật thì không thành nhân duyên Phật do đâu mà được thành Phật! Nói về thành Phật thì có nghĩa ấy, chúng sinh lý thành Phật có thể thành Phật! Không nói có lý, không có lý thì do đâu mà thành ư! Ví như không nói đá màu vàng có vàng hay không có vàng mà bỗng khiến cho người đùn luyên, việc ấy chưa nghe!

Hỏi: Kinh này đoạn dưới nói: Nhân thiên lưỡng túc tôn biết pháp thường vô tánh, đã nói vô tánh đâu được nói tánh Nhất thừa ư?

Đáp: Ở đây nói phá chấp tánh lại phá ngoại đạo và người Tiểu thừa chấp trong nhân có tánh, nếu như Đại kinh nói tánh của Phật tánh thì đâu được nói vô tánh ư!

Lại nạn hỏi rằng: Kia đã vô tánh cũng không có hạt giống Phật riêng khác với hạt giống Ba thừa, nay lại có hạt giống riêng khác hạt giống năm thừa vì sao không có tánh riêng khác với ba tánh ư! Nếu nói muôn hạnh là hạt giống không có tánh thì muôn hạnh của hạt giống này không có tánh làm sao được thành Phật. Lại một hạnh không thành Phật thì muôn hạnh cũng không thành Phật, muôn hạnh đã thành Phật thì một hạnh cũng chẳng thể nào không thành Phật được. Ngài Long Thọ nói: Trong đất bùn không có bình mà nặn ra cái bình, đầu ngón tay không có xe ngựa, thức ăn uống thì làm sao không có ra ư! Nếu lại nói sợ xưa ngã chấp chưa trừ nên không nói Phật tánh thì sao không sợ nay không được thành Phật mà nói có tánh! Không nên nhìn trước thì sợ, ngó sau thì mạnh dạn, lấy các việc suy tìm sẽ biết, nên nói Phật tánh lại nên nói Phật tánh, Vì sao? Vì Phật tánh là căn bản Phật thừa, do có Phật tánh cho nên nương vào duyên nói lên, nếu chỉ nói duyên nhân không nói bản tánh tức là bỏ gốc vịn cành, vì không sáng suốt.

Lại ngài Thiên Thân giải thích Kim Cương Bát-nhã đã nói Phật tánh hướng chi Pháp Hoa mà không nói, Lại sau khi Phật thành đạo năm năm nói kinh Như Lai Tạng, Nói có Phật tánh, hướng chi Pháp Hoa

mà không nêu. Nếu nói chẳng có thứ lớp giáo cho nên không cần phải dẫn, cũng có thể nói Kim cương, Bát-nhã là vô phương nói ư! Nếu nói ngài Thiên Thân, v.v... không đáng tin thì năm thời là ngài Tuệ Quán chế ra, bốn tông là do ngài Quang Thống trước thuật thì do đâu mà chấp nhận, trái Thánh thuận phạm vì chưa có thí dụ ư! Nếu nói không có văn nói Phật tánh nên không dùng thì văn Niết-bàn, Hoa Nghiêm không có Lê da, Niết-bàn Hoa Nghiêm lẽ ra chưa nói tám thức. Cho nên, không thể căn cứ một kinh khiến đủ tất cả giáo, thì duy nhất có một bộ, tám phương làm sao thi hành. Vì có Phật tánh nên tu hành thành Phật nên gọi là diệu. Nếu không có Phật tánh thì không thể thành Phật nên chẳng gọi là diệu.

Kế là nói riêng về thọ lượng các vị xưa nói: “Từ Đại Phẩm đến Pháp Hoa đều là vô thường.” ông dùng nghĩa gì để chứng minh Pháp Hoa là thường? Lời bình rằng: Nay dùng ba việc để chứng minh:

1) Chứng minh trước kinh Pháp Hoa.

2) Bà-tử soạn luận Kim cương, Bát-nhã cho rằng ba tướng khác thể cho nên lia ba tướng kia là Như lai, ở đây nói ba tướng sinh trụ diệt cùng pháp thân khác thể, lia ba tướng kia là một pháp thân Như lai thì biết Kim cương Bát-nhã đã nói nghĩa thường hướng chỉ Pháp Hoa ở sau mà là vô thường ư! Bát-nhã là hơn Pháp Hoa là kém. Phẩm Thường Đề trong kinh Đại Phẩm nói: Sắc thân Chư Phật có đến có đi, pháp thân Chư Phật không đến, không đi là nói pháp thân là thường, hướng chỉ là Pháp Hoa ư. Kinh Tiểu phẩm nói rõ pháp thân không thể dời đổi biến diệt cùng đồng ý với Đại Phẩm. 3) Kinh Tịnh danh nói: Thân Phật vô lậu, tất cả nguyện mãn đã tận, thân Phật vô vi không rơi vào các số, hai câu này đầy đủ giải thích thân Như lai là thường.

Hỏi: hai câu này làm sao đủ nói hết về pháp thân?

Đáp: thân Phật vô lậu là tử kiết đoạn, thân Phật vô vi không rơi vào các số là quả phước đoạn, tử quả đã dứt đâu chẳng phải thường ư! Lại thân Phật vô lậu cho nên khác thân phàm phu, thân Phật vô vi nên khác thân vô thường của Nhị thừa, vì vậy nên thân Phật thường hằng không có thay đổi. Lại thân Phật vô lậu năm trú phiền não đều nghiêng đổ, thân Phật vô vi nên hai thứ sinh tử đều xa lia, đây khác với thân Bồ-tát. Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến Kim can trở xuống, một niệm vô minh chưa dứt còn gọi là các lậu vô thường, khổ báo còn tồn tại nên không gọi là vô vi, Đức Phật đã lia tất cả nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu không thể là hữu, thân Phật vô vi không thể nói là vô, phi hữu phi vô tức là pháp thân Trung đạo nên gọi là thường. Nếu là hai

bên thì gọi là vô thường. Lại thân Phật vô lậu tức là giải thoát, thân Phật vô vi gọi là pháp thân Bát-nhã, chỉ điểm tuy có ba mà không ngoài đặc ly để đủ ba đức, nên gọi là thường. Lại thân Phật vô lậu gọi là Không, thân Phật vô vi gọi là bất không cho nên Đại Niết-bàn nói đủ nghĩa không bất không tức là thường. Kinh Tịnh Danh còn nói về pháp thân là thường hưởng chi Pháp Hoa ư! Lại Tịnh Danh nói: “Các nhângiả! Thân này vô thường phải ưa thích thân Phật, đã nói thân này vô thường nên ưa thích thân Phật, thân Phật cũng là vô thường đồng với thân mình có gì đáng ưa thích!”

Hỏi: Bài tựa kinh Tịnh Danh nói về thường nhưng chưa phải là chánh tông kinh!

Đáp: Đây là người ngu hỏi. Hiểu rõ lời Tịnh Danh nói đều là tông kinh Tịnh Danh vì sao nói chẳng phải chánh tông ư? Cho nên, ngài Tăng Triệu nói: “Bắt đầu từ Tịnh độ cuối cùng đến cúng dường, vẫn kia tuy khác nhau mà bậc nhất bất tư nghi. Lại đã chẳng phải kinh tông tức chại cho tông làm sao nói ư! Lại Tịnh Danh có hai chỗ bốn hội. Hai chỗ là:

1) Am viên.

2) Phương trượng.

Bốn hội là: phẩm Phật Quốc nói hội đầu ở Am viên, Phẩm Phương Tiện nói hội đầu ở Phương trượng. Phẩm thăm bệnh đến Phương trượng có nhiều hội, phẩm Bồ-tát Hạnh đến Am viên nhiều hội. Nếu vậy phẩm Phương Tiện là ở nội thất nói vì sao nói chẳng phải chánh tông kinh ư! Lại nếu tựa kinh Tịnh Danh trái với chánh nói thì tất cả các kinh khác lẽ ra đều như vậy. Lại lời tựa truyện của Tử Hạ, tựa truyện của Nguyên Khải lẽ ra đều trái với chánh kinh.

Kế là dẫn văn kinh Pháp Hoa ba phen nói ba phen lãnh giải để chứng minh. Phẩm Phương Tiện nói một phen nói:

1) Nói rõ Giáo quyền thật.

2) Nói lược thân bản tích.

Như nói chỉ có pháp Nhất thừa gọi là Thật giáo, Phương Tiện nói Ba thừa gọi là quyền giáo. Ta trước ngôi đạo tràng gọi là tích thân, từ nhiều kiếp lâu xa đến nay khen ngợi chỉ bày pháp Niết-bàn gọi là bản thân. Thân tử lại lãnh hội hai việc: văn đầu lãnh giải giáo quyền thật, văn kế nói như nay Thế tôn thì từ khi sinh ra, cho đến khi xuất gia và đắc đạo xoay bánh xe pháp cũng dùng Phương Tiện nói, đây là lãnh giải thân bản tích. Đã nói từ khi sinh đến khi xuất gia là Phương Tiện tích thân thì không sinh không diệt là thật thân. Đã dùng sinh diệt làm tích thân, tích thân là vô thường, vô sinh diệt là bản thân, bản thân thì

thường, đây là một thuyết, một lãnh giải. Kế trong phẩm Thí Dụ nói ba xe là quyền giáo, một xe là Thật giáo, Như lai đã lìa các lỗi nhân quả, đầy đủ tất cả đức gọi là Pháp thân; mà sinh trong nhà lửa cũ nát ba cõi gọi là tích thân. Lại nói, lúc bấy giờ Trưởng giả đứng ngoài cửa gọi là Pháp thân, sợ hãi vào nhà lửa gọi là tích thân. Tích thân ở tại ba cõi có tám tướng thành đạo nên có sinh diệt, bản thân vượt ngoài ba cõi nên không còn sinh diệt. Phẩm Tín Giải lại lãnh giải hai việc:

1) Khiến gọi thật giáo.

2) Khiến gọi quyền giáo. Trưởng giả nghiêm sức gọi là bản thân, cởi chuỗi anh lạc mặc áo thô xấu gọi là tích thân.

Hỏi: Đây nói bản tích thật như đã nói, vì sao dùng đây để chứng minh thường vô thường?

Đáp: Nay xin hỏi: Trưởng giả có quyền thuộc vây quanh gọi là pháp thân hay gọi là ứng thân! Nếu là pháp thân thì làm sao lại có quyền thuộc vây quanh, phát ra, thâu vào, lấy, cho lại vì sao nói trong đó dừng ở một thành; nếu là đức Thích-ca ứng thân thì cởi áo châu báu mặc áo thô xấu lại dụ cho thân gì ư! Nay nói Trưởng giả nghiêm sức tức là thân Xá-na, phát ra, thâu vào, lấy, cho gọi là giáo Xá-na. Nếu vậy hình Xá-na giáo ẩn chứa trong Pháp Hoa, giáo Pháp Hoa sao không nói thường ư! Lại vì sao nói là bán tự ư! Nếu Pháp Hoa là vô thường bán tự giáo thì nghĩa Xá-na, Phật giáo lẽ ra cũng như vậy.

Hỏi: Trong đó chỗ nào có văn nói pháp thân là thường?

Đáp: Trong đó dừng ở một thành đã là ứng thân, thì trước khi trong đó dừng ở tức là pháp thân. Cho nên dùng pháp thân hiện bày tích Xá-na thì pháp thân là thường.

Hỏi: Trong giáo của Đức Thích-ca chỗ nào có văn nói về ba thân?

Đáp: Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy thân ta có Xá-na là trăm ngàn Đức Thích-ca vây quanh, hoặc thấy thân ta đầy cả hư không tức là pháp thân, hoặc thấy thân trượng sáu tức là ứng thân.

Hỏi: Chỉ nói lãnh giải hai thân, vì sao kinh nay lãnh giải ba thân?

Đáp: Kinh này lãnh giải Nhất hóa từ đầu đến cuối cho nên lãnh giải đủ ba thân, ba thân riêng tự có sự lựa chọn.

Chu thứ ba cũng đầy đủ hai việc: Giáo quyền thật dễ biết, như nói Ta ở các cõi nước thành Phật lại có tên khác, đây là nói thân bản tích, trong phần lãnh giải lược mà không trình bày theo lệ trên có thể hiểu.

Hỏi: Nếu vậy ba chu nói đủ hình, giáo, thọ lượng, đâu cần nói nhiều ư!

Đáp hai châu giáo rộng thân lược, chu sau thân rộng giáo lược. Lại châu đầu nêu hai thân làm thành hai giáo, chu sau nêu hai giáo làm thành hai thân.

Kế là căn cứ hai thứ Niết-bàn chứng “tức thị”, lược giải thích nghĩa Niết-bàn, căn cứ đại tiểu Niết-bàn gồm có ba thứ khác nhau:

- 1) Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phải bản tánh vắng lặng.
- 2) Dứt hoặc nội ngoại của ba cõi.
- 3) Đầy đủ các đức khác với không đầy đủ các đức.

Bản tánh vắng lặng khác với chẳng phải bản tánh vắng lặng: phẩm Phương Tiệm nói: Ta dùng Phương Tiệm nói hết các khổ đạo (thị hiện) chỉ bày Niết-bàn cũng là chẳng phải thật diệt”. Đây là nói Phương Tiệm Niết-bàn xưa. “Các pháp từ xưa đến nay tướng thường tự vắng lặng, Phật tử hành đạo rồi, đời sau được thành Phật, đây là nói Niết-bàn chân thật của giáo này.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn đây có gì khác nhau?

Đáp: Trong văn đã nói rồi, nhưng có người nói rằng đây là văn Nhất thừa chẳng phải Niết-bàn. Nay nói không đúng. Văn kinh chính là đối với tiểu Niết-bàn để nói đại Niết-bàn, tiểu Niết-bàn là Phương Tiệm, đại Niết-bàn là chân thật, cho nên câu trước nói chẳng phải chân thật, câu sau nói chân diệt.

Hỏi: hai thứ Niết-bàn làm sao bỏ quyền bày thật?

Đáp: Như Kinh tự nói người Tiểu thừa diệt được phiền não nên gọi là tiểu Niết-bàn, trong Đại thừa nói các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Diệt phiền não vì sao gọi tiểu, xưa nay vắng lặng vì sao gọi Đại?

Đáp: Tiểu thừa không biết phiền não và thân vốn tự bất sinh nay cũng không diệt, nên thấy có phiền não sinh nay muốn diệt, đó là quán sinh diệt nên nói Tiểu. Người Đại thừa biết phiền não vốn tự bất sinh nay cũng bất diệt dùng quán không sinh diệt nên gọi là Đại Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao người Tiểu thừa cũng chứng mà không biết vốn bất sinh nay cũng bất diệt ư!

Đáp: Tức văn trước là nói căn cứ nghĩa có thể biết.

Lại Thích luận nói: Đại thừa không môn: nghĩa là tất cả các pháp tự tánh không, tự tướng không. Tiểu thừa không môn: tức phân tích pháp nói là không. luận Nhiếp Đại thừa nói: “Người Tiểu thừa chẳng biết các pháp tánh không, cho nên chẳng đắc pháp vô ngã chân như.” Lại kinh Tịnh danh nói: “Đức Phật vì người tăng thượng mạn mà nói dứt ba độ

gọi là Niết-bàn, nếu không tăng thượng mạn thì Phật nói ba độc tức là Niết-bàn”. Ba độc tức Niết-bàn: ba độc vốn không sinh nay không diệt, đâu chẳng phải tức là Niết-bàn ư! Lại luận Pháp Hoa giải thích Nhị thừa và Nhất thừa có và không có nghĩa, nói không có Niết-bàn Nhị thừa chỉ có đại Niết-bàn Như lai, cho nên biết kinh này nói Niết-bàn khác với Tiểu thừa. Nếu vậy thân đầu đồng với xưa ư!

Thứ hai là nói Niết-bàn Tiểu thừa khác với Niết-bàn Đại thừa:

Phẩm Thí Dụ nói: người Tiểu thừa chỉ lìa luống dối gọi là giải thoát nhưng thật sự họ chưa được tất cả giải thoát, tử quả trong ba cõi gọi là luống dối, người Nhị thừa vượt ra ngoài gọi là được giải thoát. Tất cả giải thoát: là tất cả cả tử quả trong ba cõi nội ngoại đều lìa gọi là tất cả giải thoát cho nên Niết-bàn đại tiểu nghĩa ngắn dài khác nhau.

Hỏi: Tiểu thừa diệt tử phược trong ba cõi gọi là hữu dư, diệt quả phược của ba cõi gọi là vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Diệt tất cả tử phược trong ngoài ba cõi đều hết gọi là hữu dư, diệt tất cả quả phược trong ngoài ba cõi tận gọi là vô dư.

Hỏi: Tiểu thừa trước đắc hữu dư sau nhập vô dư, Đại thừa thì thế nào?

Đáp: Tức nhất thời, chướng Phật vô minh đã dứt vô thường khổ báo tức là tịnh, cho nên hai Niết-bàn nhất thời, xuất xứ từ luận Nhiếp Đại thừa.

Thứ ba, là nói Niết-bàn đại tiểu khác nhau: Niết-bàn Tiểu thừa không đủ các đức, Niết-bàn Đại thừa có đủ các đức, như Phẩm Tín Giải nói: “Chúng ta đê mê dài tu tập Pháp Không được vượt thoát hoạn nạn khổ não của ba cõi.” Niết-bàn Tiểu thừa vô thân vô trí nên gọi là không, chỉ có pháp vô nhân nên gọi là không, đại Niết-bàn đầy đủ thân trí và dụng nhân pháp, cho nên phẩm Tín Giải nói: “Vô lậu vô vi, đứng đầu các pháp”. Văn này chứa đựng tất cả nghĩa vô lậu nên gọi là đức Giải thoát, vô vi nên đầy đủ đức Pháp thân, Bát-nhã, Vô lậu vô vi tức là pháp, vua các pháp tức là nhân, cho nên biết thân Như lai vô lậu vô vi tức là Niết-bàn nhân pháp đầy đủ, Phẩm Tín Giải chưa giải thích đủ nghĩa này. Lại Phẩm Thí Dụ nói Niết-bàn Như lai khác Niết-bàn Nhị thừa nghĩa như nói: “Đều dùng Như lai diệt độ mà diệt độ cho, không khiến cho người được diệt độ riêng. “Đây là nói hai diệt đại tiểu khác nhau tức là các quả khác nhau. Lại nói là các chúng sinh vượt thoát ba cõi đều có thiên định giải thoát đầy đủ sự an vui, như Chư Phật, đây là nói các đức sai khác của Phật đức Nhị thừa tức quả nghĩa khác.

Hỏi: Đại kinh vì sao trước nêu quả sau nói về quả quả, văn Pháp

Hoa trước nói quả quá sau nói về quả ư?

Đáp: Luận Nhiếp Lại thừa nói hai quả của Phật đồng với Pháp Hoa mà khác hai kinh là Pháp Hoa vì hàng Tiểu thừa bảo thủ diệt làm chánh, muốn dùng Đại diệt thay Tiểu diệt như dùng xe lớn thay xe nhỏ, cho nên trước nói đại diệt, người Tiểu thừa không cho các đức là quý nên sau nói các đức. Đại kinh nói muốn khen ngợi Niết-bàn cho nên gọi Niết-bàn là quả ở sau cùng trong quả lại hai Kinh này thật không có trước sau, chỉ căn cứ nghĩa phân chia !

Hỏi: Nếu hai thứ Niết-bàn khác nhau muốn nói điều gì?

Đáp: Muốn theo ví dụ nói lên hai thân khác nhau. Hai thứ Niết-bàn Đại tiểu đã khác, hai pháp thân đại tiểu cũng khác. Năm phần pháp thân của Tiểu thừa là thân sinh diệt vô thường, Đại thừa pháp thân gọi là thân thường vô sinh diệt. Nếu kinh này nói pháp thân vẫn là vô thường, thì lẽ ra kinh này cũng nói Niết-bàn chẳng khác Tiểu thừa.

Hỏi: Kinh này nói Niết-bàn chẳng khác trước làm sao biết như vậy?

Đáp: Kinh này nói Phật đã là vô thường, cuối cùng nhập vô dư, đồng với Tiểu thừa. Lại phẩm đầu nói: Đức Phật đêm nay diệt độ như củi hết lửa tắt cho nên biết không khác với Tiểu thừa. Lời bình rằng: Đây là đại sự phải thỉnh rõ ràng nhất định, trước dẫn phẩm Phương Tiện và phẩm Thí Dụ, từ miệng Phật nói Niết-bàn đại, tiểu là khác, vì sao trái với lời Phật mà nói là không khác, như vậy tức là người không có lòng tin. Lại hỏi vặn rằng: Nếu hai thừa đại tiểu đồng một Niết-bàn thì nhân khác mà quả đồng, việc ấy không đúng! Lại Đại Tiểu thừa vốn kỳ vọng ở quả, ở quả đã đồng đâu cần nhân khác! Nay nói hai nhân khác cho nên hai quả cũng khác, không còn khác nhân cuối cùng trở về một nhân, không còn khác quả cuối cùng trở về một quả.

Hỏi: Kinh này nói đêm nay Phật diệt độ như củi hết lửa tắt đây là Niết-bàn khô đoạn của Tiểu thừa, vì sao lại nói là Niết-bàn Đại thừa ư?

Đáp: Nói củi hết lửa tắt là cảm lấy làm củi, lẽ ra làm lửa cho nên cảm hết mà ứng dứt.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Phẩm Thọ Lượng nói: “Do sức Phương Tiện nên nói có diệt, không diệt, đâu đồng Nhị thừa khô thân diệt trí nói như củi hết lửa tắt ư! Lại cảm hết thì ứng sẽ diệt, bởi thường là như vậy. Đại kinh chép: “Chư Phật Pháp nhĩ, hữu vi cũng vậy.”

Hỏi: Có người nói: các pháp xưa nay tương thường tự vắng lặng,



đây là nói Nhất thừa vắng lặng tướng Ba thừa, nay vì sao ông dùng phối hợp Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là vì nghĩa tình người đó thôi chẳng phải nghĩa Phật. Kinh Phật kệ trước nói chẳng phải chân diệt, kệ sau nói về chân diệt, vì sao đem phối hợp nghĩa Nhất thừa ư! Nếu dùng này nói về Nhất thừa không có ba tướng thì văn trước nên nói Ba thừa chẳng phải chân diệt, không nên nói Niết-bàn chẳng phải chân diệt.

Hỏi: Nay chánh là nói Ba thừa Nhất thừa, làm sao, hiểu được Niết-bàn ư?

Đáp: Chánh dùng Niết-bàn khác nhau cho nên chia ra Ba thừa, Nhất thừa khác nhau! Bởi do Nhất thừa Niết-bàn là chân diệt, Niết-bàn Ba thừa chẳng phải chân diệt, cho nên Nhất thừa là chân thừa, Ba thừa chẳng phải chân thừa. Nếu không dùng Niết-bàn khác nhau, để phân biệt ba, một, thì dùng vật gì để chọn lựa ư! Người giảng kinh phần nhiều mê chỗ này, mong xem kỹ văn.

Lại có người nói: Các pháp từ xưa nay tướng thường tự vắng lặng, đoạn đầu bỏ ba bày một chưa được nói là Đảo châu báu Niết-bàn, lại dùng Đại Phẩm thật tướng Niết-bàn cho nên nói xưa nay vắng lặng lời. Lời bình rằng: “Đó cũng không đúng. Nếu Nhiếp Đại Thừa và Địa luận chánh nói tự tánh thanh tịnh là đại Niết-bàn tức là văn nay nói xưa nay tướng vắng lặng. Luận kia đã giải thích Niết-bàn rất ráo thì biết Pháp Hoa nói viên cực chân diệt.

Hỏi: Mọi người vì sao lại tối tăm mà riêng con lại sáng suốt ư?

Đáp: Đầu tiên giải thích dùng năm thừa hạn cuộc, sau giải thích dùng hai đoạn phê phán rõ không tìm văn kỹ nên mất diệu chỉ kia.

Kế là dẫn thuyết cũ của Quan Hà để chứng minh nghĩa thường vô thường, xưa ngài Trúc Pháp Hộ dịch cựu Pháp Hoa còn chưa thấy phê phán tông chỉ kia, từ ngài La-thập dịch tân bản ở Trường An, Pháp sư Tăng Duệ đích thân đối dịch. Lời tựa Pháp Hoa kia nói rằng: Dùng thọ mạng vô lượng trải qua nhiều kiếp cũng không đủ để nói về sự lâu xa kia, phân thân vô số muôn hình cũng không đủ để khác với thể kia, thế thì tuổi thọ nhất định chẳng phải số kia, phân thân kia rõ ràng không thật, Phổ Hiền hiển nghĩa kia không đến, Đa Bảo chứng nghĩa kia bất diệt. Lời bình rằng: Ngài Duệ Công tự thân kế thừa, ngài La-thập soạn lời tựa kia tức nói thường để chứng minh vì tông Pháp Hoa vốn không đặc, không nương.

Kế là ngài Mạo Lãng ở Hà Tây đối dịch Niết-bàn, người kia cũng dùng Pháp Hoa lược chung nói kinh Pháp Hoa gồm có năm ý. Ý thứ tư

nói: vì nói pháp thân chân hóa không khác, còn, mất, lý là một, như Phẩm Đa Bảo nói mà chúng sinh không hiểu vì nói lên nghĩa này cho nên nói kinh này. Lại nói tháp Đa Bảo hiện là nói pháp thân thường còn, phẩm Thọ Lượng nói rằng lượng bằng thái hư. Lời bình rằng: Đạo lãng soạn sơ giải Niết-bàn thành hành ở thế gian, ngài rất thông hiểu Pháp Hoa, lý chẳng lầm lẫn, nói về ý chỉ thường lại phù hợp với Tăng Duệ. Đạo tràng Tuệ quán nói: “Ba hội đồng đến liền quy về Nhất thừa, diệt ảnh, trừng thân làm điểm cuối của thừa”. Diệt ảnh gọi là dứt tích, trừng thân thì nói về bản, cho nên tích vô thường mà bản thường. Lời bình rằng: lại đồng nghĩa với ngài Tăng Duệ.

Kế chú giải Pháp Hoa rằng: Số chẳng còn mất gọi là thọ, vượt ngoài hạn mức vấn, dài gọi là lượng, rõ ràng pháp thân không thuộc về hình tướng, tuổi tác, khiến cho Đại sĩ chiếu tu đến tột cùng. Không dùng Già-da mà thành Phật, trăm tuổi làm kỳ hạn. Lời bình rằng: Chú thích vẫn là nói về thường mà ý rất mâu nhiệm trong sáng. Vì sao? Vì đã nói chẳng còn chẳng mất, tức là bất sinh bất diệt chẳng dài chẳng vấn, chẳng thường, vô thường mà còn cùng kinh Niết-bàn nói về pháp thân tuyệt bách phi không khác. Kế là ngài Trúc Đạo sinh nói: Sắc thân Phật ứng hiện mà có, không có hình dáng thật, hình đã không thật thì làm gì có thọ ư! Vậy thì, muôn hình đồng rất ráo xưa nay là một. Xưa cũng như nay, nay cũng như xưa, không thời nào chẳng có, không xứ nào chẳng hiện hữu, nếu có thì chẳng có xứ chẳng hiện hữu, tức chúng sinh, Phật thì không như vậy. Do đó, quyết định trường thọ gọi là ở Già-da. Già-da ấy lại chẳng phải Già-da; Già-da đã chẳng phải nghĩa sống lâu kia sao gọi riêng ư! Dài ngắn đây mất, dài ngắn đây còn. Lời bình: Đạo Lăng, Tăng Duệ chỉ nói nghĩa thường, Đạo! Sanh chú thích kinh nói nghĩa phi thường, phi vô thường. Thường, vô thường đều là bác bỏ bệnh tức đối trị Tất-đàn, bậc nhất nghĩa Tất-đàn tức là Pháp thân, Pháp thân đâu có năm câu thường, vô thường, v.v... có thể chấp thủ ư!

Hỏi: Phẩm Dược Thảo Dụ nói rất ráo Niết-bàn tướng thường vắng lặng, cuối cùng quy về không, lẽ nào chẳng phải cuối cùng nhập vô dư, xả thân trí vô thường ư! Lời bình rằng: Ngài Quang Trạch nói đây không hiểu ý văn. Nếu cho rằng kinh này nói Niết-bàn không tức là diệt thân trí. Kinh Niết-bàn nói đại Niết-bàn không, có thể như vậy ư! Lại nếu thân trí cuối cùng vô thường thì đâu khác gì với Nhị thừa! Nay nói Phẩm Dược Thảo Dụ có chia làm hai, rất ráo nêu cả hai quả:

1) Văn đầu nói rất ráo đến nhất thiết chủng trí, đây là đề cao trí quả rất ráo; nói lên trí của người Nhị thừa không rất ráo.

2) Nói Niết-bàn rốt ráo tướng thường vắng lặng cuối cùng quy về không, đây đề cao dứt rốt ráo nói lên người Nhị thừa dứt không rốt ráo. Đã nói hai nghĩa, do đó trước sau khai hai văn. Vì sau nói dứt rốt ráo, nên Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.

Hỏi: Vì sao biết nêu quả và quả quả ư?

Đáp: Phẩm Thí Dụ hợp đại xa cũng nêu lên hai quả đều dùng Như lai diệt độ, diệt độ là quả quả, định tuệ của Chư Phật là quả. Công đức Phật tuy nhiều mà chẳng ngoài hai thứ này. Lại Long Pháp sư là tông Pháp Hoa chủ, Ngài nói: Đại Niết-bàn Không, chẳng có các tướng.” Lại nói Không, chẳng có phiền não đồng với ý nay. Ấn Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về thường trụ bậc nhất nghĩa Không. Trung Pháp sư nói: “Cuối cùng trở về bậc nhất nghĩa Không trí tuệ. Lại có người nói quả Phật chẳng có hệ lụy cho nên Không. Chú giải rằng: Không có đồng tận mới gọi là không. Lời bình rằng: Các Pháp sư trước nói thường trụ không vô tướng hoặc chú giải ý kinh vượt xa sự phê phán trước, cho rằng Không hữu đều dứt bật nên gọi là Không.

Hỏi: Đã nói Tuổi thọ đâu phải là thường ư!

Đáp: Nếu vậy xứng với Vô lượng thọ cho nên là thường! Kinh A-di-đà nói Vô lượng Thọ đã phi thường, nay nói tuổi thọ sao là vô thường ư! Nay nói có bốn câu:

1) Thật hữu lượng khen ngợi dài, xa cho nên nói vô lượng. Như kinh A-di-đà.

2) Thật vô lượng muốn nói lượng bằng thái hư cho nên nói Thọ lượng, tức ý kinh này, Kinh Kim Quang Minh cũng vậy.

3) Thật vô lượng mà nói vô lượng. Như Đại kinh nói chỉ có Phật mới thấy được thọ vô lượng của Đức Phật kia.

4) Hữu lượng mà nói hữu lượng: như nói Đức Phật Thích-ca thọ tám mươi tuổi.

Hỏi: Nếu kinh này nói thường sao lại dùng Niết-bàn ư?

Đáp: Trước đã nói rồi, Pháp Hoa đã nói Nhất thừa, Thắng-man đâu dùng nói một ư! Đại Phẩm nói Không giải, các Bát-nhã đâu cần nói ư! Lại nếu vậy thì thời thứ ba chỉ có Duy-Ma nói rõ khen và chê, Tư Ích lẽ ra vô dụng ư!

Hỏi: Hai kinh nói thường có gì khác?

Đáp: Kinh này nói thẳng hai nghĩa:

1) Giáo quyền thật.

2) Thân chân ứng. Lược khai hai nghĩa này thì đại chúng liền hiểu rõ. Đại kinh nói rộng bốn đức ba điểm, hai nhân duyên, chánh cho nên

nói khác với kinh này mà ý đồng.

Hỏi: Ông tuy dùng các môn nói Phật là thường, ở đây y cứ đạo lý nói là thường thôi, mà văn kinh này từ chính miệng Phật nói là vô thường, không lẽ trái lời kinh nói là thường sao! Như kinh nói lại gấp bội số trên tức cuối cùng có hạn cuộc cho nên cuối cùng là vô thường?

Đáp: Kinh này nói từ lâu xa đã thành Phật, là đây từ lâu đã chứng thường, khi chứng thường Bồ xứ còn chẳng biết được, nay nói lại gấp bội số trên tức sau khi chứng thường rồi, đây đâu thể biết hạng tìm học không biết chỉ có Phật mới thấy biết được thọ vô lượng của Đức Phật kia cho nên gọi là thường. Lại gấp bội số trên muốn trình bày nghĩa Đức Phật vô thủ chung. Trước nói từ lâu đã thành Phật mà Dật-đa không thấy lúc đầu kia là nói nghĩa vô thủ, nay nói lại gấp bội số trên Di-lặc không thấy ở sau là nói nghĩa vô chung.

Hỏi: Vì sao nói vô thủ chung?

Đáp: Phẩm Hiện Thập bát cũng do việc bí mật mà nói bất sinh diệt, nay mượn dụ vi trần để nói vô thủ chung. Do thân bất sinh diệt khác thân phàm phu Nhị thừa, thọ vô thủ vô chung khác với thọ phàm phu Nhị thừa, do thân của phàm phu nhị thừa bị sinh diệt biến chuyển, tuổi thọ thì có thủ thành chung đều bị hoại trong một thời kỳ. Cho nên, thân Như lai bất sinh diệt tuổi thọ vô thủ chung. Lại Triệu Pháp sư trong luận Niết-bàn chánh là nói hai nghĩa này, sáu đường là không, vì thân nhiếp chúng sinh, sức gánh vác không có vì hóa độ thể kia, gọi là vô sinh diệt, tùy theo mà không được dấu vết, kế đốn mà không nhìn ngó, đứng đầu mà không có đầu cuối. Triệu Công không thấy Niết-bàn Hoa Nghiêm, lại chọn Pháp Hoa Bát-nhã để soạn luận kia cho nên phù hợp với ý kinh.

Hỏi: Kinh này chỉ nói thành Phật đã lâu, vì sao là vô thủ chung ư?

Đáp: Nay xin tìm hiểu rõ ý kinh, nếu chỉ nói thành Phật đã lâu thì đối với duyên cuối cùng có lợi ích gì? Vì sao? Vì mới thành và thành đã lâu đều là vô thường, nay khai thành đã lâu cuối cùng có lợi ích gì? Nay người chấp sâu ý Phật: trước nói lúc mới ở Già-da, cuối cùng đến Song thọ, nên nói thọ là vô thường. Bồ xứ không thấy lúc đầu người Hữu Học tận cùng không biết sau cuối, chỉ có Phật mới thấy thọ vô lượng Đức Phật kia. Xét theo ý chỉ của văn này đâu thể không tin thuận ư! Ba phen xem xét lại càng rõ ràng suy nghĩ rồi quyết định. Cho nên luận Pháp Hoa nói: Lại gấp bội số trên là thì hiện thường mạng của Như lai, Phương Tiện hiển nhiều số vượt quá số trên không thể biết. Tôi thấy văn này mà buồn vui lẫn lộn.

Lại hỏi: Nếu dùng mới thành làm Phương Tiện, lấy thành đã lâu làm nói thật, thì Pháp Hoa nói thành đã lâu đây là nói thật, Hoa Nghiêm nói mới thành chánh giác liền là Phương Tiện. Điều này chưa hẳn như vậy! Lại Đại kinh chép: Ta nghe nửa bài kệ siêu vượt Di-lặc chín kiếp được thành Phật trước. Nay xin hỏi: vượt chín kiếp ấy là nói thật hay quyền giáo, nếu là nói thật thì Pháp Hoa là Phương Tiện, lại nếu siêu vượt chín kiếp là nói thật thì các kinh luận Tiểu thừa nói siêu vượt chín kiếp. Nếu vậy thì Ba tạng là thật giáo, Pháp Hoa là kinh thuộc quyền giáo. Nếu nói Pháp Hoa nói lâu xa là thật, Đại kinh nói siêu vượt chín kiếp là quyền thì Pháp Hoa là thật Niết-bàn là quyền. Lại Pháp Hoa đã khai gần, vì sao Niết-bàn lại che xa ư! Nếu hai kinh gần xa hỗ tương nhau thì về giáo nghĩa ba, một cũng nên như vậy. Lại hỏi nếu Pháp Hoa bỏ gần bày xa nói thành Phật đã lâu làm bản, gần mới thành làm tích, vì sao phẩm Thường Bất Khinh lại che xa nói gần ẩn bản bày tích ư! Không nên trong một kinh mà trước sau trái nhau, nếu trong một kinh bản tích hoặc che hoặc khai thì ba, một hoặc hội nhập hoặc không hội nhập. Lại nếu kinh này nói đã thành Phật đã từ lâu là nói thật thì đầu tiên bỏ ba bày một cùng đồng với Chư Phật, bỏ gần bày xa chỉ riêng có đức Thích-ca. Nếu nói nghĩa này là theo lệ thì phẩm Phân Biệt Công Đức ở dưới các Bồ-tát đều phát nguyện, nguyện ta ở đời vị lai nói tuổi thọ cũng như vậy. Đầu được nói chỉ riêng có đức Thích-ca bỏ gần bày xa mà các Đức Phật khác không ư! Do đây các việc rõ ràng chỉ biết nương vào vô thỉ vô chung để hiển nghĩa pháp thân thường, có thỉ có chung đều là ứng tích. Do nghĩa này giải thích các kinh trên không có chút bế tắc. Nghĩa này khó hiểu, nghĩa bản tích và phẩm Thọ Lượng văn luận lại rộng. Lại nếu nói gấp bội số trên để chứng minh vô thường tức là kinh có hai văn: Văn trước nói thọ mạng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp thường trụ bất diệt, văn sau lại nói gấp bội. Nếu cho nói sau là vô thường vì sao không dùng trước chứng minh là thường!

Hỏi: Vì sao trước sau trái nhau? Đáp: Văn sau nêu nhân nói quả, nói khi hành đạo Bồ-tát được thọ mạng đến nay chưa hết, hưởng chi được thọ mạng Phật mà có thể hết ư! Cũng như địa vị thái tử của cải tài vật còn chưa hết hưởng chi lên ngôi thiên tử bằng lộc càng bất tận.

Hỏi: Nhờ đâu được tuổi thọ bất khả tận ư!

Đáp: Từ Thập tín đến vị Thập địa hành đã sâu thì tuổi thọ cũng vô lượng, hưởng chi tuổi pháp thân mà có thể cùng tận ư!

Lại chắc chắn là vô thường mà nói là thường: đây là nương đạo lý thì lẽ ra được phước vô biên, vì Đức Phật nói giáo vốn vì hiển lý. Nếu

là thường trụ mà nói vô thường thì mắc vô lượng tội, như Thích luận nói, thật không có Phật mười phương vì cung kính mà nói có thì được phước; thật có Phật mười phương mà nói không thì mắc tội lớn. Nay nói là kinh rớt ráo pháp thân, bách phi, bất phi, bách thị, bất thị không khác với Đại kinh và Hoa Nghiêm, còn không thể nói thường được thì đâu thể nói là vô thường ư! Cho nên gọi là quả diệu, do nhân quả này diệu nên gọi là “Diệu pháp”.

Kế là giải thích nghĩa Hoa sen: Có người nói tiếng nước ngoài gọi là Phân-đà-lợi, Hán dịch là hoa sen, hoa sen có bốn màu sắc lược ba lấy một, nghĩa là bạch hoa sen gọi là Phân-đà-lợi. Bạch: là màu trắng căn bản trong các màu cũng là dụ cho tuệ bạch tịnh, bình đẳng.

Hỏi; Vì sao Phật nhân dụ thanh hoa sen (hoa sen xanh)?

Đáp: Thanh là màu xanh, dụ cho màu mắt của Phật, lấy nghĩa tương tự làm ví dụ. Bạch: là gốc của các sắc, nói Nhất thừa là gốc của Ba thừa cho nên chọn bạch mà không chọn ba màu kia.

Lời bình: Không đúng. Bởi Hoa sen là tiếng gọi chung, Phân-đà-lợi là danh từ riêng. Vì sao biết như vậy? Bài tựa của Duệ Pháp sư nói trong các loài hoa, hoa sen là quý nhất, mà hoa chưa nở gọi là Quạt-ma-la, hoa nở sắp tàn gọi là Ca-ma-la, giữa thời kỳ phát triển tốt gọi là Phân-đà-lợi. Viễn Pháp sư nói: Phân-đà-lợi-già là tên khi hoa sen nở ra, nhưng thể của hoa này do thời gian biến chuyển, tên gọi cũng tùy theo hình dáng mà biến đổi. Lúc mới nhô lên khỏi mặt nước chưa nở gọi là Quạt-ma-lam, lúc suy tàn gọi là Ma-lại, đang lúc nở đầy đủ xinh đẹp thì gọi là Phân-đà-lợi-già. Đại kinh quyển mười sáu giải thích mười hiệu: Hoa sen, Phân-đà-lợi trong cõi người, hai tên gọi đều xuất hiện nên có sự khác nhau chung riêng, lại nêu bốn hoa sau rốt gọi là hoa Phân-đà-lợi. Ngài Đạo Lãng ở Hà Tây nói hoa sắc trắng tươi, lại các nơi khác dịch là sắc đỏ, thơm nhất là hoa sen. Nay nói hoa sen quý nhất trong các hoa, lại Phân-đà-lợi đẹp nhất trong các loại hoa sen do đó gọi là hoa Phân-đà-lợi. Lại kệ trong Đại kinh hỏi: Thế nào là ở trong đời vẫn đục mà không bị ô nhiễm như hoa sen? Phẩm Bồ-tát ở dưới nêu đủ bốn hoa để đáp, cho nên biết hoa sen là tên chung, Phân-đà-lợi là tên riêng; nay lấy tên chung dịch là hoa sen. Nếu chưa nở chỉ có nhân mà không quả, hoặc cách đã rụng chỉ có quả mà không có nhân, nay lấy chánh lúc nở, nhân quả rõ ràng. Hoa dụ cho nhân, thật dụ cho quả, hoa dụ cho giáo, thật dụ cho lý.

Hỏi: Vì sao bản Phạm nêu tên riêng là Phân-đà-lợi, trong đây còn tên chung là hoa sen ư?

Đáp: Phân-đà-lợi chắc chắn là hoa sen, nay chọn hoa sen Phân-đà-lợi chẳng khác hoa sen. Lại ở nước ngoài hoa này có ba thời khác tên, ở Trung quốc không dịch ba thời khác nhau, cho nên tên gọi chung bao gồm tên riêng.

Hỏi: Vì sao chọn hoa sen dụ cho kinh này ư!

Đáp: Nói lược có mười sáu nghĩa:

1) Nói hoa này là bậc nhất trong các thứ hoa. Thích luận chép: Trong đất sinh hoa Tu-mạn-na là bậc nhất, trong nước sinh hoa sen xanh là bậc nhất, để dụ kinh này là bậc nhất trong các Kinh. Cho nên, đoạn dưới nói: Chư Phật đã nói, nay nói và sẽ nói mà kinh pháp này sâu xa mầu nhiệm bậc nhất.

Hỏi: Đã nói tức là trước Pháp Hoa, nghĩa là Bát-nhã, v.v... sẽ nói tức là sau Pháp Hoa nghĩa là Niết-bàn vì sao mà Pháp Hoa là khó tin hiểu ư?

Đáp: Các kinh Đại thừa hiển đạo chính là không khác, chỉ là Pháp Hoa về trước đại tiểu chia dòng, Pháp Hoa về sau gom ba lại rồi, nhưng kinh này là bắt đầu trái với ba, mới qui về một cho nên rất khó hiểu, gọi là bậc nhất.

2) Nói hoa này do hạt giống mà sinh dụ cho Nhất thừa từ duyên mà khởi. Cho nên kệ dưới nói: giống Phật từ duyên khởi thế nên nói Nhất thừa.

3) Nói hoa này nở, khép có lúc, nở thì ban ngày, khép thì ban đêm để dụ Nhất thừa ẩn hiện có lúc. Đại duyên chưa thuần thực nên ẩn, duyên thuần thực nên hiển.

4) Nói hoa này năng làm điềm lành, dụ cho thấy Pháp Hoa sẽ biết chúng sinh đều được thành Phật.

5) Nói hoa này có ba thời khác nhau mà cuối cùng không lìa một hoa. Dụ cho đối với nhất Phật thừa phân biệt nói ba, tuy nói Ba thừa cuối cùng trở về Nhất thừa.

6) Nói hoa này từ vi đến trước để dụ cho kinh này nói chúng sinh phước một lay, công một niệm dần dần thành Phật.

7) Nói Đại phạm Vương tổ của chúng sinh từ hoa sen đây sinh dụ cho Chư Phật mười phương ba đời căn bản pháp thân do kinh này có.

8) Nói hoa này được chúng trời người yêu kính, dụ cho kinh này được các Thánh tôn trọng.

9) Nói hoa này tuy mọc trong bùn nhưng không bị bùn làm ô nhiễm để dụ cho Nhất thừa tuy ở trong Ba thừa bùn dơ, mà bùn dơ không thể nhiễm ô.



10) Nói hoa này mọc ở trong bùn dụ cho người Nhất thừa phải khởi từ nơi sinh tử.

11) Nói hoa nay khai mà hiện thật, dụ cho kinh này ngôn xảo mà lý hiển.

12) Hoa nay không sinh mà đã sinh thì hoa hạt đều bao gồm, dụ cho kinh này không nói mà đã nói thì nhân quả đều rõ ràng.

Hỏi: Nếu hoa hạt đều bao gồm há chẳng phải trong nhân có quả, nhân quả đi chung ư?

Đáp: Hoa sen chưa phải là quả cho nên chẳng phải nhất thời, lia hoa sen không quả cũng chẳng có trước sau.

13) Nói hoa này phải sinh từ quả, các hoa khác không như vậy, hoặc sinh hoặc không sinh, dụ cho nhân Nhất thừa sẽ thành Phật, nhân Ba thừa hoặc thành Phật hoặc không thành Phật.

14) Nói hoa này được Chư Phật bước lên, là chỗ gá sinh của các Thánh dụ do kinh này được Chư Phật che chở dạy Pháp Bồ-tát.

15) Nói khi hoa chưa nở thì hạt sen không hiện, dụ cho Phật lúc mới ra đời nói pháp nói có Ba thừa, Nhất thừa, hạt sen chưa hiện, hoa nở, hạt mới hiện, mở môn Phương Tiện Nhất thừa chân thật mới hiện. Cho nên, hoa này có mở, chưa mở dụ cho Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật.

16) Khi Phật mới thành đạo ở thế giới Liên Hoa Tạng nói pháp môn Nhất thừa, nay vì Nhị thừa mà nói Nhất thừa khiến cho người Nhị thừa đồng nhập pháp giới, đồng ở cõi Liên Hoa Tạng. Cho nên, dùng hoa sen để tiêu biểu nghĩa này.

Hỏi: Hoa sen chỉ là thí dụ tên cũng được gọi là pháp nói ư?

Đáp: kệ trong Kinh Đại Tập, nói rằng: “Từ bi làm cọng, trí tuệ làm lá, Tam-muội làm tua, giải thoát là nở Bồ-tát làm ong chúa hút vị cam lộ cho nên kính lễ Diệu Pháp Liên Hoa. Nếu quán ý này đầy đủ các đức làm hoa sen.

Hỏi: Hoa sen có mấy loại?

Đáp: Thích luận nói có ba loại:

1) Hoa sen ở cõi người, có hơn mười cánh.

2) Hoa sen ở cõi trời, có trăm cánh.

3) Hoa sen ở cõi tịnh Bồ-tát có ngàn cánh hoặc vô lượng lá, chọn sự tối thắng làm dụ tức nói hoa Bồ-tát. Mượn gần để so sánh xa tức gọi là hoa.

Về sau thấy luận Pháp Hoa nói kinh Đại thừa nói có mười bảy tên:

1) Nói lên công đức sâu xa, phải biết một tên kinh Vô Lượng Nghĩa là nghĩa chữ thành tựu của kinh, dùng pháp môn này nói cảnh giới pháp sâu xa mẫu nhiệm kia, cảnh giới sâu xa mẫu nhiệm ấy là cảnh giới pháp tối thắng của Chư Phật Như Lai.

2) Tối thắng Tu-đa-la: là diệu tạng tối thắng trong Ba tạng được thành tựu.

3) Đại phương quảng: vô lượng môn Đại thừa tùy căn cơ chúng sinh trụ trì thành tựu.

4) Pháp giáo Bồ-tát: là giáo hóa Bồ-tát căn cơ thuần thực, tùy khí pháp thành tựu.

5) Phật sở hộ niệm; nương Chư Phật Như lai có pháp này.

6) Pháp bí mật của tất cả Chư Phật, Pháp này sâu xa Như Lai biết.

7) Kho tất cả Phật: kho công đức Tam-muội của Như lai ở kinh này.

8) Chỗ bí mật của tất cả Chư Phật: căn cơ chúng sinh chưa thành thực chẳng phải pháp khí thì không cho.

9) Năng sinh tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành Phật Bồ-đề.

10) Gọi là Đạo tràng của tất cả Chư Phật: nghe pháp môn này sẽ thành A-nậu Tam-Bồ-đề, ngoài kinh này ra thì không thể được.

11) Gọi là pháp luân do tất cả Chư Phật chuyển: pháp môn này phá được tất cả chướng.

12) Là Xá lợi cứng chắc của tất cả Chư Phật, nghĩa là pháp thân chân như của Như Lai ở kinh này không hoại.

13) Kinh đại xảo Phương Tiện: của tất cả Chư Phật: nương pháp môn này thành đại Bồ-đề rồi vì chúng sinh nói pháp cho hàng trời người, Thanh văn, Bích-chi-phật, v.v...

14) Kinh nói Nhất thừa: Pháp môn này nói lên thể A nậu Tam Bồ-đề rốt ráo của Như Lai, người Nhị thừa chẳng rốt ráo.

15) Trú bậc nhất nghĩa: pháp môn này tức là trụ xứ rốt ráo, của pháp thân Như lai.

16) Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai nghĩa:

a) Nghĩa lên khỏi mặt nước: không thể ra khỏi hản nước, tức là ra khỏi bùn dơ của Tiểu thừa, lại có nghĩa hoa sen ra khỏi nước, bùn dơ cho hàng Thanh văn vào ngồi trong đại chúng của Như Lai như các Bồ-tát ngồi trên hoa sen, nghe nói cảnh giới vô thượng trí tuệ thanh tịnh chứng Như lai mật tạng.

b) Hoa nở, tức là chúng sinh đối với Đại thừa trong tâm sợ hãi không thể sinh tín tâm, khai thị pháp thân thanh tịnh mẫu nhiệm của Như lai khiến họ sinh tín tâm. 17) Pháp môn: là nhiếp thành tựu. Nhiếp thành tựu là nhiếp lấy vô lượng danh cú tự thân. . . các bài kệ như Tân-bà-la, A-xá-bà.

#### **IV Nói về tông chỉ của kinh:**

Hỏi: Kinh này lấy gì làm tông?

Đáp: Nói thì rất nhiều, lược trình bày chỗ thấy có mười ba nhà.

1) Viễn sư nói: Kinh này lấy Nhất thừa làm tông, pháp Nhất thừa như gọi là Diệu pháp, như Phẩm Thí dụ nói: “Thừa ấy thanh tịnh mẫu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không có thừa nào hơn.” Lời bình rằng: Chưa thấy bài tựa gốc của Viễn công, tương truyền như vậy. Xét thấy trong kinh từ đầu đến cuối tuy nói Nhất thừa mà Nhất thừa có đủ nhân quả, sao lại chỉ dụng nhân mà không dụng quả ư! Đây thì được nghĩa ở nhân mất nghĩa ở quả. Lại quả môn đã đầy đủ có thể được gọi là Diệu, nhân hạnh chưa viên sao được gọi là diệu, do quả diệu cho nên được làm Tông, nhân đã không diệu đâu được làm tông.

2) Long sư nói: Kinh này chỉ dùng quả làm tông. Ngài nói Diệu Pháp là thể linh trí của Như Lai, rèn luyện hết các căn dục thô này nên gọi là Diệu. Động tĩnh làm khuôn phép cho chúng sinh gọi là Pháp, pháp đã chân thật mẫu nhiệm khó dùng lời để nói nên mượn hoa sen làm dụ lấy quả trí làm tông. Lời bình rằng: Quang Trạch thọ kinh với Ấn, Ngài Ấn sư bảm thọ với ngài Long Thọ, Long Thọ là người tinh chuyên nghiên cứu Pháp Hoa. Nhưng đây giải thích dùng văn nghĩa cả hai suy tìm thật phù hợp với kinh. Làm sao biết? Vì bắt đầu khai tông, nói rộng đều khen ngợi tuệ Phật, nên nói: Vì nói tuệ Phật cho nên Chư Phật xuất hiện ở thế gian. Lại nói ta được trí tuệ mẫu nhiệm bậc nhất, cho nên biết một kinh từ đầu đến cuối đều nói tuệ Phật. Xét theo lý thì trí tuệ Ba thừa còn chưa tròn đầy chỉ có trí tuệ Phật mới gọi là rốt ráo. Đã muốn dẫn dắt Ba thừa hướng đến Nhất thừa thích hợp khiến đều học trí tuệ Phật, tức là dùng tuệ Phật làm tông chỉ. Nhưng trí tuệ này soi chiếu không chỗ nào không tròn đầy, hệ lụy đều dứt hết gọi là diệu, thể đáng làm khuôn phép tắc gọi là Pháp. Chỉ một trí tuệ này là thật hai thứ còn lại chẳng phải chân thật gọi là nhất. Thông suốt tự tại tung hoành vận dụng không ngăn ngại gọi là thừa. Rõ ràng đây giải thích ý không gián đoạn. Chỉ vì đã có diệu quả thì phải có diệu nhân, xét thấy kinh từ đầu đến cuối nhân quả đầy đủ. Nếu riêng dùng quả làm tông thì được ở quả mà mất ở nhân, nghĩa cũng chưa tin thuận.

3) Đời Tống, Đạo Tràn Tuệ Quán Pháp sư có lời tựa rằng: Kinh này lấy diệu nhất làm danh, chân tuệ làm thể. Diệu nhất làm danh ấy là Ba thừa, khác dòng thì chẳng phải chân, cuối cùng mong hội nhập trở về thừa duy nhất, thừa đó duy nhất gọi là Diệu pháp. Tụng rằng: Thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không thừa nào sánh bằng. Chân tuệ làm thể: đức Thích-ca dùng âm thanh mầu nhiệm lúc mới khen ngợi tuệ Phật sâu xa, đức Đa Bảo khen ngợi thì gọi là đại tuệ Bình đẳng. Tụng rằng: Vì nói tuệ Phật cho nên Đức Phật xuất hiện ở đời, chỉ có một sự thật này còn hai khác thì chẳng chân thật. Tựa kia lại nói: Bắt đầu gom ba trở về Nhất thừa. Đây là nói Ba thừa đồng nhập Nhất thừa bắt đầu được tin hiểu cho nên gọi là bắt đầu. Giác tuệ thành tựu viên mãn thừa đầy đủ, đây là nói quả Phật thành tựu tròn đầy gọi là thừa đầy đủ, là điểm cuối cùng của thừa. Đây diệt ảnh, lắng thần, là thừa cuối cùng, ở đây nói dứt tích qui bản, nói pháp thân thường hằng gọi là thừa cuối cùng. Tuệ quán soạn lời tựa xong đem trình ngài La-thập, La-thập khen rằng: người Thiện nam tự không thể thâm nhập kinh tạng thì đâu thể nói như vậy! Lời bình rằng: Tìm xem giải thích đây thể đầy đủ, nhân quả tròn đầy, từ đầu đến cuối cả hai nêu bản tích đều rõ ràng, văn ý đầy đủ, khế hợp như ngài La-thập khen ngợi.

4) Ngài Ấn sư chùa Trung Hưng nói: “Kinh này cũng lấy tuệ thật Nhất thừa làm thể.” Dưới khai tông trong đó khen ngợi rằng: trí Phật sâu xa tức là tuệ thật, lại nói chỉ có Phật và Phật mới có thể cùng tận thật tướng các pháp, thật tướng các pháp tức là diệu cảnh Nhất thừa. Cho nên, cảnh trí làm tôn kinh. Vì sao? Vì cảnh chẳng thật không lấy gì sinh tuệ thật, chẳng phải tuệ thật, không lấy gì chiếu soi cảnh thật, do đó gọi là Nhất thừa. Vì cảnh thật tướng thể không có ba giả dối cho nên gọi là thật tướng. Lời bình rằng: Ấn sư thọ kinh với Long sư, Long sư nói tuệ Phật làm tông mà Ấn sư lại dùng thêm cảnh cho nên dùng cảnh trí làm tông. Nhưng kinh chẳng phải không có cảnh trí, chỉ tại thiếu nhân quả nên đối với quán cũng chưa phải đều tốt đẹp.

5) Pháp sư Quang Trạch thọ học kinh với Ấn sư mà không dùng giải thích của Ấn sư, nói: “Kinh này lấy Nhất thừa nhân quả làm tông cho nên kinh có hai đoạn. Đoạn đầu bỏ ba bày một để nói nhân, đoạn sau bỏ gần bày xa để nói quả.” Lời bình rằng: Sự giải thích rõ ràng của ngài Quang Trạch, rất thịnh truyền ở đời cho người Hữu Học sau nghiên cứu. Lại đã có văn nhân quả, nên phù hợp với ý chỉ của kinh. Nay dùng văn nghĩa suy tìm ý còn chưa tin, vì sao? Vì đoạn sau nói bỏ gần bày xa có thể được gọi là quả, nhưng trước nói về bỏ ba bày một chẳng phải

chuyên nói nhân, Vì sao? Vì ngày trước nói ba nhân thì có nhân ba, quả ba, ngày nay nói về một thì có nhân một quả nhất, khai nhân ba quả ba trước đều là Phương Tiện, hiển nhân một quả chẳng nay đều là chân thật, sao được bỏ ba bày một để nói về nhân ư! Lại nhân quả vừa viên, bản tích chưa đủ như trước đã bình.

6) Sư nói: “Kính này đã bỏ quyền bày thật thì phải dùng hai trí làm tông, bỏ ba tức là nói quyền, bày một là nói thật, đoạn dưới bỏ gần bày xa nghĩa cũng như vậy; bỏ gần là quyền, bày xa là thật, chưa liễu tác giả. Lời bình rằng: hai tuệ Quyền thật xuyên suốt chung một kính thật như đã nói. Xét thấy quyền thật đây chỉ là quả trí, cuối cùng lấy quả làm tông, đồng như lời bình ở trước. Lại nếu dùng quyền thật làm tông thì nên dùng đủ ba, một làm thể, nay không thể dùng ba, một làm thể thì sao được dùng quyền thật làm tông! Lại đoạn đầu bỏ quyền bày thật nên gọi là hai trí quyền thật, chương sau bỏ gần bày xa nên gọi là hai thân bản tích. Nếu đều dùng quyền thật thì thân trí lẫn lộn nhau.

7) Sư nói: “Đã gọi pháp tức lấy Diệu Pháp Liên Hoa làm tông, Diệu pháp tức là sở đắc pháp tánh chân thật căn bản của Phật, pháp tánh này không bị hoặc ô nhiễm, không đồng với hoặc nên gọi là tịnh, do tịnh nên gọi là diệu, cho nên dùng đây làm đề, tức lấy làm tông. Hoa sen: như trước dẫn Kinh Đại Tập, chọn các đức làm hoa không dùng hoa sen thế gian”. “Lời bình rằng: Tìm sư đây học tập ở ngoài phương này. Nghĩa là thức thứ tám tự tánh thanh tịnh cũng gọi là tánh tịnh Niết-bàn lấy làm diệu pháp. Đã nói là sở đắc của Phật tức lại là nghĩa quả giống như trước đã bình. Lại luận Nhiếp Đại thừa, Bồ-tát A tăng già soạn luận Thập Bát Không do Bà-tẩu soạn v.v... đều nói tám thức là vọng thức, nghĩa là căn bản sinh tử. Đời trước, Địa luận sư dùng thành Phật tánh gọi là chân cực. Trước Bát-nhã chưa độ, Viên Sư đã ngộ là nghĩa chân không, Niết-bàn bất tận, Đạo Sanh soi biết là Phật tánh, các Địa luận sư có thẹn những gì trước thấy. Lại kính này mục đích hưng khởi bất chánh nói về tám thức, nghĩa là tám thức giao riêng cho các giải thích khác.

8) Sư nói: Kính này lấy thường trụ làm tông, vì sao? Vì đại luận Phật giáo tông chỉ ở thường cho nên kính này lấy thường làm tông chỉ, nhưng giáo môn chưa cùng cực! Là che lấp tướng nói về thường”.

9) Sư nói: “Kính này lấy sự nói lên rõ ràng về thường nên lấy thường trụ làm tông chỉ. Như văn dưới nói: thường trụ bất diệt. Chỉ vì cùng Niết-bàn nói về thường có rộng, lược khác nhau”. Lời bình rằng: hai sư này tuy có che, hiển khác nhau, nhưng nói về nghĩa thường thì đồng. Nhưng chẳng phải không có văn thường trụ, chỉ nghĩa thường là ý

bỏ gần bày xa, chẳng phải nói của một kinh từ đầu đến cuối. Lại Thích luận nói: Kinh Pháp Hoa là pháp bí thâm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, chẳng phải chính là nói nghĩa thường. Che lấp tướng cùng nói lên, đến Phẩm Thọ Lượng tự sẽ thấy rõ.

10) Sư nói: “Lấy muôn thiện làm thể chỉ khiến cho mỗi điều thiện sẽ không suy yếu đều sẽ thành Phật”. Lời bình rằng: Muôn điều thiện làm thể cũng là nghĩa lấy nhân làm tông chỉ, được ở chương đầu mất ở đoạn sau, lại giống như trước đã bình.

11) Sư nói: “Muôn điều Thiện làm thể”, Đây là đại thông suốt mà lạm dụng. Kinh này đã nói Nhất thừa, chỉ chọn công cụ trang sức của thừa, thích nghi dùng Nhất thừa làm thể, công cụ trang sức thừa như văn dưới nói: xe kia cao rộng cho đến dùng trâu trắng kéo chỉ chọn Đại thừa vô lậu để dứt bỏ pháp hữu lậu. Lời bình rằng: Xét thấy giải thích này dùng Nhất thừa làm thể không đồng với sư đầu. Sư đầu nói chung Nhất thừa, nay chỉ chọn vô lậu nói nghĩa; đã hạn cuộc chẳng phải sử dụng.

12) Lời tựa Pháp Hoa của Pháp sư Tăng Duệ ở Trường An nói: suy tìm ý chỉ của kinh sâu xa rộng lớn mâu nhiệm, đâu chỉ nói thật qui về bản mà đường lối khác nhau ư! Là đại minh giác lý bao gồm xưa nay tuổi thọ quyết định kia, chẳng có số phân thân kia, rõ ràng không thật, Phổ Hiền nói lên kia không đến, Phật Đa Bảo nói về không diệt, đây là mất công đối với bản vô quên kỳ vọng đối với nhị địa. Lời bình rằng: Duệ Công tự đích thân thừa sự La-thập, là tông truyền dịch soạn lời tựa này, cho nên tự đứng đầu các sư cùng Quang Trạch một môn nhưng số điều phần lớn khác nhau. Ban đầu bỏ ba bày một để nói về nhân. Duệ Công gọi chung là nói thật quy bản. Thuyết thật qui bản: Nhất thừa một nhân gọi là chân thật, chẳng phải chỉ đoạn đầu chính là nói về nhân, đây là một nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói chương kế nói về quả cũng là số lượng, Duệ Công nói tuổi thọ nhất định kia chẳng có số, chẳng số nên thường hằng bất biến không có hạn số, hai nghĩa khác nhau. Quang Trạch nói kinh này chưa nói thường, chỉ một pháp thân mà dấu vết. Duệ Công nói phân thân rõ ràng không thật kia, vì không thật nên đức Thích-ca và phân thân đều là ứng tích, chẳng phải thật thân tức hiển pháp thân là thật, cho nên mất công đối với bản không quên mong mỏi ở nhị địa, đây đều là nói về quên danh bất tướng, không trụ không đắc, không nhân không quả, chẳng đầu chẳng cuối không một không hai cho đến chẳng thường chẳng vô thường, nói lên thật tướng các pháp không thể nói năng bốn thứ không đồng, cùng Quang Trạch bốn điều

khác nhau sẽ dùng tuệ quán xét, ba việc đồng đã cùng với kia bầm thọ cùng thấy là ngài La-thập, một xe không có hai dấu vết.

13) Lưu Cầu nhóm họp chú giải của Thái an Lâm Nhất Viễn công, La-thập, Tăng Triệu, Dung Hằng thuyết của tám Sư, tựa kia đại ý nói: giáo ngưng đọng nơi ba một, tiêu biểu quả mâu nhiệm ở ngoài thân một tượng sáu, không danh không tướng là chỉ qui của kinh này, từ phi đạo vượt ba không, trí thông Thập địa sao có thể nói được, danh đối với vô danh lẫn lộn nói đối với vô nói ấy ư! Lời bình rằng: Tìm ý chú giải cùng với Duệ quán, v.v... phần lớn là đồng, đồng nói về nói không nương không đắc, quên ngôn quên tướng.

Hỏi: Đã nghe nói khác chưa thấy tông này làm khác các sư, hay vì đồng các tượng (thầy khéo) ư?

Đáp: Nếu do ngộ mà nói thọ theo ngộ này nói khác đều nhờ đó được lợi ích thì các sư giải thích không thể gọi là sai, nếu nghe mà không ngộ thì các sư không thể gọi là đúng, ý của một sư chỉ qui ở ngộ. Nên dùng ngộ làm tông của kinh, bất luận đồng khác.

Hỏi: Phù hợp kinh cần nên ghi chép, trái văn nên bỏ, vì sao đồ tím cùng quán suốt đục trong còn lẫn lộn dòng, chỉ ngộ làm tông, chưa liễu có thể lãnh giải ư?

Đáp: Nếu phù hợp kinh nghe mà không ngộ, đối duyên chẳng phải thuốc thì nên bỏ, như kia giải thích trái với kinh Phật, nghe mà thọ đạo thì thành lý cam lồ cần phải ghi chép cho nên ngọt hay độc không nhất định, chỉ ngộ làm tông. Về sau thấy luận Nhiếp Đại thừa cùng một sư phần lớn rất phù hợp, Bồ-tát đối với tất cả các pháp không có định giáo, không có định thân, chỉ lấy lợi ích làm nhất định.

Hỏi: Nếu đối duyên lấy ngộ, đều kế hợp đạo, trong luận vì sao hiển chánh phá tà?

Đáp: Vì duyên không ngộ cho nên phá tà như kia kế hợp đạo đều là chánh nói.

Hỏi: chỉ có ngộ mới hợp với đạo, chẳng hay ở đây nói xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đây chính là bản hoài của các thánh là tông lãnh của kinh, luận chẳng những hợp lý mà thật cũng có văn. Cho nên Đại kinh chép: “Tất cả các pháp không có tướng nhất định, nếu có tướng nhất định thì đó là tướng sinh tử hoặc tướng ma vương, chẳng phải tướng Phật pháp, do không có tướng nhất định nên đức Như lai đối với phi đạo nói đạo, đạo nói phi đạo, thường nói phi thường, phi thường nói thường. Nếu pháp có định thì phải lẽ ra nói phải, trái nên nói trái, mà phải trái trở lại



luận chân ngụy nói xen lẫn, cho nên biết pháp không có tướng nhất định chỉ ngộ là theo”. Lại trong Tránh luận nói: “Các đệ tử của ta nghe nói rồi không hiểu ý ta, tuy lãnh chánh ngôn mà chính thành tà nói! “Lại Trung luận nói:” Tất cả thật, tất cả phi thật, vừa thật vừa không thật, chẳng phải thật, chẳng không thật.” Người liễu ngộ đối bốn câu đều là Phật pháp, người không liễu ngộ bốn câu đều là pháp của ma.

Lại Thích luật nói: “Không đắc năng lực Phương Tiện Bát-nhã nên học môn A tỳ đàm rơi vào hữu kiến, học Không môn rơi vào vô kiến, học môn Côn lặc rơi vào không hữu kiến, học Phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận, đắc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu này không rơi vào bốn kiến.” Lại Văn kinh-thù chép: mười tám và bản hai đều xuất xứ từ Đại thừa, chẳng phải cũng không trái ta nói đời vị lai khởi hai mươi bộ này, đều là Như lai phó duyên Phương Tiện người nghe đều đắc đạo cho nên đều là Đại thừa”, Lại nói kinh Đại Tập chép: “Tuy có năm bộ đều không ngăn ngại pháp giới Như Lai và đại bát Niết-bàn.” Lại kệ của Ba tạng pháp sư Cầu-na nói: “Các luận đều khác nguyên nhân, tu hành lý không hai, thiên chấp có phải trái người thấu đạt thì không sai trái tranh cãi”, Qua đây xét thấy dùng ngộ làm tông chỉ, sự phán định này nên tin, đây chẳng phải chỉ muốn thông một giáo mà chính là thông suốt chung các kinh.

Hỏi: Nếu chỉ ngộ làm tông chỉ, vì sao trước bình nghĩa được mất kia ư?

Đáp: Nếu trước đã thông hiểu thì không đợi nay hỏi, như kia chưa hiểu lại vì phân tích. Đại khái trước phán xét nói gồm có ba dấu vết:

- 1) Đối duyên đều ngộ thì các giải thích không sai.
- 2) Nghe đều mê lầm, thì nói khác cũng không đúng.
- 3) Tự có ở đây tức ngộ ở kia sinh mê, thì đây nói thành chánh, kia nói thành tà. Cho nên pháp không có tướng nhất định, nói lên ở đây chỉ ngộ là tông chỉ, sự rõ ràng ở nay nói.

Hỏi: Nếu căn cứ duyên ngộ làm chánh, duyên mê là tà, đây nói thông suốt, tự có kim khẩu Phật nói và không phải kim khẩu Phật nói, nhưng trong Phật nói có kinh liễu nghĩa kinh bất liễu nghĩa. Nếu vậy thì lẽ ra có chánh nói tà nói. Nay y theo văn mà phê phán, làm sao giải thích phù hợp với kinh ư?

Đáp: Như Lời bình ở trước được mất đã rõ ràng.

Hỏi: Trước nói được mất tự là tông chỉ xưa nay muốn an tâm mong nghe nói khác hay sao?

Đáp: Người muốn an thân ưa khác nhau, vì sự to lớn của nhập đạo,

lụy ở thông suốt giáo càng thêm độc, nay sẽ vì con mà trình bày sự thất tâm, có chỗ an tâm thì tình có chỗ nương tựa, tình có chỗ nương thì danh có sở đắc, có sở đắc thì có chỗ trói buộc, có chỗ trói buộc vì các sự ràng buộc như vườn rừng phủ tạng muôn sự khổ, cho nên muốn an thần sự lại chiêu cảm lỗi này.

Lại nói: Nguyên nghe nói khác, nếu nói câu việc khác thì khác lại có khác, khiến cho khác khác không cùng. Lời xưa nói: chân ngôn qui về nơi cạnh tranh, biện luận tông vượt ngoài sự ưa khác; có thể nói là cách thành càng xa, đường nguy hiểm càng nhiều. Nếu trái ngược thì càng lầm lẫn rất xa, ắt muốn hội tụ hư tông kế hợp huyền tịch, phải tự đồng với trước khác với sau, trong thấy chẳng phải mình thấy, ngoài nghe chẳng phải mình nghe, hư tâm kia thật soi chiếu tức là nghe, điều chưa nghe chưa hề có pháp như thế, pháp ấy gọi là Pháp Hoa, đại tông chỉ Pháp Hoa, ý đó ở đây.

Hỏi Nếu tâm có chỗ nương đã gọi có chỗ buộc, tình không nơi nương tựa thì lại nhiễm không, kia còn đào núi đến hang đều không tránh khỏi hoạn nạn, cho nên đoạn kinh ở dưới dạy: hoặc có hoặc không kiến đầy đủ sáu mươi hai ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, trước là mượn không để nêu có, bệnh có đã dứt, không cũng chẳng để dấu. Thích luận chép: Như sương đá làm cỏ chết, cỏ chết mà đá tiêu, nếu x lìa được hai bên mới gọi là diệu ngộ.

Hỏi: lìa cả hai có, không chính là có thể hai kiến chẳng sinh, nay nói chẳng có chẳng không tức rơi vào ngu si luận ư!

Đáp: người lúc mới dính mắc có, kể là theo dấu vết nhiễm không, nay tuy cả hai đều là bệnh tiêu nhưng cả hai chẳng phải tận khởi do thể gọi là chúng sinh khắp nơi đều đắm chấp lời chứng thật này. Nếu xa lìa được hai bên không chấp Trung đạo, vắng lặng như vậy không nương tựa, lý tự kế hợp sâu mầu, trở lại đạo gốc chấp đây ư!

Hỏi: Tuy nói chúng sinh chỗ nào cũng chấp, lại nói dẫn dắt khiến họ được ra khỏi xin nêu bày tông huyền diệu khiến cho hư tâm không nơi nương tựa ư!

Đáp: Kinh nói pháp ấy không thể nêu bày, tướng ngôn từ vắng lặng, nay sẽ chỉ bày cái không thể chỉ bày, người phải nghe cái không thể nghe, kinh này lấy chánh pháp thật tướng làm tông, nói nhân nói quả, bỏ quyền bày thật đều là trong vô danh tướng mượn danh tướng nói làm dụng.

Hỏi: Làm sao biết thật tướng chánh pháp làm tông?

Đáp: Như trước đã dẫn, pháp ấy không thể chỉ bày tức là thật

---

tướng. Lại hai muôn ức Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ở quá khứ dạy: “Nghĩa thật tướng các pháp đã vì các ông nói”, Lại nói: tướng vắng lặng của các pháp thể dùng ngôn ngữ nói bày. Lại nói các pháp xưa nay tướng thường tự vắng lặng vẫn xứ rất nhiều không thể nêu đủ. Lại muốn nói về tông chỉ kinh thì phải quán xét đề kinh. Đề nói Diệu pháp tức là chánh pháp, chánh pháp như Hoa Nghiêm chép: “tánh Chánh pháp xa lìa tất cả đường ngữ ngôn, tất cả đường, chẳng phải đường đều là tướng tịnh diệt, chánh pháp bật nơi danh tướng nên mới gọi là Diệu. Nếu đề cập đến bốn câu thì làm sao có diệu ư!

Hỏi: Nếu phi nhân phi quả thì lẽ ra cũng phi chánh phi tà, phi hư phi thật, vì sao gọi là thật tướng chánh pháp ư?

Đáp: Thật như đã hỏi, phi tà phi chánh phi thật phi hư, chẳng biết lấy gì gọi, là vì muốn xuất hiện ở chúng sinh ở trong vô danh tướng, mượn danh tướng nói cho nên gượng gọi là chánh pháp. Đại kinh chép: Ê-la-bà-di thật không ăn dầu gượng gọi là ăn dầu đều có loại như vậy.

Hỏi: Nếu nói phi nhân phi quả phi hư phi thật, đây chính là chân đế bốn vong, làm sao khai diệu chỉ Nhất thừa ư!

Đáp: Đã nói phi nhân phi quả cũng phi tục phi chân phi duyên phi quán, cho nên Thích luận giải thích Bát-nhã: Nhân là một bên quả là một bên lìa hai bên gọi là Trung đạo. Lại nói duyên là một bên quán là một bên lìa hai bên mới gọi Trung đạo. Ngài Triệu Công nói: trong luận Niết-bàn chép: Pháp chẳng có tướng có, không, cho nên vô số ở ngoài, bậc Thánh chẳng có trí có, không, nên vô tâm ở trong, đối ngoài vô số ở trong vô tâm, kia đã vắng lặng chính gọi là Niết-bàn đâu phải chân đế!.

Hỏi: Vì sao nhân quả lấy làm dụng ư!

Đáp: Chánh pháp thật chẳng phải nhân quả, vì chúng sinh mà khai pháp môn nhân quả, nên gọi là dụng, quyền thật cũng vậy. Chỉ là nhân quả nay nói khác với nhân quả xưa, nói nhân là đầy đủ hai nhân:

- 1) Phật tánh.
- 2) Duyên nhân.

Vì chúng sinh có Phật tánh nên tu muôn hạnh mới thành Phật. Nói quả cũng đủ hai quả:

- 1) Chẳng có đức nào không tròn đầy.
- 2) Không hệ lụy nào không dứt hết, nghĩa này hiện ở luận Pháp Hoa ở sau sẽ nói. Cho nên, nói chánh Pháp là thể, nhân quả là dụng.

# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 3

Hỏi: Thích Luận giải thích phẩm Vấn Thừa rằng: nêu mười thứ đại kinh, Vân Kinh, Kinh Đại Vân, Kinh Hoa Thủ, Kinh Pháp Hoa, v. v... thì kinh Ma ha Bát-nhã trong các kinh đó là sâu rộng nhất. Lại luận quyển một trăm nói: Pháp Hoa là pháp bí thâm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật không nói Nhị thừa thành Phật. Lại luận giải thích phẩm Nhất định chép: Tu Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều thành Phật. Lại nghe trong kinh Bát-nhã có người thoái thất vì vậy nên nay hỏi Phật là Bồ-tát vì nhất định hay không nhất định! Lại Thích luận phẩm Đại Minh chép: Các thiện pháp khác xếp vào Bát-nhã. Luận nói các thiện pháp khác gọi là kinh Pháp Hoa, lại nói Pháp Hoa là tên quả Bát-nhã. Văn luận năm chỗ có ba điều trái nhau: Đầu tiên văn nêu Bát-nhã hơn mà Pháp Hoa kém, văn thứ hai nêu Bát-nhã cạn, Pháp Hoa sâu. Ba văn còn lại không phân biệt sâu cạn, ba thứ trái nhau làm sao hội thông ư?

Đáp: theo thuyết năm thời nói, Nói về bốn tông thì nói đây hại nhau, mâu thuẫn không thể hội thông.

Hỏi: Vì sao như vậy ư!

Đáp: Các sư đều nói Bát-nhã cạn mà Pháp Hoa sâu, chắc chắn không có nói Bát-nhã hơn mà Pháp Hoa kém, cho nên biết không thể thông.

Hỏi: Đã trái với xưa nói nay làm sao dung hội ư!

Đáp: Nên rộng xem ý nghĩa luận mới nói, vì sao? Vì đây số câu văn chính là lưới giảng của Phật giáo không thể khinh thường cần phải suy xét cho kỹ.

Hỏi: Xưa nói thế nào?

Đáp: pháp sư Tuệ Quán chùa Đạo Tràng đời Tống soạn lời tựa Niết-bàn nói giáo có hai thứ:

1) Đốn giáo tức dòng Hoa Nghiêm.

2) Tiệm giáo nghĩa là thuyết năm thời, người đời sau lại thêm một

nữa nên có Giáo vô phương, ba đại Pháp sư đều dùng. Đến phương Bắc trở lại hình ảnh ngũ giáo soạn ra bốn tông, nay nương kinh luận Đại thừa nói về sự được mất kia.

Thích luận chép: Phật pháp có hai hạng:

- 1) Tạng Đại thừa.
- 2) Ba tạng Tiểu thừa.

Lại nói Phật pháp có hai đạo:

- 1) Đạo Thanh văn.
- 2) Đạo Bồ-đề-tát-đỏa trước căn cứ pháp chia làm hai, sau căn cứ nhân (người) chia làm hai. Lại Thích luận nói: sau khi Đức Phật diệt độ, ngài Ca-diếp cùng A Nan kết tập Ba tạng, Văn thù, Di-lặc cũng cùng A Nan kết tập Ma ha Diễn tạng. Đại kinh nói tự có hai thứ: bán tự và mãn tự, vì Thanh văn nói bán tự, vì Bồ-tát nói mãn tự.

Lại nói các đại chúng gồm có hai hạng:

- 1) Hạng cầu Tiểu thừa.
- 2) Hạng cầu Đại thừa.

Xưa Phật ở thành Ba-la-nại vì các Thanh văn xoay bánh xe pháp Tiểu thừa, nay bắt đầu nơi thành Câu-thi-na này vì Bồ-tát xoay bánh xe pháp Đại thừa. Lại kinh Pháp Hoa nói xưa ở thành Ba-la-nại xoay bánh xe nhỏ sinh diệt, nay đến núi Linh Thứu xoay bánh xe lớn vô sinh diệt. Lại Pháp Hoa nói hai thứ giáo:

- 1) Giáo Thanh văn.
- 2) Giáo Bồ-tát.

Giáo Thanh văn như thuê người hốt phân, giáo Bồ-tát như giao phó tài vật cho cùng tử, từ giao phó cho Bồ-tát trở đi đều là giáo Bồ-tát. Lại chỉ có thảo am và dùng nhà lớn chỉ có hóa thành giữa đường và dùng Đảo châu báu. Lại luận Nhiếp Đại thừa nói pháp Thanh văn pháp Bồ-tát, pháp Thanh văn chỉ dứt pháp chướng, pháp Bồ-tát dứt cả hai chướng hoặc trí. Lại Địa luận nói hai tạng đồng với Thích luận. Lại Tịnh Danh nói thuộc về pháp tạng Bồ-tát thì biết có thuộc về pháp tạng Thanh văn. Lại Trung luận nói pháp Thanh văn xếp vào bậc nhất nghĩa đạo, Ma-ha-diễn xếp vào bậc nhất nghĩa đạo. Lại tất cả kinh lúc mới nêu cả hai chúng:

- 1) Chúng Tiểu thừa.
- 2) Chúng Đại thừa.

Các nơi như vậy, v.v... kinh luận chỉ nói Đại thừa, Tiểu thừa cho nên chỉ có hai thứ pháp luân không nên lập ba giáo. Lại xét theo lý căn tánh chúng sinh có hai thứ:

1) Hạng kham thọ Phật đạo.

2) Hạng không kham thọ đại đạo.

Kham thọ đại đạo thì nói Phật thừa, gọi là Đại thừa, không kham thọ thì nói Tiểu thừa cho nên biết chỉ nên có hai chữ không nên lập ba. Lại nói ba giáo không có mục đích căn cứ rõ ràng nên không thể dùng.

Kể là nói cũng không có tiệm giáo: Xưa nói Bát-nhã là thông giáo Ba thừa gồm dẫn bốn văn: Ban đầu nói muốn đắc Thanh văn địa phải học Bát-nhã cho đến muốn đắc Bồ-tát địa phải học Bát-nhã. Lại nói trong Bát-nhã ấy nói rộng giáo Ba thừa. Lại nói trí Nhị thừa dứt là Bồ-tát vô sinh pháp nhẫn. Lại nói muốn trụ Tu-đà-hoàn cũng không nên lìa nhẫn ấy. Cho nên biết Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa. Lời bình rằng: lời tựa luận nói Bát-nhã nhân duyên ý nói rằng: đối với Ba tạng chỉ vì Thanh văn nói pháp, chưa nói Hạnh Bồ-tát, nay muốn vì Di-lặc, v. v... nói rộng Hạnh Bồ-tát cho nên nói Bát-nhã, không nói nay muốn nói chung nhân hạnh của Ba thừa cho nên nói Bát-nhã, tức biết Bát-nhã chẳng phải Thông giáo Ba thừa. Lại luận nói Bát-nhã không thuộc Nhị thừa chỉ thuộc Bồ-tát, nếu Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì nên thuộc chung Ba thừa không nên chỉ thuộc Bồ-tát. Lại luận nói trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, trong tâm Thanh văn gọi là đạo phẩm. Lại nói trong tâm Bồ-tát gọi là Đà-la-ni, trong tâm Nhị thừa gọi là đạo phẩm. Nếu Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì ở tâm Ba thừa gọi chung là Bát-nhã không nên có tên riêng.

Lại nạn rằng: Nếu Ba thừa thông học Bát-nhã, thì Bát-nhã là Ba thừa Thông giáo: kinh Niết-bàn nói: Người Ba thừa đồng quán Trung đạo, người hạ trí quán nên được Thanh văn Bồ-đề cho đến hạng thượng trí quán cố được Chư Phật Bồ-đề lẽ ra cũng là Thông giáo Ba thừa. Nếu nói bởi nghĩa Niết-bàn một nhánh không đủ để chứng minh Đại tông thì phẩm Khuyến học khuyến khích Ba thừa học Bát-nhã cũng là một câu nói không đủ để chứng minh kia thông đến cùng. Lại nói Bát-nhã sinh ra Ba thừa nên gọi là Thông giáo Ba thừa thì Đại kinh nói tức là Thanh văn tạng sinh ra các Thanh văn, tức là nhân duyên tạng ra khỏi sinh ra Duyên giác lẽ ra là Thông giáo Ba thừa. Lại kinh Thắng-man nói đại địa sinh ra bốn bảo tạng, nhiếp thọ chánh pháp, sinh ra năm thừa, lẽ ra cũng là Thông giáo Ba thừa.

Hỏi: Đây chẳng phải nạn, Niết-bàn Thắng-man nói Nhất thừa Phật tánh, Bát-nhã không như vậy nên không được theo lệ ư!

Đáp: Nếu Niết-bàn chánh nói Phật tánh, lại có đồng nói Ba thừa





quán Trung đạo thì Bát-nhã chính là nói pháp giáo Bồ-tát cũng khuyên Ba thừa đồng học Bát-nhã, nghĩa này thuận bằng vì sao chẳng theo lệ này! Lại dẫn Thích luận nói về mười thứ Đại kinh nói Bát-nhã tối thắng, đã hơn Pháp Hoa thì đâu có nông cạn hơn Niết-bàn, v.v... được ư!

Hỏi: Bát-nhã chưa nói thường cho nên biết nông cạn ư!

Đáp: Trong đề kinh dùng dẫn văn xong nay lại phải nói. Luận Nhiếp Đại thừa dẫn Bát-nhã nói thừa có ba thứ: nhân thừa, duyên thừa, quả thừa, và quả thừa là thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu vậy, Bát-nhã nói về bốn đức, vì sao chẳng thường! Chỉ vì người không hiểu ý kinh cho là vô thường!

Hỏi: Vì sao Long thọ không nương theo đây giải thích ư!

Đáp Luận chủ cũng nói không vì Bát-nhã. Lại nói thường trụ Bát-nhã chẳng phải không có ý này.

Hỏi: Bát-nhã không phải Thông giáo Ba thừa, vì sao khuyên người Thông giáo Ba thừa học Bát-nhã ư?

Đáp: Nay sẽ trình bày cho ông hiểu: Từ Bát-nhã đến Niết-bàn đều là pháp giáo Bồ-tát, nhưng pháp giáo Bồ-tát gồm có hai thứ:

1) Hiển giáo.

2) Vừa hiển, vừa mật, như Bồ-tát hiển giáo Pháp Hoa, Niết-bàn, cho nên nói người Ba thừa đều là Bồ-tát Bát-nhã vừa hiển, vừa mật, Bồ-tát hiển giáo, Nhị thừa mật giáo.

Hiển giáo Bồ-tát: Khiến Bồ-tát tu học Bát-nhã thành Phật đạo. Mật giáo Nhị thừa; là khuyên Nhị thừa học Bát-nhã cũng khiến người Nhị thừa thành Phật đạo. Như trong giao phó tài vật nói thậm chí bày đại pháp để tự mình gánh vác cho nên giao phó tài vật cho cùng tử. Cùng tử căn độn không hay không biết cho rằng học Bát-nhã để chứng Ba thừa, nếu nói học Bát-nhã thành Ba thừa thì cũng thuộc loại cùng tử đó thôi.

Hỏi: Kinh và Thích luận nói học Bát-nhã thành Nhị thừa, vì sao giải thích như thế ư?

Đáp: Học Bát-nhã thành Nhị thừa là đây không hề biết Bát-nhã là Pháp Bồ-tát chứng Nhị thừa, nếu quyết biết Bát-nhã là Pháp Bồ-tát thì học Bát-nhã không chứng Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Nếu học Bát-nhã chứng Nhị thừa thì ở tâm Nhị thừa nên gọi là chân Bát-nhã, vì sao luận nói ở tâm Nhị thừa không gọi là Bát-nhã, lại vì sao lúc mới khuyên Nhị thừa học Bát-nhã, sau chứng quả Nhị thừa không gọi là Bát-nhã, bậc Hiền! mong cầu vị xin lưu tâm đến ý này.

Lại học Bát-nhã thành Nhị thừa, đây là Bát-nhã ít theo khí phần, vì sao biết? Thích Luận nói: Nhị thừa chứng Không, sánh với Không của Bồ-tát. Ví như hư không trong lỗ chân lông, sánh với hư không mười phương. Lại luận Nhiếp Đại Thừa nói: Nhị thừa chỉ đắc nhân Không, chẳng đắc pháp Không, cho nên biết Nhị thừa chỉ đắc Bát-nhã ít theo khí phần.

Hỏi: Nếu như ý sau tức dùng lời này để chứng Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa đã ít được chịu theo khí phần đâu chẳng phải Thông ư!

Đáp: Nếu được ít phần liền nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa thì Đại kinh chép: như người được ăn cũng gọi là Niết-bàn, Nhị thừa dứt hoặc ba cõi đâu không được chút phần Niết-bàn ư! Vì thế không nên nói chút phần để chứng minh Thông giáo Ba thừa. Lại Tiểu Bát-nhã nói: kinh này vì người Đại thừa mà nói, vì người tối thượng thừa mà nói, cho nên biết Bát-nhã không phải là Thông giáo Ba thừa.

Hỏi: Trước nói Bát-nhã mật giáo Nhị thừa, lấy gì làm căn cứ ư?

Đáp: phẩm Tín Giải trong kinh Pháp Hoa nói: lúc xưa Đức Phật ở trước Bồ-tát chê trách Thanh văn ưa thích pháp Tiểu thừa, nhưng Đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, cho nên biết Bát-nhã thâm nói Nhất thừa, đây cũng đắc tức là công khai nói Nhất thừa chỉ vì cùng tử độn căn không hay biết! Lấy đây suy xét không nên nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa.

Lại luận Nhiếp Đại Thừa chép: Bát-nhã thâm nói Nhất thừa, vì sao? Vì tất cả pháp đều là chân như, Ba thừa không lìa chân như tức nói nghĩa Nhất thừa chỉ vì Nhị thừa không hay biết! Lại nói tất cả mọi nơi tìm người không thể được, nếu không có người làm sao phân biệt đây là hàng Thanh văn này là hàng Duyên giác, đây là hàng Bồ-tát ư? Do vô ngã đồng cho nên phải biết tức là thâm nói Nhất thừa. Lại người Ba thừa đồng dứt hoặc chướng, do dứt hoặc chướng nên tức là đồng Nhất thừa.

Lại nghĩa xưa nói: Bát-nhã đã hội nhập pháp nhưng chưa hội nhập người. Hội pháp: tất cả các pháp đều nhập vào thật tướng các pháp, đều nhập vào Ma-ha-diễn, cũng đều nhập vào Bát-nhã, cho nên nói nếu có thật ngữ nhiếp tất cả thiện pháp thì nên biết là Bát-nhã. Vì thế, Bát-nhã đã hội các hành, các hành đều nhập Đại thừa, chỉ vì Nhị thừa căn duyên chưa thuần thực, chưa có khả năng khai hội cho nên nói chưa hội người. Dùng thâm hội pháp rồi, phải biết đã là nói Nhất thừa chỉ là chưa hội người cho nên người Nhị thừa không hay biết.

Kế là nói Tịnh Danh là khen chê pháp luân, thán rằng phàm phu

có tráo trở, chê bai Thanh văn là bại căn. Lời bình rằng: Đó cũng không đúng. Luận chủ giải thích Bát-nhã phẩm Ma sự nói: ví như con chó ngu si không đi theo nhà có danh tiếng giàu sang cầu xin thức ăn mà theo người làm lụng để xin. Chó là người Thanh văn, đại gia (nhà danh tiếng) là giáo pháp Đại thừa, người làm việc là kinh Tiểu thừa. Tịnh Danh tuy khuất nhục do bại căn chưa đạt đến Bát-nhã, chê bai như chó si mà nói khen chê cũng là nói lầm. Lại kinh Pháp Hoa nói: Lúc xưa ta đối trước Bồ-tát chê bai Thanh văn ưa pháp Tiểu thừa nhưng Đức Phật thật dùng Đại thừa để giáo hóa, đây là chỉ Bát-nhã mà làm chê khen chẳng phải do Tịnh Danh khen chê. Lại Tịnh Danh chê trách đủ cả Đại Tiểu, vì sao nói chê Tiểu khen Đại ư!

Hỏi: Tuy chê trách cả Đại lẫn Tiểu nhưng cuối cùng khen ngợi Đại thừa cho nên chê Tiểu khen Đại. Nạn hỏi rằng cuối cùng là khen Đại vì sao chê trách cả Tiểu và Đại, đã nói Đại thì chẳng chuyên khen Đại, nghĩa này như trong giải thích danh đã nói rộng.

Thứ tư Pháp Hoa là Nhất thừa giáo nhưng lẽ ra không nghi mà nghĩa cũng chưa hoàn thiện. Luận giải thích Bát-nhã Phẩm Nhất định rằng: Tu Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói tất cả chúng sinh đều thành

Phật, lại nghe Bát-nhã có thoái thất cho nên nay hỏi là nhất định hay không nhất định. Nếu vậy chẳng lẽ Pháp Hoa nói nghiêng Nhất thừa, Bát-nhã đều không nói như thế. Lại luận nói Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã chẳng lẽ Pháp Hoa nói Nhất thừa giáo, còn Bát-nhã chưa nói!

Hỏi: Nếu không có năm thời thì đâu có ví dụ năm vị sanh nhau ư?

Đáp: năm vị và năm thời nghĩa không tương ứng, là muốn chứng thành trái lại tự hại. Trong năm thời lấy Bát-nhã làm thời thứ hai, trong năm vị thì Bát-nhã là vị thứ tư. Tuy muốn quanh co, hội nhập nói Bát-nhã mà tức là Pháp Hoa đại tuệ bình đẳng, đây chính là trở lại văn căn cứ nghĩa chẳng phải chỗ dùng.

Đại kinh chép: Như ta trước đối với trong Ma ha Bát-nhã nói ngã, vô ngã không, hữu hai tướng có thể gọi là bình đẳng đại tuệ dẫn Pháp Hoa ư! Đây là nêu tình người sâu xa chứ chẳng phải văn nghĩa. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói thừa có ba:

1) Nhị thừa.

2) Đại thừa.

3) Nhất thừa. Nhất thừa tối thắng sao không nói ba thời ư!

Lại năm tướng lược kinh nên rõ giáo có ba thứ:

1) Tại vườn Nai vì Thanh văn nói Bốn đế.

2) Vì người đại căn nói các pháp lìa tự tánh bất sinh bất diệt. Đây cũng hữu thượng hữu dư bất liễu nghĩa nói khởi tranh luận.

3) Vì người cầu tất cả thừa nói các pháp lìa tự tánh bất sinh bất diệt vô thượng vô dư chẳng có chỗ tranh luận, một quyển kinh này tương ứng với luận Nhiếp Đại Thừa vì sao không nương kinh nói ba thời ư! Lại kinh Vô Lượng Nghĩa còn nói ba thời: lúc mới vì hàng Thanh văn nói bốn đế có tám ức chư thiên đến nghe pháp phát tâm Bồ-đề. Kế là nói mười hai nhân duyên sâu xa, vì người cầu Bích-chi-phật, vô lượng chúng sinh phát tâm Bồ-đề trụ ở địa vị Thanh văn. Kế là nói Phương Đẳng mười hai bộ, Ma ha Bát-nhã Hoa Nghiêm hải không, nói Bồ-tát trải qua nhiều kiếp tu hành. Ý đây thì có ba thời, nay lại nói vô lượng nghĩa cũng là bốn thời, lại nói Pháp Hoa là năm thời, Niết-bàn là sáu thời, lúc mới nói thừa trời người lẽ ra là bảy thời, vì sao không lập bảy thời! Không nên lập riêng bốn tông, chấp nhất định năm giáo.

Lại Thích luận nói Đức Phật ở vườn Nai nói pháp vô lượng Bồ-tát đắc vô sinh pháp nhẫn, vô lượng Bồ-tát đắc Nhất sinh Bồ xứ hiện thân thành Phật, đâu thể nói ở vườn Nai Phật chỉ nói Tiểu thừa ư! Lại Đại kinh chép: Lúc ta mới thành đạo cũng có Bồ-tát đến hội hỏi ta nghĩa sâu xa ấy, tức từ đầu đến sau đều nói Niết-bàn, không nên nói Niết-bàn là tiệm, Hoa Nghiêm là đốn. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: hoặc có người thấy ta nhập Niết-bàn, hoặc có người thấy ta là báo thân Phật có trăm ngàn đức Thích-ca nhiều quanh, nếu vậy không nên nói Hoa Nghiêm là khi mới thành đạo thì đốn nói, đến khi Niết-bàn thì không nói, vì vậy nên tiệm đốn không thành.

Lại Thích luận nói có hai thứ pháp luân:

1) Hiển thị pháp luân.

2) Bí mật pháp luân.

Hiển thị: như ở vườn Nai, Đức Phật nói pháp Tiểu thừa cho năm vị và tám muôn chư thiên đắc đạo. Bí mật pháp luân: tại vườn Nai nói pháp Đại thừa vô lượng người phát tâm Bồ-đề cho đến hiện thân thành Phật như trước đã dẫn chứng. Như ở vườn Nai có hai việc này để nói về hiển, mật, tất cả mọi nơi đều lệ theo như thế. Như tại tinh xá Kỳ Hoàn, Thân Tử thấy đức Thích-ca nói pháp, các Bồ-tát thấy đức Xá-na ở Kỳ Hoàn nói pháp, đồ chúng đầy khắp pháp giới nói pháp môn pháp giới, người Nhị thừa không nghe không thấy đều thuộc loại kia.

Lại dùng bốn câu xuyên suốt chung các kinh:

1) Đầu nói Tiểu cuối nói Đại như ở vườn Nai trước nói Tiểu sau nói Đại thừa.

2) Đầu nói Đại sau nói Tiểu, khi mới thành đạo nói giáo Hoa Nghiêm, từ vườn Nai về sau nói Tiểu thừa giáo.

3) Từ đầu đến cuối đều nói Đại, như từ đầu đến cuối đều nói Niết-bàn.

4) Từ đầu đến cuối đều nói Tiểu thừa, như Thích luận nói từ đầu xoay bánh xe pháp đến đại Niết-bàn tập làm A-hàm, do hai giáo hiển mật và bốn câu khác nhau, đầu thế hạn cuộc ở năm thời dựng ba giáo, chỉ vì biết Như Lai tùy duyên nói pháp giáo không nhất định.

Hỏi: Các kinh như vậy, v.v... đều thuộc giáo vô phương nên không sai lầm phải không?

Đáp: Nói vô phương kinh luận không có căn cứ không nên lập; lại không nên lập giáo vô phương, vì sao? Vì nếu lấy Đại Phẩm làm thời thứ hai thì các Kinh Bát-nhã khác đều thuộc thời thứ hai, lấy Niết-bàn làm thời thứ năm thì các kinh thường khác đều thuộc thời thứ năm, chỉ nên dùng loại nhiếp kinh không nên dùng giáo thuộc về vô phương. Nếu nói sinh nhau gọi là thứ lớp thì chẳng sinh nhau gọi là vô phương, đâu biết tám bộ Bát-nhã đều là sinh nhau ư! Lại nói năm thời sinh nhau kiểm lại đã không thành huống chi có bất tương thành gọi là giáo vô phương. Lại nữa ngài Long Thọ, Thiên Thân đều dùng loại mà phân chia Đại Tiểu, Ha-lê, Pháp Thắng dùng ví dụ mà bỏ ba tạng không nên lập giáo vô phương.

Hỏi: Các Địa luận sư ở đất Bắc cho rằng bốn tông năm tông, v.v... nói, việc ấy thế nào?

Đáp: Đây đều nói bốn, năm thời giáo cho nên nói như vậy. Năm thời đã không thành bốn tông tự phế bỏ... Lại Bồ-đề Lưu-chi Hán dịch là Đạo Hy, dịch thân dịch Địa Luận chỉ nói bán mãn, Lưu chi là tông chủ của Địa luận, tức biết bán mãn có nguồn gốc mà y bốn tông không có căn bản, mà liền tin sâu không lường được lý do.

Hỏi: Ông tuy rộng chê trách ba giáo và bác bỏ năm thừa, dẫn năm văn của luận trước làm sao hội văn! Truyện Long Thọ nói: “Mặt trời trí tuệ đã lặn, người này làm cho sáng trở lại, đời tối tăm ngu mê đã lâu, người này tỉnh khiến đánh thức mọi người, người nước ngoài vì lập tông miếu thờ như thờ Phật. “Kinh Lăng-già chép:” Có vị Đại Đức Tỳ-kheo hiệu là Bồ-tát Long Thọ trụ Vui mừng địa vì người nói kinh Đại thừa. Kinh Ma-da nói: trong bảy trăm năm có một vị Tỳ-kheo hiệu là Long Thọ diệt tà kiến, thấp đức chánh pháp. Dùng kinh, truyện mà suy theo lý thì chẳng nói sai lầm. Nếu đây nói mà có thể lãnh hội thì rõ ràng như bày giữa trời sáng như cam lồ chảy khắp bốn thế, nếu như kia chưa hiểu

thì chẳng có gì nương gá vào tâm, khác nào đi giữa trời đêm, thì xin làm thông suốt khiến không chút chấp đắm ư!

Đáp: Văn khác với qui tắc thường, nghĩa trái với cách cũ, tuy muốn hội thông vẫn sợ chưa thể tức tâm, nay sẽ vì ông trình bày sơ lược cương yếu.

- Thứ nhất: Văn nói Bát-nhã là tối thắng trong mười thứ, nhưng xét cùng cực các kinh lấy thật tướng làm tông, tổng quát tâm các Thánh dùng diệu tuệ làm chủ. Xét muôn hóa thì chẳng có gì không phải tông mà là tông, tức vô tướng hư tông chẳng phải không khế hợp mà vô tâm khế hợp. Cho nên, bậc Thánh dùng diệu tuệ vô tâm khế hợp với hư tông vô tướng kia, trong ngoài đều sâu kín duyên trí đều vắng lặng đâu thể chấp nhận danh số trong đó ư! Hai thứ này tột cùng đấng một nguồn, tận diệu huyền lý đều thống nhất, giáo đều thu nhiếp, như hư không chứa đựng muôn tượng, biển lớn thấu nạp trăm sông, Bát-nhã nói đủ nói ý này, luận gọi là lớn nhất đâu thể là luống gọi.

Hỏi: Ông nói Đại vậy nay dùng văn gì để chứng minh?

Đáp: Bốn Tất-đàn thấu nhiếp mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng. Ba Tất-đàn trước còn có thể phá, có thể hoại, bậc nhất nghĩa Tất-đàn không thể phá hoại, trên hết không gì hơn, kinh này chính là nói bậc nhất nghĩa Tất-đàn, vì nói bậc nhất nghĩa Tất-đàn nên nói kinh này, tức biết Bát-nhã nói nhiều nói về thật tướng để chứng minh đại nghĩa của cảnh lúc mới. Lại nói ba Tất-đàn trước đều qui về bậc nhất nghĩa tức biết tám muôn pháp tạng vì nói lên đệ nhất nghĩa. Bát-nhã đã chánh nói đệ nhất nghĩa tức thấu nhiếp tám muôn pháp tạng cho nên biết là lớn nhất.

Ngài Long Thọ khai chín mươi chương để nói về hai tuệ, sáu mươi sáu phẩm nói về tuệ thật, từ phẩm Vô Tận đến cuối kinh nói về Phương Tiện tuệ, hai tuệ này là pháp thân cha mẹ của ba đời Chư Phật mười phương, như Tịnh Danh nói: trí độ Bồ-tát làm mẹ, Phương Tiện làm cha, tất cả đấng ác sư đều từ đó mà sinh ra, đây là chứng minh trí đại nghĩa thứ hai, do hai nghĩa này tức đối với tất cả kinh là lớn nhất đâu chỉ có mười kinh ư! Bởi luận chủ lược nêu mười!

Hỏi: Các kinh lại nói hai thứ này đâu riêng gì Bát-nhã, chẳng phải luận chủ nhất thời đề cao ư!

Đáp: Bát-nhã chỉ nói hai thứ này, các kinh khác không như vậy. Lại các kinh nói hai thứ này đều thuộc về Bát-nhã nên trước nói các pháp thiện ấy, tức là Pháp Hoa đều thuộc về Bát-nhã, bởi theo lý luận chủ nói thật chẳng phải xưng tán theo ý mình.

Hỏi: Các kinh nói hai thứ này đều thuộc về Bát-nhã, lẽ ra cũng Bát-nhã nói hai thứ này thuộc về các kinh tức các kinh là Đại chẳng phải riêng gì Bát-nhã ư!

Đáp: Đã như trước nói về Bát-nhã chỉ nói hai thứ này, lại Bát-nhã đầu tiên nói, các kinh không có hai nghĩa này, cho nên không được gọi là Bát-nhã. Xưa có Đại Phẩm Sư cho rằng Bát-nhã là kinh đặc đạo, đây nói phù hợp ý chí lớn nhất của luận, vì tất cả đặc đạo đều do Bát-nhã cho nên Bát-nhã là lớn nhất, đây chung cho văn thứ nhất ở trên.

- Thứ hai là văn nói Pháp Hoa là pháp bí thâm nói Nhị thừa thành Phật, Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật nên không nói Nhị thừa thành Phật, vì vậy Bát-nhã cạn mà Pháp Hoa sâu. Các Giảng luận sư tuy tụng lời này mà phần nhiều không thông hiểu ý chỉ ấy cho nên giải thích lẫn lộn như vậy, hoặc tán dương Bát-nhã, hoặc chê Pháp Hoa, hoặc xa tin lời thầy, không rõ ý văn. Nay dứt các nói sai lầm như thế, dùng luận văn của ngài Long Thọ làm chính. Luận nói: Bát-nhã chẳng phải pháp bí mật không nói Nhị thừa được thọ ký thành Phật, mà Pháp Hoa là pháp bí thâm nói A-la-hán được thọ ký thành Phật, chính y cứ Nhị thừa thành Phật, không thành Phật nên nói về bí mật và chẳng phải bí mật.

Hỏi: Bát-nhã không rõ nêu Nhị thừa thành Phật làm sao mà nói lên giáo, Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật làm sao gọi là giáo bí mật ư?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay sẽ nói rộng. Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát là nhân Phật cho nên thành Phật, Nhị thừa chẳng phải nhân Phật cho nên không thành Phật, nghĩa này đối với trước dễ hiểu cho nên nói lên. Kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật trái với giáo trước, đối với trước khó hiểu nên gọi là bí mật. Luận chủ nói: Như dùng thuốc làm thuốc việc ấy là dễ, dùng độc làm thuốc việc ấy là khó, Bát-nhã nói Bồ-tát thành Phật như dùng thuốc làm thuốc, kinh Pháp Hoa nói Nhị thừa thành Phật như dùng độc làm thuốc, nghĩa ấy là khó hiểu nên gọi là bí mật.

Hỏi: Bí mật cùng hiển thị là sâu hay cạn, là đại hay tiểu?

Đáp: Luận chung hai nghĩa này thì có hai đường:

1) Tiểu thừa vì hiển thị Đại thừa nên gọi là bí mật, như luận quyển bốn nói: Phật pháp có hai thứ: a) Hiển thị. b) Bí mật. Hiển thị trong giáo nói A-la-hán dứt phiền não là thanh tịnh, các Bồ-tát chưa dứt phiền não, chưa thanh tịnh, tức Bồ-tát không bằng A-la-hán, cho nên xếp A-la-hán ở trước, Bồ-tát ở sau. Trong pháp bí thâm nói các Bồ-tát được sáu thần thông dứt tất cả phiền não trí tuệ thanh tịnh, vượt trên Nhị thừa, văn này



chính căn cứ Tiểu thừa cạn dễ là hiển thị, còn Đại thừa sâu xa là bí mật. Nếu vậy, thì Bát-nhã và Pháp Hoa đồng nói Bồ-tát đắc vô sinh pháp nhãn đầy đủ sáu thần thông đều thuộc về giáo pháp pháp sâu xa bí mật, tức chỉ Ba tạng giáo là hiển thị.

1) Để nói nghĩa còn nông cạn làm hiển thị, nói nghĩa sâu xa làm bí mật, như luận quyển một trăm chép: Bát-nhã chỉ nói Bồ-tát thành Phật, Bát-nhã đã nói Phật thừa là thật, chưa nói Nhị thừa thành Phật, chưa khai Nhị thừa là Phương Tiện. Căn cứ một nghĩa này có kém hơn Pháp Hoa cho nên gọi Bát-nhã là nông cạn, Pháp Hoa nói nói Phật thừa là thật, lại bỏ Nhị thừa là quyền, cho nên Bát-nhã là sâu. Đây đồng căn cứ vào Đại thừa tự có sâu cạn cho nên chia ra hai giáo hiển mật.

Hỏi: Bát-nhã chưa bỏ quyền bày thật nên gọi là bí mật, Pháp Hoa đã bỏ quyền bày thật, lẽ ra thuộc về hiển thị vì sao không như vậy?

Đáp: Nếu dùng chưa liễu làm bí, dùng liễu làm hiển thị, như đã hỏi, chỉ vì nay dùng cạn dễ làm hiển thị, dùng sâu xa làm bí mật cho nên dùng Bát-nhã làm hiển thị Pháp Hoa làm bí mật. Trong Kinh Nhân duyên đã nói nghĩa này rồi.

Hỏi: Bát-nhã nếu nói nghĩa chưa liễu nên gọi là hiển thị, trước vì sao nói Bát-nhã đối với tất cả kinh Đại thừa rất sâu rộng ư?

Đáp: Mỗi mỗi đều có nghĩa ấy, chỗ nói sâu rộng là căn cứ hai nghĩa trước, sau nói chưa liễu là căn cứ chưa nói Nhị thừa thành Phật.

Hỏi: Nếu Pháp Hoa hơn nên nói nghĩa đã liễu, Bát-nhã kém nên nói nghĩa chưa liễu, vì sao lúc mới nói Bát-nhã là hơn nên nói nghĩa đã liễu, Pháp Hoa kém nói nghĩa chưa liễu ư?

Đáp: Không thể so sánh, ban đầu nói Bát-nhã nói rộng hai nghĩa như thật tướng cho nên hơn; Pháp Hoa không chỉ nói hai nghĩa cho nên Pháp Hoa kém! Không thể nói Bát-nhã nói nghĩa đã liễu, Pháp Hoa nói nghĩa chưa liễu, để phê phán hơn kém. Nếu Pháp Hoa hơn, Bát-nhã kém ấy chính căn cứ liễu, không liễu mà phân rõ.

Hỏi: Ông vì tự tạo sự phán xét đây là nghĩa có sở câu ư?

Đáp: Lý thường tự nhiên đâu phiến nay hỏi ư. Giải thích như thế xong lại thấy trong đó liên quan đến bài tựa Kinh Tiểu Phẩm của Ngài Tăng Duệ, phần nhiều phê phán hai kinh hơn kém sẽ đồng với ý tôi. Tăng Duệ nói Bát-nhã là chiếu, Pháp Hoa là thật. Kia luận cùng tận lý tánh thường nói muôn hạnh thì thật không bằng chiếu. Chọn Đại minh kia chân thật hóa giải vốn không có ba thì chiếu không bằng thật, vì vậy cho nên khen ngợi chiếu thì công Bát-nhã nặng, khen thật tức dụng thì Pháp Hoa cao, khảo xét liên quan trong văn này thấy sâu, ý luận mâu

nhiệm đặc tông chỉ kinh.

- Thứ ba, phẩm Nhất định chép: từ Bồ-đề nghe kinh Pháp Hoa nói về bất thoái, lại nghe trong Bát-nhã có thoái vì vậy nên hỏi Phật: Bồ-tát ấy nhất định hay không nhất định? Phật đáp: Đều nhất định. Nhất định: là sơ tâm hậu tâm tất cả Bồ-tát đều bất thoái vì vậy nên nhất định. Ý luận này nói Bát-nhã và Pháp Hoa không hơn, kém nhau, vì Bát-nhã, Pháp Hoa đồng nói tất cả chúng sinh nhất định thành Phật, vậy nên hai kinh không có hơn kém; đã không hơn kém nhau thì hai kinh đồng gọi là bí mật.

Hỏi: Văn này và văn thứ hai trái nhau làm sao hội thông?

Đáp: Luận chủ nói Bát-nhã chẳng phải nhất thời, nhất hội mà nói, dùng lời đây suy xét thì trước phân minh thoái ấy là ở trước Pháp Hoa, phần sau bất thoái ấy là ở sau Pháp Hoa, cho nên cả hai lời nói không trái nhau.

- Thứ tư, lại trong bất khả tư nghì Đức Phật là tối thắng bất khả tư nghì. Như Đại kinh chép: hoặc thấy Phật đêm nay nhập diệt, hoặc sau mười lăm ngày mới bắt đầu thăm hỏi, hoặc một năm sau mới chọn Niết-bàn. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: hoặc thấy Song thọ, Nê-hoàn ngày nay, hoặc thấy ứng sinh xuất gia, hoặc thấy làm Xá-na ở chỗ Liên Hoa Tạng, hoặc thấy phân Phật đầy khắp hư không, nếu vậy thì không thể quyết định Bát-nhã trước mà Pháp Hoa sau hay Pháp Hoa trước mà Bát-nhã sau, cho nên hợp thời mà nghe, tùy căn cơ mà thấy.

- Thứ năm, Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã, luận nói Bát-nhã không thuộc Nhị thừa chỉ thuộc Bồ-tát, tức Bát-nhã là pháp giáo Bồ-tát, Pháp Hoa nói Nhất thừa cũng nói pháp giáo Bồ-tát được Phật che chở. Vì vậy cho nên Bát-nhã là tên khác của Pháp Hoa. Lại phải từ hai thứ trí tuệ cha mẹ mới sinh ra Chư Phật, Bát-nhã đã nói hai thứ trí tuệ ấy thì Pháp Hoa nói thành Phật cũng đồng Bát-nhã, tức Bát-nhã không khác Pháp Hoa, chỉ có một bên bỏ quyền là khác Bát-nhã mà thôi!

Hỏi: So sánh Bát-nhã với Pháp Hoa đã đủ ba nghĩa, có thể được đem Bát-nhã vọng Niết-bàn cũng đầy đủ ba nghĩa dùng không?

Đáp: Cũng đầy đủ ba nghĩa theo ví dụ như thế có thể biết: Bát-nhã chính nói cách trí hai nghĩa, Niết-bàn không chính nói nghĩa này kể là như Pháp Hoa có thể biết. Do hai nghĩa ấy nên Bát-nhã hơn Pháp Hoa kém.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Luận nêu mười thứ. Đại kinh chép: Bát-nhã là lớn nhất trong mười thứ kinh có kinh Đại Vân, kinh Đại vân nói Phật tánh thường trụ

v.v... cho nên Bát-nhã hơn, Niết-bàn kém.

2) Bát-nhã chưa nói chúng sinh có Phật tánh, theo lệ như chưa nói Nhị thừa thành Phật, cho nên Bát-nhã kém mà Niết-bàn hơn.

3) Hai kinh không khác, Bát-nhã cùng Pháp Hoa đồng nói Nhị thừa thành Phật cũng đồng nói Phật tánh, cho nên hai kinh ngang nhau. Lại Bát-nhã chỉ giáo Bồ-tát thì Niết-bàn cũng như vậy, cho nên không khác.

Hỏi: Sau Bát-nhã nói về nghĩa đồng với Pháp Hoa, nói bất thoái vì sao có đồng nói Phật tánh và Niết-bàn ngang nhau ư?

Đáp: Văn Bát-nhã đã nói tất cả Bồ-tát bất thoái thì biết đều có Phật tánh, lại cùng ngang bằng với Pháp Hoa, trong kinh Pháp Hoa nói Phật tánh tức là Bát-nhã nói có Phật tánh. Ở đây lược nêu ba văn chỉ nói đồng khác mà thôi không thể dùng hạn cuộc các nghĩa khác.

Hỏi: Bát-nhã và Tịnh Danh, Pháp Hoa là đồng hay khác, vì sao?

Đáp: Tịnh Danh và Bát-nhã phần đầu đã nói Phật thừa là thật nhưng chưa khai Nhị thừa là quyền, nghĩa này không khác, nay nói lược bốn nghĩa khác nhau: Bát-nhã nói rộng Hạnh Bồ-tát, như Thích luận chép: nay muốn vì Di-lặc v.v... nói rộng Hạnh Bồ-tát. Tịnh Danh nói lược Bồ-tát có hai hạnh quan trọng:

1) Thanh Tịnh cõi nước Phật.

2) Thành tựu chúng sinh.

Như phẩm Cõi nước nói hạnh Tịnh độ. Từ phẩm Phương Tiện trở đi phá ba hạng người nói thành tựu chúng sinh. Phẩm Phương Tiện phá kiến chấp phàm phu cho nên nói lỗi lầm sinh tử, khen ngợi công đức pháp thân khiến hàng phàm phu nhập vào pháp môn Bồ-tát. Kế phá kiến chấp Nhị thừa nói Pháp môn Bồ-tát như phẩm Đệ Tử nói. Kế phá kiến chấp của Bồ-tát Đại thừa như phẩm Bồ-tát nói. Phàm phu chấp đắm sinh tử, sinh tử là phiền não của phàm phu, Nhị thừa đắm Niết-bàn, Niết-bàn là phiền não của Nhị thừa, Bồ-tát chấp Phật đạo, Phật đạo là phiền não Đại thừa, cho nên phá ba hạng người này đều chứng ngộ bất phàm, bất Thánh, bất tiểu, bất đại pháp môn không hai, rồi sau dùng hai trí quyền thật thích nghi hóa độ vô phương tùy duyên lợi ích chúng sinh. Tịnh Danh đại khái như thế.

Hỏi: Vì sao kinh Tịnh Danh nói thành tựu chúng sinh thanh tịnh cõi nước Phật ư?

Đáp: Thích luận nói: Bồ-tát đắc vô sinh nhẫn về sau không còn có các việc khác chỉ thành tựu chúng sinh thanh tịnh cõi nước Phật, Tịnh Danh đã đắc vô sinh nên nay làm hai việc này. Lại vì thích nghi hóa độ

khác nhau, không cần hỏi.

Tịnh Danh phá ba hạng người khiến nhập Pháp môn Bồ-tát, ba hạng người này tức là người của năm thừa, phá phàm phu gọi là thừa trời người. Kế phá Thanh Văn tức người Nhị thừa, phá Bồ-tát tức người Đại thừa, phá người năm thừa khiến nhập vào pháp môn Bồ-tát cùng Pháp Hoa hội năm thừa qui nhất có gì khác nhau ư?

Đáp: Bày thật đồng với Pháp Hoa, chưa khai thật khác với Pháp Hoa.

Hỏi: Vì sao hiển thật đồng vì sao chưa bỏ quyền khác?

Đáp: Phá ba hạng người, nói lên Pháp môn Bồ-tát sâu xa mầu nhiệm vô ngại vô phương, Pháp Hoa cũng nói pháp môn Bồ-tát sâu xa mầu nhiệm rất ráo chân thật cho nên đồng. Chỉ vì tuy phá ba hạng người mà nói kia là có sở đắc, chưa nói năm thừa đều là Phương Tiện cho nên khác với Pháp Hoa. Lại ba khác, một đồng: ba khác là:

1) Chưa bỏ ba là Phương Tiện.

2) Chưa gom ba về một.

3) Chưa phế ba lập một. Một đồng là: Tịnh Danh chê trách Tiểu thừa Đại thừa, Pháp Hoa cũng phá dị chấp của Ba thừa cho nên nói là đồng.

Hỏi: Hai thứ phá nghĩa có khác không nên nói đồng, Tịnh Danh phá kia có nghĩa sở đắc, Pháp Hoa phá kia chấp năm thừa khác nghĩa sao lại nói đồng?

Đáp: nghĩa này tức hai kinh có khác, chỉ vì Pháp Hoa phá chấp, phá chấp là có sở đắc, nay chọn đồng là có sở đắc, vì vậy cho nên bị phá, do đó nói đồng.

Hỏi: Chỉ Tịnh Danh hiển thật đồng với Pháp Hoa, Bát-nhã hiển thật cũng đồng với Pháp Hoa ư?

Đáp: Tất cả các kinh Đại thừa nói Đạo không khác tức hiển thật đều đồng, nhưng thời Bát-nhã, Tịnh Danh, Nhị thừa căn duyên chưa thuần thực cho nên chưa được bỏ quyền, đến thời Pháp Hoa Nhị thừa căn duyên mới thuần thực nên mới được bỏ quyền. Không thể nói chưa khai quyền cho nên cũng chưa hiển thật, Bát-nhã Tịnh Danh nói về đạo Bồ-tát vô ngại rất ráo vô dư, Pháp Hoa nói về Hạnh Bồ-tát đâu có vượt hơn đây ư!

Hỏi: Vì sao văn Bát-nhã Tịnh Danh đã hiển thật?

Đáp: phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa chép: Tất cả bí tạng của Chư Phật chỉ vì Bồ-tát giảng nói sự thật đó mà không vì ta nói sự chân thật cốt yếu này. Lẽ đâu chẳng phải chỉ rõ Bát-nhã là pháp bí tạng chân thật

ư?

Hỏi: Tịnh Danh Bát-nhã chưa nói việc ngoài ba cõi như chưa nói năm trăm do-tuần thì hiển thật làm sao không khác?

Đáp: Nếu dùng năm trăm do-tuần làm ngoại giới, Đại Phẩm nói bốn trăm do-tuần sao chẳng phải ngoại giới ư! Lại các kinh Đại thừa như Hoa Nghiêm Niết-bàn không có văn nói về việc trong ngoài ba cõi, chỉ kinh Thắng-man nói rõ! Có thể nói Hoa Nghiêm Niết-bàn chưa nói việc ngoại giới chẳng!

Hỏi: Pháp Hoa nói La-hán được thọ ký thành Phật tức là nói việc ngoại giới, Tịnh Danh, Đại Phẩm cũng như vậy sao?

Đáp: Thích luận giải thích phẩm Vãng sinh trong Đại Phẩm nói: Bồ-tát từ một cõi Phật, đến một cõi Phật. Đến một cõi Phật: đây là vượt cõi tịnh ngoài ba cõi, vì sao nói không nói việc ngoài ba cõi ư! Lại nói Bồ-tát xả nhục thân thọ pháp tánh sinh thân, người Nhị thừa cũng như vậy, đâu chẳng nói việc ngoài ba cõi ư! Lại Đại Phẩm, Tịnh Danh chưa nói việc ngoại giới vì chưa được bỏ quyền cho nên nói rõ việc ngoại giới thì nói chỗ La-hán sinh để bỏ quyền. Thời này, căn duyên chưa kham nổi nên không nói, chỉ nêu thẳng cõi tịnh ngoài ba cõi, Bồ-tát vãng sinh thì Bồ-tát lợi căn sẽ được lãnh giải, người Nhị thừa căn độn cho nên không biết ngoại giới còn thọ sinh thân.

Lại vặn hỏi nếu nói Tịnh Danh, Đại Phẩm chưa nói Nhị thừa thành Phật cũng chưa hiển thật thì Hoa Nghiêm nói cây Đại đượ vương gốc không sinh hai chỗ là nước sâu, hầm lửa, đã nói Nhị thừa không sinh tâm Bồ-đề. Nếu vậy, Hoa Nghiêm lẽ ra chưa hiển thật. Lại phẩm pháp giới trong kinh Hoa Nghiêm nói Nhị thừa, chưa nhập pháp giới, Pháp Hoa đã nói nhập vào Nhất thừa, nhưng Nhất thừa là tên khác của pháp giới, đâu thể nói Hoa Nghiêm chưa nói Nhị thừa thành Phật cho nên hiển thật cũng chưa đủ ư!

Hỏi: Vì Sao Hoa Nghiêm chưa nói Nhị thừa thành Phật ư?

Đáp:

1) Hoa Nghiêm phần nhiều là khi Phật mới thành đạo, Nhị thừa căn duyên chưa thuần thực cho nên nói họ chưa được thành Phật. Như thời Tịnh Danh, Đại Phẩm, người Nhị thừa căn duyên chưa thuần thực nên chưa bỏ quyền, các Bồ-tát, đạo duyên đã thuần thực cho nên bày thật. Không thể nói chưa bỏ quyền cho nên cũng không bày thật.

2) Đại Phẩm khiến Nhị thừa miệng tự nói Bồ-tát thực hành Mật giáo Nhị thừa, kinh Tịnh Danh khiến người Bồ-tát nói Bồ-tát thực hành Nhị thừa, Mật giáo Nhị thừa không ngoài hai môn tự tha, cho nên hai

kinh khác.

3) Mật giáo Nhị thừa lại có hai môn:

a) Phật tự mật giáo tức Đại Phẩm giao phó tài vật.

b) Bồ-tát mật giáo nghĩa là Tịnh Danh, v.v...

4) Mật giáo Nhị thừa: Nhị thừa có hai bệnh:

a) Trụ trong chấp trước không, hữu, cho nên Đại kinh nói, người Nhị thừa gọi là có sở đắc, Bát-nhã phần nhiều phá tâm trụ trước ấy, nói về vô trụ vô đắc. Bài tựa Thích luận của Tăng Duệ nói: Biết chấp đắm hữu là lỗi cho nên Bát-nhã là soi chiếu tức việc kia vậy.

b) Người Nhị thừa không thể biết dụng vô phương vô ngại, kinh Tịnh Danh v.v... chánh là nói về Bồ-tát dụng vô phương vô ngại, Bồ-tát thể nhận pháp vô ngại cho nên tâm có vô ngại tuệ, thân có vô ngại thông, mệnh có vô ngại biện để thâm bác bỏ Nhị thừa khiến ít cần thận hèn kém, kính mến đại trí đây đều nói về!

Hỏi: Bốn kinh Đại Phẩm, Pháp Hoa, Niết-bàn, Hoa Nghiêm đồng nói về nhân quả, nhân quả có gì khác nhau ư!

Đáp: Đại Phẩm nhân quả; Thích luận nói: Đức Phật đối với Ba tạng vì Thanh văn nói các pháp, chưa nói Hạnh Bồ-tát, nay muốn vì Bồ-tát nói Hạnh Bồ-tát cho nên nói Bát-nhã. Trung luận chép: Trước đối với pháp Thanh văn nói mười hai nhân duyên sinh diệt; kế vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt dùng hai luận giải thích. Ba tạng đối với Bát-nhã tức là khai hai nghĩa sinh diệt và vô sinh diệt, do Hạnh Bồ-tát nhân vô sinh diệt đắc quả không đoạn không thường. Nhân vô sinh diệt tức là Bát-nhã, quả không đoạn không thường tức là Tát-bà-nhã. Cho nên, kinh nói dùng pháp bất trụ, trụ trong Bát-nhã, dùng không có nơi xả thực hành sáu độ như đàn v.v..., không sinh cho nên đầy đủ ba mươi bảy phẩm v.v... do đó ngài Tăng Duệ nói: Mở sáng huyền môn lấy bất trụ làm đầu, khéo qui về ba tuệ, lấy vô đắc làm cuối. Bất trụ làm đầu nghĩa là thực hành nhân bất trụ, vô đắc làm cuối tức là đắc quả vô sở đắc, thích hóa hợp thời tức liền tỏ ngộ. Nhân quả Bát-nhã đại tông như thế.

Nhân quả kinh Pháp Hoa này chánh thức bỏ quyền bày thật, cho nên nói nhân nói quả, có thể gọi là dung hội xưa nay kết thúc đầu cuối. Bài tựa chung giải thích đại ý một thời giáo hóa của đức Thích-ca, một thời kỳ xuất thế giáo môn tuy nhiều mà không ngoài hai trí quyền thật, hai thân chân ứng. Ban đầu thì bỏ quyền bày thật, nói Ba thừa là Phương Tiện, Nhất thừa là chân thật, cho nên phá ba nhân ba quả xưa nói một nhân một quả ngày nay. Do nhân không khác nhau, cảm chỉ

có một nhân, quả không báo khác, chỉ có một quả: Lúc bấy giờ chúng tuy biết chỉ có một nhân không có nhân khác, chỉ có một quả không có quả khác, nhưng chưa biết một quả là đồng với quả trước hay khác với quả trước. Vì vậy, kể là nói bỏ gần bày xa. Gần là Như lai ứng tích, xa là pháp thân thường trụ, chỉ vì trước Phương Tiện nói gần để che lấp xa, nay bỏ gần để bày xa. Gần xa đã rõ ràng thì nghĩa bản tích nói lên, nghĩa bản tích nói lên cho nên thành nghĩa một quả. Nghĩa quả đã thành một nhân mới lập, vì vậy nên kinh này chính nói một nhân một quả, hội Pháp Hoa nghe liền lãnh ngộ.

Kế là nói Niết-bàn nói nhân quả: Nương phẩm Thọ Lượng nói các con có hai thứ:

- 1) Bất thất tâm.
- 2) Thất tâm.

Bất thất tâm: con nghe Pháp Hoa, Bát-nhã đều được lãnh ngộ, còn những đứa con bị thất tâm không chịu uống thuốc, chấp chặt giáo vô thường xưa, cho nên Như Lai nói diệt, do đây vọng phá bệnh vô thường đến dùng thường lạc. Chánh vì Phật tánh là nhân, Niết-bàn là quả.

Hỏi: “Kinh này chánh là nói thường, vô thường, nay mở, xưa che, vì sao dùng Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả?”

Đáp: Vì giải thích thành ý thường, vô thường nên nói Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả. Thân Như Lai sở dĩ thường là bởi bản hữu Phật tánh, kiến Phật tánh, cho nên là thường. Nên phẩm Thuần-đà chép: “Chưa thấy Phật tánh gọi là vô thường, thấy Phật tánh cho nên thường hằng bất biến”. Vì thế nhân Phật tánh, quả Niết-bàn không có gì khác. Ẩn gọi là Phật tánh, hiển gọi là Niết-bàn, cũng như ẩn gọi Như Lai tạng, hiển thì thành Pháp thân. Lại ẩn làm nhân, hiển làm quả. Nhưng Phật tánh không hề ẩn hiển, vì chúng sinh không liễu ngộ, tự là hiển.

Hỏi: Phật tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả để giải thích thành nghĩa thường, vô thường, Tam bảo thể là một, thể là khác, là giải thích nghĩa nào?

Đáp: Cũng giải thích thành nghĩa thường, vô thường và nghĩa nhân quả. Xưa Tam Bảo là thể khác nhau cho nên vô thường. Nay Tam Bảo thể là một cho nên thường trụ. Nên cuối phẩm Trường Thọ chép: “Như cha, mẹ ông mỗi vị mỗi khác. Nên biết là vô thường; vì Tam bảo không khác cho nên thường trụ. Vì Tam bảo, là một thể nên thành nghĩa quả; nghĩa quả đã thành, nghĩa nhân liền hiển rõ. Cho nên, lại giải thích thành nhân quả.



Hỏi: Nhưng, giải thích thế này, khác xưa thế nào?

Đáp: Niết-bàn nói thường, đây là đối trị khắp, chẳng phải thuyết rất ráo. Đại Kinh nói: “ Các Ưu-bà-tắc thường ưa quán các môn đối trị, nghĩa là thường, vô thường cho đến ngã, vô ngã. Xưa phá tà thường nên nói vô thường, nay bác bỏ vô thường nên nói thường! Nhưng thân Như Lai không hề có thường và vô thường, thường và vô thường chỉ là Phương Tiện đầy đủ. Tam bảo không hề có một thể và thể khác, nhất thể và thể khác chỉ là Phương Tiện dụng đầy đủ. Niết-bàn chánh tông đại ý như vậy. Trong đó, giáo môn một đời hóa độ có gì chưa liễu thấy đều dung hội. Cho nên, Niết-bàn cũng gọi là Kinh khai bí mật tạng.

Hỏi: Trong Pháp Hoa, ba căn Thanh văn đều được lãnh ngộ, vì sao cả ba tu hạnh Sa-môn cho đến Niết-bàn còn chấp vô thường?

Đáp: Vì nghĩa ấy nên chia ra hai hạng con thất tâm và không thất tâm. Không thất tâm là người lợi căn, nghe đoạn đầu bỏ ba bày một, chương sau bỏ gần bày xa đều được lãnh ngộ; còn người thất tâm nghe mà không hiểu, nên đến thời Niết-bàn mới được ngộ.

Thân tử, v.v.... trước có hai việc chấp:

1) Chấp ba thừa khác.

2) Chấp Phật vô thường đến khi nghe giáo Pháp Hoa thì hai chấp đều dứt liền được lãnh ngộ. Người con thất tâm đến thời Niết-bàn vẫn còn đủ hai chấp, thì Niết-bàn giáo khởi nên phá Ba thừa chấp khác, lại phá vô thường chấp ư! Đáp: việc đúng như đã hỏi, nói Phật thường trụ tức là phá chấp vô thường, nói đồng nhất Phật tánh phá Ba thừa chấp khác, hai bệnh đã tiêu thì liền lãnh ngộ.

Hỏi: Pháp Hoa phá hai chấp có hai đoạn văn kinh, Niết-bàn phá hai chấp thì sao ư!

Đáp: Pháp Hoa lìa, phá cho nên chia hai môn, Niết-bàn hợp phá cho nên chỉ có một đoạn. Làm sao biết được? Khai thị tức nói về thường, liền nói Phật tánh nên biết là hợp phá. Do căn tánh khác nhau chấp ngộ chẳng phải một, Pháp Hoa lìa phá chưa hiểu đến Niết-bàn, hợp nói liền giải. Lại Pháp Hoa nói rộng Nhất thừa, rộng phá chấp khác, nói lược nghĩa thường, lược phá chấp vô thường, Niết-bàn phá rộng chấp vô thường, lược phá chấp khác. Do chấp ngộ khác nhau nên rộng lược thay nhau nói lên.

Hoa Nghiêm nói nhân quả trước đã giải thích rồi, kinh này chỉ vì Bồ-tát rộng bỏ xá-na, hai thứ năng hóa, sở hóa pháp môn nhân quả đều là vô phương vô ngại, đạo vận dụng chân chánh bình đẳng không còn bỏ, lấy, rất ráo tròn đầy, so với các giáo trước gọi là pháp luân căn

bản, sở dĩ nói pháp luân căn bản ấy là vì Chư Phật ba đời ra đời chỉ vì Bồ-tát mà nói thẳng nhân rồi ráo quả tròn đầy, Bồ-tát thực hành nhân này nên hưởng thẳng đến quả Phật nên gọi là pháp luân căn bản. Nhưng vì chúng sinh phước mỏng căn độn không có khả năng thọ nhận pháp này nên dùng Phương Tiện ngưng Đại thừa giáo hóa mà nói đủ các thứ, giáo hoặc trước nói tiểu, sau nói đại, hoặc đầu ba sau một, hoặc trước vô thường sau thường đều do đức Thích-ca dẫn dụ cho nên nói pháp sâu kín. Nếu giữ đạo mà nói chỉ nên có Hoa Nghiêm giáo.

Hỏi: Bốn kinh đồng nói nhân quả vì sao Niết-bàn nói đủ hai nhân duyên và chánh, hai quả duyên và chánh; duyên nhân tức nhân và nhân nhân, duyên quả tức quả và quả quả đồng nghĩa với năm tánh, mà các kinh không nói điều này?

Đáp: sự thọ ngộ khác nhau cho nên Thánh giáo chẳng phải một như Hoa Nghiêm khai thế tâm Thập địa v.v... cho đến hai quả y báo, chánh báo mà các giáo khác không nói như thế cho nên biết hợp duyên khác nhau.

Hỏi: Vì sao các kinh không hợp duyên nói pháp này ư?

Đáp: Đại Phẩm Pháp Hoa là hợp nói nghĩa, Niết-bàn là khai nói nghĩa. Sở dĩ hợp nói nghĩa Đại Phẩm nói thẳng nhân vô sở trụ, quả vô sở đắc, phá chúng sinh tâm có sở đắc tức liền liễu ngộ, không cần khai riêng, duyên chánh nhân, chánh quả. Pháp Hoa phá thẳng nhân khác, quả khác nói nhất nhân quả chúng sinh liền được liễu ngộ, cũng không khai duyên chánh nhân chánh quả. Đại kinh vì chúng sinh độn căn nghe trên hợp nói chưa ngộ nên rộng khai duyên chánh hai nhân hai quả mới được lãnh giải, vì căn duyên thích nghi, nghe hợp để ngộ thì làm hợp, nên nghe khai để thọ đạo cho nên là khai.

Hỏi: Căn cứ Đại Phẩm, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm cũng có văn nói duyên chánh phải không?

Đáp: Phụ có nghĩa này. Thích luận giải thích Phẩm Phương Tiện rằng: Bát-nhã thành hạt giống là chánh nhân, năm độ, v.v... là nước, là duyên nhân có khả năng mọc cây quả Bồ-đề. Lại Đại Phẩm đã có nói nghĩa Phật tánh cũng có nghĩa duyên chánh nhân, trong Pháp Hoa nói chúng sinh có Phật tánh tức là chánh nhân, muôn hạnh, v.v... là duyên nhân. Trong Hoa Nghiêm chánh pháp tánh khởi có văn nói: Trong cát bụi có một quyển kinh, trong quyển kinh nói rộng tất cả việc, đây tức là trong thân chúng sinh có Phật tánh, phá cát bụi ngoài quyển kinh tức là dứt phiền não thấy Phật tánh. Phật tánh đã là chánh nhân, các Bồ-tát tu hành ba mươi tâm Thập địa, v.v... tức là duyên nhân.

---

Hỏi: Nếu đều có duyên nhân chánh nhân vì sao lại có bốn kinh khác nhau ư?

Đáp: Chỉ vì các kinh đều có hai nghĩa phụ và chánh, Bát-nhã phá rộng có sở đắc, nói vô y, vô đắc làm chánh tông, Phật tánh Nhất thừa làm nghĩa phụ kia, Pháp Hoa nói rộng một nhân một quả làm chánh tông kia, vô sở đắc cho đến Phật tánh làm nghĩa phụ, Niết-bàn nói Phật tánh thường trụ vì bác bỏ bệnh vô thường làm chánh tông, Nhất thừa và vô sở đắc làm nghĩa phụ. Lại các kinh hợp duyên khác nhau khai và tránh lẫn nhau, Bát-nhã đã nói rộng vô sở đắc, thật tướng cho nên Pháp Hoa không nói, chưa nói rộng nhân quả Nhất thừa cho nên nói rộng. Pháp Hoa đã nói Nhất thừa nhân quả cho nên Niết-bàn không nói rộng, vì chưa nói rộng Phật tánh thường trụ cho nên nói rộng, lại chỉ là nhất đạo ba nghĩa. Chẳng cảnh nào không chiếu cho nên là Bát-nhã, nghĩa chân thật cùng cực không hai gọi là diệu Pháp Hoa, nghĩa thường hằng bất biến gọi là Niết-bàn. Lại tại tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, ở tâm Phật gọi là Tát-bà-nhã đầy đủ ở tâm Phật tâm Bồ-tát gọi là Nhất thừa. Lại phải hiểu, các kinh hiển đạo không khác làm tên khác mà nói, như Đại Phẩm gọi là Bát-nhã không gọi là Nhất thừa và Phật tánh, Pháp Hoa gọi Nhất thừa, không gọi Bát-nhã, Phật tánh cho đến Niết-bàn cũng như vậy.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Vì Văn Pháp Hoa không nói Phật tánh, mà Thiên Thân giải thích luận Pháp Hoa có bảy chỗ nói Phật tánh. Cho nên, biết Nhất thừa là tên khác của Phật tánh. Nghĩa là luận chủ biết tên dù khác mà thể đồng. Vì thế theo Pháp Hoa nói rõ nghĩa có Phật tánh, hạng biết cạn mê danh bỏ thật, nghe danh khác nên cho rằng thật cũng khác, bèn nói Nhất thừa chẳng phải Phật tánh. Lại Thích luận chép: “Nếu như pháp quán Phật, Bát-nhã và Niết-bàn là ba tức một tướng, kia thật không khác”. Cho nên biết Bát-nhã là tên khác của Niết-bàn, là tên khác của Phật tánh, chỉ tùy theo năng lực của chúng sinh nên lập chữ khác! Như sắp hết bệnh, người dùng một loại thức ăn làm các vị khác nhau. Lại tùy theo nghĩa mà nói, ví như một thứ vàng mà làm các vật trang sức khác nhau. Qua đây xét thấy không thể hạn cuộc dùng bốn giáo giới hạn năm thời; nghĩa thí dụ sau sẽ nói rộng.



# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 4

Đầu tiên nói về nghĩa Nhất thừa tức giải thích nghĩa gom ba về một.

Hỏi Kinh nói: “Trong cõi Phật mười phương chỉ có Nhất thừa không có hai cũng không có ba,” Vì sao gọi là không hai không ba?

Đáp: Có người nói không hai là không có ha: Thanh văn và Duyên giác. Không ba: là không riêng hành sáu độ Bồ-tát thừa. Lại trước nói Ba thừa đều là Phương Tiện, nay giáo có một xe lớn khác với ba trước.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Kinh dạy Phật dùng sức Phương Tiện chỉ cho biết dùng Ba thừa giáo, đã dùng Ba thừa làm Phương Tiện tức dùng Nhất thừa làm chân thật, tức gom Ba thừa trước về với Nhất thật nay. Lại nói xin cho chúng con ba thứ xe báu, trước đã xin ba nay liền ban cho một, vì thế cái xin thì không cho, cái cho thì không xin, tức biết có một xe lớn khác với ba xe nhỏ trước, dùng lý văn suy xét tức có bốn xe? Lời bình rằng: ba xe tranh luận nhiều từ đó mà ra hiểu rõ tức một bộ có thể thông, mê muội tức bầy trực đều bị kẹt, nay dùng tám văn trưng dẫn mới thấy đây giải thích là sai lầm.

- Thứ nhất, văn nói: “Như Lai chỉ dùng nhất Phật thừa cho nên vì chúng sinh nói pháp không có các thừa khác, không hai cũng không ba”, Văn này theo thật lớp nêu Ba thừa. Chỉ dùng Nhất Phật thừa gọi Phật thừa là bậc nhất. Không có các thừa khác, không hai không ba là: không có Duyên giác là thứ hai, không có Thanh văn là thứ ba. Dùng văn này nói tức chỉ có ba xe, tức chấp sai là lầm.

Hỏi: Kinh thường nêu Ba thừa mà không theo thứ lớp đây, nay sao lại nói ba, kể nói chỉ có một là thật còn lại hai là không thật? Chỉ nhất Phật thừa muốn dẫn dắt chúng sinh cho nên Phương Tiện nói ba, khảo sát thật mà nói chỉ Nhất Phật thừa là thật, hai thừa còn lại chẳng thật vì vậy cho nên nói ba nói hai, giống như ý một! Xin lập thí dụ gần để so sánh ý chỉ xa, như trong tay cha chỉ có một quả, muốn dẫn dụ các

con nên nói một quả thành ba quả, xét thật mà nói thì chỉ có một quả không có hai quả cho nên hai vẫn không trái nhau, dùng hai, ba đã nói hội nghĩa có thể hiểu.

Về sau thấy luận Pháp Hoa giải thích trong mười phương cõi Phật còn không có hai thừa hưởng chỉ có ba ư! Cùng ý này đồng. Luận nói đây là nghĩa ngăn ngừa, ngăn là nói không có Niết-bàn Nhị thừa, chỉ có Phật rốt ráo vô thượng Bồ-đề mới có đại Niết-bàn thôi! Đây chỉ nói không có hai thừa chỉ có Phật thừa, chẳng thể nói không có thiên chấp hành sáu độ Bồ-tát thừa. Cho nên, Quang Trạch lầm ý chỉ.

Kế là luận bốn câu: Hỏi: Gom ba về một, phá ba về một, bỏ ba bày một, phế ba lập một có gì khác nhau ư?

Đáp: Gom ba về một: là có hội giáo, hội hành hội duyên. Nói hội giáo: Trước bỏ ba thừa, giáo năm thừa đều là bày Nhất đạo, Đạo sở biểu đã là nhất, nay giáo năng biểu cũng là không hai, cho nên tất cả đều gọi là Đại thừa giáo. Hội hành: “Các ông tu hành đạo Bồ-tát, Như Lai trước nói có ba hạnh vì hướng đến Nhất đạo cho nên khiến tu ba hạnh”; Đạo mong đến không hai, hành năng đến đâu thể ba ư? Nói hội nhân: Như lai xuất thế vốn vì dạy cho Bồ-tát không dạy cho những người khác, sở hành của ba người đã là đạo Bồ-tát thì người năng hành đều thành Bồ-tát. Cho nên, vẫn nói chỉ vì dạy Bồ-tát không có đệ tử Thanh văn. Chỉ hội giáo chính là nhất thời, hội hành và nhân là xa khuyển đến quả Phật.

Hỏi: Hội nhập có mấy thứ?

Đáp: Tự có dung hội xứng hội, tự có gom về xứng hội, nếu gom về xứng hội thì như trước đã nói. Dung hội xứng hội, là đã gom ba về một xong.

Duyên tức có người nghi rằng: Ba nếu về một vì sao nói ba, cho nên giải thích rằng: Trước dùng Phương Tiện cho nên nói ba, nay dùng như thật cho nên nói một, đây là dung hội nghĩa ba, một trước và nay cũng gọi là hội, nếu là nghĩa gom về chính là căn cứ ba hành, nghĩa dung hội nên căn cứ giáo môn, vì sao? Nếu gom ba nhân đồng về thành Phật, nghĩ như thế hội hành làm chánh, không dùng giáo môn vì thành Phật cho nên giáo chẳng gom về. Nếu chọn ý lập giáo là hiển Nhất thừa gọi là gom về. Phá ba về một, trước nêu Ba thừa chính là nêu nhất mà chúng sinh liền chấp chặt ba mà không thọ một giáo, cho nên phải phá. Kia chấp theo tình mà gọi là phá ba về một. Vì vậy cho nên vẫn nói nay vì các ông nói thật, sở đắc của các ông chẳng diệt.

Hỏi: Chỉ phá chấp tình cũng phá cả giáo ư!

Đáp: Ba giáo đối Phật thường là một giáo cho nên Đại Kinh nói: Thường hành Nhất thừa chúng sinh thấy ba. Nếu vậy đối Phật tức không phá, chỉ phá chúng sinh chấp giáo sinh mê, không phá giáo. Bỏ ba bày một: Khai trước ba là Phương Tiện, hiển nhất nay là chân thật. Phế ba lập một: Trước vì không kham nổi nghe một cho nên quyền nói ba giáo, nay đại duyên đã thuận thực có thể nghe một giáo tức phải phế bỏ trước ba lập giáo một nay. Phẩm Phương Tiện nói chánh bỏ ngay Phương Tiện tức là nghĩa phế.

Kế nói về thể của thừa: Hỏi: vì sao gọi là thể của Thừa Đáp: Thừa có cả nhân lẫn quả, quả thừa dùng muôn đức làm thể, nhân quả dùng muôn hạnh làm thể.

Hỏi: Làm sao biết có cả nhân lẫn quả ư?

Đáp: sau sẽ nói rộng, nay lược chọn hai văn. Luận Thập Nhị Môn dùng sáu nghĩa giải thích thừa, là thừa vững chắc của Chư Phật đại nhân cho nên gọi là Đại, nghĩa là quả thừa. Sở thừa vững chắc của Quán Thế Âm nên gọi là Đại, nghĩa là nhân thừa. Kinh này nói Phật tự trụ Đại thừa như chính pháp sở đắc, lấy đó độ cho chúng sinh gọi là quả thừa. Các con v.v... nương xe báu này mà thẳng đến đạo tràng gọi là nhân thừa. Luận Pháp Hoa nêu đủ thừa có cả nhân lẫn quả sau sẽ nêu ra, luận Duy thức cũng như vậy.

Hỏi: Thích luận nói: sáu độ là thể của thừa, vì sao thừa có cả nhân lẫn quả ư!

Đáp: Đây nói nhân thừa thôi! Trong phẩm Quảng Thừa nói đủ muôn đức muôn hạnh.

Hỏi: Trong nhân thừa vì sao có gốc ngọn?

Đáp: sáu độ tuy là thể của Đại thừa nhưng phải chánh quán Bát-nhã, do chánh quán Bát-nhã muôn hạnh mới thành, tức Bát-nhã là gốc các hạnh còn lại là ngọn. Đây là căn cứ trong thể của thừa tự chia gốc, ngọn.

Hỏi: Đồng là không đắc sáu độ đều là chánh thể có gì gốc ngọn ư?

Đáp: Nếu sáu độ đồng là vô đắc thì cần tu Bát-nhã mới thành vô đắc nên nếu Bát-nhã là gốc thì năm độ là ngọn. Đại Phẩm nói: Bầy chim đậu trên núi Tu di đồng một sắc vàng, tuy đồng sắc vàng mà Tu di là gốc, phải do sắc Tu di mới đồng mà thôi!

Hỏi: Thừa trong nhân do Bát-nhã là chính, quả địa muôn đức lấy gì làm tông chỉ ư?

Đáp: Luận nói trong nhân gọi là Bát-nhã trong quả gọi là Tát-bà-





nhã, tức quả thừa dùng Tát-bà-nhã làm chính, thế nên kinh này từ đầu đến cuối đều khen ngợi tuệ Phật. Như nói vì nói tuệ Phật cho nên Chư Phật ra đời, cho đến Đa Bảo khen ngợi Đại tuệ bình đẳng tức là việc ấy. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: cũng nói trí tuệ là thể của thừa, đây là không hai mà hai, khai mở gốc ngọn. Nhân duyên vô ngại mỗi hạnh nhiếp tất cả hạnh, đều được làm gốc nhân thừa, mỗi đức nhiếp tất cả đức, đều là gốc của thừa.

Hỏi: Pháp Hoa nêu đủ nhân thừa, quả thừa sao gọi là Chánh?

Đáp: Trong phần nói về tông dùng nói nghĩa này nói chánh pháp, vì thừa là thừa đây chẳng phải nhân, chẳng phải quả mới là chánh. Nay căn cứ Phương Tiện dùng dùng quả thừa làm chánh, vì sao? Vì quả là diệu cực, nhân chưa phải diệu cực, vì đề kinh gọi là Diệu pháp nên thích hợp dùng quả thừa làm chánh. Vì tiêu biểu quả diệu cực này, khiến người Ba thừa và tất cả chúng sinh đều tu diệu nhân hưởng đến quả diệu cực này, sau đó mới được nói nhân thừa. Nếu cất bước tức nói nhân thừa làm chánh, cuối cùng nêu kỳ hạn biết đi về đâu? Như người trước biết đảo châu báu rồi mới tu hành hưởng đến! Lấy đây mà suy xét quả là chánh, văn nghĩa này đã nói rộng tìm kiếm tự thấy. Sau thấy luận Pháp Hoa giải thích còn không có hai hướng chi là ba ư! Là nói không có Nhị thừa Niết-bàn chỉ có Như lai đại Niết-bàn gọi là quả Phật, cho nên biết Nhị thừa cũng chọn quả thừa làm chánh, Đại thừa cũng chọn quả thừa làm chánh, vì vậy luận chỉ nói Niết-bàn.

Hỏi: Thừa có nghĩa rộng hẹp không?

Đáp: Năm thừa đối nhau, tự nói rộng hẹp nay không nói Căn cứ theo Nhất thừa tự nói rộng hẹp, quả thừa chẳng hệ lụy nào không hết, chẳng đức nào không tròn đầy nên gọi là rộng, nhân hạnh không như vậy cho nên gọi là hẹp. Căn cứ theo nhân tự nói, so địa đắc trăm pháp minh môn cho nên hẹp, nhị địa đắc ngàn pháp minh môn cho nên rộng, như vậy có thể biết.

Hỏi: Vì sao là thừa nhất thể và thừa khác thể?

Đáp: tương ứng với Bát-nhã không y, không đắc, quán không hai hiện tiền, như phẩm Nhất Niệm nói: Bồ-tát một niệm đầy đủ muôn hạnh, đây là thừa nhất thể, chưa được quán này hiện tiền gọi là khác thể thừa. Nhưng từ lúc mới phát tâm thì học quán không hai nên từ mới phát tâm thì gọi thừa nhất thể, một niệm đầy đủ muôn hạnh nên nói phát tâm rốt ráo, hai tâm không khác nhau, chỉ vì y cứ quán này có sáng tối cho nên chia ra một thể, khác thể. Căn cứ địa vị mà nói thì đắc vô sinh nhẫn là thừa nhất thể, chưa đắc vô sinh nhẫn là thừa khác thể.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Đại Phẩm nói: chỉ có Đức Phật Nhiên Đăng đắc vô sinh nhẫn tức không lia sáu độ, v.v... không đắc muôn hạnh.

Hỏi: Vì sao gọi là thừa gần, thừa xa?

Đáp: Do tâm Bát-nhã khởi, như không trụ pháp trong Bát-nhã, không xả đầy đủ sáu độ như đàn, v.v..., không sinh cho nên đầy đủ đạo phẩm cũng như phẩm Quảng Thừa nêu tất cả đức hạnh, sau đều tổng kết nói vô sở đắc, thừa như thế gọi là thừa gần: Nếu nói cúi đầu, đưa tay đều thành Phật đây thì có thiện sở đắc gọi là thừa xa, làm sao biết như vậy? Pháp Hoa nói thừa này mâu nhiệm thanh tịnh bậc nhất, đối các thế gian không có thừa nào hơn đây đâu phải thiện mà hàng trời người chứng đắc ư! Nay Bồ-tát đã thực hành từ lúc mới phát tâm đã thực hành quán vô sở đắc, đây là thừa gần không có thừa xa, nhưng y theo vô sở đắc tự có sáng tối, cho nên chia ra gần xa.

Hỏi: Thích luận giải thích trong phẩm Vô sinh nói: có đạo gần, đạo xa. Đạo gần nghĩa là ba mươi bảy phẩm, đạo xa là sáu pháp Ba-la-mật, nhưng đạo phẩm và sáu độ đều là thừa vì sao chia ra gần xa ư?

Đáp: Số luận Sư, Địa luận Sư Pháp Hoa Sư v.v... không có nghĩa này nên không giải thích. Nay nói nghĩa này có thể có bốn điều:

- 1) Sáu độ đạo phẩm là vô sở đắc cho nên đều là gần.
- 2) Đều có sở đắc cho nên đều là xa.
- 3) Vô sở đắc sáu độ là gần, có sở đắc đạo phẩm là xa.

4) Vô đắc đạo phẩm là gần, có đắc sáu độ là xa. Nay nói sáu độ làm xa, đạo phẩm làm gần, vì giải thích văn kinh phẩm Vô sinh. Văn kinh nói: Có sáu độ thế gian, sáu độ xuất thế gian, đạo phẩm chỉ nói đạo phẩm xuất thế, không nói đạo phẩm thế gian, Luận chủ giải thích một nghĩa này cho nên nói sáu độ là xa, đạo phẩm là gần.

Hỏi: Sáu độ vì sao gọi là xa, đạo phẩm vì sao gọi là gần ư?

Đáp: Sáu độ có thế gian, xuất thế gian lẫn lộn nên xa, đạo phẩm thuần là xuất thế gian cho nên gần.

Hỏi: Sáu độ vì sao lẫn lộn, đạo phẩm sao không lẫn lộn?

Đáp: Trong sáu độ nói có cả cạn sâu, như bố thí trì giới nhẫn nhục, v.v... thông cả cạn sâu thì được nghĩa lẫn lộn, trong đạo phẩm nói định tuệ, định tuệ sâu đối với bố thí, trì giới, căn cứ một nghĩa này cho nên sáu độ là xa, đạo phẩm là gần.

Hỏi: Nghĩa này căn cứ Đại thừa, Tiểu thừa chia ra gần xa phải không?

Đáp: Nếu căn cứ Đại thừa, Tiểu thừa một phen chia ra thì đạo

phẩm là Tiểu thừa hành, cho nên là xa, sáu độ chính là thể của thừa cho nên là gần, nếu căn cứ Hạnh Bồ-tát đều là vô đắc thì đều là chánh hạnh, sáu độ, đạo phẩm đều là thừa gần.

Kế nói về nghĩa vận chuyển ra: Hỏi: Vận chuyển ra nói thừa (xe): nhân thừa, quả thừa làm sao gọi là chánh ư?

Đáp: Căn cứ nhân môn chính là nói vận xuất. Thích luận nói: Thừa ấy từ trong ba cõi lưu xuất ra đến quả Phật tức trụ biến thành Tát-bà-nhã cho nên nhân thừa là chánh. Nếu dùng năng vận xuất chúng sinh thì Phật thừa là chánh, chỉ có Đức Phật mới đầy đủ vận xuất tất cả chúng sinh mà nhân thừa không sánh bằng quả thừa.

Hỏi: Thế nào là tự vận, vận tha?

Đáp: Căn cứ vận xuất làm nghĩa, nói nhân thừa có tự vận vận tha, quả thừa chỉ có nghĩa vận tha, Phật đã xuất không nhọc vận nữa. Nếu tùy ý tự tại nói vận này, thì quả đức có đủ vận này.

Kế là nói thừa đầy đủ: Hỏi: Thế gian thừa có người năng thừa, pháp sở thừa và thừa hành đầy đủ, Nhất thừa có nghĩa này hay không?

Đáp: Có, Đại Phẩm chép: Thừa và sở thừa nhân pháp Thích luận nói sáu độ chính là thể của thừa, từ bi và Phương Tiện, hai thứ này là Đại thừa đầy đủ. Vì sao? Vì có từ bi cho nên năng rộng vận chúng sinh, có Phương Tiện khéo léo nên có khả năng ra khỏi sinh tử, lại có từ bi nên không theo địa Nhị thừa, có Phương Tiện nên không theo địa phàm phu, ra khỏi hai địa này nên có thể đến quả Phật, cho nên hai thừa này gọi là thừa hành đầy đủ. Cũng như thuộc địa Nhất thừa nhưng nghĩa chia thành có hai, trong pháp Tiểu thừa không có hành cụ này.

Kế là luận Trung Biên phân biệt nói thừa có năm:

1) Thừa bản là chân Như Phật tánh.  
2) Thừa hành là phước tuệ, v.v...  
3) Thừa nhiếp gọi là tâm từ bi, dẫn dắt tất cả chúng sinh cùng vượt dòng sinh tử.

4) Thừa chướng là chướng phiền não và chướng trí, phiền não trong ba cõi gọi là chướng phiền não, tất cả chướng còn lại làm ngăn chướng hạnh giải gọi là chướng trí.

5) Thừa quả tức quả Phật.

Luận Duy thức giải thích thừa có ba thể sáu nghĩa. Ba thể đồng như trước:

1) Tự tánh hai không, hiển chân như.  
2) Tùy lưu, tùy thuận, tự lánh lưu phước tuệ các pháp Thập địa v.v...

3) Đạt đến quả tức tùy lưu sinh ra vô thượng Bồ-đề và tất cả pháp bất cộng.

Sáu nghĩa là:

- 1) Thể là như hư không xuất ly bốn việc chê bai.
- 2) Nhân nghĩa là phước tuệ.
- 3) Nhiếp, nhiếp tất cả chúng sinh.
- 4) Cảnh giới rõ ràng chân tục tu hai đế.
- 5) Chương tức da, thịt, tâm ba chương.
- 6) Quả nghĩa là vô thượng Bồ-đề.

Sáu nghĩa này theo thứ lớp chính là dùng chân như làm căn bản. Vì có như thế nên khởi hai hạnh phước tuệ, vì khởi hai hạnh phước tuệ nên năng nhiếp độ tất cả chúng sinh, nhiếp tất cả chúng sinh do chiếu cảnh mê chân tục, cố chấp thành hoặc thì lầm lỗi, nương lý thấy cảnh nên năng dứt hoặc, dứt hoặc cho nên đắc quả Phật.

Hỏi: Thừa nghĩa là gì?

Đáp: Luận kia giải thích rằng: Thừa là nói lên nghĩa chuyên chở. Do chân như Phật tánh nên xuất ra các hành như phước tuệ v.v... do các hành phước tuệ nên ra khỏi sinh quả Phật, quả Phật chở ra khỏi chúng sinh. Luận Nhiếp Đại Thừa nói có Ba thừa: Thừa nhân, thừa quả và thừa đắc. Thừa nhân là chân như Phật tánh, bậc nhất nghĩa không là thừa nhân, thừa duyên là muôn hạnh, thừa đắc là quả Phật.

Hỏi: Chân như Phật tánh sao nói là thể của thừa?

Đáp: Chỉ có chân như Phật tánh là chân thật, tu muôn hạnh là muốn nói lên Phật tánh này, Phật tánh nói lên nên gọi là pháp thân, ba điều này rất cần nhau lấy Phật tánh làm gốc nên gọi là Nhân. Tuy có nhân lại phải cần duyên nhân, nhân duyên đầy đủ cho nên đắc quả này không trái với nói này.

Luận Pháp Hoa cũng nói ba thứ:

1) Thể của thừa; Là Pháp thân Như lai bình đẳng tức Phật tánh là thể của thừa.

2) Lại nói Phật thừa là Như lai đại bát Niết-bàn, đây là nói quả Phật làm thể của thừa, ẩn, hiển làm khác thật sự không hai.

3) Lại giải thích việc các ông làm là đạo Bồ-tát và cúi đầu đưa tay khéo phát tâm Bồ-đề tu Hạnh Bồ-tát tức là liễu nhân chính gọi là thừa duyên. Đây cũng là nghĩa ba thứ Phật tánh. Thừa duyên nghĩa là dẫn xuất Phật tánh tức liễu nhân, thừa thể nghĩa là nhân Phật tánh, thừa quả là quả Phật tánh. Không nói quả quả tánh vì quả quả tánh thuộc về quả môn. Không nói cảnh giới tánh vì cảnh giới tánh thuộc nhân môn.

Lại nói rộng có năm: lược chỉ có ba. Lại đối chiếu luận Thập Nhị Môn có đủ bốn việc:

1) Thừa bản: Nghĩa là các pháp thật tướng do thật tướng sinh Bát-nhã nên thật tướng là bản, tức là nghĩa thừa cảnh.

2) Thừa chủ: Do Bát-nhã nên muôn hạnh được thành, vì vậy Bát-nhã làm chủ tức trí tuệ.

3) Thừa trợ: Trừ Bát-nhã ngoài ra tất cả hành đều giúp sức mà thành Bát-nhã.

4) Nương quả thừa này mà đắc Tát-bà-nhã.

Lại Kinh này nói thừa có ba việc: 1) Xe. 2) Trâu. 3) Khách theo. Xe có cả nhân quả muôn đức muôn hạnh, trâu cũng có cả nhân quả Trung đạo chánh quán, lia cấu đoạn và thường gọi là bạch, do quán này cho nên dẫn muôn hạnh vượt sinh tử như trâu, đây là nghĩa Bát-nhã dẫn các hành.

Hỏi: Bát-nhã tức là xe vì sao lại dụ trâu?

Đáp: Một pháp hai nghĩa chia ra dẫn dắt như nghĩa trâu vận chuyển gọi là xe, các hạnh khác chỉ có giúp thành vận xuất, chỉ có nghĩa xe mà không dẫn dắt cho nên không có nghĩa trâu, đây là nghĩa nhân địa trâu. Quả địa trâu: Đức bên trong thì lấy chân tuệ làm trâu, dụng bên ngoài dùng lục thông vô cấu làm trâu trắng, cỡi mà dạo khắp năm đường vận chuyển chúng sinh. Khách theo: lấy quả đức làm xe, thì nhân vì khách theo nhân hành vì xe thì ngoại giới các hành làm xe giới, nội hành làm khách theo như trong phần xin xe giải thích.

Lại Đại Phẩm nói thừa có năm việc:

1) Thừa xuất tức là thừa lúc mới là từ ba cõi vượt ra.

2) Thừa cuối cùng đến Tát-bát-nhã.

3) Thừa trụ: nghĩa là muôn hạnh vô sở trụ làm trụ.

4) Pháp sở thừa tức là sáu độ.

5) Người năng thừa là Bồ-tát.

Hỏi: Các Kinh Đại thừa nói và trong Bách luận Đại thừa, v.v... nói về điều này có thể tin nhận. Như Duy Thức Nhiếp Đại Thừa và luận Pháp Hoa, v.v... ắt có thể tin ư?

Đáp: ở đây nói đồng với Bà Tẩu soạn. Trong Phó Pháp truyện ngài Thiên Thân nói có người kia vì vậy cho nên đáng tin. Lại xem ý nghĩa tuy khác với ngôn ngữ Đại thừa mà ý thì đồng cho nên đáng tin.

Hỏi: Người ba học thường bác bỏ, có nghĩa sở đắc, vì sao nay đều dùng các nhà khác nhau mà nói ư?

Đáp: Đại Sư Hưng Hoàng làm tựa Thích luận rằng: Thống lãnh

chung các việc mâu nhiệm trình bày nghĩa hay đẹp của các nhà khiến sự chấp khác ấy tiêu dứt đồng trở về một. Do ý chỉ này rõ ràng nên chẳng chấp nào không phá, chẳng nghĩa nào không nhiếp, khéo dụng thì chẳng gì không phải cam lộ, vụng uống đều thành thuốc độc. Nếu chuyên bám vào các lời nói bác bỏ chấp phá, thì người này chưa thấu đạt ba luận.

Hỏi: Thế nào là khéo dùng, thế nào là vụng uống?

Đáp: Nếu năng tâm vô sở đắc nói vô sở trụ, Như các cây trong hư không, lưới giăng trong hư không như huyễn như hóa, tùy bệnh tùy người, dù hành sự sản nghiệp mà đều là đại bát Niết-bàn đều ứng với chánh pháp Bát-nhã gọi là khéo uống, trái với đây thì gọi là vụng uống. Ý này đã nói như trong tông giải thích.

Lại, ngài Long Thọ ra đời chế ra đại y, phải là trước phá sạch tất cả bệnh sở đắc, khiến rốt ráo không còn sót, bất luận Tiểu thừa, Đại thừa nội đạo, ngoại đạo, có văn làm nghĩa không văn thì cấu tạo, hễ tâm có một chút nương tựa thì nói là có một câu tướng nhất định, thấy đều rửa sạch cho rốt ráo trong sạch, nhưng bất tịnh đã bỏ, tịnh cũng không giữ lại, năm câu như vậy khiến cho lời cùng lự dứt, rồi mới được đối vô danh tướng gượng nói danh tướng, tuy gượng nói danh tướng mà nói bất động không nói, cho nên Bảo Tích khen ngợi rằng: có khả năng khéo léo phân biệt các pháp tướng đối với bậc nhất nghĩa đế bất động. Lại kinh chép: Lành thay! Thế Tôn! Bất động chân tế vì các pháp lập xứ. Nếu có thể đối với tất cả nghĩa đều dụng như thế mới gọi là luận Đại Thừa của Long Thọ. Không như vậy thì lại đồng với chấp xưa, nếu giữ lại một chút tâm trụ trước thì lui sụt, không tổn hại đối với phiền não, tiến lên không thể mở rộng dương Phật pháp. Lại phá sạch tất cả bệnh sở đắc Đại Tiểu thừa rồi mới đối với mỗi nghĩa nên dùng bốn Tất-đàn quán xuyên, nay sẽ nói lược một ý. Mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng đều là thuận theo thế tục cho nên có ngôn nói này. Nếu không thuận theo thế tục thì không có một lời mà không có lời nào chẳng nói, nên có nói gì cũng đều thuận thế tục gọi là thế giới Tất-đàn. Mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng nói đều trái nhau; hoặc ba hoặc một hoặc vô thường hoặc thường, hoặc Phật vượt ngoài hai đế hoặc trong hai đế, hoặc ba đời có hoặc một đời có, như Đại Kinh nói hơn ba mươi môn tránh luận, người vô trí đều chấp một ý lẫn lộn phải trái. Hiện đời khởi sự tranh luận, thêm lớn phiền não, cho đến cắt đứt gốc lành, rơi vào đường ác tựa như tăng ở địa ngục sánh với người này. Muốn tránh khỏi lỗi này thì phải dùng Tất-đàn thứ hai. Sở dĩ tám muôn pháp tạng và trần

sa pháp môn đều trái nhau, đây là Như lai mỗi mỗi đều là Tất-đàn vị nhân cho nên không trái nhau. Như Đại kinh chép: Do chúng sinh này chẳng phải một căn tánh chẳng phải một bản lành, chẳng phải một cõi nước, vì vậy Như lai không được một bề nhất định. Dùng nghĩa này quán trong tất cả pháp môn không lẫn lộn sai trái, không khởi phiền não thoát khỏi tợ như tăng. Thứ ba gọi là Tất-đàn đối trị. Như lai sở dĩ nói mỗi pháp đều là Tất-đàn vị nhân là nói tám muôn pháp tạng và trần sa pháp môn đều là đối trị phiền não của chúng sinh. Như Đại Kinh nói: Thí như đại địa các núi cỏ thuốc năng làm lương được trị bệnh cho chúng sinh, pháp của ta cũng như vậy có công năng trị bệnh phiền não cho chúng sinh. Vì vậy nên tất cả giáo môn không có tánh nhất định chỉ khiến bệnh dứt, bệnh dứt cho nên không có gì chẳng phải thuốc, bệnh không dứt thì không phải thuốc. Bệnh đã dứt thì thuốc cũng bỏ, không nên chấp trước nữa. Thứ tự là Tất-đàn đệ nhất nghĩa: ba môn trước đều là vì chúng sinh cho nên có Phương Tiện như thế, nếu nói về chánh đạo thì không hề có một lời nói hướng chi có tám muôn ư! Còn chẳng có lời nói hướng chi là không nói ư! Cho nên vượt qua tất cả ngôn ngữ, dứt tất cả hý luận. Như ngọn lửa không thể xúc chạm bốn bên để lửa cháy tay, dùng bốn môn này có thể thông suốt tất cả văn nghĩa, dùng bốn môn này cho nên tất cả kinh có thể tạo thành, tất cả bệnh có thể trị, không đắc bốn môn này thì một câu kinh cũng không thể tìm, một phiền não cũng không thể phá.

Hỏi: Tại sao căn cứ vào nghĩa Nhất thừa giải thích ý này?

Đáp: Nhất thừa là chánh tông của Chư Phật ba đời, căn cứ theo đây giải thích. Lại liễu ngộ như thế mới có thể năng động năng xuất cho nên gọi là Thừa. Nếu tạo một câu định chấp bất động bất xuất làm sao gọi là thừa được ư! Đại Kinh nói: Nếu có tướng nhất định là tướng sinh tử là tướng ma vương chẳng phải tướng Phật pháp, vì vậy cho nên tất cả các pháp không có tướng nhất định.

Hỏi: Thường tạo tướng không nhất định phá tướng nhất định, như thế tức là tướng nhất định ư?

Đáp: Phá định nói vô định, vì sao lại phá vô định ư!

Hỏi: Nếu đều không có sở chấp tức là chấp bèn không chấp đối với chấp, mà chấp đối với vô chấp nên lại là chấp ư?

Đáp: Nay nói không chấp là vì chấp không, nên nói không chấp!

Đã nói không chấp đối với chấp thì đâu chấp vô chấp ư!

Hỏi: Chấp không lại chẳng chấp không tức là người chấp đoạn ư?



Đáp: Dứt tất cả chấp nên gọi là chấp đoạn đây có thể như vậy. Đại Phẩm chép: dứt tất cả chấp cho nên gọi là Đại, chính là sợ các kiến không thể dứt! Lại nếu có các chấp có thể nói chấp đoạn, thì các chấp ấy vốn không có chỗ nào để dứt ư! Kinh dạy động tâm là lưới ma, bất động là pháp ấn.

Kế là nói về động xuất. Hỏi: Đại Phẩm nói thừa này năng động năng xuất ở địa vị nào?

Đáp: Luận chép: Động là thuận nhãn xuất là vô sinh nhãn.

1) Địa tiền là thuận nhãn, Đẳng địa là vô sinh nhãn.

2) Lục địa là thuận nhãn, Thất địa là vô sinh nhãn.

Nếu phạm phu là chúng sinh trong ba cõi thì Địa tiền là thuận nhãn, phát địa là nhập Thánh vị ra khỏi ba cõi, đây thì Sơ địa là xuất, Địa tiền là động. Nếu Lục địa còn thọ nhục thân gọi là ba cõi, tức là Thất địa xả nhục thân ra khỏi ba cõi cho nên Lục địa là động, Thất địa là xuất, nhưng trong hai thì nghĩa trước là chánh.

Hỏi: Động xuất của Tiểu thừa nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Y theo trước có thể biết, trước Khổ nhãn gọi là động, khổ nhãn gọi là xuất. Quả thứ ba chưa ra khỏi ba cõi gọi là động, người Vô học dứt hẳn hoặc ba cõi gọi là xuất, lại hữu dư gọi là động, vô dư gọi là xuất. Chỉ căn cứ người mà nói, thì người Tiểu thừa chỉ có tâm xuất không có thân xuất khác với Đại thừa.

Kế là nói về thừa chướng. Hỏi: Thừa bị vật gì làm chướng ngại?

Đáp: Thích luận dùng sáu độ làm thể Đại thừa thì lục tế tức là chướng. Nếu chọn nghĩa thừa ra khỏi sinh tử tức là chấp sinh tử là chướng. Nếu chọn nghĩa thừa rộng lớn tức hẹp yếu là chướng, nếu dùng sáu độ xuất thế vô sở đắc cho nên năng suất tức hữu sở đắc sáu độ làm chướng, lục tế tức là chướng riêng, hữu sở đắc tức là chướng chung.

Kế là nói về hai tuệ: Hỏi: Hai tuệ Không, hữu vì sao chính gọi là Thừa?

Đáp: Xưa có hai giải thích: Nói không giải làm chánh thừa, hữu giải làm tùy theo. Như Thập địa không giải làm gốc năng sinh, hữu giải làm sở sinh của địa thượng. Kế là giải thích rằng nghĩa của địa như trước, nếu thừa chọn nghĩa vận tức hai giải đều năng vận, nay nói lấy Trung đạo chánh quán làm thể của thừa. Trung đạo chánh quán chẳng phải không, chẳng phải có mối vượt ngoài hai chấp có, không. Cho nên nói không hữu đều là thừa Phương Tiện dụng. Nghĩa của địa cũng như vậy.

Kế là nói về thí chung nghĩa chân, tương tự thừa: Hỏi: Thế nào gọi

là thừa thì chung chân thừa, tương tự thừa?

Đáp: Có người nói: Ba mươi tâm là thừa chánh vị. Có người nói: Đẳng địa là thừa chánh vị. Có người nói: Bất địa là thừa chánh vị. Có người nói: Ban đầu được Phương Tiện mất chánh thể, thứ hai được chánh thể mất phước tiện, thứ ba được tịnh quán và thể thừa, mất không tịnh và thừa Phương Tiện. Cho nên, có đủ ba nghĩa, ba mươi tâm là Phương Tiện, Đẳng địa là chánh thể, Bất địa là tịnh thừa, Thất địa là bất tịnh thừa. Lời bình rằng: Cuối cùng người thích tuy được văn kinh mà nghĩa vẫn chưa khéo, nay sẽ trình bày: phẩm Hồi Thừa chép: Thừa ấy là vô thì vô chung không vượt ngoài ba cõi cũng không trụ Tát-bà-nhã như kinh có nói rộng, nếu muốn cho thừa xuất, thì người ấy muốn khiến vô sinh pháp nhãn xuất, muốn cho pháp chân đế xuất, nhưng thật tế vô sinh thật tế không xuất, thừa cũng không xuất, do thừa không xuất cho nên vô thì vô chung không nhân không quả, thừa như thế mới gọi là xuất.

Hỏi: Nếu không có năng xuất, sở xuất, năng vận, sở vận thì không có thừa làm sao giải thích nghĩa Đại thừa ư?

Đáp: Bởi đặc nầy chánh và ngộ không thấy năng xuất, sở xuất mới gọi là xuất, có thể nói là không chỗ xuất mà xuất, xuất mà không có chỗ xuất. Nếu có năng xuất sở xuất năng vận sở vận thì có sở đắc, không có nghĩa xuất.

Hỏi: Vì sao gọi là xuất mà không có chỗ xuất?

Đáp: Kinh dạy do pháp bất động, pháp bất động ấy chẳng phải thừa, đó là thường trụ, gọi là bất động, cũng không nói chân đế, vì không nên bất động. Lại chẳng phải thừa không đi cho nên bất động, đây là nói thừa xuất rõ ràng mà không có chỗ xuất, nên gọi là bất động. Đã không xuất mà xuất, cũng vô thì mà thì, vô chung mà chung, vô thì mà thì, thì tự sơ tâm, vô chung mà chung, chung ở Thập địa, đây là nhân môn phân biệt sự thì chung kia. Căn cứ sự thì chung này lại chia làm hai vị: địa tiền Ba mươi Ba đây quán chưa đủ thành gọi là tương tự thừa, Đẳng địa trở lên đắc quán hiện tiền đây, gọi là chân thật thừa, nên luận nói: Địa tiền gọi là thuận nhãn, Đẳng địa gọi là vô sinh nhãn tức là nghĩa chân thật và tương tự.

Kế là nói tịnh bất tịnh (gồm và không gồm). Hỏi: Có người nói: Sơ địa tịnh, có người nói Thất địa tịnh. Có người nói Bất địa tịnh, việc ấy thế nào? Lời bình rằng: Mỗi pháp có thiên chấp đều mất ý chỉ, vì sao? Vì kinh, luận có đủ ba thứ tịnh: Như Kinh Nhân Vương và luận Nhiếp Đại Thừa, v.v... nói Sơ địa tịnh. Phẩm Phát thú trong Đại Phẩm giải thích tên Thất địa đồng Định tuệ địa, tức Thất địa tịnh. Nhân Kinh, v.v... và

Địa Kinh nói Bát địa tịnh, do có đủ ba văn nên đều dụng.

Hỏi: ba thứ này trái nhau không nên hợp dụng.

Đáp: Không trái nhau, nói Sơ địa tịnh là từ lúc mới phát tâm liền học tịnh quán, đến Địa tiền còn là phàm phu cho nên không được tịnh, Đăng địa gọi là Thánh nên nói tịnh; lại Địa tiền gọi là thuận nhãn, Đăng địa gọi là vô sinh nhãn cho nên Sơ địa tịnh. Nói Thất địa tịnh: ở đây y cứ vị Địa, tự phân Sơ địa đến Lục địa gọi là thuận nhãn, Thất địa gọi là Vô sinh nhãn, thuận nhãn tuy tịnh mà tịnh yếu kém nên không gọi là tịnh, Thất địa tịnh mạnh nên gọi là tịnh.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Vì Sơ địa so với trước gọi là Vô sinh nhãn, nếu đối với Thất địa thì gọi là Thuận nhãn, nếu so Sơ địa với Địa tiền thì Sơ địa là tịnh, nếu hiện rõ nơi thất địa thì Sơ địa chưa tịnh.

Hỏi: Vì sao Thất địa được gọi là tịnh, Lục địa không gọi là tịnh?

Đáp: Thất địa là công dụng đạo tròn đầy nên gọi là tịnh, Lục địa công dụng chưa tròn đầy nên chưa được gọi là tịnh. Lại nữa, Lục địa là Bát-nhã, Thất địa là Phương Tiện, vì Thất địa đủ hai tuệ nên được gọi là tịnh, Lục địa tuy có Bát-nhã mà chưa đủ Phương Tiện cho nên chẳng tịnh. Lại nói Bát địa tịnh này là căn cứ công dụng, vô công dụng mà phán lập tịnh, không tịnh, vì sao? Vì Thất địa tuy tịnh còn có công dụng, Bát địa nhậm vận thành tựu không còn công dụng, cho nên, Bát địa tịnh, Thất địa phi tịnh, dung hợp ba kinh không trái nhau.

Kế là nói về hai kinh: Hỏi: Kinh Pháp Hoa, Kinh Thắng-man đều nói về Nhất thừa, Nhất thừa có gì khác nhau?

Đáp: Các nơi khác nói Kinh Thắng-man liễu nghĩa, Pháp Hoa chưa liễu nghĩa. Nay nói Pháp Hoa đã nói lên Phật tánh, pháp thân tức lẽ ra không có giải thích liễu hay không liễu, chỉ Đại thừa là đồng, nói lược ba điều khác.

1) Pháp Hoa đối phá ba chấp trở về Nhất thừa. Như Thắng-man không đối ba duyên chỉ vì bảy năm trở lên học duyên Nhất thừa, nói về nghĩa ra khỏi sinh thân nhập. Xuất sinh giống như đại địa xuất ra kho tàng bốn thứ báu. Chánh pháp ra khỏi sinh Năm thừa. Thân nhập: chánh pháp ra khỏi sinh năm thừa, Năm thừa qui về chánh pháp, xuất nhập này thu vào, mở ra đều là đạo bình đẳng, nhân duyên pháp môn không bị bác bỏ, khác với kinh Pháp Hoa. Pháp Hoa trước bác bỏ ba bệnh cho nên nói Nhất thừa, rồi mới đặc chẳng ba chẳng một, ba một đầy đủ.

2) Pháp Hoa chỉ nói Nhị thừa chưa rốt ráo, Phật thừa đã tròn đầy, không giải thích rộng nhân duyên kia, Thắng-man thì khai nhân năm trụ

địa nói về quả hai thứ sinh tử, giải thích Nhị thừa chưa viên, quả Phật đã mãn. Vì vậy nên hai kinh có khác.

Hỏi: Nương nghĩa này tức là liễu hay chưa liễu?

Đáp: Tự có cần phải giải thích mà ngộ tự có, không cần giải thích mà ngộ, đâu được dùng đây phê phán liễu hay không liễu! Nếu một kinh đều nói đủ tất cả nghĩa thì có một giáo chỉ có một duyên sao gọi là nhiều bộ!

3) Thắng-man nói chánh pháp ra khỏi sinh ra năm thừa số năm thừa qui về lại chánh pháp, Pháp Hoa chỉ nói gom Ba thừa về Nhất thừa, chia Nhất thừa thành Ba thừa, không chánh hội thừa trời người qui Nhất thừa và chia Nhất thừa thành Ba thừa, thành thừa trời người.

Hỏi: Vì sao hai kinh khác nhau?

Đáp: Pháp Hoa chính vì Ba thừa chấp chặt tự cho là rốt ráo lại không cầu thành Phật cho nên phải nói nghĩa Ba thừa hội khai; trời người Nhị thừa không có tự chấp chặt rốt ráo cho nên không nói về hội, khai. Thắng-man nói hcung chánh pháp có ra khỏi sinh tất cả Phương Tiện dụng, số tất cả Phương Tiện trở về chánh pháp cho nên không nói năm thừa có khai hội.

Hỏi: Pháp Hoa có gom trời người về Nhất thừa hay không?

Đáp: Cũng có nghĩa này, như cúi đầu, đưa tay, v.v... đều thành Phật đạo, tức là việc đó.

Hỏi: Ba thừa đã là quyền nói, thật không có ba, thừa trời người cũng là quyền ư?

Đáp: Có so sánh và không so sánh. Nếu nói ba mươi ba thiên thường lạc ngã tịnh như lá dương vàng cũng là quyền, cũng nên phá và hội; không so sánh là đạo thật sự không có ba, Phương Tiện nói ba là rốt ráo cho nên ba là quyền; nhưng chẳng phải không thực hành thực của trời người nhân sinh tử mà đặc quả báo trời người cho nên trời người chẳng phải quyền. Trước lại không nói trời người là rốt ráo cho nên thừa trời người chẳng phải quyền.

Hỏi: Ba không bằng một, ở ba đã quyền, hai yếu kém đối với ba, hai lẽ ra cũng là quyền ư?

Đáp: Hơn kém chính là nghĩa có cả quyền thật, khác nhau cho nên không theo lệ. Thừa trời người đặc thật báo trời người, người Nhị thừa không đặc quả báo rốt ráo cho nên không theo lệ.

Kế là nói về ba giả: Hỏi: Thừa đủ ba giả hay không?

Đáp: Thích luận nói ngũ ấm pháp là pháp giả người là thọ giả, tên gọi người pháp là danh giả, pháp sở thừa và hành đầy đủ gọi là pháp

giả, người năng thừa là thọ giả, năng thừa sở thừa và thừa đầy đủ đều có danh tự là danh giả.

Hỏi: Thừa là nhân thành, nối kế, đối đãi ba thứ trong đó cái nào là giả?

Đáp: xưa nay có bốn giải thích nay không nói đủ: Có một giải thích rằng: Nếu luận nhân thành giả thì phải so với cả hai. Nếu đối với dùng pháp thành tựu người, người tức là giả, muôn thiện thành người tức là thật pháp, nếu đối với chung các điều thiện làm Nhất thừa, Nhất thừa là giả, muôn hạnh là thật.

Hỏi: Tương tục giả như thế nào?

Đáp: Có hai giải thích: Đầu tiên nói: một niệm thật pháp sinh mà tức diệt, còn tự mình không giữ vững làm sao có thể vận xuất, phải nối kế mới có nghĩa vận, như trí dứt hoặc như ánh sáng xua tan bóng tối. Kế là giải thích: Nếu giải dứt hoặc thì phải hai niệm vì bài bác người khác làm nên. Nay thiện thể theo năng vận một niệm có năng lực, như một niệm trí thì biết được cảnh, một niệm thiện liền có thể cảm sự an vui không có giả nối kế. Nay lại hỏi: Nếu một niệm không có năng lực, nhiều niệm mới có năng lực, một sợi tơ không thể buộc voi, nhiều sợi tơ mới buộc được, một giọt nước không thể đầy, nhiều giọt nước mới có thể đầy, trong Bách luận phá ngoại đạo có nhiều nói như vậy; xem rộng tự thấy. Lại hỏi: một không khả năng, nhiều mới có khả năng, một hạt cát không có dầu, một người loà không thấy, chứa nhóm nhiều thì có thể ư? Đáp: Người khác nói: loà và hạt cát từng phần nhỏ không có sức, kết hợp từng phần có sức cho nên chẳng hỏi. Nay nói trong Bách Luận ngoại đạo cũng có giải thích điều này như luận phá.

Kế là nói về nối kế giả: Hỏi: hai niệm nối kế là niệm trước diệt, niệm sau khởi kế niệm trước không diệt nên niệm sau khởi liên tục; nếu niệm trước diệt niệm sau khởi chỗ nào, không diệt thì thường nhọc gì mà sau kế tục khởi. Đầy đủ như luận phá. Lại hỏi thật pháp thì diệt trước mà hai sự nối kế thì chuyển biến, nay xin hỏi như sữa biến thành lạc lại có nghĩa sữa diệt, đó là một loại sữa hay hai thứ sữa? Nếu một loại sữa là thật pháp diệt thì không, lại làm sao biến, nếu nói biến thì sao được diệt ư? Nếu một thể ấy diệt thì không được biến, nếu biến thì không được diệt, nếu một diệt một biến thì thành hai thứ sữa.

Hỏi: Chỉ là một loại sữa mà sữa có hai nghĩa, nêu thể thật diệt nêu thể chuyển biến. Nạn hỏi rằng: Thật pháp diệt chỉ là nghĩa sữa diệt mà thể sữa cũng diệt ư? Nếu chỉ nghĩa diệt thì thể của sữa không diệt, vậy nghĩa sữa vô thường mà sữa lẽ ra là thường. Nếu nói nghĩa thể đều diệt

thì không còn nghĩa thể, vậy làm sao chuyển. Muốn thấy ý này Trung luận có nói rộng, lấy đây suy tìm thì không nối kế, đã không nối kế thì không đạt đến lý Phật, đâu có Nhất thừa! Nên biết có nghĩa sở đắc không có nghĩa thừa.

Kế là hỏi một niệm lực năng vận, một niệm này là tức diệt hay không diệt, nếu sinh mà tức diệt thì sao có năng vận? Nếu không diệt thì thường làm gì có sở vận ư? Nếu vừa diệt vừa không diệt đã là một niệm làm sao có đủ hai pháp ư?

Hỏi: Nay giải thích thế nào?

Đáp: Bệnh này nếu tiêu thì tự thấy ý kinh.

Kế là nói về bốn lần nhất (tứ nhất): Hỏi: Xưa nói có bốn nghĩa: Gọi là nhất giáo, nhất nhân, nhất quả, nhất nhân việc này thế nào?

Đáp: Đây cũng không lầm lẫn muốn mở rộng luận bàn có vô lượng nhất, nghĩa là giáo nhất, lý nhất, người nhất, pháp nhất, cơ nhất, cảnh nhất, trí nhất, như giải thích danh ở trước có nói.

Hỏi: Các nhất ấy có thứ lớp gì?

Đáp: Như lai thấy có nhất cơ cho nên trước có cơ nhất, nói nhất giáo cho nên kế có giáo nhất, chúng sinh theo ngộ nhất giáo cho nên gọi là nhân nhất, kế thực hành nhất nhân cho nên có nhân nhất, lại đắc nhất quả cho nên nói quả nhất.

Kế là trình bày nghĩa hai trí quyền thật, nói về danh quyền thật.

Hỏi: Kinh này đã nói bỏ quyền bày thật vì sao gọi là nghĩa quyền thật?

Đáp: có người nói: Quyền là tên quyền, thật là xét, thật là nghĩa. Có người nói: Thật gọi là trí tuệ, quyền gọi là Phương Tiện, Phương Tiện là tên gọi thiện xảo, trí tuệ là nghĩa giải trí. Lời bình rằng: nay nêu đầy đủ rõ ràng thưa hỏi. Ban đầu nói hoặc diệu vì đối đãi với thô làm tên, thô để nói Diệu mà được tên gọi, nếu vậy thật vì đối đãi quyền làm tên, quyền để nói thật được tên gọi. Nếu quyền thật không đối đãi nhau giải thích danh thì thô diệu lẽ ra cũng như vậy. Lại nạn hỏi rằng: Nếu quyền là nghĩa quyền như vậy, dùng quyền giải thích quyền, cũng lẽ ra thật là thật làm nghĩa dùng thật giải thích thật ư! Nếu vậy thì lẽ ra khổ lấy nghĩa khổ, vui lấy nghĩa vui không nên có giải thích khác.

Kế là hỏi hai tên trí tuệ và Phương Tiện, nhưng hai trí đều là khéo léo vì sao chỉ có Phương Tiện được gọi là khéo léo ư? Xưa giải thích: Chung thì đều theo lệ, riêng thì không bằng Phương Tiện, đối trong không ba nói ba nghĩa khéo léo rõ ràng thực trí trên thậm nói một không hiển nghĩa khéo, cho nên gọi chung với trí tuệ kia.

Nạn hỏi rằng: Đối với trên một nói một không gọi là khéo, thì trên một nói một không nên cùng với kia gọi là diệu; nhưng vẫn dưới khen ngợi thật trí thì gọi là sâu xa mầu nhiệm, đây thì thật trí chính là mầu nhiệm khéo léo. Lại hỏi: Nếu thật trí mất tên gọi công kia, sẽ gọi là diệu, quyền trí mất diệu kia sẽ gọi là khéo, nếu vậy thật trí diệu mà không khéo, không khéo nên là vụng, quyền trí khéo mà chẳng diệu, chẳng diệu nên là thô, nay giải thích nghĩa y các kinh luận Đại thừa lược có bốn thứ:

1) Y danh giải thích, gọi là quyền là quyền xảo thật là xét kỹ.

2) Giải thích nghĩa giúp nhau: Quyền là thật quyền, thật là quyền thật, thật không ngại quyền, quyền không ngại thật, tuy thật mà quyền, tuy quyền mà thật. Cho nên quyền được dùng thật làm nghĩa, thật được dùng quyền làm nghĩa.

3) Giải thích nghĩa hiển đạo: quyền dùng bất quyền làm nghĩa, thật dùng bất thật làm nghĩa, cho nên nói: tất cả pháp hữu vô rõ ràng chẳng phải pháp hữu vô, cùng tất cả pháp quyền thật thấu đạt rõ ràng phải quyền thật.

4) Giải thích nghĩa vô phương: Hoa Nghiêm chép: Giải vô lượng trong một, giải một trong vô lượng, nếu vậy một quyền có được vô lượng nghĩa, vô lượng pháp đặc nghĩa một quyền.

Hỏi: Phi quyền phi thật đó gọi là chân đế hay gọi là trí ư?

Đáp: Triệu Sư nói: Người mê hoặc thấy giảm chiếu cho là thật, thấy biến động gọi là quyền. Đã nói người mê hoặc cho là quyền thật thì biết tâm Thánh không hề có quyền thật, chính ở đây nói tâm Thánh không liên quan đến chân đế.

Kế là nói riêng về nghĩa quyền: Có người nói quyền là ví dụ danh, như cái cân gọi là quyền, dùng cân này cân lường các vật nặng nhẹ, trước thì nhẹ sau thì nặng, giữa thì bằng, đây là dụ do trí Phật chiếu quán sát căn duyên có Ba thừa khác nhau. Có người nói: Quyền là nghĩa giả cho nên giả ba xe ở ngoài cửa. Có người nói quyền là quyền như vậy dụng nhất thời cho nên nói quyền hóa thành ở giữa đường. Có người nói quyền là vậy thôi, nghĩa là tùy nghi nói pháp gọi là quyền. Lời bình rằng: Đây đủ bốn nghĩa này có thể hợp dụng, thật trí của Như lai có chiếu duyên không khác nhau như cân lường nặng nhẹ. Như Kinh nói: Ta lúc mới đắc đạo, bấy giờ tay không độ tất cả chúng sinh. Lại nói thật không có ba xe giả lập ba xe, thật không có thành, quyền hóa thành cho nên giả. Ba thừa nghĩa là nói nhất thời, nếu lâu sau thì nói chân thật. Như Kinh nói: Pháp Thế Tôn về lâu sau phải nói chân thật cho nên



đó là nghĩa quyền, phải có tùy cơ nghi thì thích nghi nghĩa như vậy.

Hỏi: Quyền và Phương Tiện có gì khác nhau?

Đáp: Thông giống như một! Nhưng quyền là tên gọi thích ứng nhất thời, căn cứ nghĩa Ba thừa Phương Tiện là thiện xảo chung cho một, ba như khéo nói Nhất thừa cũng gọi là Phương Tiện, cho nên Phương Tiện danh có cả một, ba.

Hỏi: Quyền cũng nên có hai:

1) Thật quyền như Bồ-tát quyền xảo.

2) Phương Tiện quyền, như nói Ba thừa phải không?

Đáp: Theo lệ thì có.

Hỏi: Phương Tiện và quyền đã có hai thứ, thật có hai hay không?

Đáp: cũng có hai thứ:

1) Quyền thật: Xưa nói Ba thừa là thật, quyền làm thật này!

2) Phi quyền thật: Nay giáo nói Phật thừa là thật.

Kế là nói nghĩa của thể hai trí. Các Sư đều nói hai trí dùng tâm làm thể, tướng tận nói nay thừa hỏi, tâm là giải thích thể của hoặc, tâm và hoặc là một hay khác? nếu một thì khi dứt hoặc nên dứt tâm, nếu tâm không dứt hoặc cũng không đoạn. Lại nếu một mà dứt hoặc để lại tâm thì sao lại không dứt tâm mà để lại hoặc ư? Nếu hoặc dứt, tâm không dứt thì tâm khác với hoặc, nếu khác thì hoặc ấy chẳng phải tâm, tâm là thức lự hoặc lẽ ra phi tình. Lại nếu hoặc khác tâm, hoặc tự là hoặc tâm lẽ ra không hoặc. Nếu vậy tự là trí biết, tâm không hề biết, như thế cầu tâm không bao giờ được. Thế thì vô tâm lấy gì làm thể của hai trí. Vì vậy nên luận nói: Như thân thấy năm thứ cầu không thể được; phiền não ở tâm cấu uế, năm thứ cầu cũng không được.

Hỏi: Nay nói hai trí lấy gì làm thể ư?

Đáp: Chính do gọi là tình nói tâm và hoặc là một, khác cho nên không có hai trí. Chư Phật, Bồ-tát hiểu rõ điều này thì tâm và hoặc không thấy một hay khác, đã không một, khác thì phi tâm phi hoặc, không trí không ngu cũng không quyền, không thật, năm câu như vậy đều không thật có, chỉ vì đối với không hai mà hai, vì chúng sinh nên chia ra hai trí, cho nên hai trí dùng không hai làm thể.

Kế là nói bốn thứ hai trí. Hỏi: Có người nói chiếu không làm thật xét kỹ có làm quyền, đây là Bát-nhã giáo hai trí. Trong tính quán xét làm thật ngoài động dụng làm quyền, là Tịnh Danh giáo hai trí. Chiếu một làm thật, chiếu ba làm quyền, gọi là Pháp Hoa hai trí. Chiếu thường trụ làm thật, quán sát thường làm quyền gọi là Niết-bàn hai trí. Lời bình rằng: Không đúng, Chiếu không làm thật, xét có làm quyền, vì kế

hợp Trung đạo diệu quán, là yếu thuật của đoạn thường, là cha mẹ của pháp thân, bản hạnh của Bồ-tát. Từ Bát-nhã trở lên Niết-bàn trở xuống cho đến Hoa Nghiêm các giáo Phương Đẳng đều thông dụng không được chỉ thuộc về Đại Phẩm.

Kế là động tĩnh chia làm hai trí: Tất cả Phương Đẳng giáo nói về Hạnh Bồ-tát đều dùng nội tĩnh quán sát làm thật, ngoại động làm quyền, quán thông các kinh cũng chẳng thuộc Tịnh Danh.

Hỏi: Làm sao biết động tĩnh chia ra hai trí thông các kinh ư?

Đáp: Tất cả Bồ-tát đều có tự hành hóa tha, nay nội tĩnh quán sát làm thật, là tự hành, ngoài động dụng làm quyền là nghĩa hóa tha, cho nên biết có tất cả giáo.

Hỏi: Vì sao biết quán sát không làm thật, chiếu có làm quyền, cũng thông suốt các kinh ư?

Đáp: Tịnh Danh nói: Trí độ Bồ-tát làm mẹ, Phương Tiện làm cha, tất cả các bậc Đạo sư từ đó mà sinh ra, trí độ tức là Bát-nhã, Phương Tiện tức là nghĩa quyền. Ngài Long Thọ giải thích Đại Phẩm chia làm hai đạo:

1) Đạo Bát-nhã.

2) Đạo Phương Tiện.

Nếu vậy hai tuệ của Tịnh Danh tức là hai tuệ của Đại Phẩm mà Tịnh Danh đã nói, tất cả đường ác sư đều từ đó mà sinh, tức biết hai tuệ này quán thông suốt các kinh.

Hỏi: Trước nói không, hữu phân ra hai trí, sau dùng động nói rõ quyền thật đều thông suốt các kinh có gì khác nhau?

Đáp: Căn cứ nghĩa nhân nhất Bồ-tát luận hai thứ hai tuệ chọn kia quán sát không, chiếu có nghĩa phần nhiều là tự hành đầy đủ như trước nói. Nếu nói nghĩa động tĩnh thì đầy đủ tự hành, hóa tha như ở sau.

Kế là nói chiếu ba làm quyền quán sát một làm thật, ở đây căn cứ nghiêng về Pháp Hoa, đó cũng không đúng. Sau Bát-nhã phân đã rõ ràng đồng với Pháp Hoa, nếu vậy thì Đại Phẩm cũng có nghĩa này không nên hệ thuộc nghiêng về Pháp Hoa. Lại hỏi: nếu nói Pháp Hoa dùng chiếu ba làm quyền quán sát một làm thật, ba và một đây đều là thế đế hay là cả hai đế? Xưa giải thích rằng: chiếu bốn thứ nhất là thật, nghĩa là nhân nhất, quả nhất, giáo nhất và nhân nhất đều là thế đế. Chiếu ba thứ, ba làm quyền, nghĩa là có ba, giáo ba, nhân ba, không có lý ba cũng là tục đế. Lời bình rằng: không đúng. Bốn nhất chỉ là tục đế thì nghĩa Nhất thừa hạn cuộc, trong Nhất thừa hoặc cảnh hoặc trí chân và tục đều nhập Nhất thừa, sao chỉ chọn thế đế ư?

Hỏi: Thừa là muôn hạnh nên cảnh chẳng phải thừa ư?

Đáp: luận Thập Nhị Môn lúc mới nói lược về Đại thừa, kế sau là nói phần lớn nghĩa sâu như nói nghĩa không. Nếu thông đạt không thì đầy đủ muôn hạnh, như vậy không là bản thừa, vì sao không chọn làm thừa ư! Nay nói tức là chiếu trong Nhất thừa, hoặc cảnh trí không hữu đều thuộc Nhất thừa, Ba thừa cũng vậy. Y kinh rõ ràng không như xưa nói.

Kế là nói về hai trí không hữu: Có người nói chiếu hai cảnh không và hữu, xét thật bất hư nên gọi là thật trí, quán Không, chẳng chứng, nhập hữu, không chấp trước gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Điều này xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đại Phẩm nói: Bồ-tát đối với Không chẳng chấp cho nên chẳng chứng Không, liền biết chẳng chứng Không là Phương Tiện. Lại nói Bồ-tát dùng năng lực Phương Tiện nên vì chúng sinh thọ năm dục mà không bị ô nhiễm, cho nên biết vướng hữu mà không chấp đắm cũng là Phương Tiện.

Hỏi: Nếu dùng hai thứ soi chiếu làm thật hai thứ xảo làm quyền, hai chiếu nên không có hai xảo, hai xảo nên không có hai chiếu ư?

Đáp: hai chiếu hai xảo lại không có tự thể riêng, tuy chiếu mà xảo cho nên gọi là Phương Tiện, tuy xảo mà chiếu gọi là thật. Như Thích luận quyển một trăm nói: Ví như vàng làm thành vật quý đẹp, vật không lia vàng, vàng không lia vật, chỉ vì nghĩa vật quý đẹp như Phương Tiện, nghĩa hoàn toàn như tuệ thật.

Hỏi: Vốn dùng cảnh hai để phát sinh hai tuệ, nay chiếu hai cảnh làm tuệ thật thì cảnh hai để đều nên phát sinh tuệ thật ư? Đáp: Chính như thế. Hai để phát sinh nghĩa xảo chiếu kia gọi là tuệ thật, phát sinh nghĩa chiếu xảo kia gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Trước có giải thích như thế không?

Đáp: Ngài La-thập chú giải phẩm Hỏi Tật rằng: quán Không, chẳng chứng vướng hữu, không chấp trước đều gọi là Phương Tiện tợ như nghĩa này. Có người nói: Song chiếu không, hữu đều gọi là thật, vướng hữu hóa nhân nghĩa động dụng gọi là Phương Tiện, đây là do ngài Tăng Triệu giải thích. Tựa kia nói: Quán giảm chiếu gọi là thật thấy biến động gọi là quyền, tuy là tình bị mê hoặc mà chính chia đây làm hai trí. Giảm chiếu là đồng chiếu hai để, nghĩa là tính giám sát nên gọi là thật. Có người nói: Quán không là thật, xem xét hữu là quyền, điều này chỗ nào cũng có văn, như kinh Tu Chân Thiên Tử có nói rộng. Lại phẩm Vấn Tật kinh Tịnh Danh, chương Phước giải có luận bốn câu.

Hỏi: Vì sao giải thích kinh bốn câu ư?

Đáp: Giải thích khác nhau lẫn lộn, nay do ngài Kính Sư ở chùa Định Lâm thượng soạn Huyền luận giải thích kinh Tịnh Danh. Ngài nói: Tâm quán không chẳng thể trang nghiêm cõi nước, đây là tuệ vô Phương Tiện cho nên trời buộc (phược) tâm quán không tức năng trang nghiêm cõi nước, đây là tuệ có Phương Tiện cho nên giải. Nếu tâm trang nghiêm cõi mà chẳng thể quán không đây là Phương Tiện vô tuệ cho nên buộc. Tâm trang nghiêm cõi tức năng quán không đây là Phương Tiện hữu tuệ cho nên giải. Đại ý của ngài La-thập đồng với đây. Có người nói hai tuệ giúp nhau, Phương Tiện chiếu hữu mà năng giúp không cho nên năng quán Không mà chẳng thủ chứng. Người Nhị thừa không có hạnh nguyện Trung đạo giúp cho nên nhập Không liền chứng là biết Phương Tiện giúp Không mà chẳng thủ chứng Không, Không tuệ dẫn dắt hữu khiến nhập hữu chẳng chấp trước, nếu chẳng có quán Không dẫn dắt hữu thì vướng lấy hữu thủ chấp trước như phàm phu.

Hỏi: Phương Tiện giúp Không khiến chẳng chứng đã là xảo thì tuệ thật dẫn hữu khiến không chấp cũng là xảo, tức hai tuệ đều gọi là Phương Tiện cũng đều gọi là thật ư?

Đáp: Thông đều theo lệ nhưng chỉ không chấp hữu thì dễ, chẳng chứng Không thì khó, Phương Tiện năng khiến không chứng Không nên cùng kia gọi là xảo. Ví như bốn con sông hợp dòng cùng chảy vào cửa biển, chẳng phải sức mạnh của rồng chẳng phải tự năng biển chuyển ba giải thoát đều rót chảy vào biển Niết-bàn, chẳng phải Phương Tiện đại lực chẳng thể không chứng. Vì Phương Tiện lực xảo có biến chuyển thành không, chẳng rơi vào Nhị thừa cho nên cùng tên với xảo kia.

Hỏi: Phương Tiện đại lực năng biến không, khiến chẳng rơi vào Nhị thừa nên gọi là xảo, tuệ thật đại lực có công năng khiến không rơi vào địa vị, địa phàm phu cũng gọi là xảo ư?

Đáp: Đã giải thích như trước, lìa Thánh thì khó, tránh phàm thì dễ, cho nên sức Phương Tiện lớn, sức thật tuệ nhỏ. Lại tuệ thật chỉ là Lục địa, Phương Tiện căn cứ Thất địa, lại tuệ thật như mẹ, Phương Tiện như cha, lại có tuệ thật Ba thừa cùng chung, Phương Tiện chỉ riêng Bồ-tát. Lại Phương Tiện thì cần có thật, thật không cần có Phương Tiện. Lại như La-thập đáp Vương Trĩ-Viễn hỏi: Phương Tiện và trí đồng là tuệ tánh, chỉ vì tuệ cạn mà Phương Tiện thì sâu, liễu thật tướng gọi là tuệ thật, không chứng thật tế gọi là Phương Tiện.

Hỏi: Bốn thuyết như vậy làm sao gọi thật ư?

Đáp: Kinh Phật có các nói tùy người nghĩa mà dùng chứ không

định chấp, như kinh Tu Chân Thiên Tử, Kinh Bát-nhã, quyển hạ nói hai tuệ có ba mươi điều khác nhau có thể suy tìm.

Lại nay lược bày các điều khác nhau: Kinh tự có chỉ căn cứ không mà chia ra hai tuệ, như quán Không làm tuệ thật biết Không cũng là Không, cho nên chẳng chứng Không gọi là Phương Tiện tuệ. Tự có chỉ căn cứ có, chia ra hai tuệ như Kinh Tịnh Danh dùng thân không bệnh làm thật, thân bệnh làm Phương Tiện. Lại nói quán thân khổ không vô ngã làm thật, ở trong sinh tử giáo hóa chúng sinh làm Phương Tiện. Tự có không hữu chia làm hai tuệ như trước giải thích. Tự có phước tuệ chia làm hai tuệ, lấy tuệ làm thật lấy phước làm quyền. Tự có y cứ tự tha chia làm hai tuệ, tự hành là thật hóa tha là quyền. Tự có Đại thừa làm thật, Tiểu thừa làm quyền, đều có thể tùy văn dụng đều có ý chỉ.

Kế là giải thích nghĩa Pháp Hoa bốn thứ hai trí. Có người nói Pháp Hoa chỉ có hai thứ hai trí:

- 1) Chiếu Ba thừa là quyền chiếu Nhất thừa là thật.
- 2) Chiếu gần làm quyền chiếu tuổi thọ Phật lại gấp bội số trên là thật.

Nay nói kinh này phải đầy đủ bốn thứ hai trí: Trong đoạn đầu có ba thứ hai trí, sau trong bỏ gần bày xa lại có một thứ hai trí cho nên thành bốn thứ. Đoạn đầu nói ba thứ hai trí:

1. Đầu ba một hai trí người nhị thừa muốn nhập pháp Bồ-tát, thì trước phải biết Ba thừa là quyền, Nhất thừa là thật, dùng để phá vỡ quyền thật vô minh kia, hai trí này là bắt đầu trái lại với ba, là đầu tiên trở về một cho nên trước phải phân biệt rõ ràng.

2) hai trí Không hữu: đã sửa đổi ba tin một thì phải học không hữu hai tuệ của Bồ-tát, quán Không chẳng chứng, lìa địa vị Nhị thừa, vương hữu, chẳng chấp, vượt ra cảnh phàm phu, cho nên sinh trong nhà Phật chủng tánh tôn quý. Lại hai tuệ không hữu là cha mẹ của pháp thân, muốn cầu đại giác đầu thế không học.

3) Tức hai trí hữu không là Bồ-tát tự hành, lại nên hóa độ chúng sinh. Cho nên, lấy nội tính làm thật, ngoài động làm quyền nên có hai tuệ động tĩnh thứ ba.

Hỏi: Ba thứ hai tuệ này có thứ lớp gì?

Đáp: Đầu tiên hai tuệ khiến sinh tín, kế hai tuệ khiến sinh giải, Tín Giải là tự hành, thứ ba nói hóa tha phải đầy đủ ba thứ này người Nhị thừa mới thành Bồ-tát.

Lại lúc mới hai tuệ làm tín, kế hai tuệ là giải, thứ ba hai tuệ là hạnh. Tất cả Bồ-tát cần trước phải có tín tâm, kế có giải, sau có hạnh.

Nay y năm mươi hai vị nói rõ. Trước Thập tín, kế Thập trụ, Thập trụ tức Thập giải, do giải cho nên khởi mười hạnh, hạnh giải thành tựu tùy ý vận dụng đến đạo Bồ-tát có thể gọi là Hồi hướng. Hồi hướng đã thuận dòng vô sinh thì bước lên chân ngộ bình đẳng nên gọi là Thập địa. Dùng ba thứ hai trí phối hợp với địa vị này, lúc mới hai trí là tín, tức Thập tín, kế hai trí là giải, tức Thập trụ, sau hai trí tức là Thập hạnh, giải hạnh đã thành thì năng hướng đến đạo Bồ-tát cho nên có Thập Hồi Hướng, Hồi hướng đã thuận dòng vô sinh cho nên đăng Thập địa, vì không có hai cấp mà luận nên có phân tích như thế. Nếu giai cấp không giai cấp một niệm thì đầy đủ ba thứ hai trí.

Hỏi: Vì sao trước giải sau hạnh?

Đáp: Giải hạnh chưa bắt đầu lia nhau, chỉ tùy nghĩa lý mạnh yếu cho nên trước sau phân chia, nhưng giải thì dễ cho nên có trước, hạnh thì khó cho nên ở sau.

Kế là căn cứ đoạn sau kinh này nói một thứ hai trí: Đoạn sau kinh này nói về bản tích hai trí thường vô thường. Biết bản là vô sinh diệt, vô tử chung là thật trí, biết các dụng thủy chung sinh diệt v.v.... gọi là quyền trí nên đoạn đầu đầy đủ ba thứ hai trí, dứt hai trí thường vô thường cho nên kinh này đầy đủ bốn thứ hai trí. Sau thấy luận nói rộng rõ ràng pháp thân là thường, hóa thân là vô thường thì bốn thứ hai trí liền năm thời quyền thật đều hoại.

Hỏi: Vì sao kế trước ba thứ hai trí sau là nói về hai trí thường vô thường?

Đáp: Trước ba thứ hai trí gọi là hạnh giải Bồ-tát tức là nghĩa nhân, bắt đầu từ Thập tín cuối cùng đến Đăng giác, sau hai trí thường vô thường tức là quả vị xứng là Diệu giác địa, cho nên nhân quả hai môn đầy đủ bốn thứ hai trí.

Kế là nói ba thứ hai để nói về nghĩa hai trí tự nó nhiếp lãnh tương thừa có ba thứ hai để:

- 1) Lấy hữu làm thế đế, không làm Chân đế
- 2) Do không hữu đều là tục, phi không phi hữu là chân.
- 3) Nhị, không hai là tục, phi nhị phi không hai là chân.

Hai chẳng đế đã ba chuyển căn cứ để phát trí cũng đầy đủ ba: lúc mới chiếu hữu làm tục chiếu không làm chân, kế chiếu không hữu làm tục chiếu phi không phi hữu làm chân, sau chiếu nhị không hai làm tục chiếu phi nhị phi không hai làm chân.

Hỏi: Vì sao dụng ba thứ hai để ư?

Đáp: nói lược sáu nghĩa cho nên nói:

1) Nghĩa là đều là Tất-đàn vị nhân, tự có nghe lúc mới đắc đạo, tự có nghe sau thọ ngộ, vì chúng sinh căn tánh khác nhau hai đế chẳng phải một.

2) Vì giải thích Như lai thường y theo hai đế nói pháp. Nếu nói Như lai thường nương hai đế nói pháp, như nói không, nói hữu nên nương hai đế, nay nói phi không phi hữu cho đến phi nhị, phi không hai nên không y theo hai đế vì vậy cho nên giải thích rằng hai đế ba môn nói, ba môn này đều y hai đế. Nếu nói hữu làm tục nói không làm chân, nương sơ môn hai đế nói pháp cho đến nói nhị không hai là tục, phi nhị phi không hai là chân, nương môn sau hai đế nói pháp.

3) Vì giải thích Phật giáo khác nhau, kinh nói hai đế tuy nhiều mà không ngoài ba, như kinh chép: Bồ-tát trụ trong hai đế vì chúng sinh nói pháp. Thích luận nói: Vì chúng sinh chấp hữu nên nói không, vì chấp không nên nói hữu, đây là nói sơ môn hai đế; lại nói hoặc hữu hoặc vô đều là thế đế cho nên nói phi bậc nhất nghĩa. Hoa Nghiêm chép: Tất cả pháp hữu vô liễu đạt phi hữu vô, các kinh như vậy là lớp hai đế thứ hai. Lại Hoa Nghiêm nói pháp chẳng đả không hai vì không có một, hai đây là lớp hai đế thứ ba. Dùng ba môn này đối với tất cả kinh không trái nhau vì vậy cho nên nói ba thứ hai đế này.

4) Muốn dẫn dắt chúng sinh dần dần chỉ bày giai cấp Phương Tiện, từ vô tử đến nay có hình tâm này và dùng ngoại vật, v.v... gọi là thật hữu, cho nên Chư Phật ra đời mà nói pháp cho nghe, đây là thế tục thật chứ chẳng phải Thánh thật. Nếu các pháp bản tánh Không chính gọi là chân đế, cho nên Trung luận chép: Phàm phu điên đảo làm hữu, đối với người đời là thật gọi là đế, các Hiền Thánh chân thật biết điên đảo, tánh Không, đối với bậc Thánh thật ấy gọi là Đế, mà chúng sinh liền cho là hữu chẳng phải thật đế, Không là chân đế tức bỏ hữu chấp không, vì vậy nên nói không và hữu này là hai bên đều là tục đế, phi không phi hữu là pháp Trung đạo chính gọi là chân đế, hoặc tuy xả, bỏ hai bên lại chấp đả Trung đạo vì vậy cho nên thứ ba kể nói xa lìa hai bên không đả Trung đạo chính là chân đế, hai bên Trung đạo đều là tục đế.

5) Vì chúng sinh năm thừa nói ba thứ hai đế này, lúc mới vì dẫn phàm phu khiến xả hữu nhập không nên nói hữu là tục, Không là chân; kể vì dẫn người Nhị thừa muốn khiến ngộ Trung đạo nên nói không hữu đều là tục, Trung đạo là chân; sau vì Bồ-tát khiến giữa hay thiên một bên đều bỏ, hoặc thiên một bên hoặc giữa đều là tục chẳng bên chẳng giữa đó mới là chân. Vì sao? Vì Bồ-tát cho rằng phàm phu, Nhị thừa mê



đắm hai bên mà tâm Bồ-tát du hành nơi Trung đạo, vì phá kiến chấp này nên nói xa lìa hai bên, không chấp Trung đạo. 6) Tức học giả thế gian nói ba giả hữu làm thế đế, ba giả không làm chân đế, tuy có nghĩa này chỉ ý của sơ môn thôi! Vì vậy nên dẫn nói ba thứ giả, không, hữu đều là tục, phi không hữu là chân, kia liền nói ta tự có hai đế, lại có phi chân tục làm Trung đạo, vậy nên nay nói hai đế và Trung đạo cũng làm tục đế, phi nhị phi không hai chính là chân.



## PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

### QUYỂN 5

Mở cửa Phương Tiện, chỉ bày tướng chân thật.

Hỏi: Vì sao mở cửa Phương Tiện, chỉ bày tướng chân thật?

Đáp: Khai hai thứ Phương Tiện, chỉ bày hai thứ chân thật. Hai thứ Phương Tiện là:

- 1) Giáo Phương Tiện.
  - 2) Thân Phương Tiện.
- Hai thứ chân thật là:

- 1) Giáo chân thật.
- 2) Thân chân thật.

Hỏi: Vì sao chỉ khai hai tướng này ư?

Đáp: Chư Phật ba đời chỉ có hình và giáo, đối với hai thứ này có quyền có thật cho nên chỉ bày, chỉ bày hai thứ này thì mười hai bộ kinh tám muôn pháp tạng có thể rõ ràng.

Như nói: mở cửa Phương Tiện chỉ bày chân thật, có người nói trước ở vườn Nai căn cơ chúng sinh còn lẫn lộn, phần nhiều nói Ba thừa chưa liễu lý nhất. Lúc bấy giờ dùng quyền ẩn nơi chân thật cho nên lý Nhất thừa bị quyền giáo che lấp, nay Vương thành cảm mới ứng đại căn cơ nói lên chân thật, chân thật đã hiển thì phế trừ giáo xưa, giáo xưa bị phế cho nên cửa Phương Tiện mở, một lý đã rõ thì tướng chân thật hiển bày, cho nên nói mở cửa Phương Tiện, bày tướng chân thật, đây là ngài Quang Trạch giải thích.

Lời bình rằng: Lấy ba che một, bày một trừ ba, chẳng phải không có nghĩa này, chỉ vì kinh nói khai mở cửa Phương Tiện không nói trừ cửa Phương Tiện này, ở đây chẳng giải thích. Như người đời mở cửa chẳng phải là trừ môn, ý chỉ văn kinh nói chính là mở che chẳng liên quan đến phế lập. Có người nói gọi thẳng ba là Phương Tiện tức là mở cửa Phương Tiện, vì sao? Vì trước không nói ba là Phương Tiện cho nên đóng mở cửa Phương Tiện, nay gọi ba là Phương Tiện cho nên mở cửa Phương Tiện khai. Chỉ bày tướng chân thật: Đã gọi ba là Phương Tiện

tức chỉ một là chân thật, đây là Đạo Lãng ở Hà Tây giải thích. Lời bình rằng: Đây đặc ý chỉ của kinh. Vì sao? Vì trước nói Ba thừa là chân thật tức dùng chân thật đóng cửa Phương Tiện, cho nên cửa Phương Tiện không mở. Nay nói Ba thừa là Phương Tiện nên mở cửa Phương Tiện, đây chính là phế bỏ ba thật, mở ba Phương Tiện cho nên nói khai mở cửa Phương Tiện.

Hỏi: Đây cũng là phế lập vì sao nói không phải?

Đáp: Đây chính là phế ba thật, lập ba Phương Tiện, trước nói phế trừ ba Phương Tiện cho nên khác. Lại khai nghĩa ở trước, phế nghĩa ở sau, trước phải mở ba là Phương Tiện, rồi sau mới được phế, không như vậy thì không có nhân duyên nên không được phế bỏ.

Hỏi: Phương Tiện đương thể là môn là vì là thông thật tướng nên gọi là môn ư?

Đáp: Đây đủ có hai nghĩa:

1) Pháp môn xứng môn thì Phương Tiện đương thể là môn, như trong Hoa Nghiêm các thiện tri thức, các loại pháp môn, hoặc giỡn cát, hoặc đùa chơi, v.v... đều là pháp môn, nay cũng vậy. Như lai có hai thứ môn:

a) môn Phương Tiện.

b) môn Chân thật. Chỉ vì hai môn này đều có mở, đóng, trước không nói ba là Phương Tiện cho nên Phương Tiện đóng cửa, nay nói ba là Phương Tiện cho nên mở cửa Phương Tiện. Trước không nói một là chân thật cho nên cửa chân thật đóng; nay nói một là chân thật cho nên cửa chân thật mở.

2) Pháp môn Phương Tiện này lại có cả thật tướng cho nên Ba thừa Phương Tiện làm môn Nhất thừa. Thật tướng cũng có hai nghĩa cho nên gọi là môn:

a) Đương thể hư, thông nên gọi là môn, như pháp môn không hai của Tịnh Danh, pháp môn Pháp giới của Hoa Nghiêm v.v...

b) Năng thông Phương Tiện cho nên gọi là Phương Tiện làm môn.

Có người nói công thông tướng chính là do một cùng cực cho nên một là cửa Phương Tiện, thứ lớp dần dần công hiển rõ ở ba, cho nên ba là tướng chân thật, nói chẳng phải ba thì cửa Phương Tiện được mở, ngộ chỉ một thì tướng chân thật có thể chỉ bày, đây là chú giải. Lời bình rằng vẫn tự như không phải vậy nhưng ý không sai lầm với tông chỉ, vì sao? Vì đã do một có cả ba đâu chẳng phải một làm ba môn, nói ba là thông một thì ba là một môn, nhưng một là ba môn này từ thật đến quyền gọi

là xuất môn. Nói ba có cả một từ quyền nhập thật gọi là nhập môn, môn đã có hai, tướng cũng nên như vậy. Nói ba tiêu biểu một cho nên ba làm một tướng nói thật khiến biết quyền cho nên một là ba tướng, do lý rõ ràng nên ý này đầy đủ, chỉ vì chú giải kinh thiên dùng một làm ba môn ba làm một tướng ý còn chưa đầy đủ. Hoặc như trước dụng nghĩa không lầm, chỉ vì trước đến nay ba thứ đều một phen mới nói, bên trong chưa rõ ràng đầy đủ, nếu luận đủ có thể có ba nghĩa:

1) Lấy ba làm Phương Tiện, một làm chân thật.

2) ba, một đều là Phương Tiện, chẳng phải ba, một là chân thật.

3) Nói ba, một làm hai, chẳng phải ba, một là không hai, hai và không hai đều là quyền, chẳng phải hai chẳng phải không hai thật, ba thứ này xen lẫn được gọi là môn, như dùng ba làm một môn, đây là dùng quyền thông thật. Nếu dùng một làm ba môn là dùng thật ứng phó quyền cho đến hai không hai cũng như vậy. Đã xen lẫn được gọi là môn cũng xen lẫn được gọi là tướng, nhưng không được xen lẫn làm quyền thật!

Hỏi: Phương Tiện thật tướng đã xen lẫn được gọi là môn, cũng được gọi thật tướng làm thật tướng môn cho đến Phương Tiện làm môn Phương Tiện hay không?

Đáp: Đây đủ có bốn câu:

1) Phương Tiện làm môn thật tướng.

2) Thật tướng làm môn Phương Tiện, hai thứ này như trước.

3) Thật tướng làm môn thật tướng.

4) Phương Tiện làm môn Phương Tiện. Như danh làm nghĩa môn, nghĩa làm danh môn. Do danh Phương Tiện nói lên nghĩa Phương Tiện, nên, danh làm nghĩa môn, do nghĩa Phương Tiện nói lên danh Phương Tiện cho nên nghĩa làm danh môn, thật tướng cũng như vậy.

Bài tựa Trung luận chép: Thật không danh, không ngộ cho nên dựa vào trong đó để tuyên bày, tức là nghĩa ấy.

Hỏi: Nay được dùng ba để bày ba, dùng một hiển một được không?

Đáp: Cũng có bốn câu:

1) Dùng ba bày một.

2) Dùng một bày ba.

3) Dùng ba bày ba.

4) Dùng một bày một, hai câu đầu như trước.

Dùng ba bày ba, dùng nhất hiển nhất nói: ba Trước khác một nay, nay ba ở ngoài một; nay một khác trước ba, nay một ở ngoài ba, cho nên

một chẳng phải một của ba; ba chẳng phải ba của một; như thế một, ba đều là kiến chấp. Nay phá bệnh này nên nói đối một Phật thừa phân biệt nói ba cho nên ba là ba của một. Các ông đã hành đạo Bồ-tát cho nên một là một của ba. Vì ba là ba của một thì ba đâu khác một, một là một của ba thì đâu khác ba. Cho nên, gọi ba, một là nghĩa nhân duyên. Dùng nhân duyên ba, một nay nói lên tự tánh ba, một, cũng dùng tự tánh ba, một nói lên nhân duyên ba, một, cho nên nói dùng ba bày ba dùng một bày một.

Hỏi: Vì sao gọi Phương Tiện lại có bao nhiêu môn?

Đáp: phẩm Phương Tiện lúc mới nói Phương Tiện được mất sự hiện nơi văn kia, nay sẽ nói nghĩa môn. Kinh này từ đầu đến cuối lược có mười lăm môn: Phẩm Phương Tiện có hai môn, phẩm Thí dụ có sáu môn, phẩm Tín Giải có ba môn, phẩm Hóa Thành có hai môn, phẩm Pháp Sư có một môn, phẩm Phổ Môn có một môn, hợp lại có mười lăm môn.

Phẩm Phương Tiện có hai môn:

1) Nói môn trí tuệ kia khó hiểu khó nhập, cho nên quyền trí làm môn thật trí. Sanh Pháp sư nói ngôn giáo làm môn, ngôn giáo làm môn ấy là nói thật trí, ngôn giáo tức là môn thật trí. Luận Pháp Hoa như Đại Sanh giải thích.

2) Kế là nói các pháp môn tuyên bày nơi Phật đạo, đây là dụng Đại thừa giáo làm môn.

Phẩm Thí Dụ có sáu môn:

1) Nhà kia rộng lớn chỉ có một cửa, lại dùng Đại thừa giáo làm môn.

2) Từ cửa bị cháy mà an ổn được ra đây là căn cứ ba cõi hạn cuộc làm môn như gọi nhà làm môn.

3) Chỉ có một cửa mà lại nhỏ hẹp, lại dùng Đại thừa giáo làm môn.

4) Ba xe như vậy nay ở ngoài cửa, lại dùng ba cõi làm môn.

5) Nhờ Phật giáo môn mà vượt khổ ba cõi, đây dùng Tiểu thừa giáo làm môn.

6) Bấy giờ, Trưởng giả đứng ở ngoài cửa, theo nghĩa Đại thừa này tức là dùng hai thứ tử hạn cuộc làm môn. Nghĩa Tiểu thừa nói Đức Phật vượt ngoài tất cả phiền não cho nên phiền não ba cõi và tập khí vô tri ba tạng, Phật đều đã dứt hết, nên nói đứng ở ngoài cửa.

Lại Phẩm Tín Giải có ba môn:

1) Đến nhà người cha đứng ở bên cửa, đây là dụng lý giáo Đại

thừa làm môn.

2) Nói còn ở ngoài cửa dừng nghỉ nơi am tranh, cũng dùng cả lý giáo Đại thừa làm môn.

3) Bấy giờ Trưởng giả ở trong cửa kia, cũng dùng cả lý giáo Đại thừa làm môn.

Phẩm Hóa Thành Dụ hai môn:

1) Phạm Vương thỉnh Phật nguyện mở cửa cam lộ, gồm cả Đại Tiểu giáo làm môn.

2) Lầu gác cao có nhiều lớp cửa là đều dùng ba không giải của Tiểu thừa làm môn.

Phẩm Pháp sư một môn: Tức là khai mở cửa Phương Tiện, thị tướng chân thật, trong văn đã nói đủ.

Phẩm Phổ Môn một môn: Dùng Đại thừa làm môn, môn này có hai thứ:

1) Thần thông khắp.

2) Nói pháp khắp, hai luân này đều là Bồ-tát hư thông vô ngại nên gọi là môn, lại hai luân này khiến khắp chúng sinh ngộ nhập nên nói là Môn.

Hỏi: Mở cửa Phương Tiện, bày tướng chân thật như thế nào? Là năng khai hay sở khai, năng thị hay sở thị, năng bố hay sở bố?

Đáp: Trước quyền nói Ba thừa giáo không nói ba là Phương Tiện tức ba Phương Tiện che lấp, Phật quyền trí là năng bố ba môn Phương Tiện là sở bố, nay thật trí nói ba là Phương Tiện thì cửa ba Phương Tiện mở. Thật trí của Phật là năng khai, cửa Phương Tiện là sở khai. Năng thị sở thị: Tuy mở ba là cửa Phương Tiện, mà tức chỉ bày Nhất thừa là cửa chân thật, thật trí tức là năng thị, Nhất thừa tức là sở thị, cho nên thật trí có hai năng: Năng khai và năng thị. Như tay người có khả năng mở cửa lại chỉ vật ở trong cửa, vật ở trong cửa ấy là sở thị, tay là năng thị.

Hỏi: Vì sao từ trước đến nay có môn, phi môn?

Đáp: Đối với ba đức Phật xưa có hai nghĩa:

1) Căn cứ giáo mà nói thẳng đạo Ba thừa, không nói ba là Phương Tiện lại vì thật tướng làm môn, đây là nghĩa Phật tự bố.

2) Căn cứ Phật bản làm thông một, nói ba giáo, ba đối với Phật tức là môn Nhất thừa. Căn cứ duyên làm luận cũng có hai nghĩa: Nhân ba ngộ một cho nên ba đối với duyên là môn, không ngộ một thì ba đối với duyên chẳng phải môn.

Hỏi: Đó gọi là trí thị hay giáo thị?

Đáp: Trí thuyết là giáo thị, khai cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao đương thể môn ấy theo môn khác ư?

Đáp: Như quyền trí năng thông thật trí, thật trí là sở thông, từ sở thông đặt tên cho nên nói kia là môn trí tuệ. Trí tuệ tức là thật trí, môn tức là quyền trí, gọi quyền trí này là môn của nhà thật trí, theo lệ như ba môn giải thoát từ sở thông đặt tên, giải thoát là quả Niết-bàn sở thông, ba không năng thông hành nhân đắc Niết-bàn nên gọi là môn giải thoát. Lại người đời nói Phật môn, nhân môn, v.v... đều từ sở thông làm môn. Đương thể đắc danh ấy là Phương Tiện, đương thể hư thông nên gọi là môn, thật tướng cũng như vậy. Như nói trực môn, bản môn (cửa tre cửa ván). Đương môn thể là tre là ván cho nên dùng đương thể đặt tên.

Hỏi kinh này có mười lăm môn gồm có bao nhiêu thành?

Đáp: Có năm thành. Phẩm Tín Giải có bốn thành, Phẩm Hóa Thành có một thành. Phẩm Tín Giải có bốn thành là:

1) Ban đầu trong đó dùng ở một thành, tức dụ một phương thủy ứng thành Phật, thành Phật là thành.

2) Trong thành kia bỏ ta mà trốn đi, là dụ trái với sự hóa của Đại thừa, dùng đại hóa làm thành.

3) Trước ở thành cũ lo lắng tìm kiếm, dụ Đức Phật ở địa vị Pháp thân tìm kiếm chúng sinh, đại căn cơ không có, tức pháp thân Phật làm thành.

4) Lúc ấy, gã cùng tử đi đến thành cha ở, tức là đại căn cơ đã động gọi là lý giáo Đại thừa làm thành.

5) Phẩm Hóa Thành nói hóa làm một thành, tức Nhị thừa ở ngoài ba cõi có thể để dừng nghỉ, dụ như ngôi thành.

Hỏi: Đã có năm thành, gồm có bao nhiêu nhà?

Đáp: Gồm có tám nhà, y theo nhà lửa gồm có sáu nhà, là nói theo nghĩa.

1) Ban đầu nói có một nhà lớn.

2) Nói nhà kia mục nát.

3) Lúc ấy chủ nhà.

4) Nhà ấy cũ nát thuộc về một người.

5) Các con của Trưởng giả ở trong nhà ấy.

6) Lửa đốt cháy nhà.

7) Phẩm Hóa Thành nói nhà cửa trang nghiêm.

8) Phẩm An lạc hạnh nói ban cho ruộng nhà.

Hai nghĩa nhà ở đầu là nói tướng mạo ba cõi, hai kế nói thuộc về Phật, hai sau nói chúng sinh ở trong đó lại khởi phiền não chịu tám việc khổ, hai cuối cùng thí dụ người Tiểu thừa, các con và công đức; đoạn



dưới sẽ nói.

Kế là nói về nghĩa ba thuyết, luận chép: Rộng bỏ ba bày một, dứt nghi, sinh tín, vì người ba căn, mà nói ba châu:

1) Pháp nói.

2) Thí nói.

3) Thuyết về nhân duyên đời trước cho nên nói thuyết ba châu.

Hỏi: Tại sao vì ba căn mà thuyết ba châu ư?

Đáp: Xưa kinh dạy: Châu đầu nói cho thượng căn, châu kế là nói cho trung căn châu sau nói cho hạ căn. Lời bình rằng: Thắng đặt tên này ở vẫn chưa hoàn thiện, như ba phen nói đều vì ba căn, ba căn đều nghe một phen nói, vậy thì đều là hạng thượng căn sao gọi ba phẩm. Nếu nói thượng căn nghe một lần, trung căn nghe hai lần, hạ căn nghe ba lần nói, thì không nên nói pháp nói vì thượng căn, thí nói vì trung căn, nói nhân duyên đời trước vì hạ căn. Nay nói là châu đầu nói chung cho cả ba căn, mà thượng căn một lần nghe liền hiểu, chu kế nói thông vì trung căn hạ căn mà trung căn nghe lại một lần nữa mới hiểu; nói nhân duyên đời trước chỉ vì hạ căn, hạ căn ba phen mới hiểu. Thích luận nói Thân Tử một lần nghe liền chứng Sơ quả, Mục liên nghe lại lần nữa mới chứng Kiến đế, người hạ căn đúng lý phải đến lần thứ ba.

Hỏi: Vì sao biết?

Đáp: Ban đầu ba phen thỉnh, ba căn đều nghi, cho nên biết lúc mới nói vì cả ba căn. Kế phẩm Thí Dụ nói Thân Tử đã vượt xa hạng trung' căn hạ căn còn nghi người hối hận xin Phật giải thích, cho nên biết Thí nói chung cả trung căn hạ căn. Lại đủ ba châu nói đối với nghĩa mới đủ, nếu chỉ có pháp không có thí thì nghĩa chưa tận, nếu chỉ thí chưa có pháp thì ý cũng không tròn đầy. Cho nên phải châu đầu pháp nói, chu kế thí dụ. Pháp và thí dụ tuy tròn đầy mà chỉ nói hiện tại chưa nói về nhân tu đời trước nên kế có nói thứ ba.

Lại, đạo Nhất thừa nhập có nhiều môn, tự có người ưa nghe pháp thuyết, từ pháp nói mà nhập môn, tự có người ưa nghe thí dụ, từ thí dụ nhập môn, tức hai châu trước; tự có người ưa nghe cả pháp thuyết, thí nói cũng từ cả hai mà nhập môn, tức châu thứ ba, nên phẩm Hóa Thành về trước nói môn pháp nói, sau Hóa Thành là môn thí dụ, tự có ba môn này đều không đặc ngộ, đều không vì nói, như năm ngàn người bỏ đi.

Hỏi: Đây có gì khác với ba căn?

Đáp: Đây không nói vì ba căn cho nên có ba thuyết chỉ vì người ưa thích đều khác nhau cho nên giáo môn khác nhau. Lại ba châu nói là muốn chỉ bày tướng Trung đạo cho nên nếu nói một lần nói hai lần

nói thì rất ít, nếu nói quá ba lần thì rất nhiều, nay muốn chỉ tướng Trung đạo không nhiều không ít cho nên chỉ có ba thuyết. Lại Thích luận nói Chư Phật nói Pháp sự không quá ba lần. Nay dựa vào quy định của Phật nên chỉ nói ba lần. Lại Ba thừa chấp khó sửa đổi, Nhất thừa khó tin nên phải nói ba lần. Lại chỉ bậc thượng tôn đại pháp thương xót chúng sinh nên ân cần nói đến ba lần.

Hỏi: Nếu vậy tất cả các kinh đều nên nói ba lần như thế ư?

Đáp: Văn dưới nói: Chư Phật đã nói nay nói và sẽ nói, kinh Pháp Hoa này rất khó tin khó hiểu cho nên phải nói ba phen. Lại lúc mới nói khiến gieo hạt giống xuống, kế nói khiến sinh trưởng, sau nói được thành thực. Lại lúc mới nói sinh văn tuệ, kế nói sinh tư tuệ, sau nói sinh tu tuệ.

Hỏi: Văn không có ý này cho nên gượng đào lỗ gieo mầm ư?

Đáp: ý Phật sâu xa chẳng vì một việc, như Thích luận giải thích một câu văn gồm có mười lần lại nữa.

Kế là nói thứ lớp, hỏi: ba phen nói có thứ lớp gì? Đáp: Pháp nói là gốc của thí nói cho nên thứ nhất, thí thuyết lại mượn sự để dụ cho pháp trước cho nên xếp vào thứ hai. Nhân duyên đời trước nói pháp, thí dụ từ đầu đến cuối cho nên xếp vào thứ ba.

Kế là nói chung riêng mỗi chu đều có ba thuyết, như trong pháp nói nói: như hoa Ưu-đàm tức là thí nói; Ta ở đời trước hai muôn ức Phật đã giáo hóa tức là nói nhân duyên đời trước. Trong Thí dụ ba thuyết như: trước thí nói nói ta trước không nói đều là hóa Bồ-tát ư? Tức là pháp nói. Lại nói ba mươi người con và Trưởng giả là cha đâu chẳng phải đời trước đã kết duyên ư? Nhân duyên đời trước nói cũng có đủ ba: trước Hóa thành là pháp nói, sau Hóa thành là thí nói, cho nên trong mỗi châu thuyết có đủ ba. Chỉ đây phần lớn phê phán nói như vậy, lại từ nhiều mà luận cho nên bỏ ba thuyết.

Kế là nói về khai hợp: tóm lược ba châu thành hai ý: Ban đầu dẫn chứng theo lệ đồng nói, hai châu sau gọi là nói thẳng. Đầu dẫn chứng theo lệ đồng nói: Dẫn Rộng bốn Đức Phật làm chứng nói Đức Thích-ca theo lệ đồng, hai châu sau không còn dẫn chứng theo lệ đồng mà nói thẳng thí dụ và nhân duyên đời trước. Vì phá ba thuyết một việc này trái với thường tình, một lần khó tin cho nên trước phải dẫn rộng Chư Phật làm chứng, rồi mới nói đức Thích-ca theo lệ đồng. Dẫn chứng theo lệ đồng đã xong. Hai châu sau chỉ cần nói thẳng: lại châu đầu gọi là người, người rộng pháp lược: người rộng: nói năm Đức Phật. Pháp lược: Chỉ một châu thuyết. Kế là hai châu sau, pháp rộng người lược: Pháp

rộng: hai châu thuyết. Như lược: Chỉ nói một Đức Phật Thích-ca. Đoạn dưới giáo môn của Đức Thích-ca làm thí dụ bản, cho nên biết thí nói chỉ nói giáo môn của đức Thích-ca, nhân duyên đời trước cũng chỉ đức Thích-ca kết duyên chứ không nói các Đức Phật khác, thầy và đệ tử cho nên nói Thích-ca giáo môn. Lại châu đầu gọi là biệt nói nghĩa là biệt nói giáo môn của năm Đức Phật, hai châu sau gọi là nói chung nghĩa là thí dụ được thông suốt năm Đức Phật, hóa thành cũng vậy. Lại hai châu đầu gọi là nói hiện tại, một châu kế gọi là nói quá khứ, lại hai châu đầu nói về quả, một châu sau nói về nhân.

Kế là nói về nghĩa nhiều, ít. Hỏi: Chỉ có ba phen nói lại còn có các lần thuyết khác nữa hay không?

Đáp: Phần lớn nói về ba phen nói thôi, luận nói nghĩa quanh co tức nhiều. Đầu tiên ba châu Đức Phật tự nói, kế người ba căn lãnh giải lại có ba thuyết, hợp lại có sáu lần. Phật ba châu nói ba văn xuôi ba kệ tụng thành sáu thuyết lãnh giải cũng như vậy. Nói lược có mười hai phen nói. Căn cứ châu đầu Đức Phật nói văn xuôi nêu rõ giáo năm Đức Phật, sau kệ lại tụng năm Đức Phật hợp thành mười lần nói. Châu thứ hai văn xuôi thí nói và hợp thí hai lần nói, kệ cũng như vậy. Lại thành bốn lần nói. Châu thứ ba có văn xuôi và kệ là hai nói, đều có pháp, thí là bốn lần nói hợp với trước thành mười tám lần nói. Nếu đầy đủ lược bỏ ba bày một đều có văn xuôi và kệ thành hai mươi lần nói. Người thượng căn lãnh giải văn xuôi và kệ là hai lần nói, người trung căn văn xuôi và kệ lại hai lần nói đều có pháp, thí là bốn lần nói, đủ trước thành sáu lần nói, người hạ căn lãnh giải văn xuôi và kệ lại hai lần nói đều có pháp thí là bốn lần nói, hợp thành mười lần nói. Thầy cùng đệ tử hợp nói nghĩa bỏ ba bày một, nói lược ba mươi lần nói, trong kia nói nghĩa không chỉ ở đây thôi!

Kế là nói hoặc chướng: Hỏi: Vì sao hoặc chướng người ba căn không hiểu Nhất thừa ư?

Đáp: Thông mà nói đoạn thường Nhị thừa chướng ngại Nhất thừa Trung đạo, căn cứ nói riêng có hai thứ hoặc:

1. Đoạn kiến.
2. Vô minh.

Đoạn kiến: Nhị thừa chứng Không cho là diệu cực. Vô minh: không biết Như lai quyền thật ba, một, nhưng đoạn kiến và vô minh cũng là một thể, chỉ căn cứ nghĩa phân biệt ! Chấp không gọi là chấp đoạn, không biết quyền thật gọi là vô minh, cũng do vô minh nên chấp chặt. Hoặc này chẳng phải chín mươi tám sử, vì sao? Vì La-hán đã dứt

chín mươi tám sử mà còn không biết quyền thật cho nên biết thuộc vô minh phiền não. Sau thấy luận Pháp Hoa nói: Người nhiều phiền não có nhiễm ở mạn không biết Nhất thừa và pháp thân thường trụ, nhiễm mạn này tức là vô minh, Chi căn cứ hoặc đây có ba phẩm khác nhau: người hạ căn thì nặng, người trung căn vừa thượng căn thì nhẹ cho nên chia ba phẩm.

Hỏi: Phát chẩn tức học Nhị thừa như luận Bà-sa, Thích luận, v.v... nói Duyên giác chậm nhất là trăm kiếp, nhanh thì làm bốn đời, Thanh văn chậm nhất là sáu mươi kiếp nhanh nhất là ba đời, Tiểu thừa chướng Đại thừa, tu tập Tiểu thừa đã lâu nên gọi là độn căn, tu tập Tiểu thừa mới đây (gần) nên gọi là lợi căn. Giữa hai hạng người này nên gọi trung căn ư?

Đáp: Nghĩa ấy cần phải tiến thoái mà luận bàn, nếu tâm Nhị thừa là hoặc mà năng chướng Đại thừa thì nên như đã hỏi, tức đã nhiều kiếp lâu xa thực hành hạnh Nhị thừa khởi hoặc lâu dài, chấp này khó phá nên gọi là hạ căn; tu tập hạnh Nhị thừa gần thì khởi hoặc ngắn ít, chấp này dễ dứt nên gọi là thượng căn. Giữa hai hạng này gọi là trung căn. Chỉ có Thân Tử thực hành tiểu hạnh đã lâu căn kia thì lợi nên gọi là thượng căn, tu tập tiểu thừa gần gọi là hạ căn, giữa hai hạng này gọi là trung căn. Lại Thân Tử cùng tận nguồn gốc Tiểu đối với Đại dễ ngộ, những người khác không như vậy, cho nên Thân Tử gọi là lợi căn. Lại người Nhị thừa được hội nhập thành đạo Bồ-tát thì Nhị thừa hành lâu đối với đạo Bồ-tát sẽ hành sâu. Có người nói có bốn câu:

- 1) Hoặc khinh mà lợi căn.
- 2) Hoặc trọng mà lợi căn.
- 3) Hoặc khinh mà độn căn.
- 4) Hoặc trọng mà độn căn.

Nếu hoặc khinh lợi căn mới nghe liền ngộ, nếu trung căn, hạ căn hai người lại một lần nữa nghe mới ngộ, người thứ tư ba phen nghe mới ngộ. Nghĩa này đến đoạn dưới trong phần năm trước sẽ giải thích rõ.

Kế là nói về chuyển căn. Hỏi: Ba căn thượng, trung, hạ có nghĩa tăng tiến hay không?

Đáp: Có người nói: Châu đầu pháp thuyết thượng căn nghe liền ngộ, trung căn chuyển thành thượng căn, hạ căn tiến thành trung căn; châu thứ hai nói trung căn đồng thượng căn đắc ngộ, hạ căn chuyển thành thượng căn; châu thứ ba nói hạ căn đồng thượng căn đắc ngộ. Có người nói: căn cứ Ba thừa nói về thượng trung hạ căn, Bồ-tát thành

thượng căn, Duyên giác thành trung căn, Thanh văn thành hạ căn. Căn cứ Thanh văn tự có thượng, trung, hạ, theo ba căn này cho nên có ba châu thuyết, Tuy lại đắc ngộ còn có lợi độ khác nhau, như đao chém một vật, một phát đứt đoạn là thượng, hai phát đứt đoạn là trung, ba phát đứt đoạn là hạ, tuy đều đứt đoạn mà có lợi độ khác nhau, tuy trước sau đắc ngộ cũng có lợi độ khác nhau. Lời bình rằng: Thuyết sau đắc ý chỉ của kinh. Vì sao biết vậy? Vì khi người thượng căn đắc ngộ, người trung căn, hạ căn chưa ngộ sao đã chuyển căn ư!

Hỏi: Nay có nghĩa chuyển căn?

Đáp: Tỳ-đàm là Tiểu thừa còn có chuyển căn. Nghĩa Đại thừa không có định tánh, vì sao không chuyển ư! Gặp duyên xấu nên chuyển lợi thành độn, gặp duyên lành nên chuyển độn thành lợi.

Kế là nói Đại tiểu: Hỏi: ba châu thuyết pháp Bồ-tát ở thời nào mới đắc ngộ?

Đáp: Một phen nói về Bồ-tát là thượng căn, Duyên giác là trung căn, Thanh văn là hạ căn. Nếu vậy Bồ-tát và Duyên giác đều hơn Thanh văn, cho nên nghe châu đầu liền được ngộ. Kế lại nói người lợi căn Duyên giác hơn Thanh văn có thể được gọi là thượng căn. Thích luận chép: Duyên giác Độn căn không bằng Thân tử. Nếu vậy có thể được đồng hạ căn ba châu nói mới ngộ. Bồ-tát bất định sơ tâm hay tu hành lâu đều là Bồ-tát, nay luận chung Bồ-tát căn có đồng ba phẩm Thanh văn nên ba châu đều ngộ. Lại căn Bồ-tát cùng thân Tử đồng phẩm nghe châu đầu liền ngộ, hai phẩm trung hạ cũng như vậy. Chỉ vì Bồ-tát chấp dị, mê khinh lại không tự mê hoặc chấp chặt rốt ráo cho nên Bồ-tát lợi, độn nghe châu đầu đều ngộ. Làm sao biết được? Vì đoạn dưới Thân Tử được thọ ký, Trời người tám bộ biết đều thọ ký. Cho nên, phàm phu tuy căn độn mà hoặc nhẹ, Thân Tử tuy lợi căn mà hoặc nặng, cho nên đồng là châu đầu được ngộ.

Hỏi: Vì sao Bồ-tát không lãnh giải ư?

Đáp: có người nói: Bồ-tát cũng có lãnh giải chỉ là Kinh Pháp Hoa phần nhiều không độ hết, cho nên phẩm Phương Tiện nói: Bồ-tát nghe pháp ấy nghi ngờ đều đã trừ liền chứng kia. Có người nói: Thanh văn có bệnh chấp khác, lại có mê hoặc tự chấp chặt nên chánh phá vì thế có lãnh giải! Bồ-tát không có bệnh tự chấp chặt, dù có cho rằng Đại khác Tiểu hay Tiểu khác Đại rõ ràng Bồ-tát tự thành Phật, Nhị thừa không thành Phật, một phen nghe Pháp Hoa liền được lãnh ngộ. Chỉ vì phá ba về một chính là Nhị thừa, phụ là Bồ-tát cho nên không nói về Bồ-tát lãnh giải.

Hỏi: Thanh văn nghe kinh được thọ ký, Bồ-tát nghe kinh vì sao không được thọ ký?

Đáp: Do nói lãnh giải ví như thọ ký có thể biết. Chỉ phẩm Đề-bà-đạt-đa thọ ký Long nữ, phẩm Tùy hỷ nói nghe Kinh Pháp Hoa một câu một bài kệ đều được thọ ký, dưới trong phẩm Thọ Lượng có Bồ-tát được thọ ký.

Kế là kết hợp hai kinh: Hỏi: Kinh Thắng-man nói: Sơ nghiệp của Ba thừa không ngu đối với pháp, tự biết sẽ được giác ngộ, vì sao kinh này nói ba căn La-hán lúc mới thì sinh nghi, sau liền được ngộ?

Đáp: Kinh xưa Sư nói có sự có lý, nói lý tức là sơ nghiệp của Ba thừa đã biết thành Phật, thật ra không phải lúc mới nghi và cuối cùng ngộ, chỉ là phù hợp đồng với phạm phu dẫn sơ nghiệp ở trước, ngoài phạm phu, khiến cho kia tin theo Nhất thừa sẽ được thành Phật, cho nên chỉ lúc mới nghi, sau ngộ! Trong giáo làm luận nói Nhị thừa đắc quả rồi sau mới đạo xem trong tâm, suy tìm lý chỉ một giáo không nên ba giáo, nói nhất định ba lý đâu được một, cho nên trọn ngày lại an tâm chớ nường gỏi. Nên Pháp sư Diêu nói: lần lựa giữa lý giáo nghi là lầm hay không lầm, nếu dùng lý mê hoặc giáo này có nghĩa đắc, nếu dùng giáo mê hoặc lý này có nghĩa mất, cho nên lần lựa sinh nghi được mất. Nhưng căn có ba thứ: Nếu thượng căn lợi căn trí dùng lý mê hoặc giáo tình nhiều, dùng giáo mê hoặc lý tình ít, cho nên lúc mới nghe pháp nói thuận hợp với tâm thì liền lãnh ngộ, như Thân Tử, v.v... Dùng lý mê hoặc giáo tình ít, dùng giáo mê hoặc lý tình nhiều. Tuy nghe pháp, thí hai lần nói mà trái với bản tâm kia nên ba phen nghe mới ngộ như Mãn Nguyệt v.v... Nếu người trung căn ở giữa lợi độn, giáo lý mê hoặc lẫn nhau tâm chánh, v.v... Nghe pháp nói chưa ngộ, nghe thí nói liền hiểu như Thiện Cát, v.v...

Lời bình rằng: Nếu trong lý đã biết đồng qui, trong giáo cũng có mê ngộ, thì Thắng-man là thuyết thật pháp Hoa là quyền giáo, nếu vậy Pháp Hoa nói một cũng chưa liễu, không nên lấy ý của Thắng-man giải thích năm trăm do-tuần! Lại Đại Kinh nói: La-hán hai muôn kiếp đến chỗ phát tâm cũng là nói bất liễu, vì sao? Vì sơ nghiệp đã biết đồng qui do nhân duyên gì mà trải qua hai muôn kiếp mới phát tâm ư? Nếu vậy Niết-bàn lẽ ra là chưa liễu, nếu Đại Kinh là liễu thì Thắng-man lẽ ra chưa liễu. Lại sơ nghiệp đã biết đồng qui sao lại chứng La-hán? Nói về chứng nghĩa là rốt ráo cho nên chứng, đã biết chẳng phải tột cùng thì đâu nên chứng ư? Lại theo luận Pháp Hoa nói chứng tánh pháp thân không khác với Thắng-man, không nên giải thích là liễu hay không liễu

và lý giáo. Có người nói: Sơ nghiệp Ba thừa, đây là người Ba thừa bắt đầu tin Đại thừa cho nên gọi là sơ nghiệp, đây giải thích Thắng-man và Pháp Hoa hai kinh không ngăn ngại. Thắng-man căn cứ bắt đầu tin Đại Thừa cho nên tự biết thành Phật, Pháp Hoa căn cứ Ba thừa chưa tin Nhất thừa cho nên sinh nghi. Có người nói Thắng-man chép: Sơ nghiệp Ba thừa không ngu đối với pháp, tự biết ấy là căn cứ người lợi căn sâu ngộ nghe ba liền lãnh hội một, vâng thọ tiểu thì ngộ đại. Pháp Hoa nói La-hán còn nghi, đây là căn cứ người độn căn nghe ba chấp giữ ba vâng thọ tiểu, trụ trong Tiểu thừa cho nên hai kinh không trái nhau.

Hỏi: Người lợi căn chẳng vượt hơn Thân tử, lại có người lợi căn nào ngộ sâu chăng?

Đáp: Trong Pháp Hoa nói ba căn: Thân Tử, v.v... này phần nhiều là hạng trong ẩn hạnh Bồ-tát, ngoài thị hiện Thanh văn, dẫn hạnh Tiểu thừa.

Hỏi: Vì sao biết nghe Tiểu mà ngộ sâu Đại?

Đáp: Nghĩa có bốn câu:

- 1) Nghe ba ngộ ba.
- 2) Nghe một ngộ một, hai nghĩa này dễ hiểu.
- 3) Nghe một ngộ ba, như nghe giáo đại Niết-bàn mà thành La-hán.
- 4) Nghe ba ngộ một tức sơ nghiệp vậy.

Hỏi: Văn kinh Pháp Hoa, có nói nghe một ngộ chung ba không?

Đáp: Phẩm Diệu Trang Nghiêm Vương Bản Sự chép: Tám muôn bốn ngàn người xa lìa trần cấu đặc pháp nhãn thanh tịnh, nghĩa này lẽ ra chung cho cả đại tiểu, mà trong các kinh phần nhiều cho là Tiểu thừa. Có người nói: Thắng-man vì người Phương Tiện cho nên tự biết thành Phật, Pháp Hoa căn cứ người thực hành cho nên không tự biết, hai kinh cũng không trái nhau. Có người nói: Việc này không thể tư duy giải thích được. Như luận Đại trí giải thích phẩm Tất Cánh Định nói: Trong năm thứ bất khả tư nghì Phật là tối thắng nhất. Thanh văn thành Phật hay không thành Phật chỉ có Phật mới biết được thôi. Luận giả chính là có thể luận các việc khác, khi được thành Phật mới có thể hiểu. Long Thọ đã xứng với thành Phật mới biết rõ việc này, phàm phu đâu thể muốn chuyên quyết định được ư! Sau sẽ luận lại nghĩa này.

Kế là nói nghĩa Duyên giác không lãnh giải: Hỏi: Trong hội Pháp Hoa sao không có Duyên giác lãnh giải ư? Lại Pháp Hoa chính là hợp Ba thừa vì sao không có chúng Duyên giác?

Đáp: Kinh sư có các nói khác nhau đều không phân biệt rõ, nay lược giải thích khiến cho dễ hiểu. Đức Phật vì hàng Tam căn bỏ ba thừa,



người trung căn chê Thanh văn theo thầy, lại sợ Phật đạo lâu dài, do đó người ấy ra đời không có Phật nên tu thành Bích-chi-phật, vì thế trong hội Pháp Hoa không có Duyên giác.

Hỏi: Nếu vậy vì sao các kinh lại nói có Duyên giác ư?

Đáp: Luận chung về Duyên giác gồm có bốn thứ:

1) Bản thừa Duyên giác, nghĩa là trước phát tâm Duyên giác sau đắc quả Duyên giác, chỉ có người này trải qua nhiều kiếp tu hành, nhưng Thích luận và các luận chỉ lược nêu có hai:

a. Hạng chậm nhất thì trăm kiếp. Trăm kiếp: Đây thuộc đại Bích-chi, luận Câu-xá đem sừng con tê ngưu dụ trăm kiếp.

b. Nhanh nhất thì bốn đời, trung gian thì nhiều ít không nhất định. Hai hạng người này thành quả Duyên giác chắc chắn không gặp Phật. Cho nên Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát từ cõi Đâu-suất giáng xuống, phát ra ánh sáng chiếu khắp, nếu Giác biết thì xả thọ nhập vô dư, bất giác thì theo lượng đến thế giới không có Phật ở phương khác. Đại Kinh dụ nghĩa sao chổi cũng như vậy. Trung luận nói: Nếu Phật không ra đời, Phật pháp đã diệt tận, các trí Bích-chi-phật, từ đó xa lìa sinh. Nếu vậy hội Pháp Hoa do đâu mà có Duyên giác ư?

Hỏi: Đại tiểu Duyên giác khi chưa đắc quả thì thấy Phật hay không? Nếu bốn đời đắc quả, từ ba đời về sau có được gặp Phật hay không? Cho đến trăm kiếp chưa đủ để hỏi như vậy ư!

Đáp: Hoặc gặp Phật hay không gặp Phật, đây đều không nhất định.

2) Chẳng phải bản thừa Duyên giác: Người kia vốn là Thanh văn ở trong Phật pháp chứng đắc sơ quả, người sơ quả chỉ mười bốn đời đủ gặp Phật thì thành La-hán, không gặp Phật thì thành Bích-chi, người như thế hoặc có gặp Phật hoặc thành Bích-chi rồi, mà Phật liền xuất thế cho nên có nghĩa gặp Phật.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm chép: phát ra ánh sáng chiếu soi, khiến cho diệt độ và chuyển đến phương khác làm sao gặp được Phật ư?

Đáp: Người này bản nguyện thấy Phật khác với người trước cho nên không thể so sánh.

Hỏi: Chỉ sơ quả không gặp Phật thành Duyên giác. Nhị quả, Tam quả không gặp Phật có thành Duyên giác chăng?

Đáp: luận Câu xá chép: Nhị quả không gặp Phật pháp cũng thành Duyên giác mà vẫn nói không ngoài ba quả. Chỉ đắc A-na-hàm rồi gặp Phật thành La-hán, không gặp Phật cũng có nghĩa thành Duyên giác. Chỉ là nghĩa này ít nên Kinh luận không nói!

Hỏi: Đại Bích-chi căn tánh lành lợi làm sao nói pháp không thể khiến người đắc Noãn pháp cho đến quả Thánh ư?

Đáp: Bích-chi xuất hiện ra đời không gặp Phật, đây là thời kỳ chánh pháp đã hết cho đến cũng không phải đời mạt pháp, thời này chúng sinh căn độn nên không đắc nghĩa Noãn pháp, chẳng phải Bích-chi-phật không có khả năng khiến họ đắc đạo. Bích-chi năng hóa sẽ lợi mà sở hóa ắt độn; Thanh Văn năng hóa sở hóa tức thông.

3) Luận Câu xá chép: Lại có Bộ hành Duyên giác, người kia tự có đồ chúng, bộ nhóm, như Phật có đệ tử quyến thuộc nên gọi là Bộ hành, người này hành và hành kế không hẳn đủ trăm kiếp cũng có thể sáu mươi kiếp như thời Thân Tử.

Hỏi: Người này có gặp Phật hay không?

Đáp: Cũng không gặp Phật.

4) Biến hóa duyên giác để chúng sinh ứng thấy người này ở trong Phật mà ngộ cho nên có gặp Phật.

Hỏi: Ca-diếp có căn tánh gì?

Đáp: Đây là người Bản thừa Duyên giác chẳng phải người đắc Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh tử.

Hỏi: Bản thừa Duyên giác có vô lượng người, lúc mới từ bốn đời cuối cùng đến trăm kiếp là những người nào ư?

Đáp: Ca-diếp trí thua Thân Tử tức ứng với người sáu mươi kiếp trở xuống.

Hỏi: Nghĩa Tiểu thừa nhãn Pháp trở xuống còn có thoái, người Ba thừa căn tánh chưa định có tướng Ba thừa làm nghĩa, nhãn pháp trở lên tức là ba căn đã nhất định vô tướng làm nghĩa, nay Ca-diếp trụ ở địa vị nào mà gặp Phật ư?

Đáp: Nay cần phải tiến thoái mà luận: nếu Đại Bích-chi ngang với Phật, Phật nhập đạo có hai thuyết:

1) Từ Noãn pháp rồi nhập quán, đến tận vô sinh mới xuất, Bích-chi cũng vậy.

2) Giải thích rằng Đức Phật từ bất tịnh quán trở đi đến tận vô sinh mới xuất, Đại-bích-chi cũng vậy. Ca-diếp là Đại-bích-chi nên hơn Thân Tử, mà không bằng Thân Tử cho nên biết chẳng phải Đại Bích-chi. Đã chẳng phải Đại Bích-chi thì không được dụng hai thuyết trước, Ca-diếp thua Thân tử lại hơn người bảy phen sinh nhân gian (bảy đời), tức là trung căn Bích-chi có thể được trụ hai gốc lành Noãn, Đảnh, không gặp Phật mà thành Duyên giác.

Hỏi: Duyên giác trụ trong hai gốc lành thành Thanh văn là thoái

căn tánh hay không thoái căn tánh?

Đáp: Noãn, Đảnh đã có thoái đọa đường ác sao không được thoái căn tánh ư? Luận Câu Xá nói Duyên giác khi trụ trong hai gốc lành chỉ nghe Phật giáo, y giáo đặc đạo chuyển gọi là Thanh văn, thật chẳng phải thoái trung căn thành hạ căn. Nay nói có thể đầy đủ hai người:

1) Thoái trung căn thành hạ căn nên Duyên giác thành Thanh văn.

2) Ca-diếp không gặp Phật thì thành Duyên giác, gặp Phật thì thờ phụng Phật làm thầy; làm đệ tử cho nên gọi là Thanh văn, căn tánh như cũ, đây không phải chuyển trung căn thành hạ căn. Lại có nghĩa không chuyển căn như người bầy phen sinh nhân gian không gặp Phật thành Duyên giác thật chẳng phải nghĩa thoái căn. Ca-diếp Duyên giác thành Thanh văn đâu có nghĩa thoái căn ư!

Hỏi: Pháp Hoa nói gom Ba thừa là gom người Duyên giác nào?

Đáp: Chính hội Duyên giác ra đời không có Phật, do bắt đầu bỏ Ba thừa này cho nên về sau gom.

Hỏi: Duyên giác ra đời không có Phật, thì gom chỗ nào? Đáp: Người kia nhập Niết-bàn sinh về cõi tịnh khác vì nói pháp Hoa mới được gom.

Hỏi: Nếu vậy Pháp Hoa chỉ gom người Nhị thừa nên không gom Ba thừa ư?

Đáp: Trong chúng có người cầu Duyên giác vì người này cho nên cũng cần gom ba. Vì hai người đều được gom ba không hẳn vì ba người mới gom ba.

Hỏi: Vì sao chỉ có Thanh văn lãnh giải không có Duyên giác lãnh giải?

Đáp: Bản thừa duyên giác không ở trong hội cho nên không được lãnh giải, vì người, hạnh nông cạn nên chưa được đồng ba căn Thanh văn lãnh giải thọ ký cho nên không nói. Biến hóa Duyên giác không cần nói họ lãnh giải, lại hội Pháp Hoa không có.

Hỏi: Đại Bích-chi trăm kiếp tu hành hễ một lần nghe Pháp Hoa liền ngộ như Thân Tử?

Đáp: Nghĩa này không nhất định cần phải phân biệt. Nếu chọn Ba thừa lợi độn mà phê phán thì Thân Tử không sánh bằng Đại Duyên giác một phen nghe liền ngộ, Duyên giác hơn Thân Tử tức nghe nói lược liền hiểu. Mà không so sánh tức là trong đây ba căn Thanh văn trải qua nhiều kiếp tu tập Đại thừa cho nên nay mới đắc Duyên giác, tuy lợi mà không tu tập Đại thừa nên chưa đắc ngộ. Lại người ba căn đều là người

Phương Tiện cho nên nghe kinh được ngộ, thực hành trăm kiếp Duyên giác nghĩa tức không đúng.

Hỏi: Pháp Hoa người ba căn ngộ vì đều là quyền hành cũng là thực hành ư?

Đáp: Điều là quyền hành.

Hỏi: Không phát sinh tích người khác vì sao đều là quyền hành?

Đáp: luận Nhiếp Đại Thừa nói: Thân Tử, v.v... được thọ ký, giáo hóa người vì muốn dẫn dắt người Thanh văn chưa quyết định thẳng đến Phật đạo, người đã định khiến họ luyện căn.

Hỏi: Vì sao gọi là Thanh văn định Thanh văn chưa định?

Đáp: Nghĩa Tiểu thừa Nhẫn pháp là Ba thừa chưa định, Nhẫn pháp thì định. Lại các kinh chép: Tu-bồ-đề vốn là Phật Thanh Long Đà. Lại kinh nói là A-đuy-nhan, A-đuy-nhan là người đỉnh Thập địa. Lại Đại Kinh nói Ca-chiên-diên và Bạc-câu-la đều nói là Hiện phát Như lai, Phương Tiện mật giáo đến chỗ Phật cho nên biết đều là quyền hành.

Sau thấy Luận Pháp Hoa nói mười hạng người khác với xưa phê phán, nay nói về thông hợp, phẩm Thí Dụ văn từ nhà lửa trở đi đến hết phẩm Thọ Lượng các lương y, nói chung mười người. Luận nói từ đây trở xuống là bảy hạng chúng sinh có đầy đủ tánh phiền não, nói bảy thứ thí dụ đối trị bảy thứ tăng thượng mạn nên biết. Lại vì ba hạng người không có phiền não Tam-muội giải thoát v.v... nhiễm mạn, nên biết. Những gì là bảy hạng người đầy đủ tánh phiền não.

- 1) Người cầu thế lực.
- 2) Người cầu Thanh văn giải thoát.
- 3) Người cầu Đại thừa.
- 4) Người có định.
- 5) Người không định.
- 6) Người chưa nhóm công đức.
- 7) Người không công đức.

Bảy hạng người tăng thượng mạn:

1) Điên đảo cầu công đức tăng thượng mạn, do các phiền não thế gian đốt cháy mà dùng thiên nhân làm quả báo cảnh giới mầu nhiệm để đối trị đây cho nên nói thí dụ nhà lửa.

2) Người Thanh văn chuyên hưởng tăng thượng mạn cho rằng thừa của ta không khác với thừa Như lai, điên đảo vọng chấp như vậy, vì đối trị đây nên nói thí dụ cùng tử.

3) Người Đại thừa một bề tăng thượng mạn cho rằng mình không khác thừa Thanh văn Bích-chi-phật, điên đảo vọng chấp, vì đối trị đây

nên thí dụ như mây mưa.

4) Người tăng thượng mạn thật không có, do có thể gian Tam-muội Tam-ma-bạt-đề thật không có Niết-bàn mà sinh tưởng Niết-bàn, vì đối trị đây cho nên nói thí dụ hóa thành.

5) Tán loạn thật không có định: quá khứ có Đại thừa gốc lành mà không giác tri, kia không cầu Đại thừa đối với việc ngang trái xấu xa trong tâm luống dối, vọng dùng làm bậc nhất thừa, vì đối trị đây cho nên nói thí dụ buộc hạt châu trong chéo áo.

6) Người tu tập công đức nói pháp Đại thừa mà chấp cho là chẳng phải Đại thừa, vì đối trị đây nên nói thí dụ trong búi tóc buộc hạt ngọc.

7) Người không công đức đối bậc nhất thừa không tu tập các gốc lành, nói bậc nhất nghĩa không cho là bậc nhất vì đối trị đây nên nói thí dụ thầy thuốc.

Luận lại giải thích rằng: Người thứ nhất dùng các gốc lành thế gian Tam-muội công đức Phương Tiện khiến nhập Niết-bàn, người thứ hai dùng ba làm một khiến nhập Đại thừa, người thứ ba khiến biết các thừa Chư Phật Như lai bình đẳng nói pháp tùy hạt giống gốc lành của chúng sinh nầy mầm, người thứ tư Phương Tiện khiến nhập thành Niết-bàn, thành Niết-bàn là thành các thiền Tam-muội, ra khỏi thành này vào thành Đại Niết-bàn, người thứ năm thị hiện gốc lành quá khứ khiến nhớ nghĩ giáo khiến nhập Tam-muội. Người thứ sáu nói pháp Đại thừa, pháp môn này đồng Thập địa hạnh mãn, được Chư Phật mật thọ ký cho, người thứ bảy căn chưa thuần thực khiến cho họ thuần thực, cho nên thị hiện quả Niết-bàn, vì các nghĩa nầy nên Như lai nói bảy thứ thí dụ.

Kế là ba hạng người không có phiền não nhiễm mạn, điên đảo tin:

1) Tin các loại thừa.

2) Tin thế gian, Niết-bàn khác.

3) Tin thân kia đây là khác vì đối trị ba thứ nhiễm này nên nói ba pháp bình đẳng:

a) Thừa bình đẳng thọ ký cho người Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

b) Thế gian, Niết-bàn bình đẳng, tức Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn thị hiện Niết-bàn thế gian bình đẳng.

c) Thân bình đẳng, Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện thân, thân mình, thân người, pháp thân bình đẳng không khác nhau, vì người ấy không có phiền não mà nhiễm mạn thấy thân kia đây tạo khác nhau, do không biết kia đây thân Phật tánh Pháp thân bình đẳng. Văn

luận nói lên dễ thấy, nếu ai chưa hiểu nay lại trình bày giải thích: Ý luận từ văn Thí dụ trở xuống, trong Phẩm Thọ Lượng, thí dụ thầy thuốc gồm có bảy ví dụ tóm lược bảy ví dụ vì bảy hạng người có phiền não mà nói.

Hỏi: Nói nhà lửa xưa rằng vì người trung căn Thanh văn mà nói, vì sao nói vì các phàm phu chấp đắm cảnh giới năm dục hấp dẫn mà nói ư?

Đáp: Ý luận cũng không trái với trước, Thí dụ nhà lửa có thể bao gồm hai nghĩa: Nói rộng nhà lửa các khổ ép ngặt, do đó dẫn các con ra, đây vì các phàm phu nói. Nếu ra khỏi nhà lửa sau xin xe ban cho xe, cho xe không đổi v.v... đây vì Thanh văn chưa lãnh giải mà nói, hợp mà nói nhà lửa khiến ra khỏi giai đoạn phàm phu, bỏ ba xe sau đồng ban cho xe lớn khiến ra khỏi giai vị Nhị thừa, cũng được nghĩa giải thích cho một người từ đầu đến cuối đủ hai nghĩa này, cũng được vì hai người nói hai ví dụ này. Luận chỉ nêu một nghĩa cho nên vì phàm. Từ trước cũng chỉ vì nói một nghĩa cho nên vì Thánh thì sớm quá. Xem văn sơ đã bao gồm cả hai có thể được dùng cả hai nghĩa.

Hỏi: Thí dụ Cùng tử chính là người trung căn lãnh giải, vì sao nói thí dụ này vì đối trị cho rằng Nhị thừa bình đẳng với Phật thừa mà nói ư?

Đáp: Cũng bao gồm hai: Nếu so với trung căn lãnh giải thì như xưa phê phán, nếu chọn trung căn là người quyền hành giúp trợ Phật mở kho bí mật thì như luận phê phán, đầu phẩm Thí dụ đã nêu đủ hai nghĩa này. Luận chỉ nêu lý do vì các phàm phu, chỉ nêu vì thánh nay có thể dùng cả hai.

Hỏi: Nói thí dụ Cùng tử vì sao nói Đại thừa, Tiểu thừa khác nhau ư?

Đáp: Đại thừa giàu sang dụ như trưởng giả, Tiểu thừa thấp kém như người cùng tử hết phân văn sơ biên chép đã rõ ràng nghĩa này.

Hỏi: Thí dụ thứ ba: Người Đại thừa vì sao nói không có Tiểu thừa?

Đáp: Đây là nghĩa chê trách chấp không có Thanh văn, chấp không có Thanh văn ý nói: Hoàn toàn đều không có Thanh văn. Luận phá ý này cho nên Phật nói thí dụ mây mưa; nói tùy theo căn cơ khác nhau ba cỗ hai cây sao không có người Thanh văn ư!

Hỏi: Thí dụ thứ tư Hóa thành vì hạ căn Thanh văn mà nói, vì sao nói vì người tăng thượng mạn đắc thiên định thế tục cho là đắc Niết-bàn. Để phá người này cho nên nói dụ Hóa thành ư?

Đáp: Bao gồm cả hai như trước giải thích.

Hỏi: Nói hóa thành vì sao phá chấp này ư?

Đáp: Người này đặc thiên định thế tục, như Thích luận nói: Người này khi đặc thiên thứ tư cho là đặc quả thứ tư, nay phá bệnh này cho nên nói Nhị thừa chân thật chứng Niết-bàn còn là hóa ra, chẳng phải thật có, sở đắc của ông lẽ nào là thật ư! Lại trước nói Niết-bàn chân thật của Tiểu thừa để phá kia không mà cho là có.

Kế là dụ Hóa thành khiến cho tiến đến đảo châu báu, ba người còn lại văn luận hiểu rõ không cần phân biệt.

Kế là nói ba hạng người không có phiền não: Tức La-hán có ba thứ chấp:

1) Chấp thừa khác nhau không biết đồng Nhất thừa, vì phá bệnh này nên nói Nhất thừa.

2) Chấp thế gian Niết-bàn khác. Chấp Thế gian Niết-bàn khác: Nghĩa là sinh thân, thế gian chẳng phải Niết-bàn, diệt thân là Niết-bàn, vì phá bệnh này nên nói Đa Bảo nhập Niết-bàn tức thân này là thân Niết-bàn chẳng diệt.

3) Chấp thân kia đây khác nhau, thân kia đây khác nhau không biết Phật mười phương đồng một pháp thân, vì phá bệnh này cho nên nói Phật Đa Bảo nhập Niết-bàn lại hiện thân mình thân người đồng một Phật tánh, pháp thân không có khác nhau, tức là nói lên Phật mười phương đồng nghĩa một pháp thân.

Hỏi: Trước nói kinh có ba châu nay luận vì mười người có lẽ không trái nhau ư?

Đáp: Luận chỉ nói chung là mười người, bảy người là có phiền não ba người không phiền não, mà không lầm mất ý ba châu, ba châu cũng không mất lầm ý mười người tức có thể được dùng cả hai.

Hỏi: Nương bảy ví dụ của luận phá bảy bệnh, phẩm Phương Tiện lại phá bệnh gì ư?

Đáp: Theo luận, trong ba hạng người không có phiền não: Bệnh cho rằng thừa khác nhau, phẩm Phương Tiện chính là phá nghĩa này. Cho nên, văn dưới của luận nói: Phẩm Phương Tiện có năm phần, chánh là phá hai nói một. Kế là nói đại sự nhân duyên có sáu thứ: Đầu tiên là giải thích khai thị ngộ nhập: Có người nói: Khai: là lược bỏ ba bày một, Thị: là rộng bỏ ba bày một. Ngộ: là lược bỏ gần bày xa. Nhập: là rộng bỏ gần bày xa, do bốn chương kinh nên có bốn nghĩa.

Lời bình rằng: Không đúng. Phật đối với đoạn đầu liền khai thị ngộ nhập không phải hai chương mới được đủ bốn. Có người nói: câu đầu căn cứ lý, ba câu còn lại dựa theo giải, nói về chúng sinh sở dĩ



không biết thành Phật vì ngăn chướng bởi năm trước tám khổ, tâm kia dụng năm trước nếu dụng mạnh thì năng chướng lý quả, lý không được nói lên tức là nghĩa bị che lấp. Như lai xuất thế nói kinh giáo này vì chúng sinh dứt trừ chướng ngại năm trước, quả tri kiến Phật liền nói lên nên gọi là khai. Nói thanh tịnh: là năm trước ở tâm lý đương quả không hiển thì có nghĩa uest luy nay năm trước đã không thể làm chướng ngại tức lý quả đã rõ ràng nên gọi là thanh tịnh. Ba câu sau y cứ về giải: Do kia tuy có đương quả tri kiến mà không thể tự biết, nay muốn cho được biết sinh văn tuệ giải, nên gọi là chỉ tri kiến Phật, lại khiến được tư tuệ giải gọi là ngộ tri kiến Phật, sau khiến tiến đắc tu tuệ giải gọi là nhập tri kiến Phật.

Lời bình rằng khai thị ngộ nhập thứ lớp nương nhau sinh, vì sao lúc mới nói lý kia ba sau nói giải. Nếu do ba tuệ cho nên chia làm ba: Địa tiên và Đẳng địa có bốn mươi vị sao không chia làm bốn ư! Lại nếu nói lý và nghĩa của ba tuệ cũng không đúng. Vì Lý chưa nói Phật tánh và pháp thân, ba tuệ cũng không hiểu được Phật tánh, pháp thân, cuối cùng chưa phải là tri kiến Phật! Có người nói: Đầu tiên nói. Ba thừa Biệt giáo là khai, kế nói Thông giáo Ba thừa là thị, thứ ba nói giáo ức dương (khen chê) là ngộ nói giáo Pháp Hoa là nhập. Có người nói: Thông giáo Ba thừa lúc mới nói Đại thừa là khai, giáo ức dương là thị, nói vô lượng nghĩa là ngộ, nói pháp Hoa là nhập.

Lời bình rằng: Giáo nghĩa trước lời đã phê bình đầy đủ, không nên làm hai giải thích hai cách.

Lại, trong kinh Pháp Hoa tự có khai thị ngộ nhập vì sao mà dẫn các giáo trước ư. Theo lệ như trong Hoa Nghiêm tự có năm mươi hai vị và kinh này tự có ba căn lãnh giải, không nên dẫn văn ngoài kinh. Có người nói khai thị ngộ nhập: Hiện bốn thứ hoa trong hiện điềm lành chính là tiêu biểu cho bốn việc này, từ tín Phương Đẳng phá các ác cũ được đến Thập trụ, Thập trụ mới khai tri kiến Phật hoa trắng tuôn trải như mưa. Kế đến Thập hạnh phân biệt tướng mạo các pháp tức là thị tri kiến Phật như hoa trắng lớn; kế nhập Thập hồi hương sự lý không hai tức là ngộ tri kiến Phật như hoa đỏ nhỏ. Kế là biết Thập địa tự nhiên năng thông đến biển Bát-nhã gọi là nhập tri kiến Phật như hoa đỏ lớn. Cho nên, đoạn dưới nói nương xe báu ấy dạo khắp bốn phương tức là tâm du hành trong bốn vị. Có người nói: Ba mươi tâm là khai, Sơ địa đến Lục địa là thị, Thất địa đến Cửu địa là ngộ, Thập địa là nhập.

Lời bình rằng: Tìm ở Hoa Nghiêm, Anh Lạc, Nhân Vương, luận Nhiếp Đại Thừa, luận Thập Thất Địa, luận Ngũ phàm phu v.v... đều có

năm mươi hai vị, thì Địa tiên có bốn mươi tâm, lúc mới tức Thập tín, Thập tín trải qua-tăng-kỳ tu hành bắt đầu mới đắc, là hai giải thích này sao không nói Thập tín, chỉ chọn ba mươi tâm Thập địa ư? Lại Đại tập nói về tứ thập tâm, ba mươi như trước. Kế là có bốn đẳng sáu độ, lại làm thập tâm không nên không lấy. Lại kinh này chính là nói người ba căn đều được tin hiểu, tin hiểu tức Thập tín vì sao không chọn ư! Có người nói:

1) Đạo tuệ sơ đắc kiến lý thì gọi là khai tri kiến Phật.

2) Đạo chủng tuệ năng phân biệt các pháp gọi là thị tri kiến Phật.

3) Nhất thiết trí gọi là ngộ tri kiến Phật.

4) Nhất thiết chủng trí gọi là nhập tri kiến Phật, do trí chỉ có bốn cho nên cũng nói bốn vị.

Lời bình rằng: Thích luận nói Nhất thiết trí, Nhất thiết chủng trí tuy có chung riêng mà vì khác nhất thời đắc, Đạo tuệ, chủng tuệ khác nhau nên thuyết khác nhau, nhưng theo lệ trí Phật ấy còn là tuệ thật, Phương Tiện tuệ cũng có nghĩa nhất thời đắc, khai thị ngộ nhập tự như có sâu cạn khác nhau vì thế không nên đồng bốn trí. Lại bốn trí địa vị cao khai thị ngộ nhập có cả sâu cạn nghĩa chẳng theo lệ. Có người nói căn cứ theo nghĩa nhân duyên phê phán gọi là pháp do nhân duyên sinh biết pháp nhân duyên do nhân duyên tạo thành gọi là khai tri kiến Phật. Ta nói tức là không, nghĩa là biết pháp nhân duyên là không tức thị tri kiến Phật. Cũng gọi đó là giả danh nghĩa là biết không, bất không đều là giả danh tức là ngộ tri kiến Phật. Cũng là nghĩa Trung đạo tức là nghĩa nhập tri kiến Phật.

Lời bình rằng bốn nghĩa nói theo chiều ngang.

Lại trong bốn nghĩa, hai nghĩa đầu, một nghĩa sau chính là nói các pháp giả danh nói, môn giáo ấy cũng chẳng phải ý này. Có người nói: y cứ về lý bốn câu luận phi không phi hữu là Trung đạo tức là khai, phi không phi hữu mà năng sinh không, hữu tức là thị, biết không, hữu, chẳng hai tức là ngộ, rõ không, hữu chẳng hai mà hai tức là nhập. Có người nói: Ban đầu quán lý ba đề tức là khai. Tam đế là: Hữu đế, vô đế, Trung đạo bậc nhất nghĩa đế, dần dần rõ ràng là thị, không thấy Tam đế và một khác nhau là ngộ, kiến Trung đạo tùy ý vận dụng thuận là nhập.

Lời bình rằng ba nghĩa này đồng với trước.

Có người nói: Chánh quán Trung đạo nhất thiết chủng trí mất tên của ba trí trước. Chánh quán lý này lúc mới quán là khai như Thập trụ,

kế quán là thị như Thập hạnh, kế quán là ngộ như Thập hồi hương, sau quán là nhập như Thập địa. Cho nên căn cứ một Trung đạo quán có bốn Phẩm nên có bốn vị khác nhau. Lời bình rằng nghĩa này không rõ ràng, Thập tín như trước đã bình. Nay dựa theo luận Pháp Hoa giải thích bốn câu có bốn nghĩa:

1) Nghĩa vô thượng trừ nhất thiết trí thì không có việc khác, như kinh chép: muốn khai tri kiến Phật khiến chúng sinh bắt đầu được thanh tịnh nên xuất hiện ở đời.

2) Nghĩa đồng: Thanh văn, Bích-chi-phật pháp thân bình đẳng như kinh chép: muốn chỉ tri kiến Phật cho chúng sinh nên xuất hiện ở đời. Pháp thân bình đẳng: Thân Phật tánh lại không khác nhau.

3) Nghĩa bất tri: nghĩa là Nhị thừa không biết rốt ráo chỉ nhất Phật thừa, như kinh chép: Muốn ngộ tri kiến Phật nên xuất hiện ở đời.

4) Vì muốn chứng địa vị bất thoái chuyển nên thị hiện cùng vô lượng trí nghiệp, như kinh chép: muốn nhập tri kiến Phật cho nên xuất hiện ở đời. Nói rõ ý bốn môn tức thứ lớp.

Ban đầu khai trí Phật là vô thượng, kế thị Ba thừa đồng có Phật tánh, pháp thân.

1) Ở trên tuy nói trí Phật vô thượng chỉ e chỉ có Đức Phật mới có đủ.

2) Nói Ba thừa đồng có, tuy Ba thừa đồng có mà Nhị thừa không biết.

3) Chỉ bày cho biết, tuy biết mà chưa được bất thoái.

4) Nói khiến đắc bất thoái mà nhập. Lại hai phen giải thích rằng: Khai như trên nói Thị: là các Bồ-tát có nghi khiến biết như thật mà tu hành. Ngộ: người chưa phát tâm Bồ-đề khiến họ phát tâm. Nhập: người đã phát tâm Bồ-đề khiến nhập pháp. Phen thứ ba giải thích rằng ngộ: khiến ngoại đạo chúng sinh sinh giác ngộ. Nhập: khiến Nhị thừa, nhân, thiên nhập đại Bồ-đề.

**Giải thích tri kiến:** Hỏi: vì sao gọi là tri kiến Phật?

Đáp: Đây là tên khác của Bát-nhã Phật tánh, gọi riêng là chánh pháp Niết-bàn, chưa hội nhân quả cũng chẳng thật quyền, trăm thị không thể thị, bách phi không thể phi không biết gọi là gì! Gượng gọi là tri kiến Phật. Sở dĩ khen ngợi là tri kiến Phật ấy vì đối với Nhị thừa không thấy biết, sở dĩ nói không có tri kiến Nhị thừa vì chỉ có tri kiến Phật, chỉ có tri kiến Phật là thật đạo, chẳng phải tri kiến Phật thì đều là chẳng thật. Muốn nói lên thật đạo nên nói thật tri kiến, tuy không chiếu mà không đâu là không chiếu cho nên gọi là tri, biết rõ ràng cũng như

mất thấy nên gọi là kiến. Lại tri nghĩa là Nhất thiết trí, tức là trí tổng tướng của Như lai, kiến nghĩa là nhất thiết chủng trí tức trí biệt tướng, hai trí này thâm nhiếp hết trí Phật cho nên nói lược tri kiến. Lại tri tức là tận trí, hai thứ sinh tử năm trụ phiền não đều là thanh tịnh cho nên gọi là tận trí. Kiến: tức là trí vô sinh, nhân quả lỗi lầm rốt ráo vô sinh nên gọi là kiến. Người Nhị thừa cũng không có hai trí này nay mới được khai.

**Nói về nhân quả:** Hỏi: vì nói về chúng sinh có tri kiến Phật hay nói về tri kiến của quả Phật địa?

Đáp: hai nghĩa đầy đủ:

1) Nói tri kiến của quả Phật như trước khen ngợi Phật, Nhất trí khiến người Nhị thừa thay đổi cẩn thận cầu Phật đại đạo.

2) Nói chúng sinh có tri kiến Phật, nhưng trước chưa nói nên gọi là đóng, nay mới nói nên được gọi là khai. Về sau, thấy luận giải thích khai thị ngộ nhập đầy đủ có hai nghĩa: Nghĩa lúc mới nói tri kiến Phật Như Lai năng chứng như thật biết nghĩa kia.

3) Chỉ bày người Ba thừa đồng một Phật tánh. Nên trước nói Phật chứng tức quả địa Phật pháp thân, sau nói Ba thừa đồng Phật tánh tức nghĩa chúng sinh có Phật tánh.

4) Nói về hai nhân: Hỏi: Khai tri kiến Phật cho chúng sinh là nói về duyên nhân thành Phật hay chánh nhân thành Phật?

Đáp: Nguyên nhân chỉ nói duyên nhân muôn điều thiện thành Phật, trước đã phê bình xong nay lại trách. Đã chỉ nói duyên nhân chưa nói Phật tánh làm sao thành Phật! Như sữa không có, tánh lạc thì không thành lạc, nếu sữa không có tánh lạc mà thành lạc, nước không có tánh lạc vì sao không thành lạc ư! Nay nói tri kiến Phật tức là Phật tánh, do có Phật tánh lại tu hành muôn thiện, nhân duyên đầy đủ mới được thành Phật. Luận nói trong bốn nghĩa, nghĩa thứ hai nói rõ Phật tánh tức là chánh nhân, nghĩa thứ ba khiến người Nhị thừa biết, thứ tư bất thoái hành đều là nhân duyên. Lại lúc mới một là quả Phật tánh, ba sau là nhân, trong nhân có duyên chánh năm tánh đầy đủ. Lại phen đầu bốn nghĩa căn cứ quả tánh và tánh môn giải thích khai thị ngộ nhập, hai phen sau đều căn cứ liễu nhân môn giải thích thị ngộ và nhập.

5) Nói khai mở và che lấp gồm có bốn câu:

a) Chỉ có che không có mở, phiền não của chúng sinh che lấp Nhất thừa Phật tánh.

b) Chỉ có khai không có che lấp: nghĩa là Pháp Hoa giáo chính là khai Nhất thừa Phật tánh.

c) Vừa khai vừa che tức năm thừa trước. Vì muốn khai một cho

nên nói năm thừa gọi là khai, trước nói năm thừa chưa được nói về một cho nên nói năm thừa che một. Chẳng khai chẳng che tức là tướng vắng lặng của chánh đạo.

6. Nói về nhân duyên: Hỏi: vì sao gọi là Đại sự nhân duyên? Nhân duyên có nghĩa là gì?

Đáp: có đủ hai nghĩa:

a) Chúng sinh vốn có tri kiến Phật là nhân, bên ngoài nương nhờ Phật nói Nhất thừa giáo hiển rõ nghĩa chúng sinh vốn có tri kiến nên gọi là duyên, nhân duyên đầy đủ nên gọi là khai. Nếu chúng sinh không có tri kiến Phật, do có giáo môn nhưng làm sao khai? Tuy có tri kiến nhưng không có Phật giáo thì do đâu mà được khai, cho nên Phật giáo là năng khai, tri kiến Phật là sở khai.

b) Nhân duyên tức là nguyên do: Chư Phật ba đời do đâu mà xuất hiện ở đời? Chính là vì đại sự nhân duyên khai thị ngộ nhập tri kiến Chư Phật cho nên xuất hiện ở đời. Kể là nói về nghĩa năm trước, lúc mới giới thiệu đại ý. Nói năm trước: vì giải thích ba nghĩa ba trước, một sau. Nếu nói Chư Phật ba đời đều vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ở đời vì sao không phát động liền nói Nhất thừa, mà trước nói Ba thừa sau nói Nhất thừa ư! Vì giải thích nghi này cho nên nói chúng sinh năm trước chướng không thể nghe Nhất thừa nên dùng trước 3 sau 1, lỗi ở chúng sinh chẳng phải lỗi Phật, vì nghĩa này cho nên lại nói năm trước.

Về sau, thấy Luận nói: vì giải thích nghi cho nên đến, có người nghi Phật lúc nào nói các pháp Phương Tiện đấy ư! Cho nên giải thích rằng: Vì đời có năm thứ vẫn đục cho nên nói Ba thừa, ý này chính là dùng kiếp trước làm nguyên nhân cho nên nói nghiêng về thời. Vì ở trong đời ác có chúng sinh ác cho đến kiến chấp, v.v... phiền não kể là nói danh năm trước: Nếu thông suốt nói hễ chúng sinh có năm thứ này đều gọi là trước, vì sao? Có chúng sinh tức chúng sinh trước, có thời tức kiếp trước, có sinh tử Niết-bàn phàm Thánh các kiến v.v... đều gọi là kiến trước, có sở đắc sinh tâm động niệm lao dịch quán tâm đều là phiền não trước, chưa đắc pháp thân tuệ mạng tức là mạng trước. Do có năm trước này đều không đắc Nhất thừa tịnh quán chướng ngại chánh đạo, sao chẳng phải trước ư! Phải trước tẩy trừ quán tâm nên tịnh. Cho nên, Bát-nhã nói: chúng sinh vô sinh cho nên Bát-nhã sinh, nếu chúng sinh sinh thì Bát-nhã vô sinh bốn thứ còn lại cũng như vậy. Muốn đắc Nhất thừa thật quán sinh ấy cần phải liễu năm vô sinh.

Hỏi: Nếu luận như thế thì đều là năm trước nên không có cõi tịnh uế khác nhau ư?

Đáp: Như trước nói đều là cõi uế không có cõi tịnh, cho nên kinh Nhân vương nói: Tam Hiền, Thập Thánh trụ quả báo, chỉ có Phật là ở cõi tịnh.

Hỏi: Nếu vậy năm trước đã chướng Nhất thừa, gồm có năm thừa này có chướng Nhất thừa không?

Đáp: Chỉ có Phật ở Tịnh độ, chỉ có sở thừa của Phật là Nhất thừa, cho nên gồm có năm thứ này đều không có Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao kinh lại nói năm trước là cõi uế không có năm trước gọi là cõi tịnh ư?

Đáp: Đây căn cứ uế khai tịnh, trong uế trước khai tịnh trước. Nói năm: Phiền não và kiến này chánh là trước, hai thứ này thành chúng sinh gọi là chúng sinh trước, tức chúng sinh này kế tục giữ gìn mạng gọi là mạng trước, bốn thứ này với thời gọi là kiếp trước. Nếu không có hai trước thì ba sau không gọi là trước. Nhân quả phân chia: là phiền não và kiến gọi là nhân trước, ba thứ còn lại gọi là quả trước. Nhân pháp phân chia: chúng sinh là nhân trước, bốn thứ còn lại là pháp trước. Thời pháp phân chia: kiếp là thời trước, bốn thứ còn lại là pháp trước. ba chướng phân chia: chúng sinh, mạng, và thời gọi là báo chướng, phiền não và kiến tức phiền não trước, mà nghiệp bao gồm trong đó: Nhưng năm trước thông khinh trọng, ba chướng chỉ là trọng, nghĩa là chướng Thánh đạo và Thánh đạo Phương Tiện cho nên đặt tên ba chướng.

Hỏi: ba chướng năm trước kiến, tư nói về có gì khác nhau.

Đáp: kiến, tư chính là chấp tánh hoặc, số phẩm lần lượt năm trước và ba chướng thì có cả hoặc và chẳng phải hoặc, đều là chướng, lại bất luận số phẩm chướng ngại nhau.

Hỏi: Luận Nhiếp Đại Thừa nói ba chướng có gì khác nhau với nay?

Đáp: ba trước tức là phiền não, nghiệp và khổ nghĩa này có cả trong, ngoài ba cõi và tịnh uế hai cõi. Nay nói năm trước chỉ là trong cõi, chỉ căn cứ cõi uế. Ba giả nhiếp năm trước, chúng sinh là nhân thành, mạng gọi là sắc tâm nối kế đối đãi, bất đoạn là nối kế giả, đối đãi lẫn nhau có thể biết. Lại, Ba giả Đại thừa: chúng sinh là thọ giả, bốn trước còn lại là pháp giả, hai thứ này đều có tên gọi là danh giả.

Kế là hai biệt luận. Phiền não và kiến chia làm hai: Phiền não gọi là chung các kiến gọi là riêng. Lại kiến là năm lợi, phiền não gọi là năm độn, lại thuộc ái gọi là phiền não, thuộc kiến gọi là kiến. Lại phiền não là y theo chúng sinh tại gia, kiến là chín mười sáu thứ ngoại đạo, lại sáu mươi hai kiến gọi là kiến, các thứ còn lại đều thuộc phiền não.

Chúng sinh: nhóm họp các pháp mà thành một chủ thể, cho nên gọi là chúng sinh, tức luận một đời, thọ sinh khắp nơi nên gọi là chúng sinh, là luận ba đời. Trước có cả phàm Thánh, sau chỉ có phàm, mạng khác với kiếp, là kiếp thì dài, mạng thì ngắn; kiếp chỉ có thời; mạng dùng pháp đeo mang thời; kiếp có cả trong lẫn ngoài, mạng chỉ căn cứ trong. Lại ba tiểu kiếp chỉ hại chúng sinh không tổn ngoại vật, ba đại kiếp chỉ tổn ngoại vật không hại chúng sinh, ba tiểu kiếp chỉ ở trong loài người, ba đại kiếp có ở cả hai cõi, đây đều là ngắn hẹp, nếu là mạng ở cả ba cõi thì có ở cả năm đường. Lại kiếp gọi là cộng trước, mạng đều có gọi là bất cộng trước cho nên khác. Nhưng lấy tiểu kiếp làm kiếp trước, thời Đại kiếp thì thông.

Hỏi: Bao nhiêu thời gọi là tiểu kiếp?

Đáp: Tám muôn năm đến mười năm gọi là một kiếp, như vậy tám mươi lần lần lại gọi là Đại kiếp.

Hỏi: Nhưng phiền não và kiến thành ba thứ còn lại, cho nên hai thứ kia gọi là trước, ba thứ còn lại cũng gọi là trước ư?

Đáp: ba thứ còn lại cũng gọi là trước, như mạng ngắn thời ác, người ác, đây đều là quả khổ nặng khiến khởi phiền não và kiến nên gọi là trước, nhưng tướng ấy đeo mang chẳng phải không có mạnh yếu.

Kế là nói về nghĩa chướng: Hỏi: năm trước chướng có Đại thừa hay không?

Đáp: chướng Đại thừa.

Hỏi nếu vậy vì sao phàm phu có đủ năm trước mà nghe Đại thừa, La-hán không có năm trước mà không nghe ư? Đáp: có thể đầy đủ bốn câu:

1) Chướng nặng căn cơ yếu, nghĩa là phàm phu không nghe Đại thừa.

2) Chướng nặng căn cơ mạnh gọi là phàm phu nghe Đại thừa, đầy đủ năm trước cho nên chướng nặng, có đại căn cơ cho nên căn cơ mạnh, căn cơ mạnh nên tuy có năm trước mà không chướng ngại.

3) Chướng nhẹ căn cơ yếu gọi là La-hán không nghe Đại thừa, không có năm trước cho nên chướng nhẹ, không có đại căn cơ cho nên không nghe Nhất thừa.

4) Chướng nhẹ căn cơ mạnh gọi là La-hán được nghe Nhất thừa.

Hỏi: Năm trước chỉ ngăn chướng đại hay cũng chướng cả Tiểu?

Đáp: Chướng cả Đại lẫn Tiểu.

Hỏi: Làm sao biết năm trước chướng Ba thừa ư?

Đáp: Có thời gian Phật không ra đời nói Ba thừa cho nên biết năm



trước chướng Ba thừa.

Hỏi: Ngăn chướng Tiểu trước đã được nói Tiểu, ngăn chướng Đại trước vì sao không nói Đại?

Đáp: Trước căn cơ Tiểu thừa thuần thực nên tuy có năm mà không bị chướng ngại, đại căn cơ chưa thuần thực cho nên chướng đại.

Hỏi: Chỉ do căn cơ thuần thực thì khai, không thuần thực thì chẳng khai, vậy năm trước không gọi là chướng ư?

Đáp: năm trước là chướng pháp, nhưng vì căn cơ thuần thực cho nên không thể ngăn chướng, như đất là chướng pháp, chỉ khi vật muốn sinh đất không thể làm chướng ngại.

Hỏi: Chướng nặng thì không nên có căn cơ mạnh, căn cơ mạnh thì không nên chướng nặng ư?

Đáp: đúng vậy, phàm phu đầy đủ năm trước mà liền nghe Nhất thừa, đây là căn cơ mạnh mà năm trước có lúc phế bỏ không thường hiện tiền cho nên chướng yếu. Trước nói về ở đây chọn kia có năm là nặng, không có năm là nhẹ .

Hỏi: Được nói phẩm năng làm chướng Tiểu thừa, phẩm nhẹ có chướng Đại thừa hay không?

Đáp: Căn cứ một vị La-hán từ đầu đến cuối cũng có nghĩa này, mà La-hán dứt độn lợi đều hết không có phẩm nặng mà không biết quyền thật tức là vô minh, chứng chỗ Không dứt tức là các kiến; hai thứ này tức là hai trước, do đó thành chúng sinh gọi là chúng sinh trước, không lìa nơi thời tức là kiếp trước, sắc tâm giữ gìn gọi là mạng trước, nếu vậy La-hán có đủ năm trước nhẹ.

Hỏi: Vì sao biết năm trước là nặng, không biết quyền thật là nhẹ ư!

Đáp: La-hán dứt hết năm trước mà còn không biết quyền thật, thì biết phẩm nặng tuy bỏ, phẩm nhẹ vẫn còn.

Hỏi: Căn cứ phàm phu có thể được phán xét như dây không?

Đáp: Không hẳn như vậy. Như phàm phu có đủ năm trước mà lại không biết quyền thật, thì đủ nặng, nhẹ đều ngăn chướng Nhất thừa, chỉ vì đại căn cơ đã mạnh nên hai thứ này không thể làm chướng ngại. Lại y cứ Đại thừa, Tiểu thừa đều có bốn câu, Tiểu thừa bốn câu là:

- 1) Căn lợi chướng nhẹ như Thân Tử, v.v...
- 2) Căn lợi chướng nặng như Ương-quật-ma-la, v.v...
- 3) Căn độn chướng nhẹ như Xà-nô, v.v...
- 4) Căn độn chướng nặng như phàm phu không đắc Thánh đạo.

Đại thừa bốn câu là:

---

Căn lợi chương nhẹ phần nhiều sinh ở cõi Phật khác nghe Đại thừa.

2) Căn lợi chương trọng.

3) Căn độn chương nhẹ, hai hạng này phần nhiều gặp Phật mới thành đạo nói Hoa Nghiêm được Liễu ngộ.

4) Căn độn chương nặng vì người này ban đầu Phật nói ba tạng, cho đến cuối cùng nghe Pháp Hoa, đây là Đại thừa lược phán định.

Hỏi: năm trước được nói về chương riêng hay không?

Đáp: bài kệ ở sau nói: nghèo cùng không phước tuệ, mà có năm trước, kiến trước chính là vô minh chương tuệ, các trước khác đều chương phước đức.



# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 6

La-hán biết Nhất thừa, không biết nghĩa Nhất thừa

Hỏi: Đắc La-hán ý tức tự biết Nhất thừa hay được nói pháp Hoa mới biết? Lại Phẩm Phương Tiện vì phân biệt chương chân ngụy hai khác nhau, lúc mới nói nếu thật đắc La-hán mà không tin pháp này thì không có việc ấy. Nếu không tin đây thì là người tăng thượng mạn, chẳng phải A-la-hán, ở đây nói La-hán phải tin Nhất thừa. Kế là văn nói sau khi Đức Phật diệt độ hiện tiền không có Phật, rõ ràng sau khi Phật diệt độ La-hán cũng có vị không tin Nhất thừa, vì vậy hai văn trái nhau, làm sao hiểu được?

Đáp: Nghĩa này trước đã luận bàn, sau sẽ nói rộng, đã là một kinh khó nay nói lược tướng kia. Có người nói: Tất cả những người đắc đạo đều biết được qui thường trụ, nếu biết đồng qui thường trụ đều là Bồ-tát, không có Nhị thừa thành Thánh, cho nên Đại kinh nói không biết thường trụ còn không đắc Bồ-đề Nhị thừa hướng chi sau nói đạo vô thượng! Nếu vậy chương trước nói La-hán, đây gọi là căn cứ người quyền hành, sau nói người không tin đây là căn cứ sáu tâm trước có thực hành Thanh văn cho nên không tin hiểu. Có người nói: Tất cả đạo phải được hội nhập Không, không hẳn phải biết đồng qui thường trụ, cho nên có người biết, có người không biết; lợi căn thì biết, độn căn thì không biết. Văn trước căn cứ người biết, văn sau căn cứ lý người không biết. Có người nói, trước nói căn cứ lý để luận, Ba thừa sơ nghiệp không ngu đối với pháp, hễ là La-hán đều biết đồng quy, nghe kinh thì tin. Sau y cứ vào giáo để luận, La-hán bảm thọ giáo Tiểu thừa thành Thánh, không biết đồng qui, chẳng hạn như Đại kinh chép: Bồ-tát Thập trụ Như lai không nói, không biết Phật tánh nay cũng như vậy. Có người nói: là Chân La-hán thì biết, sau căn cứ phàm phu đời mạt pháp nên không biết! Vì sao? Vì phàm phu có đủ ba độc nghe kinh còn tin, hướng chi đời mạt pháp La-hán mà không tin! Có người nói đây là lúc ngời, nay chuyên lắng nghe tâm mau dứt nghi, nếu không tin thọ thì ôm nghi



muôn đời để lưu truyền, sau gặp đời có Phật khiến thức giục nường tựa có thể quyết nói.

**Lời bình rằng:** Bởi đại tông của kinh này không thể còn giải thích khác nhưng các sư lầm ý không đồng, đều nói hai văn trái nhau, cho nên giải thích khác nhau lằng xằng, nay nói hai văn không trái nhau. Trước nói La-hán chân thật nghe kinh sẽ tin, nếu nghe kinh không tin thì đó chẳng phải La-hán. Văn sau Phật lại phân biệt nếu La-hán chân thật nghe kinh chắc tin, ít có La-hán nào không tin Nhất thừa, vì vậy nên giải thích nói cũng có nghĩa này. Tức là sau khi Đức Phật diệt độ hiện tiền không có Phật, không có người truyền kinh và pháp truyền, thiếu ba nghĩa này thì La-hán cũng có nghĩa không tin. Nếu Phật dù đã diệt độ mà có người truyền kinh và pháp truyền, La-hán nghe thì liền tin nhận.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ không có người, pháp, cho nên La-hán không tin làm sao tin ư?

Đáp: Đức Phật lại tự giải thích nếu gặp các Đức Phật khác thì có thể quyết liễu. Nếu vậy hai văn trước sau không có trái nhau, không nên giải thích khác nhau lằng xằng.

Về sau thấy luận Pháp Hoa cũng không nói hai văn trái nhau, trừ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không hật: Luận nói vì sao Đức Như lai không thành không kham, là người nói pháp, vì dứt nghi này như kinh, từ sau khi Phật diệt độ hiện tiền không Phật, luận ý nói Như lai ở đời nói Nhất thừa chắc hẳn khiến La-hán tin nhận, cho nên không thành không kham là người nói pháp, rõ ràng ngoại trừ sau khi Phật diệt độ không còn có Phật, thì có La-hán không tin.

Hỏi: Theo giải thích này thì La-hán nghe kinh Pháp Hoa mới biết thành Phật, không nghe thì không biết thành Phật phải không?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Lấy gì làm chứng?

Đáp: tức văn vừa giải thích làm chứng. Lại trước Thân Tử nói mà nay mới tự giác chẳng phải thật diệt độ thì biết trước lúc ấy đều chưa giác, cho đến trong ba phen thỉnh tất cả Nhị thừa đều sinh nghi ngờ, nếu tự biết thành Phật thì đâu có nghi ư! Pháp Hoa giáo khởi lại để làm gì? Lại dưới phẩm Hóa thành rõ ràng nói: Sau khi ta diệt độ lại có đệ tử không nghe kinh này, không hiểu, không biết hạnh Bồ-tát mà đối công đức của tự mình sinh diệt độ tưởng nhập Niết-bàn, ta ở các cõi nước ấy thành Phật, vì nói kinh này mới đắc thần khế bộ biết thành Phật. Lại Thích luận giải thích phẩm Tất Định cũng nói như thế. Nói La-hán

sinh ở cõi tịnh ngoài ba cõi được nghe kinh Pháp Hoa tu hành cầu thành Phật, cho nên biết Nhị thừa không nghe Pháp Hoa không biết đồng qui. Lại người hị thừa tự biết thành Phật đâu được nói là vì các Thanh văn nói kinh Pháp Hoa ư!

Hỏi: Đại kinh chép: Không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa, sao nói đắc Bồ-đề Nhị thừa không biết thường trụ ư?

Đáp: Đại kinh lại nói vì các Thanh văn khai phát mắt tuệ nói kho bí mật, như kia đã biết thì tuệ rõ ràng đã phát, sao còn khai lại! Lại Nhị thừa đã biết thì không còn tám thứ điên đảo, còn chỗ nào chê ư!

Hỏi: Không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa vì sao lại thiên lệch ư?

Đáp: Đây là quả trách Nhị thừa chấp chặt giáo xưa, ông không sửa đổi vô thường, không tin thường trụ cũng không đắc Bồ-đề Nhị thừa cho nên bị quả trách, lại đây là muốn thời hội, khiến tin thường trụ. Lại nếu không biết thường trụ không đắc Bồ-đề Nhị thừa, hoặc không biết thường cũng không đắc ba qui y năm giới cấm, nếu vậy trước Niết-bàn không có đệ tử Phật, đều là người thế tục, mà kinh chỉ nói không biết thường trụ ba qui y năm giới cấm không đầy đủ. Chẳng phải không có tùy phần đắc, Nhị thừa cũng thế, tùy phần dứt hoặc ba cõi thành La-hán.

Hỏi: Đã dứt hết hoặc ba cõi vì sao khác nhau qui ư? Đáp: Ngoại đạo cũng dứt hoặc ba cõi, cũng có thể nói hoặc hết thì biết Nhất thừa chẳng?

Đáp: Người Nhị thừa chỉ hơn phạm phu một bậc, không nên hoàn toàn che lấp Bồ-tát. Lại hỏi vặn rằng: Dứt hoặc cần phải luận biết đồng qui thường trụ, thì ngoại đạo dứt cũng như vậy.

Hỏi: Ngoại đạo hàng phục hoặc, thật ra không dứt phải chăng?

Đáp: phục hoặc, dứt hoặc đây các bộ khác nhau. Người của Phật đà nói phục hoặc, người của Tát vệ nói dứt hoặc không nên dùng thiên lệch. Lại Đại kinh đích thân nói ngoại đạo dứt hoặc không nói phục. Lại Thích luận, luận Nhiếp Đại Thừa đều nói ngoại đạo dứt hoặc không nên nói phục. Lại, luận Tỳ-bà-sa nói: Lấy Ca-chiên-diên Tử làm ba minh sáu thông đại A-la-hán cho đến năm trăm vị bình giải cũng là La-hán. Long Thọ quả trách rằng: Ông đối với tám kiên-độ chỗ nào cũng có lỗi huống chi gọi là giải nghĩa Đại thừa ư! Các A-la-hán đáp: Đương nghe Đại thừa tâm đều không tin, nếu La-hán nghe Đại thừa là có lỗi, lại vì sao không nghe mà tự biết ư? Lại sau khi Phật diệt độ năm trăm bộ nghe pháp Đại thừa rất ráo không, như đao làm tổn thương tâm, huống

chi thường nghe mà liền tin, kia vì sao có thể biết thường ư! Lại phẩm Hóa Thành nói: Đức Phật Đại thông Trí Thắng nói kinh Pháp Hoa mười sáu Bồ-tát liền tin nhận, trong chúng Thanh văn hoặc có người tin nhận thành có người không tin, nhưng La-hán gặp Phật nghe kinh Pháp Hoa còn có người tin và có người chưa tin, vì sao không nghe mà tự biết ư!

Hỏi: Nếu Nhị thừa không tự biết thành Phật vì sao Thắng-man nói Ba thừa sơ nghiệp không ngu đối với pháp tự biết sẽ giác sẽ đắc ư? Lại kinh Ưu bà tắc phẩm mười bốn nói tự biết nên đắc Bồ-đề mà lại chấp quả Tiểu thừa, trong phẩm mười ba thuyết thọ giới đắc ba đạo quả, do biết rất dễ mà hành rất khó, cho nên tuy biết Nhất thừa mà chấp chứng La-hán ư?

Đáp: Nghĩa này trước đã nói rồi, người lợi căn biết, người độn căn không biết. Lại quá khứ lâu xa tu tập Đại thừa, nay nghe giáo Tiểu thừa đắc đạo liền ngộ Đại thừa, như người này liền biết, không như vậy thì không biết. Lại người thực hành không biết, người quyên hành biết, nghĩa này trong đoạn xin xe nói rộng.

Về sau, thấy luận Pháp Hoa khai thị ngộ nhập làm bốn nghĩa giải thích, nghĩa thứ ba gọi là không biết. Không biết ấy là do tất cả Thanh văn Bích-chi-phật không biết chỗ chân thật của họ, không biết chỗ chân thật ấy là không biết rốt ráo duy nhất Phật thừa. Văn này giải thích rõ ràng Nhị thừa không biết Nhất thừa. Nghĩa thứ hai nói Ba thừa đồng có Phật tánh, pháp thân tức là thường trụ, người Nhị thừa không biết Nhất thừa, không biết Phật tánh thường trụ không nên nói là người đắc đạo xấu cần phải chép ra để hiểu thường trụ, đây là chứng minh trên không biết nghĩa thường.

Hỏi: Người phàm phu thường biết thành Phật, La-hán là bậc Thánh vì sao không biết thành Phật ư?

Đáp: Số Pháp Hoa chép: ba hạng người không có phiền não mà có nhiễm mạn điên đảo tin:

- 1) Tin các thứ thừa.
- 2) Tin thế gian Niết-bàn khác nhau.
- 3) Tin thân kia đây khác nhau.

Vì đối trị ba thứ bệnh này cho nên nói ba kỳ bình đẳng:

1) Thừa bình đẳng, thọ ký cho Thanh văn chỉ có Đại thừa không có Nhị thừa.

2) Thế gian Niết-bàn bình đẳng, vì Đa Bảo Như lai nhập Niết-bàn nên gọi là thế gian Niết-bàn bình đẳng.

3) Thân bình đẳng, Đa Bảo Như lai đã nhập Niết-bàn lại thị hiện



thân, tự thân tha thân pháp thân bình đẳng không khác nhau, Người không có phiền não nhiễm mạn thấy thân kia đây tạo tác khác nhau, không biết kia đây Phật tánh pháp thân bình đẳng. Luận giải thích trong ba nghĩa:

- **Thứ nhất** : Ban đầu nói La-hán không biết Nhất thừa, sau nói La-hán không thể biết Phật tánh thường trụ. Vì sao không biết, tuy không phiền não giới nội mà có nhiễm mạn, nhiễm mạn tức là vô minh, đây là chướng trí cho nên không biết.

Hỏi: Nếu vậy phàm phu có thể biết Nhất thừa thường trụ, lẽ ra không có vô minh ư?

Đáp: Phàm phu chỉ tin lời Phật gọi là biết, đây chưa đủ chứng La-hán phá vô minh này thì có đủ năng nhất định biết, khác phàm phu. Lại Phật dùng các Phương Tiện độ thoát chúng sinh nghe biết ngộ thì nói biết, nghe không biết ngộ thì nói không biết.

Hỏi: Nói biết không biết có nghĩa gì khác nhau?

Đáp: Đức Phật vì người Hữu Học Đại thừa bảy năm trở lên mà nói, người Nhị thừa còn tự biết thành Phật vì sao ông không tin Đại thừa ư? Lại Hóa thành vì người cầu Nhị thừa nói rằng: Đã chứng La-hán tự biết thành Phật vì sao ông muốn chứng La-hán mà không cầu thành Phật ư!

Hỏi: Nói La-hán không biết nghĩa ấy như thế nào?

Đáp: Đây là y theo Tiểu thừa giáo khiến chứng quả Tiểu thừa, nếu nói tự biết thành Phật sao lại cầu quả Tiểu thừa ư? Thí dụ bản nghĩa tám lớp, ý nơi bài tựa đầu, có văn này gồm có hai nghĩa:

1) Tụng văn xuôi trên.

2) Làm bản thí dụ dưới. Sở dĩ thí bản ấy là người lợi căn đã hiểu trung căn chưa hiểu cho nên lại dùng thí dụ để nói pháp trước, vì thế lấy trước làm bản của thí dụ sau.

Hỏi: Văn thí dụ sau dài, vì sao chỉ thí dụ pháp trong đây?

Đáp: Văn này tuy hợp mà giới thiệu chung đức Thích-ca nhất hóa từ đầu đến cuối nên được làm bản của thí dụ sau.

- **Thứ hai**: Định thí dụ nhiều ít. Các sư xưa chia đây làm năm thí dụ:

- 1) Trưởng giả dụ .
- 2) Tư tế dụ.
- 3) Quyền thí dụ.
- 4) Bình đẳng thí.
- 5) Bất hư thí.

**Lời bình rằng:** Ban đầu thật là thí dụ chung chẳng riêng làm thí dụ Trưởng giả. Tư tế: là tư duy cứu giúp đây là Nhất thừa hóa không đặc liễu nghĩa còn thí dụ một ít thấy lửa không dùng giải thích này. Quang Trạch nói mười thí dụ:

- 1) Tổng.
- 2) Thấy lửa.
- 3) Cứu con không được.
- 4) Cứu con được.
- 5) Thấy con khỏi nạn.
- 6) Các con xin xe.
- 7) Thấy con thoát nạn vui mừng.
- 8) Đồng ban cho xe lớn.
- 9) Được xe vui mừng.

10) Thí dụ chẳng đối gặt. Trong đây mười pháp làm gốc của mười thí dụ sau.

**Lời bình rằng:** Mười thí dụ khởi tức của Quang Trạch, các sư khác không có. Nay dùng bốn nghĩa lời bình:

1) Nếu dùng câu đoạn dứt có chín câu không phải mười, nếu dùng nghĩa phân chỉ có sáu nghĩa: a) Tổng. b) Thấy lửa. c) Nhị thừa giáo hóa không được. d) Ba thừa giáo hóa được. e) Lại nói Nhất thừa. f) Không lưỡng đối, tự các câu khác vì tế đều là cành nhánh thuộc về sáu nghĩa này. Nay tiến không lấy câu, lười không y nghĩa, cho nên mười thí dụ là không đúng.

2) Nếu sáu nghĩa, mười thí dụ thì pháp, thí điền đảo. Trong pháp thuyết xin xe ở trước, cha vui mừng trong Thí nói cha mừng trước, con xin xe sau. Tuy muốn hội thông cuối cùng mà thành quanh co, đến sau tự nói lên.

3) Đại tiểu trái nhau: Trước trong pháp nói thấy Đại căn cơ động cho nên vui mừng, trong Thí nói thấy tiểu căn cơ thoát nạn cho nên vui mừng. Pháp nói nói nhân đại kia, thí nói giới thiệu tiểu quả pháp nói đại chướng sắp nghiêng đổ, thí nói tiểu nạn đã lìa, thế lực nghĩa tương ứng với Tiểu thừa.

4) Có và không khác nhau: Trong pháp nói trình bày thượng căn dễ ngộ nên không xin xe, thí nói nói trung căn còn bị hoặc nên có xin xe. Nếu vậy nói cung kính dụng là gốc của xin xe, khác nhau không hợp với ý văn, bốn nghĩa này văn phẩm sau tự hiển rõ. Nay y sáu thí dụ không có bốn trước.

- **Thứ ba**, là nói có không: Văn xuôi có năm: 1) Bỏ ba. 2) Bày một.

3) Năm kệ. 4) Chân nguyện. 5) Bất hư. Nay kệ có sáu, năm chỉ văn xuôi, kệ chân nguyện thì không có. Kệ có pháp dục, văn xuôi thì không thuộc ý nói lên, các thứ khác đều đồng.

1. *Nói thứ lớp*: Văn xuôi trước bỏ ba sau bày một, kệ trước bày một sau bỏ ba, các thứ khác đồng.

Nói khai hợp: bỏ ba bày một là thí dụ chung bản, hợp mà không khai. Kế là lia năm trước, văn là gốc của bốn thí dụ khai mà không hợp. Chương Bất Hư là thí dụ bất hư không khai không hợp.

Nói thủ xả: Bốn đoạn văn kinh là gốc của sáu thí dụ, bản thủ mà không xả, chương Tấn Pháp chẳng phải gốc của sáu thí dụ bản xả mà không thủ.

Nói về chung riêng: Ban đầu khai ba hợp một, trình bày chung đức Thích-ca nhất hóa giáo môn. Từ năm trước trở đi đều thuộc biệt thí.

Nói bản tích: trình bày chung Phật giáo bao gồm chung bản tích. Từ năm trước trở đi là nói riêng về bản tích, chương Năm trước chính là nói gốc ở pháp thân, thấy chúng sinh có khổ không vui nên khởi tâm đại bi, khởi từ Nhất thừa hóa không được trở đi đều thuộc dùng bản thù tích tám tướng thành đạo. Trước ngồi đạo tràng đến sau cùng ngày nay nói giáo Pháp Hoa.

Nghĩa xin xe giải thích có hai lớp:

1) Nói xin.

2) Giải thích xe.

Môn đầu mười câu luận danh: Luận nói: Trong văn không có chữ xin chỉ có ban cho, văn xuôi nói xin ban cho, trong kệ nói: Nguyện cho chúng con ba thứ xe báu, tuy không có chữ xin mà nói nguyện ban cho tức là xin. Nhưng xin có hai thứ:

1) Hứa cho nên xin, như kệ nói nguyện ban cho các con ba thứ xe báu, như trước đã hứa với các con ra đến ngoài, đây là xin vì trước đã hứa.

2) Chưa hứa mà xin: Như người đời cầu xin gọi là xin, nhưng xin vì trước đã hứa cũng có thể gọi là xin, chưa hứa gọi là xin nên gọi là cầu.

Hỏi: Văn này chỉ có xin, hứa hay cũng xin mà chưa hứa ư?

Đáp: có đủ hai nghĩa: Xin hứa gọi là xin nghĩa là người Ba thừa xin quả, nếu do cầu xin cũng gọi là xin, thì đại căn cơ đã động đến Phật nói nơi nhất Phật thừa, cho nên có chưa hứa gọi là xin. Đây căn cứ hứa và nói chưa hứa cho nên ở đây nói về. Nếu lời nói và ý hợp luận thì đều là hứa, nói hứa ba cho nên xin ba, ý hứa một nên xin một, cũng là hiển mật hai việc hứa, hiển mật hai việc xin, hiển hứa ba mật muốn ban cho

một, nói hiển xin ba, căn cơ mật xin một.

Hỏi: Đây hai lần xin làm sao giải hoặc ư?

Đáp: Cầu một là giải, xin ba là hoặc, không biết không có ba giả nói ba theo cha xin ba cho nên gọi là hoặc. Đại căn cơ bầu víu Phật cầu một cho nên gọi là giải.

2. *Nói về đại ý*: Trước trình bày chung ba thí dụ, kể là nói xin xe.

Trình bày chung ba thí dụ:

- 1) Xin xe.
- 2) Ban cho xe.
- 3) Được xe vui mừng.

Ba thứ này thuộc Đại thừa hóa đặc cho nên hợp làm một đoạn, có thể so sánh ba chỗ trên:

1) So với ba việc cuối phẩm Phương Tiện xin xe so với trên ta thấy Phật tử, v.v... phát đại căn cơ, ban cho xe so với trên trong các Bồ-tát chính bỏ ngay Phương Tiện, chỉ nói đạo vô thượng, được xe vui mừng so với trên Bồ-tát nghe pháp này với nghi đều đã dứt, ngàn hai trăm vị La-hán đều sẽ thành Phật.

2) So sánh ba việc trong phẩm Thí dụ: xin xe so với Thân tử vượt hàng Hữu Học. Vô học nghi hối, ban cho xe so với Phật dạy thính nói pháp, được xe vui mừng so với người trung căn lãnh giải trong phẩm Tín Giải.

3) Lại thí dụ ba việc trong phẩm Phương Tiện trên: xin xe so với ba phen thính đại chúng chấp động, nghi sinh, ban xe so với Phật chỉ dạy thính nói rộng, được xe vui mừng so với Thân tử lãnh giải.

Hỏi: Chỉ nên so sánh trung căn, hạ căn vì sao lại so sánh người ba căn ư?

Đáp: Trong ba phen chung, nói chung đại chúng đều nghi hối chẳng riêng Thân tử cho nên được so sánh. Lại tuy nay biết vì người trung căn, hạ căn nói thí dụ nhưng Đức Phật y cứ mỗi châu trình bày chung đại ý Nhất hóa khắp vì tất cả cho đến cuối đời chúng sinh khiến biết nghĩa một, ba quyền thật.

3. *Kể là trình bày riêng đại ý xin xe*: Trên Nhất thừa hóa không được cho nên đối gạt chỉ ở ngoài cửa nói có ba xe để dẫn dắt các con ra, các con đều nương quyền ra khỏi nhà. Người có trí không chấp lời của cha, ngầm hiểu ý cha biết quyền có, thật không, thì không xin; con vô trí chấp lời cha không hiểu ý cha chưa xét biết quyền có thật không, vì vậy nên có xin. Phật dùng đây để dụ khiến những người chấp ba, nhân đó mà sửa đổi chưa tin Nhất thừa, nhờ đây mà tin cho nên trước Thân tử

thừa rằng: hay thay đức Thế Tôn! xin vì bốn chúng nói nhân duyên ấy. Nay nói thí dụ xin chi tức nói nhân duyên dạy bảo lời xin kia.

3) Nói về người xin: hỏi đó là ba người xin ba xe hay hai người xin ba xe ư? Đáp: Các Sư xưa nói: ba người xin ba xe, vì sao biết như vậy? Văn dưới nói: Lúc bấy giờ các con đồng thưa với cha rằng: xin ban cho chúng con ba thứ xe báu, cho nên biết ba người xin ba xe. Lại sở dĩ xin ba là vì: Thật không có Ba thừa chỉ trước đối Nhất thừa Phương Tiện nói ba do đó Phương Tiện nên xin.

**Lời bình rằng:** Nay dùng mười nghĩa suy tìm không nên có ba người ba xe:

1) Bản dùng ba xe dụ nơi ba quả cho nên nói: Nay ba xe này đều ở ngoài cửa. Người Nhị thừa ra ngoài cửa đến chỗ hứa cho xe tìm quả không được, có thể gọi là xin quả, hàng Bồ-tát chưa đến chỗ hứa cho xe tìm quả Phật không được, vì sao có xin quả Phật ư?

2) Dù rằng Bồ-tát Lục địa vượt ngoài ba cõi mới không xin quả Phật cũng đồng Nhị thừa xin Tận vô sinh trí, cho nên Bồ-tát ba người ững có xin.

Nghĩa ấy không đúng. Tìm kinh Tiểu thừa, Đại thừa không có Bồ-tát xin, trong Tiểu thừa nói hai hạng Bồ-tát:

1) Bồ-tát Sở hóa, từ lúc mới phát tâm đến cuối Bồ xứ đều là phàm phu, nghĩa là không vượt ngoài ba cõi thì không có xin cho nên trong kinh Di-lặc Quán kinh Ưu-ba-ly bạch Phật: A-dật-đa chưa dứt ba độc cuối cũng sẽ sinh chỗ nào! Cho nên biết lúc mới tu hành cho đến tâm cuối cùng đều là phàm phu không được ra ngoài cửa xin.

2) Năng hóa Thích-ca Bồ-tát: Ba mươi bốn tâm thành đạo, ba mươi ba tâm còn là Bồ-tát, ba mươi bốn tâm là Phật, ba mươi ba tâm là Bồ-tát, mà kiến đế đã đổ, tư duy chưa hết, đây thì chưa ra ngoài ba cõi cho nên không xin, ba mươi bốn tâm kiến tư hoặc đều dứt, kết tập đều mất, lúc ấy đã ra khỏi ba cõi tức là quả Phật cũng không xin xe. Lại trong pháp Tiểu thừa Bồ-tát còn chưa vượt ngoài ba cõi sao được nói Bồ-tát vượt ngoài ba cõi mà xin ư! Lại ba mươi bốn tâm thành đạo không có nghĩa xuất quán đâu có xin ư! Lại vốn theo Phật xin quả, Bồ-tát Thích-ca theo ai để xin ư! Lại trong kinh Đại thừa nói có mười địa, đến địa thứ sáu thì dứt hết chánh sử trong ba cõi, sao không biết có Thất địa mà theo Phật tìm kiếm quả rất ráo ư!

3) Như bào chữa nói đều không có Phật trong Ba tạng giáo thì đạo lý mà quyền nói có, tức là trước có nay không, Bồ-tát vì sao không xin ư! Nếu không có Bồ-tát xin thì trong ba tạng nói Phật Bồ-tát đều nên

là rất ráo Phật có. Đáp: Nguyên ý xin vốn là trước có nay không vì vậy cho nên xin, nếu xưa, nay đều có thì không xin.

Tìm kinh Đại thừa, Tiểu thừa từ đầu đến cuối đều nói Phật thừa là có, như Sơ giáo nói Phật thừa là có, đến Pháp Hoa cũng nói Phật thừa là có, do từ đầu đến cuối nói Phật thừa là có nên không xin; sau thấy luận Pháp Hoa cũng nói chỉ có Phật thừa, không có Nhị thừa, gồm có hai nghĩa:

1) Nói không có Niết-bàn Nhị thừa chỉ có Niết-bàn Đại thừa gọi là Phật thừa, trước đã đáp xong.

2) Trình bày chung phẩm Phương Tiện có năm phần: Nói nghĩa chỉ vì phá hai nêu một, nếu vậy chẳng nói không có Phật thừa, Bồ-tát xin chỗ nào ư? Trước sau văn Pháp Hoa không nói Phật thừa là Phương Tiện, chỉ nói Nhị thừa là Phương Tiện, cho nên Nhị thừa xin Bồ-tát không xin.

Hỏi: Xưa nay Phật thừa là có, lẽ ra cũng nói xưa nay Phật thừa là rất ráo ư?

Đáp: Phật thừa là có nghĩa rất ráo này, chỉ căn cứ trong có nói tận bất tận cho nên có rất ráo không rất ráo! Chỉ vì giáo xưa nói Phật thừa không đầy đủ, giáo nay nói Phật thừa đầy đủ. Thích luận chép: Phật đối với Ba tạng không nói đầy đủ công Đức Phật, lược có ba nghĩa:

1) Có không chẳng đầy đủ như trong Ba tạng không nói mười tám pháp bất cộng, chỉ có Đại thừa nói.

2) Nói bất tận nên không đầy đủ như trong Ba tạng nói mười lực, không nói Tận trí Biến trí, mà nói Tận trí Biến trí này là nghĩa các luận sư nói.

3) Trong một khoa phân nửa nói, phân nửa không nói cho nên không đầy đủ như trong Ba tạng chỉ nói ba nhãn, trong kinh Đại thừa nói đủ năm nhãn.

Hỏi: Vì sao biết trong Ba tạng không nói năm nhãn?

Đáp: luận Tạp tâm và Xá-lợi-phát A-tỳ-đàm đều nói chỉ có ba nhãn: Nhục nhãn, thiên nhãn và tuệ nhãn.

Hỏi: Trước nói Đức Phật đã không đầy đủ tức là Phương Tiện, mà đạo lý chỉ có đầy đủ chứ chẳng có không đầy đủ, xưa Phật có không đầy đủ này, nay Phật chẳng có không đầy đủ này, tức là xưa có nay không, thì Bồ-tát lẽ ra xin xe không đầy đủ ư?

Đáp: Quyền thật có hai thứ:

1) Có, không luận quyền thật.

2) Đầy đủ, không đầy đủ luận quyền thật. Có, không luận quyền

thật không hai mà nói hai, cho nên Nhị thừa là quyền, có một mà nói một nên Phật thừa là thật. Đây đủ không đầy đủ luận quyền thật: trước nói Phật thừa chưa hết là quyền, nay nói Phật thừa hết là thật, nghĩa xin xe chính là căn cứ nghĩa Ba thừa có, không có mà có xin, không căn cứ Phật thừa đầy đủ không đầy đủ mà nói nghĩa xin.

Lại trái lại trách rằng: Nếu nói trước không đầy đủ nên nay xin thì theo như ông trong Pháp Hoa nói nghĩa quả Phật cũng là vô thường tức là quả xe không đầy đủ, nếu vậy đến thời Niết-bàn lẽ ra có xin quả xe vô thường. Pháp Hoa chỉ làm duyên nhân chưa nói chánh nhân nên nhân xe không đầy đủ, đến thời Niết-bàn lẽ ra cũng trước xin không đầy đủ nhân xe, mà thời Niết-bàn không có xin. Pháp Hoa không đầy đủ xe thì phải biết đến thời Pháp Hoa cũng không xin, trước lúc ấy không đầy đủ quả Phật.

4. *Trong thí dụ nói ba xe ngoài cửa*: Đây là tổng tướng nói. Nương nghĩa trước thì hai xe ở ngoài cửa chính sử của ba cõi, quả Phật ở ngoài cửa của tập khí vô tri, người Nhị thừa dùng chánh sử hạn cuộc làm cửa, Đức Phật dùng tập khí vô tri hạn cuộc khu vực làm cửa. Xưa nói người Nhị thừa Tận vô sinh trí ở ngoài cửa chánh sử của ba cõi, nay người Nhị thừa dứt chánh sử hết mà không thấy xe, vì vậy cho nên xin. Xưa nói quả Phật ở ngoài cửa tập khí vô tư nay Bồ-tát dứt hết chánh sử tập khí vô tri hết thì liền thành Phật cũng không xin. Bồ-tát Đại thừa có hai môn là chánh sử và vô tri tập khí, nay ra ngoài chánh sử chưa ngoài môn tập khí vô tri. Theo xin quả là Nhị thừa có môn kiến đế, lại có môn tư duy, nay ngoài môn kiến đế hoặc cũng nên có xin, Thanh văn đã không như vậy, Bồ-tát sao còn như vậy, tiến thoái luận qua Đại Tiểu thừa cùng tận kiến chứng thì Bồ-tát không có xin.

5. *Kinh nói Ba thừa là Phương Tiện*: có thể nói xin ba, lại nói chỉ một việc này là thật, hai thứ khác chẳng phải chân. Lại nói thế gian không có Nhị thừa chỉ có một Phật thừa, do đó suy tìm chỉ xin Nhị thừa không xin Phật thừa.

6. *Nếu nói xưa nói Ba thừa đều là Phương Tiện*: từ Đại Phẩm trở lên cho đến trước Pháp Hoa nói Phật thừa đều là Phương Tiện, nếu Phật thừa là Phương Tiện thì các nhân như sáu độ v.v... cũng là Phương Tiện, nếu vậy giao phó tài vật kho báu quý giá cho cùng tử cũng đều là Phương Tiện mà nói, nên chẳng phải chân thật. Nếu giao phó tài bảo là ngọc quý chẳng phải mất cá thì Đại Phẩm nói Phật thừa là chân thật, chẳng phải Phương Tiện.

Hỏi: Giao phó tài bảo là gửi gắm gia nghiệp châu báu thì khi nói



Bát-nhã lẽ ra là nói pháp Hoa ư?

Đáp: Đối với các kinh khác thì khó, đối với kinh này thì thông cho nên phẩm Phương Tiện nói vì các Phật tử này mà nói kinh Đại thừa, đã xưng nói kinh này thì phải biết thời Bát-nhã đã là nói pháp Hoa, chỉ vì giáo Bồ-tát cho nên gọi là Bát-nhã, chưa giáo hóa Nhị thừa nên không gọi là Pháp Hoa ! Nghĩa này đã như trước nói.

7. *Phẩm Phương Tiện*: văn kệ lúc mới trình bày xưa nói Nhị thừa lại nói Nhị thừa là Phương Tiện, trình bày xưa nói Đại thừa không nói Đại thừa là Phương Tiện, chỉ nói vì các Phật đây mà nói kinh Đại thừa thì biết Phật thừa chẳng phải Phương Tiện, Bồ-tát không nên xin Phật Đại thừa.

8. *Đã có ba người xin vì sao không có Bồ-tát lãnh giải?* Chỉ nói Nhị thừa lãnh giải không nói Bồ-tát lãnh giải cho nên biết không có Bồ-tát xin.

Hỏi: Nếu vì không có Bồ-tát lãnh giải mà cho là không có Bồ-tát xin, thì cũng không có người chứng quả Duyên giác lãnh giải nên không có Duyên giác xin ư?

Đáp: Không có Duyên giác lãnh giải đây có nghĩa ấy. Vì người chứng quả Duyên giác ra đời lúc không có Phật. Lại trong hội Pháp Hoa không có Duyên giác nên không trình bày sự lãnh giải của họ, Bồ-tát có hội vì sao không nói lãnh giải ư!

9. *Đoạn dưới hợp ban cho xe rằng*: Thấy các chúng sinh vượt khổ ngoài ba cõi được vui Niết-bàn cho nên ban cho Đại thừa. Nếu vậy người Nhị thừa đắc Niết-bàn nên ban cho Đại thừa, vì sao nói Bồ-tát đã chứng Niết-bàn ư! Đã chỉ ban cho Nhị thừa nên biết chỉ có Nhị thừa xin, dùng một văn này có thể dứt nghĩa được mất.

10. *Các con ngồi yên cho nên đến cha xin xe*: người Nhị thừa quá mãi dứt sự mong cầu không tu hành nữa nên gọi là ngồi yên, có thể được có xin mà chưa ra khỏi cửa. Bồ-tát vốn biết xe chẳng phải ở ngoài cửa chánh sử, mà ra khỏi cửa, cho nên Bồ-tát tự biết, từ đầu đến cuối hai người đều có nghĩa tiến tới trước, không có lý ngồi yên, do đó Bồ-tát không có nghĩa xin xe lại hợp ban cho xe nói: không để cho có người được diệt độ riêng đều do Như lai diệt độ mà diệt độ.

Riêng chọn diệt độ có hai nghĩa:

1) Ngày trước Bồ-tát thọ ký thành Phật Bồ-tát riêng được Như lai diệt độ, người Nhị thừa trước không được thành Phật cho nên không được diệt độ, ngày nay khiến người Nhị thừa cũng được Như lai diệt độ nên gọi là đồng ban cho.

2) Trước Nhị thừa riêng chọn Tiểu thừa diệt độ, nay khiến đồng đắc Đại thừa Niết-bàn, dùng hai văn này suy tìm thì không có Bồ-tát xin. Đã nói Bồ-tát riêng được Như lại diệt độ thì Bồ-tát đâu có lý do gì mà xin! Lại trước người Nhị thừa riêng chọn Tiểu thừa diệt độ cho nên nay dùng xe lớn ban cho, Bồ-tát không như vậy, làm sao ban cho Bồ-tát ư! Tức dùng văn này phá nghĩa bốn xe. Nếu người Ba thừa đều xin thì mất nói riêng được diệt độ. Hễ là riêng tức nghiêng về người này đắc người kia không đắc, nên gọi là riêng. Nếu Ba thừa đều xin thì đâu có riêng ư! Nay nói chỉ có người Nhị thừa xin, Bồ-tát không xin như tìm thấy ở mười điều trên.

Hỏi: Nếu vậy chỉ nên xin hai, vì sao văn nói xin ban cho chúng con ba thứ xe báu?

Đáp: Trước nói Ba thừa là thật, nay nói có một không có hai. Trước có nói ba mà cuối cùng đâu có tồn tại, do nay không nói trước có, cũng vì trước có khó nói nay không có nên gọi là xin. Kinh sư không thể nhận được điều này nên cho là ba người xin đến nổi thành thuyết khác, nay xét lời nói này rất dễ thấy.

Hỏi: Văn kinh nêu ba xe, căn cứ văn xin cho nên nói xe dê, xe hươu xe trâu xin ban cho, vì sao trái ngược văn chỉ nói Nhị thừa xin, Bồ-tát không xin ư! Lại đều nói Nhị thừa xin ba lẽ ra người Nhị thừa cưới ba xe, người Nhị thừa thật ra không cưới ba, Nhị thừa cũng không xin ba. Lại đều nói nếu Nhị thừa xin xe Bồ-tát, Bồ-tát nên xin xe Nhị thừa, văn nghĩa suy tìm tiến lùi cùng tận, may mắn thích hợp dựa vào xưa không đợi đây thông ư?

Đáp: Nếu lãnh giải trước thông, không đợi sau hỏi, vì vượt trước ba để nên nay một! Trước đạo vốn là ba nay liền nói chỉ một sự thật này, hai khác chẳng phải chân. Nếu vậy ngày trước nói có xe dê, hươu, trâu ở chỗ nào? Vượt ba nêu một văn nghĩa sáng tỏ, dưới các nạn đều không thông, tự bỏ, nên bỏ xưa mê để từ nay ngộ.

Hỏi: Lấy gì làm chứng biết người Nhị thừa xin ba xe ư?

Đáp: Vốn vì người Nhị thừa mà bỏ ba thừa. Ban đầu dùng Nhất thừa hóa độ không được cho nên đối với nhất Phật thừa phân biệt nói ba gọi là Ba thừa hóa được. Nay nói không có ba chỉ có một, cho nên người Nhị thừa xin tìm kiếm ba xe. Lại kinh này từ đầu đến cuối chính vì người Nhị thừa mà nói cho nên Nhị thừa xin ba. Nay sẽ đủ mạnh dạn dùng văn ba châu chứng minh

Phẩm Phương Tiện nói: Bảo các chúng Thanh văn và người cầu Thừa Duyên giác dùng sức Phương Tiện để chỉ bày Ba thừa giáo tức đã

chỉ bảo người Nhị thừa nói Phương Tiện nói ba mà không bảo Bồ-tát, cho nên biết Ba thừa giáo vì người Nhị thừa. Kế là ba phen thỉnh lúc mới chỉ nói người Nhị thừa động chấp sinh nghi không nói Bồ-tát. Cho nên, biết Nhị thừa nghi không có ba chỉ có một. Chư Phật trong mười phương khuyên đức Thích-ca nói: Kẻ trí nhỏ ưa Tiểu thừa không tự tin thành Phật, vì vậy dùng Phương Tiện phân biệt nói các quả, không nói là vì Bồ-tát phân biệt nói ba. Cho nên biết vì Nhị thừa phân biệt nói ba. Các quả ấy là quả Ba thừa.

Văn kế là châu thứ hai: Thân tử vượt hàng Hữu Học. Vô học đều rơi vào nghi hối nên thỉnh Phật nói lại, không nói Bồ-tát nghi hối thỉnh Phật nói lại, cho nên châu thứ hai nói chỉ vì người Nhị thừa. Nói rằng nay ta lại muốn ông nhớ nghĩ bản nguyện hành đạo cho nên vì các Thanh văn nói kinh Đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, không nói vì Bồ-tát nói. Châu thứ ba văn nói: Nếu Như lai tự biết đến thời Niết-bàn, chúng lại thanh tịnh nên vì họ nói kinh này, thế gian không có Nhị thừa mà được diệt độ chỉ có nhất Phật thừa được diệt độ thôi! Lại nói chỉ có nhất Phật thừa, vì dứt lo nghĩ nên nói hai. Dùng văn ba châu này để chứng minh cho nên biết khai một làm ba chỉ vì người Nhị thừa. Nay gom ba về một cũng vì người Nhị thừa. Nếu vậy nghĩa xin ba cũng là người Nhị thừa xin.

Hỏi: Người Nhị thừa ra ngoài cửa nhưng không thấy hai xe cũng không thấy ba xe ư?

Đáp: Ra đến gần cửa chánh sử không có hai xe nên không thấy, chưa ra xa cửa tập khí vô tri cũng không thấy một xe lớn, hai xe không có cho nên không thấy, xe lớn có mà chưa thấy.

Lại hỏi: cũng đắc hai môn cận viển đều không thấy ba xe phải chăng?

Đáp: Nếu nói đối một nói ba thật không có ba, thì hai môn cận viển đều không thấy ba. Nếu căn cứ trong ba tự luận hư thật như nói chỉ một sự thật đây, hai thứ khác chẳng phải chân thật. Xuất cận môn không thấy hai, xuất viển môn chẳng thấy một, lại hai môn cận viển đều không thấy hai, vì không có hai cho nên hai môn cận viển đều thấy có một. Một là thật có nên xuất viển môn được một, xuất gần môn biết có một, đây là căn cứ Bồ-tát.

Hỏi: La-hán vượt ngoài ba cõi cho nên xin, Duyên giác cũng như vậy chăng?

Đáp: Đang ngồi trong hội Pháp Hoa chỉ có La-hán không có quả Duyên giác cho nên chỉ là một người xin ba, chẳng phải người quả Nhị

thừa xin ba.

Hỏi: Nếu là một người vì sao vẫn lại nói các con theo cha tìm xin xe, đã nói các con thì biết đó là người Ba thừa ư!

Đáp: Ở dưới trong phần hợp thí nói: nếu thấy vô lượng ngàn ức chúng sinh dùng môn Phật giáo vượt khổ ba cõi được vui Niết-bàn, liền ban cho xe lớn, đây là căn cứ La-hán chẳng phải một nên nói có các con. Lại tuy không có Duyên giác nhưng ngầm có người chứng quả Duyên giác, làm xin xe ví như hợp Duyên giác nhân, người lãnh giải nghĩa cũng không lỗi. Lại tức dùng văn này để chứng minh không có Bồ-tát xin xe, chỉ có La-hán liền được xin ba xe, đâu phải ba người mới xin ba xe ư!

- *Thứ tư* là nói thời tiết: Hỏi: Thời nào xin quả ư?

Đáp: Xưa nói đắc La-hán về sau, đến trước Pháp Hoa lúc này có xin, xưa Phật vì người Ba thừa nói nếu có thể dứt phiền não trong ba cõi liền được Tận, Vô sinh trí, người Ba thừa liền y giáo tu hành dứt hoặc ba cõi thành quả Vô học, hàng Vô học này đều đầy đủ giải, ba minh, có trí chung cho sinh tử vị lai, trong tâm an nhàn, tư duy so lường bèn thấy đời vị lai còn có nhân quả sinh tử. Nhân sinh tử chưa tận, chưa có tận trí, quả sinh tử chưa đở, chưa có vô sinh trí, nếu vậy vì sao Đức Phật dạy dứt hết hoặc nên có Tận trí, quả vong nên có Vô sinh trí ư! Cho nên theo Phật cầu xin Tận trí, Vô sinh trí.

Lời bình rằng: Suy tìm châu thứ hai, Ý Thí nói chính ở xin xe, nếu ở đây nói có thể hiểu, các thí dụ tự rõ ràng. Nay xin hỏi: Nếu đắc La-hán tức xin hai trí, thời ấy đã nên động chấp, sinh nghi, như vậy Pháp Hoa chỉ bỏ ba bày một liền là vô dụng. Vì sao? Vì bỏ ba bày một vốn là động chấp sinh nghi trước chưa nói nghi chấp đã động, đâu nhọc lại dùng lược nói ở trước. Lại nạn hỏi rằng: Nếu chưa nói pháp Hoa mà đã sinh nghi thì Thân tử đắc quả xong rồi nên nói nay ta tự đối với trí nghi ngờ không thể hiểu rõ, vì đó là pháp rốt ráo hay là pháp hành đạo! Đâu đợi nói pháp Hoa mới có xướng như vậy. Lại trong phần lãnh giải nói lúc mới nghe Phật nói trong tâm kinh sợ nghi ngờ, nếu trước đã chấp động thì việc gì nay nghe mới kinh nghi ư!

Hỏi: Nếu trước nói pháp Hoa chưa động chấp sinh nghi thì vì sao Thân tử lại nói muốn đem hỏi Thế tôn là mất hay không mất ư?

Đáp: Văn đã giải thích, văn này không nói trong lý không có ba, mà giáo có ba, chỉ chấp chặt giáo xưa cho là vĩnh xa mất Đại thừa. Lại thấy Như Lai nói các công đức cao quý mà chất đầy một túi chậm chạp quay về sợ mất, hoặc sợ không mất, vì vậy nên đến nỗi có nạn này. Nếu

thật thấy nhân quả sinh tử đời vị lai thì biết tu hành thành Phật thì việc gì mà than thở xót xa ư! Tức dùng văn này phá bỏ lời Thân Tử nói. Lại theo nghĩa này của ông thì Tịnh Danh cho đến Pháp Hoa mà các Thanh văn đối với kinh Tịnh Danh tự nói chúng con vì sao bật dứt căn kia đối với Đại thừa đây đã như hạt giống hư. Lại nói đất cao nguyên không mọc hoa sen, thì đâu được nói trước lúc ấy Thanh văn dùng lý nghi giáo mê hoặc lý do dự giữa lý giáo, đã do dự giữa lý giáo làm sao được nói dứt bật căn kia, đã như hạt giống hư, tự thành trái nhau chẳng thể hội thông. Lại hỏi La-hán đắc quả xong liền xin, theo nghĩa ông từ Sơ giáo đến trước Pháp Hoa chưa nói việc ngoài ba cõi, vì sao như vậy? Đã thấy đời vị lai, sinh tử ngoài cõi bất tận ư! Nếu nói thấu hiểu sâu cho nên thấy việc ngoài ba cõi vì sao không hiểu sâu, tức biết ba quyền một thật ư! Lại A-la-hán thấy sinh tử vị lai bất tận: đây là trong lý nói hay trong giáo nói? Nếu trong lý nói thì Ba thừa sở nghiệp đã biết sẽ được thành Phật, sinh tử chưa mất, không đợi chứng Vô học mới biết. Nếu trong giáo nói, thì trước Pháp Hoa, Đại thừa giáo còn chưa nói việc ngoài ba cõi, sao nói trong Ba tạng giáo đắc A-la-hán sau liền thấy sinh tử đời vị lai bất tận ư! Nay nói ngày xưa chưa xin nay mới xin, làm sao biết? Vì trước cứu con được thí dụ thuộc nghĩa Ba thừa hóa đắc ở trước, xin xe dụ thuộc nghĩa Nhất thừa hóa đắc nay cho nên biết căn cứ nay nói xin, xưa không xin.

Hỏi: Vì sao trước không xin mà nay nói xin ư? Đáp: Xưa giáo nói thật có ba, lại tự cho thật có đắc ba cho nên không xin. Nay giáo nói không có ba, trong hội lúc ấy nghe không có ba tức liền sinh nghi vì vậy cho nên xin ba như cha mẹ dùng tay không lừa dối con bảo rằng tay thật có vật, con cho là thật có, con liền nín khóc, lại biết tay không mới xin cha.

Hỏi: Văn nói các con ra khỏi nhà thì đến xin cha, vì sao nói xưa không xin nay xin ư? Nếu vậy nay mới ra khỏi nhà xưa nên chưa ra ư?

Đáp: Nếu ra khỏi cửa liền xin cũng nên ra khỏi ba cõi xong liền biết không có ba chỉ có một, nay xem xét Pháp Hoa ba châu văn chỉ nói La-hán nghe kinh Pháp Hoa mới biết không có ba, khi chưa nghe chẳng biết không có ba, vì sao? Vì Thân tử lãnh giải nói ta đều đã dứt tà kiến, đối với pháp không đắc chứng, lúc bấy giờ tự tâm cho là đắc đến diệt độ mà nay mới tự giác là chẳng phải thật diệt độ. Văn này nói rõ trước Pháp Hoa tự cho là thật đắc ba, khi nghe giáo này mới biết không có ba.

Châu thứ hai, văn nói: Các vị tâm tự tại một ngàn hai trăm đây là

người Hữu Học, Vô học cũng đều tự xa lìa ngã kiến và kiến chấp có, không, v.v... cho là đặc Niết-bàn. Trong Hóa Thành nói: Lúc ấy, mọi người thẳng vào hóa thành nghĩ rằng đã diệt độ rất an ổn, cho nên biết người ba căn chưa nghe kinh Pháp Hoa tự cho là rốt ráo, chẳng biết không có ba vì sao nói đặc quả rốt ráo tức biết không có ba mà xin ba ư!

Hỏi: Trong thí dụ nói ra khỏi nhà liền xin xe như trước dẫn đến thời Pháp Hoa mới xin, đây thì Pháp trái với thí làm sao hiểu được?

Đáp: Phải đặc ý thí dụ, ý bất luận xin lâu mau, chỉ vì con ngu si chẳng biết không hiểu ý cha không biết quyền thật có không, cho nên xin cha; dùng đây để hiểu lúc ở trong hội ấy khiến bỏ ba chấp, vì vậy nên nói pháp không trái với thí. Sau thấy luận Pháp Hoa giải thích ba phen thỉnh văn nói có ba nghĩa:

- 1) Nghĩa quyết định.
- 2) Nghĩa nghi.

3) Y việc gì mà nghi. Quyết định: có Thanh văn phương tiên chứng đặc pháp sâu xa có tâm quyết định chứng đặc Niết-bàn; đây rõ ràng trước lúc ấy, chứng đặc Niết-bàn sinh tâm quyết định rốt ráo, không nghi là rốt ráo hay không rốt ráo! Nếu trước lúc ấy, đã nghi thì nghi gọi là do dự, không được gọi là quyết định, dùng luận suy tìm thì biết trước còn chưa xin, nay nghe giáo sinh nghi mới xin.

Hỏi: Ông dẫn luận Pháp Hoa để chứng minh trước lúc ấy chưa xin, ta cũng dẫn luận Pháp Hoa chứng biết có Bồ-tát xin, luận giải thích sự sợ hãi trong ba phen thỉnh văn nói có năm thứ sợ hãi:

1) Sợ hãi thương tổn: như người Nhị thừa chấp Tiểu là thật, chê bai không có Đại thừa.

2) Nhiều việc sợ hãi, do người Đại thừa sinh tâm như vậy ta từ vô lượng vô biên kiếp thực hành hạnh Bồ-tát, sinh ý kinh sợ khởi tâm chấp khác thừa.

3) Điền đảo sợ hãi phân biệt ngã, ngã sở kiến, thân bất thiện.

4) Ăn năn sợ hãi, như Thân tử nói ta không nên chứng Tiểu thừa như thế.

5) Lừa dối sợ hãi: là Tỳ-kheo tăng thượng mạn nói rằng vì sao Như lai lừa dối ta. Xét năm việc kinh sợ này, thứ hai có Bồ-tát kinh sợ nên có Bồ-tát xin, thứ tư Thân tử hối hận nên trước lúc ấy đã xin lẽ nào chẳng phải ông giải thích trái với luận ư! Đáp: Nếu vì kinh sợ mà xin thì các kinh Đại thừa đều nói nghe pháp Đại thừa kinh nghi sợ hãi, Pháp Hoa lẽ ra là xin.

Hỏi: Dùng lời này nạn hỏi, tức dùng nghi làm xin, các kinh Đại thừa đều nói nghe kinh Đại thừa nghi đều lẽ ra là xin ư?

Đáp: Phải xét kỹ lời ý của văn luận, luận chép: Bồ-tát kinh sợ khởi tâm chấp khác thừa. Cho nên, nếu dùng văn này để xin Phật thừa thì chính Bồ-tát phải tìm Phật thừa ngày xưa, sao lại khởi tâm chấp thừa khác ư! Nay văn Thích luận này chính là nói Đại thừa sâu xa, Nhị thừa nghe sinh tâm chê bai như nghĩa thứ nhất trong năm nghĩa. Bồ-tát nghe Đại thừa sâu xa chỉ có Phật rốt ráo mới hiểu được các người khác không hiểu, như phát tâm ở trên trở lên. Bất thoái trở xuống đều không hiểu trí Phật, Bồ-tát nghe nói, muốn lui sụt giữ lấy Nhị thừa nên nói khởi tâm chấp thừa khác. Cho nên chẳng phải xin thừa Bồ-tát, Thân tử hối hận, văn trước đã giải thích.

- **Thứ năm:** là nói có xin không xin: Chú giải kinh chép: Tu Không lìa hữu, thì Không hữu đều hết, nếu thật ở ngoài cửa thì chỉ thay một, tức mọi cầu xin tự quên mất, làm gì có xin tình. Nay muốn nói về Ba thừa sơ nghiệp kỳ vọng đem nói lên hội nhập ở cuối thành. Cho nên, giả lập lúc ấy cho nói để hiển rõ nghĩa đồng ban cho.

**Lời bình rằng:** chú giải kinh dựa theo ý kinh Thắng-man giải thích nên không có nghĩa xin. Đây là được ở kinh kia mất ở giáo này. Giáo này đã nói có xin không nên nói giả lập. Ngài Khung Cơ nói: Không riêng có xin, chỉ có đại căn cơ hội nghĩa Phật đồng với xin, vì sao? Vì đại căn cơ đã phát lại trông mong trước thì không có Ba thừa cho nên nói xin ba. Lời bình rằng: Ngài Khuy Cơ được nghĩa cầu Nhất thừa, mà mất ở nghĩa xin ba. Vì sao? Vì thật có căn cơ động cầu Nhất lại có trong tình xin ba, thiên chấp một căn cơ, mất ba ở tình xin cho nên chẳng dùng.

- **Thứ sáu:** là nói Đại Tiểu. Có người nói xin một xe lớn chẳng xin ba, vì sao? Vì cha đã cho xe lớn thì biết xin xe lớn, nếu không xin xe lớn thì do đâu mà ban cho xe lớn. Có người nói: Văn nói xin ban cho chúng con ba thứ xe báu không nên trái với văn nói xin một. Lời bình rằng: Chấp thiên lệch hai văn đều mất ý viên, khảo xét ý chỉ kia trở về thì đầy đủ xin, do đại căn cơ đã động cho nên cầu một, tình chấp nơi ba nên xin ba, cơ tình hợp luận thì ba, một đều xin.

- **Thứ bảy** là hợp hai kinh: Hỏi: Theo kinh Thắng-man sơ nghiệp đã biết không có ba đây thì không xin, căn cứ kinh đây hàng Vô học còn hoặc nơi giáo cho nên có xin, làm sao hợp thông ư?

Đáp: Xưa nói Thắng-man là liễu nghĩa giáo lý thật ngôn, cho nên không có xin, kinh này căn cứ giáo nên có xin. Lời bình rằng: Nghĩa



này đã như Phẩm Phương Tiện giải thích rộng hai kinh đồng khác, nay lại trình bày: Nếu Thắng-man là lý nói, kinh này căn cứ giáo thì cũng khác nhau xưa giải thích nói người Ba thừa chấp chặt giáo trước cho là có rốt ráo cho nên không xin. Nay giáo không có ba cho nên theo Phật xin ba.

- **Thứ tám:** là nói nghĩa ba căn xin không xin: xưa nói chỉ có người trung căn xin, hai người lợi căn độn căn không xin.

Hỏi: Làm sao biết hai căn kia không xin ư?

Đáp: Phẩm Hóa Thành nói: nghĩ rằng đã được độ rất an ổn, chấp giáo làm giải cho nên không xin.

**Lời bình rằng:** Không như vậy tìm người ba căn đều có xin. Thân tử nghi rằng: nay Ta tự biết nghi ngờ không thể hiểu đó là pháp rốt ráo hay là pháp hành đạo, tức là thượng căn xin. Trong châu thứ hai có thí dụ xin xe xem xét người trung căn hẳn có xin, trung thượng đã xin thì biết người hạ căn cũng xin.

Hỏi: Người hạ căn vì sao không có văn nói xin?

Đáp: Đầu Phẩm Thí Dụ nói Thân tử vượt qua trung căn, hạ căn đều có nghi hối, cho rằng trung căn hạ căn cũng có xin. Lại dùng nghĩa suy tìm xưa ba căn đều chấp chặt, giáo xưa tự cho là rốt ráo cho nên đều không xin, nghe giáo nay không có ba rốt ráo cho nên đều có xin thì nghĩa có thể biết.

Hỏi: Văn ba châu đều nói người ba căn có nghi chấp vì sao là xin ư!

Đáp: Nếu không dùng nghi chấp làm xin thì lại dùng văn gì vì người ba căn xin ư! Lại ở vườn Nai về sau đến trước Pháp Hoa sao trong kinh nói Ba thừa tình xin ư! Nay nói chỉ thời Pháp Hoa ba căn có nghi nên có xin, trước thời nay không nghi nên không xin.

Hỏi: Nếu người ba căn đều có xin vì sao châu thứ hai có xin xe, còn các văn khác không có!

Đáp: Người thượng căn xin ba, Đức Phật trong phẩm Phương Tiện nói thẳng pháp nói liền ngộ, không cần làm thí dụ xin xe, người trung căn chưa ngộ vì làm Thí dụ xin xe liền hiểu, người hạ căn nghe thí dụ xin xe không ngộ lại đợi dụ Hóa thành mới ngộ. Nếu đều làm một ví dụ làm sao gọi là thích hợp ba duyên ư! Lại sao gọi là ba châu nói khác nhau!

Hỏi: Nếu dùng nghi làm xin, thì phạm Thánh tất cả người nghi, lẽ ra tất cả đều xin, mà nay ra cửa không thấy có ba để xin ba, trong cửa chưa thấy có hay không làm sao xin ư!

Đáp: Người trong cửa và người ngoài cửa đều chấp giáo xưa, đều có ba quả rất ráo nay nghe không có ba nên người trong và ngoài cửa đều xin ba.

Hỏi: Người ngoài cửa xin vì sao khác?

Đáp: Người ở trong cửa xin ở đương lai ba, người ngoài cửa xin ở hiện tại ba, cho nên có khác.

Hỏi: Văn chỉ nói ra ngoài cửa xin, không nói trong cửa xin vì sao trái với kinh ư!

Đáp: Phật nói thí dụ muốn cho dễ hiểu, khiến người ngoài cửa xin ba xe thông hiểu lúc ấy hội nghi hối, trái lại trách rằng: Nếu chỉ người ngoài cửa xin cũng chỉ ban xe cho người ngoài cửa, không ban cho người trong cửa, chỉ nên thọ ký cho hàng vô học thành Phật, người Hữu Học không nên thọ ký, người Vô học thực hành đạo Bồ-tát, người Hữu Học chẳng phải đạo Bồ-tát. Nay thí dụ ban xe tuy ban cho người Vô học, thật ra ban cho cả mọi người, cũng tuy người Vô học xin mà thật ra là tất cả mọi người xin. Kinh sư không hiểu rốt ráo đầu đuôi nên không biết ý thí dụ.

Hỏi: Nếu dùng nghi làm xin, phẩm Phương Tiện nói: Bồ-tát nghe pháp ấy lưới nghi đều đã dứt, nếu vậy Bồ-tát nên có xin?

Đáp: Bồ-tát nghi khác với Nhị thừa nghi, Nhị thừa xưa cho rằng rốt ráo nay nghe không rốt ráo, vì vậy nên dùng xưa nghi nay do đó có xin. Bồ-tát không phải tự cho là rốt ráo nay nghe không rốt ráo nên sinh nghi do đó Bồ-tát không xin, chỉ vì người mới hành nghi vì sao trước Phật nói ba nay vì sao nói một, trước nay ba, một trái nhau cho nên sinh nghi.

Hỏi: Bồ-tát nghi trước nói có ba nay nói không ba tức là Bồ-tát xin ư!

Đáp: Lãnh trên một có, hai không có nghi này lại dứt, Nhị thừa xin ba cuối cùng xin hai, Bồ-tát nghi ba cũng là nghi hai. Phật thừa từ đầu đến cuối đều có cho nên không nghi không xin.

Hỏi: Bồ-tát cũng có xin, Phật thừa không xin ư?

Đáp: Trước nói Ba thừa đều có, nay bỗng nói Nhị thừa không, trước tuy nói Phật thừa là có nay cũng không thoát khỏi, có nghi này chẳng phải ý chính.

Hỏi: Nhị thừa cũng xin Phật thừa hay không?

Đáp: Cũng có nghĩa này theo lệ như Bồ-tát trước nếu nói có hai, nay lại không hai Phật thừa cũng vậy, đây đều là nghĩa phụ chẳng phải đại tông xin xe.

Hỏi: Con ra khỏi cửa tự thấy không có xe, đấng La-hán ra khỏi ba cõi cũng nên tự thấy không có ba ư?

Đáp: xưa nói chính như vậy, nay xin hỏi: Nếu tự thấy không có ba lẽ ra cũng tự thấy có một sao lại xin ư! Nay nói nếu xét biết không có ba cũng không xin, nếu trước có ba cũng không xin, chỉ vì xưa cho là có nay lại nói không. Xưa nay có không hợp nói cho nên có xin.

- **Thứ chín**: kể là nói bốn câu: xưa nói có bốn câu:

1) Xin mà căn cơ không phát, tức là từ vườn Nai về sau người Vô học và Bồ-tát Lục trụ.

2) Phát mà không xin, ngồi trong hội Pháp Hoa bầy hạng người Hữu Học, Đại sĩ năm trụ và phàm phu.

3) Vừa phát vừa xin, nghĩa là thời giáo nay là cho người Vô học.

4) Không phát không xin, tức là bầy hạng người Hữu Học Ngũ trụ Bồ-tát và phàm phu ở trước thời Pháp Hoa.

Lời bình rằng: Phá nghĩa này như trước, nay chia làm bốn câu: 1) Căn cơ phát mà không xin, nghĩa là Bồ-tát nghe Nhất thừa lãnh ngộ, vì vậy nên căn cơ phát, không tự chấp chặt nên không xin. 2) Xin mà không phát: như người Nhị thừa nghe kinh Pháp Hoa không lãnh ngộ, như cầu Nhị thừa trước có chấp chặt nên nay xin mà không có đại căn cơ nên không ngộ.

Hỏi: Đã không có đại căn cơ do đâu mà nghe ư?

Đáp: Chỉ có căn cơ nghe không có căn cơ ngộ, nên nói không có phát.

Hỏi: Làm sao biết có câu này?

Đáp: Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Trong chúng Thanh văn có người tin hiểu có người không tin hiểu, tức là việc ấy.

Vừa phát vừa xin, như người ba căn. Không phát, không xin: tức trước Pháp Hoa và phẩm Hóa Thành Dụ nói: sau khi ta diệt độ lại có đệ tử không nghe kinh này, không hiểu không biết Hạnh Bồ-tát, tự đối với công đức đã đấng của mình nghĩ là diệt độ.

Lại có bốn câu:

1) Quyền mà chẳng thật: là Nhị thừa.

2) Thật mà chẳng quyền: Nhất thừa ngày nay.

3) Vừa quyền vừa thật, phần lớn trong Ba thừa ngày xưa. Chẳng phải không có Phật thừa đạo cho nên thật, nhưng trước nói chưa tận cho nên quyền.

4) Chẳng quyền chẳng thật tức là tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng ngôn ngữ diễn nói, mất ba câu trên.

Lại có bốn câu:

1) Hợp đại mà lia Tiểu. Hợp Đại: Phật, Bồ-tát đồng gọi là Phật thừa. Lia tiểu: Thừa Thừa Thanh văn Duyên giác.

2) Lia Đại mà hợp Tiểu, trong Đại Phẩm nói nghĩa ba trí: Phật là Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát là Đạo chủng trí, cho nên Phật Bồ-tát chia ra hai trí. Hợp Tiểu: người Nhị thừa gọi chung là Nhất thiết trí.

3) Đại Tiểu đều hợp: Gọi thẳng Đại Tiểu hai thừa cũng là tạng Đại và Ba tạng.

4) Điều khai: Như Ba thừa và Thập địa. Bát địa tức nhân quả hai thừa, Cửu địa và Thập địa là nhân quả Đại thừa. Trong dòng sinh tử bảy người cũng là nghĩa điều khai.

- *Thứ mười* là: Rộng hợp giáo nay: Hỏi: vì sao xe ba, sứ giả hai?

Đáp: Xưa nói xe vì người Ba thừa thiết lập thí dụ nên nói ba, chỉ vì Nhị thừa lãnh giải cho nên sứ giả có hai. Lời bình rằng: Nếu vì người Ba thừa lập ví dụ ba, người Nhị thừa nghe hai việc lãnh giải, có thí dụ hai sứ giả vì sao Bồ-tát không lãnh giải không lập thí dụ Đại sứ giả! Lại phẩm Thí dụ nói chính vì người Thanh văn trung căn, Bồ-tát đâu được ở trong số trung căn ư? Nay nói hai nói là giải thích hai nghĩa chung riêng:

1) Chung mà luận đều bình đẳng, Ba thừa sở thừa đã có ba xe, hóa nơi ba người cũng có ba sứ giả, ba người dừng nghỉ liền có ba thành. Đại kinh chép: Người Thanh văn dùng Tiểu Niết-bàn mà bát Niết-bàn cho đến nói Bồ-tát dùng đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn, cho nên biết cũng có ba thành.

2) Riêng mà làm luận xe có ba: Trước dùng Nhất thừa hóa độ các con không được nên đối Nhất Phật thừa chia ra nói ba cho nên biết ng- hĩa nói ba đều vì người Nhị thừa. Đã vì người Nhị thừa đối một nói ba, người Nhị thừa liền lãnh giải, biết một trong ba là thật, hai khác chẳng thật cho nên chỉ nói hai sứ giả không có ba sứ giả.

Hỏi: Khi mới thành đạo thật có căn tánh Ba thừa cho nên nói Trưởng giả có các con hoặc mười, hai mươi cho đến ba mươi người. Nếu vậy Ba thừa giáo vì người Ba căn đâu được đối một nói ba vì người Nhị thừa ư?

Đáp: Trước đã giải thích rồi, nay cũng có hai giải thích ý hai phẩm. Trong nhà Trưởng giả có ba mươi người con, đây là căn cứ người Nhị thừa từ đầu đến cuối đầy đủ căn tánh Ba thừa; chỉ là khi Phật thành đạo chỉ có căn tánh Nhị thừa mà không có Đại thừa, do đó hóa Nhất thừa không được nên đối một nói ba vì người Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết người Nhị thừa từ đầu đến cuối có đủ căn tánh Ba thừa ư?

Đáp: Văn nói hoặc hai mươi, ba mươi cho đến ba mươi, nếu nhất định có căn tánh Ba thừa thì việc gì phải gọi là hoặc ư! Do đầu có hai tánh sau mới có một căn cơ cho nên gọi là hoặc cho đến, v.v... đây là đối với ý phẩm Phương Tiện.

Ban đầu Nhất thừa hóa không được sau dùng Ba thừa hóa được: Đây là căn cứ chung riêng làm luận, nói Trưởng giả vốn có ba mươi người con, Đức Phật khi mới xuất thế đã có căn tánh Ba thừa. Nếu chỉ dùng Nhất thừa, hóa căn tánh Ba thừa thì có ba thứ căn cơ chỉ có một giáo không do đâu mà hóa lý thế nên, dứt hóa Nhất thừa, đối Nhất Phật thừa phân biệt nói ba hóa được ba người.

Hỏi: Sao biết như vậy?

Đáp: Phẩm Thí dụ nói: Nếu ta chỉ dùng sức thần thông và trí tuệ vì các chúng sinh khen ngợi tri kiến, lực vô sở úy của Như lai thì chúng sinh không được độ, văn đã có nói “chỉ dùng” cho nên biết Nhất thừa hóa ba người không được, nếu đối một nói ba, hóa được ba người nên có ba con cầu xin xe.

Hỏi: Khi mới thành đạo có ba căn tánh, Nhất thừa hóa Nhị thừa căn cơ không được hóa. Bồ-tát thì được, vì sao lại nói: Ta thà không nói pháp mà mau nhập Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là căn cứ nghĩa trước! Từ đầu đến cuối mới có ba căn cơ, đương thời không có đại căn cơ do đại hóa không được cho nên muốn nhập diệt. Lại chỉ dùng Một hóa ba tiến, công không lợi ích, thoái có tội khởi phỉ báng cho nên muốn nhập diệt, đây là căn cứ nghĩa sau.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Do Nhất thừa hóa không được nên hướng đến vườn Nai vì Thanh văn nói pháp, cho nên biết lúc mới không có đại căn cơ, chỉ có tiểu căn cơ.

Hỏi: Trước ở chỗ nào nói Ba thừa ư?

Đáp: Tại vườn Nai chỉ nói Thanh văn cho nên nói trước ở thành Ba-la-nại, chuyển pháp luân Tứ đế, chỉ vì Phật là bậc giáo chủ, tức có Phật thọ ký cho Di-lặc cũng là nói Phật thừa.

Hỏi: Thừa Duyên giác nói lúc nào?

Đáp: Lúc đức Phật Đại Thông Trí Thắng nói Tứ đế, liền nói mười hai nhân duyên, đức Thích-ca cũng lệ theo đây. Lại Đại kinh nói ở thành Vương xá vì Ca-diếp giảng nói đầy đủ mười hai nhân duyên. Kinh Vô Lượng Nghĩa nói: Trước vì Thanh văn nói bốn đế, giữa vì Duyên giác

nói mười hai nhân duyên sau vì Bồ-tát nói sáu độ, dùng văn này suy tìm biết trước nói Tứ đế, sau nói nhân duyên.

Hỏi: Ngoài cửa vì sao không có xe ngoài do-tuần có hóa thành ư?

Đáp: nghĩa theo lệ có thể có ba câu:

1) Căn cứ giáo trước thành xe đều có, trước nói có ba xe cũng nói có một thành.

2) Căn cứ giáo nay thành xe đều không.

3) Không có xe có một thành, muốn nói thật không có ba xe, cũng quyền có nên có hóa thành. Đều có là chỉ bày hai quyền, đều không căn cứ hai thật, một có một không tức một quyền một thật.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Do chúng sinh sợ Phật đạo lâu dài mà làm chỗ dừng nghỉ nên quyền nói hóa thành. Cho nên, biết trình bày xưa tức nói nghĩa quyền, căn cứ nay nói cõi Phật mười phương không có Ba thừa, thời hội giữa đó không có nên xin Phật. Cho nên, biết xe không có căn cứ nay thì thật. Lại dụ hóa thành thuộc Ba thừa hóa đặc cho nên tựa trước là quyền, xin xe dụ thuộc Đại thừa hóa đặc nên nay là thật.

Hỏi: Sao xả bỏ ba xe mà hóa một thành ư?

Đáp: xe ở ngoài nhà, các con trong nhà, mắt không thấy nên bỏ ngoài cửa không cần hóa làm. Thành còn rất xa, giữa đường mọi người mỗi mệt không đi nổi nữa nên đạo sư hóa ra ngôi thành lớn, mọi người xa thấy đều cố gắng, đã nhìn thấy thành làm sao không đi! Cho nên, đạo sư phải hóa làm thành.

Hỏi: Các con vì tìm xe ngoài cửa mà ra khỏi nhà, cũng như mọi người vốn vì hưởng đến hóa thành mà tiến lên đường phải không?

Đáp: hai thí dụ mà ý khác nhau chẳng phải một. Bản ý của ba xe là cầu Ba thừa làm thí dụ, bản ý của hóa thành là cầu Phật đạo làm thí dụ, nhưng giữa đường mệt mỏi muốn lui cho nên quyền lập hóa thành.

Hỏi: Vì sao xe nhiều thành một, xe động thành tĩnh?

Đáp: xe ba y cứ về trí hơn, thua, thành một là căn cứ Niết-bàn không hai, thành là dừng nghỉ cho nên tĩnh, xe là đạo chơi vui sướng nên động, đều nêu lẫn nhau, mà không trái nhau.

Hỏi: Hai sứ giả vì sao không hóa ra, cũng không xả bỏ ư?

Đáp: Sứ sai khiến là Phật giáo, ở đây không thể không có, cho nên không được nói hóa. Lại giáo căn cứ bị duyên cũng không được xả bỏ.

Hỏi: Bốn thứ quyền thật vì sao có đồng khác ư?

Đáp: Ba xe và một xe đây đều là lý do giáo tiêu biểu, ba xe là

quyền một xe là thật, một sứ giả gọi là một thừa giáo, hai sứ giả gọi là hai thừa giáo, giáo có cả nhân lẫn quả. Văn này ba sứ giả đều là nói trong cửa, ba xe một xe đều là việc ngoài cửa, hai sứ giả là quyền, một sứ giả là thật. Nếu nhà lớn và am tranh: Am tranh: là lý giáo Tiểu thừa, nhà lớn là lý giáo Đại thừa, hai thứ này có cả nhân quả. Nếu Hóa thành cho là quả Tiểu thừa thì đảo châu báu là quả Đại thừa.

Hỏi: Chỉ là một pháp vì sao nói nhiều thứ?

Đáp: Thế tuy là một mà tùy nghĩa nói bốn, ngang dọc tự tại, hoan hỷ vui sướng nên gọi là xe, cái gọi là giáo môn tùy Phật vận dụng, như sứ giả năng chỉ bảo chúng sinh như người. Chánh pháp Đại thừa không hoạn nạn, không chướng ngại như nhà trống thông suốt không gì ngăn ngại làm một, chúng đức đáng quý đi bộ xa mới đến được đến đảo châu báu, bốn nghĩa Tiểu thừa có thể dùng ý cầu.

Kế là nói về xin xe có bốn lớp:

- 1) Nhân quả.
- 2) Phước tuệ.
- 3) Không hữu.
- 4) Hữu vi, vô vi.

Xưa giải thích ba xe chỉ là quả chẳng phải nhân, xe lớn có hai giải thích: Quang Trạch nói quả địa rất ráo. Hai trí tận và vô sinh làm thế; xa vượt ngoài do-tuần đối xưa gần nên gọi là cao đầy đủ bao gồm muôn đức, đối xưa hẹp nghĩa là rộng trang nghiêm, nói xe lớn là nhân, chung muôn hạnh làm thế. Tuy chung muôn hạnh nói lược hai pháp làm chính:

1) Bồ-đề đại nguyện trên cầu Phật đạo là cao, dưới độ chúng sinh là rộng.

2) Không tuệ chẳng lìa, từ đầu đến cuối đắc Bồ-đề là cao, chiếu khắp pháp tánh là rộng.

Lời bình rằng: ba xe là quả không xa văn nghĩa. Văn nói: Nay ba xe này đều ở ngoài cửa. Nghĩa là chưa thoát khỏi lửa sinh lão bệnh tử trong ba cõi, ngoài ba cõi thì thoát hẳn, do văn nghĩa rộng này có thể như vậy. Xe lớn xen lẫn chấp nhân quả văn nghĩa đều tổn thương, nay sẽ nói đầy đủ: Nếu nói xe lớn chỉ là quả thì sao dưới lại nói nương xe báu ấy thẳng đến đạo tràng ư! Cho nên một không thể. Lại các con, xin xe, cha thì ban cho xe, các con được xe đều cõi xe, nay chỉ là quả: là hứa xa, cha chưa cho, thì con không được. Sao gọi là cõi xe ư? Trước hứa cho ba xe, thật không được ba xe, nay hứa cho một lại chưa được một, nếu vậy ba một, hai loại xe đều hứa mà chưa cho, nên hai không



thể được.

Bào chữa rằng: Chính là nói đồng qui ba giáo, thọ ký Ba thừa thành Phật khiến cho kia chú tâm tại quả mà tu hành. Cho nên nói cỡi xe lớn ấy mà tiến tới! Nạn rằng: Trước đối một nói ba, ba chẳng rớt ráo nên ngoài cửa không có xe, nay gom ba về một, Nhất thừa là thật cho nên con được xe lớn. Lại chẳng phải pháp riêng tức mất Ba thừa xưa mà đồng vận hưởng Phật làm thể xe lớn. Đây đâu phải nêu quả tuối thọ mà con cuối cùng không được ư! Cho nên ba không thể. Lại cho xe lớn là quả sẽ thọ ký, thì xưa hứa cho ba xe cũng là thọ ký Ba thừa. Cho nên, bốn không thể. Lại vượt ngoài hai thứ tử nên nói cao, vượt ngoài hai thứ tử nên thường. Nếu giáo đây nói Phật còn là vô thường, thì giáo đây nói Phật chưa vượt ngoài hai thứ tử, chưa vượt ra không gọi là cao. Nếu nói trên đỉnh hai thứ tử nên chưa thường thì trên đỉnh hai thứ tử cũng là chưa ra khỏi, như đỉnh của Tam hữu (ba cõi) cũng chưa ra khỏi Hữu đỉnh đỉnh núi còn chưa lìa núi, đỉnh hai thứ tử còn chưa lìa hai thứ tử.

Lại hỏi: hai thứ tử thâm nhiếp vô thường là tận hay bất tận, nếu tận thì đã vượt ngoài hai thứ tử vượt ngoài vô thường, lẽ nào chẳng phải thường ư! Nếu bất tận lẽ ra có sáu trăm chẳng phải năm trăm trở lại nạn rằng: Nếu vượt ra mà chưa thường, bất thường; nhưng chưa ra, không thể thường mà chưa ra, đâu được ra mà chưa thường ư! Lại vượt ra hai thứ tử mà chẳng thường, thì chưa ra hai thứ tử lẽ ra là thường. Chưa ra đã chẳng phải thường, thì ra lẽ ra là thường. Cho nên năm không thể được. Lại nếu nói chưa vượt ra hai thứ tử cũng nên chưa năm trăm do-tuần cho nên ra thì có hại, nghĩa không ra thành xa vắng; tiến lùi không chấp nhận, không thể bào chữa. Cho nên sáu không thể được.

Lại hỏi: Trước hai xe chỉ thoát ra chánh sử, nên dưới nói: xưa Đức Phật vượt ra ngoài tập khí vô tri, vì sao dưới nói như thế ư? Cho nên thông một, chưa đủ giải thích ba không đầy đủ, đó là điều thứ bảy không thể. Kế là bình rằng: Trang nghiêm, nghĩa ấy cũng không đúng. Nếu nói xe lớn chỉ là nhân thì dưới trong hợp vì sao nêu quả đức hợp! Văn nói đều lấy sự diệt độ của Như lai mà diệt độ. Lại nói đều cùng thiên định giải thoát của Chư Phật gọi là ban cho xe lớn!

Lại vặn hỏi rằng: Nếu xe chỉ là nhân chẳng phải quả thì hành cũng chỉ có nhân chẳng phải quả, Đại kinh chép: Lại có một hành là Như lai hành gọi là Đại thừa đại bát Niết-bàn. Không nên nói xe chỉ là nhân. Lại xưa nói ba xe là ba quả, nay xe lớn sao chẳng phải quả lớn! Lý không như vậy, không có mỗi một! Lại kinh này nói Diệu Pháp rõ ràng chỉ là quả đức mới là diệu cùng cực. Nếu vậy, thì quả xe là diệu

cùng cực, nhân xe chưa cùng cực. Theo lệ, nhân thừa chưa cùng cực, quả thừa mới cùng cực, vì sao không chọn thừa cùng cực làm thừa, mà chọn lấy thừa không cùng cực làm thừa ư? Lại nhân có thừa, quả không có thừa thì nhân xe, quả không xe, tức Trưởng giả tự không có xe thì lấy gì mà cho? Nếu nói kinh này chỉ chọn tiến đến thừa không chọn quả đức thừa thì cũng không đúng. Trước phải rõ quả đức diệu thừa, dùng đây ứng vật rồi mới thực hành nhân thừa để cầu quả thừa, thì biết quả thừa là thượng tông vì sao không chọn ư!

Hỏi: Nếu các giải thích đều sai nghĩa là chỉ bày ý này ư?

Đáp: Dùng văn nghĩa suy tìm có đủ bốn câu:

1) Chỉ quả xe chẳng phải nhân xe, như ba xe đều ở ngoài cửa.

2) Chỉ nhân xe chẳng phải quả xe, như Đại Phẩm là thừa đức từ ba cõi ra đến Tát-bà-nhã. Luận giải thích rằng: Đến bên Tát-bà-nhã thì không gọi là thừa, theo lệ thì tại trong tâm Bồ-tát gọi là Bát-nhã, ở tâm Phật trái lại gọi là Tát-bà-nhã.

3) Vừa nhân vừa quả: đây đủ như hai văn của kinh này, các con cưỡi xe ấy tức là nhân xe, Như lai sở thừa tức là quả xe, nhân quả lại không hai. Ở tâm Bồ-tát gọi là nhân, ở tâm Phật gọi là quả. Nhân thì gồm muôn hạnh trang nghiêm làm xe lớn, quả thì muôn hạnh trang sức làm xe lớn.

Hỏi: Các con ra khỏi nhà có ban cho đầy đủ hai xe nhân, quả hay không?

Đáp: giao hẹn ra khỏi ba cõi ban cho xe nhân, thọ ký thành Phật là ban cho xe quả.

Hỏi: Các con có đắc quả xe hay không? Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Bồ-tát chắc chắn sẽ được thành Phật nên gọi là Phật thừa, đây là trong nhân nói quả.

Hỏi: Kinh này có văn đó hay không?

Đáp: Chỗ nào cũng đều có văn. Phẩm Tín Giải nói: Như cùng tử kia được vô lượng báu. Lại nói: Vô thượng báu lớn ấy không cầu mà tự được, gom lại có bốn câu:

1) Người nhân ngồi xe nhân, như nói các ông hành đạo Bồ-tát.

2) Người nhân ngồi xe quả, như Bồ-tát chắc chắn thành Phật nên gọi là Phật thừa, Phật thừa tức trong nhân nói quả.

3) Người quả ngồi xe quả, như muôn đức thành tựu, người là năng thừa, muôn đức là sở thừa.

4) Người quả ngồi xe nhân, như Văn-thù nói: Trước là Năng nhân sư, nay giáo hóa đệ tử.

Hỏi: Vì sao gọi là ban cho xe nhân?

Đáp: Trong văn có nói Nhị thừa hành đạo Bồ-tát tức chỉ cho hạnh Tiểu thừa dùng làm xe lớn khiến tin hiểu cho nên gọi là Thừa. Nên, Thân tử tự thuật rằng: Xưa đến nay nhờ Phật giáo hóa mà không mất Đại thừa.

Hỏi: Xe lớn đầy đủ hai xe nhân quả, Ba thừa có hai xe nhân quả không?

Đáp: Căn cứ thí dụ thì chỉ có quả không có nhân, căn cứ nghĩa cũng có, như các con nghe cha hứa nói cho xe, đây là giáo; đua nhau tranh giành nghĩa là như giáo tu hành, như giáo tu hành tức nhân xe.

Hỏi: Nhân xe Đại thừa địa vị lớn vì sao chỉ chọn lấy ngoài ba cõi ư?

Đáp: Nay chính vì Nhị thừa mà thí dụ, người Vô học vượt ngoài ba cõi khiến cho họ từ ngoài ba cõi tiến hưởng lên nữa nên gọi là xe ngoài ba cõi.

Hỏi: Trong văn còn có xe trong ba cõi hay không?

Đáp: Căn cứ thí dụ cũng có được. Đoạn dưới nói xe lớn lại có khách theo bậc Vô học đi đã là xe ngoài ba cõi, từ bảy lần sinh tử trở lên bảy hạng người Hữu Học đều là khách theo.

Đã nói chỗ thực hành của các ông là đạo Bồ-tát cũng là xe nhân Đại thừa giới nội, căn cứ nghĩa mà luận cho nên đều có.

Xe phi nhân phi quả tức là tướng vắng lặng của các pháp không thể dùng ngôn ngữ bàn luận, không thể dùng nhân quả nói được.

Hỏi: Vì sao nói phi nhân quả ư?

Đáp: Như Lại nói nhân quả đều là khai chánh pháp phi nhân phi quả, cho nên thâm nhiếp ba câu trên chỉ là hai câu nhân quả. Nhưng nhân quả là nghĩa nhân duyên nên nhân gọi là nhân của quả, quả gọi là quả của nhân, tuy có hai câu mà là một câu nhân quả. Nhân quả thì không là quả, quả nhân thì chẳng phải nhân, phi nhân phi chẳng quả gọi là câu “không” cũng do phi nhân quả nên có nhân quả, dùng câu “không” làm một câu.

Kế là khai một câu làm hai, hai câu làm ba, ba câu hoặc bốn câu, khai hợp như thế đều là trong Như lai vô danh tướng gượng làm danh tướng mà nói vì không tương ứng nhất định sinh chấp trước vậy.

Hỏi: Văn nói có xe có khách theo, v.v... là thế nào ư?

Đáp: Trước đã nói lược, nay lại nói rộng. Nói chung xe lớn là đủ thân nhân quả thâm nhiếp đầu cuối chỉ có Nhất thừa không có khách theo là căn cứ năm vị của Đại thừa mà luận:

1) Quả địa muôn đức làm xe tức quả nhân lên quả xe người nhân

đều là khách theo.

2) Trong ngoài ba cõi nói về: Thất địa đắc vô sinh nhẫn vượt ra ba cõi là lên xe. Lục địa đều là khách theo. Thích luận giải thích năng động, năng xuất nói vô sinh nhẫn là xuất, xuất là ra khỏi ba cõi.

3) Căn cứ chân, tương tự mà phân rõ: Đẳng Địa chân giải là lên xe, ba mươi tâm tự giải làm khách theo.

4) Ba mươi tâm đầy đủ giải hành, hành Địa là lên xe. Thập tín, v. v... bắt đầu nhập làm khách theo.

5) Thập tín cho đến ba mươi tâm đều là lên xe các điều thiện đưa tay, cúi đầu là khách theo. Tiểu thừa nói người Vô học vượt ra ba cõi là lên xe, bảy hàng người Hữu Học và phàm phu đều là khách theo. Ngoài ra so sánh có thể biết.

Hỏi: Vì sao kinh Đại Phẩm chỉ nói Đại thừa không nói về khách theo?

Đáp: Căn cứ đây có bốn câu:

1) Pháp Hoa nói nhân thừa ngắn, Đại Phẩm nói nhân thừa dài, vì sao? Vì Pháp Hoa ban xe cho các con ngoài cửa, xe lớn không thông trong cửa, cho nên trong cửa là khách theo, ngoài cửa là các con, xe lớn không thông trong cửa nên trong cửa theo, ngoài cửa lên xe do thừa ngắn nên có khách theo. Đại Phẩm nói xe ấy từ ngoài ba cõi đến Tát-bà-nhã, nhiếp trong ngoài đều là Đại thừa, Đại thừa thì dài không còn khách theo. Nếu dùng quả đức làm xe, khách theo trong nhân thì hai kinh đều có.

2) Căn cứ nhân quả mà luận, Pháp Hoa thừa dài, Đại Phẩm thừa ngắn. Pháp Hoa nói các con và Phật đều nương xe lớn, xe lớn có cả nhân quả nên dài. Đại Phẩm là thừa đến Tát-bà-nhã thì biến đổi không gọi là Thừa, nghĩa thừa thì ngắn.

3) Đề dài: Đại Phẩm nói Tát-bà-nhã thâm nhiếp tất cả pháp thiện. Lại nói từ Niệm xứ đến mười lực, v.v... đều là Đại thừa, đây là có cả nhân quả từ đầu cuối nên dài, Pháp Hoa cũng như vậy. Các điều thiện như: cúi đầu, v.v... và quả Địa các đức đều là Nhất thừa.

4) Đề ngắn: Đại Phẩm có chỗ đắc thiện bất động bất xuất không gọi là thừa, thiện vô sở đắc mới gọi là Thừa. Pháp Hoa nói thừa ấy thanh tịnh mầu nhiệm bậc nhất đối với các thế gian không có thừa nào trên, lấy không đắc các hành làm thừa. Căn cứ hai nghĩa này đều có khách theo.

Kế là nói về công đức trí tuệ: Xưa nói: ba xe đều chọn trí tuệ làm thể không bỏ công đức, công đức cùng phàm phu đều có, xe lớn cũng như vậy. Chỉ chọn Tận trí, Vô sinh trí của Như lai làm thể. Lời bình

rằng: không đúng, dưới hợp hai xe đại tiểu đủ chọn phước, tuệ. Văn nói xe nhỏ: Thừa là Ba thừa dùng căn, lực, giác, đạo thiên định, giải thoát, Tam-muội, v.v... vô lậu để tự an vui, đâu thể chỉ chọn trí tuệ ư! Hợp văn xe lớn nói: Đều cùng thiên định giải thoát của Chư Phật gọi là đồng ban cho, đâu chỉ có trí tuệ ư!

Hỏi: Xe nhỏ đủ chọn Phước tuệ cũng được đầy đủ chọn lậu, vô lậu ư?

Đáp: Chỉ chọn trí tuệ vô lậu. Cho nên văn nói: Tự tại không trói buộc không chỗ nương cầu. Lại gọi ngoài cửa: ấy là vô lậu. Xe lớn đã có cả nghĩa đầu cuối có thể biết.

Kế là nói về không hữu: Xưa nói: hai giải không hữu chỉ lấy hữu giải, Không giải vô động nên không chấp, lại Tận trí, Vô sinh trí chỉ là hữu trí. Lời bình rằng: Không đúng. Đối với Tiểu thừa dứt kết làm tông chính là Không giải, nên dùng Không giải làm chánh. Cho nên, văn dưới nói: Chỉ niệm pháp Không vô tướng vô tác, đây là quả đức Không giải. Chúng con lâu ngày tu tập pháp Không được hết khổ hoạn trong ba cõi nên người Nhị thừa chánh là chứng pháp Không, lẽ ra dùng Không tuệ làm xe, sao lại nói chọn hữu trí ư! Nay nói hai trí không hữu đều là thể của xe nhỏ, xe lớn cũng dùng tuệ thật, Phương Tiện tuệ làm thể của xe.

Kế là biện Nói về hữu vi vô vi: Xưa giải thích xe chính là thí dụ hữu vi, vì sao? Vì xe là vận động nên gọi là xe, vô vi, vô động nên chẳng phải xe, xe lớn cũng như vậy. Lời bình rằng chấp thí dụ đại, lỗi không tìm kinh. Tìm hai xe lớn nhỏ đầy đủ có hai văn. Hợp xe nhỏ nói: Muốn mau ra khỏi ba cõi, tự cầu Niết-bàn như các người con kia vì cầu xe dê mà ra khỏi nhà lửa, hợp xe dê cũng nêu hữu vi, vô vi hợp thì biết ba xe đầy đủ hữu vi vô vi.

Hỏi: Đầy đủ hai thứ lấy hữu vi, vô vi gì làm chánh?

Đáp: Nếu chọn ba xe xấu tốt nghĩa phân biệt dùng trí làm chánh, Ba thừa trí có hơn có kém, đồng nhập vô dư không có hơn kém, Nhị thừa dứt hết chánh sử cũng không có hơn kém, cho nên biết chánh là lấy hữu vi làm chánh để chia ra ba xe. Nếu chọn căn bản sở cầu thì người Nhị thừa vốn vì cầu Niết-bàn thì vô vi làm chánh. Vì sao? Vì Nhị thừa sợ sinh già bệnh chết, vốn cầu Niết-bàn nên dùng Niết-bàn làm chánh thí dụ xe, dù cho dứt kết cũng là Niết-bàn.

Văn dưới Cùng tử nói: Trước trả giá Niết-bàn tìm người hốt phân. Lại ba học thứ lớp cũng vì cầu diệt độ tu giới, tu giới để cầu định, đặc định là phát tuệ, tuệ dứt kết, chứng Niết-bàn. Cho nên, biết Niết-bàn là

chánh. Lại Phẩm Phương Tiện nói: người độn căn ưa Tiểu pháp, tham đắm sinh tử, vậy nên nói Niết-bàn.

Hỏi: Trong văn vì sao hợp xe dê mà chọn Niết-bàn, hợp hai xe còn lại nêu trí tuệ ư?

Đáp: 1) Xen lẫn nêu. 2) Hoặc đều nói câu Niết-bàn thì ba xe không khác, nay muốn nói về ba xe khác nghĩa cho nên hai thứ sau nêu trí.

Hỏi: Nếu vậy có thể nói Thanh văn chánh cầu Niết-bàn, hai thừa còn lại không như vậy ư?

Đáp: Nghĩa thật như vậy. Nếu người Ba thừa đều vì cầu Niết-bàn làm chánh thì chỉ nên chọn Niết-bàn, thực hành hạnh Thanh văn là đủ, chỉ vì người Duyên giác chê Thanh văn theo thầy mà trí thì độn cho nên cầu tuệ tự nhiên muốn được lợi căn. Bồ-tát lại chê Duyên giác trí độn không thể giáo hóa chúng sinh cho nên cầu trí Phật.

Hỏi: Xe lớn làm sao đủ làm vô vi?

Đáp: Văn dưới nói: đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ họ, là văn vô vi. Lại nói các chúng sinh ấy thoát khỏi ba cõi đều cùng thiên định trí tuệ đồng với Chư Phật đó là hữu vi. Lại văn này nếu chỉ pháp thân các đức thì đều là vô vi, đều dùng diệt độ của Như lai mà diệt độ họ, nghĩa là quả quả, đều đồng với thiên định của Chư Phật nên gọi là quả đức.

Hỏi: Vì sao xe lớn đều dùng các đức vô vi làm chánh ư?

Đáp: Người Nhị thừa vốn cho là pháp thân trí tuệ vô thường, ba đức không đầy đủ, nay xe lớn lại vô thường làm sao dẫn Nhị thừa được! Do thường trụ muôn đức khiến người Nhị thừa thích cầu! Nếu vậy xe lớn trong nhân thì đó là muôn hạnh hữu vi xe lớn của quả đức thì muôn đức thường trụ, muôn đức thường trụ một thể chỉ là căn cứ về nghĩa có khác, cho nên các đức trang nghiêm.

Hỏi: Xe chỉ chọn nghĩa vận động, hữu vi, hữu động, vô vi, vô động, vì sao gọi là xe ư?

Đáp: Triệu Sư nói: Càng tịch càng động đâu mất động ư! Hoặc do trước nay nói nghĩa thường định, không còn năng động ! Lại xe chỉ chọn vui sướng tự tại không tìm cầu không dùng nghĩa chấp động làm ví dụ. Lại nghĩa xe nhỏ đầy đủ hai văn hữu vi vô vi, hữu vi các đức vô động mà động, các đức vô vi động mà không động, có hai văn này may mắn nên dùng cả hai. Trong Đại thừa nhân thừa không động mà động, quả thừa động mà không động, lại ứng thân các đức không động mà động cho nên cõi xe dạo chơi năm đường, pháp thân các đức động mà không động.

## PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

### QUYỂN 7

Nghĩa: thí dụ trong Phẩm Tín Giải Ngài

Quang Trạch chia làm chín thí dụ:

- 1) Cha con thất lạc nhau.
- 2) Cha con gặp nhau.
- 3) Gọi con không được.
- 4) Gọi con được.
- 5) Dạy bảo người.
- 6) Giao cho tài sản.
- 7) Biết con có chí lớn.
- 8) Gửi gắm gia nghiệp.
- 9) Được gia nghiệp vui mừng.

**Lời bình rằng:** Dụ này khó rõ ràng, gồm đủ các ý không thể căn cứ văn nói, nay sẽ trình bày rộng tướng kia có mười bốn điều; dụ này có thể lãnh giải phẩm trên tự rõ.

**Thứ nhất:** Định thí dụ nhiều ít: Nếu căn cứ ý thiện từ đầu đến cuối mà luận thì có mười ân tức thành mười số như trước giải thích.

Căn cứ văn và ý giáo gồm có tám thí dụ:

- 1) Cha con lạc nhau.
- 2) Cha con gặp nhau.
- 3) Gọi con không được.
- 4) Rưới nước lạnh trên mặt.
- 5) Gọi con được.
- 6) Giao cho của cải thâm giáo hóa.
- 7) Rèn luyện cẩn thận.
- 8) Gửi gắm gia nghiệp.

Song tám dụ này thấu nhiếp chung một phen giáo hóa từ đầu đến cuối tóm lược hết. Dụ cha con thất lạc: Trước đã từng lãnh giáo Đại thừa mà trái với lời dạy lưu lạc trong năm đường nên con lạc cha, từ khi thâm giáo hóa về sau tìm cầu Đại thừa mà không được căn cơ tốt là



cha lạc con. Cha con gặp nhau dụ: Từ khi thâm giáo hóa về sau đại căn cơ lẽ ra sẽ phát ngộ Nhất thừa là con thấy cha, thấy con cơ phát, có khả năng thọ nhận Đại thừa là cha thấy con. Dụ gọi con không được: Ban đầu thành đạo đại căn cơ chưa động không kham thọ Nhất thừa hóa. Dụ rưới nước lạnh lên mặt: Khi mới thành đạo chỉ kham thọ giáo pháp trời người, vì Cổ long và Đề vị nên nói ba qui y năm giới cấm. Dụ gọi con được: Đến vườn Nai vì hàng xuất gia nói giáo Nhị thừa. Dụ giao cho của cải thâm giáo hóa: Đại căn cơ lâu xa động mạng nói Bát-nhã nói rõ hạnh Bồ-tát, mật bác bỏ tiểu chấp dần dần khai mở đại tâm. Dụ rèn luyện cẩn thận: Văn nói lại trải qua thời gian ngắn, tức từ Bát-nhã về sau các kinh Phương Đẳng nói rộng môn hạnh Bồ-tát, hiện đủ thần biến Đại sĩ khiến cho những vị cẩn thận nhỏ hẹp kính mến Đại thừa như Tịnh Danh v.v... các kinh Ca-diếp tự khen ngợi, v.v... Gửi gắm gia nghiệp: Tâm dần dần thông thái cẩn thận liền biến chuyển, nên vì nói Nhất thừa nhập tri kiến Phật. Cho nên từ đầu đến cuối nương theo đầy đủ tám điều này. Chỉ vì rưới nước lạnh vào mặt và gọi con không được là nói chung. Rèn luyện cẩn thận văn kinh đã ít, thuộc về gia nghiệp chỉ có sáu thí dụ. Nay dùng văn nghĩa rõ ràng, tiến thích ứng tám tịch, thoái thì có sáu dụ không nên chia làm chín dụ.

Hỏi: Tại sao không có thí dụ dạy người làm?

Đáp: Dạy người làm cũng là gọi con được, tức là thời Lộc Uyển sự lại không có giáo riêng cho nên không chia làm hai.

Hỏi: Nếu thí dụ dạy người làm thì thuộc Tiểu thừa hóa đặc cho nên hợp làm một thì thí dụ giao cho của cải thuộc Đại thừa hóa lẽ ra cũng không nên khai riêng làm một ư?

Đáp: Giao cho của cải, tiến chưa bằng Nhất thừa, lùi lại chẳng phải Ba tạng. Đã là Biệt giáo lại là biệt thời thích hợp khai làm một. Gọi con được và dạy người làm không có hai giáo, cũng không có hai thời không nên chia làm hai.

Hỏi: Dụ biết con có chí lớn, dụ được gia nghiệp vui mừng vì sao không chọn!

Đáp: Đây đều thuộc Nhất thừa hóa đặc là càn nhánh vì thế không nên khai. Lại trách rằng: Nếu biết con có chí lớn và được gia nghiệp liền chia làm hai dụ thì trong gọi con được, cũng có biết kia chí nhỏ sao không khai ư? Cho nên phải xét kỹ nghĩa loại kia không thể tùy chọn chút ít văn.

**Thứ hai:** là nói lãnh trước, không lãnh trước. Hỏi: Kinh, Sư đều nói mỗi thí dụ sau lãnh trước như thứ lớp trước, việc ấy thế nào? Lời

bình rằng: Việc ấy không đúng, nếu y theo thứ lớp trước chỉ có thứ lớp trước, mất thứ lớp sau, nếu đều không y trước thì không gọi là lãnh giải dùng văn nghĩa mà nói đủ hai ý:

Căn cứ dụ này tự có thứ lớp, con tự giới thiệu từ đầu đến cuối chỉ có ba thời:

1) Thời trẻ đại.

2) Thời thất lạc cha.

3) Thời trở về quê cũ, ba thời này thu nhiếp hết thí dụ. Ban đầu học Đại thừa gọi là thời thơ đại, trái giáo hóa khởi hoặc gọi là thời thất lạc cha, biến mê thành ngộ là thời trở về quê cũ.

Căn cứ, thời thứ ba: trở về quê lại có ba thời:

1) Thời bỏ nhà đi xa như hướng về nước.

2) Thời đến gần nhà như đến thành.

3) Thời đến nhà cha. Ban đầu du ngộ lý còn rất xa vời, kể ngộ hơi gần, sau cùng lý giao kế.

Trong thời thứ ba đến nhà cha lại có ba thời:

1) Thời lúc đầu thấy cha không biết.

2) Thời không nhận lời cha.

3) Thời dần dần dẫn dụ. Thứ nhất dụ sau được ngộ lý như thấy cha, lúc mới không có đại căn cơ như không biết cha, kể dụ do không có đại căn cơ nên không chịu Đại thừa giáo hóa, sau dụ đã có tiểu căn cơ kham thọ Tiểu thừa giáo hóa.

Trong thời dần dần dẫn dụ lại có ba thời:

1) Thời làm thuê hốt phân.

2) Thời lãnh nhận tài vật.

3) Thời biết là cha con. Thời đầu dụ cho bảm thọ Tiểu thừa giáo, kể dụ thời nghe giáo Đại thừa, sau dụ thời nghe Pháp Hoa.

Luận Nhiếp Đại Thừa nói thừa có ba thứ: Nhị thừa, Đại thừa và Nhất thừa, phù hợp với ba thứ này. Nếu chia riêng bỏ ba thời thành mười thí dụ:

1) Dụ thơ đại.

2) Dụ lạc cha.

3) Dụ dạo chơi trở về quê cũ.

4) Dụ đến thành.

5) Dụ đến nhà.

6) Dụ không biết cha.

7) Không nhận lời cha dạy.

8) Dụ làm thuê.

- 9) Dụ lãnh thọ tài vật.
- 10) Dụ biết là cha con.  
Kế là căn cứ thí dụ cha trình bày, ý gồm có chín thứ:
  - 1) Dụ sinh con thơ dại.
  - 2) Dụ thất lạc con.
  - 3) Dụ tìm con không được.
  - 4) Không phế bỏ gia nghiệp.
  - 5) Dụ thấy con liền biết.
  - 6) Dụ gọi con không được.
  - 7) Dụ thuê con làm người hốt phân.
  - 8) Dụ giao phó tài vật.
  - 9) Dụ hợp thiên tánh.

Chín thứ này tức là thứ lớp đời trước, lúc mới vì nói Đại thừa là sinh con thơ dại, trái hóa khởi hoặc gọi là cha thất lạc con tìm kiếm khắp nơi, gốc lành Đại thừa chưa thành gọi là tìm con không được. Tuy gốc lành chưa thành mà đường ác Bồ-tát duyên đã thuần thực, không thể trái hóa gọi là không phế bỏ gia nghiệp, thấy đại căn cơ đang phát biết đã từng được Đại thừa giáo hóa gọi là thấy con liền biết. Ban đầu chưa kham nổi thật hóa nên gọi con không được, chỉ kham thọ quyền dẫn dụ như thuê hốt phân, Đại căn cơ từ xa đã động cho nên mệnh lệnh nói Đại pháp như giao cho của cải, đạo duyên đã thành nên hợp với thiên tánh.

Hỏi: Ban đầu nói tám thí dụ kế nêu sáu thí dụ, kế nêu mười thí dụ sau nêu chín thí dụ, vì sao có bốn thứ giải thích ư?

Đáp: Điều có bốn nghĩa, lúc mới căn cứ một phen hóa độ từ đầu đến cuối có đủ tám ví dụ, kế căn cứ chánh thí dụ chỉ có sáu, sau căn cứ con tự trình bày từ đầu đến cuối nên có mười dụ, kế căn cứ ý chỉ có chín. hai nghĩa trước là cha con hợp luận, hai nghĩa sau là cha con đều nói, do ý kinh bao gồm nhiều chẳng phải nói ít có thể hết, như Thích luận, luận Nhiếp Đại Thừa v.v... giải thích một kinh, văn chia nhiều thứ lớp.

Lại nữa, Thân tử nghe nói một bài kệ biết ngàn nghĩa, Mục Liên chỉ hiểu năm trăm, cho nên trong một câu bao gồm nhiều nghĩa. Nếu lãnh giải trên thì cha con thất lạc nhau là lãnh giải thí dụ chung ở trên. Thí dụ chung tuy có sáu nghĩa mà không ngoài năng hóa sở hóa, cho nên nói cha con thất lạc nhau tức là lãnh giải thí dụ chung: lại trong thí dụ thấy lửa nói cha con thất lạc nhau, như nói các con ông nhân trước đạo chơi vui đùa trong nhà này tức là nghĩa con lạc cha, con đã lạc cha tức là cha lạc con. Nếu vậy cha con thất lạc nhau có thể gồm lãnh giải

ý của hai thí dụ. Thí dụ cha con thấy nhau là thí dụ thấy lửa ở trên, nhưng ở trên nói thấy lửa chính là Pháp thân địa thấy, cho nên nói: lúc ấy Trưởng giả đứng ở ngoài cửa; phẩm Phương Tiện cũng như vậy, nên nói: Ta dùng mắt Phật thấy chúng sinh sáu đường, nghĩa là Pháp thân địa thấy. Nay nói cha con thấy nhau, có thể căn cứ bản tích hai chỗ nói:

1) Khi chưa thù tích thì ở Pháp thân địa, chúng sinh đại căn cơ động nơi pháp thân gọi là con thấy cha, Đức Phật ở Pháp thân địa thấy đại căn cơ động gọi là cha thấy con. Nếu vậy từ cha trước đến tìm con không được, trong đó bao gồm nghĩa con thấy cha, cha thấy con.

2) Y cứ trong tích mà nói khi mới thành đạo thấy kia có đại căn cơ đương phát gọi là cha thấy con; trong dừng ở một thành ngôi ghế sư tử, bấy giờ mới nói cha con thấy nhau. Nếu vậy, hai thí dụ cha con lạc nhau và cha con thấy nhau tương quan lẫn nhau lẫn thí dụ thấy lửa bên trên. Gọi con không được lãnh trên là cứu con không được, giao phó gia nghiệp lãnh trên ban cho xe lớn. Rưới nước lạnh trên mặt lãnh trên nói khi mới thành đạo nói giáo cho hàng trời người, giao cho của cải lãnh trên Phật nói Bát-nhã giáo. Hai thí dụ này là nguyên do xưa nghe còn chưa ngộ do nay ngộ, xưa không lãnh sáu thí dụ trên; không lãnh thí dụ bất hư là đã lãnh một phen hóa đại tông mới ngộ. Đức Phật ân sâu đức trọng vô biên đâu dám nghi là luống dối ư? Lại như thế mà ngộ tức là lãnh chung ý chỉ bất hư.

**Thứ ba:** là nói ba hóa (ba phen giáo hóa): Ba hóa:

1) Nhất vãng hóa (một lần xưa hóa).

2) Tùy theo hóa.

3) Cuối cùng hóa.

Ba hóa này thâm nhiếp tám thí dụ.

1) Nhất vãng hóa: quá khứ vì nói Đại thừa.

2) Tùy theo hóa: là từ thâm hóa về sau lưu lạc trong năm đường, Bồ-tát theo vào sinh tử mà giáo hóa chúng sinh.

3) Cuối cùng hóa: Từ cha con thấy nhau như ngộ Nhất thừa thọ ký thành Phật đắc bất thoái chuyển gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói thừa trời người là nhất vãng hóa vì nói cho Nhị thừa, cho đến trước Pháp Hoa hơn bốn mươi năm thuận theo không xả bỏ gọi là tùy theo hóa, sau nói pháp Hoa được thọ ký thành Phật gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói cho người Nhị thừa quyền dẫn dụ là Nhất vãng hóa; chúng sinh chấp chặt mà trụ không còn tiến cầu, Như lai không hề bỏ hoặc khiến tự nói pháp Đại thừa hoặc nghe người khác nói Đại thừa gọi là tùy theo

hóa. Đến thời Pháp Hoa mới được ngộ gọi là cuối cùng hóa. Lại lúc mới nói giáo Đại thừa Bát-nhã giáo gọi là Nhất vĩng hóa, từ Bát-nhã về sau trải qua thời gian nghe các kinh Phương Đẳng là tùy theo hóa, cuối cùng ngộ Nhất thừa thành Đại quả thật như thu thâu đồng chứa cất là cuối cùng hóa. Lại nay chỉ vì nói pháp Hoa là Nhất vĩng hóa, từ đây về sau cho đến Thập địa thường giáo hóa là tùy theo hóa, đến thời Kim cương tâm địa Đẳng giác hóa khiến đắc Diệu giác địa tròn đầy gọi là cuối cùng hóa. Lại kết Tăng na ở tâm đầu tiên là Nhất vĩng hóa, thời gian giữa với các loại hóa gọi là tùy theo hóa, đắc Phật mới dứt gọi là cuối cùng hóa.

Hỏi: Vì sao phải lập ba hóa ư?

Đáp: Ban đầu nói cha con thất lạc nhau, sau bỗng nhiên gặp lại nhau, dường như không có nhân duyên, cho nên phải lập ba hóa.

**Thứ tư:** nói ba đời: Trong tám thí dụ lúc mới cha con thất lạc nhau là việc đời quá khứ. Từ thấy đại căn cơ đương phát một đời, ứng ngộ Pháp Hoa thọ ký thành Phật, bắt đầu tạm dừng một thành xong thí dụ thứ tám đều là việc thời hiện tại.

**Thứ năm:** là nói bản tích: một phen xưa tám thí dụ đều là việc trong tích, đức Như lai từ lâu đã thành Phật xưa thị hiện đồng Sa-di vì nói Đại thừa cho đến ngày nay giữa đường dừng nghỉ một thành cũng là Phương Tiện thành Phật, vì vậy tám thí dụ đều là tích. Nhưng cha con gặp nhau đều có hai bản tích:

1) Pháp thân thấy các Bồ-tát đại căn cơ đã thành, cho nên thị hiện làm Xá-na để hóa, giữa đường dừng nghỉ một thành gia nghiệp không phế bỏ tức là việc ấy.

2) Xá-na thành đạo thì thấy các con có tiểu căn cơ không có đại căn cơ, cho nên tùy ứng làm Thích-ca để hóa độ. Cởi áo quý giá mặc đồ thô xấu tức là việc ấy.

Hỏi: Nếu vậy Pháp thân địa đủ chiếu hai căn cơ cả hai tùy hai tích ư?

Đáp: Cũng được như thế, chỉ vì nay muốn nói hai Đức Phật truyền luận bản tích hóa hai duyên Đại tiểu cho nên phán xét như thế.

**Thứ sáu:** là nói về Nhân quả: Căn cứ bản mà nói đều là quả hóa, căn cứ tích nói về là quá khứ kết duyên, thị hiện ứng tích Sa di chỉ có nhân mà chẳng phải quả; từ dừng nghỉ một thành gọi là quả tích, trung gian hai thời này hoặc nhân hoặc quả.

**Thứ bảy:** là nói hóa được và không được: Nếu dùng ngộ Nhất thừa thọ ký là được, bảy thí dụ đều là gọi con không được, chỉ có thứ tám là

được. Nếu căn cứ Đại thừa hóa làm được và không được thì quá khứ làm Sa di vì nói Đại thừa tức là hóa được. Từ trái giáo hóa về sau là không được, đến Pháp Hoa ngộ Nhất thừa là được. Như Phẩm Thí Dụ nói: Ta xưa dạy ông chí nguyện Phật đạo, đây là Đại thừa hóa được, mà ông nay đều quên, đây là không được. Nay ta khiến ông nhớ nghĩ bản nguyện, vì các Thanh văn nói Kinh Pháp Hoa là hóa được.

**Thứ tám:** là nói hai giáo: Từ dừng nghỉ một thành tức nói trưởng giả giàu có tự tại quyền thuộc người hầu vây quanh v.v... đây là lãnh Hoa Nghiêm lúc mới thành Phật nghe đức Xá-na giáo hóa Bồ-tát. Cởi áo trân báu mặc áo thô xấu tức là bản Xá-na, thù tích đức Thích-ca, biến hóa Nhị thừa cuối cùng đến thí dụ thứ tám đều là lãnh giáo đức Thích-ca.

**Thứ chín:** là nói thế gian, xuất thế gian: rưới nước lạnh lên mặt, nói giáo trời người, là pháp thế gian, từ hóa con được đều là giáo xuất thế gian.

**Thứ mười:** là nói Đại tiểu: Thí dụ gọi con được là ở vườn Nai giáo vì Tiểu thừa hóa, từ phó chúc tài vật xong gửi gắm gia nghiệp đều là Đại thừa hóa. Trong đây không có nghĩa Thông giáo Ba thừa, làm sao biết? Vì khi dạy cho người làm chỉ nói pháp Nhị thừa gọi là Ba tạng giáo. Từ Bát-nhã trở đi là giao phó pháp Đại thừa, không còn dạy người Tiểu thừa cho nên chỉ là Đại thừa giáo. Nếu nói Bát-nhã là Thông giáo Ba thừa, thì khi giao phó tài vật lẽ ra có người Thông giáo Ba thừa.

**Thứ mười một:** là nói về tự tha: Bát-nhã giáo nói tự giáo, Bát-nhã về sau nói hóa giáo. Tự giáo: là khiến người Thanh văn miệng tự nói đại nhân đại quả tức dùng pháp này giáo có thể gọi là dùng miệng kia tự nói để giáo hóa tâm kia. Từ Bát-nhã về sau được nghe các kinh Phương Đẳng nghe người khác nói Đại thừa khiến cho kia được ngộ, nên gọi là tha giáo.

**Thứ mười hai:** là nói hiển mật: Từ Bát-nhã đến trước Pháp Hoa gọi là Bồ-tát hiển giáo mật giáo Nhị thừa, như nói phó chúc tài vật là mật chỉ bày pháp Đại thừa để tự mình tu tập. Pháp Hoa giáo gọi là Nhị thừa hiển giáo.

**Thứ mười ba:** nói về mê ngộ: Từ khi cha con thất lạc nhau rồi, cho đến rên luyện cẩn thận, người Nhị thừa đều không biết là Phật tử bị mê đến thời Pháp Hoa mới được ngộ. Cho nên văn dưới nói: Nay ta đặc đạo, đặc quả đối với pháp vô lậu đặc pháp nhãn thanh tịnh, như vậy thì trước đều là không có nhãn tịnh.

**Thứ mười bốn:** nói rộng như trên, trên có hai chương:

- 1) Năm thí dụ rộng như trên trước mê.
- 2) thí dụ cuối cùng rộng như trên nay ngộ.

Hỏi: Vì sao có mười bốn nghĩa này ư?

Đáp: đây là thí dụ lãnh giải trọn ý Đức Thích-ca một thời kỳ giáo hóa từ đầu đến cuối cho nên soạn mười bốn điều này.

-----



## PHẨM DƯỢC THẢO DỤ

Nghĩa: năm thừa nghĩa, một âm.

Nghĩa: năm thừa Trước tựa kinh nêu đại ý một trận mưa một đám mây, giáo tuy có muôn điều khác nhau nhưng cuối cùng chỉ nêu nhất đạo, đạo sở biểu không hai giáo năng biểu cũng một, chỉ thuận theo năm thứ căn tình nên có năm thừa giáo khác nhau. Đã tùy vật nói: năm thì năm thừa đều quyền, năm thừa đã quyền thì dùng không có năm thừa làm thật, để đối phá năm bệnh cho nên dùng không có năm thừa làm thật. Nhưng năm đã không thật thì không năm cũng quyền, cho nên hề liên quan đến danh ngôn đều là chẳng rốt ráo, chỉ vì dần dần dẫn dụ chúng sinh cho nên khai năm không năm đến khi đắc đạo tịch lặng thì làm gì có năm không năm ư!

Hỏi: Nếu năm thừa đều là quyền, thì trước vì sao nói Nhị thừa là quyền, Phật thừa là thật ư? Cho nên nói chỉ có một sự thật này còn hai thứ khác chẳng phải chân ư?

Đáp: Nghĩa môn đều có khác, trước y cứ Ba thừa phân biệt có không để nói quyền thật, chính muốn bác bỏ bệnh Nhị thừa cho nên nói Phật thừa thật có Nhị thừa là giả đối không có. Vì sao? Vì người Nhị thừa cho rằng Nhị thừa và Phật thừa đều là thật có, nên đây bác bỏ cho là Nhị thừa không có nên xin, Bồ-tát thừa là có nên không xin. Nay nói không có năm là căn cứ chánh đạo trông mong, pháp ấy không thể chỉ bày không hề có năm hay không có năm ư? Nói năm không năm ấy đều là tùy vật nói đều là quyền.

Hỏi: Đạo thật chẳng phải năm không có năm, năm không năm đều là quyền, vì nhân duyên gì mà không năm xin ư?

Đáp: Nếu biết đạo chẳng phải năm không năm mà nói năm không năm đều là quyền, người này không xin, không biết quyền thật như thế cũng có nghĩa năm xin.

Kế là nói về danh nghĩa: Hỏi: Không nên có năm thừa mà chỉ nên có hai: trời người là thừa thế gian, ba thứ còn lại là thừa xuất thế gian, lại nên làm hai thừa: Phật là thật thừa, bốn thứ còn lại là quyền thừa, Phật là thừa đệ nhất nghĩa, bốn thứ còn lại là thừa thế tục. Như Thắng-man nói: Phật là quả thừa bốn thứ còn lại là nhân thừa. Lại nên làm Ba thừa: thừa trời người là hạ thừa, Nhị thừa là Trung thừa, Phật thừa là Thượng thừa. Lại thừa trời người là thừa ra khỏi ba đường, Nhị thừa là thừa ra khỏi ba cõi, Phật thừa là thừa vượt qua năm trăm do-tuần, lại trời người gọi là thừa không dứt phiền não, Nhị thừa gọi là thừa dứt

phiền não, Phật thừa là thừa phi đoạn phi bất đoạn, khác nhau phạm phu cho nên phi bất đoạn, khác nhau Nhị thừa nên phi đoạn. Như Tịnh Danh nói: Không dứt phiền não cũng không có phiền não, vốn không có cho nên không thể đều có, nay chẳng phải không nên không chỗ đoạn. Đại thừa giáo trước Pháp Hoa và Pháp Hoa cũng có nghĩa này, trong Ba tạng không nói điều này. Lại phạm phu gọi là thừa không dứt, Phật gọi là thừa dứt, Nhị thừa vừa dứt vừa không dứt, đối với phạm phu nên nói đoạn ít phần, so với Phật cho nên gọi là chưa dứt, là chung cho xưa nay. Lại trời người gọi là thừa phạm phu, Nhị thừa gọi là thừa Thánh, Phật gọi là thừa phi phạm phi Thánh, lại phạm phu gọi là hữu thừa, Nhị thừa gọi là không thừa, Phật gọi là thừa Trung đạo, đây là ý giáo Đại thừa. Lại phạm phu là thừa mê đắm sinh tử, Nhị thừa là đắm chấp Niết-bàn, Phật gọi là thừa vô sở trước, cũng là ý Đại thừa giáo.

Lại lẽ ra có bốn thừa: Như Thắng-man có bốn trọng trách gánh vác bốn trăm ức loại châu bốn Đại bảo tạng cho nên đều là ý của giáo Đại thừa dùng Đại thừa giáo biệt có đại địa, năng giữ gìn bốn tạng. Nay vì sao không hai không ba không bốn mà lập năm thừa ư?

Đáp: Thật đầy đủ các nghĩa trên tức dùng nghĩa này nhiếp năm thừa. Nhưng nay nói năm, đây là Như lai dẫn xả bỏ pháp môn cho nên lập năm, nay chọn phẩm Tánh Khởi kinh Hoa Nghiêm để trình bày đại ý năm thừa. Như kinh chép: ba đường ác khổ nghĩa là đường ác dân khổ, vua Diêm la khổ thì vua đường ác khổ, do đó trong ba đường đều là khổ nhóm họp. Muốn bỏ khổ này phải tu năm giới, năm giới nhân duyên thì được thân người, cho nên nói năm giới là nhân thừa, nhưng loài người độn căn tuổi thọ ngắn vui ít khổ nhiều, muốn lìa việc đây phải tu mười điều thiện, nhân duyên thập thiện thì chiêu cảm quả báo cõi trời gọi là thiên thừa. Kế là nói ba cõi đều khổ vô thường phá hoại như viên sắt nóng là nơi không đáng vui, vì thoát khổ này mà nói thừa Thanh văn, nhưng người Thanh văn từ khác nghe pháp ở địa vị đệ tử, ngoài không có tướng hảo trong trí tuệ không sâu. Riêng ở một mình nơi vắng lặng không có thầy tự ngộ phước đức lợi căn gọi là Bích-chi-phật, vì nói Duyên giác khiến xả bỏ Thừa Thanh văn, người Duyên giác tuy không có thầy tự ngộ mà trí còn chưa tròn đầy, trải qua kết tập không dứt, chỉ tu cho riêng mình, tâm từ bi mỏng manh, chỉ có Phật thừa cao nhất là vô thượng các đức này đầy đủ kết tập mất hẳn, tự lợi đã mãn rộng năng độ người, cho nên nói Phật thừa khiến xả bỏ Duyên giác. Nhưng trước muốn chỉ bày dẫn bỏ pháp môn cho nên nói năm thừa, những người thọ lãnh giáo không hiểu ý Phật, liền chấp chặt Ba thừa đều là rất ráo.

Hỏi: vì năm người nói năm, hay vì một người nói năm?

Đáp: Đây đủ hai nghĩa, như trong sông Hằng bảy người đầy đủ bảy, một người đủ bảy.

Hỏi: Xưa nay nói năm vì sao khác ư?

Đáp: Xưa nói năm thừa hai thừa là nói chưa cùng tột, ba đã rốt ráo, nay nói năm, như Hoa Nghiêm nói dần dần xả bỏ pháp môn.

Hỏi: Trên nói Hoa Nghiêm trình bày ý xưa vì sao nay nói năm ư?

Đáp: Giáo nay trình bày, giáo xưa nêu ý.

Kế là nói khai hợp đồng khác: Hỏi: Luận nói năm thiện, Thắng- man nói về bốn tạng, Pháp Hoa ba cỏ hai cây vì sao có đồng khác ư?

Đáp: năm thiện: trời người là hai thiện, hai thừa làm một thiện, Phật Bồ-tát làm hai thiện. Do trời người ngũ giới thập thiện hơn kém khác nhau cho nên khai làm hai, Nhị thừa lợi độn là khác nhau mà trí đoạn, nghĩa ngang bằng nên hợp làm một, Phật cùng Bồ-tát muôn hạnh muôn đức nhân quả lên xuống nên khai làm hai. Năm thiện thì khai đại hợp Tiểu, năm thừa thì khai tiểu hợp đại, bốn tạng thì hợp phạm khai Thánh, năm thừa thì phạm Thánh đều khai. Đây đều là tùy duyên khác nhau không cần quanh co hợp.

Ba cỏ hai cây: Có người nói trời người là cỏ nhỏ hai thừa là cỏ vừa, ngoại phạm là cỏ lớn, nội phạm là cây nhỏ, Sơ địa đến Thập địa là cây lớn. Có người nói: nội phạm là cỏ lớn, Sơ địa đến Thất địa đều là cây nhỏ, Bát địa là cây lớn. Lời bình rằng: Vị nghĩa khó nói, nay dùng hợp thí dụ làm chánh, hợp hai cỏ thí như trước phân biệt. Hợp cỏ lớn rằng: Cầu ở chỗ Thế Tôn ta sẽ thành Phật, hành tinh tấn định, đó gọi là Cỏ lớn, đã xưng là Phật đạo quyết nên theo ngoại phạm địa vị Thập tín đến nội phạm ba mươi tâm, bốn mươi tâm đây đều là cỏ lớn. Vì sao? Vì chưa đắc vô sinh gốc trồng còn yếu nên còn gọi là cỏ. Lại đã dùng Nhị thừa thành cỏ vừa thì Địa tiền bốn mươi tâm đều thuộc Bồ-tát cho nên gọi là cỏ lớn. Sơ địa đến Lục địa gọi là cây nhỏ, Thất địa trở lên gọi là cây lớn.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Thích luận nói về vô sinh có hai địa vị: 1. Sơ địa; 2. Thất địa. Về sau thấy luận Pháp Hoa cũng nói Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh, vô sinh đã hai, thọ cũng lệ theo như vậy.

Hỏi: Kinh này làm sao chứng Thất địa làm cây lớn ư?

Đáp: Thích luận nói vị ở Thất địa đắc vô sinh nhẫn đủ sáu thần thông, kinh này nói đắc thần thông lực, chuyển bất thoái luân cho nên hợp nhau.

Hỏi: Làm sao biết Sơ địa như cây nhỏ ư?

Đáp: Luận đã nói Sơ địa đắc vô thượng, kinh này lại nói các Phật tử quyết định không nghi, không nghi tức dứt đạo, do địa tiền phiền não chưa đoạn không được gọi là vô nghi. Lại người sơ quả so với Bồ-tát sơ địa, Sơ quả đã đoạn nghi nay Sơ địa cũng vậy. Lại Địa luận nói: Sơ địa gọi là vị quyết định, bốn đoạn này vẫn đều phù hợp nhau.

Kế là nói ba cỏ hai cây là nghĩa thứ lớp: Trời người là thế gian, cho nên dụ cây nhỏ, Nhị thừa là xuất thế gian nên dụ cho cỏ vừa, đây là từ thế gian đến xuất thế gian. Thập tín trở lên đến Thập hồi hướng trở xuống, đây là bốn mươi tâm tức là Đại thừa gọi là cỏ lớn, đây từ tiểu nhập đại. Đẳng địa trở lên Lục địa trở xuống gọi là cây nhỏ, đây là từ phàm phu đến Thánh. Thất địa trở Thập địa trở lại gọi là Cây lớn (cây lớn), đây là từ cạn đến sâu. Đâu là nhiếp chung phàm Thánh, tóm thâu trong Đại Tiểu, cho nên có thí dụ ba cỏ hai cây.

Âm nghĩa: Hỏi: Kinh nói một vắng mây một trận mưa tùy căn thọ nhận, cùng một âm nói pháp tùy loại khác nhau giải thích đây có gì khác nhau?

Đáp: Có đồng có khác: Như ý định mây mưa, như nói trong kinh nhân duyên nói về, nay lược nêu hai ý:

1) Dùng nghĩa vô tâm mà năng làm lợi ích khắp cả.

2) Muốn nói lên đồng một chánh đạo tùy căn thành khác. Một âm: Muốn nói ba việc mật của Như Lai bất khả tư nghì, phàm phu Nhị thừa không thể lường biết. Vì sao? Vì người địa vị thấp chỉ dùng một âm khiến duyên đồng nghe một, không thể dùng một âm khiến muôn loại khác nhau nghe, chỉ có Đức Phật mới có thể như vậy nên gọi là khẩu mật bất khả tư nghì.

Hỏi: Trên nói một âm cùng một trận mưa nghĩa khác nhau vì sao lại gọi là đồng ư?

Đáp: một đám mây một trận mưa đồng nói một giáo, chỉ được tùy căn thành ra khác, một âm cũng là nói lên nhất đạo, tùy loại có muôn khác nhau, đây là không khác vậy.

Hỏi: Vì sao gọi là một âm ư?

Đáp: Có người nói: Chỉ một pháp thân, pháp thân không hai nên gọi là một, từ một pháp thân xuất ra âm, dùng pháp thân đặt tên nên gọi là một âm.

Lời bình rằng: Đại Phẩm giải thích tướng hảo nói dùng một âm báo các thanh (tiếng) không nói pháp thân cho nên không giải thích. Có người nói: trong cùng lúc đều xuất ra các âm cho nên nói: một âm. Lời

bình rằng: Kinh chỉ nói một âm không nói các âm đều xuất nên cũng chẳng dùng. Có người nói thân là thân Thiên trúc, âm là âm Thiên trúc cho nên nói một âm. Lời bình rằng: Phật năng tùy phát ra một âm chẳng hạn cuộc nước Thiên trúc. Lại có người nói trong năm âm tùy dùng một âm. Lời bình rằng: Phật đã gá thác tích một phương thọ âm một cõi, năm âm nghĩa thông nên cũng chẳng dùng. Nay nói nghĩa này phần nhiều tóm lược bao gồm bốn thứ: Y phẩm Dược thảo nói một trận mưa lớn thấm nhuần khắp nơi, một vầng mây đầy bủa giăng trùm khắp, dụ cho Nhất thừa đại pháp âm cho nên gọi là một âm. Chỉ đại duyên ngộ đại cho nên gọi là Đại, tiểu duyên ngộ tiểu, tiểu không gọi là Đại, cho nên gọi một âm là chủ của một Đại thừa âm.

Hỏi: Vì sao Tiểu không gọi là Đại?

Đáp: Như nói đại bát Niết-bàn mà đạo thành La-hán, kinh Duy ma nói rộng về tịnh cõi nước Phật mà thủ chứng Tiểu thừa, các thứ như vậy gọi là tiểu duyên, nghe đại mà không gọi là Đại nên gọi một âm chính chủ ở đại.

Hỏi: Kinh này vì sao một âm biến thành chủ của đại ư?

Đáp: Muốn nói lên chỉ có một thừa không có năm thừa cho nên một âm chủ Đại thừa.

Hỏi: Làm sao biết một âm biến thành chủ đại ư?

Đáp:

1) Kinh nói một vầng mây lớn, một trận mưa lớn cho nên biết chủ nhất Đại thừa âm.

2) Như Tịnh Danh nói về: một âm Như lai nói pháp mà muôn loại chúng sinh khác nhau đều hiểu.

Hỏi: Đây là căn cứ một âm nào? Đáp: Đã nói Phật dùng một âm nói pháp tức là Phật âm, Phật âm là một Phạm âm.

Hỏi: Vì sao làm chủ một Phạm âm?

Đáp: Căn cứ một phương hóa tích gửi hình ở Thiên trúc được báo Phạm âm, do đó một âm chủ Phạm âm.

Hỏi: Lời này xuất xứ từ đâu?

Đáp: Trong luận Tỳ-bà-sa có nói điều này, Đức Phật ở vườn Nai dùng một Phạm âm giảng nói Tứ đế, năm người thì nghe ngôn ngữ của người nói Tứ đế, tám muôn chư Thiên thì nghe ngôn ngữ của trời nói Tứ đế, Thổ thần, Dạ xoa thì nghe ngôn ngữ của Dạ xoa nói Tứ đế, nên xưng lên thông báo, lần lượt như vậy nghe đến cõi Phạm. Cho nên biết một âm làm chủ Phạm âm.

Hỏi: Vì là âm Phạm thiên cho nên gọi là Phạm âm như báo được

thiên nhân cho nên gọi là thiên nhân ư?

Đáp: Không đúng? Đây là một trong tám thứ âm thanh tịnh tối diệu nên gọi là Phạm âm chẳng phải âm Phạm thiên. Cho nên, Thích luận nói: Đức Phật sinh trong loài người thọ pháp của người nên là âm của người, nếu là âm Phạm thiên thì người không nghe cho nên biết chẳng phải.

Hỏi: Thích luận nói: Trong pháp Tiểu thừa thì không có bất khả tư nghì như sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa thời gian như trong bữa ăn, vì sao trong Ba tạng nói dùng một âm nói pháp tùy loại hiểu ư?

Đáp: Tiểu thừa tuy không có sáu mươi kiếp nói kinh Pháp Hoa bất khả tư nghì mà có năm thứ khác, khả tư nghì nghĩa là lực Phật, lực Rồng v.v... Nay một âm nói pháp tức là nói Phật bất khả tư nghì.

Kế là nói một âm không hẳn chỉ hạn cuộc Phạm âm, Như lai tùy phát xuất một âm có thể khiến cho các loại khác nhau đều nghe cho nên gọi là một âm. Lại một âm, người nghe tức là âm người, trời nghe tức là âm trời, chẳng phải trời chẳng phải người vậy, vì là thiên nhân âm nên gọi là nhiều, do chẳng trời chẳng người cho nên gọi là một, cho đến Thanh văn nghe tiểu, Bồ-tát nghe đại, mà thật âm chẳng có đại tiểu nên gọi là một.

Hỏi: Người nghe thì âm người, trời nghe thì âm trời mà âm thì chẳng phải trời chẳng phải người, cũng như một duyên nghe thì âm một, nhiều duyên nghe thì âm nhiều, mà âm chẳng một chẳng nhiều ư?

Đáp: Đúng vậy.

Hỏi: Nếu vậy âm duyên nghe thì âm, chẳng âm duyên nghe thì chẳng có âm ư?

Đáp: Cũng vậy. Cho nên kinh chép: Đồng ngồi một chỗ mà có người nghe Phật nói pháp, có người thấy Phật im lặng. Như Triệu Sư nói: Tâm sinh nơi có tâm, tượng xuất nơi có tượng, tức là việc đó.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói chỉ một âm ư?

Đáp: Chính vì người địa vị thấp không thể dùng một âm khiến cho muôn loại khác nhau hiểu được, tức khen ngợi Phật có khả năng như vậy cho nên nói một âm.

Hỏi: Vì sao chỉ nói một âm mà khiến cho muôn loài khác nghe hiểu được?

Đáp: Hoa Nghiêm trước sau nói lược ba việc:

1) Đức Phật có khả năng xuất ra tất cả các âm thanh của số chúng sinh, người khác không thể được, chỉ Đức Phật mới có khả năng, cho

nên Đức Phật bất tư nghị.

2) Đức Phật có thể đối với một âm xuất ra các âm số chúng sinh nên tất cả chúng sinh đều có thể nghe. Đây là nói những người khác không thể trong một âm xuất ra tất cả âm được chỉ có Đức Phật mới có khả năng như vậy.

3) một âm nói pháp năng khiến tất cả chúng sinh đều nghe cũng không phân một âm thành nhiều âm, ngoài ra không thể như vậy, chỉ có Đức Phật mới được như vậy, đầy đủ ba nghĩa mà không hạn cuộc, dùng một bày ba đây đều là việc nói lên khẩu mật bất tư nghì của Phật, khẩu mật đã ba thân cũng như vậy.

Hỏi: Phẩm Tánh Khởi trong kinh Hoa Nghiêm nói: Đại Phạm thiên vương dùng chút Phương Tiện khiến chúng sinh trong Đại thiên đều thấy thân mình cũng không phân thân, nếu vậy những người khác cũng có thể làm được vì sao chỉ có Đức Phật thôi ư?

Đáp: Kia chỉ hạn cuộc cõi Đại thiên, Như lai biến hiện khắp pháp giới, kia thì có tâm tạo tác, đức Như lai thì vô tâm hóa vật. Lại Bồ-tát nhập Tam-muội, nhĩ xuất chánh thọ, quán nhãn vô sinh nói không phi hữu, người kia không thể như vậy được, làm sao sánh bằng Phật.

Hỏi: Bốn thứ biện một âm, trước nay nói lấy gì làm chánh?

Đáp: Thông đều đây đủ chỉ có Nhất thừa âm chính ở giáo này, ba thứ còn lại có cả xưa nay.

Hỏi: Đức Phật có hai thứ ánh sáng:

1) Thường quang: Nghĩa từ sơ sinh đến diệt độ thường tự có tức là tướng tượng phu sáng chói.

2) Phi thường quang: là Tùy thời mà thị hiện, một âm nói pháp khiến muôn loại khác nhau hiểu được, đó là thường âm hay là thị hiện?

Đáp: Trong tám mươi vẻ đẹp dùng một âm báo các thứ tiếng, nếu vậy đây là thường âm của Phật.

Hỏi: một âm nói pháp có bao nhiêu việc?

Đáp: Y kinh Tịnh Danh lược nêu ba thứ:

1) Đức Phật phát ra bất cứ một âm nào thì muôn loại khác nhau đều hiểu, chúng sinh trong sáu đường đều cho rằng Đức Phật đều đồng với ngôn ngữ họ.

2) Chỉ nói một pháp tùy nghĩa mà chúng sinh hành khắp, người ưa bố thí thì nghe bố thí, người ưa trì giới thì nghe trì giới, nhờ đó đều lợi ích.

3) Nói rõ sự là đồng mà vui buồn đều phát ra, ở đây có hai việc:



a) Như nói một pháp khổ, sinh bốn thứ tâm: Có người nghe khổ sinh sợ hãi, có người nghe khổ muốn thoát khỏi nên sinh vui mừng, có người nghe khổ tâm sinh xa lìa nhằm chán, có người nghe khổ thật biết là khổ, dứt trừ tâm nghi.

b) Nghe bốn thứ pháp sinh bốn thứ tâm, như nghe ba đường khổ thì sợ, nghe vui cõi trời, cõi người thì vui, nghe bất tịnh thì nhằm chán xa lìa, nghe nhân quả thì dứt nghi trong hai nghĩa ý trước là chính.

Phẩm Thọ ký nói nghĩa thọ ký.

Luận nói mười thứ nhân duyên vì người Nhị thừa thọ ký, như trước nói.

Hỏi: Nếu kinh này nói thọ ký vì sao Tịnh Danh rộng phá bỏ thọ ký. Lại kinh Tư Ích nói: Ta nguyện đời đời không nghe danh tự thọ ký. Đại Phẩm nói: Nếu trụ nơi A-bệ-bạt-trí và thọ ký đều là hý luận, nay vì sao nói thọ ký ư?

Đáp: Không trái nhau, người Bồ-tát nói có thọ ký có người năng thọ tức có kiến chấp nhân pháp, vì phá bệnh này cho nên nói vô ký, người Nhị thừa cho rằng mình không được thọ ký, chỉ Bồ-tát được thọ ký, vì người Nhị thừa cho nên nêu thọ ký, đây là mỗi pháp làm nhân môn.

Lại có hai để làm thế để nên nói có thọ ký, vì bậc nhất môn cho nên nói vô ký, hai lời đều thật. Đại kinh nói vô ký, đây là nói về ký vô sở ký, nay nói ký ấy là vô sở ký nên gọi là ký. Bát-nhã nói vô sở đắc tức là đắc, do đó đắc vô sở đắc. Chỉ vì thọ ký có hai thứ, ba thứ, bốn thứ, sáu thứ, tám thứ, chín thứ, mười thứ.

**Hai thứ:** là có tám thứ hai thứ:

1) Nói hai thông, biệt: a) Nói thông ký: Như Phẩm Pháp sư nói: Nếu Phật tại thế và sau khi diệt độ nghe kinh Pháp Hoa một bài kệ một câu một niệm tùy hỷ đều được thọ ký. Vì sao? Vì chỉ có Nhất thừa không có các thừa khác, nên không có đường khác sẽ được thành Phật. b) Thọ ký riêng: Đối trước Phật thọ ký riêng kiếp số, như ba châu nói pháp người Ba căn được thọ ký.

2) Hai thứ: a) Chánh nhân môn thọ ký. b) Duyên nhân môn thọ ký. Chánh nhân môn thọ ký: Như Bồ-tát Thường Bất Khinh nói: Bốn chúng đều sẽ thành Phật, nhưng bốn chúng này chưa có tâm tin Nhất thừa, chỉ vì trong thân có Phật tánh ắt sẽ thành Phật. Luận Pháp Hoa giải thích phẩm Thường Bất Khinh: Tất cả chúng sinh thật có Phật tánh cho nên sẽ thành Phật. Duyên nhân môn thọ ký: như Phẩm Pháp Sư nói: Vì tin Pháp Hoa tức là duyên nhân, do đó chỉ nói hai thứ này.

Phật tánh như quả được sinh chỉ có hai thứ: a) Chánh nhân. b) Duyên nhân. Như sữa có tánh của lạc cần đủ hai nhân: sữa là chánh nhân, các phương pháp chưng cất là duyên nhân.

Chúng sinh có Phật tánh cũng có đủ hai nhân: a) Chúng sinh là chánh nhân. b) Nhờ tin hiểu các pháp làm duyên nhân. Do đó Pháp Hoa chỉ nói hai nhân. Luận Nhiếp Đại Thừa gọi duyên nhân là nhân dẫn xuất tức là liễu nhân. hai nhân Duyên chánh thọ ký rộng hẹp: Chánh nhân thì rộng, thiện ác v.v... tất cả chúng sinh đều có Phật tánh nên nghĩa chánh nhân rộng, Duyên nhân chỉ chấp có tin hiểu tâm mới được Phật thọ ký nên hẹp.

3) Hai thứ chậm nhanh: Đại kinh chép: Nếu có chúng sinh thích hợp nghe nhanh thì thọ ký nhanh, thích hợp nghe chậm thì thọ ký chậm.

Hỏi: Nhanh chậm đây là thật thọ ký hay quyền thọ ký?

Đáp: Có đủ hai nghĩa: a) Thật thọ ký: Do Đức Phật thấy biết người kia trải qua nhiều kiếp tu hành thành Phật không bao lâu nữa cho nên mau được thọ ký, xét thấy người kia tu hành chưa nhóm chưa bao lâu nên thành Phật còn xa nên thọ ký chậm. b) Quyền thọ ký: Một là thấy chúng sinh này nghe Phật đạo lâu xa chịu cần khổ sinh tâm lui sụt nên thọ ký nhanh, nghe mau thọ ký nên tinh tấn mạnh mẽ tu hành hướng đến Phật, như người biết cách nhà không xa nên gắng sức mà tiến bước, hai là nghe mau thọ ký thì cho là Phật đạo dễ đắc, liền khởi tâm coi thường sinh biếng nhác, vì hạng người này nên chậm thọ ký để cho họ quý trọng Phật đạo mà tinh tấn.

Hỏi: Thật thọ ký có thể có lợi ích chân thật, hư thọ ký nên không có thật lợi ích ư?

Đáp: Như lai thật thọ ký cũng có thật lợi ích, hư thọ ký cũng có thật lợi ích, vì đều lợi ích cho nên đều là thật.

4) Y cứ thọ ký cho người phàm có hai thứ: a) Phật thọ ký. b) Bồ-tát thọ ký. Như Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng.

Hỏi: Thường Bất Khinh đã là Bồ-tát làm sao thọ ký thành Phật ư?

Đáp: Bồ-tát không được thọ ký kiếp số thành Phật mà được thọ ký chung, vì tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Lại không có các thừa khác chỉ có Nhất thừa, nhưng đạo lý suy tìm được thọ ký thành Phật cho đến Phàm phu biết có Phật tánh Nhất thừa cũng được thọ ký cho người khác.

Hỏi: Vì sao trao kiếp số, khởi chỉ có Phật ư?

Đáp: Thành Phật là việc lớn, chẳng phải quả Phật thì không thể

thọ ký được. Lại thành Phật quyết được Phật thọ ký, vì sao? Vì thành Phật phải thấy Phật tánh rõ ràng pháp thân hiển hiện, người Thập địa trở xuống thấy Phật tánh chưa liễu pháp thân chưa hiện, nên không được thọ ký, cho đến thấy tánh rõ, pháp thân chưa hiển hiện.

Hỏi: Như Bồ-tát Thập địa biết người khác đời vị lai một kiếp cho đến mười kiếp thành Phật, vì sao không được thọ ký cho ông quá mười kiếp sẽ thành Phật ư?

Đáp: Tuy biết thành Phật xa gần cũng không được thọ ký chỉ vì thành Phật là việc lớn, phải là Phật trước Phật sau truyền cho nhau, nên phải là Phật thọ ký.

5) Hai đời thọ ký: Tự có Đức Phật tại thế vì kia mà thọ ký, tự có sau khi Đức Phật diệt độ huyền thọ ký cho người. Như Phẩm Hóa Thành Dụ nói sau khi ta diệt độ lại có đệ tử sinh ở nước khác nghe kinh Pháp Hoa được thành Phật đạo.

6) Xưa nay hai thứ: Trước chỉ thọ ký cho Bồ-tát thành Phật, chưa thọ ký cho Thanh văn. Nay cũng thọ ký cho Bồ-tát cũng thọ ký cho người Nhị thừa.

7) Thiện ác hai thứ thọ ký, v.v... không thọ ký cho Điều-đạt là người ác nay mới thọ ký.

8) Nam nữ hiện đời thành Phật, không thọ ký hiện đời thành Phật: Trước nói người nữ không được hiện thân thành Phật, nay thọ ký hiện thân thành Phật như Long Nữ, v.v...

**Kế là nói ba thứ:** Thọ ký: Thích luận nói: Có người tự biết được thọ ký, người khác không biết, có người khác biết thọ ký mà tự mình không biết, có khi mình và người đều biết.

Ba tạng Chân đế dịch Nhiếp Đại thừa nói ba thứ thọ ký:

1) Sẽ được thọ ký: từ ngoại phạm đến Thập hồi hướng sẽ được thành Phật.

2) Gia hạnh ký: Từ Sơ địa đến Thất địa tăng thêm các hạnh.

3) Viên mãn ký: Từ Bát địa đến Phật địa.

Lại có ba thứ:

1) Thời tiết ký: ba mươi bốn a-tăng-kỳ kiếp.

2) Tu hành ký: là tu mười độ.

3) Cứu cánh ký: Đạt đến muôn đức.

Thời tiết ký lại có ba:

1) Viễn nhân ký (nhân xa): Từ Ngoại phạm đến Thập hạnh cách xa Phật.

2) Cận nhân ký (nhân gần): Từ Thập Hồi Hướng trở lên cách Phật

gần.

3) Chí đặc ký: Từ Sơ địa trở lên đặc Pháp thân ký.

Kế là tu hành ký cũng có ba:

- 1) Hạ đạo chủng gọi là Thập tín.
- 2) Thành tựu tức ba mươi tâm.
- 3) Giải thoát sơ địa trở lên.

Kế là rốt ráo ký có bốn:

- 1) Hóa chủ.
- 2) Xứ sở.
- 3) Đại chúng.
- 4) Nói pháp.

Ba tạng lại xuất nghĩa ở Trung A-hàm và Tát bà đa nói hễ muốn đạt đến quả Phật thì phải trải qua ba a-tăng-kỳ tu hành, tăng kỳ đầu tu hành còn lui sụt làm Tiểu thừa gọi là Bất định vị. Kế là tăng kỳ thứ hai tu hành hạnh bất thoái gọi là Định vị; tăng kỳ thứ ba dứt hoặc kiến tư được thọ ký. Nay chưa biết rõ giải thích đây vì không tương ứng với Thích luận và xưa xuất nghĩa Tiểu thừa.

Kế là nói bốn thứ thọ ký: xuất xứ từ kinh Thủ Lăng-nghiêm và Thích luận còn chưa thấy bản kinh này có thể lại xem văn kinh lựa chọn. Và Thích luận có bốn:

- 1) Chưa phát tâm thọ ký.
- 2) Phát tâm thọ ký.
- 3) Không hiện tiền thọ ký cũng gọi là mật thọ ký.
- 4) Hiện tiền thọ ký.

Chưa phát tâm thọ ký có hai thứ: Trước là chúng sinh cụ phước chưa can dự thuộc về trong năm thừa thiện mà Phật huyền ký (thọ ký xa) cho kia đời vị lai thành quả Ba thừa, như Thích luận: ghi nhận việc chim bồ câu v.v... sinh ở đời vị lai tám muôn kiếp còn thọ thân chim bồ câu, sau trải qua vô số kiếp bỏ thân chim mới được thân người, phát tâm tu hành, đắc quả Bích-chi-phật.

Hỏi: Thọ ký cho loài chim này có lợi ích gì ư?

Đáp: Đối với chim không có lợi ích, Thân tử do đây mà biết trí Phật bất khả tư nghì khiến nhiều người phát tâm, Thân Tử hối hận đã chấp đạo Tiểu thừa, chỉ làm lợi ích cho người không làm lợi ích cho chim.

- Nương ý kinh Thủ Lăng nghiêm chép: Người ấy từ quá khứ lâu xa phát tâm tu hành, chỉ ở địa vị thấp, chỉ ở địa vị thấp kém như lông nhẹ gió thổi Đông Tây chưa thấu hiểu nên chưa phát tâm. Lại người

này quá khứ đã từng phát tâm, nhưng hiện tại chưa gieo trồng duyên cho nên nói chưa được phát tâm, người này từ Ngoại phàm đến thoái vị về sau. Lại nương kinh Anh lạc là người sáu tâm, y kinh Pháp Hoa là buộc châu trong chéo áo người, do kia mất đại giải nên nay thọ ký cho người ấy, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Phát tâm thọ ký: Như quá khứ lâu xa phát tâm cho đến hiện tại phát tâm, nên gọi là phát tâm. Ý kinh Thủ-lăng-nghiêm nói xếp người này vào vị bất thoái. Ý kinh Anh lạc là người Thất tâm trở lên.

- Không hiện tiền thọ ký: Chỉ có người khác biết mà tự mình không biết nên gọi là không hiện tiền.

Hỏi: Tự mình đã không biết sao lại thọ ký?

Đáp: Nếu người ấy tự nghe thọ ký thì sinh tâm biếng nhác, nay muốn dứt nghi của người kia khiến họ sinh tâm vui mừng nên thọ ký cho người kia.

Hỏi: Người kia có nghi gì?

Đáp: Người kia thấy người ấy từ lâu tu tập lại tôn sùng kính mến Phật đạo, mà không thấy được thọ ký, nay nghe được thọ ký người kia nghe liền phát tâm.

Hiện tiền thọ ký: tức là Vô sinh nhẫn. Xưa Luận sư phương Nam nói: Người thứ ba địa vị từ Sơ địa đến Lục địa, người thứ tư địa vị Thất địa, dùng hai nghĩa làm chứng:

1) Kinh Thủ Lăng Nghiêm nói người thứ ba hành sáu độ, sáu độ tức Lục địa, người thứ tư đắc vô sinh nhẫn, cho nên biết là Thất địa.

2) Các kinh và Thích luận chép: Đồng tử Bồ-tát đắc Thất địa vô sinh nhẫn, gặp Đức Phật Nhiên Đăng, mới được thọ ký, trước chưa gặp đức Nhiên Đăng còn chưa được thọ ký cho nên biết người thứ tư là Thất địa. Luận Sư Bắc phương nói: Người thứ nhất là người trước Ngoại phàm tức trước Thập tín; người thứ hai là ngoại phàm tức Bồ-tát Thập tín; người thứ ba là Bồ-tát Tam hiền tức sợ nghe thọ ký sinh phỉ báng nên không hiện tiền thọ ký, người thứ tư đặng Sơ địa nghe không sinh phỉ báng nên hiện tiền thọ ký.

Lời bình rằng: Đều có hai nghĩa chấp Lục địa chưa đắc vô sinh nhẫn cho nên chưa được vô sinh ký thành Phật thì như trước giải thích. Chấp đặng Địa đắc vô sinh thì như ở sau nói về. Thích luận nói: Sơ địa vô sinh, Thất địa vô sinh.

Hỏi: Nếu dùng giải thích trước có thể nói Lục địa còn sợ biếng nhác không hiện tiền thọ ký ư?

Đáp: Không chấp nhận nghĩa này chỉ nói Lục địa chưa đắc vô

sinh nhân cho nên chưa được vô sinh ký, do đó mà không hiện tiền thọ ký Bồ-tát Lục địa vô sinh ký thành Phật. Nếu sợ biếng nhác y theo giải thích sau. Lại luận Nhiếp Đại Thừa nói Lục địa gọi là Hữu tướng địa cũng được căn cứ nghĩa này là biếng nhác.

Hỏi: Thọ ký cho Thanh văn cũng có bốn thứ phải không?

Đáp: Theo kinh Pháp Hoa nói cũng có bốn thứ: Thường Bất Khinh thọ ký bốn chúng, gọi là chưa phát tâm mà thọ ký vì bốn chúng chưa phát tâm Bồ-đề.

Lại nữa Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Sau khi ta diệt độ lại có đệ tử, không nghe kinh này tự đối với công đức của mình nghĩ là diệt độ sẽ nhập Niết-bàn, ta ở các cõi khác thành Phật vì nói kinh này khiến cho họ phát tâm thành Phật, đó gọi là chưa phát tâm thọ ký tức dùng văn này, lại không hiện tiền thọ ký. Phát tâm thọ ký: căn cứ tích nói: Người ba căn Thanh văn đều phát tâm Bồ-đề tin hiểu Nhất thừa cho nên được thọ ký. Hiện tiền thọ ký: Quyển thứ tư nói: một ngàn hai trăm vị La-hán ấy nay Ta hiện tiền thứ lớp thọ ký cho.

Kế là nói nghĩa năm thứ Thanh văn được thọ ký, không được thọ ký:

- 1) Thanh văn lui Đại học Tiểu như Thân tử.
- 2) Thanh văn phát tâm học Tiểu thừa.
- 3) Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe.
- 4) Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, ngoài hiện tướng Thanh văn.
- 5) Thanh văn tăng thượng mạn.

Trong Thanh văn tăng thượng mạn lại có hai:

1) Đắc Tứ thiên nghĩa là đắc Tứ quả như Thích luận nêu ra đắc Sơ thiên gọi là đắc Sơ quả cho đến đắc Tứ thiên gọi là đắc Tứ quả.

2) Không hẳn đắc thiên, chỉ nghiêng về tu quán nhằm chán. Tam độc không khởi gọi là đắc La-hán. Kế là nói được thọ ký, không được thọ ký: Nếu Thanh văn lui đại làm tiểu y cứ về địa vị nói về là người Lục tâm trở xuống chỉ là chưa phát tâm thọ ký Thanh văn. Nếu phát tâm học Tiểu cũng là chưa phát tâm thọ ký; nhưng hai người này hơn kém khác nhau. Người đầu đã từng phát tâm, chỉ vì phát tâm chưa thành tựu nên gọi là chưa phát tâm. Người thứ hai đều chưa phát tâm. Nếu người thứ ba dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả đều nghe thì người này địa vị đã thông từ Sơ phát tâm đến quả Phật đều là Thanh văn. Nếu người trung căn lãnh giải tự xưng là dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe, người này chính là xếp vào nghĩa vị bất thoái, thuộc phát tâm thọ ký. Trong ẩn Hạnh Bồ-tát, vị này cũng thông từ vị bất thoái trở

lên đều có khả năng có việc này, mà chọn đấng Địa trở đi các người này có hiện tiền đắc thọ ký.

Tăng thượng mạn Thanh văn có ba hạng người:

1) Vừa được nghe kinh vừa được thọ ký, như Bồ-tát Thường Bất Khinh vì hàng Thanh văn tăng thượng mạn nói kinh Pháp Hoa và thọ ký cho, đây là chưa phát tâm thọ ký.

2) Không được nghe kinh không được thọ ký, như Thích luận nêu ra đấng Tứ thiên, người này khi chết đi đọa vào ngục Vô Gián.

3) Được nghe loáng thoáng mà không được thọ ký, tức năm ngàn người được nghe nói lược mà không được thọ ký.

Hỏi: Ba hạng Thanh văn tăng thượng mạn này vì sao có hơn kém?

Đáp: Gặp Bồ-tát Thường Bất Khinh lúc mới chê bai sau tin, lúc mới chê bai nên đọa vào ngục Vô Gián sau tin nên chứng đắc địa vị Bồ-tát. Như văn kinh nêu ra năm ngàn người, nói thẳng đứng dậy đi không nói chê bai, chọn kia nghĩa không chê bai thì hơn, không nghe pháp thì kém. Ban đầu người nghe kinh cho nên hơn, chê bai cho nên kém. Lại lúc mới người nghe kinh hay không nghe kinh đều chê bai, kể người nghe kinh thì chê bai, không nghe thì không chê bai cho nên người lúc mới kém, người thứ hai hơn. Lại người lúc mới phần nhiều là người thực hành, năm ngàn người phần nhiều là người biến hóa, người thứ ba khi chết sinh tà kiến, chê bai không có Thánh đạo, người này chẳng những chê bai Tiểu mà còn chê bai Đại thừa, hai người trước chỉ chê bai đại không chê bai tiểu. Căn cứ nghĩa này thì hai người trước là hơn, người sau là kém, lại người thứ ba chỉ đọa vào ngục Vô Gián một kiếp, người đầu chịu khổ ngàn kiếp, thì người đầu là kém, người sau là hơn.

Về sau thấy luận nói bốn thứ Thanh văn:

- 1) Quyết định Thanh văn.
- 2) Tăng thượng mạn Thanh văn.
- 3) Thoái tâm Bồ-đề Thanh văn.
- 4) Ứng hóa Thanh văn.

Quyết định Thanh văn: tức là vốn học Tiểu thừa tu hành chứng được bốn quả nên gọi là quyết định Thanh văn. Tăng Thượng mạn Thanh văn: không đắc bốn quả mà vọng cho là đã đắc, hai dạng này là đắc Tiểu thừa không đắc Nhị thừa. Thoái Đại là Tiểu và ứng hóa là kế, hai hạng này trong Đại thừa nói đắc thất nên có hai. Bốn hạng này thấu nhiếp tất cả Thanh văn, không trái với năm thứ trên, chỉ có rộng lược là khác. Luận nói được thọ ký, không được thọ ký tức thoái tâm Bồ-



đề và Ứng hóa, hai hạng người này được thọ ký, Quyết định và Tăng Thượng mạn Thanh văn, hai hạng người này căn tánh chưa thuần thực nên không thọ ký.

Hỏi: Đây giải thích trái với trước ư?

Đáp: Không trái nhau. Ý luận giải thích người ba căn được thọ ký đều là hạng thoái Đại và Ứng hóa được thọ ký, trong đó người không thực hành được hiện tiền thọ ký.

Hỏi: Người không thực hành được thọ ký: Bồ-tát Thường Bất Khinh thọ ký cho bốn chúng là những người nào?

Đáp: Luận nói Phương Tiện khiến kia phát tâm đây là thọ ký cho người thực hành.

Hỏi: Nếu vậy vì sao trước nói người thực hành không được thọ ký ư?

Đáp: Trước nói không được như người ba căn trong đây hiện tiền được thọ ký kiếp số. Chẳng phải không có thông ký vì đồng có Phật tánh mà được thọ ký, tức cùng tất cả chúng sinh được thọ ký. Người Ba căn căn cứ theo môn duyên nhân thọ ký, Thường Bất Khinh căn cứ theo môn chánh nhân thọ ký, nghĩa đều có khác.

Hỏi: Có người nào thực hành được thọ ký kiếp số hay không?

Đáp: Có lợi ích thì thọ ký, nghĩa cũng được. Luận nói năm thứ thọ ký:

1) Thân tử Ca-diếp danh hiệu khác nhau, lại vì mọi người đều biết cho nên thọ ký.

2) 500 người Phú lâu na v.v... và 1hại trăm người v.v... đồng một tên cho nên đồng thời được thọ ký.

3) Học vô học đều đồng một tên chẳng phải mọi người đều biết cho nên đồng thời được thọ ký.

4) Thọ ký cho Đề-bà-đạt-đa, nêu bày Như lai không có tâm ghét kẻ ác.

5) Thọ ký cho Tỳ-kheo-ni và Long nữ, là nói người nữ dù tại gia hay xuất gia tu Hạnh Bồ-tát đều chứng quả Phật. Luận trực kế nói Kinh Pháp Hoa từ đầu đến cuối thọ ký cho năm hạng người khác nhau nhau. Kế là nói thọ ký theo chiều rộng: Bất cứ một người nào đều đắc hai thứ thọ ký như ba căn Thanh văn Phát tâm Bồ-đề cho nên gọi là phát tâm thọ ký, từ Đức Phật thọ gọi là hiện tiền thọ ký. Thanh văn Tăng Thượng mạn tức là chưa phát tâm Bồ-đề được thọ ký, gọi là chưa phát tâm thọ ký. Trực kế là Thường Bất Khinh nghe kinh là hiện tiền thọ ký, theo nghĩa như thế có thể hiểu thêm.

Kế là nói bốn thứ ký nhiếp pháp. Hỏi: Thọ ký vì sao không nhiều, không ít mà chỉ lập bốn thứ?

Đáp: Nói theo địa vị thì nhiếp thu hết các thọ ký, chưa phát tâm thọ ký từ cụ phược phạm phu đến Lục tâm là vị thoái; phát tâm thọ ký từ Thất tâm trở lên ba mươi tâm, không hiện tiền Sơ địa đến Lục địa, hiện tiền từ Thất địa đến Thập địa. Lại chưa phát tâm là người trước. Ngoại phạm, phát tâm mới nhập địa vị ngoại phạm, không hiện tiền là nội phạm ba mươi tâm, hiện tiền là đẳng Địa đến Thập địa thâm nhiếp địa vị cùng khắp cho nên chỉ nói bốn thứ.

Lại tạo hai thứ thành cặp thu nhiếp:

1) Phát tâm, chưa phát tâm một cặp nhiếp hết các thọ ký, tự có người chưa phát tâm được thọ ký, tự có người đã phát tâm được thọ ký, chưa phát tâm được thọ ký như chim bồ câu, đã phát tâm được thọ ký là từ phát tâm trở lên đến Thập địa đều thuộc về.

2) Hiện tiền không hiện tiền một cặp, tự có không hiện tiền mà thọ ký, tự mình tuy không lợi ích mà có thể lợi ích cho người, tự có hiện tiền mà được thọ ký, hoặc có thể tự lợi mình mà không lợi người, hoặc mình và người đều được lợi ích, đây cũng thâm nhiếp hết các thọ ký.

Kế là nói chín thứ thọ ký: tức là thọ ký cho chúng sinh trong chín đường nghĩa là Ba thừa và sáu đường. Kế là nói mười thứ thọ ký, như trong phẩm Ly thế gian trong kinh Hoa Nghiêm chép:

Kế là nói bốn câu: Trước có phát tâm sau mới được thọ ký, sau phát tâm trước được thọ ký, trước phát tâm trước được thọ ký, sau phát tâm sau được thọ ký. Lại trước phát tâm sau được thành Phật, sau phát tâm trước thành Phật, như Đức Phật Thích-ca, đức Di-lặc v.v... dễ hiểu. Kế là trong Pháp Hoa nói Đại Tiểu bốn câu ràng buộc lẫn nhau:

1) Tiểu thừa không hơn kém, Đại thừa có hơn kém, như năm trăm người đều là bậc A-la-hán nên Tiểu thừa không có hơn kém. năm trăm người chuyển thứ lớp thọ ký thành Phật trước sau lại có hơn kém.

2) Tiểu thừa có hơn kém Đại thừa không hơn kém, như hai ngàn người Hữu Học, Vô học, hai ngàn người Hữu học và Vô học nên có hơn kém, đồng thời thành Phật nên không hơn kém.

3) Tiểu thừa kém Đại thừa hơn, như A Nan đắc Sơ quả mà trước thành Phật, tức Tiểu hơn Đại kém như La Hưu La đắc La-hán, sau thành Phật.

4) Giải thích phẩm Ngũ bách Đệ Tử và Hữu Học, Vô học thọ ký rồi.

Lại bốn câu:

1) Đồng là Vô học được thọ ký có trước sau, như người ba căn La-hán, v.v...

2) Đồng là Vô học đồng thời được thọ ký, như năm trăm La-hán.

3) Hữu Học, Vô học khác nhau mà đồng thời được thọ ký, như hai ngàn người.

4) Có Hữu học, Vô học khác nhau, được thọ ký trước sau cũng khác nhau như A-nan, La-hầu-la, v.v... bốn câu này thâm nhiếp chung ba câu.

Kế là phân biệt Đại thừa, Tiểu thừa: Hỏi: Kinh Đại thừa Tiểu thừa đều có chín bộ, vì sao Tiểu thừa chín bộ không được thọ ký, Đại thừa chín bộ có thọ ký ư?

Đáp: Thọ ký chính nói thành Phật, thành Phật là Đại thừa chánh tông cho nên Đại thừa chín bộ rõ ràng, Tiểu thừa thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông cho nên Tiểu thừa chín bộ không nói. Sở dĩ trong Pháp Hoa nói chín bộ chỉ vì hướng đến Niết-bàn.

Hỏi: Nước ngoài gọi là Hòa-già-la, Hán dịch là thọ ký, vì sao luận Thành thật đồng, dùng tên này mà nói là giải nghĩa kinh ư!

Đáp: Sư Thành thật luận hợp hai tên gọi giải nghĩa thọ ký vì thế gọi là giải nghĩa, dẫn văn luận kia nói bốn câu tức là giải nghĩa thọ ký. Nay nói không như vậy do thọ ký chẳng phải Tiểu thừa chánh tông, luận Tiểu thừa không có danh từ nói thọ ký. Vì sao biết? Vì Đại Niết-bàn giải thọ ký kinh dẫn việc A-dật-đa thành Phật cho nên biết như vậy.

Hỏi: Thọ ký là một nghĩa đó thôi ư! Vì sao trong mười hai bộ dùng thọ ký làm một bộ kinh ư?

Đáp: Thọ ký tuy là một nghĩa mà vì A-dật-đa thành Phật là việc lớn, lại thọ ký cho chúng sinh trong chín đường cũng là việc lớn cho nên có thể làm một bộ.

Hỏi: là Năng ký gọi là ký hay sở ký gọi là ký, hay năng sở hợp nói ký ư?

Đáp: Kinh thọ ký chính chọn văn lời làm kinh cho nên dùng năng ký gọi là ký, lại bản ký gọi người trước thành Phật lại chọn sở ký, gọi là ký như Mục Liên thọ ký . . . hai thứ đồng ba năng sở hợp gọi là để biết.

Kế là giải thích nghĩa Hóa thành.

Hỏi: Ba xe, hóa thành đã đồng là quyền, hai phẩm ý sau có gì khác nhau không?

Đáp: Trong phần xin xe đã nói, các ý khác chưa tận cùng, lại trình bày tướng kia chỉ nói Thanh văn có hai hạng:

1) Phát tâm học Tiểu thừa.

2) Thoái Đại làm tiểu. Ba xe là phát hướng cho người Hữu Học,

Tiểu thừa, khiến vượt ngoài ba cõi về đấng Ba thừa. Như Dự Hóa Thành là người thoái Đại làm Tiểu thừa vốn cầu Phật thừa, sợ Phật đạo lâu xa muốn lui sụt thọ sự an vui của cõi trời người cho nên giữa đường dừng nghỉ nói hai thứ Niết-bàn, nhưng luận chung cả hai vẫn đều bao gồm với hai nghĩa, lấy ý chính thì như trước đã nói.

Hỏi: Phẩm Phương Tiện nói nghĩa gì?

Đáp: Đây đủ bao gồm hai nghĩa, mà chính chọn ý đầu, do đó ba châu nói pháp có thể làm hai trường hợp: hai châu nói pháp chính là phát tâm Thanh văn, học Tiểu, hai châu lãnh giải cũng như vậy, châu thứ ba nói pháp chính là Thanh văn thoái Đại học Tiểu, lãnh giải cũng như vậy.

Hỏi: Trước nên vì người Thanh văn thoái Đại chọn Tiểu mà nói, vì sao trước vì người phát tâm học Tiểu thừa mà nói ư?

Đáp: Người Hữu Học Tiểu thừa bệnh chấp nặng cho nên trước cần bác bỏ nên lúc mới vì họ nói.

Hỏi: Thân tử đều là người thoái Đại chấp Tiểu cho nên nói ở chỗ ba muôn ức Phật tu học Đại thừa thì biết trước là người thoái Đại chọn Tiểu ư?

Đáp: Thân tử là người quyền hành vì dẫn người phát tâm học Tiểu thực hành cho nên trước đối Thân tử, Như Nhiếp Đại Thừa Luận nói: Thân tử hóa nhân đã đắc thọ ký, khiến người chưa định nhập Nhị thừa chánh vị sửa đổi hạnh Tiểu thừa, đã nhập chánh vị khiến kia luyện căn học đạo Bồ-tát.

Hỏi: Trước nói năm thứ Thanh văn nay vì sao chỉ nói hai thứ?

Đáp: Tuy có năm thứ Thanh văn nhưng Pháp Hoa giáo khởi chánh vị hai hạng người, để người phát tâm học tiểu khiến bỏ Tiểu mà tin Đại, người thoái Đại làm Tiểu cũng khiến trở về học Đại. Cho nên, chỉ vì hai hạng người ấy. Người quyền hành chính là muốn dẫn dụ hai hạng người này cho nên không cần làm. Dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe tức là hai người trước đắc ngộ, có khả năng dùng âm thanh Phật đạo khiến tất cả đều nghe là đã xong, cũng không cần làm. Người tăng thượng mạn sợ giáo không thọ như chúng năm ngàn người, đây là chưa thể làm.

Hỏi: Hai người này đắc ngộ có sâu cạn hay không?

Đáp: Người đầu chỉ được tin lời Phật, người thứ hai tùy địa vị cạn sâu.

Hỏi: Hóa thành cùng ba xe có gì khác nhau?

Đáp: Nói thẳng ba xe thì thông, xưa nay, nếu nói hóa thành chỉ là

giáo nay, trước chưa nói hóa.

Hỏi: Căn cứ thí mà nói có gì khác nhau không?

Đáp: làm ba xe này nêu nói pháp luân làm thí dụ, nếu là hóa thành dùng thần thông luân làm thí dụ. Vì sao biết? Vì Trưởng giả đối chỉ ngoài cửa có ba xe nên biết là thí dụ nói pháp luân, hóa thành thì nói đạo sư dùng thần thông lực hóa làm thành lớn thì dùng thông luân làm thí dụ. Lại ba xe dùng âm thanh làm thí dụ, Hóa thành thì nêu sắc làm thí dụ, Các con chỉ tai nghe xe mà mắt không thấy cho nên nêu âm thanh làm thí dụ, mọi người mắt thấy thành nên nêu sắc thí dụ. Nhưng trong thành thí dụ chẳng phải không có tiếng như đạo sư vỗ về cho đến nhóm chúng khuyển bảo đều là tiếng. Trong dụ xe chẳng phải không có sắc, như Trưởng giả chỉ ngoài cửa nêu bày ba xe kia tức là sắc, chỉ vì thành căn cứ mắt thấy xe căn cứ tai nghe như ý chính ở trước.

Hỏi: Đã nêu hai luân làm thí dụ có việc hai luân không?

Đáp: hai thí dụ đều do Phật nói, nhưng nói pháp luân không có việc hiện thần thông, cho nên chẳng phải thần thông.

Hỏi: Ba xe và hóa thành có gì khác nhau không?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết nay lại có căn cứ này chia thành bốn câu:

- 1) Thật mà chẳng quyền, nghĩa là một xe lớn.
- 2) Quyền mà chẳng thật, nghĩa là hai sứ giả và hóa thành.
- 3) Vừa quyền vừa thật nghĩa là ba xe, đối một nói ba nên gọi là quyền, hai thứ còn lại chẳng thật chỉ có một là thật nên gọi là thật.
- 4) Chẳng quyền chẳng thật là trước, tuy có ba câu mà chỉ thành hai câu quyền thật. Quyền thật là nghĩa nhân duyên cho nên quyền thật thì không thật, thật quyền thì chẳng quyền, nói thẳng quyền thật rõ ràng mà chưa hợp quyền thật tức câu thứ tư. Lại căn cứ năm thừa, thừa trời người chẳng phải Nhất thừa cho nên chẳng thật, chẳng phải Ba thừa, cho nên chẳng quyền làm câu thứ tư.

Hỏi: Hai sứ giả và thành có gì khác nhau?

Đáp: Trước đã giải thích chưa hết lại trình bày kế:

- 1) Sứ giả căn cứ người làm thí dụ, người năng chỉ bày phải trái như giáo năng thuyết giảng lý tà, chánh, thành dùng pháp làm thí dụ chỉ nói dừng nghỉ.
- 2) Người sai khiến (Sứ giả) động, mà thành tĩnh, khiến động dụ nói giáo hợp duyên, thành tĩnh chọn an ổn không lo lắng.
- 3) Người sai khiến dụ cho giáo, một thành dụ cho lý.
- 4) Sứ giả có hai tức bốn đế, mười hai nhân duyên, thành thì chỉ có

một hai trí không khác nhau, hai Niết-bàn không khác.

Hỏi: Nhị thừa, hai trí có gì khác nhau vì sao không khác? Lại nhập vô dư không khác, Hữu dư có khác vì sao không khác ư?

Đáp: Có thể so với cả hai thể chấp kia đồng đặc hai trí, đồng đặc nhị Niết-bàn cho nên nói không khác, đây có thể thí dụ một thành; chấp hai trí kia khác nhau hữu dư khác nhau thì dụ hai giáo sâu cạn như hai xe xấu đẹp.

5) Hai sứ giả chỉ ở trong nhân vào thành lên xe đều y cứ quả địa.

6) Hai sứ giả dụ cho giáo môn giải thích chung nhân quả, thành xe thì chỉ ở quả môn.

7) Hai giáo giải thích làm vô vi, mà chỉ thể là hữu vi, thành xe chung làm vô vi.

8) Thành thì là không có, sứ giả thì gọi là có, thật ra không có quả Tiểu thừa rốt ráo nên gọi là không có, hóa ra vô giáo là Phật nói mà chẳng có gì không phải Phật giáo nên nói là có.

Hỏi: Đã thật không có quả rốt ráo mà quyền nói có thì cũng thật không có Tiểu thừa giáo cũng quyền nói có Tiểu thừa giáo nghĩa này ngang nhau, vì sao không theo lệ ư?

Đáp: Chẳng phải không có Phật nói giáo, vì hợp tiểu giáo quy về một Đại giáo nên nói ta đối với chín bộ pháp này tùy theo chúng sinh mà nói, nhập Đại thừa làm gốc cho nên giáo có. Quả rốt ráo đã không có, không thể hội quy một quả, như không thể từ Hóa thành về đảo châu báu.

Hỏi: Nếu quả không có, không thể hội thì trí dứt không có, lẽ ra không thể hội sao lại nói các ông hành đạo Bồ-tát ư?

Đáp: Có thể suy tìm kỹ ý chỉ kia, trí dứt này có thể trông mong hai điều, nếu nói trí dứt rốt ráo đây thì không có nên chẳng thể hội mà có trí dứt này không rốt ráo thích hợp quy Nhất thừa cho nên nói các ông hành đạo Bồ-tát.

Luận giải thích rằng: việc các ông làm là đạo Bồ-tát nghĩa là trước phát tâm Bồ-đề rồi lui sụt, rồi lại phát tâm tu hành như trước, gốc lành không mất đồng sau đắc quả, nên ý này nói chọn gốc lành tâm Bồ-đề nên hành đạo Bồ-tát. Trí Nhị thừa dứt đều là duyên xa của đạo Bồ-tát, thiện căn trời người cũng như vậy.

Hỏi: Vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư?

Đáp: Nhị thừa chính gọi là quả mà chẳng phải đạo, nay bác bỏ bệnh này nên gọi là đạo chẳng phải quả. Đạo nghĩa là nhân, các ông thực hành hoặc nhân hoặc quả đều là đạo Bồ-tát.

---

Hỏi: Bồ-tát có quả như trong Tín Giải nói: nay ta đắc đạo đắc quả. Đại Phẩm nói: Hữu pháp là đạo Bồ-tát, vô pháp là Bồ-tát quả, vì sao không nói các ông thực hành quả Bồ-tát ư? Đáp: Căn cứ nghĩa này cũng được, chỉ vì ở đây nói đạo là chọn Bồ-tát, hoặc quả hoặc đạo đối với Phật đều là nhân, tất cả đều là đạo, cho nên nói đạo Bồ-tát.





# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 8

Luận rằng xoay bánh xe pháp có bốn nghĩa:

1. Bánh xe.
2. Xoay.
3. Phương.
4. Hàng phục.

**1. Bánh xe:** Đại thừa dùng quán vô sinh diệt làm thể, Tiểu thừa dùng quán sinh diệt làm thể. Đại thừa dùng quán vô sinh làm bánh xe, lược có mười nghĩa:

1) Chỉ Thánh vương có các người khác thì không, chỉ Thánh vương vô sở đắc có quán vô sinh diệt này. Người có sở đắc thì không.

2) Tự nhiên thành tựu không do công sức, Phật Bồ-tát liễu các pháp vốn tự vô sinh, nay cũng không diệt, đắc quán vô sinh phá sinh diệt cho nên có vô sinh. Phẩm Phương Tiện nói: Các pháp từ xưa nay tướng thường vắng lặng.

3) Phúc vãng (bánh xe) đầy đủ, quán vô sinh tròn đầy thì các hạnh đầy đủ.

4) Vua Tự tại dẫn trước, do quán vô sinh thường đứng đầu các hành.

5) Người khác không thể hoại, thiên, ma, ngoại đạo không thể hoại.

6) dẹp bỏ được kẻ thù: đắc quán vô sinh phá được tất cả sinh tâm động niệm.

7) Dừng nơi Không, không đọa, đắc quán vô sinh thường đối với thật tướng hư không chẳng còn lui sụt.

8) Tròn đầy không bờ bến: đắc quán vô sinh lia các bên đoạn thường.

9) Trên dưới xoay vần: đắc quán vô sinh năng đối với sinh vô sinh không ngăn ngại nhau, như pháp thân vô sinh mà không nơi nào chẳng sinh, do vô sinh nên các đường đóng cửa tức là trên xoay, không chỗ



nào không sinh mà sinh trong năm đường gọi là dưới vẫn.

10) Mau đặc quán vô sinh tâm không gì ngăn ngại một niệm biết khắp. Cái gọi luân là lấy xoay bánh xe làm nghĩa, trước Đức Phật đặc Như thật ngộ thọ ký cho Đức Phật sau, chúng sinh bất tận xoay vẫn không lúc nào dừng nên gọi là xoay bánh xe. Lại luân nghĩa là đầy đủ: Quán vô sinh này không đức nào là không bao gồm, như Bát-nhã nói một niệm đầy đủ muôn hạnh. Lại luân là nghĩa tròn đầy ngay thẳng, vô sinh thật quán tròn đầy ngay thẳng không nghiêng lệch.

Hỏi: Vì sao gọi là Pháp luân lại gọi là Phạm luân ư?

Đáp: Có thể vâng theo phép tắc gọi là pháp, thanh tịnh gọi là phạm. Luận Thập Trụ chép: Luân đây năng trừ ba độc của chúng sinh khiến được thanh tịnh cho nên nói phạm luân. Luận Bà-sa chép: Phạm âm nói nên gọi là phạm luân. Văn Thích luận đã nói đầy đủ.

Kế là nói về vị, chỉ một vô sinh Trung đạo chánh quán, y cứ sáng tối khác nhau chia làm bốn vị: Sơ địa đến Tam địa gọi là Tín vô sinh, Tứ địa đến Lục địa gọi là Thuận vô sinh, Thất địa đến Cửu địa gọi là Chân vô sinh, Thập địa đến Phật địa gọi là Tịch diệt vô sinh, tức dụ cho bốn vua Chuyển Luân. Lại Địa tiền cũng có bốn vị: Ngoại phạm Thập tín là Tín vô sinh, kế Thập trụ là Giải vô sinh, Thập hạnh là Nhân vô sinh khởi hạnh, Thập hồi hướng nói giải hạnh đầy đủ thuận dòng vô sinh, bốn vị sau gọi là Tương tự luân, bốn vị trước gọi là chân luân, trong tự nói ngoại phạm, trong chân đều, không đều như giải thích trong Nhất thừa.

Hỏi: Vì sao Địa tiền đến quả Phật đều quán vô sinh?

Đáp: Bát-nhã nói Bồ-tát lúc mới phát tâm đều học vô sở đắc, do vô sở đắc nên từ một vị đến một vị, có sở đắc là quyến thuộc của ma không đạo không quả vì vậy nên đều học vô sinh.

Hỏi: Vì sao gọi là quán vô sinh? Đáp: Đối với tất cả duyên sinh tử, Niết-bàn và quán đều chẳng sinh tâm động niệm nên gọi vô sinh. Cho nên kinh dạy: Động tâm là lưới ma, bất động tức là pháp ấn.

**2. Giải thích nghĩa xoay:** Tức dùng vô sinh làm bánh xe, tức dùng vô xoay làm xoay. Tịnh Danh nói: Ba lần xoay bánh xe pháp trong cõi Đại thiên, bánh xe kia xưa nay thường thanh tịnh. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi chép: vườn Nai không nói cốc thọ không nói, Thiện Cát nói ta không luận bàn cho đến không nói một chữ.

Đại Kinh nói nếu biết Như lai thường không nói pháp thì đó gọi là đầy đủ học rộng, đầy đủ là không xoay mà xoay cho nên nói vô sở ngôn, chỉ chuyển có hai thứ:

1) Tha chuyển.

2) Tự chuyển.

Hai thứ này bỏ ba thứ thành Phật:

1) Pháp thân thành Phật, nghĩa là ngồi đạo Tràng quán vô sinh sẽ đầy đủ niệm không hai, hoặc nhờ Chư Phật vì làm nhân duyên nên quán vô sinh xoay chuyển trong tâm gọi là tha chuyển.

2) Ứng thân thành Phật, nghĩa là Thập địa hành mãn ngộ nơi đạo tràng không thầy mà tự ngồi gọi là tự chuyển, hai thứ này đều là Đại thừa, Ba tạng không có.

Kế là nói ba tăng kỳ kiếp hành mãn ba mươi bốn tâm thành Phật, cũng không có thầy mà tự ngộ đắc nhãn trí, minh giác ba thứ này chứa đựng thành Phật, thành Phật tuy nhiều thứ mà không ngoài ba thứ này. Nếu dùng bản tích mà nói thì đầu một là bản, sau hai là tích, Đại tiểu vì luận thì hai thứ đầu là Đại, sau là Ba tạng. Quyền thật mà nói thì Ba tạng nói về quyền Đại thừa có quyền có thật, pháp thân là thật thành, tích thân là quyền thành. Kế là căn cứ ứng thân thành Phật lại có tự tha. Luận Bà-sa nói Đức Phật ngồi dưới cội Bồ-đề xoay bánh xe pháp tự thân nghĩa là tự đắc cảnh vô lậu tuệ hành Tứ đế; ở nơi vườn Nai vì tha thân xoay bánh xe pháp nghĩa là Kiền-trần-như, v.v... có tuệ ứng phát căn ngôn giáo của Phật để họ khởi phát gọi là vì tha chuyển. Chỉ vì nghĩa tự chuyển căn cứ lúc mới thành đạo nghĩa này thì ngắn, từ đó về sau đều thuộc tha chuyển cho nên tha chuyển thời dài, Tiểu thừa đã vậy Đại thừa cũng đồng.

**3. Nói nghĩa phương:** xoay thì có phương hướng tức là nghĩa chuyển cảnh, nếu vậy Tiểu thừa quán sinh diệt chiếu cảnh Tứ đế, cho nên bánh xe xoay bốn phương, Đại thừa nói quán vô sinh diệt nơi một thật đế mới chuyển.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Tiểu thừa dùng khổ tập làm sinh nhau, diệt đạo làm hoàn diệt, cảnh tức quán sinh diệt cũng giống như vậy, cho nên cảnh sinh diệt phát quán sinh diệt, quán sinh diệt chiếu cảnh sinh diệt, do đó nên nói sinh diệt xoay vẫn bốn phương. Đại thừa, thì nói không khổ không tập nên không sinh, không đạo không diệt nên vô diệt, cho nên gọi là Nhất đế, dùng một đế vô sinh diệt phát bất sinh diệt một quán, một quán vô sinh diệt chiếu một cảnh vô sinh diệt, cho nên nói vô sinh diệt xoay vẫn nơi một đế mới chuyển. Nhưng chuyển luân đã là không chuyển mà chuyển, cảnh sinh cũng chẳng sinh mà sinh không chuyển mà chuyển tuy chuyển mà không chiếu, bất sinh mà sinh tuy sinh mà không phát.

Tiểu nói Tiểu thừa luân nơi bốn phương chuyển, Đại thừa cũng như vậy. Chỉ là Tiểu thừa đối hữu lượng bốn phương chuyển, Đại thừa đối vô lượng bốn phương chuyển.

Hỏi: Tiểu thừa hữu lượng nên có sinh diệt, Đại thừa vô lượng cũng có sinh diệt, lượng, vô lượng bèn khác, quán sinh diệt lẽ ra đồng ư?

Đáp: Cũng khác nhau. Đại thừa nói khổ, như Đại Kinh nói: Hiểu khổ không khổ gọi là khổ đế. Lại nói năm ấm rỗng suốt không, không có chỗ khởi là nghĩa khổ, pháp vốn bất sinh nay thì không diệt là nghĩa vắng lặng, đâu đồng Tiểu thừa bức não là khổ, đã có lại không gọi là diệt ư?

**4. Nói hàng phục:** oán tức nói về dụng của bánh xe, Tiểu thừa đối Tứ đế mới chuyển hàng phục oán dưới Tứ đế, chánh quán luân đối nhất thật đế mới chuyển, hàng phục oán sinh diệt đoạn thường. Lại bánh xe Tiểu thừa đối với hữu lượng Tứ đế chuyển phục hoặc bên dưới hữu lượng Tứ đế, bánh xe Đại thừa đối với vô lượng Tứ đế mới chuyển phục hoặc bên dưới vô lượng Tứ đế. Kế là nói quyền thật: Do bên trong chiếu Bốn đế làm thật trí, ngoài nói giáo làm quyền trí, tức Phật tự xoay bánh xe pháp thì chuyển cùng luân đều là thật trí. Nếu vì chúng sinh xoay bánh xe pháp thì bánh xe bị xoay là thật trí giáo năng chuyển làm quyền trí. Kế là nói hai luân giáo trí.

Hỏi: Đại Kinh nói Chư Phật, Thế tôn hề có nói ra điều gì là xoay bánh xe pháp, đây dùng vật gì để xoay sao nói làm bánh xe ư?

Đáp: Có thể đủ hai nghĩa:

1) Phật giáo làm năng xoay, chúng sinh trí làm luân bánh xe bị xoay, vì Chư Phật nói pháp đều năng sinh vật trí tuệ nên dùng Phật giáo làm năng xoay, trí chúng sinh làm bánh xe bị xoay.

2) Dùng giáo làm bánh xe bị xoay, dùng trí Phật làm năng chuyển. Vì sao? Vì hai trí Phật năng thuyết hai đế, giáo hai đế làm bánh xe bị xoay.

Hỏi: Trước nói giáo là năng chuyển, chúng sinh hai trí làm luân sở chuyển, cùng trái với sau làm sao hội thông ư?

Đáp: Phật vì chúng sinh xoay bánh xe pháp chủ yếu phải đủ hai thứ năng sở:

1) Dùng hai trí nói hai luân, thì hai trí làm năng chuyển, hai đế giáo làm bánh xe bị xoay.

2) Hai đế giáo lại năng phát sinh hai trí cho chúng sinh, thì hai đế giáo làm năng chuyển, hai trí chúng sinh làm bánh xe bị xoay. Đầu thì trí năng đế sở, kế thì đế năng trí sở.

Hỏi: Đức Phật tự xoay có năng sở hay không?

Đáp: hai đế của Phật năng phát sinh hai trí của Phật, thì đế là năng chuyển trí Phật làm bánh xe bị xoay, hợp trên thì có ba thứ năng sở.

Hỏi: Vì sao giáo gọi là bánh xe ư?

Đáp: Giáo có khả năng dứt tà bầy chánh cũng gọi là bánh xe, dùng trí làm luân chung tự tha, dùng giáo làm luân chỉ có tự tha.

Hỏi: Trí giáo làm luân xuất xứ từ văn nào?

Đáp: Đại Kinh nói hễ có nói điều gì đều là xoay bánh xe pháp giáo này. Tịnh Danh nói: Đắc vô sinh nhân xoay bánh xe bất thoái dùng trí làm bánh xe. Luận Thập Trụ nêu ra đủ hai giải thích:

1) Nói mười hai thứ hành làm luân. mười hai thứ hành nghĩa là nhân trí minh, giác, những thứ này dùng trí làm luân.

2) Nói phân biệt pháp Ba thừa gọi là xoay bánh xe pháp dùng giáo làm bánh xe.

Kế là nói nghĩa Ba luân: Vì Thanh văn chuyển Tứ đế này thì Ba chuyển gọi là thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển; vì Duyên giác nói tái chuyển (chuyển lại lần nữa), nghĩa là hai nhân duyên sinh nhau và hoàn diệt; vì Bồ-tát nói sáu độ chỉ nêu một lần chuyển, không có ba lần nói sáu độ cũng không nói có hai thứ sinh diệt.

Hỏi: Vì sao biết như vậy?

Đáp: Vì văn kinh Pháp Hoa tự có giải thích ấy. Tứ đế thì nói Ba chuyển, Mười hai nhân duyên thì nói sinh diệt, sáu độ nói thắng mà thôi.

Hỏi: Vì sao như vậy?

Đáp: Vì chỉ bày hàng Thanh văn căn độn nên ba phen chuyển, chỉ bày hàng Duyên giác trung căn nên chuyển lại một lần nữa, chỉ bày Bồ-tát thượng căn nên một lần chuyển.

Kế là nói nghĩa thông phương: Thanh văn đã ba phen chuyển, hai hạng còn lại cũng lệ theo như vậy. Lại thông là người Ba thừa đồng quán mười hai nhân duyên cho nên được thông vì người Ba thừa xoay bánh xe pháp mười hai nhân duyên. Chỉ y cứ mười hai nhân duyên giáo có thể chia ra hai vị, vì người Nhị thừa nói mười hai nhân duyên sinh diệt nên gọi là hai phen chuyển, vì Bồ-tát nói vô sinh diệt một Trung đạo chánh quán gọi là một phen chuyển. Cho nên Trung luận chép: Trước ở trong pháp Thanh văn nói mười hai nhân duyên sinh diệt, kế vì các Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt. Mười hai nhân duyên sanh diệt: tức là sinh nhau và hoàn diệt. Vì Bồ-tát nói mười hai nhân duyên vô sinh diệt, mười hai vốn vô sinh nay cũng không diệt.

Kế là nói nghĩa Tứ đế chung riêng: Vì người Nhị thừa nói hữu lượng Thánh đế, vì các Bồ-tát nói vô lượng Thánh đế.

Hỏi: Vì sao văn nói vì người Duyên giác nói Tứ đế ư?

Đáp: Mười hai sinh nhau tức khổ tập, hoàn diệt tức diệt đạo, nghĩa có thể biết. Lại Phẩm Vãng Sanh trong Thích luận nói: Bồ-tát nếu chứng Tứ đế thành Bích-chi-phật tức là văn ấy.

Kế là nói sáu độ chung riêng: Thông đặc vì người Ba thừa nói sáu độ. Phẩm Phát Thú trong Đại Phẩm nói: A-la-hán Bích-chi-phật Chư Phật nhân lục Ba-la-mật mà đạt đến bờ bên kia. Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Phạm phu Nhị thừa đều có sáu, chỉ sáu khác nhau với Bồ-tát!

Hỏi: Nếu người Ba thừa đều có sáu cũng chỉ nên gọi là Ba-la-mật hay không?

Đáp: Người Nhị thừa thực hành hạnh này đến bờ kia Niết-bàn cũng gọi là Ba-la-mật nhưng không thể đạt đến Phật đạo, bờ bên kia so với Bồ-tát chẳng phải Ba-la-mật. Lại Thích luận nói người Tiểu thừa có đủ sáu độ, vì Phật Tỳ-đàm tức là Bát-nhã, định tức là thiền, giới là Thi la, trong đạo phẩm tinh tấn tức Tỳ lê da, chịu đựng trách mắng tức nhẫn, có bố thí tức là đần.

Hỏi: Sáu độ tức là Tứ đế phải không?

Đáp: Lục tế sinh nhau là khổ tập, lục hạnh năng diệt tức đạo để sở diệt không gọi là diệt đế cũng được đầy đủ bốn đế.

Kế là nói giải thích riêng nghĩa Thanh văn ba phen chuyển.

Hỏi: Vì sao nói ba phen chuyển ư?

Đáp:

1) Pháp ngữ của Chư Phật ba đời mười phương không quá ba lần, lúc ở vườn Nai này là sơ xoay bánh xe pháp chỉ bày pháp của Chư Phật nên ba phen nói.

2) Vì chúng sinh có ba căn nên ba phen nói. Thích luận quyển một trăm nói: Người thọ pháp có ba thứ: lợi căn một lần nghe liền ngộ, trung căn hai phen nghe mới hiểu, độn căn ba phen nghe nói mới ngộ. Luận Bà-sa cũng nói về như thế.

Hỏi: Đức Phật vì năm Tỳ-kheo ba phen nói Tứ đế trong đây vì sao nói có ba căn?

Đáp: Trong đây có tám muôn chư thiên và năm người vì sao lại không có ba căn ư!

3) Phát sinh ba tuệ cho nên ba chuyển: sơ chuyển sinh văn tuệ, kế chuyển sinh tư tuệ, chuyển lần thứ ba sinh tu tuệ.

4) Sơ chuyển sinh vị tri dục tri căn, kế chuyển sinh Tri căn, ba



phen nói sinh dĩ tri căn.

5) Sơ nói sinh kiến đạo, kế nói sinh tu đạo, sau nói sinh vô học đạo.

Hỏi: Vườn Nai ba phen nói sinh vật gì ư?

Đáp: Chỉ sinh vị tri dục căn, chỉ sinh kiến đạo mà đầy đủ sinh ba tuệ, đến thời Kiến đạo là vị tu tuệ.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Vì năm người và tám muôn chư thiên đều đắc sơ đạo. Lại lần thứ nhất nói thì người hạ căn sinh Kiến đạo, người trung căn hạ căn chưa ngộ đều ở trước kiến đạo, lần thứ hai nói người hạ căn đạt đến Tu đạo, người trung căn ở kiến đạo, người hạ căn chưa nhập kiến đế, lần thứ ba nói người thượng căn đắc vô học đạo người trung căn đắc tu đạo, người hạ căn đắc kiến đạo, ba tuệ cũng như vậy. Người lợi căn nghe nói một lần đắc văn tuệ, hai loại người còn lại chưa đắc lần thứ hai nói người hạ căn đắc tư tuệ, hạng trung căn đắc văn tuệ, lần thứ ba nói người hạ căn đắc tu tuệ, người trung căn đắc tư tuệ, người hạ căn đắc văn tuệ.

Hỏi: Làm sao biết như vậy?

Đáp: Luận Bà-sa chép: Kiều-trần-như một người đắc sơ quả thời bốn người trụ tứ gốc lành. Nhưng ba chuyển có hai thứ:

1) Tứ đế ba chuyển như trước.

2) Nhất đế ba chuyển: Gọi là khổ, khổ nên biết, khổ ta đã biết, tập... cũng như vậy.

Kế là nói nghĩa mười hai hành: Chia làm hai ý:

1) Căn cứ pháp luân Tứ đế nói mười hai.

2) Căn cứ mười sáu đế pháp luân nói chuyển Pháp luân Tứ đế. Nói mười hai ấy: là có giáo mười hai, có hành mười hai. Giáo mười hai: Nghĩa là thị, khuyến, chứng, bốn đế thành mười hai giáo. Mười hai hành: ba phen chuyển đều sinh nhãn trí, minh, giác nếu giáo mười hai là năng chuyển thì hành mười hai là sở chuyển, mười hai hành là luân, mười hai giáo không phải luân. Nếu nói nghĩa hai luân thì mười hai đế là giáo pháp luân, mười hai hành là hành pháp luân. Nếu là giáo pháp luân thì năng chuyển chỉ là một quyền trí, sở chuyển thì có mười hai giáo. Nếu là hành pháp luân, thì năng chuyển giáo có mười hai, sở chuyển hành cũng mười hai.

Hỏi: Giáo hành đây là căn cứ một người hay căn cứ nhiều người ư?

Đáp: Giáo thông một người, nhiều người, tự có một người bảm thọ

đầy đủ thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển, tự có người ba căn bả̃m thọ ba đều đữc ngộ. Nếu căn cứ Kiến đế, đạo luận mười hai hành: Cốt yếu là ba người: người lợi căn nghe thị chuyển liền sinh nhĩn trí minh, giác cho nên đắ̃c Kiến đế, người trung căn hạ căn cũng như vậy. Dùng ba hạng người hợp nêu cho nên nói mười hai hành.

Hỏi: Vì sao căn cứ kiến đế nói mười hai hành ư?

Đáp: Đây là căn cứ ở vườn Nai nói Kiều-trần-như và tám mũn chư thiên đắ̃c pháp nhĩn thanh tịnh cho nên nói điều này. Lại căn cứ nghĩa Tiểu thừa Kiến đế, đạo chính là pháp luân.

Tiểu thừa nghĩa xưa nói đứ̃c Mâu Ni nói kiến đạo nhanh, nên gọi là pháp luân, Cù-sa cũng vậy. Cho nên, nói hoặc lại nói tám chi chuyển đến tâm người, tám chi cũng là tám chánh đạo, tám chánh đạo tức là kiến đạo, nhưng Cù-sa giải chuyển cùng tạp tâm không khác nhau nhau chỉ tạp tâm nói chuyển và luân đều là kiến đế giải. Căn cứ hai nghĩa nói về chọn kiến đế vô lậu giải có nghĩa đẹ̃p phá nên gọi là Luân. Đây giải nhanh chóng gọi là chuyển, Cù-sa nói Đứ̃c Phật tự ngộ tám chánh đạo cho đến hiểu rõ trong tâm của năm người nên gọi là chuyển.

Hỏi: Vì sao biết ba lần chuyển sinh ba đạo ư?

Đáp: Đứ̃c Thích-ca sơ chuyển chỉ nói đắ̃c giải Kiến đế cho nên căn cứ Kiến đế đạo. Đứ̃c Đạ̃i Thông Trí Thắng sơ chuyển thì đều đắ̃c La-hán, La-hán ấ̃t trải qua ba đạo cho nên căn cứ ba đạo nói ba phen chuyển. Luận Tát Bà Đa nói chỉ Kiến đạo gọi là pháp luân, Tăng Kỳ bộ nói Chư Phật hể̃ có nói ra điều gì đều gọi là xoay bánh xe pháp, Thích Luận nói chỉ lúc mới nói gọi là xoay bánh xe pháp, sau trở đi nhĩn ở lúc mới cũng gọi là xoay bánh xe pháp.

Kế là nói bốn mươi tám pháp luân: Như một người đắ̃c bốn tâm nhĩn, trí, minh, giác khai nầy thì chia bốn tâm thành mười sáu tâm, nghĩa là khổ pháp nhĩn làm nhĩn, khổ pháp trí làm trí, Tỉ nhĩn là minh, Tỉ trí là giác, cùng ba đế đều như vậy, cho nên thành mười sáu, người Ba căn đều đắ̃c mười sáu cho nên thành bốn mươi tám hành.

Kế là nói chuyển mười sáu đế pháp luân: cũng nên có thị chuyển, khuyến chuyển, chứng chuyển thì thành bốn mươi tám giáo pháp luân. Người ba căn đều đắ̃c mười sáu tâm nên gọi là bốn mươi tám hành pháp luân, đây chẳng phải là khổ nhĩn mười sáu tâm, chính là khổ vô thường mười sáu tâm. một người ba người đầy đủ đắ̃c bốn mươi tám giáo. Nếu là hành luân bốn mươi tám chỉ căn cứ ba người.

Hỏi: Bốn đế mười sáu đế có gì khác nhau ư?

Đáp: Lự̃c, rộng làm khác. Lại vì người hạ căn nên chỉ nói lự̃c

bốn đế, vì hàng độn căn rộng khai mười sáu đế, lại bốn đế là chương môn mười sáu đế là giải nghĩa, lại nói rộng làm mười sáu, vì để (giữ gìn) trì nên chỉ nói bốn.

Hỏi: Trước nói bốn mươi tám hành, sau lại nói bốn mươi tám hành có gì khác nhau ư?

Đáp: Nếu chuyển pháp bốn đế nói bốn mươi tám hành, ấy là căn cứ kiến đế, sao lại dùng kiến đế mười sáu tâm, ước về ba căn đều đắc mười sáu cho nên thành bốn mươi tám, tư duy không hẳn đầy đủ quán Tứ đế. Lại tạo tác chín vô ngại, chín giải thoát dứt hoặc, không nói mười sáu tâm cho nên không được thành bốn mươi tám. Nếu chuyển mười sáu đế pháp luân đây là thông hoặc Kiến, Tư, do Kiến, Tư đều đắc thành mười sáu đế quán nên thành mười sáu hành. Nhưng mười sáu trước chỉ căn cứ kiến đế cho nên biệt, mười sáu sau tức thông.

Kế là nói dùng bốn câu tóm lược:

- 1) Khai giáo khai hành, nghĩa là mười sáu đế mười sáu hành.
- 2) Hợp giáo hợp hành nghĩa là mười hai giáo mười hai hành.
- 3) Hợp giáo khai hành, ba phen chuyển mười hai giáo là hợp giáo, căn cứ ba thành bốn mươi tám là khai hành.
- 4) Hợp hành khai giáo: Căn cứ một người nghe đủ ba phen chuyển mười hai giáo nên gọi là khai giáo, chỉ sinh một nhãn trí minh giác gọi là hợp hành.

Hỏi: Nay nói Tiểu thừa có gì khác nhau với số luận nói Tiểu thừa?

Đáp: Lời nói tuy đồng mà tâm thì khác, như bài tựa của ngài Tịnh Danh nói về Tiểu thừa pháp luân nói ba phen xoay bánh xe pháp ở cõi Đại thiên, luân kia xưa nay thường thanh tịnh. Nếu vậy tuy là khai cùng hợp cảnh cùng hành đều là nhân duyên, giả danh làm chuyển, nhân duyên chuyển này là không chuyển mà chuyển vô sở chuyển cho nên nói luân kia xưa nay thường thanh tịnh, cho đến cảnh vô sở cảnh, bỏ vô sở khai như thế mới được gọi là xoay bánh xe pháp, cũng mới được gọi là pháp nhãn thanh tịnh. Nếu có sở chuyển đây là chuyển điên đảo không gọi là pháp luân, nếu có sở kiến chính gọi là điên đảo kiến, không gọi là đắc pháp nhãn thanh tịnh. Bài tựa Phẩm Tánh khởi trong Kinh Hoa Nghiêm nói: Tiểu thừa pháp luân vô sở chuyển, vô sở hoàn, gọi là xoay bánh xe pháp.

Hỏi: Không chuyển mà chuyển đó là trong Đại thừa nói hay trong Tiểu thừa nói?

Đáp: Trong Đại thừa nói Phật nói Tiểu thừa xoay bánh xe pháp

ý như thế, nếu không ngộ như thế thì người ấy không hiểu được ý Đại thừa cũng không đắc ý ba tạng.

Kế là biệt nói Đại thừa xoay bánh xe pháp có bốn câu: Ban đầu xoay bánh xe Tứ đế, kế là xoay bánh xe hai đế, kế là bánh xe một đế, kế là xoay bánh xe pháp vô đế, Tiểu thừa chỉ có ba phen chuyển mà Đại thừa có đầy đủ bốn chuyển, bốn chuyển đầy đều là nghĩa thư giãn giãn từ vô đế là một đế, một đế là hai đế, hai đế là bốn đế, thu vào thì hợp bốn đế làm hai đế, hai đế qui về một đế, một đế qui về vô đế. Tứ xoay bánh xe pháp là nhất Trung đạo Phật tánh, Pháp Hoa cũng như vậy. Căn cứ đây chia làm bốn đế: mê thì thành khổ tập, ngộ thì thành diệt đạo. Mê thành khổ tập: Như tùy nơi dòng kia sáu vị khác nhau, tất cả nghiệp ác phiền não tức tập đế, sinh tử khổ não tức khổ đế. Ngộ thì có Thập tín cho đến Đẳng giác địa tức đạo đế, Như lai địa một đế một nương vắng lặng Niết-bàn gọi là diệt đế. Kế là hợp bốn đế này chỉ thành hai đế, ba đế nhập tướng hữu vi, diệt đế nhập tướng vô vi, chỉ có hai đế thường vô thường, cũng là hai đế không, bất không, vô thường tức là không, Niết-bàn gọi là bất không, cho nên nói hai đế không, bất không. Kế là hợp hai đế chỉ thành một đế: Hữu vi luống dối không gọi là đế, thường trụ chân thật nên gọi là đế, như Đại Kinh giải thích bảy nghĩa. Kế là diệt một đế để qui về vô đế: Như Kinh nói cái gọi là không là chẳng thấy không bất không, chẳng thấy không là chẳng thấy hữu vi sinh tử không, chẳng thấy bất không cũng là không thấy Niết-bàn bất không. Lại sinh tử là không, mà nay nói cả chẳng thấy không bất không, Niết-bàn là bất không, cũng chẳng thấy hữu, bất hữu, nếu vậy tức không thấy sinh tử không bất không, cũng không thấy Niết-bàn hữu bất hữu, cho nên phi không phi hữu phi sinh tử phi Niết-bàn tức là vô đế.

Lại nữa Đại Kinh quyển mười ba thuyết: Ở vườn Nai xưng Tiểu thừa mà không nói, ở song lâm đại âm mà không nói, quở trách Văn-thù nói là chuyển bác bỏ ở hội có nghe tức như tướng đây mới gọi là xoay bánh xe đại pháp cho nên trước nói nếu biết Như lai thường không nói pháp, đó gọi là Bồ-tát đầy đủ học rộng.

Kế là dứt cả Đại tiểu: lấy sinh diệt làm tiểu luân lấy vô sinh diệt làm đại luân, đây là vô sinh diệt sinh diệt, sinh diệt vô sinh diệt, phi sinh diệt phi vô sinh diệt, phi đại phi tiểu bất chuyển bất hoàn, nên nói luân kia xưa nay thường thanh tịnh. Đức Phật như thế mà chuyển mà hoàn toàn vô sở chuyển, duyên như thế mà ngộ cuối cùng vô sở ngộ, vô sở chuyển mới gọi là diệu chuyển, vô sở ngộ mới gọi là diệu ngộ. Cho nên ngài Tăng Triệu nói: Đạo mâu nhiệm ở nơi bật dứt bờ cõi, cho

nên không đắc mà đắc, đại âm ẩn kín ở âm thanh hiếm hoi cho nên không nghe mà nghe nghĩa năm trăm do-tuần. Luận rằng: Phật pháp tuy rộng sâu mà đại khái không ra ngoài hai dấu vết sinh tử, Niết-bàn và mê ngộ, các Sư phần nhiều dẫn năm trăm do-tuần rộng chứng các nghĩa, cho nên phải lời bình sự được mất kia, nghĩa này nếu thành thì các chứng tích kia đều đứng vững, nghĩa này nếu hoại thì các chứng tích đều sai lầm. Có người nói sinh tử có bốn thứ:

- 1) Lưu đến sinh tử.
- 2) Biến dịch sinh tử.
- 3) Trung gian sinh tử.
- 4) Phần đoạn sinh tử.

Nay chỉ nói ba thứ sinh tử để dụ năm trăm không nói lưu lại, lưu lại là lúc mới thức hữu, nay nói bắt đầu ngược lại nguyên nhân nên không nói, ba trăm gọi là phần đoạn sinh tử, bốn trăm là Thất địa, trung gian sinh tử là năm trăm, Bát địa trở lên là biến dịch sinh tử.

**Lời bình rằng:** Ở đây giải thích năm nghĩa là sai.

1) Là bốn thứ sinh tử kinh luận không căn cứ. Thắng-man chép: Nhân năm quả hai. Quả hai: a) Phần đoạn. b) Biến dịch. Nhân năm: Nghĩa là ngũ trụ địa, lia hai thứ sinh tử, lập riêng giữ lại sinh tử và trung gian sinh tử, nên lia ngoài ngũ trụ lập riêng phiền não, lia nghiệp lậu, vô lậu lập riêng lại nghiệp:

2) Pháp Hoa nói năm trăm mà không thêm thành sáu trăm giảm thành bốn trăm. Kinh nói hai thứ sinh tử cũng không thể thêm bớt, nếu hai thứ sinh tử liền có thêm bớt thì nghĩa năm trăm cũng đồng như vậy.

3) Thích luận nói: Bồ-tát có hai thứ thân: a) Nhục thân. b) Pháp tánh sinh thân. Nhục thân thì phần đoạn sinh tử, Pháp thân nghĩa là biến dịch sinh tử. Nếu ngoài hai sinh tử biệt có sinh tử thì nên lia ngoài hai thân lại có thân riêng.

4) Luận lại nói: A-la-hán xả bỏ nhục thân trong ba cõi thọ pháp tánh sinh thân, cho nên A-la-hán chỉ có hai thân, thì chỉ có hai thứ sinh tử, lia ngoài hai thứ sinh tử không có sinh tử riêng.

5) Nếu cho rằng bốn trăm làm Thất địa thì ba trăm Lục địa, như vậy Nhị thừa dứt hoặc thì công đức ngang bằng với Lục địa. Nếu Nhị thừa dứt hoặc ngang bằng Lục địa thì không có việc ấy. Nhị thừa lâu nhất chỉ sáu mươi kiếp hoặc một trăm kiếp, Bồ-tát đến Lục địa thì hai mươi hai đại tăng kỳ kiếp, lược nêu một văn rõ ràng thì Bồ-tát cầu Phật đạo xa tít, Nhị thừa trông mong Đại giác làm đường thẳng mà các kinh

quở trách Nhị thừa liền thành nói dối! Lại Đại trí luận nói: Nhị thừa cách Phật đạo xa lắm, không bằng thẳng đến Bồ-tát, dùng kinh luận rõ ràng không nên nói như thế. Nghĩa này cho đến có Thanh văn không Thanh văn trong đó sẽ nói rộng.

Có người nói chỉ có hai thứ sinh tử, như Thắng-man nói chỉ ở trong ba trăm đây dụ cho ba cõi, bốn trăm dụ Thất địa, trung gian hai nước khó có thể vượt qua, năm trăm dụ Bát địa trở lên. Lời bình rằng: Kinh nói Thất địa khó có thể vượt qua, y theo pháp Bồ-tát tự luận khó dễ, vì sao dùng đây để giáo hóa người Nhị thừa ư? Lại nếu dùng bốn trăm dụ Thất địa thì lẽ ra ba trăm dụ Lục địa, Nhị thừa công đức lại ngang bằng với Lục địa. Có người nói dứt hoặc kiến để làm một trăm, dứt năm hạ phần kết làm hai trăm, dứt năm phần kết trên ba trăm, đoạn hằng sa phiền não làm bốn trăm, đoạn vô minh làm năm trăm. Lời bình rằng: Không đúng. Sơ quả khuynh đảo ba cõi Kiến đế đã vượt qua một nửa ba trăm không nên nói một trăm. Lại chưa đoạn tư duy cõi dục chưa vượt qua một trăm, hoặc quá hoặc không bằng vậy. Lại kinh nói ba cõi là nhà lửa, Nhị thừa ra khỏi nhà lửa tức là vượt khỏi ba trăm, không nên có giải như thế. Bốn trăm là hằng sa, năm trăm là vô minh, trở lại phối với vị địa thì đồng với trước bình phẩm. Có người nói: ba cõi làm ba trăm, Thất trụ và Nhị thừa là bốn trăm, Phật địa trở lên là năm trăm.

**Lời bình rằng:** ba cõi làm ba trăm thì như trước đã nói về hai trăm sau trở lại dùng phối hợp vị địa vượt qua đồng ở trước. Có người nói như Đại Kinh nói: Tu Đà hoàn tám muôn kiếp đạt đến cho đến Bích-chi-phật mười ngàn kiếp đạt đến. Đến là đến tâm Bồ-đề, như người ba căn lãnh giải tức là phát tâm Bồ-đề, vì năm thứ người đạt đến tâm Bồ-đề cho nên nói rộng năm trăm. Đây là chọn hạng người rất độn căn cho nên nói tám muôn kiếp đến. Nếu người lợi căn không hẳn phải nhiều kiếp, đức Thích-ca một thời kỳ xuất thế người đắc bốn quả nghe Pháp Hoa đều phát tâm gọi là đến. Lời bình rằng nghĩa ấy không đúng, kinh nói vượt qua ba trăm do-tuần lập địa Nhị thừa đâu phải vượt qua năm người ư!

Hỏi: năm người đều phát tâm Bồ-đề gọi là vượt qua năm trăm ư?

Đáp: Như sơ quả trải qua tám muôn kiếp phát tâm Bồ-đề đó là siêu vượt Địa Nhị thừa gọi là vượt qua năm trăm.

**Lời bình rằng:** Đây chính là Đại Kinh nói năm người phát tâm lìa nơi năm vị, nay chẳng phải trong ý này, vì sao? Vì trên đã nói quyền thật, nay dụ cũng nói quyền thật, vượt qua ba trăm lập Hóa thành đây là quyền, vượt qua năm trăm đến Đảo châu báu gọi là thật, cho nên bởi

Hóa thành đến Đảo châu báu. Nếu nói vượt qua năm người đều là tiến đến đảo châu báu dụ, mất ý lập dụ hóa thành cho nên ở đây chẳng giải thích.

**Kế là tổng lời bình chung:** Trên các giải thích chẳng hợp ý kinh, vì sao? Vì kinh này ba chu nói quyền thật, có pháp, thí, có hợp thí đây là năm trăm do-tuần cũng chẳng có hợp thí, các kinh sư không xem văn hợp thí không giải ý hợp thí cho nên dẫn ý các kinh khác để giải thích văn này, nên đều lầm lẫn. Kế là nêu ý thí dụ này giải thích: ba cõi là ba trăm, Thanh văn địa là bốn trăm, Duyên giác địa là năm trăm.

Hỏi: Vì sao có giải thích này?

Đáp: Nay dùng hai nghĩa để giải thích điều này: Ba trăm là Địa phàm phu, hai trăm là Địa Nhị thừa, hai thứ này ngăn chướng nơi Phật đạo, muốn cầu Phật đạo phải thoát khỏi hai chướng này cho nên Thích luận nói: Bồ-tát lui sụt có hai việc:

1) Tham ba cõi.

2) Ưa Nhị thừa, nay muốn thoát khỏi hai việc lui sụt này cho nên được nhập Bồ-tát vị tiến đến đảo châu báu.

Lại nữa, ba cõi gọi là Hữu kiến địa, Nhị thừa gọi là Không kiến Địa, hai kiến không hữu tổn thương Bồ-tát Trung đạo chánh quán, nay muốn tu Hạnh Bồ-tát mong cầu Phật đạo nên lìa hai địa này. Lại ba trăm dùng sinh tử làm chướng, hai trăm dùng Niết-bàn làm chướng. Địa luận chép: Bồ-tát vượt qua năm đường lại Niết-bàn thanh tịnh vì năm đường v Niết-bàn đều là chướng.

Lại Hoa Nghiêm chép: Đại nhạo Thọ Vương không sinh hai chỗ:

1) Nước sâu.

2) Hầm lửa.

Hầm lửa nước sâu tức là Nhị thừa và phàm phu tà kiến, hai thứ này không thể sinh tâm Bồ-đề căn Đại Nhạo Thọ Vương; vì vậy nên Bồ-tát phải lìa hai địa này. Lại ba cõi là lao ngục của Nhị thừa, Địa Nhị thừa là lao ngục của Bồ-tát, cho nên Nhị thừa muốn vượt khỏi ba cõi, Bồ-tát muốn vượt khỏi địa Nhị thừa. Lại phàm phu trong ba cõi phần nhiều tu phước đức mà không có trí tuệ, người Nhị thừa phần nhiều có trí tuệ mà không có phước đức, do hai luân không đủ thì không do đâu đến Phật cho nên cần phải lìa mới bước lên Đại giác.

Lại hành có ba thứ:

1) Phàm phu không thể tự hành, cũng không thể hành hóa tha.

2) Nhị thừa chỉ có thể tự hành mà không thể hành hóa tha tức là hành không đầy đủ.



3) Bồ-tát tu tự hành cho nên vượt ra địa phàm phu, tu hành hóa tha nên lìa Địa Nhị thừa.

Lại Nhiếp Đại thừa và Địa Trì luận nói chương có hai thứ:

- 1) Hoặc chương.
- 2) Trí chương.

Thoát phiền não ba cõi chỉ lìa hoặc chương chưa lìa chương trí, nếu vượt ngoài hai trăm liền lìa hai chương.

Lại nữa sinh tử có hai thứ:

- 1) Phần đoạn.
- 2) Biến dịch.

Như phàm phu chịu phần đoạn, Nhị thừa chịu biến dịch, lìa phàm phu nên không thọ phần đoạn, lìa Nhị thừa nên không thọ biến dịch. Lại sinh tử nhân duyên gồm có hai thứ:

- 1) Nghiệp nhân Hữu lậu bốn chấp thủ làm duyên.
- 2) nghiệp nhân Vô lậu vô minh làm duyên.

Phàm phu có nghiệp hữu lậu và bốn trụ phiền não, Nhị thừa có nghiệp vô lậu và vô minh phiền não, nay vượt qua năm trăm thì đoạn nhân duyên đây cho nên sinh tử hết hẳn.

Hỏi: Nếu như ba nghĩa sau lại đồng trước giải thích ư?

Đáp: Trước không tính số Nhị thừa là hai trăm đâu đồng với trước.

Kế là dẫn chứng: Hỏi: giải thích này xuất xứ văn nào?

Đáp: Thích luận giải thích phẩm Văn Trì của Đại Phẩm nói: Bồ-tát vượt qua bốn trăm do-tuần thì cách Phật đạo không xa. Luận nói ba trăm dụ ba cõi, bốn trăm dụ Địa Nhị thừa, Bồ-tát vượt qua hai địa này biết sẽ thành Phật. Chỉ có Đại Phẩm hợp Nhị thừa làm một trăm, Pháp Hoa khai làm hai trăm tuy khai hợp khác nhau mà ý không khác.

Hỏi: Đại Phẩm đã nói thí dụ này là có gì khác nhau với Pháp Hoa hay không?

Đáp: Bồ-tát chỉ nói Bồ-tát vượt qua hai địa Thánh phàm, chưa nói Nhị thừa là quyền, còn thiếu ý Hóa thành.

Hỏi: Đã chưa nói về Hóa thành lẽ ra cũng chưa nói về Đảo châu báu ư? Đáp: Đại Phẩm đã nói rõ thật tướng cho nên nói về đảo châu báu, vẫn chưa bỏ quyền nên không nói Hóa thành.

Hỏi: Đại Phẩm có thể dùng đây dụ cho Pháp Hoa, đâu hẳn đã giống?

Đáp: Dưới hợp trong dụ Hóa thành Đức Phật tự nói như vậy. Như kinh chép: Phật biết tâm ấy thấp kém yếu hèn, nên dừng lại nghĩ ngơi

nên nói hai thứ Niết-bàn. Đây là hợp thí dụ vượt qua ba trăm do-tuần. Nếu chúng sinh trụ ở Nhị địa thì Như Lai lúc ấy vì họ mà nói: ông trụ ở địa gần với tuệ Phật, đây là hợp thí dụ vượt hai trăm do-tuần. Văn đã rõ ràng không nhọc gì mê hoặc. Mà Kinh Sư đều không thấy văn này, rộng dẫn các việc khác để giải thích cho nên mất ý chỉ kinh. Lại không dùng Nhị địa làm hai trăm, thì dùng văn gì hợp hai trăm ư! Lại trách các Kinh Sư xưa nói: Trong thí nói một hóa thành nay văn hợp thí vì sao lại nói nhị địa, không nên một, hai trái nhau. Nay nói khai hợp đều có ý chỉ kia, sở dĩ hợp ấy nói lược sáu nghĩa:

- 1) Đồng ra khỏi ba cõi.
- 2) Đồng đắc tận trí, vô sinh trí.
- 3) Đồng dứt hết chánh sử.
- 4) Đồng đắc Niết-bàn hữu dư, Vô dư.
- 5) Đối với ba phẩm tuệ Bát-nhã đồng đắc nhất thiết trí.
- 6) Đồng gọi Tiểu thừa, do sáu nghĩa đồng nên hợp Nhị thừa làm

một hóa thành.

Mà khai làm hai địa ấy: nói lược mười nghĩa:

- 1) Hành nhân lâu, gần như trăm kiếp sáu mươi kiếp v.v...
- 2) Căn có lợi độn.
- 3) Theo thầy cùng Độc ngộ.
- 4) Thanh văn không có đại bi, Duyên giác có tiểu bi, như dụ hươu tê giác hiện trong Thích Luận.
- 5) Thanh văn không hẳn có tướng tốt, Duyên giác thì có, chỉ là ít nhiều không nhất định.
- 6) Thanh văn quán pháp lược gọi là Tứ đế, Duyên giác quán pháp rộng gọi là mười hai nhân duyên.
- 7) Thanh văn nói pháp thì khiến người ngộ Thánh đạo, Duyên giác không thể khiến người đạt đến Noãn pháp cho đến các việc đắc Hiền Thánh, xuất xứ từ Đại kinh.
- 8) La-hán chắc chắn ở đời có Phật, Duyên giác bất định.
- 9) Thanh văn hoặc đốn chứng bốn quả hoặc tiệm chứng, Duyên giác ắt đốn chứng như Phật Ba tạng.
- 10) Duyên giác hiện thân thông, thường ít nói pháp, Thanh văn bất định. Do đủ mười nghĩa nên chia làm hai địa, thế nên ba trăm dụ ba cõi hai trăm dụ hai địa.

Hỏi: Phẩm Thí dụ nói vì sao hợp ba cõi làm một nhà, khai giáo môn làm Ba thừa, nay vì sao khai 1 nhà làm ba trăm, hợp Ba thừa làm hai trăm ư?

Đáp: Trước nói đồng bị lửa khổ thiêu đốt cho nên hợp làm một nhà. Cầu vượt ra ấy có ba căn khác nhau cho nên giáo môn khai làm Ba thừa. Nay nói Phật đạo lâu xa, ba cõi và Địa Nhị thừa là đường ác lớn phải vượt qua rồi mới thành Phật. Vì vậy nên khai một nhà làm ba cõi trong Ba thừa chỉ có Địa Nhị thừa là chướng, Phật thừa chẳng phải chướng cho nên chỉ nói hai trăm.

Hỏi: Vì sao dùng địa phàm phu làm ba trăm, Tiểu thừa địa làm hai trăm ư?

Đáp: Do nói dẫn tiến nói ông vượt qua đã nhiều, chỗ ông trụ gần với tuệ Phật chỉ có hai trăm thôi! Phải cố gắng tinh tấn đảo châu báu không còn xa. Dùng lý mà nói thì chỗ đã vượt qua ít chỗ chưa vượt qua còn nhiều, Nhị thừa phát tâm mới nhập Thập úc, mới trải qua năm mươi hai vị ba mươi ba tầng kỳ kiếp mới đến quả Phật. Trước lúc ấy rất dài một trăm kiếp tu hành cho nên chỗ vượt qua ít.

Hỏi: Nếu vượt qua đã nhiều là nói dẫn tiến, thì kinh này chưa thành liễu nghĩa?

Đáp: Có ý chỉ sâu xa nói Phật đạo tuy dài nhưng nếu có thể vượt qua địa phàm phu và lìa địa Nhị thừa, thì về sau tiến tới tu hành không còn khó nữa, nên gọi là gần Phật. Như đi muôn dặm chỉ năm trăm dặm nhiều nạn, nếu vượt qua đường này thì tiến đến trước là dễ.

Kế là nói về đường ác: Hỏi: Vì sao nói năm trăm do-tuần đều là đường ác ư?

Đáp: Các nghĩa trên là nói về đường ác.

1) Tham đắm ba cõi và chấp sâu Nhị thừa có thể hại pháp thân tuệ mạng của Bồ-tát nên nói đường ác.

2) Phật và đệ tử đã bốn chỗ bỏ quyền bày thật quả trách Nhị thừa, hàng độn căn nghe còn chưa lãnh ngộ. Phẩm Phương Tiện nói: Hạng tiểu trí ưa pháp Tiểu thừa không tự tin thành Phật vì vậy nên dùng Phương Tiện phân biệt nói các quả.

Kế là chương Thân tử nói: Ta trước đối với pháp Không đặc chứng mà nay mới tự giác chẳng phải thật diệt độ. Phẩm Thí Dụ chép: chỉ có một xe lớn bỏ ở ngoài cửa, thật ra không có ba xe. Phẩm Tín Giải nói: Phật thừa như Trưởng giả đại giàu sang, người Tiểu thừa như người chột mắt thân thấp xấu hạng không có oia đức, cho đến người nghèo cùng thấp hèn hốt phân. Bốn chỗ tuy quả trách Nhị thừa, khen ngợi Đại thừa nhưng Thanh văn độn căn vẫn còn chấp chặt vì vậy nên nói thí dụ là đường ác, nói ba cõi Nhị thừa đều là đường ác. Nay ông vì sao lại ham ưa trụ ư? Lại trước vào thời Đức Phật Đại Thông Trí Thắng đã muốn

vượt qua năm trăm do-tuần, nay trải qua nhiều kiếp tu hành vì sao lui sụt, ở trong đường ác! Thí như cha mẹ trách con rằng: con không tiến lên sao lại thụt lùi!

Lại phạm phu thì ba đường là địa ngục, Nhị thừa thì ba cõi là địa ngục, Bồ-tát thì Nhị thừa là địa ngục, cho nên Đại Kinh nói: Nay ta sợ đạo quả Nhị thừa, như người tiếc mạng sợ bỏ thân, ông nay vì sao ưa trụ nơi địa ngục, lại vốn sợ sinh già bệnh chết cầu vui Niết-bàn. Ba cõi và Địa Nhị thừa chưa thoát khỏi khổ sinh tử, cho nên gọi là đường ác, vì sao muốn ở! Lại phạm Thánh hai địa chưa thoát khỏi bốn ma nên gọi đường ác. Ba cõi đầy đủ bốn ma, Nhị thừa đầy đủ ba ma, phiền não chưa đoạn nên có ma phiền não, Phương Tiện thọ thân nên có ma năm ấm, vô thường khẩn thiết nên có ma chết, rõ ràng hai địa này chưa thoát khỏi bốn ma, chỉ tiến đến trước chứ không thể ở. Lại Phẩm Tánh khởi kinh Hoa Nghiêm nói rõ tức theo sự mà nói bốn thừa đều khổ. Vì ba đường khổ nên nói thừa trời người, vì ba cõi khổ nên nói thừa Thanh văn, vì Thanh văn căn độn ít phước có khổ theo thầy, nói Thừa Duyên giác vì Duyên giác phước tuệ chưa tròn đầy có khổ kết tập không dứt, cho nên nói Phật thừa do có bốn khổ gọi là đường ác. Vốn muốn nhàm chán khổ nay chưa thoát vì sao muốn dừng ở ư!

Hỏi: Nếu Địa Nhị thừa là đường ác vì sao văn nói vượt qua ba trăm do-tuần nói hai thứ Niết-bàn ư?

Đáp: Đây là nghĩa bỏ quyền bày thật, trước nói đường ác vì Niết-bàn, muốn dẫn ra khỏi ba cõi, nay chỉ Niết-bàn là đường ác khiến lia Nhị thừa nghĩa không trái nhau. Lại có ba câu:

1) Ác mà chẳng thiện nghĩa là vượt ba trăm.

2) Thiện mà chẳng ác nghĩa là vượt năm trăm.

3) Vừa ác vừa thiện. Trung gian hai trăm năng vượt ba cõi nên gọi là thiện, vì là mối lo lớn của Phật đạo nên gọi là ác. Cho nên Kinh nói: Cầu Nhị thừa gọi là bất thiện, đã gọi bất thiện đâu chẳng phải đường ác ư!

Hỏi: Hợp hai hành đều là Bồ-tát vì sao là đường ác ư! Vì thế không nên dụ Địa Nhị thừa dụ cho hai trăm phải không?

Đáp: Cũng hợp trời người khéo nhập Nhất thừa vì sao dùng ba cõi làm đường ác ư!

Hỏi: Ba cõi phiền não có thể được gọi là đường ác, thiện là trong sạch tiến lên vì sao gọi là ác ư?

Đáp: Ba cõi phiền não tâm sở khởi thiện, đều là chẳng động chẳng xuất chẳng phải là nghĩa Thừa, Nhị thừa tâm sở khởi thiện cũng chẳng

động chẳng xuất cũng chẳng phải nghĩa Thừa.

Hỏi: Tại sao hai thiện phàm Thánh đều chẳng động chẳng xuất ư?

Đáp: Phàm phu thiện không thể vượt ngoài phần đoạn, Nhị thừa thiện không thể động xuất biến dịch.

Lại có hai thứ xiển đề:

1) Phàm phu xiển đề.

2) Bậc Thánh xiển đề.

Phàm phu không tin vượt ra khỏi ba cõi gọi là phàm phu xiển đề, Nhị thừa không tin Nhất thừa gọi là bậc Thánh xiển đề. Phá phàm phu xiển đề mới sinh chút tín, phá Nhị thừa xiển đề mới sinh Bồ-tát Thập tín, do đây chuyển ngộ mới nhập đạo Bồ-tát.

Kế là nói để đảo châu báu. Hỏi: Nếu dùng ba cõi và Nhị thừa làm năm trăm do-tuần thì vượt qua ba cõi, Nhị thừa lẽ ra đến Phật đạo. Đây thí dụ dùng đảo châu báu dụ cho Phật đạo ư?

Đáp: Ba cõi và Nhị thừa là nạn lớn của Phật đạo, nếu vượt qua ắt đến Phật đạo, cho nên Đại kinh có ba chỗ nói nghĩa Nhị thừa đến:

1) Đến tâm Bồ-đề.

2) Đến Bồ-đề.

3) Đến đại Niết-bàn.

Nhưng Nhị thừa trải qua nhiều kiếp chỉ nên đến tâm Bồ-đề thôi! Mà nói đến đại Niết-bàn và Bồ-đề, cho đến tâm Bồ-đề ắt đến Phật đạo và Niết-bàn.

Hỏi: Năm người vì sao đến tâm Bồ-đề quyết đến Phật đạo ư?

Đáp: Năm người khi phát tâm Bồ-đề sẽ nhàm chán hai thứ, người đã bước lên Thánh vị nên chắc chắn không còn làm phàm phu, nay lại phát tâm Bồ-đề thì nhàm chán đạo Nhị thừa cho nên người này không còn khởi hạnh phàm phu, cũng không khởi hạnh Nhị thừa, bởi thế đến Phật đạo.

Hỏi: Đại kinh vì sao nêu ba văn ư?

Đáp: Phải ba văn nghĩa mới đầy đủ. Đến tâm Bồ-đề gọi là đến nhân, đến Bồ-đề Niết-bàn gọi là đến quả, trong quả có Bồ-đề trí quả và Niết-bàn đoạn quả, cho nên nói hai nay muốn nói đủ từ đầu đến cuối nhiếp chung nhân quả cho nên có ba văn. Lại vượt qua năm trăm do-tuần đến Phật thì ý thí dụ đầy đủ ba nghĩa.

1. Đường ác.

2. Đường tốt.

3. Đảo châu báu.

Hợp thí cũng có ba:

1. Phát Bồ-đề tâm nghĩa là vượt qua đường ác.
2. Hành Hạnh Bồ-tát như đường tốt đất bằng phẳng.
3. Đắc Phật đạo như đến Đảo châu báu.

Hỏi: Thí như không có ý này vì sao xuyên tạc ư?

Đáp: Lý thường nên như vậy. Đâu thể vượt qua địa Nhị thừa liền thành Phật ư! Lại trong kệ dưới nói đầy đủ. Nay vì ông nói thật: ông đắc chẳng phải diệt. Đây là nói vượt qua năm trăm do-tuần đường ác, vì Phật nhất thiết trí sẽ phát tinh tấn mạnh mẽ gọi là hành Hạnh Bồ-tát tức là đường tốt. Ông chứng Phật pháp Nhất thiết trí, mười lực v.v,v.v... gọi là đắc Phật đạo. Lại vượt qua năm trăm tức đến quả Phật, ba trăm là phần đoạn sinh tử, hai trăm thuộc biến dịch sinh tử vượt qua hai thứ sinh tử sẽ đến Phật đạo.

Kế là nói về nhiều, ít: Hỏi vì sao vượt qua năm trăm mà không nhiều hay không ít hơn ư?

Đáp: Như mười nghĩa trước và trong đường ác nói. Lại chỉ có năm thừa cho nên chỉ vượt qua năm trăm, thừa trời người là ba trăm, Nhị thừa là hai trăm, cho nên Phật thừa đây vượt qua năm trăm, do Thừa Thanh văn vượt qua ba trăm, Thừa Duyên giác, vượt qua bốn trăm, Phật thừa vượt qua năm trăm, không được nhiều ít. Ở đây nói một người từ đầu đến cuối vượt qua năm trăm, cũng được năm người vượt qua năm trăm, như Đại Kinh nói một người đầy đủ bảy, bảy người đầy đủ bảy.

Hỏi: Giáo môn của đức Thích-ca, Xá-na nói vượt qua như thế nào ư?

Đáp: Đức Xá-na nói thẳng Nhất thừa làm sáng tỏ pháp môn mau chong vượt qua khiến cho Bồ-tát vượt qua năm trăm. Đức Thích-ca trước ba sau một đầy đủ nghĩa tiệm đốn, trước đã khiến các con vượt qua ba trăm, nay lại khiến vượt qua hai trăm gọi là tiệm độ, nếu vì người mới phát tâm Bồ-tát nói kinh Pháp Hoa tức là đốn độ.

Hỏi: Trước có nói đốn độ (nhanh vượt qua) hay không?

Đáp: Trước vì Bồ-tát cũng khiến đốn độ năm trăm, như Đại Phẩm thí dụ bốn trăm, nhưng chưa nói ba trăm hóa thành.

Hỏi: Trước nói ba trăm là hóa thành cũng chưa nói vượt qua đường ác năm trăm do-tuần ư?

Đáp: Nhị thừa là mối lo lớn của Phật đạo cho nên nói là đường ác, chỉ vì Nhị thừa căn duyên chưa thuần thực nên không được gọi là hóa thành.

Hỏi: Trước vượt qua nay vượt qua có gì khác nhau?

Đáp: Trước chỉ khiến Bồ-tát vượt qua năm trăm, khiến Nhị thừa

vượt qua ba trăm nay giáo khiến Bồ-tát vượt qua năm trăm nói người Nhị thừa đã vượt qua ba trăm, chỉ khiến lại vượt qua hai trăm thôi.

Hỏi: Pháp Hoa không thể có Bồ-tát không vượt qua năm trăm mà tu hành ư?

Đáp: cũng có nghĩa này, như vị Bồ-tát bất thoái đã vượt qua hạnh phàm phu và Hạnh Nhị thừa, người này đã vượt qua đường ác năm trăm do-tuần chỉ do tu Hạnh Bồ-tát vào đường tốt bằng phẳng tiến đến quả Phật Đáo là châu báu. Nếu căn cứ hai thứ sinh tử làm năm trăm chỉ có Phật mới vượt qua năm trăm thôi!

Hỏi: Nếu vậy không có Bồ-tát được lìa Địa Nhị thừa ư?

Đáp: Kinh Thắng-man nói: Thanh văn, Duyên giác đại lực Bồ-tát đều ở trong biến dịch sinh tử bất khả tư nghì, căn cứ đây mà luận Bồ-tát cùng Nhị thừa chung ở trong sinh tử không được lìa nhau.

Hỏi: Không thể có Bồ-tát và Nhị thừa không cùng ở trong sinh tử phải chăng?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói bảy thứ sinh tử, nội giới gọi chung là phần đoạn tức ba thứ sinh tử, ngoại giới có bốn thứ sinh tử.

1. Nghĩa là Phương Tiện sinh tử tức biến dịch.
2. Nhân duyên sinh tử.
3. Hữu hữu sinh tử.
4. Vô hữu sinh tử.

Ba thứ sinh tử sau chỉ có Bồ-tát thọ sinh, Nhị thừa ở trong biến dịch sinh tử, cho nên Nhị thừa và Bồ-tát có cùng nghĩa sinh tử. Lại có nghĩa không cùng như luận kia nói rộng. Nghĩa hạnh an lạc có tám lớp bậc nhất ý, nhưng phẩm này tuy là một chương trong Pháp Hoa thật ra nói chung về hạnh quan trọng của Bồ-tát. Xét rằng người muốn tự tu hành giáo hóa mở mang dương đạo làm lợi lạc chúng sinh đều phải y theo đây.

Hỏi: Vì sao nói bốn hạnh ư?

Đáp: Cuối phẩm trên Bồ-tát Thanh văn đều nói mở rộng dương kinh nhiều nạn khó khăn, mở rộng ý kinh nhiều nạn hoặc lui sụt tâm, ngăn ngại tự tu hành hóa độ chúng sinh nên nói bốn hạnh, thân tâm an vui tự hành hóa tha thì không phế bỏ.

Lại nữa, Đại Thừa nói về địa vị tu hành lược có ba thứ:

- 1) Phát tâm Bồ-đề,
- 2) Hành Hạnh Bồ-tát,
- 3) Đắc quả Phật.

Ba châu thuyết trên pháp tức phát tâm Bồ-đề, nay đây một phẩm



tức nói hành hạnh Bồ-tát, tháp báu đã qua là nói quả Phật lại ba châu trên nói nghĩa bỏ ba bày một gọi là môn trí tuệ.

Kế là người khen ngợi pháp nói lưu gọi chung là môn công đức: vật tình tiện gọi là có ba có một có phước có đức cho nên phẩm này diệt vắng lặng niệm này khuyên Bồ-tát quán như thật tướng của các pháp, bất hữu, bất vô, bất nhất, nhất nhị, mà không mất ba, một Phương Tiện. Tự hành hóa tha tuy có ba, một, mà ba, một chỉ là không ba không một, vì là nhân duyên nên nói bốn hạnh đây

- 1) Như nói kinh giải thích đại ý.
- 2) Nói bốn hành danh khác nhau.

Quang Trạch nói:

- 1) Không tuệ hạnh.
- 2) Nói pháp hạnh,
- 3) Lìa lỗi hạnh.
- 4) Từ bi hạnh.

Chỉ trong hạnh lúc mới nói về không tuệ, ba hạnh sau không nói cho nên lúc mới gọi là hạnh Không tuệ. Trong hạnh thứ hai nói thuyết pháp, trong hạnh thứ ba cũng nêu nói, pháp nghĩa thuyết pháp lược nên thứ hai gọi là hạnh thuyết pháp. Trong hạnh thứ ba nói lìa lỗi, các hạnh còn lại vẫn ít cho nên thứ ba gọi là hạnh lìa lỗi. Thứ tư nói rộng về hạnh từ bi nên gọi là hạnh từ bi. Thứ ba cũng có từ bi, mà vẫn lược không gọi là hạnh từ bi.

Ngài Đạo Sanh và chú giải kinh nêu tên bốn hạnh:

- 1) Hạnh Không tịch.
- 2) Hạnh lìa kiêu mạn.
- 3) Hạnh lìa ganh ghét.
- 4) Hạnh từ bi.

Đạo Sanh không dùng nói pháp làm một hạnh riêng. Vì kệ dưới nói: An trí trong bốn pháp rồi sau nói Kinh Pháp Hoa, đây nói trong trụ bốn pháp ngoài nói pháp Hoa cho nên không dùng nói pháp làm một hạnh, nay dùng Đạo Sanh nói.

Hỏi: Xem hành thứ hai vẫn nói thật nói pháp không nên nói lìa kiêu mạn?

Đáp: Do hạnh lúc mới có giải, hạnh kế không kiêu mạn, trong đây đủ hai hạnh này nên ngoài không có phải quấy mới có thể nói pháp.

Kế là nói thể của bốn hạnh: Quang Trạch dùng hai không giả thật làm thể của hạnh đầu. Lời bình rằng: Hai tuệ giả thật này cũng là ý của luận Tiểu thừa thính có thể thông A-hàm kia nên không dùng

giải thích, Phương Đăng như trước đã bình. Có người nói: Hai không giả thật tướng tự giả làm thể. Lời bình rằng: hai không sai lầm đã như nghĩa trước, nghĩa tướng tự giả lại không thể. Người từ vị thấp đến cao đều dùng chung bốn hạnh, nghiêng về căn cứ tướng tự giả mà bỏ chân rõ ràng chẳng thể dùng. Có người nói: Hạnh đầu dùng nhãn nhục làm thể. Lời bình rằng không đúng. Ban đầu vẫn nói không, hữu hành giải, nhãn nhục là một chi của hữu hành, cũng chẳng dùng. Nay nói hạnh đầu chính là hai tuệ làm thể, vì sao biết vậy? Vì hễ muốn nói pháp cần phải hai tuệ chánh giải, chính là diệu ngộ của Bồ-tát khác nhau phạm phu Nhị thừa nên dùng hai tuệ làm thể. Cho nên vẫn nói quán các pháp như thật tướng không vô sở hữu gọi là tuệ thật. Chỉ từ nhân duyên điền đảo sinh gọi là tuệ Phương Tiện. Thể hạnh thứ hai: Quang Trạch nói: Hành thuyết pháp dùng lời nói làm thể. Có người nói: Dùng quyền trí làm thể. Nay y Đạo Sanh chú giải kinh dùng lia kiêu mạn làm thể, trên nói hai tuệ đã có công năng nói chỉ sợ bên trong ý lại hiểu rõ tướng thị phi bên ngoài cho nên nói rằng kiêu mạn làm thể. Hạnh thứ ba Quang Trạch nói hạnh lia lỗi tức dùng lia lỗi làm thể. Long Công nói: Không nói việc tốt xấu hay dở của người khác. Ấn Sư nói: lia bảy chi ác, lại có người nói lia kiêu mạn làm thể. Nay theo Đạo Sanh lấy lia ganh ghét làm thể. Kiêu mạn thì quý mình khinh người, ganh tị thì ghét người hơn mình, hai thứ này là mối lo lớn của việc mở rộng pháp, tổn thương bản hoài của Bồ-tát. Cho nên nói lia. Hạnh thứ tư: Từ bi: Kinh có văn nói các sư lại không nói khác chỉ vì Từ bi có ba:

1) Chúng sinh duyên thấy có chúng sinh.

2) Pháp duyên: không thấy có chúng sinh mà thấy có pháp.

3) Vô duyên, ba thứ này khác nhau, cũng được ba người đủ ba, một người đủ ba.

Ba người đầy đủ ba: là ngoại đạo có chúng sinh duyên, Nhị thừa có pháp duyên, Bồ-tát có vô duyên, một người đủ 3: Hạnh đầu là chúng sinh duyên, hạnh giữa là pháp duyên, hạnh trên là vô duyên. Nay phẩm nói đã phát sinh nêu hai không sinh pháp thì dùng vô duyên làm chánh tông.

Hỏi: Đã nói vô duyên thì lẽ ra không duyên với chúng sinh sao gọi là từ bi ư? Duyên tướng như thật của chúng sinh nên gọi là vô duyên. Vô duyên không còn khởi chúng sinh kiến và pháp kiến, như thật tướng mà biết chúng sinh nên gọi là vô duyên.

- Thứ tư giải thích tên bốn hạnh: Ban đầu hai thứ hành xứ, cận xứ này là xứ sở hành, nêu sở gọi năng theo cảnh mà gọi hai hành trung

gian lìa lỗi thọ tên: hạnh thứ tư là Từ bi đương thể đặt tên, gọi chung là an vui, an trụ bốn hạnh cho nên thân tâm an vui, lại hành bốn hạnh này thân tâm an vui. Lại duyên ngoài không động gọi là an, trong tâm vui thích gọi là vui, lại an vì lìa khổ lạc gọi là đắc lạc; lại thân an, tâm an thân vui, tâm vui, nghĩa lúc đầu là chính.

- Thứ năm nói khai hợp: Long Sư nói: một hạnh đầu là thân nghiệp, kế một là khẩu nghiệp. Hai sau là ý nghiệp đây đều là đại nói về. Có người nói hai hạnh đầu chủ về trí tuệ, đầu một là không tuệ, kế một là hữu tuệ, hai hạnh sau chủ về công đức: một là chỉ thiện, một sau là hành thiện. Nay nói có thể làm bốn cặp: Đầu một là giải ba sau là hạnh, trong giải đầy đủ hai giải không hữu, trong hạnh có hai hạnh ly đắc, trong đó hai là ly hạnh, một sau là đắc hạnh. Lại đầu một là trí tuệ trong đó trí tuệ có không tuệ hữu tuệ, ba sau là công đức trong công đức có chỉ có hành, trong đó có hai là chỉ, một sau là hành. Lại một đầu một sau là đắc, trong đó hai là ly. Lại ba trước là tự hành một sau là hóa tha. Hóa tha cứu khổ ban vui. Trong tự hạnh lúc mới một là sinh giải hai sau là diệt hoặc.

- Thứ sáu là nói thứ lớp: Phàm chúng sinh có khổ đều do trái lý, nếu đủ hai tuệ thì gọi là đắc lý. Đắc lý: là không còn khổ não thân tâm an vui, do đó trước phải nói hai tuệ. Tuy lại có hiểu biết sợ y vào sự hiểu biết ấy mà lấn hiếp người hoặc ganh ghét người hơn mình cho nên nói không kiêu mạn, không ganh ghét. Đầu tiên đầy đủ hai tuệ lại đủ hai hành thì đức tự thành lập rồi sau dùng từ bi che chở người cho nên có thứ lớp.

- Thứ bảy là nói địa vị: Ban đầu từ phát tâm đến cuối cùng đặng Thập địa đều thực hành bốn hạnh, nhưng Địa tiền tương tự mà chưa chân, đặng Địa thì chỉ chân không phải tự, trong chân vị có tịnh và không tịnh, căn cứ mỗi tịnh có công dụng, vô công dụng như trước giải thích. Nhưng bốn hạnh căn cứ một đại thể mà luận thì ngang bằng phẩm vị chỉ có tập học khác nhau, hoặc công đức đã sâu, trí tuệ còn cạn, hoặc tự hành đã hơn, hóa tha còn kém không nhất định.

- Thứ tám là nói đồng khác: Phẩm Pháp Sư nói ba việc: vào nhà Từ bi, mặc áo Nhẫn nhục, ngồi trên Không tòa có khác gì với nay? Đáp: Phẩm kia trước nói hữu hành dùng hữu giúp Không, nay trước nói về Không giải và dùng Không dẫn dắt hữu, dùng Không dẫn dắt hữu Không rõ ràng mà hữu, dùng hữu giúp đỡ Không, hữu rõ ràng mà Không, chỉ vẫn tự không thể lụy ở sách nên trước sau nói. Lại trước nói hóa tha sau nói về tự hành, nay trước nói tự hành sau nói về hóa tha,

do Bồ-tát trước vì người sau mình, trước hóa tha mà sau tự hành, nhưng phải tự thoát khỏi rồi mới có thể cứu giúp người, cho nên trước tự hành sau hóa tha.

Kế là giải thích nghĩa Pháp sư: nghĩa Pháp sư đã như trong phương pháp mở rộng ý kinh giải thích rồi, mà chưa hết ý nay sẽ nói lược: y đây có năm thứ pháp sư:

- 1) Thọ trì.
- 2) Đọc.
- 3) Tụng.
- 4) Giải thích.
- 5) Viết chép.

Thích luận giải thích Phẩm Diệt tránh nói: Do sức tin nên thọ, niệm lực nên trì, hoặc xem văn hoặc miệng thọ nên nói là đọc, thường nhớ không quên nên tụng, tuyên truyền cho người chưa nghe nên vì người khác nói, kinh sách của bậc Thánh nói thẳng khó hiểu cho nên giải nghĩa, đây có sáu thứ Pháp sư. Đối với nay văn xen lẫn có rộng lược, ở đây văn hợp thọ trì làm một, vì người khác nói cùng giải nghĩa lại làm một, viết chép đầy đủ làm một. Thích luận giải thích phẩm Vô tác nói Bát-nhã có mười thứ. mười thứ đều căn cứ theo thuyết pháp mà chia ra. Gọi chung là Pháp sư: Pháp nghĩa là có thể làm phép tắc, năm người ở trên mở rộng pháp này, ở dưới vì người mà làm thầy nên gọi là Pháp sư, thông tự hành hóa tha, lại Pháp sư là năm người này dùng pháp làm thầy, đây là tự hành Pháp sư. Lại Pháp sư, pháp chính là tông diệu chủ yếu do người mở rộng, người có công mở rộng pháp nên gọi người là Pháp sư, như nói sẽ làm tâm sư không sư ở tâm, nay cũng như vậy, vì mở rộng pháp cho nên vì pháp làm thầy, đây là hóa tha Pháp sư.

Kế là nói địa vị: Nếu theo lệ bốn y, nên khởi từ nội phạm chung đến thập địa đó là địa vị của người kia, chỉ lúc mới y tự có thầy giúp đỡ, đây là tự nói vị y chỉ, nay căn cứ mở rộng hóa phân chia, Ngoại phạm trở lên đều là địa vị Pháp sư. Kế là căn cứ thứ bậc, như kinh Niết-bàn phẩm Tứ Y nói có chín người: Người đầu phát tâm ở chỗ các Đức Phật nhiều như cát sông Hy-liên cũng được không chê bai, nhưng chưa thể tin, kế một người ở chỗ một hà sa Chư Phật phát tâm được tin mà chưa thể thọ trì đọc tụng, hai hà sa Chư Phật phát tâm năng thọ trì đọc tụng mà chưa thể vì người nói, ba hà sa Chư Phật phát tâm có thể vì người nói mà chưa hiểu nghĩa, người bốn hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa một phần, năm người hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa tám phần, mười sáu hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa mười hai phần, người

bảy hà sa trong mười sáu phần hiểu nghĩa mười bốn phần, người tám hà sa hiểu hết đầy đủ nghĩa mười sáu phần. Chín phẩm người này bốn người trước đã không hiểu là địa vị đệ tử chẳng phải thầy, năm người sau đã có hiểu nghĩa thuộc địa vị Pháp sư, năm người đây hợp làm người có bốn y, tức người với y đầu tiên (y pháp). Lại nói chung ba mươi tâm đều là Pháp sư. Bồ-tát Thập địa niệm niệm hóa người đều là Pháp sư, tự có hơn kém, như cửu địa đắc mười thứ tư vô ngại làm Đại Pháp sư.

Hỏi: Ba nghiệp làm sao nhiếp năm thứ Pháp sư ư?

Đáp: Luận nói tín lực cho nên thọ, niệm lực cho nên trì, đây là ý nghiệp. Nhưng lúc mới chẳng phải không nhờ thân nghiệp, khẩu nghiệp, viết chép là thân nghiệp mà phải nhờ ý nghiệp cũng được có khẩu nghiệp, ba thứ còn lại đều đầy đủ ba nghiệp.

Hỏi: Năm thứ này có lia nhau hay không?

Đáp: Thọ trì là ý nghiệp, được lia bốn thứ như đọc tụng v.v.... Nếu lia bốn thứ như đọc tụng, v.v... thì phải thọ trì, vì sao? Vì do tín tâm nên mới có đọc tụng, v.v...

Hỏi: Cũng có người không tin mà đọc tụng, đây nên lia thọ trì ư?

Đáp: Nay không nói điều này.

Hỏi: Trong kinh này vì sao trước nói thọ trì, đọc tụng, giải thích, biên chép lấy làm thứ lớp ư?

Đáp: Tín là môn đầu cho nên nói thọ trì, do sức tin cho nên năng đọc tụng, năng đọc tụng rồi mới hiểu nghĩa, hiểu nghĩa nên nói cho người khác nghe, khiến pháp lưu thông cho nên viết chép.

Hỏi: Năm hạng này có bao nhiêu công đức, bao nhiêu trí tuệ ư?

Đáp: Đều có cả trí tuệ, chỉ bốn thứ còn lại thuộc về công đức, gượng giải thích chính là trí tuệ.

Hỏi: Thọ trì đầy đủ hai lực tín niệm, bốn thứ còn lại có mấy lực?

Đáp: Giải thích là tuệ lực cũng là tinh tiến lực, định lực; đọc tụng chính là tinh tiến lực cũng là tuệ lực, chỉ có mạnh yếu mà thôi.

Hỏi: Năm thứ này có bao nhiêu tự hành hóa tha?

Đáp: Giải thích có cả tự tha, nhưng hóa tha mạnh, tự hành yếu, bốn có cả tự tha, tự hành mạnh, hóa tha yếu.

Hỏi: Vì sao chỉ nói năm thứ này?

Đáp: Lược nêu năm!

Kinh Đại Phẩm và phẩm Khuyến phát của kinh này lại có chánh ý niệm và tu tập đều thuộc về ba nghiệp này.

Hỏi: Thọ trì ý nghiệp có thể được hóa tha người hay không?

Đáp: Do ý nghiệp tin cho nên năng hóa tha người, cũng có nghĩa

hóa tha.

Hỏi: Năm thứ này làm gì có sâu cạn ư?

Đáp: Y kinh thứ lớp nói sâu cạn, tin thẳng thì dễ cho nên ở trước, do có tin cho nên đọc, do đọc nên tụng, do tụng nên giải thích; do giải thích nên viết chép tức là từ cạn đến sâu.

Kế là nói về nghĩ gần xa của Phật đạo giải thích thí dụ cao nguyên tìm nước: luận rằng đây tuy một câu văn kinh mà chỉ tìm vị tức hỷ sinh, khen chê Niết-bàn dùng bốn trọng năm nghịch chê bai pháp, xiển đề đều một loại lựa chọn phán đoán. Bất-nhã nói không suy xét mà đọc tụng thọ trì cho nên thành việc ma, nay nói đủ sự nghe khác nhau nói sự được mất kia, dám hy vọng sinh thiện ngộ hầu mong thoát khỏi lỗi lầm.

Có người nói sơ giáo như đất cao nguyên, Đại Phẩm như đất thấp ướt, Pháp Hoa dụ cho bùn, quả Phật như nước. Có người nói Duy ma, Tư Ích như đất khô, Kinh Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như đất bùn, quả Phật như nước. Có người nói Đại Phẩm như đất khô, Vô Lượng Nghĩa như đất ướt, Pháp Hoa như bùn, quả Phật như nước; ba thứ này đều chấp năm thời nói.

Đạo Sanh nói: Khát thiếu tìm nước: Thọ trì Pháp Hoa cầu ngộ Phật đạo muốn chứng đắc như rất khát thiếu cần nước, ở chỗ đất cao khoét đục cầu tìm, Nhất thừa đối Ba thừa là khó đắc, cho nên đối Pháp Hoa cầu giải như tìm nước ở cao nguyên, thọ trì đọc tụng là đục khoét, chưa thể như nghe mà giải còn là chưa nghe như thấy đất khô, nếu hiểu mới gọi là nghe, như tìm đến bùn biết cách nước không xa. Chú giải kinh chép: Sanh tử khát cần nước vắng lặng. Nước ở cao nguyên là diệu lý Nhất thừa cầu lý ở Pháp Hoa như cầu nước, còn thấy đất khô như thọ trì viết chép dùng đục khoét lúc mới là chưa nghe; chưa hiểu cách đạo còn xa như thấy đất khô. Kế là đọc tụng dùng thí dụ thi công không ngừng, nghe rồi hiểu nên gọi là thấy đất ướt và bùn. Chú giải kinh còn chọn ý Đạo Sanh chỉ tu bổ trang sức thêm một chút thôi!

**Lời bình:** Thí dụ này chỉ có hai ý:

1) Dụ cách Phật đạo.

2) Dụ cách Phật đạo gần không nên lẫn lộn giải thích.

Lại ba sư đầu nói các giáo trước Pháp Hoa cách Phật đạo xa, Pháp Hoa giáo cách Phật đạo gần. Hai giải thích sau chỉ căn cứ Pháp Hoa tự nói xa gần, chưa thể như nghe hiểu gọi là xa, có thể như nghe hiểu gọi là gần nay kiểm xét kinh từ đầu đến cuối đều mất ý chỉ.

Suy tìm văn xuôi hợp thí và kệ văn đầy đủ có hai nghĩa:

1) Nêu các kinh đối Pháp Hoa để nói gần, xa.

2) Căn cứ Pháp Hoa tự nói gần xa.

Kệ nói: Các người như thế ấy, không nghe kinh Pháp Hoa, cách Phật đạo rất xa nếu nghe hiểu sâu kinh, là gần trí tuệ Phật. Ở đây nêu các kinh khác đối Pháp Hoa để nói nghĩa xa, gần. Văn xuôi nói: Nếu chưa nghe chưa hiểu, chưa thể tu tập thì cách Phật đạo xa, trái với ở đây là cách Phật đạo gần; văn này đầy đủ hai nghĩa: nếu căn cứ chưa nghe là cách Phật đạo xa, đây y cứ các kinh để đối Pháp Hoa; nếu căn cứ chưa hiểu là xa, có thể hiểu là gần, đây căn cứ Pháp Hoa tự nói gần xa, do đó các sư chỉ dùng một văn đều mất ý chỉ kinh.

Hỏi: Nêu các kinh đối Pháp Hoa nói tương gần xa như thế nào?

Đáp: Trước Pháp Hoa chưa khai ba làm phương tiện, Nhất thừa làm chân thật liền khiến cho người cầu thành Phật còn có do dự, tâm đại tiểu mong lấy quả Phật chưa quyết định cho nên cách Phật đạo xa.

Pháp Hoa nói có một không ba, dứt hẳn tâm lui sụt, cầu Phật ý quyết định, cho nên cách Phật đạo gần.

Hỏi: Làm sao biết căn cứ nghĩa bỏ quyền bày nói thật chẳng gần, xa ư?

Đáp: Kệ dưới nói: Nếu nghe hiểu kinh này sâu tức là pháp Thanh văn quyết liễu pháp Thanh văn quyết liễu tức là biết kia ba là quyền một thừa là thật.

Lại, Văn xuôi nói mở cửa Phương Tiện thị hiện tướng chân thật, tức giải thích ý gần xa cho nên biết như vậy.

Hỏi: Trước Pháp Hoa tức là Bát-nhã có thể nói Bát-nhã cách Phật đạo xa ư?

Đáp: Trước đã giải thích nghĩa này rồi, nay nói lại:

1) Căn cứ Bát-nhã chưa khai bên nghĩa quyền, tức lúc mới hành Bồ-tát còn có trông mong tiến lùi, hoặc nói tiến là Bồ-tát hoặc nói lùi là Nhị thừa không bao giờ thành Phật, cho nên Bát-nhã đối với người kia cách Phật đạo xa. Nếu nghe Pháp Hoa không có ba có một thẳng tiến không trở lại thì Pháp Hoa đối với người ấy cách Phật đạo gần.

2) Thanh văn không giác biết Bát-nhã mật hóa Nhị thừa khiến hướng về Phật đạo, như không biết phó chúc tài vật còn nói Bát-nhã có Ba thừa giáo. Cho nên, chấp chặt Nhị thừa, Bát-nhã đối với người kia cách Phật đạo xa. Nghe Pháp Hoa bỏ quyền nói có một không ba, bỏ Nhị thừa chấp tín thọ Nhất thừa thì Pháp Hoa đối với người kia cách Phật đạo gần.

Hỏi: Căn cứ hai người Đại tiểu mà xếp hai kinh gần xa, dùng lý



nói Bát-nhã Pháp Hoa vì sao có hơn kém ư?

Đáp: Bát-nhã chính là nói tuệ thật, Phương Tiện tuệ, hai thứ này là pháp thân cha mẹ của Chư Phật mười phương ba đời, người cầu Phật thì trước phải học Bát-nhã như trước đã nói.

Lại nữa người cầu Phật đạo đều còn đủ phiền não như người già bệnh nằm nghỉ trên giường không dậy được, hai người Bát-nhã Phương Tiện mạnh, một dìu, một xúc nách đến Phật đạo, cho nên người cầu Phật phải học Bồ-tát. Lại ba cõi Nhị thừa là họa lớn của Phật đạo, nhờ tuệ Phật nên không mê đắm ba cõi, dùng Phương Tiện nên không chứng Nhị thừa lìa đại ác này mới năng đến Phật đạo cho nên người cầu Phật phải học Bát-nhã. Lại Bát-nhã nói lên các thật tướng, thật tướng là gốc của Đại thừa, do thật tướng nên có Bát-nhã, dùng tâm Bát-nhã tu muôn hạnh, muôn hạnh đều là vô sở đắc, muôn hạnh như thế năng động năng xuất gọi là Đại thừa. Nếu vậy, kinh Bát-nhã chính nói căn bản Nhất thừa cho nên Bát-nhã là trên hết đây tức là gốc trong bản. Vì sao? Vì Nhất thừa là gốc của Ba thừa, thật tướng lại là gốc của Nhất thừa, Bát-nhã thường nói thật tướng tức Kinh Bát-nhã là gốc trong gốc.

Hỏi: Thật tướng cũng là gốc của Ba thừa, vì sao nói là gốc của Nhất thừa ư?

Đáp: Người Nhị thừa không thể biết bản tánh Không, cho nên các pháp bản tánh không chỉ là căn bản Đại thừa, chẳng phải gốc của Nhị thừa.

Hỏi: Bát-nhã chưa bỏ quyền thì Bát-nhã là kém Pháp Hoa là hơn ư? Đáp:

Pháp Hoa chỉ nói nghĩa bỏ quyền khác với Bát-nhã, nếu nghĩa bày thật chung quy Bát-nhã, vì sao? Vì bỏ quyền tức là bỏ tâm Nhị thừa, bỏ tâm Nhị thừa tức phát tâm Bồ-đề, nếu phát tâm Bồ-đề rồi tức tu

hành học đạo Bồ-tát, cần phải ký gửi thai nghén hai tuệ mới thành con của pháp thân Như lai, nên nói Bát-nhã là hơn.

Lại nữa, Đức Phật từ đầu đến cuối thường dùng Bát-nhã để hóa độ tất cả chúng sinh, lúc mới hiển giáo Bồ-tát Bát-nhã, Mật giáo Nhị thừa Bát-nhã, đây là từ Đại Phẩm đến trước Pháp Hoa. Kế là Pháp Hoa hiển giáo Nhị thừa Bát-nhã cũng hiển giáo Bồ-tát Bát-nhã, do hiển giáo Nhị thừa Bát-nhã nên Bát-nhã cũng gọi là Pháp Hoa, chẳng phải ngoài Bát-nhã có Pháp Hoa riêng, cho đến Niết-bàn nói Bát-nhã tức là bốn thứ Phật tánh. Đại Phẩm chép: Nhân gọi là Bát-nhã quả gọi là Tát Bát-nhã. Niết-bàn chép: Nhân gọi là quán trí, quả gọi là Bồ-đề, Bồ-đề không lụy tức là quả quả, quán trí cùng cảnh giới không có tự thể riêng, nghĩa sở quán tức là cảnh, nghĩa năng quán tức là trí. Nghĩa phát quán

là cảnh, nghĩa năng chiếu là trí cho nên Bát-nhã tức là bốn tánh. Nên biết duy nhất Bát-nhã cho nên rất lớn. Lại Địa tiền bốn mươi tâm gọi là tương tự Bát-nhã, đấng Địa cách đến Phật gọi chân Bát-nhã cho nên biết Bát-nhã theo chiều dọc có cả năm mươi hai vị tức Bát-nhã là lớn nhất.

Hỏi: Vì sao pháp Bát-nhã là lớn nhất như vậy ư?

Đáp: Bát-nhã là Chư Phật Bồ-tát quán tâm cho nên tất cả giáo đều nói pháp này, tất cả Chư Phật Bồ-tát đều tu hành theo pháp này.

Lại Bát-nhã có ba thứ:

- 1) Sở hành tức cảnh thật tướng gọi là thật tướng Bát-nhã.
- 2) Quán năng hành gọi là quán chiếu Bát-nhã.
- 3) Vì chúng sinh nói tức văn tự Bát-nhã.

Cảnh sở hành tức hành xứ của Chư Phật Bồ-tát, tâm năng hành tức Phật Bồ-tát quán, hai thứ này là đức của chính mình, văn tự Bát-nhã tức là giáo môn đức hóa tha, ba thứ này thấu nhiếp tất cả Phật Bồ-tát năng hành sở hành, tự hành, hóa tha chẳng gì không cùng tận, dù có ngàn kinh muôn luận cuối cùng là nói lên pháp này, vì tất cả giáo đều nhập vào Bát-nhã cho nên Bát-nhã là lớn nhất, Long Thọ đâu thể nói suông.

Hỏi: Nếu vậy Pháp Hoa là kém ư?

Đáp: Pháp Hoa là tên khác của Bát-nhã. Chỉ nói các nghĩa trên không sánh bằng Bát-nhã nên gọi là kém, chẳng những Pháp Hoa không bằng các Kinh Đại thừa mà các kinh cũng đều không bằng Bát-nhã, như luận nêu mười thứ Kinh Đại thừa mà Bát-nhã là lớn nhất.

Hỏi: Đây nói khó tin nay lại xin giải thích, vì Bát-nhã đã liễu nghĩa các Kinh Đại thừa nói chưa liễu nghĩa nên nói về hơn kém phải không?

Đáp: Không đúng, chỉ Bát-nhã chuyện nói các nghĩa trong các kinh khác không như vậy, căn cứ và vì nghĩa này nên gọi là Bát-nhã trên hết.

Hỏi: Trước nói căn cứ vào Pháp Hoa tự nói nghĩa cách Phật đạo xa gần như thế nào?

Đáp: Đại ý như Đạo Sanh, chú giải kinh giải thích rằng: Nay lại phải lãnh giải ý này, nếu nghe Pháp Hoa sinh ba tuệ tức cách Phật đạo gần, dù nghe mà không sinh ba tuệ thì cách Phật đạo xa, cho nên văn nói: Nếu được nghe hiểu tư duy tu tập là cách Phật đạo gần, nghe hiểu là văn tuệ, tư duy là tư tuệ, tu tập là tu tuệ, căn cứ vào ba tuệ này tự luận gần xa, văn tuệ là xa hai tuệ khác là gần như vậy có thể biết.

---

Hỏi: Chỉ nên như Đạo Sanh và Chú giải Kinh giải thích, vì sao như vậy? Vì chỉ một cao nguyên cầu tìm nước có gần có xa, chỉ trong một giáo Pháp Hoa cầu Phật sinh ba tuệ là gần, không sinh ba tuệ là xa, nếu dùng các giáo trước Pháp Hoa là xa, Pháp Hoa là gần, chính là cao nguyên khác sao gọi là một cao nguyên được ư?

Đáp: Pháp Hoa Bát-nhã đồng là một Đại thừa tạng, cũng được đồng là một cao nguyên, lại y Đạo Sanh giải thích có các ngăn ngại trước đó nên có thể được cả hai nghĩa.



# PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

## QUYỂN 9

### NGHĨA MẬT KHAI BẢN TÍCH CỦA PHẨM BẢO THÁP

Đạo Lãng ở Hà Tây nói: Trên bờ ba bày một, nói nghĩa của Pháp Hoa đã rồi, từ đây trở đi là nói về quả môn, nghĩa là pháp thân thường trụ lý chẳng còn mất. Chú giải rằng: Đạo chẳng còn mất xưa nay một đường, nhưng mở đất vọt hiện tháp để tiêu biểu Song lâm chẳng diệt, giao diện kế nối ảnh hưởng nhỏ nhiệm, nói lên thân tượng sáu chẳng phải chân, ý của Sinh Công cũng đồng như thế. Ấn Pháp sư nói: Trên nói giáo Ba thừa là quyền, nói Nhất thừa là thật, từ đây trở xuống đến phẩm Thần Lực nói hình quyền thân thật, cung vua chẳng sinh, Song thọ chẳng diệt, phẩm này bắt đầu khai mở nguyên nhân ấy, kia cũng là chứng minh trên nói rất đúng, cũng xem xét hợp thời giảng nói chung trên. Quang Trạch nói Phẩm này chứng minh trên là thật không luống dối, tìm kiếm người mở rộng ý kinh.

Lời bình rằng: Ba Sư đầu tiên chỉ làm khai sau, Quang Trạch chỉ làm thành trước, Ấn Công thì gồm đủ cả hai nghĩa là kết trước khai sau, khảo xét kinh từ đầu đến cuối Ấn Sư giải thích là dài.

Hỏi: Vì sao chứng trước, vì sao khai sau ư?

Đáp: Thành trước là chứng trên Phật nói không luống dối, ba châu trên nói thể Nhất thừa đã xong. Phẩm Pháp Sư nói thọ trì cho đến viết chép, sinh phước vô biên nghĩa là dụng Nhất thừa, thể dụng là đầy đủ nên chứng nói. Lại ba châu nói nói tuệ, năm Pháp sư nói phước, phước tuệ đã tròn đầy nên phải chứng. Lại ba châu nói về pháp sở thông, năm Pháp sư nói người năng thông, người, pháp đã đầy đủ cần phải chứng nói.

Hỏi: Chứng có mấy thứ?

Đáp: Tất cả chứng nói phàm có hai thứ:

- 1) Người chứng.
- 2) Điềm lành chứng.



Đa Bảo trên hư không phân thân đến nhóm họp tức người chứng. Linh tháp vọt hiện lên là điềm lành chứng. Trong Hoa Nghiêm các Bồ-tát nói pháp xong cũng có hai chứng:

1) Bồ-tát mười phương đến gọi là người chứng.

2) Mưa hoa, chấn động địa gọi điềm lành chứng. Nay Phật nói kinh xong lại dùng hai quả y báo chánh báo làm chứng thành.

Hỏi: Vì sao phải chứng ư?

Đáp: Nhất thừa khó tin, sợ đức Thích-ca thiên hóa nên Cổ Phật chứng hiển Chư Phật đạo đồng chẳng phải đức Thích-ca thiên hóa. Lại đã nói pháp lý cùng tận sẽ cảm điềm lành phi thường, trong điềm lành lớn ấy chẳng gì qua Chư Phật ba đời nhóm họp, hội thời ấy thấy thì chưa tin tức tin, đã tin thì vững chắc khó lay chuyển.

Lại nữa đức Đa Bảo vọt hiện và Phật mười phương nhóm họp, cùng khen ngợi kinh phước nặng, khiến người mở rộng tuyên thì lúc mới tâm đến cuối hành chẳng gì không thọ ý chỉ. Các nghĩa như vậy cho nên chứng trước, bỏ sau: Trên bỏ ba bày một nói giáo quyền thật đã xong. Nay kế nói thân Phương Tiện, thân chân thật của Như Lai. Từ Phẩm Hiện Thập đến Phẩm Thọ Lượng nói ba nghĩa:

1) Nói Đa bảo diệt đã bất diệt thì biết đức Thích-ca sinh cũng phi sinh muốn hiển bất sinh bất diệt là thân thật, sinh diệt là thân Phương Tiện tức khai thân mở cửa Phương Tiện nói lên nghĩa chân thật của thân.

2) Nhóm họp phân thân bỏ bản một, tích nhiều: đã xen lẫn làm phân thân thì biết kia đây đều là tích, kia đây đều là tích tất có bản thống nhất cho nên bản một mà tích nhiều, tích nhiều nên khai môn Phương Tiện của thân, bản một nên nói lên thân chân thật.

3) Sai tìm người mở rộng ý kinh, do đây mà có phẩm Trì, cho đến Bồ-tát ở phương khác vâng lệnh mở rộng ý kinh, Như Lai liền được dừng nghỉ để chia tuyên nói hành trì, nói lên Bồ-tát ở phương dưới rộng khai tuổi thọ đã lâu để chứng minh nghĩa thường.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thứ này?

Đáp: Nói lên thân là thường phải đủ ba nghĩa:

1) Thể vô sinh diệt.

2) Chỉ một pháp thân.

3) Xưa nay vốn có.

Đầy đủ ba môn này nghĩa thường mới tròn đầy. Đây là căn cứ lý giải thích. Lại tuy là có ba nghĩa tóm lược lại thành hai, thể vô sinh diệt chỉ một pháp thân thì đã là nghĩa thường, hiện chỉ chưa biết là mới

chứng thường hay đã từ lâu chứng thường, cho nên nói tuổi thọ nói từ lâu đã thành Phật.

Hỏi: Chỉ nói hiện bảo Pháp để chứng minh lời nói không luống dối, chỉ nên như Quang Trạch đã nêu, vì sao dùng đây khai làm bản tích?

Đáp: Kệ dưới nói: Đa Bảo Như Lai và cùng thân ta nhóm họp hóa Phật phải biết ý này. Xét rằng bậc Thánh nói gần mà ý xa không thể có sự ngang bằng, mà cầu thành Phật sợ tìm lời nói lầm mất ý chỉ, cho nên nói là phải biết ý này để tỉnh ngộ! Nếu ý chỉ còn ở người thọ trì mở rộng tuyên thì đã nói lên nơi lời nói sao lại nói ý này khó biết! Lại đầu nhọc xương nói sẽ biết ý này! Lại nếu hiện tháp chỉ làm chứng lời nói trước thì đầu nhọc phát ra ánh sáng nhóm họp các Phật, mở Thập và ngôi tòa ý như thế nào ư? Cho nên biết đây đều là bỏ bản tích.

Hỏi: Đây chính là bản nguyện của Đa Bảo, khai mở tháp báu phải nhóm họp phân thân Phật, cũng không phải tiêu biểu nghĩa bản tích ư?

Đáp: Nếu không y nguyện của Đa Bảo thì do đâu mà được nhóm họp phân thân Phật nói nghĩa bản tích ư! Nên biết ý này nói lên ở đây. Lại Đa Bảo thật có nguyện này, vì sao? Vì Chư Phật đều có thế nguyện, như Thân tử thành Phật nguyện ở cõi tịnh mà nói Ba thừa, bản nguyện của đức Đa Bảo nhân tháp này để bỏ bản tích, vì người mê hoặc đều bảo rằng ở trong tháp chắc là thân đã diệt vong, cho nên mượn tháp để tiêu biểu pháp thân thường trụ.

Hỏi: Nếu vậy, tất cả Chư Phật đều được dùng tháp vọt hiện khai mở bản tích đâu chỉ Đa Bảo thôi ư!

Đáp: Thật như đã hỏi, chỉ có Đa Bảo dùng việc này làm nguyện cho nên bỏ bản tích. Lại sở dĩ nói nguyện của đức Đa Bảo là do tháp hiện nên mượn cổ Phật để nói pháp thân thường, do bản nguyện nên nhóm họp hóa thân để hiển bản một, vì sự qui ước mà lý cùng khắp, bởi người khéo léo. Lại chỉ bày đức Đa Bảo nhân quả hạnh nguyện thấy đều đầy đủ làm lợi lạc chúng sinh. Nói Pháp hiện gọi là quả lợi ích chúng sinh, nêu bản nguyện là nhân lợi duyên. Lại tháp hiện lên tán tán rằng tu hành lợi ích chúng sinh xứng với bản nguyện gọi là nguyện lợi duyên, lại Thập Đa Bảo vọt hiện lên thì cổ Phật giáng thế lâu dài do bản nguyện nên hóa thân nhóm họp, thời hội phụng mạng thấy sinh khởi tâm đặc biệt tôn kính Pháp Hoa rộng gieo trồng gốc lành có lợi ích lớn như thế nên gọi là bản nguyện.

Hỏi: Vì sao dùng tháp vọt hiện làm chứng là mật bỏ bản tích ư?

Đáp: Ban đầu chỉ suy tìm văn nghĩa Pháp Hoa đã bày rõ, sau thấy



phẩm Pháp giới Kinh Hoa Nghiêm quyển bốn mươi mốt nói: trong thiện tri thức có an trụ lâu dài là đặc pháp môn diệt độ, thấy Chư Phật quá khứ đều không diệt độ mở cửa tháp Phật Chiên đàn liền đặc trí Tam-muội, Phật quá khứ bất diệt, tức Pháp Hoa khai Pháp bất diệt thích nghi kế hợp.

Nói về nghĩa xá lợi có hay không: Hỏi: Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: Do năng lực bản nguyện lực cho nên hiện pháp, tận lực Tam-muội cho nên thị hiện thân xá lợi vụn. Đại Phẩm giải thích kinh này nói: Thân Kim cương của Như Lai nghiền nát thị hiện xá lợi vụn. hai kinh này đều nói có xá lợi. Kinh Kim Quang Minh bản tân dịch nói: Nếu trong miệng thủy diệt trùng mọc răng trắng, thân Như Lai xá lợi rất ráo không thật có, cho đến chuột leo thang, thỏ mọc sừng, lên ăn cung trăng ngoài trừ Tu-la, thân như xá-lợi rất ráo không thật có, kinh này không có xá lợi, có không trái nhau làm sao lãnh hội ư?

Đáp: Nói có không đã là Phật nói, theo lý không trái nhau. Ban đầu nói có là y cứ thân Phật tích, sau nói không là y cứ pháp thân. Lại trước nói có là thị hiện đồng phạm phu Nhị thừa nên nói thân nay do nghiệp báo khởi nên có xá lợi, sau nói không là chẳng đồng phạm phu Nhị thừa. Nói thân Như Lai là huyền hóa, thân chẳng thật nghiệp báo, sinh không có thân cốt. Lại Đại Kinh nói: nay Ta ở thân này tức là pháp thân chẳng phải máu thịt cấu thành, như không hai mà hai cho nên khai hai thân, pháp thân không có xá lợi ứng thân có xá lợi, hai mà không hai tức thân này gọi là pháp thân cho nên không có Xá lợi.

Hỏi: Đại Kinh, Phẩm Kim cương Thân nói: Tuy không thường trụ chẳng niệm niệm diệt đây là thân gì? Nếu là pháp thân thì lẽ ra thường trụ, nếu là ứng thân lẽ ra niệm niệm diệt, vì sao lại nói tuy không thường trụ chẳng niệm niệm diệt ư?

Đáp: Do đây hiểu nghĩa hai thân khó có thể hội thông, nay nói dùng bốn nghĩa thông: Nói thân Như lai tức là Trung đạo, chẳng niệm niệm diệt nên chẳng vô thường, cũng chẳng thường trụ nên chẳng phải thường, chẳng thường chẳng vô thường tức thân Trung đạo. Lại chẳng thường nên chẳng đồng hư không, dưới nói thường pháp vô tri cũng như hư không, Như Lai hữu tri cho nên chẳng thường. Chẳng phải niệm niệm diệt khác nhau hữu vi cho nên thân Như Lai chẳng phải vô vi. Lại đồng chúng sinh cho nên chẳng phải thường trụ, khác chúng sinh nên chẳng niệm niệm diệt, cho nên thân Như Lai bất khả tư nghì. Lại tồn tại không phải có cho nên chẳng thường trụ, vong (mất) chẳng phải là không nên chẳng phải niệm niệm diệt, cho nên thân Như Lai chẳng

phải có chẳng phải không.

Hỏi: Tiểu thừa nói xá lợi là Kim cương có gì khác với Đại thừa: Đáp: Tiểu thừa cho rằng xương cốt là Kim cương, thịt chẳng phải Kim cương do tổn thương chảy máu. Đại thừa nói tất cả thứ cứng chắc đều là Kim cương không gì có thể làm tổn thương nhục thân Phật.

Hỏi: Kim cương của thế gian thì dùng sừng dê là đập vụn, Xá lợi Kim cương có thể như vậy hay không?

Đáp: Không. Chỉ có Như Lai nhập Tam-muội Kim cương, đạo lực xuất thế gian năng phá hoại thân này, vật ở thế gian không thể hoại được.

Hỏi: toàn thân và thân vụn lấy gì tiêu biểu?

Đáp: Việc này thích ứng duyên, chỉ vì toàn thân Đa Bảo muốn tiêu biểu pháp thân thường hằng, thể chất vụn của đức Như Lai thị hiện ứng thân diệt độ. Kế là nói về nghĩa tháp tiêu biểu

Hỏi: Đức Phật Đa Bảo bỏ hai thân bản tích, tháp làm sao tiêu biểu ư?

Đáp: Căn cứ trong phần nói hai quả y báo, chánh báo như trước nói: Nói tiêu biểu, là Pháp nêu thành muôn đức của người, Phật tiêu biểu muôn đức là người sở thành.

Hỏi: Tháp vọt hiện ra tiêu biểu cho nghĩa gì?

Đáp: Nói lược hai nghĩa:

1) Tiêu biểu năng hóa ẩn hiển thích hợp duyên, duyên cảm thì hiển duyên, hết thì ẩn như phẩm Nhật Dụ nói: núi che khuất mặt trời cho nên ẩn, không chướng khuất cho nên hiển. Kinh này nói: Lúc bấy giờ ta và chúng tăng xuất hiện ở núi Linh Thứu tức duyên cảm cho nên xuất, các chúng sinh ấy vượt qua A tăng kỳ kiếp không nghe tên Tam bảo, không cảm cho nên ẩn, chẳng khác với Đại Kinh, không nên nói kinh kia nói thường trụ, giáo này nói vô thường.

2) Giáo hóa chúng sinh Phật tánh Niết-bàn vốn tự có, như tháp từ dưới đất vọt lên, Niết-bàn vốn có phiền não che lấp nên không thấy, đất phiền não nứt ra thì liền hiển hiện, như Đạo Sanh.

Nói về nhóm hợp hóa Phật: Hỏi: Vì sao phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương rồi sau hóa Phật mới nhóm hợp ư?

Đáp: Không phóng quang chiếu mà bỗng nhóm hợp tức là đương thời hóa làm, mà mười phương không có thật Phật thì không được hiển nghĩa tích nhiều, bản ít. Lại nếu không phát ra ánh sáng chiếu thì không có nhân duyên, cho nên Chư Phật không nhóm hợp được, nay Chư Phật nhóm hợp phải có nhân duyên.

Hỏi: Vì sao không nhóm hợp Phật mười phương khác nhau mà

nhóm họp phân thân của Đức Thích-ca ư?

Đáp: Nhóm họp Chư Phật khác không chỉ hiển đức Thích-ca là ứng tích. Lại muốn hiểu hai thứ bản tích, do đức Đa Bảo ngồi hiển Chư Phật Như Lai mười phương đồng một pháp thân, lại nhóm họp phân thân của đức Thích-ca nên hiển một Đức Phật tự có bản tích.

Hỏi: Nhóm họp phân thân Phật vì nói lên đức Thích-ca và hóa thân Phật đều là tích, hay nghiêng về hiển đức Thích-ca là tích ư?

Đáp: Có cả hai nghĩa: riêng thì chánh hiển đức Thích-ca làm tích, vì sao? Vì từ xưa đến nay chấp Nhị thừa là thật giáo, thân tượng sáu làm chân thân, trên đã nói Nhị thừa chẳng phải thật giáo, nay kể nói lên tượng sáu chẳng phải chân thân, trong cõi tịnh không hẳn có hai chấp này cho nên nghiêng về nói lên đức Thích-ca.

Hỏi: Vì sao dùng hóa Phật nói lên Đức Thích-ca làm tích ư?

Đáp: Trên đã nói nay sẽ giải thích lại, tìm nghĩa bản tích thì bản diệu mà tích thô, mà nay chính dùng Thích-ca thô làm bản, tịnh độ diệu làm tích thì biết Thích-ca chẳng còn bản. Đức Thích-ca đã chẳng còn bản thì tượng sáu chẳng phải chân thân. Lại trong một việc được hai nói lên hai nghĩa, vì Thích-ca chỉ Tịnh độ làm hóa tích thì cõi tịnh Phật chẳng phải thật thân, Thích-ca thô chẳng phải diệu thân thì biết Thích-ca cũng là tích, do đó hai thân đều là tích, rồi mới biết pháp thân diệu cực là bản hóa.

Nói về nghĩa biến độ (cõi): Vì sao chẳng những một Đức Phật nhóm họp một cõi biến hóa mà ba phen nhóm họp ba cõi biến hóa ư?

Đáp: y cứ sự việc nói một Đức Phật nhóm họp một cõi biến hóa thì tối tăm không thấy cõi nước rộng, Phật nhiều, nay khiến biết Phật nhiều cõi rộng cho nên ba phen nhóm họp ba cõi biến hóa. Lại Chư Phật thường dùng ba việc như ba phen tìm xét. Lại có tiêu biểu tức là do tâm cấu nên cõi uế tâm tịnh nên cõi tịnh, tâm của chúng sinh ba căn cấu ứng với tịnh nên ba phen biến hóa cõi.

Hỏi: Vì sao tâm cấu ư?

Đáp: Cho rằng thân tượng sáu là thật thân, sinh diệt là cuối cùng, Nhị thừa đây kiến chấp quanh co tức là cấu.

Hỏi: Vì sao chỉ giữ hội này đời các trời người đem đến phương khác ư?

Đáp: Chúng hội đây có ba nhân duyên:

1) Tu tập lâu tâm thanh tịnh nên thấy cõi tịnh.

2) Do từ trước đã từng thấy Phật nhân duyên ấy nên nay thấy được nhiều Phật.

3) Ứng nghe bản tích đều được lãnh ngộ, như mười hai thứ lợi ích trong Phẩm Phân Biệt Công Đức cho nên giữ ở hội này. Hàng trời người không có ba nhân duyên cho nên dời đi nơi khác.

Hỏi: Vì sao không khiến liền ngồi ở tòa mà không thấy cõi tịnh, như phẩm Nhập Pháp Giới trong Kinh Hoa Nghiêm nói cõi tịnh, người Nhị thừa không thấy ư?

Đáp: Cũng là hiển rõ vì có nhân duyên cho nên trụ lại, không nhân duyên nên di chuyển, nếu không dời chuyển thì nghĩa này không hiển; Hoa Nghiêm muốn hiển rõ Nhị thừa không thể thấy cho nên giữ lại ở hội này, nếu dời chuyển hoặc nói Nhị thừa có thể thấy việc của Bồ-tát.

Hỏi: Nay cũng nên giữ lại trời người khiến ở hội không thấy ư?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm nói người Nhị thừa lúc mới không thấy, sau nhờ Phật lực cho nên thấy. Nay hàng thiên nhân đây đều không thấy cho nên dời chuyển muốn nói lên bốn nghĩa tịnh:

- 1) Hóa chủ tịnh.
- 2) Cõi tịnh.
- 3) Giáo tịnh.
- 4) Đồ chúng tịnh.

Không dời chuyển trời người thì chúng không tịnh.

Hỏi: Nói cõi tịnh đã biến cõi khiến tịnh sao không biến chúng khiến tịnh ư?

Đáp: Như hội Tịnh Danh tất cả đại chúng đều được thấy tòa sen báu ư? Đáp: Chúng này tội cấu làm sao mà được như vậy! Hội Duy-ma này những người tương ứng ngộ đó.

Hỏi: Phẩm Thọ Lượng nói: Cõi tịnh của ta không huỷ hoại, được nay vì sao ba phen biến mà thành cõi tịnh ư?

Đáp: Tịnh Độ nhiều môn, dưới nói nghĩa khác bản chất, đồng chỗ cho nên cõi tịnh không huỷ hoại, cõi ược bị thiêu đốt. Nay nói nghĩa đồng chất, đồng chỗ cho nên ba phen biến thành cõi tịnh. Đồng chất: một chất tịnh, một chỗ là không có hai chất cùng chỗ.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Nay tiêu biểu tâm chúng sinh cấu nên biến thành tịnh cho nên cõi biến. Lại tiêu biểu thân Phật đã chẳng phải thật thân thì chánh quả biến cho nên y quả cũng biến, do y quả đã biến là tiêu biểu cho chánh quả cũng sẽ biến. Dưới chúng cho rằng Phật vô thường, cõi nước tiêu diệt cho nên nói thường ở núi Linh Thứu, cõi tịnh không biến hoại, rõ ràng nghĩa khác nhau cho nên có biến bất biến.

Lại có bốn trường hợp:

- 1) Cõi tịnh người tịnh, như hóa Phật đem một vị Bồ-tát đến cõi tịnh.
- 2) Cõi tịnh người tạp, như Ta bà, Tịnh độ mà hội nhập có chúng

năm thừa.

3) Cõi tạp người tạp.

4) Cõi tạp người tịnh, đây đã như chương Thân Tử có nói.

Hỏi: Đem một vị Bồ-tát và tòa Sư tử dưới gốc cây đều là tiêu biểu cho điều gì?

Đáp: Thế giới Tất-đàn pháp ứng như vậy. Đồng đến là ảnh hưởng, tòa để an thân, cây để che chở thể, sai khiến thăm hỏi nên đem một thị giả nếu có tiêu biểu thì pháp thân không hai cho nên thị giả chỉ là một.

Hỏi: Nếu vậy dưới nói từ đất vọt lên đã có nhiều chúng, lẽ ra tiêu biểu pháp thân là nhiều ư?

Đáp: Phương dưới nói chúng nhiều nói lên từ lâu đã thành Phật cho nên chúng hóa độ nhiều. Thọ dùng lập làm nghĩa, nay nói mở tháp báu, thọ lập pháp thân. Trước sợ muôn vật khởi tâm huỷ báng cho nên không được nói lên tuổi thọ lâu dài, nay đạo duyên đã phát cho nên vui vô úy ở tòa Sư tử dưới gốc cây.

Hỏi: Phẩm Đa Bảo qua ba phen phát ngôn có lợi ích gì?

Đáp: Ban đầu nói tháp vọt lên, muốn tiêu biểu chẳng phải mờ mả có linh giác cho nên phát ra tiếng. Kế là mở tháp xong lại phát ra tiếng: Trước tuy phát tiếng nhưng vẫn chưa thấy hình, sợ trước phát tiếng ấy chẳng phải tiếng Phật, cho nên hiện hình tiêu biểu chính tự miệng Phật phát ra tiếng. Sau cùng phát tiếng tiêu biểu đức Đa Bảo bất diệt, tuy nói Đức Thích-ca bất sinh nhưng chưa nói lên cho nên đề huề đều ngời tòa, là muốn nói lên đức Thích-ca bất sinh nên lại phát ra tiếng.

-----

## KẾ LÀ NÓI VỀ PHẨM ĐỀ BÀ ĐẠT ĐA

Có người nghi phẩm này chẳng đúng theo thứ lớp, hoặc chẳng phải Phật nói. Nay nói không đúng. Nhất định là có thứ lớp cũng chính là Đức Phật nói. Sau thấy Luận nói: việc thọ ký cho Điều-đạt, nói lên tâm Như Lai không oán giận cho nên phải biết là Phật nói. Kế là sau phẩm Thập bát mật bổ bản tích có hai thứ:

1) Căn cứ Phật sự mà bổ bản tích tức là Thập bát hiện, phân thân nhóm họp.

2) Lại nêu mật bổ bản tích, tức là phẩm này. Tích thân của Điều-đạt ác mà bản thân chẳng ác, đức Thích-ca tích thị hiện sinh diệt, bản thật không sinh diệt. Lại kinh này nói khai mở cửa Phương Tiện chỉ bày nghĩa chân thật, chẳng phải chỉ khai một thứ môn Phương Tiện mà khai chung tất cả môn Phương Tiện chỉ bày tất cả nghĩa chân thật. Từ đầu kinh đến phẩm Thập bát nói y cứ về thiện khai môn Phương Tiện hiển nghĩa chân thật, nay căn cứ ác nói mở cửa Phương Tiện nói nghĩa chân thật. Hết thấy Phật Bồ-tát ba đời mười phương không ngoài hai phương tiện thiện ác nghịch thuận. Như đức Thích-ca là khéo dùng Phương Tiện, Điều-đạt là ác dụng Phương Tiện nghĩa là xưa không nói là Phương Tiện, cho nên cửa Phương Tiện đóng, nay khai mở cửa Phương Tiện nên mở cửa Phương Tiện mở, ác đã là Phương Tiện thiện tức là chân thật. Thiện ác như thế đều muốn dẫn dắt chúng sinh trở về thiện cho nên hoặc trái hoặc thuận đều là thuận. Lại Đại Phẩm nói: Có oai nghi phi oai nghi, phi oai nghi tức biến thường hợp đạo. Trong Nhiếp Đại Thừa luận nói Bồ-tát làm, đầy đủ mười điều ác năm tội nghịch. Hỏi: Bồ-tát gây ra mười điều ác, năm tội nghịch là thật hay do biến hóa ra ư?

Đáp: Làm đủ cả hai:

1) Cõi hóa: như Kim cương thân sát đồng tử.

2) Cõi thật, như giết năm trăm Bà-la-môn. Sở dĩ phải là cõi thật: Nhiếp Đại Thừa luận nói: Bồ-tát không còn Phương Tiện nào khác để độ, chỉ có cõi mới có thể độ cho nên làm các việc sát.

Lại tóm lược hai phương tiện này qui về phi thiện phi ác không thể chỉ bày mà năng thiện năng ác là diệu dụng của Pháp Hoa. Lại dùng ba thứ phương tiện:

1) Phạm phu phương tiện.

2) Nhị thừa phương tiện.

3) Đại thừa phương tiện.



Điều-đạt gây ra tội ác nặng là phạm phu phương tiện, Phú Lâu Na hiện Thanh văn v.v... là Nhị thừa phương tiện, đức Thích-ca là Phật phương tiện. Trên đã khai hai môn phương tiện, nay kế khai môn phạm phu Phương Tiện cho nên nói phẩm này. Lại phát ba tích: Ban đầu phát tích của Đa Bảo diệt nói bất diệt, kế phát Thích-ca tích sinh nói bất sinh, sau phát tích của Điều-đạt ác cũng nói phi ác.

Lại nạn rằng: Nói đức Thích-ca trước vô thường nay vô thường, lẽ ra cũng nói là Điều-đạt trước ác nay cũng ác, nếu trước nói Điều-đạt ác nay phát tích cho nên nói phi ác, đức Thích-ca cũng như vậy. Lại trước thọ ký cho Điều-đạt sẽ thành Bích-chi-phật, nay khai Điều-đạt từ lâu đã hành Đại thừa, thì trước Phương Tiện chỉ bày tiểu mà thật là Đại, phải biết đức Thích-ca thật thường thị hiện vô thường. Lại nói phẩm này vì muốn thực thành khen ngợi kinh khuyến người mở mang cho nên đến. Phẩm trên đã nói cổ Phật Đa Bảo đến nay đều cùng nói kinh Pháp Hoa nói phước sâu công nặng khuyến người mở mang truyền bá, nay đức Thích-ca lại dẫn Điều-đạt làm chứng, nói Điều-đạt ở quá khứ đã vì ta mà nói kinh Pháp Hoa cho nên nay được thành Phật. Vì vậy Pháp Hoa công dụng khó nghĩ bàn cần phải thọ trì.

Đề-bà-đạt-đa, Hán dịch là Thiên Nhiệt, Đề-bà dịch là Thiên, Đạt-đa dịch là Nhiệt. Khi mới sinh tim của Ngài nóng như lửa, vì ông sẽ gây ra tội nghịch, là con của vua Học Phạm anh của A-nan, từ người sở thuyết mà đặt tên cho nên làm tên phẩm.

Hỏi: Trước nói Điều-đạt gây ra ba tội nghịch, việc ấy thế nào?

Đáp: Thích luận nói: Đức Phật khi mới hành đạo độ 1.000 Phạm Chí kết phát (búi tóc) sau trở về nước mình, các đệ tử tuy đắc đạo mà vẫn giữ thói cũ tu khổ hạnh, lâu sau hình sắc tiêu tụy không được sáng suốt. Vua Tịnh Phạn ban sắc rằng: con em nhà quyền quý ai muốn xuất gia theo Phật thì đi, Điều-đạt lúc bấy giờ nhập đạo mà tâm không tin, chỉ muốn học thần thông chứ không muốn cầu Phật đạo, nên đắc thần thông nhưng về sau bị mất thần thông, cầu đồ chúng Đức Phật không cho, do đó mới gây ra tội nghịch, lúc mới thì phá tăng, vì người phạm giới phá tăng không được, nên biết người trước chưa phạm các tội mà trước phá tăng, phá tăng rồi lại xô đá đê Phật, Thần Kim cương dùng chày hất đá ra, chỉ tổn thương ngón chân Phật chảy máu, kế đến làm thân Phật chảy máu. Tỳ-kheo-ni Hoa-sắc sắp đắc quả A-la-hán thấy Đức Phật ngón chân bị thương mà trách Điều-đạt, Điều-đạt dùng tay đánh Tỳ-kheo-ni, mắt bị chảy máu rồi chết, cho nên kế là giết A-la-hán đủ ba tội nghịch, thứ lớp như thế, trong đây giải thích Điều-đạt thứ lớp

gây ra tội nghịch không khác với trong luật.

Luận nghĩa bản tích giải thích phẩm Thọ Lượng, Tín Giải v.v... Hỏi: Phẩm Tín Giải nói: Trưởng giả ở tòa Sư tử quyền thuộc vây quanh cho đến cõi áo châu báu mặc y thô xấu, đây là căn cứ nghĩa gì mà nói về bản tích ư?

Đáp: Có người nói trang sức y phục là dụ cho pháp thân, mặc áo thô xấu là dụ cho ẩn bản tùy tích. Lời bình rằng nay dùng bốn nghĩa suy tìm chẳng phải pháp thân:

1) Đại sĩ, nhập cảnh pháp thân hình không thể dùng tượng so sánh, tâm không thể dùng trí biết nay nói quyền thuộc tông đối đãi thì hình có nơi chốn vật báu la liệt là dụ cho mở mang đạo giáo, đã nói là tượng thì chẳng phải pháp thân.

2) Kinh sư xưa nói: giữa đường dừng nghỉ một thành là dụ thùy tích thành Phật không phước bỏ gia nghiệp, giáo hóa các hạnh cao, nếu là pháp thân thì đây nói sai vậy.

3) Gọi con không được xa lãnh giải phẩm Phương Tiện Nhất thừa hóa vật không theo. Trên đã hiển tích nay vì sao còn lãnh bản.

4) Gọi con không được gần lãnh giải phẩm Thí Dụ tìm con không được, trước đã ở trong cửa Trưởng giả, nay vì sao dụ pháp thân ngoài thành, lấy đây nói về nghĩa, có thể biết. Lại có người nói trưởng giả ngồi ghế Sư tử dụ cho tuổi thọ làm bản, mặc áo thô xấu dụ cho từ bản thùy tích.

Lời bình rằng: Tuy bắt đầu có sự thông suốt nhưng vẫn còn đăm chấp cho nên khó, xưa nói dừng nghỉ trong một thành đã ứng tích thành Phật, nay ở ghế Sư tử vì sao mới dụ tuổi thọ là bản ư! Xin nghiên cứu kỹ. Tìm con không được mà gia nghiệp không bỏ, chính là tích thân hóa vật chẳng phải bản địa dẫn dắt duyên, lại đây dụ cho cõi nhĩ thành Thánh, không thể xa chỉ phương khác. Lại nay nói tức thế gian thùy ứng lại chẳng phải đời trước thành Phật, tiến lùi xưa luận cuối cùng là thân gì? Nay nói gồm có ba thân:

1) Pháp thân.

2) thân Xá-na.

3) thân Thích-ca.

Người cha kia trước đến tìm con không được, dụ cho pháp thân tìm kiếm Đại căn cơ không được. Dừng nghỉ giữa đường trong một thành gia nghiệp không bỏ là dụ thân Xá-na khi mới thành đạo, Nhị thừa Đại căn cơ tuy chưa thuần thực mà đạo duyên Bồ-tát đã thành cho nên mới đăng chánh giác giáo hóa các hạnh cao. Như văn nói rộng: Thân thuộc thị vệ

cho đến vật báu la liệt đều chỉ cho Hoa Nghiêm vì các Bồ-tát nói pháp Đại thừa. Cởi áo châu báu mặc y thô xấu là ẩn bản Xá-na thị hiện tích Thích-ca giáo hóa Nhị thừa, ba thân này tức là thứ lớp. Trước nói pháp thân, pháp thân kế kế thù Xá-na tích giáo hóa hạnh Đại thừa, Xá-na kế là thị hiện Thích-ca dẫn hóa Nhị thừa.

Hỏi: Vì sao biết có ba thân?

Đáp: Dùng trước tìm nghĩa có thể biết. Lại Kinh Phạm Võng nói: Nay ta Lô Xá-na mới ngồi tòa hoa sen nghĩa là thân Xá-na, ngồi hoa sen ngàn cánh lại có hiện ngàn đức Thích-ca nghĩa là thân Phật Thích-ca biết có pháp thân, đây đồng với ý trong phẩm Tín Giải. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói ba thân. Pháp thân Ứng thân và hóa thân. Pháp thân chỉ có Phật thấy, Ứng thân ứng Bồ-tát, Hóa thân hóa Nhị thừa, cùng Pháp Hoa, Tín Giải hoàn toàn đồng. Lại kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói ba thân: Trên đã dẫn xong cũng đồng tin hiểu. Lại Phẩm Tánh khởi trong kinh Hoa Nghiêm chép: Thí như mặt trời xuất hiện trước chiếu trên núi cao kế đến lưng chừng núi và sau chiếu chân núi, Như Lai xuất hiện trước hóa Bồ-tát kế hóa Nhị thừa phù hợp với Tín Giải. Lại Phẩm Nhật dụ trong Đại Kinh chép: Ngày có ba thời: Ngày đông rất ngắn dụ cho sở kiến của Nhị thừa, ngày xuân trung bình dụ cho chỗ thấy của Đại sĩ, ngày hạ rất dài dụ rõ chỉ có Phật thấy tuổi thọ vô lượng của Đức Phật kia, cũng có nghĩa ba thân đại đồng với trước.

Hỏi: Chưa bỏ gần bày xa vì sao đã lãnh giải ba thân ư?

Đáp: ba châu trên Đức Phật đã lược bỏ ba thân, hàng Thanh văn ba căn cũng lược lãnh giải bản tích, như trong giải thích danh đã nói. Lại trước Pháp Hoa đã nói bản tích, như Tịnh Danh nói thân Phật vô lậu vô vi, văn Đại Phẩm nói đi lại không đi lại, chỉ trước nghe chưa ngộ nay nhân Pháp Hoa mới biết lãnh giải cho nên trình bày như thế. Như xưa nghe Đại Phẩm phó chúc tài vật không ngộ nay nhờ giáo này mà lãnh giải. Lại trước ở hội Hoa Nghiêm có hạng mù điếc nay ngộ Nhất thừa mới được nhãn tịnh, cho nên thấy Xá-na. Lại hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, nay thành Bồ-tát vì sao không thấy! Lại dùng lý nói các việc, đây đều là quyền hành, lại là hóa người vì muốn điều phục chúng sinh hiển phát Mật giáo sợ thực hành sau nghe lâu dài trái với bản ý của chúng sinh nên dự lãnh hai thân bản tích, nghịch nghe tuổi thọ cho nên nhờ lãnh giải thâm giúp mở mang. Ví như Phẩm đầu Di-lặc nghi Văn Thù quyết giải nói cổ Phật nói trước đức Thích-ca xiển dương sau, ngăn dứt người mạnh cuồng huỷ báng nghi ngờ dự định khai ý chỉ Nhất thừa.

Nói về nghĩa tuổi thọ của Phật. Hỏi: Phẩm Tín Giải nói ba thân,

Phẩm Thọ Lượng nói về những Đức Phật nào?

Đáp: Có người nói là tâm Kim cương còn chưa thành Phật vì giữ gìn Tam-muội nên khiến kéo dài thọ mạng vì rộng độ chúng sinh. Cho nên văn dưới nói: năng lực thần thông như vậy trải qua A tăng tỷ kiếp. Lời bình rằng: Kinh nói từ lâu đã thành Phật mà nói chưa thành Phật, ông đối với ta trước trái với lời ta nói, Như Lai ba lần khuyên răn sợ lúc ấy chúng sợ hãi nghi ngờ, chẳng lẽ luồn uổng như vậy sao! Lại trước còn nói đã lên vị Đại giác nay nói còn chưa thành Thánh thì trước hơn nay kém, đâu thể như vậy!

Hỏi: Nếu chẳng phải sau Thánh thì lẽ ra ngưng đọng thường trụ, dưới nói lại gấp bội số trên còn là vô thường cho nên biết là chưa thành! Nạn rằng: nếu chưa thường trụ thì chưa vượt qua năm trăm do-tuần vì sao nghe vượt qua năm trăm mà liền tin, rõ ràng đã thành mà chưa thọ. Lại nạn hỏi rằng: Nếu vượt qua năm trăm mà chưa thường cũng nên chưa vượt qua năm trăm tức là thường, nếu chưa vượt qua chẳng phải thường thì đã vượt qua là thường. Lại kinh nói Đức Phật vượt qua năm trăm mà nói chưa vượt qua, là trước nói Phật vượt qua ba trăm lẽ ra cũng chưa vượt qua. Nếu trước nói rộng ba trăm Phật thật sự vượt qua nay cũng nên Phật thật sự vượt qua năm trăm. Nếu thuận với kinh cho nên liền vượt qua năm trăm thì đã thoát khỏi ba tướng, thì sự nào mà chẳng thường! Nay giải thích: Phẩm Thọ Lượng cũng đủ ba thân. Luận Pháp Hoa nói: Thị hiện sinh cung vua, thành Già-da tu hành thành Phật gọi là hóa Phật. Từ lâu đã thành Phật cho đến lại gấp bội số trên gọi là báo Phật. Như thật thấy biết tướng ba cõi không có sinh tử hoặc thoái hoặc xuất là pháp thân Phật, chỉ là ba thân khác nhau. Hoặc luận Pháp Hoa nói ba thân: cho rằng Phật tánh là pháp thân, tu hành hiển Phật tánh là Báo thân, nghĩa hóa chúng sinh là hóa thân. Như Nhiếp Đại Thừa luận nói: Ẩn gọi là Như Lai tạng, hiển gọi là pháp thân, thì hai thân này đều là pháp thân. Y cứ trong Ứng thân tự chia làm hai:

1) Hóa Bồ-tát gọi là báo thân.

2) Hóa Nhị thừa gọi là hóa thân.

Hoặc nói hóa Địa thượng là báo thân, hóa Địa tiền là hóa thân. Địa luận, Luận Pháp Hoa là Bồ-đề Lưu Chi nêu ra, Nhiếp Đại thừa là chân đế. Ba tạng dịch, ba bộ này đều do ngài Thiên Thân soạn mà nói nghĩa có khác, hoặc người dịch không xét thấu hiểu ý kia.

Nay muốn dung hợp lại các kinh và luận hoặc hai thân hoặc ba thân hoặc bốn thân, nay lược chung làm bốn câu:

1) Hợp bản hợp tích; như Kim Quang Minh nói: chỉ nói về một bản

tích cho nên nói chân pháp thân Phật cũng như hư không, ứng vật hiện hình như trăng đáy nước.

2) Bỏ bản tích: Như luận Ngũ phạm phu nói có bốn Đức Phật: Bỏ bản làm hai thân: a) Pháp thân. b) Báo thân. Phật thân tức Phật tánh, báo thân là tu nhân mãn hiển bày Phật tánh.

Khai tích làm hai thân: a) Hóa Bồ-tát gọi là Xá-na. b) Hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca.

3) Bỏ bản hợp tích: Như Địa Luận, luận Pháp Hoa nói, bỏ bản nghĩa là hai thân, gọi Phật tánh là pháp thân, Phật tánh nói lên là báo thân.

4) Khai tích hợp bản: Như Nhiếp Đại Thừa luận nói: hợp Phật tánh và Phật tánh hiển đều gọi là pháp thân, khai tích làm hai: Hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, Hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca đây đều do kinh luận tùy nghĩa nói đều không trái nhau, các sư không thấu hiểu ý kia nên khởi sự tranh luận.

Hỏi: Thường, vô thường như thế nào?

Đáp: Cũng có bốn câu: Bỏ bản hợp tích tức là khai thường hợp vô thường, hợp bản khai tích tức là hợp thường bỏ vô thường, bản tích đều khai tức thường vô thường đều khai, thường có pháp thân, báo thân, vô thường có ứng thân, hóa thân Phật, bản tích đều hợp tức thường vô thường đều hợp.

Hỏi: Kinh nói thế nào?

Đáp: Kinh Hoa Nghiêm, Phạm Võng, Tượng Pháp Quyết Nghi, Đại Niết-bàn và phẩm Tín Giải kinh Pháp Hoa, các văn này đều nói pháp thân là thường, ứng hóa thân vô thường đồng với Luận Nhiếp Đại Thừa. phẩm Thọ Lượng kinh Pháp Hoa có thể đủ hai nghĩa: Thọ mạng vô lượng do nhiều kiếp tu tập mà được đây là báo thân Phật, tức gọi là thường lạc pháp thân, thuần hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, như hóa ngàn thế giới số Bồ-tát nhiều như cát bụi không có phạm phu Nhị thừa, đây có thể gọi là thân Xá-na vô thường. Nếu hóa Nhị thừa và Ba thừa tạp chúng gọi là Thích-ca hóa Phật, xét kỹ các kinh và các luận đều không trái nhau.

Hỏi: ba thân có bao nhiêu tên?

Đáp: Kinh luận nêu tên khác nhau, hoặc pháp thân, thân Xá-na, Thích-ca thân, lại gọi pháp thân. báo thân, hóa thân. Lại nói pháp thân, ứng thân, hóa thân. Lại nói thân mà Phật thấy, thân mà Bồ-tát thấy thân mà Nhị thừa phạm phu thấy.

Hỏi: Các danh tự này xuất xứ từ văn nào?



Đáp: Ban đầu xuất xứ từ Kinh Phạm Võng, kế xuất xứ Từ Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Luận Kim cương, Bát-nhã, kế là xuất xứ trong Luận Nhiếp Đại Thừa nói, kế xuất xứ trong phẩm Nhật Dụ kinh Niết-bàn nói: Tam-muội dài ngắn khác nhau như Chư Phật Bồ-tát Nhị thừa thấy khác nhau, Kinh nói tên khác còn ý thì đồng.

Hỏi: Vì sao chỉ nói ba thân không nhiều không ít ư?

Đáp: Nếu y cứ Luận Pháp Hoa nói ba thân, thì Phật tánh ẩn, hiển là hai thân, hóa tha là hóa thân, hai thân là tự đức, một thân là hóa tha đức.

Lại căn cứ Nhiếp Đại Thừa luận nói ba thân, tròn đầy không được nhiều ít, pháp thân là tự đức hai thân còn lại là hóa tha đức, trong hóa tha tự có hai:

1) Thân Hóa Bồ-tát gọi chung là thân Xá-na.

2) Thân Hóa Nhị thừa gọi là thân Thích-ca, sở hóa tuy nhiều mà không ngoài Đại thừa Tiểu thừa. Lại hóa cõi tịnh duyên là Xá-na, hóa cõi uế duyên là Thích-ca, chỗ hóa tuy nhiều mà thuộc về tịnh uế. Lại thuần hóa Bồ-tát là Xá-na, tạp hóa Ba thừa là Thích-ca, sở hóa tuy nhiều không ngoài hai thân này. Lại hoa đài thế giới là Xá-na, cõi nước trên cánh hoa là Thích-ca. Lại bản là Xá-na tích là Thích-ca, năng hóa tuy nhiều mà nhiếp chỉ bản tích. Lại nghĩa báo đáp nhân gọi là Xá-na, Xá-na gọi là báo Phật, hóa vật đã gọi là Thích-ca, Thích-ca là hóa Phật. Lại lúc mới thành đạo là Xá-na, thành đạo về sau là Thích-ca.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: Khi mới thành đạo duyên Đại thừa đã thuần thực có khả năng thọ Đại thừa giáo hóa cho nên hiện Xá-na ở trước hóa, Tiểu thừa chưa thuần thực đợi sau mới hóa. Lại thời hóa lâu dài là Xá-na thời hóa ngắn là Thích-ca.

Hỏi: Vì sao như vậy ư?

Đáp: các Kinh Sư đều nói Hoa Nghiêm là đốn giáo chỉ khi mới thành đạo nói cho nên thời hóa ngắn, sau từ vườn Nai đến Song lâm đều là tiệm giáo nên thời tiệm giáo dài.

Nay xin nạn hỏi: Hoa Nghiêm bảy xứ tám hội: Hội đầu có thể nói khi mới thành đạo nói, còn bảy hội sáu xứ vì sao cũng là lúc mới thành đạo nói ư? Lại hội thứ tám, phẩm Nhập Pháp Giới ở vườn Kỳ Hoàn nói, khi mới thành đạo thì chưa có Tịnh xá Kỳ Hoàn, cũng không có Thanh văn, vì sao nói hội thứ tám ở Kỳ-hoàn nói ư? Lại nêu năm trăm Thanh văn ư! Nay nói đức Thích-ca hóa ngắn, Xá-na hóa dài có thể đủ năm nghĩa:



1) Thích-ca hóa thân trụ thế tám mươi năm, Xá-na báo thân thọ mạng vô lượng.

2) Đức Thích-ca nêu cõi uế bị kiếp lửa thiêu, Xá-na cõi tịnh ba tai không huỷ hoại.

3) Thích-ca chỉ hóa tạp duyên, tạp duyên thọ mạng ngắn, Xá-na thuần hóa các hạnh cao, hạnh cao nên tuổi thọ dài.

4) Thích-ca nói giáo ít, Xá-na nói giáo nhiều.

5) Thích-ca kiếp ngắn, Xá-na kiếp dài như nói Nhẫn độ kiếp ngắn, Di-lặc kiếp dài năm việc này suy tìm xuất xứ trong Kinh Hoa Nghiêm, thì Thích-ca hóa ngắn, Xá-na hóa dài. Vì Xá-na hóa dài, nên từ khi mới thành đạo cho đến đức Thích-ca Niết-bàn mà Xá-na không diệt. Nếu vậy đâu chỉ khi mới thành đạo nói Kinh Hoa Nghiêm ư? Đây là không hai, hai khai hai thân khác nhau, lại tùy hai duyên cho nên nói hai Đức Phật là khác. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy ta Niết-bàn hoặc thấy ta là báo Phật được trăm ngàn đức Thích-ca vây quanh, thì biết khi Thích-ca Niết-bàn Xá-na vẫn còn.

Hỏi: Đại Kinh nói: Khi ta mới thành đạo có Bồ-tát đã hỏi nghĩa này. Phải biết khi mới thành đạo tức là Thích-ca vì sao dùng nghĩa dài dụ Xá-na ư?

Đáp: hai Đức Phật có một nghĩa, có khác nghĩa. một nghĩa: Như Hoa Nghiêm nói danh hiệu, hoặc gọi Thích-ca gọi Xá-na. Hai Đức Phật khác nghĩa: Như Phạm Võng bản tích khác nhau. Lại trong Hoa Nghiêm Nhị thừa chỉ thấy Thích-ca không thấy Xá-na, lại như Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói hai Đức Phật là khác.

Hỏi: Đã đây đủ có một nghĩa và khác vì sao chỉ dùng dài dụ cho Xá-na ư?

Đáp: Đã như trước nói. Cũng tử thấy mặc áo thô xấu chính là căn cứ ẩn bản thù tích cho nên chỉ căn cứ hai Đức Phật khác nghĩa luận bàn, nếu là một Đức Phật làm mất ý này.

Hỏi: Nếu dùng nghĩa dài dụ cho Xá-na thì khi trưởng giả giàu có giao phó tài vật, người Nhị thừa có thấy đức Xá-na không?

Đáp: ý Thí dụ khác nhau không thể là một. Ban đầu căn cứ ẩn bản hiển tích cho nên chia hai Đức Phật khác nhau, khi phó chúc muốn dùng Đại thừa mật giáo Nhị thừa, không rõ bản tích không được làm ví dụ.

Hỏi: Trưởng giả giao phó tài vật không dụ cho Xá-na thì dụ Đức Phật nào? Đáp: Trở lại dụ đức Thích-ca. Vì sao? Vì bản do Bồ-tát thấy gọi là Xá-na khi giao phó của cải thì Nhị thừa chưa ngộ nên thấy cũng là Thích-ca.

Hỏi: Nếu là Thích-ca cùng trưởng giả mặc áo xấu có gì khác nhau không?

Đáp: Trước dụ đức Thích-ca nói Tiểu thừa giáo, nay dụ đức Thích-ca nói Đại thừa giáo cho nên có khác.

Hỏi: Vì sao lúc mới thành đạo dụ Xá-na, nay dụ đức Thích-ca ư?

Đáp: Thù đức Thích-ca tích có nghĩa tiếm giáo. Ban đầu nói thừa trời người, kế nói Nhị thừa sau nói Đại thừa; nếu lúc mới thành đạo nói đủ pháp Đại thừa gọi là Xá-na cho nên lúc mới dụ Xá-na sau dụ Thích-ca.

Hỏi: Trước nói hóa Nhị thừa là Thích-ca, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, nếu vậy đức Thích-ca không nên hóa Bồ-tát, thì làm sao được từ Bát-nhã trở lên đến Pháp Hoa đều nói hóa Bồ-tát ư?

Đáp: Trước nói hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, một nghĩa này thôi. Lại tạp hóa Ba thừa làm Thích-ca, thuần hóa Bồ-tát gọi Xá-na cho nên không có lỗi.

Hỏi: Chỉ là một Trưởng giả vì sao có ba ví dụ ư? Ban đầu nói Trưởng giả giàu sang v.v... đây là dụ cho Xá-na, kế nói áo thô xấu dụ cho đức Thích-ca chỉ hóa Nhị thừa, sau nói Trưởng giả giao phó của cải dụ cho thuyết Đại thừa ư?

Đáp: ba ví dụ này đều có nghĩa kia, lúc mới nói hóa Bồ-tát cho nên dụ Xá-na, kế là chỉ nói hóa Nhị thừa cho nên dụ Tiểu thừa Phật khi giao phó của cải chính nói nghĩa Đại thừa cho nên dụ Thích-ca trong Đại thừa.

Hỏi: Thích-ca trong Đại thừa vì sao chẳng phải Xá-na ư?

Đáp: Thuần hóa Bồ-tát làm Xá-na. Đại thừa Phật có tạp chúng Ba thừa lại là đối tiểu nói Đại cho nên cũng là Thích-ca. Lại chỉ bày chỉ là một trưởng giả tùy duyên thấy như chỉ một Đức Phật, hoặc thấy Xá-na hoặc thấy Thích-ca hoặc thấy hai Đức Phật khác nhau, hoặc thấy cũng là một Đức Phật hoặc thấy là ứng thân hoặc thấy là báo thân, người Nhị thừa trước đều chưa ngộ nay mới hiểu rõ. Vì vậy nên văn này hoặc thí dụ làm hai Đức Phật khác hoặc thí dụ Phật đồng.

Hỏi: Văn trước nói pháp thân không nói pháp vì sao Thích luận nói pháp thân cũng nói pháp ư?

Đáp: Thích luận nói pháp thân đối với đài hoa đức Xá-na, đức Thích-ca tượng sáu là pháp thân. Nếu so với pháp thân rốt ráo cũng còn thuộc về tích thân, làm sao biết như vậy? Kinh nói Ẩn gọi là Như Lai tạng, hiển gọi là pháp thân, chỉ có Đức Phật mới thấy được, người Thập địa không thể thấy. Thích luận nói cũng hóa Bồ-tát thì Bồ-tát thấy

cho nên biết thuộc về ứng thân.

Hỏi: vì sao Pháp thân Phật không nói pháp ư?

Đáp: Chỉ có hai duyên:

1) Bồ-tát thì báo thân hóa.

2) Thanh văn thì ứng thân hóa, pháp thân chỉ có Phật mới thấy cho nên không nói pháp. Lại pháp thân danh tướng đây bắt dứt đâu có âm thanh nói pháp, việc nói pháp đều là ứng thân.

Hỏi: Pháp thân không hóa vật sao lại dùng pháp thân ư?

Đáp: vì Pháp thân là căn bản giáo hóa muôn vật cho nên có đại dụng, lại ba thân làm hai đức: thân Phật là đức tự hành. hai thân còn lại là đức hóa vật, phải đầy đủ tự đức, sau mới có khả năng giáo hóa chúng sinh.

Hỏi: Theo Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi và Luận Nhiếp Đại Thừa, vì sao pháp thân không gọi là báo ư?

Đáp: Pháp thân bất sinh bất diệt vốn tự có như kinh nói, ẩn gọi là Như Lai tạng hiển gọi là pháp thân, pháp thân đâu thể tu nhân mà đắc ư! Cho nên biết pháp thân chẳng phải báo thân, nay chỉ bày hành nhân đắc quả, quả khởi báo đáp nhân nên gọi là báo.

Hỏi: Hóa thân cũng tu nhân đắc vì sao chẳng phải báo thân ư?

Đáp: Thông nghĩa cũng như vậy. Chỉ hóa thân từ báo thân khởi cho nên chẳng phải chính là nghĩa báo đáp nhân, báo thân chính là ng- hĩa báo đáp nhân, nên gọi là báo. Lại hóa thân đã là hóa Nhị thừa, thân này đã kém chẳng phải hơn báo thân, cho nên không gọi là báo thân.

Hỏi: Báo thân Phật nhất định là thường hay vô thường ư?

Đáp: Trước đã luận nay sẽ nói lại. Địa luận sư nói: Báo thân là thường, vì sao? Vì pháp thân vốn có Phật tánh, báo thân Phật do tu nhân đắc, Phật tánh hiển bày nên gọi báo thân, tức là mới có, cũng là nghĩa tánh tịnh, phương tịnh tịnh. Nếu căn cứ đây nói báo thân thì báo thân là thường, đây không trái với Luận Pháp Hoa. Địa luận, luận Kim cương, Bát-nhã, v.v... thích hợp dùng. Nếu nói Xá-na là báo thân Phật mà nói Xá-na thường thì có năm nghĩa không thể được.

1) Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Hoặc thấy ta là báo thân ngàn muôn đức Thích-ca vây quanh thì Xá-na là báo thân, đã nói là ngàn muôn Thích-ca vây quanh đâu phải là thường thân ư!

2) Kinh Bồ-tát giới nói: Nay ta là Lô-xá-na, mới ngồi đài hoa sen, vây quanh trên ngàn cánh hoa, lại hiện ngàn Thích-ca, thường không phương hướng đâu chỉ ở đài hoa.

3) Kinh Hoa Nghiêm nói nhiều về đức Xá-na ngồi đạo tràng dưới

gốc cây Bồ-đề thành Phật quyển thuộc vây quanh vì sao là thường thân ư?

4) Kinh Pháp Hoa chép: Trưởng giả tôn quý thân quyển thị vệ, nhưng sau cởi áo châu báu mặc áo thô xấu là thị hiện hình Thích-ca, sao nói trưởng giả thật là thường ư! Năm luận Nhiếp Đại Thừa chép: Hóa Bồ-tát nên thị hiện báo thân, hóa Nhị thừa nên thị hiện hóa thân, pháp thân Phật không hóa sao nói Hóa Bồ-tát thân là thường thân ư?

Hỏi: Làm sao thông ư?

Đáp: Có hai thứ báo thân Phật, luận Pháp Hoa nói báo Phật là thường, Nhiếp luận và các kinh nói báo Phật là vô thường cho nên không nên dùng thiên lệch.

Hỏi: hai thân còn lại chỉ là vô thường cũng được gọi là thường ư?

Đáp: nghĩa có chung riêng, chung mà luận ba thân đều thường. Pháp thân vô tử chung bất sinh diệt cho nên thường, do có pháp thân thường hóa Bồ-tát không dứt nên ứng thân cũng thường, hóa Nhị thừa cũng không dứt cho nên hóa thân cũng thường. Chỉ đối với duyên này dứt, duyên kia không dứt cho nên nói diệt mà thật không diệt. Như Hoa Nghiêm nói thí như lửa lớn cháy hết các cỏ, cỏ nơi này sạch hết cho nên nói lửa diệt, cỏ chỗ kia không sạch hết cho nên nói không diệt.

Hỏi: vì sao Báo thân chỉ có một, mà hóa thân thì nhiều ư! Như Xá-na chỉ một mà Thích-ca thì nhiều ư?

Đáp: Thông thì theo lệ, mà nay Xá-na chỉ có một mà Thích-ca thì nhiều tức nói lược ba nghĩa:

1) Căn cứ bản tích phân chia, Xá-na là bản cho nên không hai, Thích-ca là tích cho nên không một, như Kinh Bồ-tát giới nói.

2) Muốn nói lên một nghĩa căn bản chỉ bày duy chỉ có nhất đạo cho nên nói tất cả vô úy, người, cõi người ra khỏi sinh tử. Thể đạo đã một thì người thể theo đạo cũng là một, cho nên chỉ có một hóa chủ, một cõi nước, một giáo môn, một chúng Bồ-tát; căn bản mà luận chỉ có bốn thứ nhất. Như Kinh Pháp Hoa nói: Trong mười phương cõi Phật chỉ có pháp Nhất thừa tức là một hóa chủ, một cõi, một hóa, một duyên, chỉ vì chúng sinh không kham thọ đạo nên mới khai ra bốn thứ khác nhau, vì không kham thọ nên nhiều đạo nói, hoặc đại Tiểu thừa đạo hoặc Ba thừa đạo hoặc tứ đạo, nghĩa là Ba thừa đạo phước lạc đạo hoặc năm thừa đạo, do ngũ đạo đã không phải một nên hóa chủ cũng chẳng phải một, cho nên có nhiều Thích-ca nhiều cõi nước nhiều giáo môn nhiều đồ chúng, vì nghĩa này nên Xá-na một còn Thích-ca thì nhiều.

3) Xá-na là báo thân: báo thân thì không hai, vì sao? Vì chỉ nhân

có khác nhau, quả không khác nhau, nhân có khác nhau cho nên có Thập tín cho đến Đẳng giác năm mươi mốt vị khác nhau, chỉ bày quả không khác nhau chỉ đặc Xá-na cho nên báo thân Phật không hai. Lại chỉ có nhất đạo hành nhất đạo cho nên chỉ đặc một báo thân Phật không hai. Hóa thân thì tùy duyên không nhất định cho nên có nhiều đức Thích-ca.

Hỏi: Là theo chiều dọc luận ba thân hay theo chiều ngang luận ba thân?

Đáp: Đây đủ hai nghĩa:

1) Luận theo chiều ngang lấy pháp thân làm bản, ứng với hai duyên kia nên có hai thân.

2) luận theo chiều dọc tức là truyền, vọng từ pháp thân thù tịch Xá-na. Kế là từ bản Xá-na lại khởi Thích-ca ứng, như Phạm Võng nói Nay Ta Lô Xá-na thị hiện ngàn Thích-ca, cũng như Pháp Hoa: Cởi áo quý giá, mặc áo thô xấu.

Hỏi: Kinh có các nói hoặc nói hư không pháp thân, hoặc nói thật tướng pháp thân, hoặc nói cảm ứng pháp thân, hoặc nói pháp tánh sinh thân, hoặc nói công đức pháp thân, có gì khác nhau ư?

Đáp: Nói đại cương kia lớn bao trùm cả hư không cho nên nói hư không pháp thân, nói pháp thân kia mâu nhiệm thì vô tướng vô vi, nên nói thật tướng pháp thân biện luận kia năng ứng thì không cảm nào không hình cho nên nói cảm ứng pháp thân, nói pháp thân kia sinh tức pháp tánh là gốc, cho nên nói pháp tánh sinh thân, thấu đạt thể kia thì các công đức thành tựu nên gọi là công đức pháp thân. Căn cứ nghĩa kia khác nhau nên có các tên gọi khác nhau. Xét kỹ mà luận chỉ có một pháp thân.

Hỏi: Từ pháp tánh sinh nên gọi pháp tánh sinh thân, Thích luận chép: Người Nhị thừa là pháp thân Bồ-tát cũng là pháp tánh sinh thân có gì khác với Phật?

Đáp: Đức Phật chiếu soi cùng khắp pháp tánh nên gọi là chân pháp tánh sinh thân, Bồ-tát Nhị thừa tùy phần được gọi.

Hỏi: Trực kế y cứ theo Phật pháp, tánh thân tự được Nói về chân có được?

Đáp: Được. Diệu cùng pháp tánh tức là pháp thân, nếu ẩn pháp tánh thân Bồ-tát thấy như trước dẫn Thích luận nói Pháp thân Phật, đây là Ứng thân trong pháp tánh thân.

Kế là nói bản tích bốn câu: chung khắp các kinh nói khác:

1) Khai mà không hợp: Bồ hai thân bản tích: Pháp thân vô sinh

diệt, ứng thân có sinh diệt, pháp thân thọ vô lượng, ứng thân thọ có lượng.

2) Hợp mà không khai: Trước nói thân này thành tựu gần đây, nay nói thân này thành đã lâu, đồng chỉ một thân lại không có hai. Lại xưa chỉ lâu làm gần, nay chỉ gần làm lâu lại không có hai.

Hỏi: Thế nào là chỉ gần làm lâu?

Đáp: Phẩm Dũng Xuất nói: Ta ở thành Già-da này hóa độ, lẽ nào chẳng phải gần chỉ thành Già-da để làm lâu xa ư! Đã chỉ Già-da là lâu xa cũng chỉ lâu xa là Già-da. Đạo Sanh chính là dùng ý này nói: Quyết định trường thọ kia tức ở Già-da vậy. Già-da ấy chẳng phải lại Già-da, Già-da đã chẳng phải thì lâu dài sao riêng gọi là Già-da ư! Muốn nói lên không dài không ngắn thì dài ngắn này mất song sau mới xa gần thích hợp hóa độ.

Lại Đại Kinh nói Ca-diếp nhiều lần hỏi hiện thấy thân này vô thường, Như Lai lại đáp thân này là thường. Lại nói thân này của nay Ta là pháp thân chẳng phải do máu thịt cấu thành. Tịnh Danh chép: thân Phật tức pháp thân. Như các kinh này đều là hợp mà không khai.

3) Vừa hợp vừa khai: Nói pháp thân vô sinh diệt, tích thân có sinh diệt đâu chẳng phải khai hai thân ư! Tức sinh ấy là bất sinh, bất sinh là sinh. Đức Phật Đa Bảo Thích-ca tức là việc ấy, đâu chẳng phải hợp ư?

4) Bản tích là nghĩa nhân duyên: không thể một nên không hợp, không thể khác nên không khai.

Hỏi: Vì sao nói bốn câu ư?

Đáp: Pháp thân Như Lai ngôn từ vắng lặng, vì muốn xuất hiện ở chúng sinh cho nên bỏ hai thân bản tích, do đó có câu thứ nhất. Mà chúng sinh nghe nói hai, phần nhiều nương đó khởi hai kiến chấp cho rằng pháp thân tự không có sinh diệt, ứng thân tự là sinh diệt, muốn diệt hai kiến chấp kia cho nên nói chỉ sinh ấy là bất sinh, bất sinh ấy chỗ nào riêng có hai thân ư! Nên có câu thứ hai. Hoặc nói nghe hai thân không phải hai liền hiểu làm một, một thì không được hai, nghe hai liền hiểu làm hai, hai thì không được một. vì phá đây làm chướng ngại tâm cho nên nói tuy một mà hai, tuy hai mà một, một không ngại hai, hai không ngại một cho nên có câu thứ ba cũng khai cũng hợp. Mê tình lại cho là xả định một định hai, liền chấp vừa một vừa hai, nay muốn bài bác hai bệnh ấy cho nên nêu nhân duyên bản tích không thể một khác. Do bản mà có tích do tích mà có bản, chẳng có bản không do đâu thù tích, chẳng có tích không do đâu để hiển bản cho nên nói câu thứ tư nghĩa chẳng khai chẳng không phải một, không phải khác.

Hỏi: Khai bốn câu này ý ở chỗ nào ư?

Đáp: Muốn khiến nhân bốn thân ngộ không bốn. Kế là nói nghĩa gần xa khai che.

Hỏi: Vì là phá gần nói xa hay là bỏ gần bày xa; là che gần bỏ xa hay bỏ gần lập xa?

Đáp: Đây đủ bốn nghĩa:

1) Phá gần nói xa; cho nên văn nói tất cả thế gian thiên nhân A-tu-la đều cho là đức Thích-ca mới thành chánh giác, nhưng ta đã thành Phật rất lâu xa, đây là phá gần nói tuổi thọ xa.

2) Bỏ gần bày xa; nói khai môn Phương Tiện nói lên nghĩa chân thật. Trước nói gần xa là Phương Tiện, nay nói xa là nói thật, hai thứ này đều là Phật Phương Tiện chẳng phải chúng sinh chấp ngang.

3) Che gần bỏ xa; như đôi chim dạo bay không lìa nhau. Chỉ trước che xa để bỏ gần nay thì che gần bỏ xa.

4) Phế gần lập xa: Như bỏ ba lập một.

Hỏi: Trong bốn nghĩa, nghĩa đầu là duyên mê ba nghĩa sau nói Phật giáo. Trước tự nói gần vì sao nói duyên cho là Phật gần ư?

Đáp: Do nghĩa này cho nên trong văn nói bí mật năng lực thần thông, ngày trước nói gần mà mật là bỏ xa, nói tuy tại gần mà rước ở nơi xa, cho đến ngày nay nói tuy ở xa mà ý là khai không gần không xa vô thủy vô chung, mà người mê hoặc nghe gần liền chấp gần không thể ngộ xa, cho đến khi nghe xa không thể ngộ không xa không gần nên gọi là mê. Lại tuy nghe chẳng gần chẳng xa mà không thể ngộ gần xa cả hai du hóa đều làm ý chỉ Phật. Lại trước nói gần, đây nhân duyên xa gần, nghĩa gần xa không ngăn ngại. Trước dùng xa làm gần, nay dùng gần làm xa, dùng không xa gần làm gần xa, gần xa là không gần xa. Như Lai là người vô ngại cho nên có thân vô ngại nói vô ngại. Vì chúng sinh trái với đạo nên không thể ngộ vô ngại được nên đều làm ý chỉ Phật. Lại Như Lai chẳng gần chẳng xa, trước năng kết làm dùng gần cho đến chẳng xa chẳng gần, nay kết dụng làm xa, trước kết dùng làm dùng gần cho nên nay gần nơi Phật. Muốn khai phi gần phi xa mà chúng sinh chấp gần bèn che lấp phi gần phi xa, nghĩa gần đã vậy nghĩa xa cũng thế, nếu có thể ngộ nghĩa gần xa như thế mới có thể hiểu ý một phen giáo hóa từ đầu đến cuối.

Hỏi: Bỏ gần bày xa bỏ vô thường bày thường bỏ ngắn bày dài có gì khác nhau ư?

Đáp: Có người nói bỏ vô thường bày thường chỉ ở Niết-bàn hai thứ còn lại có cả hai giáo. Nay nói ba việc xen lẫn thông suốt, chỉ bỏ gần



bày xa nói lâu đã thành Phật, bỏ vô thường hiển thường đây là thông xa gần. Vì sao biết? Vì chứng minh thường có hai thứ:

1) Từ lâu đã chứng thường.

2) Nay mới chứng thường, cho nên thông. Bỏ ngắn bày dài: Đây lại chung hai nghĩa trên.

Kế là nói về nghĩa ba đời: Trước nói phẩm Thọ Lượng chính là nói ba đời lợi ích chúng sinh, đã là ba đời lợi ích chúng sinh nên đều là vô thường. Lời bình rằng: Phẩm này chỉ nói ba đời lợi ích chúng sinh, ý hay đẹp của chương này cũng chưa rõ ráo văn dưới cũng không có nhiều người đặc đạo.

Nay y Luận Pháp Hoa nói đầy đủ ba thân có thể có ba nghĩa:

1) Pháp thân vô tử chung tức là không có nghĩa ba đời.

2) Tu nhân đắc quả lấy làm báo thân Phật đây là nghĩa có tử vô chung, do tu nhân mãn sơ chứng pháp thân nên gọi là tử, chứng pháp thân rồi sau không còn sinh diệt, vì thế vô chung.

3) Hóa thân có tử có chung, căn cứ trong hóa thân tự khai hai thân, hóa Bồ-tát gọi là Xá-na, như hóa ngàn thế giới hoàn toàn là Bồ-tát không có các chúng phàm phu Nhị thừa, kế hóa Nhị thừa gọi là Thích-ca, như sinh trong cung vua Già-da thành Phật, cũng như Phẩm Tín Giải nói Bồ-tát thấy hai thân mà Nhị thừa thấy không đồng.

Hỏi: Pháp thân vô tử chung hóa thân có tử chung, nghĩa này dễ rõ, vì sao báo thân có tử vô chung ư! Vô chung vì sao có tử ư?

Đáp: Kinh này nói tuổi thọ vô lượng trải qua nhiều kiếp tu nghiệp mà đắc thì biết lúc mới phát tâm Bồ-đề, giữa tu Hạnh Bồ-tát, sau đắc pháp thân cho nên biết có thủy, đã chứng pháp thân không còn sinh diệt cho nên không có chung, ở đây cần phải giải thích kệ ở Đại Kinh, Thuần Đà hỏi nạn và Phật nêu việc xưa có nay không có mới thấy ý nghĩa này. Nếu căn cứ trong đây giải thích đối với văn nghĩa là rườm rà.

Hỏi: Trong đây có nghĩa ba đời lợi vật hay không?

Đáp: Từ khi bắt đầu chứng pháp thân đến nay, thù tích hóa vật rồi, trước cung vua gọi là đời quá khứ, thác sinh cung vua cho đến diệt độ ở Song lâm gọi là đời hiện tại, từ đó về sau gọi là đời vị lai. Đây đều là tích thân có ba đời, bản thân không có nguyên do nghĩa ba đời, chỉ nói có ba đời là duy nhất thành tích thân, trong ba thân chỉ đắc một thân kia.

Hỏi: Nói báo thân vì sao nói lại gấp bội số trên ư?

Đáp: Ban đầu chứng pháp thân rồi không thể biết, chứng pháp thân rồi lại gấp bội số trên, ở đây là nói việc ấy không thể biết. Không

thể biết như Hoa Nghiêm nói không thể nói không thể nói, đây nói lên không còn có nghĩa cuối cùng.

Hỏi: Trong nghĩa bản tích như thế nào? Dật Đa không thấy nghĩa kia, Bồ xứ không lường được cuối cùng. Ở đây nói vô thể vô chung, nay vì sao nói có thể vô chung ư?

Đáp: Trước căn cứ nghĩa pháp thân giải thích, do nhân vị trí người không biết thể chung kia cho nên không có thể chung do đó là nghĩa pháp thân thường. Nay căn cứ báo thân cho nên có thể vô chung. Lại lúc mới chứng pháp thân có hai nghĩa: 1) Nghĩa sơ chứng cho nên có thể. 2) Đồng nghĩa pháp thân cho nên vô thủy vô chung. Lại đây là dùng báo thân hiển pháp thân, lúc mới đắc báo thân nhân vị người còn không thấy thể chung kia hướng chi pháp thân mà có thể biết ư!

Hỏi: Giải thích như thế lẽ ra là Địa luận và nghĩa xưa đó ư?

Đáp: Luận Pháp Hoa có văn này không nên trái lại, chỉ vì nay đọc luận không đồng với ý xưa, nghĩa xưa chỉ như trước giải thích, nay nói nghĩa sinh khởi có lý do, chính vì người Nhị thừa cho là đức Thích-ca ở cung vua mới sinh, cuối cùng diệt ở Song lâm như Đại Kinh nói: đó gọi là Nhị thừa tà kiến quanh co, nay vì phá bệnh này cho nên nói: từ lâu đã thành Phật chẳng phải mới ở thành Già-da, lại gấp bội số trên chẳng phải cuối cùng ở song thọ, vì phá thể chung nên nói vô thể chung. Nhưng Như Lai đâu phải thể chung vô thể chung, v.v... bốn câu có thể chấp ư!

Hỏi: Các câu ấy là phá bỏ thể chung nói vô thể chung, vì sao vô chung thì dài mà lại nói gấp bội, vô thể thì ngắn chỉ nói Bồ xứ không biết ư?

Đáp: Lời nói này cũng có ý chỉ sâu xa trong hai nghĩa chính là lấy nghĩa vô chung, vì sao? Vì chứng thường có hai:

1) Lâu chứng.

2) Mới chứng, hai thứ này chỉ được nói thường, chỉ nghĩa vô chung là thường, hữu chung là nghĩa phi thường, chánh lấy vô chung để hiển nghĩa thường, bác bỏ Nhị thừa vô thường cho nên nói lại gấp bội. Do đó vô chung thì dài vô thể thì ngắn. Nếu pháp thân vô thể vô chung nghĩa này không dài không ngắn, chỉ tự nó nhiếp lĩnh Tương truyền có nói hai dòng sông:

1) Bồ-tát hành trong sông Phật tánh.

2) Phật hành trong sông Phật. Bồ-tát hành tại trong sông Phật tánh: Đây muốn hiển ba đời không có nghĩa ba đời, vì sao? Vì Bồ-tát còn là vô thường chưa tránh khỏi pháp của ba đời, cho nên căn cứ ba đời tu hành muốn nói lên Trung đạo Phật tánh chẳng có pháp ba đời. Vì vậy

Bồ-tát ba đời muốn hiển nghĩa không có ba đời. Như Lai đã lìa pháp ba đời, nay tạo ba đời ấy đây không có ba đời vì chúng sinh nên Phương Tiện làm ba đời, cho nên Phật hành trong sông Phật nói không có nghĩa ba đời. Nay trong đây nói ba đời lợi ích chúng sinh, đều là Phật hành trong sông Phật không có ba đời mà ba đời lợi ích chúng sinh, quá khứ thì không diệt mà diệt hiện tại không sinh mà sinh, vị lai không đến mà đến. Đã không diệt mà diệt, tuy diệt mà không diệt, không sinh mà sinh tuy sinh mà không khởi, ba đời như thế rõ ràng mà không khởi động, không ba đời ba đời tức là ba đời không ba đời, nhưng không ba đời ba đời đâu phải là ba đời, ba đời không ba đời đâu phải là không ba đời! Cho nên, chẳng phải ba đời chẳng phải không ba đời mà ba đời không ba đời, tuy ba đời không ba đời mà chẳng phải ba đời không ba đời, do đó thân Như Lai bất khả tư nghì bất dứt cảnh giới phạm phu Nhị thừa.

Kế là chỉ nói về nghĩa ba đời không ngăn ngại: ba không một, một không ba, không ba không một được gọi là ba, một, cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: Hiện tại là quá khứ, quá khứ là hiện tại, quá khứ gọi là quá khứ của hiện tại, hiện tại gọi là hiện tại của quá khứ, vị lai gọi là vị lai của hiện tại, cho nên ba đời đều là nhân duyên. Do quá khứ là lại quá của hiện tại, quá khứ được gọi là hiện tại, do hiện tại là hiện tại của quá khứ, hiện tại được gọi là quá khứ, vị lai cũng vậy. Lại ba đời được gọi là một đời, một đời được gọi là ba đời, đây là một, ba được gọi là ba, một, ba, một được gọi là không ba, một như hiện tại hiện tại là vị lai, vị lai là hiện tại. Lại nói kiếp kiếp quá khứ thu nhiếp kiếp hiện tại, kiếp hiện tại thu nhiếp kiếp vị lai, kiếp dài thu nhiếp kiếp ngắn, kiếp ngắn thu nhiếp kiếp dài, kiếp có Phật thu nhiếp kiếp không Phật, kiếp không Phật thu nhiếp kiếp có Phật, cho đến 1 kiếp nhiếp thu tất cả kiếp, tất cả kiếp thu nhiếp một kiếp, do có nhân duyên vô ngại cho nên được như thế. Nếu có định tánh sao có thể như vậy, tức kinh này nói diệt là bất diệt, bất diệt là diệt, bất sinh là sinh, sinh là bất sinh, cho nên Đa Bảo diệt mà bất diệt, và Thích-ca sinh mà bất sinh, đây đều là nghĩa ba đời tự tại không ngăn ngại.

Hỏi: một đời vì sao được gọi là ba đời, ba đời vì sao được gọi là một đời ư? ba đời thời gian ngăn ngại lẫn nhau vì sao được gọi như vậy ư?

Đáp: kinh Hoa Nghiêm nói: Vô lượng kiếp trong một niệm, một niệm trong vô lượng kiếp, không đến không chứa nhóm mà hiện có việc các kiếp, vì pháp không có tánh nhất định, Bồ-tát đắc các pháp thật tướng do đó có thể như thế.

Hỏi: Đây vẫn chưa nói, xin chỉ bày tướng kia?

Đáp: Vô lượng kiếp cũng là chánh đạo, một niệm cũng là chánh đạo, chánh đạo đã không khác thì vô lượng kiếp trong một niệm đâu có khác ư? Lại sao thất một niệm vô lượng kiếp! Cũng chẳng phải vô lượng kiếp nhóm đến, một niệm cũng như vậy. Vô lượng kiếp một niệm việc thường không mất. Triệu Sư nói: Như động mà tĩnh tựa như tướng qua lại có thể dùng thân hội nhập không thể dùng sự cầu.

Kế là nói nghĩa ba căn: Hỏi: Vì sao nói nghĩa ba căn ư? Đáp: Phật năng hóa có lợi ích chúng sinh ba đời, chúng sinh sở hóa có ba căn cho nên vẫn nói người có nhiều con, hoặc mười người, hai mươi người cho đến số trăm, v.v...

Hỏi: ba căn đây cùng ba căn ở phẩm Thí Dụ có gì khác nhau?

Đáp: Kia nói một Ba thừa làm ba căn, trong đây chỉ chọn độn lợi nói về ba căn, làm sao biết như vậy? Văn nói: Trong các con có người thất tâm là độn căn, người không thất tâm tức là lợi căn.

Hỏi: Căn cứ vào đâu mà luận lợi độn ư?

Đáp: Căn cứ vào ba đời nói về:

1) Nếu quá khứ lâu xa tu tập quán vô sở đắc, quán mạnh mà phiền não yếu, do quá khứ gặp Đức Phật Thích-ca được liễu ngộ gọi là thượng căn.

2) Đối quá khứ tu tập quán vô sở đắc, quán yếu mà phiền não có chút mạnh nên gặp tri thức ác trôi dạt trong năm đường cho đến dần dần tu tập gốc lành, ngày nay đức Thích-ca xuất thế, từ sơ sinh đến nghe nói pháp Hoa đều được lãnh ngộ gọi là trung căn.

3) Nếu quá khứ tu tập thiện yếu mà phiền não mạnh cũng trôi dạt trong năm đường rồi sau tu tập chút gốc lành cảm đến đức Thích-ca xuất thế từ mới sinh cho đến nghe nói pháp Hoa nghe đến các giáo mà không ngộ đến thời Niết-bàn Phật xướng diệt mới được lãnh ngộ, người như thế gọi là hạ căn. Nhưng thí dụ chỉ nói hai hạng người sau, căn cứ trước trong pháp nói nói quá khứ lâu xa đã thành Phật, dẫn dắt làm lợi lạc chúng sinh như ngàn thế giới vọt lên các Bồ-tát v.v... đều do đức Thích-ca quá khứ hóa đắc gọi là người thượng căn.

Hỏi: Vì sao từ mới sinh đến Pháp Hoa mới ngộ gọi là Trung căn ư? Đến Niết-bàn mới hiểu gọi là hạ căn ư?

Đáp: Đức Phật mới thành Phật khai một làm ba đến trước thời Pháp Hoa cầu con cũng chưa được, từ Pháp Hoa mới gom ba về một tìm con mới được nên một phen hóa rốt cùng tại Pháp Hoa. Cho nên có vô lượng thế giới số người như cát bụi đều được ngộ đạo, vì vậy đến thời

nay kết thúc làm một căn. Ở trong Pháp Hoa lại chưa được liễu ngộ, Như Lai lại xướng diệt cho đến Niết-bàn mới được lãnh giải nên gọi là hạ căn.

Hỏi: Ba đời lợi ích chúng sinh có hóa độ người hạ căn hay không?

Đáp: Quá khứ lợi ích chúng sinh là người thượng căn, hiện tại lợi ích chúng sinh là người trung căn hạ căn, chúng sinh hạ căn ở trong hai đời đều lãnh ngộ, do đó trong văn chính nói hai đời lợi ích chúng sinh, không nói vị lai lợi ích chúng sinh vì hóa độ cùng tận hạ căn, nếu vị lai hóa vật lại là các duyên khác.

Kế là nói nghĩa cõi tịnh: Hỏi: Kinh nói các chúng sinh thấy cõi bị thiêu tất cả mà cõi tịnh ta vẫn không bị huỷ, sao gọi là cõi tịnh ư? Đáp: Ngài La-thập nói: Đó là khác chất đồng chỗ, tịnh ược hai chất đồng ở một chỗ, nghĩa là ược ở chỗ tịnh, tịnh ở chỗ ược, cho nên nói đồng ở một chỗ.

Hỏi: Do đâu mà được như vậy ư?

Đáp: Tịnh ược thô diệu khác nhau nên không chướng ngại nhau, như Thiên tử thủ chân thân không ngăn ngại đất. Lại như địa ngục vô gián tuy trăm ngàn chỗ cùng cũng không bị ngăn ngại lại như đề hồ không vướng ngại bởi đồ đựng thô, hướng chỉ hai chất tịnh ược mà ngăn ngại nhau ư? Cho nên đốt cháy ược và tịnh không đốt cháy như lửa cõi dục không thể đốt cháy thân ở trời Tịnh cư, hướng chỉ là Tịnh độ ư!

Hỏi: Đã có cõi tịnh vì sao không có lửa tịnh có thể đốt cháy? Đáp: ược độ có ba tai cõi tịnh không có ba tai.

Hỏi: Cõi ược bị ba tai đốt cháy có thể là vô thường, cõi tịnh không có ba tai vì sao hoại được ư?

Đáp: Đệ tứ thiên thoát khỏi ba tai mà có bắt đầu khởi sau diệt cho nên vô thường, lại có niệm niệm vô thường, cõi tịnh cũng đủ hai thứ này.

Hỏi: Cõi ược có kiếp số, cõi tịnh cũng vậy, vì sao khác nhau có ba tai ư?

Đáp: Kiếp thẳng là thời tiết gọi là ba tai ắt do lỗi lầm nên cõi ược có, cõi tịnh không có, như ví dụ năm thứ vẫn đục.

Sanh Pháp sư giải thích cõi tịnh không bị huỷ nói rằng: Phạm Đức Phật không hiện hữu đó là do chúng sinh xấu ược, vì ược nên không hiện hữu, không ược thì hiện hữu. Không ược nên mượn bảy báu để nói, nói không có đất ược. Tuy có cõi bảy báu thanh tịnh mà so với không có hình cũng đâu khác gì ược chất ư! Dùng lý mà luận chính là nghĩa không có

cõi nước. Đã mượn cõi nói không cho nên gọi là cõi tịnh, tịnh vô độ thì đâu chẳng phải pháp thân gá thác! Cho đến cõi uest bị đốt cháy là tự tội báo chúng sinh cũng đâu có tổn thương không gì chẳng tịnh, cho nên chúng sinh bị kiến chấp đốt cháy, cõi tịnh không bị huỷ diệt được.

Lời bình rằng: Phật hoặc bỏ ba thân hoặc gọi là hai thân bản tích, do thân so với cõi cũng có ba cõi và hai cõi. Pháp thân dừng nghỉ ở cõi Trung đạo đệ nhất nghĩa như kinh Anh Lạc nói.

Lại như kinh Nhân Vương nói:

1) Tam Hiền, mười Thánh trụ nơi quả báo chỉ có Phật ở cõi tịnh. Lại Luận Nhiếp Đại Thừa nói chân như tức là cõi Phật trụ. Về sau thấy luận Pháp Hoa nói chân như thường trụ là cõi nước.

2) Xá-na báo thân hóa các Bồ-tát ở cõi tịnh cho nên có bốn tịnh: Hóa chủ tịnh, cõi nước tịnh, đồ chúng tịnh, giáo môn tịnh, bốn tịnh này đều do Bồ-tát tâm khí tịnh nên có bốn tịnh này cho nên Xá-na hóa Bồ-tát.

3) Thích-ca hóa Nhị thừa tức là cõi uest, nghĩa là Nhị thừa thiên nhân tâm khí bất tịnh cho nên chiêu cảm bốn thứ bất tịnh. Nếu hợp ba thân làm hai thân bản, tích thì pháp thân gá ở bản độ, hai thân còn lại gá ở tích độ. Như vậy, ngài La-thập cho đất cát là uest, báu ngọc là tịnh. Nói khác chất đồng chỗ: đây là tích thân cõi tịnh. Đạo Sanh gọi bảy châu là pháp thân, bất luận cõi tịnh, nay xin bình giảng: Nếu nói pháp thân không gá nơi đất cát uest lại không ở nơi báu ngọc tịnh cho nên không có cõi như trước đã nói về, nếu chấp pháp thân gửi hình ở pháp thật tướng Trung đạo cũng là không có cõi này nghĩa ấy không đúng, rõ ràng ý của Đạo Sanh chỉ là cõi không có ngọc báu, chẳng phải không có cõi Trung đạo, v.v... nếu vậy, Đạo Sanh được nghĩa, cõi pháp thân thì mất tích độ; La-thập công được nghĩa tích độ thì mất ở bản độ, nếu hai Sư đều nói một nghĩa thì không có mất nghĩa. Vì văn nay nói đủ ba thân thì có đủ ba cõi. Do trước chưa bỏ ba thân nay mới bỏ ba cõi cũng như vậy.

Hỏi: Kinh nói một chất mà thấy có khác nhau sao gọi là một chất ư? Như người thấy nước, như quỷ thấy lửa, đây gọi là chất nước mà thấy lửa, chất lửa mà thấy nước hay chẳng phải lửa, chẳng phải nước mà thấy lửa thấy nước ư?

Đáp: Tịnh Danh, Hoa Nghiêm lúc mới đã nói; nghĩa này khó hiểu, nay lược quyết nghi, chỉ một chất nhiều thứ nay đây đủ rõ ràng. Nếu dùng tướng nhất thật làm một chất vì lầm thật tướng cho nên có sáu đường thấy khác nhau. Như Đại Kinh nói: Là một vị được tùy chỗ lưu xuất nên có sáu thứ khác nhau tức là việc kia. Như người thấy nước thì

thấy có ba trần, thấy biết nơi lửa chỉ có sắc xúc đều do tâm điên đảo chiêu cảm cho nên thành thấy có nước lửa. Như người thấy sông Hằng là nước, quỷ thấy là lửa, tịnh uế cũng vậy, đều do chúng sinh hai nghiệp khác nhau cho nên có hai sự thấy khác nhau, thật không có tịnh uế như thế.

Hỏi: Đây đã là một cõi Trung đạo chất hai duyên tịnh uế cho nên thấy hai phải không ư?

Đáp: Đúng vậy. Cũng gọi là độ cũng gọi là thật tướng. Căn cứ trong tích luận một chất hai cái thấy, Thân tử thấy cõi đức Thích-ca là uế, Phạm Vương thấy Thích-ca là cõi tịnh, Thân tử thấy là ở cõi người, Phạm vương thấy là ở cõi trời, mà cõi tịnh của đức Thích-ca chẳng như cõi người trời này cho nên cõi đức Thích-ca như cõi thật trang nghiêm mà duyên trời người tự thấy hai cõi trời người cho nên một chất hai thấy khác nhau.

Hỏi: Thân tử tự thấy uế, Phạm vương tự thấy tịnh vì sao khai một chất làm hai thấy ư?

Đáp: Kinh nói Thân tử tự nói ta thấy cõi uế của đức Thích-ca, Phạm vương nói ta thấy cõi tịnh của đức Thích-ca. Đức Phật lại nói ta ở Tịnh độ mà ông không thấy, ba thứ đều nói cõi của đức Thích-ca cho nên biết hai duyên thấy cõi của đức Thích-ca là cõi của thiên nhân mà cõi Thích-ca chẳng phải cõi thiên nhân. Nói một chất hai cái thấy ấy, nơi một chất tịnh thấy uế, nơi uế chất thấy tịnh cho nên nói một chất hai thấy khác nhau.

Hỏi: Trước nói một chất hai sự thấy có thể như vậy, sau đối với chất tịnh thấy uế, uế bị đốt, tịnh có bị đốt không?

Đáp: Do nghiệp ác cho nên đối tịnh thấy uế mà tịnh thật chẳng phải uế, nghiệp ác cho nên thấy bất tịnh bị đốt cháy, mà tịnh thật không đốt.

Hỏi: chất tịnh hoại, chất uế có bị hoại hay không?

Đáp: Uế cũng bị hoại theo. Vì sao biết như vậy? Vì chất tịnh thuộc về nghiệp tịnh sinh khởi, nơi tịnh nương thấy uế, do tịnh hoại nên uế duyên không có chỗ thấy, như quỷ vốn dựa vào nước sông Hằng mà thấy lửa, nước sông Hằng khô thì quỷ không thấy lửa.

Hỏi: Nơi chất uế mà thấy tịnh là vì sao ư?

Đáp: Theo đây có thể biết. Kinh Tượng Pháp Thuyết Nghi nói: Hoặc thấy cõi này là đất cát hoặc thấy cõi này là bầy báu hoặc thấy toàn bằng vàng v.v... cõi này nhất định là chất gì ư? Đáp: Đây là do tùy nghiệp thấy khác, có thể gọi là khác chất đồng chỗ, đây là nói báo độ,



lại là ứng độ, căn duyên ứng thấy uế, do được ngộ thị hiện dùng uế cho đến tịnh cũng như vậy, cho nên không ngăn ngại nhau.

Kế là nói nghĩa giáo môn của cõi tịnh, uế: Gồm có bốn câu:

1) Trước nói một sau nói ba, như Xá-na trước vì Bồ-tát nói Nhất thừa sau ẩn bản Xá-na thùy tích Thích-ca giảng nói Ba thừa, như Trưởng giả cởi áo châu báu mặc áo thô xấu.

2) Trước nói Ba thừa sau nói Nhất thừa, tức là Thích-ca trước nói ba sau nói một. Nói một đây tức là ẩn giáo Thích-ca, hiển giáo Xá-na, dứt tích Thích-ca hiển bản Xá-na, hai câu này nương nhau thành. Ban đầu nói dùng bản thùy tích, kế nói dùng tích hiển bản. Ban đầu cởi áo quý báu mặc áo thô xấu, kế cởi áo thô xấu mặc áo châu báu.

3) Từ đầu đến cuối thường nói Nhất thừa, như Thích luận nói thế giới bảy báu thuần các Bồ-tát, cho đến không nghe danh tự Nhị thừa.

4) Chỉ nói Nhị thừa không nói Đại thừa, như Thích luận nói thế giới vàng ròng toàn A-la-hán cõi, bạc trắng đều cầu Duyên giác.

Hỏi: Văn kinh nói: Pháp của Thế Tôn về lâu sau phải nói chân thật, thuần là A-la-hán và Bích-chi-phật trong đó vì sao được nói Nhất thừa ư?

Đáp: Không hẳn một thời kỳ xuất thế mà trước phải nói Ba thừa sau nói Nhất thừa, chỉ có Chư Phật lâu sau quyết nói chân thật, vì không có cuối cùng trụ ở Nhị thừa không bao giờ thành Phật. Lại có bốn câu:

1) Chỉ nói Nhất thừa không nói Ba thừa.

2) Chỉ nói Ba thừa không nói Nhất thừa.

3) Vừa nói ba vừa nói nhất, tức giáo của đức Thích-ca trước ba sau một.

4) Không nói ba không nói nhất, như không nói thế giới, không nói b, một.

Lại có bốn câu:

1) Độ tịnh mà thừa một, như thế giới bảy báu chỉ hóa Bồ-tát.

2) Độ uế thừa ba, như cõi uế năm trước.

3) Độ tịnh mà thừa ba, như Thân tử thành Phật và người trung căn, hạ căn cõi tịnh thành Phật có Ba thừa giáo.

4) Độ uế thừa một, chưa thấy văn riêng. Nước A-thâu-xà bảy tuổi trở lên đều học Đại thừa cũng là việc kia.

Kế là nói bốn câu:

1) Vì nghi ba duyên nói Ba thừa.

2) Vì một duyên nói một thừa, việc đây dễ hiểu.

3) Vì người ba duyên nói một. Có thể đầy đủ hai nghĩa: a) Vốn là

duyên Ba thừa gom về Nhất thừa. b) Bảo Ba thừa duyên nói nơi pháp Đại thừa.

4) Vì Nhất thừa duyên nói Ba thừa, khiến Nhất thừa duyên biết ba là quyền, biết một là thật, như Thắng-man bảy năm vì người Hữu Học Đại thừa nói Ba thừa. Vì duyên Nhất thừa nói Ba thừa, khiến truyền hóa những người khác duyên Ba thừa. Duyên ngộ lại có bốn câu: Nghe một ngộ một, nghe ba ngộ ba, nghe ba ngộ một, nghe một ngộ ba, trước đã nói rõ.



## PHÁP HOA HUYỀN LUẬN

### QUYỂN 10

Luận về nghĩa số lần sinh trong phẩm Phân biệt Công đức.

Hỏi: Kinh nói tám lần sinh cho đến một lần sinh, lời này căn cứ vào nghĩa nào?

Đáp: Chú giải Kinh nói: Thể tuổi thọ mầu nhiệm sâu xa, thần, lắng đọng cảnh bật dứt bờ mé đâu lại cảm đến số sinh khác nhau khác nhau! Do cương tâm bất nhất, nên chờ phát cơ có khác cho nên phẩm vị này khác nhau dùng để chỉ bày cho người Hữu Học. Sắc tướng đã hư diệt định có thể tu, nhập giải tâm khai rồi sau mới hợp cho nên nói tám lần sinh bốn lần sinh: bốn ý đồng phát do đây mà ngộ cho nên nói bốn lần sinh ba sinh: Ở nơi tông hóa vật quyết nhờ ba phen thấu đạt cho nên nói ba phen sinh, hai phen sinh: hai pháp môn không hữu sâu xa không hai nên gọi là hai lần sinh. một lần sinh: Căn mầu nhiệm tận nơi một cùng cực nên gọi là một sinh.

Lời bình rằng: Tuổi thọ tuy bật hình ngôn, nhưng ngộ có minh châu. Đã chịu theo thứ lớp dần dần Thập địa sao ngăn ngại dùng số lần sinh lên xuống ư! Kinh đã nói thành thật không nên giải thích quanh co. trộm cho rằng không như vậy, sau sẽ trình bày đầy đủ. Quang Trạch nói trong đây căn cứ phẩm hoặc mà luận, do vô minh trụ địa hoặc chia làm chín phẩm, năng vì chín lần sinh làm nhân, từ Thất địa đến Kim cương là năm vị:

- 1) Thất địa.
- 2) Bát địa.
- 3) Cửu địa.
- 4) Thập địa.
- 5) Kim cương.

Đối bốn vị trước sở trí đều chia làm hai phẩm, Kim cương là một phẩm, hợp thành chín phẩm, một phẩm là một lần sinh, chín phẩm là chín lần sinh. Nếu ở trước Lục địa vọng Kim cương vị đầy đủ chín lần sinh còn lại. Nay trụ Lục địa nghe kinh được nhập Thất địa để đoạn bớt

kia một, chỉ còn lại tám phẩm cho nên còn lại tám lần sinh sẽ đắc Bồ-đề, cũng theo thứ lớp đây đến còn bảy, sáu, năm lần sinh. Nhưng nay đổi tám số trên mà chọn phân nửa cho nên nói bốn lần sinh. Như vậy thứ lớp trừ giảm dần gọi là một lần sinh, ba, hai, một đều tùy số tứ thiên hạ mà trừ nên nói bốn lần sinh cho đến một lần sinh. Cho nên, trong văn kệ tụng dưới lại có bốn, ba, hai như vậy số Bồ-tát nhiều như cát bụi trong tứ thiên hạ tùy số sinh thành Phật tức nghĩa này. Ngoài Nhân trong Thập địa Kim cương là một đời sẽ đắc, thì bốn lần sinh là Bát địa cuối cùng nhập Cửu địa, chuẩn theo phẩm có thể biết.

Lời bình rằng: Nay xin nói rõ về pháp dứt hoặc vì sao Thất, Bát, Cửu, Thập bốn địa này đều dứt hai phẩm hoặc, riêng Kim cương đoạn một phẩm hoặc ư? Suy tìm kinh luận nói Địa dứt hoặc, chưa thấy pháp này nên cũng chẳng dùng. Ấn Sư giải thích: Trong mười hai vị, ba thứ đầu là từ Sơ địa chung đến Thất địa, Triền Đà-la-ni là Bát địa, xoay bánh xe Bát thoái là Cửu địa. Xoay bánh xe pháp thanh tịnh là Thập địa. Lại tám lần sinh kia từ Sơ địa đến Lục địa. Bốn lần sinh kia từ Thất địa đến tâm cuối; ba lần sinh là Bát địa, hai lần sinh là Cửu địa, một lần sinh là Thập địa, cũng căn cứ hoặc để nói số sinh. Nghĩa là tứ trụ Địa hoặc gọi là lần thứ tư sinh, tập khí là lần thứ năm sinh, ba vô tri tức ba phẩm là lần thứ ba sinh; đều là tám phần làm tám lần sinh, cho nên đối với kia thứ lớp địa vị như trước đã trình bày.

Lời bình rằng: Ấn Sư giải thích là hai vòng nói nghĩa Thập địa được lợi ích. Từ ba vị đầu đến bánh xe pháp Thanh Tịnh đây là một vòng nói Thập địa được lợi ích. Từ tám lần sinh đến một lần lại một vòng nói Thập địa được lợi ích. Chỉ vì trước y cứ sở đắc sau y cứ sở ly cho nên có hai vòng mà ý không khác. Nay cho rằng văn quá phiền phức, vì sao? Vì Thập địa được lợi ích đã không khác chỉ nêu một là tiện đủ đâu nhọc lặp lại ư! Thí như đã nói Tiểu thừa đắc pháp nhân tịnh là một vị sau nói xa lìa bụi nhơ lại là một vị, nghĩa thật rối rắm. Có người nói lúc mới phát tâm tức là ngoại phạm, Bồ-tát Thập tín Thiết luân vị đây từ ngoại phạm nghe kinh nhập Thập tín, kế từ Thập tín nghe kinh tiến nhập Thập trụ; Thập trụ tức là Vô sinh pháp nhẫn, cho nên nói nhập lý Tam-muội gọi là Trụ, sinh công đức gọi là Địa. Kế là Thập trụ nghe kinh tiến nhập nhập Thập hạnh, Thập hạnh nghe mười phương Phật nói tất cả giáo năng trì tức là Văn trì Đà-la-ni. Thập hạnh nghe kinh tiến đến Thập hồi hương nhạo nói biện tài. Hồi hương là năng hồi sự, hướng đạo. Kế là từ Thập hồi hương tiến nhập Sơ địa, nhập Sơ địa cho nên năng vô ngại, do vô ngại hành nên trăm pháp minh môn hoàn

toàn chuyển gọi là Triền Đà-la-ni. Kế là Bất thoái là Nhị địa thanh tịnh là một địa, Bất sinh là tứ địa. Trong đây nói sinh là liễu pháp thật tướng vô sinh cho nên năng phát sinh; đây là chánh quán khai phát nên gọi là sinh. Chẳng phải số lần thân được gần hoặc xa Phật nên gọi là sinh.

Hỏi: Đã nói chánh quán khai phát gọi là sinh, vì sao có số sinh ư? Đây là đối với địa vị Phật mà chánh quán còn có tám lỗi, khai phát sinh cho nên nói tám lần sinh. bốn lần sinh: Từ Tứ địa khởi đến Bát địa. ba lần sinh: là Cửu địa. hai lần sinh là Thập địa. một lần sinh là Đẳng giác địa. Trong đó đắc ngộ không định, cho nên từ Tứ địa đến Bát địa không hẳn nhất nhất theo thứ lớp.

Lời bình rằng: Đây giải thích tựa như thứ lớp nhưng chưa liễu ràng ý này, vì sao? Vì ba địa đầu không nói sinh, từ Tứ địa trở lên mới nói sinh ư? Nếu từ chân quán khai phát làm sinh thì từ lúc mới Sơ địa đến cuối cùng Pháp vân đều nên vậy. Lại kinh luận may có văn nói về số sinh vì sao không y theo? Nay kiểm chứng kinh luận có nói hai thứ sinh: Kinh Tịnh Danh nói: Nhất sinh đắc Bồ-đề. Thích luận nói ba lần sinh đắc Bồ-đề. Đây là căn cứ ứng thân thành Phật mà số sinh có nghĩa nhiều ít, như Di-lặc vừa là ba lần sinh vừa là một lần sinh. Ba lần sinh tức là nhân gian, kế sinh lên cõi trời, sau sinh xuống thành Phật. Một lần sinh là căn cứ lần sinh cuối cùng. Hoặc nói chấp sinh lên cõi trời là một lần sinh, xuống sinh thành Phật chính là chỉ thân Phật. Kế là nói sinh: Kinh Nhân Vương nói: 30 lần sinh công đức mỗi địa ba lần sinh, lúc mới thấy đây nói rằng do nghi kinh không đủ để làm chứng, sau thấy Địa luận nói: Mỗi một địa đều có ba phần nhập trụ. Lại thấy Nhiếp Đại Thừa luận nói cũng đồng Địa luận nói. Lại nói một địa ba a-tăng-kỳ kiếp, nhập phần một tăng kỳ kiếp, Trụ mãn cũng như vậy. Qua đây xét thấy thì trong mỗi một địa có ba lần sinh, chỉ trước căn cứ ứng thân sau nói thực hành. Nay dùng hai văn này để thông trên nói: Nếu y cứ ứng thân thành Phật mà nói tám lần sinh, tức tám lần thọ sinh, cho đến một lần sinh mà đắc Bồ-đề, như Di-lặc một lần sinh đắc thành Phật. Kế là căn cứ thực hành thông: Thập địa đã có ba mươi lần sinh nay nói tám lần sinh được thành Phật thì hai mươi hai lần sinh đã mãn, chỉ tám lần sinh còn lại, người này đã là nhập phần Bát địa, cho đến một lần sinh đây là trụ phần Thập địa còn có một lần sinh mãn phần nữa thôi! Cho nên Kinh Nhân Vương giải thích: Bồ-tát Thập địa nói hai mươi chín lần sinh vĩnh xa đã vượt qua.

Hỏi: Đến Thập địa mãn thì cũng là Thập địa vì sao nói liền được thành Phật ư?

Đáp: Thật địa mẫn ngồỉ đạo tràng cho nên được thành Phật.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sau làm sao dứt hoặc ư?

Đáp: Luận Nhiếp Đại Thừa nói: Trong mỗi địa có đủ ba phẩm hoặc thượng trung hạ tức dùng ba phần nhập, trụ, mẫn trị nên gọi là đoạn.

Hỏi: luận Nhiếp Đại Thừa nói: một địa trải qua ba tăng kỳ hành hạnh, vì sao một phen nghe kinh từ tám lần sinh đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Luận kia nói mỗi một địa trải qua ba a-tăng-kỳ kiếp đây là căn cứ sự lâu dài kia. Lại có nghĩa siêu sinh thì bất định, như đức Thích-ca siêu vượt đức Di-lặc, v.v... Lại kinh này chỉ nói tám lần sinh được thành Phật cho đến bốn lần sinh được thành Phật không nói vì sao từ tám lần sinh trải qua được đến bốn lần sinh!

Hỏi: Xin chỉ bày tướng kia như thế nào?

Đáp: một tăng kỳ kiếp tu hành mới được phần nhập, nay nhờ nghe kinh nên hoặc có thể giảm bớt một tăng kỳ kiếp, nghĩa ấy bất định có thể dùng ý biết.

Hỏi: Căn cứ nghĩa sinh thông suốt đâu được từ tám lần sinh cho đến bốn lần sinh ư?

Đáp: Như căn bản người tám lần sinh sẽ được Bồ-đề nay nhờ nghe kinh siêu vượt bốn lần sinh liền được thành Phật, như nghĩa Đức Thích-ca siêu vượt Di-lặc, theo lệ có thể biết.

Hỏi: Di-lặc một lần sinh được thành Phật, đã là vị Thập địa thì tám lần sinh được thành Phật lại là địa vị của người nào ư?

Đáp: Cũng là Thập địa, nhưng Thập địa ấy cách Phật còn xa, trong số kiếp đó còn dài có thể có đến tám lần sinh. Như Nhiếp Đại Thừa luận nói chỉ nhờ nghe kinh cho nên siêu vượt kiếp số mau đến quả Phật.

Sau thấy luận Pháp Hoa nói: tám lần sinh một lần sinh đắc Bồ-đề đây là nói Sơ địa, vì Bồ-đề ấy là tám lần sinh đắc nhập Sơ địa cho đến một lần sinh đắc nhập Sơ địa. Sơ địa là phần đoạn nên nói Bồ-đề mà chẳng phải Phật Bồ-đề.

Luận về nghĩa đắc đạo nhiều ít. Hỏi: Từ vườn Nai trở về trước. Song Thọ về sau chưa có đắc đạo, như hội Pháp Hoa vì sao như vậy ư! Xin giải thích rõ?

Đáp: Lược căn cứ hai nghĩa nói:

1) Kinh này nói nghĩa ba phen dẫn: một đời giáo hóa từ đầu đến cuối chỉ có ba phen dẫn đến nơi Pháp Hoa ba phen dẫn rất ráo:

a) Vườn Nai về sau trước Pháp Hoa, dẫn chín mười sáu thứ ngoại

đạo và tất cả chúng sinh, đều nhập năm thừa giáo gọi là dẫn tà qui chánh.

b) Dẫn năm thừa khác nhau đồng qui Nhất thừa tức là đoạn đầu của Pháp Hoa.

c) Dẫn nhân Nhất thừa nhập quả Như Lai pháp thân gọi là đoạn thứ hai. Ba phen dẫn đây thu nhiếp tất cả giáo, do nghĩa này cho nên dự liệu có nhiều người ứng ngộ đều nhờ kinh này mà đắc đạo.

Hỏi: Ba phen đây dẫn những người nào ư? Đều là hạng người do nhân đời trước đã từng tu tập hiểu kinh lãnh giáo chỉ là đức Thích-ca thấy chúng sinh kia đạo duyên thích ứng thuận thực nên xuất thế, cho nên lần đầu dẫn tà qui chánh cho đến sau cùng dẫn nhân đắc quả cho nên có tám lần sinh cho đến chứng đắc quả Phật.

Hỏi: ba lần dẫn vì một người hay vì ba người ư?

Đáp: Đủ cả hai nghĩa: a) Nói một người: Đời trước tu tập hiểu kinh lãnh giáo, chỉ vì thất lạc cha rong ruổi trong vòng sinh tử, hoặc tại gia mà ái năm dục, hoặc rơi vào ngoại đạo mà khởi các kiến, vì muốn họ dứt bỏ ái kiến nên dẫn tà qui về năm thừa. b) Tuy ở trong sinh tử không khởi ái kiến mà đối với năm thừa lại khởi ái kiến, vì dứt bỏ ái kiến trong năm thừa cho nên nói nhân thừa. Đây liền được tin ngộ phát tâm Bồ-đề gọi là vị nhân. Tín tâm đã thành kế là nói quả đức, có vô phương đại dụng khiến cho họ trải qua địa vị tu nhân cầu quả đức đây, vì vậy cho nên thứ ba dẫn nhân qui tựu quả. Người này đối với ba phen dẫn phá ba thứ phiền não nên lúc mới phá phiền não trong sinh tử, thứ hai phá phiền não trong Niết-bàn. Lại lúc mới dẫn phá phiền não trong tà pháp, kế dẫn phá phiền não trong chánh pháp. Lại lúc mới phá phàm phu phiền não kế phá phiền não của Nhị thừa. Lại lúc mới dẫn phá hữu kiến kế phá không kiến. Các thứ như vậy đều là phá hai bên phiền não, rồi sau đắc Trung đạo chánh tín phát tâm Bồ-đề. Thứ ba dẫn nói rộng pháp thân Như Lai tịch nhiên vô phương diệu dụng phá phiền não vi tế ở Trung đạo kia. Nay từ tThập tín nhập Thập trụ, từ Thập trụ nhập Thập hạnh, từ Thập hạnh nhập Thập hồi hương, từ Thập hồi hương nhập Thập địa cho đến tám lần sinh một lần sinh được thành Phật đều là phá phiền não trung đạo trừ hoặc Nhất thừa. Đây đều là căn cứ người Ba thừa từ đầu đến cuối cho nên khai đây ba phen dẫn.

Kế là dẫn hàng Bồ-tát: Trước Pháp Hoa đã phát tâm cầu Phật nghe lần hai gom ba về một không còn Nhị thừa thì tâm cầu Phật vững chắc, vì vậy nên nói Bồ-tát nghe pháp ấy lười nghi đều đã trừ. Nghe dẫn lần thứ ba trải qua các vị bước lên đạo Vô thượng. Đây căn cứ từ



đầu thực hành Hạnh Bồ-tát có ba điều này. Kế là nói trước Pháp Hoa đã đắc ngộ vô sinh: Thọ ký thành Phật như trước nói: Có Phật tử tâm tịnh, v. v... cho đến ta thọ ký cho người ấy đời sau được thành Phật, nghe Pháp Hoa hai phen dẫn lại tinh tấn tu hành cho nên có được người nghe, giữ gìn, ưa nói cho đến tám lần sinh một lần sinh. Đây lược nêu ba người để chỉ bày đại khái không thể quanh co chỉ hết, do kinh này nói đầy đủ ba phen dẫn cho nên người đắc đạo nhiều.

2) Chư Phật hóa vật chỉ có hai môn: a) Hình. b) Giáo. Mỗi đều có hai: a) Phương Tiện. b) Chân thật. Trước chưa khai hai phương tiện hiển hai chân thật cho nên đắc đạo ít. Nay bỏ hai quyền, bày hai thật cho nên người đắc đạo đều ở Pháp Hoa.

Hỏi: Đắc đạo phải là thấy Không vì sao nghe nói tuổi thọ mà đắc đạo ư?

Đáp: Dùng đây trách chấp, vô thường Phật thì ngôn từ, lý lẽ đều chịu khuất, nói Phật vẫn là vô thường làm sao thấy vô thường mà đắc đạo ư? Lại vô thường còn chưa liễu nghĩa làm sao nghe chưa liễu nghĩa mà được giải liễu ư! Lại vô thường còn không thể khiến phàm phu kính mến Nhị thừa xả bỏ chấp được, đâu thể khiến Bồ-tát mau chứng Bồ-đề.

Lại nếu Đức Phật là vô thường, đã tin Nhất thừa thì lại thoái khỏi chấp Ba thừa vì sao còn tiến đắc Bồ-đề vì vậy cho nên lẽ ra không đắc đạo. Phần nhiều nay nói kinh này gọi là Diệu Pháp Liên Hoa; Diệu Pháp tức là Pháp thân, chưa biểu thường và vô thường, ngôn từ cùng tận bật dứt tư duy. Vả lại vì chúng sinh cho nên dài ngắn thích hợp cơ duyên, tuy thị hiện dài ngắn mà pháp thân bất động, tuy pháp thân bất động mà hóa vật có dài ngắn. Do đó kinh chép: Lành thay đức Thế Tôn! Bất động chân tế vì các pháp mà lập xứ, bản tích như thế không có chướng ngại, không thể nghĩ bàn. Chỉ quả địa có hai thân bản, tích, trong nhân gọi là hai tuệ quyền thật, Như Lai đã nói hai thân, Bồ-tát liền ngộ hai tuệ vì vậy thời hợp đều đắc đạo.

Hỏi: Làm sao đắc vô sinh cho đến phát tâm Bồ-đề ư?

Đáp: Văn đã nói, nay bày một thế đã nói thân vắng lặng cho nên người nghe không còn sinh tâm động niệm, nên gọi Vô sinh nhẫn.

Bản tuy thù tích mà thật không có thù, tuy không có thù mà không chỗ nào là không thù, hợp thời tức đồng, tuy nghe mà không có nghe gì, tuy không nghe gì mà không chỗ nào không nghe cho nên gọi Văn trì Đà-la-ni. Ngày trước thị hiện ngắn ngày nay thị hiện dài đều là thích ứng cơ duyên, nên gọi là nhạo nói, ngắn dài tự tại nên gọi là vô

ngại, vì muôn vật trình bày gọi là biện tài, hợp thời được ngộ đây gọi là nhạo nói vô ngại biện tài. Trước chỉ dài làm ngắn nay chỉ ngắn làm dài, tức dùng dài ngắn làm chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn làm dài ngắn tự do xoay vần tự tại vô ngại. Bồ-tát tùy phần đặc ngộ gọi là Triền Đà-la-ni, thân tự do tự tại như thế không thể phá hoại, Bồ-tát tùy phần đặc giải gọi là Bất thoái chuyển. Thân này vượt trên tất cả phàm phu Nhị thừa, Bồ-tát rốt ráo thanh tịnh, Bồ-tát tùy phần ngộ giải gọi là thanh tịnh luân, vì tâm như thế phát tâm cầu Phật gọi là tâm Bồ-đề.

Kế là nói nghĩa tùy hỷ. Hỏi: tùy hỷ có mấy thứ? Đáp: Tùy hỷ có hai thứ:

1) Tùy hỷ chung: nghĩa là hoặc thấy hoặc nghe hoặc giác hoặc biết người khác làm phước đều thuận theo mà vui mừng gọi là tùy hỷ chung.

2) Tùy hỷ riêng: lại căn cứ nghe Kinh Pháp Hoa tùy thuận mà vui mừng cho nên gọi là tùy hỷ riêng.

Nói về tùy hỷ của Đại thừa, Tiểu thừa. Hỏi: tùy hỷ của Đại thừa Tiểu thừa có gì khác?

Đáp: Tùy hỷ chính là pháp môn Bồ-tát, cho nên trong năm pháp sám hối của Bồ-tát có nghĩa tùy hỷ, nhưng Tiểu thừa tùy phần má có! Lại Tiểu thừa nói nghĩa tùy hỷ hạn cuộc chỉ tùy hỷ Phật ba đời và đệ tử thiện căn, không có tùy hỷ Phật mười phương ba đời. Đại thừa nói tùy hỷ Phật ba đời mười phương và đệ tử thiện căn cho nên rộng. Lại Tiểu thừa chỉ có tùy hỷ công đức của tích thân không biết pháp thân thường hằng cho nên không có tùy hỷ pháp thân công đức. Lại Tiểu thừa tùy hỷ công đức không hồi hướng Tát-bà-nhã, Đại thừa dùng tùy hỷ công đức hướng đến nhất thiết trí. Lại Tiểu thừa tùy hỷ là tâm hữu lậu, chẳng phải lý Trung đạo quán hạnh, Đại thừa tùy hỷ có cả hữu lậu vô lậu, lúc mới hành nhân tùy hỷ là hữu lậu, hành sâu tùy hỷ tức là Bất-nhã chánh quán, vô đắc vô y cho nên gọi vô lậu. Lại Tiểu thừa tùy hỷ sinh thân Bồ-tát công đức không có tùy hỷ pháp thân công đức, vì trong pháp Tiểu thừa không nói Bồ-tát đặc pháp thân cho nên nói về tự tha tùy hỷ.

Hỏi: Tùy hỷ là môn tự hành hay hóa tha?

Đáp: Chính là môn hóa tha, vì sao? Vì Bồ-tát vốn vì giáo hóa chúng sinh khiến làm phước đức mà chúng sinh làm được thì Bồ-tát vui mừng cho nên gọi là môn hóa tha. Hoặc tự mình muốn dứt trừ phiền não ganh ghét mà cầu phước đức cho nên gọi khởi tùy hỷ là tự hành môn.

Nói về nghĩa Tùy hỷ theo hai kinh. Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ có gì khác với Đại Phẩm nói tùy hỷ ư?

Đáp: Đại Phẩm chính là nói vô đắc tùy hỷ, tùy hỷ tức là Bát-nhã, cho nên Luận chủ nói: Phật muốn Tu Bồ-đề y cứ môn tùy hỷ nói Bát-nhã cho nên nói tùy hỷ.

Hỏi: Vì sao căn cứ tùy hỷ mà nói Bát-nhã ư?

Đáp: Do biết tâm năng tùy hỷ và phước sở tùy hỷ vô đắc vô y không năng không sở, phi nhị phi không hai tâm vui mừng như thế tức là Bát-nhã. Lại do tâm Bát-nhã tùy hỷ nên tùy hỷ tức Bát-nhã.

Hỏi: Trước cảnh phước đức làm sở, tâm Bồ-tát làm năng, có năng sở này có thể gọi là tùy hỷ, nay nói không năng không sở thì sao gọi là tùy hỷ ư?

Đáp: Luận chủ nói: Trong đây ứng dụng Bát-nhã và Ủ hoà, do Bát-nhã cho nên biết năng sở, do Ủ hoà nên không hề có năng sở mà năng sở rõ ràng, năng sở bất động vô năng sở, vô năng sở bất động năng sở mà không mất năng sở, vô năng sở như (bóng) trong gương, phi tượng phi bất tượng, muốn nói mỗi tượng kia mà tượng chẳng phải thật có, muốn nói phi tượng mà sự tượng đã là hình chẳng phải hai chẳng phải không hai cũng như vậy. Do Bát-nhã cho nên chẳng phải hai, sức phương tiện cho nên nói chẳng phải không hai, cho nên nói chẳng phải hai chẳng phải không hai.

Hỏi: Pháp Hoa nói tùy hỷ điều gì?

Đáp: Bát-nhã chỉ chấp vô sở đắc tùy hỷ, Pháp Hoa nói cả đắc tùy hỷ và vô đắc tùy hỷ, làm sao biết? Vì nói thẳng một nhân một quả năng tin thọ không trái, tức là tùy hỷ, không khai hai thứ đắc, vô đắc.

Hỏi: Đại Phẩm vì sao khai đắc, vô đắc mà Pháp Hoa không khai ư?

Đáp: Bát-nhã vì phá chấp trước hữu đắc cho nên nói vô đắc tùy hỷ, có sở đắc bất động bất xuất không thể đạt đến quả Phật cho nên chẳng phải Bát-nhã. Pháp Hoa hợp lấy, đây là trình bày đại ý Chư Phật ra đời nói tất cả giáo đều vì khai một chánh đạo cho nên khéo cúi đầu đưa tay đều nhập Nhất thừa. Lại người năm thừa cho rằng bốn thừa thiện căn không thể thành Phật, gốc lành Phật thừa mới có thể thành Phật, vì phá bệnh này cho nên nói tất cả thiện đều thành Phật.

Hỏi: Nếu tất cả pháp thiện thành Phật, thì tất cả thiện đều năng động xuất ư?

Đáp: Tất cả thiện cũng năng động xuất, vì sao? Vì do có sở đắc thiện giúp đỡ rồi sau mới sinh vô sở đắc thiện, có sở đắc thiện là duyên cao của vô sở đắc thiện dùng lời nói này cũng có động xuất.

Hỏi: Nếu vậy thì trái với Đại Phẩm?

Đáp: Bát-nhã nói bất động bất xuất chỉ lấy duyên gần, không lấy duyên xa. Làm sao biết? Vì động là thuận nhãn, xuất là vô sinh nhãn, có sở đắc chẳng phải là hai nhãn đây, cũng đắc là duyên xa trước của hai nhãn.

Hỏi: Hai kinh nương nhau thành phải không?

Đáp: Chính nương nhau mà thành. Đại Phẩm tuy nói vô sở đắc thiện nhưng phải nương hữu đắc làm duyên xa Pháp Hoa tuy nói đắc vô đắc đều nhập Nhất thừa mà nếu muốn vượt ngoài ba cõi đến quả Phật thì phải vô đắc. Lại Đại Phẩm tuy dùng vô sở đắc nhưng phải biết Ba thừa là quyền Nhất thừa là thật, cho nên tâm cầu Phật mới được vững chắc, Pháp Hoa tuy biết Nhất thừa là thật Ba thừa là quyền nhưng phải phá tâm hữu sở đắc, học quán vô sở đắc mới có thể động xuất để thành Phật đạo.

Hỏi: Phước sở tùy hỷ, tâm năng tùy hỷ đồng khác thế nào?

Đáp: gồm có bốn câu:

1) Sở tùy hỷ phước kém năng tùy hỷ tâm mạnh, như Nhị thừa có người sở đắc làm phước, Bồ-tát không có tâm sở đắc tùy hỷ.

2) Phước sở tùy hỷ mạnh, tâm năng tùy hỷ kém như Chư Phật Bồ-tát làm phước có được người tùy hỷ.

3) Cả hai đều mạnh đồng là vô đắc.

4) Cả hai đều kém: Đồng là hữu đắc. Nếu tùy hỷ Pháp Hoa thì Pháp Hoa chỉ mạnh chứ không kém, năng tùy hỷ thông cả hơn kém, tùy địa vị người tu hành sâu cạn mà tùy hỷ.

Nói về đồng khác. Hỏi: Tùy hỷ và hỷ trong bốn đẳng, hỷ trong bảy giác, năm thọ hỷ, bốn thiền hỷ có gì khác nhau?

Đáp: Hỷ trong bốn đẳng nghĩa là ái người trước thoát khổ được vui còn môn tùy hỷ tùy chung tất cả Thánh phạm tạo tác công đức mà tùy hỷ, nghĩa này khác nhau. Chỉ bốn đẳng chủ yếu là định tâm, nay có cả định tán, lại hỷ trong bốn đẳng chỉ căn cứ thoát quả khổ được an vui, nay tùy hỷ chung nhân quả. Hỷ trong bảy giác là vô lậu, môn Tùy hỷ có cả lậu và vô lậu, Hỷ trong thiền trượng là định tâm, chỉ là hỷ thọ, nay thông. Hỷ trong năm thọ là quả báo nay là nhân môn kia là tự vui lòng nay là vui cho người khác, kia là vô ký nay là pháp thiện.

Hỏi: Trước người tự làm phước nay tùy hỷ có lợi ích gì?

Đáp: Thích luận chép: Như người bán hương có người mua hương, lại có người đứng gần bên cũng được ngửi mùi hương, tùy hỷ cũng như vậy, thân khẩu bất động cũng được phước.

Nói về hoặc chướng. Hỏi: Tùy hỷ phá những hoặc nào?

Đáp: Nói thẳng thì tùy hỷ chính phá ganh ghét, như Pháp Hoa nói tùy hỷ cũng phá ganh ghét lại phá người không tin nghĩa Nhất thừa, tuổi thọ, trong Bát-nhã tùy hỷ tức là Bát-nhã này là phá tâm có sở đắc.

Nghĩa sáu ngàn công đức. Có người nói tất cả pháp thiện không ngoài mười điều thiện. Ban đầu từ bất sát đến bất tà kiến, trì một giới bất sát dùng chín giới: bất đạo v.v... để trang nghiêm thì mỗi một điều thiện đều đầy đủ mười điều thiện; mười thiện liền thành một trăm thiện, một trăm thiện này có tự hành, hóa tha, khen ngợi, tùy hỷ cho nên thành bốn trăm, đem phối hợp bốn trăm này với năm thứ pháp sư, năm thứ pháp sư đều có bốn trăm hợp thành hai ngàn thiện, hai ngàn thiện đây đều có phẩm thượng trung hạ ba liền thành sáu ngàn chỉ ba căn dụng mạnh nên có một ngàn hai trăm, ba căn dụng yếu nên có tám trăm.

Lời bình rằng: Đây giải thích ý đầy đủ năm thứ Pháp sư mới đầy đủ sáu ngàn, mỗi Pháp sư không có sáu ngàn, mà kinh nói: Nếu đọc tụng cho đến viết chép không hẳn phải đầy đủ năm sư mới có sáu ngàn năng tụng năng giải như nói tu hành cũng được sáu ngàn, chỉ nghĩa này hỏi nạn rõ ràng chưa thể chuyên giải thích! Chú giải kinh nói: Ban đầu đối mười thiện, một thiện đầy đủ mười thiện tức thành một trăm thiện, lại căn cứ tự hành hóa tha khen người khen pháp tức thành bốn trăm, mỗi mỗi có ba phẩm thành một ngàn hai trăm. Ba căn: Nhãn v.v.... trợ đạo dụng yếu, chỉ được hai phẩm trung hạ cho nên chỉ có tám trăm. ba căn ý đối thông hóa dụng mạnh, đủ cả ba phẩm nên được một ngàn hai trăm.

Lời bình rằng ý của Chú gia không hẳn đầy đủ năm pháp sư thì tránh khỏi sự ngăn ngại trước. Có người nói theo như một trăm phước trang nghiêm, một trăm phước: Căn cứ trong mười thiện có hành mười, chỉ mười, hợp thành hai mươi, mỗi mỗi có năm phẩm như Đại Kinh nói hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng, cho nên thành một trăm thiện gọi là trăm phước, nay cũng vậy. mười thiện là mười, căn cứ tự hành, hóa tha, tán người, khen pháp cho nên thành bốn mươi, căn cứ năm pháp sư cho nên thành hai trăm, hành thiện hai trăm chỉ thiện cũng hai trăm cho nên thành bốn trăm, chỉ hành mỗi mỗi có năm phẩm cho nên thành hai ngàn. Căn cứ ba nghiệp nói, một nghiệp hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. đã có sáu căn nên một căn đều có một ngàn liền thành sáu ngàn, chỉ dụng có mạnh yếu cho nên có một ngàn hai trăm và tám trăm. Có người nói: Như trên trong phẩm Pháp sư nêu có ba việc. Tâm từ bi là nhà, nhu hòa nhẫn nhục là y, các pháp Không là tòa, ba việc nay mỗi có hai ngàn cho nên thành sáu ngàn. như dùng tâm từ bi hành

thập thiện, một thiện lại dùng mười thiện trang nghiêm cho nên thành một trăm thiện tự hành, hóa tha, v.v... bốn thứ cho nên thành bốn trăm, căn cứ năm thứ Pháp sư liền thành hai ngàn, tâm từ bi đã vậy nhân nhục với Không cũng như vậy, cho nên thành sáu ngàn. Có người nói: Y Kinh Nhân Vương nói Thập tín Bồ-tát, mỗi một tín đủ mười nên thành một trăm, bốn thứ tự hành hóa tha v.v... nên có bốn trăm, căn cứ năm pháp sư thành hai ngàn, căn cứ trên ba việc từ bi, v.v... thành sáu ngàn.

Hỏi: Tại sao không là công đức sáu căn ư?

Đáp: Như trước nói: ba căn dụng mạnh, ba căn dụng yếu, cho nên nhiều ít khác nhau. ba căn dụng mạnh: Ý căn là gốc của năm pháp sư cho nên mạnh, thiết căn cũng đủ năm pháp sư, do thiết căn cho nên năng đọc năng tụng năng nói, lại do thiết căn của người khác nên năng trao truyền khiến được thọ trì viết chép cho nên đầy đủ năm pháp sư.

Hỏi: Nhân nhĩ vì sao có mạnh yếu ư?

Đáp: người mù không thể hai việc viết đọc mà có thể tụng nói thọ trì cho đến đắc đạo, người điếc không thể chỉ bảo đều không có năm thứ pháp sư cho nên nhĩ mạnh nhân yếu.

Hỏi: Ba căn như thân, v.v... có công đức gì mà được tám trăm?

Đáp: Xen lẫn giữ gìn cho nên các căn còn lại đắc dụng tức là công đức.

Hỏi: Ở địa vị nào hành Bồ-tát đắc sáu ngàn công đức ư?

Đáp: Dưới nói chưa đắc thân vô lậu pháp tánh mà có dụng công đức này nên biết người ấy là Bát địa trở xuống. Có người nói: Bồ-tát Thập tín có dụng này, luận Pháp Hoa nói đó là người Địa tiền.

Hỏi: Vì sao gọi là sáu căn thanh tịnh ư?

Đáp: Như văn nói, có thắng dụng này cho nên gọi là tịnh. Lại kinh này nói hai trí quyền thật, hai thân chân ứng đều là pháp vô ngại, Bồ-tát ngộ pháp vô ngại cho nên nay đắc vô ngại gọi là sáu căn thanh tịnh.

Hỏi: Tại sao quyền, thật, chân, ứng vô ngại ư?

Đáp: Như trước nói: Dài là dụng của ngắn, ngắn là dụng của dài, dài ngắn là dụng của chẳng dài ngắn, chẳng dài ngắn là dụng của dài ngắn, đây là thân rốt ráo tự tại vô ngại của Như Lai, tức có đại dụng rốt ráo tự tại vô phương. Người mới tu hành đắc phần ngộ này cho nên sáu căn tự tại.

Hỏi: Các bộ đều nói: Hương đến mũi mới biết, vì sao kinh này nói xa nghe mùi hương ư?

Đáp: Có người nói: Đạo lý thì đến căn mới biết nay nhờ lực kinh nên xa nghe mùi.

Hỏi: Nếu đạo lý sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe nay nhờ lực kinh thì nên nghe sắc thấy tiếng ư! Nếu sắc không thể nghe tiếng không thể thấy thì người đến không thể xa nghe, người xa không thể đến biết ư?

Đáp: Sắc trong sáng chắc chắn có thể thấy, sắc trong tối chắc chắn không thể thấy, vì sao mắt người ban ngày thì thấy, ban đêm thì không thấy. Con quạ ở trong hang ban đêm thấy mà ngày không thấy. Nếu nói mắt có ánh sáng cho nên ban đêm thấy thì ngày vì sao không thấy ư! Lại như nước yếu không nâng nổi sợi lông mà nâng lên khối sắt, Kim cương phá các vật khác mà thủy ngân làm hoại, thì lấy gì để xác định mạnh yếu ư! Cho nên biết các pháp không có tánh nhất định tùy ý mà chuyển, đến và không đến cũng như vậy.

Lại nay y cứ sự giải thích. Bồ-tát phần đặc hai trí, do thật trí cho nên biết sáu căn sáu trần không vô sở hữu, như trong Hoa Nghiêm nói nhãn nhập Tam-muội xuất Chánh thọ quán nhãn vô sinh, không có tự tánh, nói không vắng lặng vô sở đắc; do quyền trí cho nên có dụng 6 căn, căn cứ quyền trí năng biết nghĩa hương, cho nên nói mũi xa nghe hương tỷ căn chẳng thể xa nghe, các căn khác cũng vậy.

Nói về Bồ-tát Quán Âm và Diệu âm đồng hay khác. Hỏi: Quán Âm, và Diệu âm mở rộng ý kinh có gì khác nhau ư?

Đáp: Có đồng có khác. Đồng: Do đều dùng thần thông ứng cảm mở rộng đạo lợi người, lại đồng nói môn hạnh của vị Bồ-tát, vì Bồ-tát thành Phật sự. Lại đồng căn cứ môn người nói pháp Hoa, đều là đại sĩ phương khác, đến giúp Đức Thích-ca cùng lợi ích chúng sinh mở rộng đạo. Có người nói là khác: Nói lược mười một nghĩa:

1) Danh hiệu khác nhau, Diệu Âm chỉ có tên người, Quán Âm người pháp đều nêu. Diệu Âm từ năng thọ danh, Quán Âm năng sở hợp gọi. Quán là trí năng quán, Thế Âm là cảnh sở quán. Lại Diệu Âm lấy đức lợi ích chúng sinh, Quán Âm dùng danh thành Phật sự, phẩm Diệu Âm không giải thích danh từ Diệu Âm, phẩm Quán Âm nói về danh hiệu Quán Âm.

2) Người đối đãi khác nhau: Nói Diệu Âm đối Hoa Đức Văn Thù, nói Quán Âm đối Vô tận ý, Trì địa.

3) Đến nghĩa có khác: Diệu Âm từ phương Đông đến, Quán Âm từ phương Tây đến. Diệu Âm bị gọi mới đến, Quán Âm không gọi mà đến, Diệu Âm có đến có đi, Quán Âm không nói có đến có đi, Diệu Âm thì nhóm họp sau, Quán Âm thì đến trước. 4) Nói nín khác nhau: Diệu Âm thì nói năng, nghĩa là bậc Thánh nói pháp, Quán Âm thì im lặng nghĩa



là bậc Thánh im lặng.

5) Động tĩnh khác nhau: Diệu Âm hiện thần thông nghĩa là bất động động Phương Tiện, Quán Âm không hiện thần thông động bất động thiện xảo.

6) Nhân quả khác nhau: Phẩm Diệu Âm nói nhân đời trước nói quả sở hiện tại Quán Âm chỉ nói đức hiện tại không nói nhân đời trước.

7) Rộng lược khác nhau: Diệu âm hiện thân nói pháp thì rộng cho nên có thân của sáu đường, Quán Âm thì lược cho nên không có thân địa ngục, ngạ quỷ.

8) Có, không khác nhau: Nói Diệu Âm không cách lượng, nói Quán Âm thì có cách lượng, nói Diệu Âm không cúng dường, nói Quán Âm có cúng dường.

9) Lợi ích khác nhau: Nói Diệu Âm thì lợi ích nhiều, cho nên phương khác cõi này đều lợi ích, nói Quán Âm chỉ lợi ích cõi này, nói Diệu Âm lợi ích thì sâu cho nên có đặc Pháp Hoa Tam-muội và vô sinh nhẫn, nói Quán Âm thì lợi ích cạn chỉ nói phát tâm Bồ-đề.

10) Diệu Âm không nói nối pháp Thế Tôn, Quán Âm nói về Bồ xứ.

11) Không nói Diệu Âm đã thành Chánh Giác, Quán Âm thì là Như Lai xa xưa.

Nói về nghĩa Quán Âm Phổ Môn. Căn cứ nghĩa Quán Âm lược có hai mươi điều:

- 1) Nhơn pháp một cặp.
- 2) Bản tích một cặp.
- 3) Tam luận một cặp.
- 4) Danh đức một cặp.
- 5) Nội ngoại một cặp.
- 6) Trí tuệ công đức một cặp.
- 7) Trí đoạn một cặp.
- 8) Mật hiển một cặp.
- 9) Từ bi một cặp.
- 10) Nhị thân một cặp.
- 11) Quyền thật một cặp.
- 12) Tam nghiệp một cặp.
- 13) Nói ba đức.
- 14) Nêu cạn sâu.
- 15) Nêu nhị (2) đức.
- 16) Thần thông, thị hiện.

- 17) Lực vô úy.
- 18) Tứ đẳng tứ nhiếp.
- 19) Giải hạnh.
- 20) Bi tuệ một cặp.

1. Nói người pháp Quán Âm là người mở rộng đạo làm lợi ích, Phổ môn nghĩa là pháp mở rộng đạo lợi ích vật, chẳng phải pháp thì không do đâu mà thành tựu người, chẳng phải người thì không do đâu y theo pháp, người và pháp thật ra không có trước sau, chỉ vì đạo không vận chuyển một mình đơn lẻ, do người mở rộng cho nên trước nói người sau biện minh pháp, lại các phẩm dưới đây do Bồ-tát thành Phật sự cho nên trước nói về người.

Hỏi: Phẩm này vì sao người pháp đều nêu?

Đáp: Vì ở dưới Ngài Vô tận ý có hai nghi hỏi: Trước hỏi người, kế hỏi pháp, vì vậy nên trước đề người sau đề pháp. Căn cứ người pháp này nhân duyên không ngại, chỉ người vì pháp, chỉ pháp vì người, nói người pháp này vì khai chánh đạo, không người không pháp tức là Diệu Pháp Liên Hoa.

2. Nói bản tích: Quán Âm tức là pháp thân, do ở địa vị pháp thân quán căn duyên muôn vật, Phổ môn là ứng thân là duyên cho pháp thân địa chiếu, cho nên thị hiện cứu giúp như Hoa Nghiêm nói: chim cánh vàng đầu đàn bay lên hư không dùng mắt thanh tịnh quan sát rộng biển lớn mạng sắp hết, liền dùng hai cánh quạt nước rẽ làm hai bên mà tóm lấy. Bồ-tát dùng pháp thân trí nhãn quan sát pháp giới hư không thấy chúng sinh đáng được độ nên dùng hai cánh tuệ thật, Phương Tiện tát nước sinh tử mà độ thoát. Như nói chẳng phải bản, không lấy gì thù tích, không phải tích không lấy gì hiển bản, bản tích tuy khác nhau mà bất tư nghi nhất, nhân bản tích này vì khai không bản không tích chánh Pháp Liên Hoa.

3. Kế là nói ba luân. Quán Âm gọi là tha tâm luân, quan sát tâm chúng sinh trong pháp giới có đáng độ hay không, v.v... Phổ môn tức thần thông luân, nói pháp luân; quan sát đã xong hay thuyết pháp, hoặc là hiện thần thông, hiện thần thông sinh công đức, nói pháp sinh trí tuệ, hiện thần thông diệt khổ quả kia, nói pháp sinh nhân an vui kia, hiện thần thông phát tín tâm kia, nói pháp sinh tuệ giải kia cũng được dùng xen lẫn. Lại hiện thần thông nhiều vì độ căn, nói pháp nhiều vì lợi căn, hiện thần thông nhiều vì chúng sinh tại gia, nói pháp nhiều vì chúng sinh xuất gia như trước nói.

4. Danh đức một cặp. Quán Âm có ba tên gọi: Phổ môn nghĩa đức

của Ba mật. Ba danh là: a) Quán Âm thanh thế gian sinh khẩu nghiệp thiện cho chúng sinh. b) Quán ý thế gian sinh ý nghiệp thiện cho chúng sinh. c) Quán thân thế gian sinh thân nghiệp thiện cho chúng sinh.

Ba mật đức của Phổ môn là: a) Biết tâm người cùng khắp. b) Nói pháp khắp. c) Thần thông khắp. Ba tên nghĩa là sinh ba nghiệp thiện cho chúng sinh, thì nghĩa sinh thiện cùng khắp. Ba mật đức thì ứng vật mà khéo cùng tận, hai câu hỏi đáp dưới chính nói ba danh ba đức, nhiếp Chư Phật Bồ-tát mười phương danh đức đều tận do đó thọ trì công đức được nhiều. Lại Quán Âm gọi là tâm đại bi, Phổ môn nói sự đại bi. Bi thì trước không bờ bến, sau không cùng tận, cũng không trung gian. Sở dĩ trước không bờ bến: Từ vô thủy đến nay có chúng sinh thì có tâm bi của Bồ-tát, cho nên bi này cùng bờ bến trước bình đẳng. Sau thì vô biên: Nếu chúng sinh hết thì tâm bi bèn dứt, do chúng sinh chưa hết nên tâm bi không dứt.

Hỏi: Sau bờ bến vô tận có thể như vậy, vô thủy đến nay thì có chúng sinh, lẽ ra cũng vô thủy đến nay có Quán Âm ư?

Đáp: Chúng sinh vô thủy đến nay bi, đây cũng vô thủy, cho nên vô thủy có bi. Tịnh Danh nói: Từ si có ái thì bệnh ta sinh, do đó tâm bi dứt bỏ si ái, kia đã vô thủy, tâm bi cũng vô thủy cho nên vô thủy cũng có bi. Phổ môn nghĩa là bi sự, tuy có tâm bi nếu không có bi sự thì đó là bi giả tướng, vì không thật lợi ích cho nên chẳng thật bi. Nay tâm bi đã thông, bi sự cũng biến khắp, dứt bỏ khổ ba đời mười phương thì bi sự khắp vậy.

Lại nêu danh giải thích danh một cặp. Quán thế âm là nêu danh Bồ-tát và tán tán dụng của danh Bồ-tát, nghĩa là chúng sinh khởi lên ba nghiệp thoát khỏi các nạn. Phổ môn: Là thoát khỏi các nạn, Bồ-tát sở dĩ cứu giúp nạn ấy là do có ba phổ.

Hỏi: Vì sao dùng ba phổ ư?

Đáp: Chúng sinh ba nghiệp hưởng cảm, Bồ-tát đối trong mỗi ng- hiệp tùy dùng ba luân, hoặc ứng, thông, hoặc nói pháp.

5. Nội ngoại một cặp: Quán thế âm gọi là nội đức của Bồ-tát ngầm ẩn mật chiếu, tức biết bệnh biết thuốc. Phổ môn là ngoại đức của Bồ-tát các thứ Phương Tiện đầy khắp mười phương cứu độ chúng sinh từng bệnh cho thuốc.

6. Trí tuệ công đức một cặp: Quán thế âm tức là trí tuệ nghĩa là biết tánh căn dục, Phổ môn tức là công đức cứu giúp chúng sinh.

7. Trí đoạn một cặp: Quán Âm tức trí tuệ của Bồ-tát gọi là trí đức, Phổ môn tức là đoạn đức. Đại Kinh nói: Tùy chỗ điều phục chúng sinh gọi là giải thoát, nay cũng vậy. Độ tất cả chúng sinh được giải thoát

chính là đoạn đức, không như người Nhị thừa tự không có phiền não gọi là giải thoát.

8. Hiển mật một cặp: Ban đầu hỏi đáp giải thích danh hiệu Quán Âm nói hiển cảm, mật ứng. Hiển cảm: là chúng sinh ba nghiệp khởi cảm; mật ứng: là Quán Âm không hiện thân, không nói pháp mà khiến được giải thoát. Phổ môn tức là mật cảm, hiển ứng. Hiển ứng quan sát tâm kia mà hiện thân nói pháp. Mật cảm: Không nói chúng sinh ba nghiệp khởi cảm. Chỉ có ứng dùng lời, nghĩa là căn duyên chân thật phát tức vì hiện thân nói pháp. Nhưng hiển mật cảm ứng đầy đủ chung bốn câu có thể dùng ý mà hiểu. Chương đầu nói mật ứng, chương sau nói hiển ứng, ứng chương tuy nhiều mà không ngoài hiển mật, nay Kinh nói cảm ứng cho nên trong bốn câu chỉ nói hai câu kỳ vọng, chẳng những phẩm này nói nghĩa kỳ vọng, mà nhiếp chung nghĩa cảm ứng của tất cả kinh.

9. Từ bi một cặp: Quán Âm tức đại bi nghĩa là dứt bỏ các khổ như bảy nạn, ba độc khiến họ được giải thoát, Phổ môn tức Đại từ, nói pháp hiện thân khiến cho kia đắc quả.

10. Hai thân một cặp: Quán Âm là thân Dược Thọ Vương gốc, rễ, cành, lá, hoa, quả đều trị bệnh được, Phổ môn nghĩa là Thân vương Như ý châu năng ban tất cả sự an vui. Nghĩa là hai thân xuất xứ trong văn luận Thập Địa giải thích nghĩa vô tâm năng dứt khổ của muôn vật, như Dược Thọ Vương, vô tâm mà ban vui như Như Ý Châu vương.

11. Hai trí một cặp: Quán Âm tức thật trí, Phổ môn tức từ thật trí khởi trí phương tiện làm lợi ích chúng sinh.

12. Nói ba nghiệp: Quán Âm là ý nghiệp Bồ-tát, Phổ môn là khẩu nghiệp thân nghiệp.

13. Nói ba đức: Quán Âm là đức Bát-nhã, do quán sát tức là trí tuệ, trí tuệ gọi là Bát-nhã, Phổ môn là hiện tất cả thân, tức là Pháp thân, vì điều phục tất cả chúng sinh khiến được giải thoát tức là đức Giải thoát.

14. Hai sự lợi ích một cặp: Quán Âm là ban sự an vui cho chúng sinh thế gian và dứt khổ cho thế gian, cho nên có bảy nạn và không có nạn nam nữ tức là thế gian đạt được lợi ích, Phổ môn hiện tất cả thân, nói tất cả pháp khiến kia được độ tức lợi ích xuất thế gian.

15. Giải thích hai Đức: Quán Âm tức là nói nghĩa môn của các Bồ-tát, Phổ môn là môn thật đức. Môn tự nghĩa: Thích luận nói các Bồ-tát tự có vô lượng nghĩa, nay giải thích chữ Quán Âm tự có nghĩa vô lượng công đức, cho nên là môn tự nghĩa, Phổ môn nói ba mật thật đức nên

gọi là môn thật đức.

16. Thần thông thị hiện: Quán Âm trong lục thông là tha tâm, tức mạng, thiên nhãn, thiên nhĩ. Phổ môn là Như ý thông, Lậu tận thông. Lậu tận thông tức là nói pháp danh hiệu, Quán Âm tuy nhiếp bốn thông mà văn chánh chỉ là thiên nhĩ thông. Thị hiện có thể đầy đủ hai câu:

a) Thần thông chẳng thị hiện, nghĩa là thiên nhãn, thiên nhĩ, tức mạng.

b) Vừa thị hiện vừa thần thông, gọi là tha tâm, như ý và lậu tận. Cho nên trong sáu thông ba là thị hiện, ba chẳng thị hiện. Do đó Đại Phẩm nói ba việc thị hiện, văn dưới tức nói Phổ môn thị hiện, nay Phổ môn tức là ba việc thị hiện, Quán Âm đã là thiên nhĩ cho nên không gọi là thị hiện tức là thị hiện không thị hiện một cặp.

17. Quán Âm là mười lực: mười lực là nội chiếu, Phổ môn là bốn vô úy, bốn vô úy dụng bên ngoài.

18. Quán Âm tức là bốn đẳng: Nghĩa là Từ tâm muốn ban vui Tâm bi muốn cứu khổ, hỷ tâm mừng thoát khổ được vui, Xả tâm tu bình đẳng. Phổ môn tức bốn nhiếp, nhiếp lấy chúng sinh, đáng dùng bố thí nhiếp thì liền dùng bố thí nhiếp, ngoài ra cũng như vậy.

19. Giải hạnh một cặp: Quán Âm nghĩa là trí tuệ, trí tuệ giải, Phổ môn cứu độ, cứu độ nghĩa là hạnh.

20. Bi tuệ một cặp: Hoa Nghiêm nói: Quán Âm nói Kinh Đại Bi Hạnh Quang Minh, bi là muốn cứu, hạnh quang minh là trí tuệ năng cứu. Ở thế gian cha mẹ thấy con chịu khổ muốn cứu, mà không có trí không thể cứu giúp, thầy thuốc thế gian có trí tuệ có thể cứu. Không có tâm bi cho nên không muốn cứu, Bồ-tát có bi cho nên muốn cứu có trí tuệ cho nên năng giúp. Lại Bồ-tát mới tu hành muốn cứu mà không có đạo lực cho nên không thể cứu được, người Nhị thừa có đạo lực có thể cứu mà không có bi cho nên không muốn giúp. Quán Âm bi, tuệ hợp hành, có bi cho nên muốn cứu, có trí tuệ cho nên năng giúp.

Kế là nói danh hiệu Quán Âm: Quán Âm có hai nghĩa:

a) Trí cảnh hợp nêu.

b) Cảm ứng đều nêu.

Quán là trí năng quán, Thế âm là cảnh sở quán, nên gọi là cảnh trí. Quán là quán sát đến ứng, Thế Âm là cơ chúng sinh cảm cho nên gọi là ứng cảm.

Hỏi: Cảnh trí là tên gọi có đủ mấy trí?

Đáp: Chín là thật trí Phương Tiện trí, biến âm thanh thế gian tức nghĩa không có mà có, không nghe mà nghe, tức hiểu rõ âm thế gian

không có mà có, thì biết có mà không có. Nếu biết không nghe mà nghe tức biết nghe mà không nghe. Do biết nghĩa không có mà có không nghe mà nghe gọi là thật phương tiện. Nếu biết có không có gọi là Phương Tiện, thật thì không có mà có lẽ nào là có! Có, không có lẽ nào là không có! Cho nên chẳng có cũng chẳng phải không có, chẳng thật chẳng Phương Tiện gọi là quán Trung đạo. Vì vậy, danh Quán Âm có đủ ba quán: Thế đế quán, chân đế quán, phi chân tục Trung đạo quán vậy.

Hỏi: Nay văn chỉ nói Quán thế âm chỗ nào nói có ba quán?

Đáp: Kinh Quán Âm Thọ ký, và Quán âm sở giải có ba Quán Âm. Lại luận nói: pháp co Nhân duyên sở sinh tức là Không, tức là Trung đạo, nói âm thanh thế gian tức nhân duyên, tức Không, tức Trung đạo cho nên đủ ba quán. Như nói Thế âm: Thế có ba thứ:

- 1) Chúng sinh thế gian.
- 2) Năm ấm thế gian.
- 3) Cõi nước thế gian.

Chúng sinh thế gian: Nghĩa là các pháp ngũ ấm, mười hai nhập, mười tám giới, sinh trong đó nên gọi là chúng sinh. Năm ấm thế gian: Nghĩa là pháp năng thành tựu chúng sinh tức là sắc và tâm. Cõi nước thế gian: tức là sắc pháp làm thế, nghĩa là phong tục cõi nước. Nay Bồ-tát chánh quán chúng sinh thế gian, chỉ năm ấm năng hành chúng sinh, cõi nước là chỗ chúng sinh nhờ gửi không được lìa nhau nên gọi chung là thế gian. Thế Âm: là ngôn ngữ chung của thế gian, âm là ngôn ngữ riêng của thế gian. Thi tựa của Tử Hạ Mao nói: Do tiếng thành văn gọi là âm.

Tìm Đại Tiểu thừa kinh luận nói âm và thanh không khác nhau. Phẩm Tạng Tâm Giới nói: Thanh có ba thứ:

- 1) Nhân thọ thanh của bốn đại, nghĩa là âm thanh vật hữu tình.
- 2) Nhân không thọ thanh tứ đại nghĩa là vật bên ngoài như các tiếng chuông, tiếng linh v.v...
- 3) Nhân đều thanh, như tiếng người thổi sáo, v.v... ở đây thì chỉ giải thích tiếng không nói âm cho nên biết âm và thanh không khác. Luận Thành Nói thật: Như người muốn nghe các tiếng chuông tiếng linh thì dùng tai nghe, phẩm này nói tức thời quán sát âm thanh kia. Phẩm Hóa thành nói: Tiếng Ca-lăng-tần-già, các thứ như vậy đều nói âm không khác thanh.

Phổ: Trên nói quán thanh kia chưa hẳn cùng khắp cho nên nay nói Phổ môn, phổ dùng nghĩa đều khắp, nhưng Phổ có hai thứ:

1) Tâm phổ.

2) Sự phổ, phàm phu Nhị thừa đều không có hai phổ, Bồ-tát mới tu hành tâm tuy hấp mà sự không khắp, Quán Âm tâm sự đều khắp, đại bi muốn cứu khắp các khổ của chúng sinh, đại từ muốn an vui khắp cho muôn vật gọi là tâm phổ. Ngoài hiện tất cả thân nói tất cả tiếng, nghĩa là sự phổ. Môn: Dùng hai phổ tâm sự làm pháp môn cho nên nói Môn. Lại khiến chúng sinh ngộ nhập năng thông chánh đạo, cho nên gọi là Môn.

Hỏi: Quán Thế Âm có mấy tên?

Đáp: Cổ Kinh nói: Quán Thế Âm, nay nói Quán Thế Âm, chưa liễu ngôn ngữ của từng địa phương cho nên ở đây nói là hiệu. Nếu muốn giải thích: Quang còn là trí tuệ, như Đại Kinh nói Quang minh tức là trí tuệ, trí tuệ tức là quán. Lại Bồ-tát ánh sáng trí tuệ chiếu khắp thế gian, cho nên nói quang. Kinh Hoa Nghiêm chép: Bồ-tát Quán Âm nói kinh Đại bi kinh quang minh. Đại bi tức là công đức, quang minh là trí tuệ, thì biết Quang Thế âm không mất ý này. La-thập chú giải Kinh Tịnh Danh nói có ba tên: Quán Thế Âm, Quán Thế ý, Quán Thế Thân. Nay ngài La-thập sở dĩ giải thích đây, vì thấy Phẩm Phổ môn giải thích đủ ba tên cho nên có ba hiệu.

Hỏi: Vì sao lập ba tên ư?

Đáp: Đây lập ba tên thì xem xét khắp hết các sự của chúng sinh, chúng sinh tuy có ba nghiệp, Bồ-tát quán đủ ba nghiệp kia cho nên đặt ba tên; Lại tùy chúng sinh ưa muốn khác nhau, lại chúng sinh hoặc miệng không thể nói, hoặc tâm không thể lẽ lạy, cho nên nói đủ ba tên; lại chúng sinh kỳ huý khác nhau cho nên có đủ ba tên.

Hỏi: Vì sao quán đủ ba nghiệp ư?

Đáp: Muốn khắp sinh ba nghiệp thiện, cho nên hoặc miệng xưng danh cho đến thân lễ bái, đều được Quán Âm chiếu soi sẽ được thoát khổ.

Hỏi: Ba nghiệp chúng sinh khởi cảm, ba nghiệp có mấy nghiệp ư?

Đáp: Khẩu nghiệp xưng danh đủ ba nghiệp, phát ra âm thanh là khẩu nghiệp, động lưỡi là thân nghiệp, trải qua ý thì ý nghiệp, thân lễ bái chỉ hai nghiệp thân ý, ý giữ nệm chỉ ý nghiệp.

Hỏi: Bồ-tát quán: Là chỉ ý nghiệp năng quán, hai nghiệp thân khẩu cũng năng quán ư?

Đáp: Bồ-tát ba nghiệp vô ngại đều năng quán.

Hỏi: Quán là trí tuệ, ý địa có thể năng quán? Thân miệng vì sao năng quán ư?



Đáp: A-tu-la đàn vô tâm còn năng ứng vật xuất âm thanh, báu trời vô tình tùy ý các trời mà sai đi, huống chi Bồ-tát miệng ánh sáng không thể quán vật ư!

Hỏi: Đã nói ba tên vì sao nay chẳng xưng Quán Thế Âm ư?

Đáp:

1) Đây vượt nêu một tên.  
2) Chúng sinh xưng danh đủ động ba nghiệp, nay muốn khắp sinh ba nghiệp thiện cho nên gọi riêng là Quán Âm.

3) Ta bà dùng âm thanh thành Phật sự.

4) Xưng danh được tự hành hóa tha, còn lại chỉ có tự hành.

5) Xưng danh thì dễ, nếu khi gặp nạn thân lễ ý niệm là khó.

6) Xưng danh thẳng còn thoát khổ huống gì ý niệm thân lễ bái ư! Như thuốc hay chỉ được nghe có thể trị bệnh, huống chi ý niệm thân xúc chạm ư!

7) Kinh Mở rộng Mãnh Hải Huệ nói đời quá khứ Quán Âm xuất thế gặp Đức Phật Không Vương, Quán Thế Âm bèn phát nguyện, nguyện đời vị lai tên Quán Thế Âm, hai tên còn lại không có nguyện, thì Quán Âm danh có hai: a) Hạnh. b) Nguyện. Hạnh: Quán gọi là cứu khổ. Nguyện: Là quá khứ phát nguyện.

Luận thoát nạn không thoát nạn. Hỏi: Xưng danh Bồ-tát vì sao có thoát khổ, không thoát khổ ư?

Đáp: Dốc lòng thì thoát, không dốc lòng nên không thoát.

Hỏi: Bồ-tát tự nên cứu đâu cần dốc lòng ư?

Đáp:

1) Nhờ dốc lòng thì mới diệt tội Bồ-tát mới ứng cho nên phải dốc lòng.

2) Tội nhẹ thì thoát khổ, tội nặng thì không thoát khổ.

3) Nhân huân tập có dày mỏng, mỏng thì thoát khổ, dày thì không thoát khổ.

4) Nghiệp có định bất định. Định: Thì không thoát, không định thì thoát.

Hỏi: Bất định có thể xưng danh, định nên không dùng xưng danh ư?

Đáp: Nay tuy vô tích mà gây nhân đời sau.

5) Có mật ích, hiển ích, thoát khổ gọi là hiển ích, chẳng thoát khổ gọi là mật ích.

6) Có lợi ích thì thoát khổ, không lợi ích thì không thoát khổ.

Hỏi: Xưng Quán Thế Âm có dùng thần lực giết hại chúng sinh hay

không?

Đáp: Như trước nói lấy lợi ích làm định, các thứ khác đều bất định. Nếu vậy hoặc khiến thoát lửa, hoặc khiến không thoát, hoặc cố thiêu chết, nay xưng danh mà không thoát khổ việc này khó biết.

Hai thứ nghĩa thứ lớp giải thích phẩm Diệu Trang Nghiêm, v.v....

Chư Phật Ba đời chỉ có một loại thứ lớp.

1) Căn duyên thứ lớp.

2) Tùy nghĩa thứ lớp.

Tùy nghĩa thứ lớp: Như trước nói Khổ đế, sau nói Tập đế v.v... Căn duyên thứ lớp là trước nói Tứ đế sau nói mười điều thiện chẳng phải thứ lớp Tứ đế là chỉ tùy căn duyên. Đức Phật nói pháp đầy đủ hai thứ thứ lớp này mà phần nhiều căn cứ căn duyên thứ lớp, các Bồ-tát làm luận cũng đầy đủ hai thứ thứ lớp, chỉ đệ tử muốn giải lời Phật phần nhiều y nghĩa môn thứ lớp, lựa chọn tụ hợp lời Phật thứ lớp giải thích.

Hỏi: Hai thứ lớp, loại nào là chánh?

Đáp: Dùng căn duyên thứ lớp làm chánh, vì sao? Vì Phật và đệ tử nói kinh soạn luận, chỉ khiến người ngộ giáo không nhất định.

Hỏi: Chẳng thể có nghĩa nhất định phải không?

Đáp: Như trước nói: Chỉ do ngộ nhập cho nên giáo không nhất định, như Đại Kinh nói: Hơn ba mươi việc tranh luận môn đều là Như Lai căn cứ căn duyên mà nói, do chúng sinh chẳng phải một cõi nước, một thứ căn tánh, một thiện tri thức vì vậy nên Như Lai không làm một nói, chỉ khiến chúng ngộ. Nếu vậy trước nói pháp thân tuổi thọ, sau nói các Bồ-tát, lại trước nói Đà-la-ni chú sau nói Bản Sự của vua Diệu Trang Nghiêm, căn duyên thứ lớp không hẳn nói về chú ở thứ nhất, vua Diệu Trang Nghiêm là thứ hai nên chẳng phải nghĩa thứ lớp. Ở đây giải thích chung hai mươi tám phẩm kinh và tám muôn bốn ngàn pháp tạng.

Hỏi: Thẳng nghe bản sự của vua Diệu Trang Nghiêm làm sao ngộ đạo ư?

Đáp: Đức Phật thấy căn duyên nói sẽ đắc đạo, bất luận sự lý, cho đến từ xưa đến nay ví như không thấy căn cơ tuy nói đạo mầu mà đối với duyên không có lợi ích.

Hỏi: Trên nói Diệu Âm qua lại được ngộ vô sinh, nay nghe việc xưa lại được mất thnah tịnh, nhưng hai thứ ngộ Đại tiểu phải thấy Không rồi mới đắc đạo, nay nói sự hữu làm sao thành Thánh ư?

Đáp: Tuy chất là nghi tiểu, thật ra chỉ hỏi về Đại, người luận Thành Thật nói: Kiến Không thì đắc đạo, người Số Luận nói thấy hữu

thành Thánh, tranh luận lẫn lộn lý do rất lâu. Nay nói bốn câu như Số luận, v.v... đều không đặc đạo, vì sao biết? Vì Thích luận giải thích trong Bát-nhã độ rằng: không đặc năng lực Bát-nhã Phương Tiện lực cho nên học A Tỳ-đàm rơi vào trong hữu kiến, học không môn đoạ và không kiến, học môn hữu không rơi vào kiến vừa không vừa hữu, học môn phi hữu phi vô rơi vào ngu si luận. Cho nên biết bốn câu đều không đặc đạo. Nếu đặc Bát-nhã Phương Tiện học bốn câu này không rơi vào bốn kiến. Nếu vậy thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều đặc đạo. Không thiện xảo học bốn câu, bốn câu đều không đặc đạo. Lại tức ở đây nói Bồ-tát qua lại mà đặc đạo, tức là thiện xảo phương tiện học hữu cho nên đặc đạo.

Hỏi: Làm sao thiện xảo?

Đáp: Bồ-tát đến thì đây là tướng không đến mà đến, tuy đến mà không đến, ngộ giải nghĩa đến này liền sinh hai tuệ do đó đặc đạo.

Hỏi: Thấy có đặc đạo là tác hữu giải cho nên đặc đạo hay tác không giải nên đặc đạo ư?

Đáp: Đã như trước nói: Tác hữu giải tức hữu kiến, tác không giải tức không kiến, bốn không như thế đều không đặc đạo, biết hữu là không, hữu tuy hữu mà không hữu, do đây được nhập đạo, hữu cuối cùng là phi đạo mới gọi là đạo môn, không, v.v. . . cũng như vậy.

Nghĩa chánh tượng: Nghĩa này giải thích chung trong các việc thọ ký pháp trụ lâu mau.

Hỏi: Pháp của Đức Phật Thích-ca trụ thế được bao nhiêu năm?

Đáp: Chánh pháp ngàn năm, Tượng pháp ngàn năm, mạt pháp muôn năm, xuất xứ từ bia ở tinh xá Kỳ Hoàn, trong luật Thiện Kiến, luận Tỳ-bà-sa cũng có nói điều này. Chỉ vì độ người nữ xuất gia làm cho chánh pháp bị giảm năm trăm năm. Có người nói: đều mất năm trăm năm, chánh pháp chỉ năm trăm, tượng pháp một ngàn năm, cho nên Kinh Ma-da chỉ nói một năm trăm năm. Văn Trung luận cũng nói vậy. Có người nói: Tổn hại chánh pháp năm trăm lưu nhập tượng pháp liền có một ngàn năm trăm. Có người nói: Tu tám pháp kính cho nên chánh pháp trở lại một ngàn năm.

Hỏi: Vì sao ba thời lại chỉ nói tượng pháp?

Đáp: Chỉ nói tượng, chánh là gồm nhiếp Mạt pháp vào Tượng. Nói mạt pháp là chia tượng làm hai: Gọi là Tượng và Mạt.

Hỏi: Vì sao biết tượng tức mạt ư?

Đáp: luận Thập Nhị Môn nói: Chúng sinh đời mạt pháp phước mỏng căn độn tức gọi Tượng là Mạt.

Hỏi: Vì sao gọi là tượng chánh ư?

Đáp: Có nhiều nghĩa.

1) Đức Phật tại thế là chánh, khi Phật diệt độ rồi là Tượng.

2) Chưa có bộ khác là chánh, có bộ khác là tượng, thì bị giảm năm trăm một trăm mười sáu năm sau mới gọi là Tượng pháp.

3) Đắc đạo nhiều là chánh, đắc đạo ít là tượng, cho nên đức Thích-ca trước năm trăm năm đắc đạo nhiều, người không đắc đạo ít, sau năm trăm năm người đắc đạo ít, người không đắc thì nhiều.

4) Pháp chánh pháp chưa phá chánh pháp chia làm tượng, chánh.

Phẩm Tà Chánh trong Đại Kinh nói: Sau khi Ta diệt độ trong bảy trăm năm ma Ba-tuần dần dần sẽ phá hoại chánh pháp của ta, thì sáu trăm năm chưa phá là chánh, một trăm năm còn lại phá là tượng.

5) Các pháp ác khởi, chưa khởi chia làm tượng chánh. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: một ngàn một trăm năm các pháp ác khởi gọi là tượng, nếu trong một ngàn năm pháp ác chưa khởi là chánh. Nhưng trong một ngàn năm tuy có ác pháp khởi nhưng vẫn chưa mạnh nên thuộc Chánh pháp, ác mạnh là Tượng.

6) Hai ngàn năm đều thuộc chánh pháp, muôn năm chuyển suy yếu dần là Tượng pháp.

7) Các Bồ-tát thấy pháp Như Lai không có diệt, thường thấy Chư Phật thì muôn hai ngàn cho đến tất cả thời đều là chánh pháp, người Nhị thừa thấy Phật pháp có hưng suy cho nên có tượng, chánh.

Hỏi: Vì sao chánh pháp của Đức Thích-ca chỉ được một ngàn năm ư?

Đáp: Quá khứ chánh pháp của đức Thích-ca một ngàn năm trụ thế, mà đức Thích-ca xưa vốn làm người thợ gốm, nhân phát nguyện, nguyện ta thành Phật làm đức Thích-ca khiến chánh pháp của ta cũng một ngàn năm trụ thế, do việc này nên chánh pháp chỉ một ngàn năm.

Hỏi: Sau khi Đức Phật diệt độ đến nay được bao nhiêu năm?

Đáp: Đến nay đã được một ngàn năm trăm chín mươi sáu năm một ngàn năm.

Hỏi: Kinh vì sao nói chánh pháp trụ thế một ngàn năm, lại vì sao ngoài một ngàn có Phật pháp ư?

Đáp: Đây không trái nhau, vì sao? Phật pháp có hai thứ:

1) Chánh đắc.

2) Chánh giáo.

Chánh đắc: Là người đắc đạo. Chánh giáo: Là chánh giáo pháp của Phật. Nói một ngàn năm Phật pháp diệt, đây là căn cứ chánh đắc mà nói, trong một ngàn năm có nhiều người đắc đạo, ngoài một ngàn

rất ít người đăc đạo cho nên gọi là Phật pháp diệt. Chánh giáo pháp: Cho đến muôn năm trụ thế.

Hỏi: Thời Phật pháp diệt có bao nhiêu nhân duyên ư?

Đáp: Có bảy nhân duyên như Kinh Tư Ích nói rộng.

Hỏi: Có ba đại kiếp, ba tiểu kiếp, trong Kinh Pháp Hoa Thân tử chánh pháp trụ thế ba mươi hai tiểu kiếp, tượng pháp cũng ba mươi hai tiểu kiếp, vì sao chỉ nói tiểu kiếp chẳng phải Đại kiếp ư?

Đáp: Đúng là tiểu kiếp, vì sao? Vì Đại kiếp thì không còn thế giới đâu có Phật pháp trụ thế ư! Mà nay nói ba mươi hai kiếp đây là tiểu kiếp.

Hỏi: ba đại kiếp thông cõi tịnh uế, ba tiểu kiếp chỉ có cõi uế, nếu vậy Thân Tư thành Phật đều là Tịnh độ vì sao có tiểu kiếp khởi ư?

Đáp: tiếng Phạm là Kiếp ba, Hán dịch là phân biệt thời tiết. Nay chỉ có thời tiết lâu mau, như số tiểu kiếp khởi tận nên gọi là Tiểu kiếp, thật ra không có tiểu kiếp khởi.

Hỏi: Tiểu kiếp thời gian thế nào?

Đáp: Bắt đầu từ tám muôn bốn ngàn năm dần dần giảm xuống còn mười năm gọi là một tiểu kiếp.

Hỏi: Một Đại kiếp chỉ có tám mươi tiểu kiếp ư? Phẩm Thường Bất khinh nói: chánh pháp của Đức Phật kia trụ thế trong số kiếp nhiều như cát bụi?

Đáp: Đại kiếp có dài ngắn khác nhau, Đại kiếp ngắn chỉ có tám mươi tiểu kiếp, đại kiếp dài thì không nhất định, như một kiếp ở cõi Ta bà so với cõi Cực Lạc ở phương Tây là một ngày một đêm, như vậy mới có trăm muôn a-tăng-kỳ phẩm, như Hoa Nghiêm nói rộng. Do đây suy tìm không có nghi.

Nói về Đức Phật nhập Niết-bàn, kinh này giải thích việc Chư Phật nhập Niết-bàn. Chư Phật có sáu việc cho nên nhập Niết-bàn.

1) Sở ứng thành tựu cõi chúng sinh đã xong, cho nên nhập Niết-bàn.

2) Khiến người Nhị thừa xả tiểu Niết-bàn trở về đại Niết-bàn, vì sao? Vì Như Lai xả thân này trở về pháp thân người Nhị thừa cũng nên xả thân này cầu pháp thân Phật.

3) Vì dứt trừ tâm khinh mạn cho chúng sinh hiểu biết nông cạn họ tin là thân Như Lai có sinh, già, bệnh, chết đồng với thân mình, đối thân Như Lai khởi tưởng khinh chê thấp kém, cho nên nay nói Phật có hai thân: a) Trở lại xả hóa thân nhập diệt, đây đồng với người. b) Pháp thân, là không sinh, già, bệnh, chết đây khác với chúng sinh.

---

4) Vì muốn chúng sinh sinh tâm khát ngưỡng, nếu thường thấy bất diệt sẽ sinh nhàm chán nên thị hiện xả diệt khiến sinh tâm khát ngưỡng.

5) Khiến chúng sinh siêng tăng tinh tấn ngộ thế gian chẳng thường, Chư Phật có ba thứ lực hơn tất cả mọi người:

a) Năng lực cha mẹ sinh thân hơn tất cả trời người.

b) Năng lực thần thông hơn tất cả mọi người.

c) Năng lực giải thoát hơn tất cả mọi người. Tuy có ba lực mà vẫn bị vô thường huỷ diệt cho nên biết năng lực vô thường kia rất lớn, do đây ngộ thế gian mà siêng năng tu đạo.

6) Vì đã siêng tu đạo khiến cho mau thành tựu, cho nên hiện diệt.

